# NHỚ HUẾ

## tuyển tập

ẤN PHẨM ĐẶC BIỆT
NGÀY NHỚ HUẾ 30-8-92 TẠI MIỀN NAM CALI

Année - N° 3 Juillet - Septbre 1919

# BULLETIN DES AMIS DU VIEUX HUÉ

**Tuyển Tập Nhớ Huế**

**Nhóm Chủ Trương:**
• Thái Bá • Hoàng Trọng Bách • Lê Bá Chư • Trần Dật • Võ Văn Đạt • Bùi Đồng • Hoàng Giao • Trần Tiến Khanh • Trang Kiên • Nguyễn Văn Hưng • Hà Thúc Như Hỷ • Dương Công Liêm • Hoàng Tuấn Lộc • Nguyễn Đình Mô • Thái Doãn Ngà • Trịnh Lâm Ngân • Hồ Văn Phú • Nguyễn Ngọc Thanh Nguyễn Khoa Thiều • Hoàng Thi Thao • Nguyễn Tấn Thọ • Hoàng Ngọc Trác • Trần Tuệ • Tôn Thất Tùng • Võ Văn Tùng • Nguyễn Văn Y

**Ban Biên Tập:**
• Nguyễn Văn Y • Nguyễn Ngọc Thanh • Nguyễn Văn Hưng • Tôn Thất Tùng • Hoàng Giao • Nguyễn Khoa Thiều • Hồ Văn Phú • Thái Bá • Trịnh Lâm Ngân • Thái Doãn Ngà

**Chủ Biên:**
• Võ Văn Tùng

**Hình bìa:**
• Thái Bá

**Trang trí:**
• Trịnh Lâm Ngân
• Nguyễn Văn Hưng

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:
**Tuyển Tập Nhớ Huế**
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754

Những bài vở đăng trong **Tuyển Tập Nhớ Huế** không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trích dịch xin nêu rõ xuất xứ.

# Thay Lời Giới Thiệu

*Năm nay tôi dự định sẽ lấy một bài đặc biệt như Thư gởi cho Huế của Mộng Hoàn hoặc Tùy Bút về Ngày Nhớ Huế để thay lời tựa cho Tuyển Tập Nhớ Huế 92. Nhưng gần đây một số anh em trong Ban Biên Tập nhất quyết bắt tôi phải viết Lời Giới Thiệu như năm ngoái đã làm. Tôi vừa mới từ Paris về, ở đó tôi đã gặp Học giả Tiến sĩ Thái Văn Kiểm hai lần, lần đầu cùng dự tiệc ở Espace Wagram và lần cuối ở nhà riêng một người bà con.*

*Anh đem đến một phong bì và từ từ đưa cho tôi từng báu vật một, trong đó có Copy hình bìa của Bulletin des Amis du Vieux Huế số 3 tháng Juillet-Septembre năm 1919.*

*Anh không nói nhưng qua ánh mắt tôi đoán biết ý nghĩa của tặng phẩm và chắc anh cũng nhìn thấy nỗi vui mừng hiện trên nét mặt tôi. Được các anh xem Tuyển Tập Nhớ Huế của chúng tôi như là hậu thân của Tập San Những Người Bạn của Huế Xưa, đã từng nổi danh một thời, của nhóm chủ trương R.P. Léopold Cadière và Hoàng đế Khải Định thì còn gì hãnh diện bằng.*

*Các bậc tiền bối đâu ngờ gần thế kỷ sau, một đám hậu sinh hiện đang lạc loài trên năm châu bốn biển lại tiếp nối việc làm của mình. Thật vậy, trong Tuyển Tập Nhớ Huế này, những người con thương yêu của Huế đang say sưa viết về Huế Xa Xưa khi đất nước chưa bị cưỡng chiếm, khác với Huế bây giờ chỉ là những hình ảnh khắc nghiệt, nghèo khổ.*

*Một người bạn họa sĩ mới từ Huế trở về sau khi xa Huế gần 30 năm. Hơn hai tuần lễ anh đã lặn lội đạp xe lên Nguyệt Biều, ngồi cả ngày nhìn về hướng Thiên Mụ để say sưa vẽ. Bao nhiêu năm tháng vẽ cảnh Huế anh chỉ họa theo ký ức, lần này anh quyết sáng tác tại chỗ để màu sắc được trung thực hơn, cảnh vật được sống động hơn. Thật vậy, những họa phẩm mới đem về vẫn là một cái gì quyến luyến, lôi cuốn, một khung trời Huế Đẹp và Thơ rộng mở trước mặt không khỏi làm cho người thưởng ngoạn bồi hồi, xao xuyến.*

*Nhìn nét vẽ sóng nước long lanh, con đường đất đỏ trước Chùa chạy dài về phía chợ Kim Long tràn ngập ánh nắng, tuyệt đẹp. Tôi còn nhớ rõ từ chỗ đó đi vô là làng An Ninh hạ thời thơ ấu của tôi với bao kỷ niệm êm đềm...*

*Tháng trước Ngọc Túy ở San Jose về chơi, làm móc nối cho tôi gặp Nhã Ca. Chị rất dễ thương, đã viết cho Tuyển Tập Nhớ Huế và kêu gọi chúng ta đóng góp thêm vào Giải Khăn Sô Cho Huế. Ngồi nói chuyện một hồi té ra hai anh em cùng chung quê họ Hà.*

*Trao đổi qua điện thoại với anh Huy Phương cũng thấy có dây, có rễ xa xa.*

*Thành ra cảnh Huế và người Huế cứ ràng buộc, quấn quýt lấy nhau mà mình không hay.*

*Độc giả sẽ tìm thấy trong Tuyển Tập này những thứ tình cảm vụn vặt mà sâu đậm, những kỷ niệm nhỏ nhoi nhưng quá thân thương về cái thuở vàng son "lưu luyến ấy, nghìn năm đã dễ mấy ai quên".*

Võ Văn Tùng

# NỘI DUNG


— Thay lời giới thiệu - *Võ Văn Tùng* . . . . . 1
— Thư cho Huế - *Phan Mộng Hoàn* . . . . . 3
— Thư về Huế cho Tôn Nữ Như Ngân - *Mộng Hoàn* . . . . . 9
— Thơ: Hương xưa - *Vân Hòa* . . . . . 12
— Một cô dâu quý của xứ Huế: Nữ sĩ Tương Phố - *Hương Giang Thái Văn Kiểm* . . . . . 13
— Đáy dĩa mùa qua nhịp hải hà - *Lê Văn Lân* . . . . . 23
— Đêm cuối năm Thân - *Nhã Ca* . . . . . 31
— Chị Thúy - *Bùi Bích Hà* . . . . . 37
— Vẫn là về bài "Đây, thôn Vỹ Dạ" của Hàn Mặc Tử - *Nguyễn Hữu Thứ* . . . . . 41
— Thơ: Nhớ cố đô - *Bùi Văn Sớm* . . . . . 48
— Thơ: Tiếng đàn tranh của em - *Phạm Văn Thoại* . . . . . 49
— Quê cũ - *Mai Kim Ngọc* . . . . . 50
— Ông Phạm Quỳnh và nền văn học Việt Nam - *Hương Thủy* . . . . . 60
— Cay ngọt miền núi Ngự sông Hương - *Ông Già Ngoại Ô* . . . . . 63
— Thơ: Về thăm cha - *Hồ Văn Phú* . . . . . 70
— Chuyện nàng công chúa có ân sâu với Huế - *Tôn Thất Tùng* . . . . . 71
— Thơ: Mất mẹ - *Nguyễn Ngọc Thùy Trang* . . . . . 80
— Huế: có gì để nhớ? Có gì để thương? - *Nguyễn Phúc Vĩnh Tung* . . . . . 81
— Thơ: Sóng động tình - *Phượng Hàm* . . . . . 84
— Nguyễn Thị Huế - *Nguyên Hà* . . . . . 85
— Hột sen nhớn lồng xứ Huế - *Hoàng Giao* . . . . . 92
— Thơ: Đồng vọng - *Tôn Thất Tuệ* . . . . . 94
— Trộm nhãn - *Nguyễn Văn Y* . . . . . 95
— Thấy người mà nghĩ đến ta - *Võ Tùng* . . . . . 98
— Cầu Trường Tiền - *Tôn Thất Ngọ* . . . . . 109
— Lời cảm tạ của Ban Biên Tập Tuyển Tập Nhớ Huế . . . . . 111
— Huế "chay", Huế "lai" vă Huế... chướng - *LPL.* . . . . . 112
— Huế,... những kỷ niệm rời - *Thế Hoàng* . . . . . 115
— Thơ: Tại ai - *Nhất Tuấn* . . . . . 122
— Kỷ niệm ngày xanh - *Bản Anh* . . . . . 123
— Thơ: Nhớ quê xưa - *Nguyễn Ngọc Kiều Trang* . . . . . 126
— Một thoáng ngày xưa - *Võ Đình Hữu* . . . . . 127
— Thơ: Bài nhớ - *Nguyễn Huy Phước* . . . . . 130
— Ngậm ngùi - *Nam Cát* . . . . . 131
— Bao giờ ta trở lại quê hương - *An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên* . . . . . 135
— Ngày nhớ Huế - *Huy Phương* . . . . . 138
— Quê tôi, làng Sình - *Nguyễn Tùng* . . . . . 140
— Thơ: Tiếng chuông Thiên Mụ - *Hồ Trọng Khôi* . . . . . 145
— Thơ: Về thăm cầu ngói Thanh Toàn - *Thanh Toàn* . . . . . 146
— Ben Hur và Messala - *Trần Vũ* . . . . . 147
— Nếu Huế được kể cho tôi nghe... - *Vĩnh Bội* . . . . . 157
— Một thoáng chạnh lòng - *Đồng Sĩ Khiêm* . . . . . 161
— Thơ: Đồng Khánh tặng Quốc Học - *Quỳnh Như* . . . . . 164
— Khóc bạn - *Hương Thủy Hoàng Trọng Thược* . . . . . 165
— Thơ: Nhớ Huế - *Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang* . . . . . 166
— Năm Thân, tưởng niệm Huế Mậu Thân... - *Nhã Ca* . . . . . 167
— Nhạc: Xuân này con không về - *Trịnh Lâm Ngân* . . . . . 170
— Nhạc: Bao giờ em quên - *Duy Khánh* . . . . . 172
— Con tàu xuyên Việt - *Dương Công Liêm* . . . . . 174
— Chuyện cũ bên giòng sông Hương - *Kiều Trang* . . . . . 177
— Thơ: Gởi người đi - *Đỗ Văn Mai* . . . . . 177
— Một nhiệm vụ cấp bách - *Hoàng Liên* . . . . . 179
— Thơ: Nhớ thương mùa nước quê nhà - *Nguyễn Văn Hưng* . . . . . 179
— Thư tín . . . . . 181

# Thư cho Huế

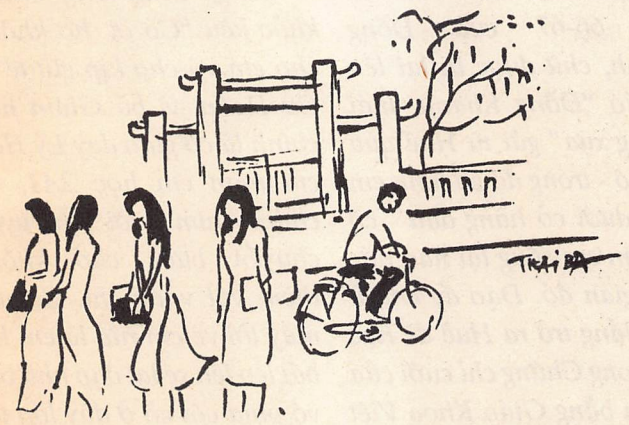

*San Jose tháng Năm - 1992*
*Sắp mùa Final*

*Cô Giáng Châu thương quý,*

*Em chợt quay quắt nhớ đến Huế của mình chỉ vì lá thư của cô. Chiều hôm trước từ trường về em đang vui hớn hở, lòng phơi phới như đất trời, mùa Xuân ở đây - mây như trong hơn vì nắng vàng chói lọi, cỏ biếc hơn vì thiên nhiên như gấm dệt lộng lẫy những bông đẹp với đủ màu tươi xinh. Hơn nữa những bài tập ở College của em đạt được bao nhiêu là điểm A. Thử hỏi tất cả những điều đó răng không khiến em yêu đời cho được. Xe băng đi trong dòng hối hả vì lúc đó xa lộ ngập tràn, giờ tan sở mà! Em ngồi tỉ mỉ đếm 5 dòng đường trôi đi không ngưng nghỉ, những chiếc xe bóng lộn, kiêu kỳ màu trắng lấp lánh nắng chiều, những xe Sport 2 cửa, trẻ trung, những Truck kềnh càng, em tò mò dòm kỹ chiếc Limousine dài ngoẵn bay vút qua, cửa kính đen ngòm không cho mình soi thấu "hiện trường" của một "nội thất" di động. Thiên hạ nhiều tiền quá mà đời thì vắn vỏi nên họ cố tìm cách hưởng thụ cho hết. Lúc mô chạy xe trên Freeway người em cũng căng thẳng như sợi dây đàn, vì em tưởng chừng những xe đàng trước dâng lên và em sẽ lao vào chúng - bởi vì thưa cô em không tự lái xe trên xa lộ, qua đây hơn một năm rưỡi em vẫn chưa đậu được cái bằng lái, cả nhà đổ vô cấm cản không cho em tự di chuyển, họ quá rành rẽ về em, tra cái đầu nhưng khi mô cũng hăng tiết vịt như thủa còn trẻ dại 30 năm về trước.*

*Viết tới đây em giựt mình vì... làm sinh viên trở lại khi vừa bước vào nửa thế kỷ tuổi đời trên vai. Em bàng hoàng đọc thư cô, xúc động vì những gợi nhớ của cô về quãng đời qua đi của em ở quê nhà. Em đã thưa với cô trong lá thư tìm lại thầy cũ rằng quá khứ chỉ là một giấc mộng kê vàng, mà trong chớp mắt vinh nhục đời người thoáng qua tan biến, có chăng chỉ còn lại một cánh bướm khẽ rung động trong ráng chiều hấp hối.*

*Ở trên trường West Valley gần đây các cô cậu sinh viên rủ nhau ra đó nằm ngồi phơi nắng ngó bắt vui mắt. Em hay lén nhìn hai mái tóc vàng chụm lại rồi đỏ mặt khi biết rằng họ đang âu yếm nhau - những nụ hôn tự nhiên như nắng, như gió, như mây trời, như cỏ thơm quanh đó. Tuổi trẻ ở đây hồn nhiên sống - ngó lại tụi trẻ chạy nhảy, múa lượn trong buổi ăn Lunch ngoài trời, mà sân khấu lộ thiên rậm rật tiếng nhạc, em bỗng xót xa nhớ tới bên nhà giờ này học sinh, sinh viên đang vất vả sống - vì bao giờ dân mình lại không hiếu học - nên dù đói cơm, thiếu áo, hoàn cảnh chật vật khó khăn vẫn không sờn lòng họ. Thư thầy Âu gửi cho em kể là ở Huế thầy sợ rằng ít lúc nữa số học sinh Cấp 3 sẽ*

*triệt tiêu lý do hiện tại con em nhân dân muốn vào Cấp 1, cha mẹ phải kiếm cho ra trên 200 ngàn bạc nộp cho nhà trường, trong lúc phải chạy ăn từng bữa toát mồ hôi máu vì gập đôi xương sống vẫn không đào mô ra chừng đó một lúc, số tiền quá lớn đối với họ. Huế vốn có truyền thống học, là quê hương nổi tiếng một nền văn học cao thế mà bây giờ dần lụn tàn vì một chế độ kỳ quái! Thôi em không thèm nhắc chi tới Huế thời hậu 75*

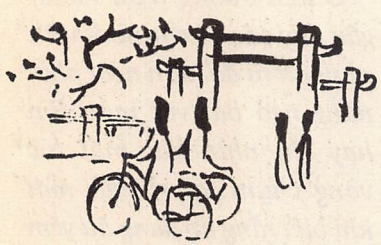

*nữa vì viết có hết 100 cây bút Bic vẫn không hết chuyện đau thương về Huế của em.*

*Ngoài cửa kính sau vườn em thấy trên lầu gỗ lũ bồ câu trắng đủng đỉnh dạo, lười mổ thóc, lười bay lượn. Bầy chim sẻ to gấp đôi chim sẻ bên nhà, mớ lông tơ trên đầu nhuộm đỏ như làm dáng, đang chí chóe cãi lộn và dành ăn. Bụi trúc lá xanh rung rinh vì làn gió bắc thổi về, sáng nay như trời trở lạnh, thời tiết se se khi Tết về của Huế làm em mơ màng nhớ quá sức cô ơi.*

*Vì cô nhắc đến tấm ảnh kỷ niệm của ban Giáo sư N.k. 66-67 của Đồng Khánh, chừ được in lại lên tờ báo "Đồng Khánh, mái trường xưa" gửi từ Huế qua cho cô - trong đó có hình em ngồi dưới cỏ hàng đầu - cô đã làm em sống lại nao nức thời gian đó. Dạo ấy em từ Đà Nẵng trở ra Huế để học cho xong Chứng chỉ cuối của mảnh bằng Giáo Khoa Việt Hán; em lấy chồng hai năm và theo chồng vào xứ Quảng nên không cách chi để học tiếp. Vì rứa em phải bồng hai con nhỏ về gởi bà ngoại chúng nuôi và từ đó em vừa làm sinh viên vừa làm cô giáo ở Đồng Khánh. Năm đó cô là Hiệu trưởng cao vời xa xách với em quá, bởi do em chứ mô phải tự cô muốn cô hí. Em tất bật làm con thoi dệt cửi: 8 đến 10 giờ sáng có giờ học ở Văn Khoa, Chứng chỉ Ngữ học VN, đến 10 giờ kém 15 phải có mặt ở trường Đồng Khánh để dạy Quốc văn Tứ B2 hoặc Tứ B3. Vì rứa em trở thành một tay đua xe đạp có hạng từ lúc mô. Có bữa đạp bở hơi tai, áo ướt đẫm mồ hôi rứa mà khi xuống xe vô cổng bị bác Cai già làm khó dễ không cho vô trường. Bác Cai còn lạ mặt em, bữa đó nhằm lúc em mặc áo màu xanh nữa nên bác trừng mắt, mặt lạnh lùng vì học trò đi học đã trễ lại còn không chịu đồng phục nữa! May quá gặp lúc bà Giám học có việc đi đâu ra cổng, em mừng muốn khóc kêu "Cô ơi, họ không cho em vô cho kịp giờ tề" - Cô Doãn, vì bà Giám học chính là cô giáo dạy Lý Hóa em năm em học 2A1, cô chúm chím cười vẫn uyển chuyển bước chớ không thèm vội vàng chi. Cô nói mấy lời về em rứa là em bết bát leo lên xe lại đạp như bay vô phía cột cờ ở dãy lớp tay mặt - từ xa em đã chộ một bầy áo trắng im lặng xếp hàng chờ em... Chết cha chưa! Cái kiểu bắt học sinh xếp hàng là để giáo sư lộ mặt bê bối trễ nải trong tác phong dạy học đã làm em vô cùng mắc cỡ hồi đó cô ơi. Em hất tay ra dấu, học sinh ngoan ngoãn vào lớp, và em chỉ kịp ném xe cái ầm bên hàng hiên lớp để nhảy mấy bước, thở như bò rống lên thẳng bảng xanh cầm cục phấn hào hển giảng bài mới!!! Làm cô giáo ở ngay ngôi trường mình từng mài đũng quần nhiều khi em không biết đó là một hạnh phúc nữa kìa. Phải đợi đến lúc đi xa, bỏ trường hẳn không quay trở về Huế nữa, em mới ngơ ngẩn nuối tiếc vì đã thực sự đánh mất một quãng đời dễ thương nhất của mình.*

*Em làm răng quên được năm bị đúp lớp Nhị A, gần như mỗi kỳ thi Tú tài bán*

*thuở đó lớp chỉ dính bảng vàng cỡ 5, 10 đứa và trọn 2 kỳ tính giỏi lắm chưa đầy 1/3 lớp chuyển qua Quốc Học! Đó là trường công học sinh đã được sàng lọc mà còn rứa cô hí! Năm 2A1 của em, Lý Hóa không do cô Nguyễn Thị Như Huệ dạy nữa vì có giáo sư mới từ Trưng Vương đổi về. Tụi em hồi hộp chờ cô giáo mới, té ra sau thở phào vì cô giáo này cũng dân Huế thân thuộc. Cô Doãn người cao e đến 2 thước, tụi em khảo với nhau như rứa, chớ thiệt cô mảnh mai, đài các lắm, tóc luôn vấn lên đỉnh cứ như Đệ nhất phu nhân - ngó vẻ ngoài cô có vẻ "phong kiến" như rứa mà không phải rứa mô tề, trái lại cô Lý Hóa đã làm tụi em mê tơi vì sự gần gũi học sinh của cô. Tụi em hay kêu cô là chị Doãn - đó là cái mốt của Đồng Khánh những năm 60 - các cô giáo trẻ măng suýt soát hơn học sinh 5, 7 tuổi chơ mấy - nên tụi học trò Đồng Khánh ưa quen kêu họ bằng chị.*

*Ở Đồng Khánh thời điểm sôi nổi nhất là mùa thi Nhứt và Nhì Lục cá nguyệt. Nhà trường ban lệnh ác ôn trong suốt tháng sắp thi học sinh không được nghỉ học bất cứ giờ nào, muốn không bị trừ nửa điểm thi những giờ nghỉ phải có giấy bác sĩ chứng nhận vì luật lệ gay gắt đó nên tụi em phải tranh thủ giờ ôn bài bằng cách ở lại trường buổi trưa hoặc về trễ để từng đôi một sẽ dò bài cho nhau. Còn nhớ năm ngồi 2A, em ở trong nhóm ngũ quỷ: H., Sơn, Thôi, Bút, Tiết. Có lần vào mùa thi*

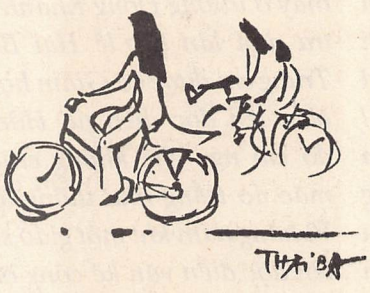

*Lục cá nguyệt cả bầy ham chơi phía ngoài vườn hoa Khải Định bên bờ sông Hương đến trễ mất giờ vào học. Rứa là tụi em phải trổ tài thần thông: cùng với lũ xe đạp lỉnh kỉnh học trò Đồng Khánh dịu dàng, khép nép của cô đã leo tường vượt bức thành cao 3m êm ái lọt vô trường an toàn!*

*Riêng em thì vẫn có biệt tài lang thang buổi trưa trong sân trường mà không phải giam mình nơi lớp học chật chội, nóng nực ồn ào. Đó là một bí mật em vẫn độc quyền giữ lấy không chia chác cho tụi bạn. Em thường thủ sẵn một lô giấy nháp trong người để lỡ đụng đầu một bà Giám thị nghiêm khắc, luôn luôn là kỷ luật thép, để xoay sở biện bạch tại sao đã không ở yên trong lớp. Bà Giám thị khẽ hất đầu ra ý hỏi lý do, em lễ phép đứng lại tay lôi tập giấy vừa vo viên vừa tái xanh mặt mày ngụ ý: Thưa cô em đau bụng! Rứa là thoát nạn! Tất nhiên em phải khôn ngoan để lang thang một cách có ý tứ, tránh chạm trán hoài những vị Cảnh sát nghiêm minh này - vì vô lẽ trưa mô con bé ấy cũng lâm nạn Tào Tháo rượt?*

*Nếu ở lại buổi trưa, tụi em đã có quán cơm của bà Cai Đệ phía dưới Préau lo. Trống tan trường chưa dứt hồi, căn phòng nhỏ đã nứt ra vì tụi học trò ồn ào chí chóe cười nói giỡn cợt nhau. Mô có hiểu văn minh xếp hàng chờ tới phiên, tụi em cứ xô đẩy mạnh được yếu thua để tới trước mặt vợ bác Cai chìa tô không ra cho bác gái múc đầy canh bún. Cay xè đỏ thắm những ớt màu mỡ màng bồng bềnh trên mặt. Nước bún có rải rác ít lát thịt bò gân nhai trẹo quai hàm, nhưng với lũ học trò hồi đó răng mà ngon rứa không biết nữa. Em mua thêm 1 đồng cơm, bát cơm trắng dẻo thơm bốc hơi chan nước bún đầy ớt cay xé họng rứa là đủ sức nuôi tuổi con gái mới lớn yêu đời vui học. Đứa mô cũng eo hẹp tài chánh nên chỉ dám ăn bữa "Lunch" như vậy, phải để dành mỗi đứa 1, 2 đồng vì giờ chiều xế xế học 2 giờ đầu xong là bao tử bắt đầu réo gọi rất khó chịu. Cả tụi lại không hẹn mà gặp nhau ở nhà bác Cai - mỗi đứa chia*

*nhau ít cái bánh bọc-lọc bắt kiểu quai vạc nhân tôm thịt, nhai một miếng nước thịt ướp đậm đà ứa ra đầy mồm ôi sao mà hạnh phúc; phải nhớ cẩn thận chấm nước mắm ớt đỏ xanh hấp dẫn khẩu vị mới thấm thía cô ơi - ăn xong mấy cái bánh môi đứa mô cũng đỏ như ca sĩ hóa trang lên sân khấu! Nhiều lúc giờ ra chơi trễ ăn vội vàng không kịp tráng miệng chén chè nhỏ thơm đậu ván nước, hay đậu ván đặc hoặc ly chè bọc lọc bọc nhân dừa, đậu phụng là chi vô lớp cả một vùng bốc mùi nước mắm hôi rình, cô giáo trên cao chỉ chúm chím cười thông cảm không bắt tội. Bởi vì trong thời quá khứ 75% các cô đã xuất thân từ hội con gái ăn quà vặt như ranh kiểu tụi em, phải không cô thương quý?*

*Cô ơi, cô nghe em nhắc nhở tuổi hồng của thời xõa tóc mà nhớ và thương đám học trò cũ không cô? Bởi vì nhiều kinh nghiệm về tuổi đi học nên khi trở thành cô giáo em rất rành 6 câu về đàn em mình. Em không suồng sã dễ dãi với học trò mô nà, em chỉ chia sớt cho học trò em những điều gì nên và không nên làm - miễn sao điều đó không phá hoại tư cách, đạo đức thực sự của con người. Dạo đó, em tiếc ghê cô ơi, vì ham học ở Văn Khoa để lấy xong cái Chứng chỉ cuối mà em bị phân tán con người mình làm hai mảnh - không đủ thời gian để sinh hoạt tận tình với các em học sinh của mình - không cả những kỷ niệm nho nhỏ về quãng đời làm thầy ở trường Đồng Khánh - trừ một lần dịp lễ Hai Bà Trưng em được cô Giám học biểu lên đọc diễn từ. Hôm đó em ngu ghê không chịu mặc áo trắng như thông lệ. Vì hằng năm khi một giáo sư lên đọc diễn văn kể công ơn Hai Bà, ngày đó thường mặc áo trắng đơn sơ để thầy trò đều nhỏ bé trong trắng như nhau trước anh linh các vị nữ liệt. Em cảm động và run như thằn lằn khi được vinh dự đại diện cho toàn giới nữ ở Huế năm đó.*

*Phòng Giám học xếp cho em dạy Quốc Văn ở 3 lớp: 2 Đệ Tứ và 1 Đệ Lục. Em rất biết ơn nhà trường đã thu xếp giờ giấc cho em được tiện việc học hành ở Đại học. Dạo đó các cô giáo Đồng Khánh tưng bừng trở lại làm sinh viên để học thêm mãi vì Huế hầu như đã mở đủ lớp cho các bộ môn học.*

*Tinh thần hiếu học và trẻ trung của đời sống sinh viên đã làm em muốn hòa đồng nhịp sống ấy với lũ học trò của em. Em khuyến khích các em học sinh phát triển năng khiếu trong khả năng em đang hướng dẫn. Trường mình năm đó sinh hoạt xôm trò lắm. Tết có tổ chức đóng trại trong trường và thôi đủ các bộ môn văn hóa, văn nghệ nô nức. Thầy trò em thức đêm làm báo lớp, học sinh viết bài, sáng tác thơ văn vui ghê. Em ra công sửa từng câu văn, nắn nót những vần thơ lại để khi in lên tờ báo phải chiếm giải. Anh Hà Thúc Hoan là Giáo sư Trưởng ban Báo chí đã khen thưởng cho cả hai lớp Đệ Tứ mà em phụ trách môn Văn - 2 tờ "Cỏ thơm" và "Bước đầu" của 2 lớp đều in bằng máy quay Ronéo. Thầy trò em dắt nhau đi chơi dịp nghỉ Tết. Tụi nhỏ thích chí vì có được cô giáo trẻ là em chìu chuộng hết mình. Bây giờ nhớ lại em còn bâng khuâng nuối tiếc những kỷ niệm yêu dấu của thời mới ra đời, em đã được Trời thương cho em về tập sự nghề "go dau tre" của mình nơi chính ngôi trường em từng làm học trò.*

*Cô còn nhớ không nhiều thế hệ Hiệu trưởng ở trường mình đã thay đổi; các bà chủ trẻ của trường vẫn là các cô giáo bước lên. Hồi em học là chế độ của cô Tiết, đầu năm Đệ nhị A, cô bỏ không dạy Vạn Vật lớp em vì cô bước lên ngôi Nữ hoàng. Cô Hiệu trưởng nhỏ nhắn, mảnh mai lướt đi với mái đầu hất cao, tà áo khẽ lay theo dáng người có vẻ cứng rắn như đức tính nghiêm nghị của cô. Tụi học trò nép mình đứng im mỗi là*

*thoáng bóng cô từ xa - nhưng thời của chị Tịnh Nhơn thì khác hẳn - Công chúa Nhật Bản của bao nhiêu trái tim nữ sinh Đồng Khánh; dù là Hiệu trưởng vẫn hiền dịu nhu mì như lúc dạy Quốc Văn, em không được học với chị Tịnh Nhơn vì mãi đầu năm Đệ tam em mới vô Đồng Khánh nhưng em đã như tụi bạn em, đứa mô cũng thương chị vô cùng. Em là tay Phóng viên nhiếp ảnh của khối Đệ tam - Đệ nhị nên dịp mô sinh hoạt trường em cũng xách máy Roleiflex tòn ten chạy đua với thầy Minh để săn hình - nên chi các giáo sư trong trường ai mà không nhớ mặt em - những lần Đồng Khánh tổ chức cắm trại toàn trường ở Đồi thông Thiên An, ở bãi biển Cửa Thuận... ở mô em cũng tha hồ bắt tội các cô giáo mình - em làm Đạo diễn mà - cô Tịnh Nhơn, cô Túy Đại, cô Mộng Hà, cô Tuyết Mai, cô Tảo, cô Tần... cô mô té ra cũng nghịch phá ồn ào cãi nhau chí chóe không thua chi tụi học trò em cô ơi. Nhắc lại mà muốn khóc, vì vào năm 82 em đã cùng bạn Bùi Ấu Lăng cũng như hàng trăm nữ sinh Đồng Khánh đã để tang cô Tịnh Nhơn. Định mệnh rất vô lý khi ép uổng bắt cô giáo mà tụi em thương quý nhất chịu đựng một đoạn đời cuối vô cùng đớn đau... Hôm tiễn cô về với lòng đất gần như học trò Đồng Khánh sinh sống ở Sài Gòn đều hội về khóc đưa... cả một trời áo trắng!*

*Thói thường của học sinh thời mô cũng coi trọng môn chính: Trước tiên Toán, Lý Hóa đến Quốc Văn, Sinh Ngữ cuối cùng mới ngó tới Sử, Địa, Công Dân, Nữ công Dưỡng nhi v.v... Nhưng riêng em thì em lại mê học Công Dân - không phải em muốn ủ ấp mộng Luật sư tranh cãi với đời hay để sau này làm một tay mồm loa mép dải! Mà lý do vì em... thương thầm cô giáo phụ trách. Không ai biết điều đó mô bởi vì em đã giữ kín tận đáy tim mình. Cái tụi bạn em thương ai là lộ rõ nơi mặt liền - nhiều khi còn cường điệu để cho đối tượng soi thấu! Giờ Công Dân mô em cũng hiền lành ngồi im nghe giảng bài - trên bục cao ngời ngời thần tượng của em, mái tóc uốn cong kiểu Jacky ôm kín khuôn mặt xương xương kiêu hãnh, ánh mắt long lanh của cô giáo vẫn đẹp lạ kỳ, em thương cả những vết sẹo nhỏ viền trên bờ mi của cô và ngơ ngẩn lén nhìn dáng cô bước đi; một chút gì trẻ trung nhí nhảnh nơi gót dày cao gót tung tăng ấy! Và vì có cảm tình đặc sệt môn Công Dân em đã thân luôn con bạn Tôn Nữ Mai Hương học bên Tam Bê - bởi hắn là em ruột cô Công Dân yêu dấu của em đó mà! Em nghe nói cô giáo Công Dân hiện đang hoạt động cho Phượng Vỹ để trút nhớ thương trìu mến về Huế nghèo khổ - Thế là từ nhỏ em đã chọn đúng thần tượng cho mình! Học Đồng Khánh có đứa mô quên được những trò ma giáo xảy ra trong những giờ Gia chánh, Nữ công. Bà*

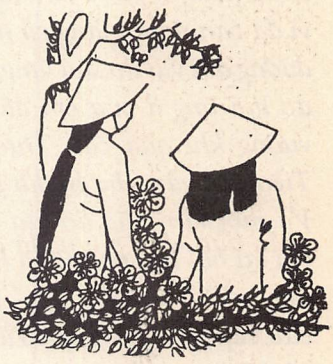

*Bửu Tiếp xinh đẹp, giọng cao vút như tiếng chim đường bệ ngồi tỉ mỉ chấm điểm, mỗi lần có chừng 15 mẫu thêu sẽ lần lượt hóa phép ảo diệu bay lên, lượn xuống cho 45 tay con gái qủy sứ - Đứa mô cũng biết thêu thùa chút nhưng thường là xấu, vụng về nên đứa mô cũng chỉ đem chấm điểm mẫu thêu tinh xảo của những tên bạn... sắp lấy chồng - Tụi hắn mà cầm đến kim chỉ là mê tơi luôn - Cho nên trong lớp chỉ có 2 loại điểm 18 và 19 mà thôi! Tiết lộ bí mật xấu xa đó cho vui thôi chớ thật ra nhờ những giờ Nữ công mà tụi em vẫn coi thường đó - về sau này khi ra đời, làm vợ làm mẹ, em đã có dịp trổ tài may vá - nhất là đoạn đời*

*"Giải Phóng" đổi đời từ 75 trở đi - những kiểu vá góc, mạng tròn, mạng vuông đều được tận dụng để tiếp tục che dấu những thiếu thốn nghèo nàn mà chế độ gọi là Xã hội Chủ nghĩa đã gây nên - Hồi rời trường Đồng Khánh lên làm sinh viên, có lần em đã tự phục lăn mình vì đã can đảm mạng cả một đường dài vạt áo sau lưng, tà áo lụa óng ả của em đã bị vướng khi qua cầu Trường Tiền đến gần như bị đứt lìa! Và mỗi lần mặc áo lụa ấy, em lại bồi hồi nhớ thủa học may vá với bà Bửu Tiếp - mẹ của cặp sinh đôi Liên Tâm-Mai Tâm.*

*Kể về Đồng Khánh thì nói hoài không hết những kỷ niệm buồn vui; em tạm lướt để nhớ tới năm Đệ nhất - bước ngoặt gắt gao của tuổi học trò - Đó là giai đoạn phải làm thiếu nữ nết na, dịu dàng - Bởi vì mô có còn tung hoành phá phách như ở Đồng Khánh nữa. Đậu Tú tài Bán là bước qua Quốc Học rồi, là thực sự chấm dứt tuổi hồn nhiên nghịch ngợm. Má em sắm cho em loạt áo xống mới từ trong ra ngoài - Bởi bây giờ là học chung với người khác phái, em phải tỏ ra duyên dáng chớ không lôi thôi, lếch thếch ẩu tả như trước kia. Từ lúc rụt rè đạp xe đạp thêm một đoạn ngắn để rẽ vào một cổng trường sừng sững đề 2 chữ đáng nể: Quốc Học, em ít còn bị những cái đuôi theo sau - Hôm em và Tường Nhi xếp hàng đầu dẫn 2 hàng lớp Đệ nhất A1 tiến ra cột cờ chính giữa sân để làm lễ chào cờ đầu năm - vì lớp em là Đệ nhất lại là chữ A nên chi đại diện cả trường - cũng là lúc em giới thiệu mình cho mọi người ở Nước con trai này - và từ đó một số người từng làm đuôi hát bài "Em tan trường về. Anh theo Ngọ về..." đã cụt hứng không còn mất công rò rò theo sau em. Hình như một hôm đi học trễ, chạy băng qua dãy hành lang khối Đệ tam em đã chộ một số người hâm mộ mình. A! Té ra tụi hắn là đàn em của mình! Cho đáng kiếp nhé!*

*Hai trường của em ngăn cách nhau chỉ bằng một con đường nhỏ chừng một gang tay nếu ngó từ lầu cao nơi lớp IA1 của em! Những giờ ra chơi tụi em kéo ra đứng nơi cửa sổ lớp để ngó về trường xưa, nơi đó là hình ảnh dễ thương của mình, đám con gái lao xao nói cười, từng cụm một xúm xít chuyện trò, những mái tóc đen mượt, những mắt sáng long lanh. Ôi Đồng Khánh dấu yêu, hồn ta mãi mãi quấn quýt bên mi! Những cành phượng lá xanh mướt đong đưa những bông hoa đỏ chói nắng hè, rực rỡ xao xuyến một mùa thi, đã từng chứng kiến bao mối tình thơ ngây của hai trường.*

*Thư em viết cho cô mà toàn kể lể những kỷ niệm thời đi học - nhưng em tin là cô sẽ vui khi đọc những dòng nhớ thương này. Ở đây mùa hè rực rỡ kéo về với cái nắng chói ngời. Sáng này em được ở nhà không tới College nữa nên thơ thẩn ra cửa đứng chơi - Dòm cây mận trước sân lá tím như mực viết học trò lấp lánh dưới làn nắng sớm - Màu lá tím của màu nhung nhớ, một chút gì đỏ sậm của loài hoa Phượng vĩ ẩn trong sắc tím ấy xui cho em bâng khuâng tưởng đến một mùa thi ở quê nhà - Nghe gió rì rào trên mấy tầng lá khe khẽ ru êm, nhìn nắng lộng lẫy rắc lên thiên nhiên tươi mát yên tĩnh, lòng em chợt lắng đọng mà một nỗi nhớ khôn nguôi về Huế, quê hương của tuổi học trò mãi mãi sẽ làm em ghi khắc. Hình ảnh Huế vào mùa thi thành phố đỏ thắm rực rỡ vì hoa Phượng: Dòng sông Hương mơ màng soi bóng sáu nhịp cầu Trường Tiền... giờ đây tất cả Huế dù cho có lùi xa như dĩ vãng vẫn đời đời in đậm nơi lòng kẻ tha hương này.*

*Thôi em dừng cô nghe, hẹn thư tới em sẽ kể nữa về chuyện Đồng Khánh của em.*

San Jose cuối mùa thi
Spring tháng 5, 92

• **Phan Mộng Hoàn**

# Thư về Huế cho Tôn Nữ Như Ngân

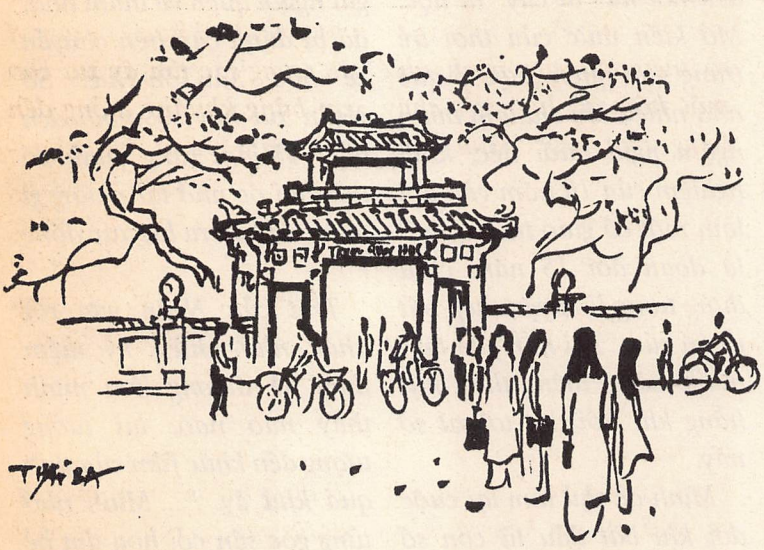

*Mùa thi ở Thung lũng hoa Vàng*

*Ngân ơi,*

*Rứa là coi như mình lỗ vốn rồi bởi vì trong thư gửi về Huế cho Ngân có lần mô mình quên ép vô đó biết mấy là nhớ thương đã chơ. Và gần nửa năm ni mình mô còn thong dong tháng ngày nữa để tỉ mỉ ngồi ghi chép những mẩu đời vụn vặt ở quê hương mới này; đong cho vun rót cho đầy những trìu mến chắt lọc từ những sáng lạnh lùng hối hả đến College, với những chiều mơ hồ trong sương mù lãng đãng quấn quýt theo bước chân âm thầm từ lớp bước ra. Thời gian từ dạo nớ đã kín bưng không cho mình tìm ra một khe hở để dòng thương nhớ tuôn tràn về chốn xa xôi dấu yêu...*

*Thư mùa hạ thứ nhất ở xứ Người mình đã kể cho Ngân chuyến du lịch về thủ đô người Việt tị nạn. Vì ai ở bên ni mà không cho rằng Nam Cali là nơi qui tụ của dân V.N tha hương. Me con mình thực sự đã xóa mờ phần nào nỗi hằn học gây ra từ tên chủ mới ác ôn sau 75, mấy mẹ con đã sống hồn nhiên trong xứ thần tiên thơ trẻ. Nơi Disneyland ấy, đất trời mở ra thế giới cổ tích êm đềm: những lâu đài cao ngất có nàng công chúa xinh tươi; những phép mầu biến ảo, những uốn lượn bồng bềnh, đêm thăm thẳm và trời vút cao từ rừng sâu nghe âm vang bập bùng tiếng trống, giọng khèn, chênh vênh trên lưng ngựa, chàng dũng sĩ da đỏ mắt u buồn ngóng trông về một vùng núi đá hùng vĩ mờ khuất. Mình nhớ đã kể không sót chút mô mấy ngày rong chơi thú vị ấy. Về buổi trưa đọng tiếng cười của bầy học trò Đồng Khánh. Tụi mình hơn mươi đứa đã gặp gỡ nơi "Rendez-vous Huế"; có đứa mô không say sưa dành nhau kể lể những nỗi đời da diết đã gặp phải từ lúc rời xa mái trường Đ.K. Những chuỗi cười dòn tan ấy đã khiến mình trở lui lại tuổi 16 thơ ngây...*

*Lại thêm một mùa đông giá lạnh, dù cơn gió Bắc từ phía San Francisco thổi về không còn làm mình khiếp sợ nữa. Mình đã mon men làm quen với hắn. Giữa tiết đông mà nắng trong veo rắc sáng lung linh trên đọt cây ở ngã tư đường. Mình thích dừng lại dưới tàng lá chanh vò cho nát mấy cái lá tươi để ngửi mãi không biết chán mùi thơm của quê nội ở Phường Đúc nơi đó vườn quê từng ngát hương cau, hương bưởi mà thời khắc tính toán ơi là lãng mạn "Hoa bưởi thơm rồi đêm đã khuya" - Mùa đông thứ nhất ấy đi học ở trường dạy Anh ngữ gần nhà mình vẫn thường tới lớp trễ chỉ vì cái tội ham để lòng trí lang thang mơ mộng. Thiên nhiên rực rỡ quá đã làm mình mê mẩn quên cả trời đất. Có lần mình đã mất hồn sững sờ vì bắt gặp một vòm lá mùa thu còn sót lại. Vòm lá vàng hực viền hào quang sáng chói. Những trái nhỏ xanh non gắn lên những cành nâu mờ nhạt ngó vui mắt và dễ thương như trong một tấm thiệp Noel nào. Lá vàng kết thành một bức rèm châu long lanh cắt lên nền trời mùa đông xanh lơ một đường viền tinh xảo. Ngân không biết được mô, lúc đó mình đã ước ao chết quách để được hóa thân làm sợi tơ trời mong manh khẽ bám lên bức rèm lá vàng mơ ấy; cho dù cơn gió lạnh từ núi xa kéo về cũng chỉ làm cho sợi tơ trời ấy lãng đãng quấn quýt hơn.*

*Đầu tháng 2 khi mùa xuân he hé mỉm cười với những nụ hồng phơn phớt sắc tím u uẩn, mình đã tập tễnh sống lại chuỗi đời sinh viên. Ở đâu loại người như mình ưa tủi ưa hờn, cứ tưởng đã bị bỏ rơi bởi quanh mình mọi người thân thuộc đều hối hả "đi cày" đi học. Mớ kiến thức của thời trẻ trung vun quén được ở quê nhà nhiều khi chỉ làm mình ngậm ngùi nuối tiếc, kinh nghiệm của 10 năm vào đời làm một cô giáo trẻ và nhất là đoạn đời 15 năm chịu đựng trong lò luyện thép bất nhân của "Tụi hắn" đã làm mình càng thêm thấy hụt hẫng khi trôi dạt tới xứ sở này.*

*Mình đã thử làm lại cuộc đời khi bắt đầu từ con số không. Mình đi học cho bõ ghét khi chưa thể làm chi ngoài công việc lủi thủi vô ra nơi xó bếp. Dù có nhiều lúc tự an ủi, ví von một cách yêu đời rằng mình là một thứ nhạc trưởng tài hoa đang múa cây đũa thần giữa một giàn nhạc giao hưởng là nồi niêu soong chảo bóng loáng mà thịt thà, rau cỏ trái cây ngập tràn trong tủ lạnh cũng chỉ làm tê cóng thêm nỗi buồn bị bỏ bê ở góc nhà mà thôi.*

*Và ở sân nhà ăn ngoài trời hôm ấy, lần đầu tiên tới trường mình đã nôn nao một cảm giác thơ trẻ khi tự nhiên được trở lại làm cô sinh viên với nửa thế kỷ tuổi đời. Mình nhớ rõ đã viết về Huế cho Ngân một thư dài đến vô tận. Trong đó mình tỉ tê kể bao nhiêu ý tưởng vui lạ đã dồn dập kéo tới... Rứa mà tức chưa Ngân đã không nhận được chỉ vì lá thư ấy do gửi người quen về thăm nhà, đã bị đánh cắp trên chuyến xe hỏa SàiGòn-Huế. Số Ngân xui hay số mình đen đủi? Vì làm răng mình có thể moi óc nhớ lại những gì mình đã viết ra lúc xúc động !*

*Thư của Ngân vừa rồi nhắc nhở nhiều kỷ niệm thiệt dễ thương làm mình thấy nao nao, lại tưởng tượng đến khúc film của thời quá khứ ấy. "... Mình nhớ từng góc sân cỏ, hoa tím bé xinh bị dẫm mỗi lần trống báo giờ chơi 15 phút. Tương Giang cứ xuýt xoa kêu van: Tụi bây tàn bạo quá! một bầy hoa nát bét dưới chân tụi bây tề, coi tau nì, tau đi tau tránh hắn... Và rứa là giờ chơi mô cả bầy Đồng Khánh cũng kéo đi vòng vòng trên các thảm cỏ trong trường. Thư Ngân có đoạn kể: "Hoàn có biết tin chi về Đồng Khánh tổ chức 75 năm thành lập trường (1917-1992) không? Hôm đó các chị Đồng Khánh xưa*

*từ Hà Nội-SàiGòn-Nha Trang... đều đổ về Huế! Ngân dù quá bận rộn việc nhà cũng cố góp phần trong "Gợi Giấc Mơ Xưa" với Hoàng-Lan, Nhụ-Hương, Sương, Đặng. Năm thế hệ mà lứa tụi mình thuộc thế hệ 54-60 ở Đồng Khánh, và coi như "Ta dứt" trong nhóm văn nghệ! Cả bầy còn hát "Tiếng Sáo Thiên Thai" với "Thương về xứ Huế" nữa đó Hoàn! có Hoàn chắc còn "quậy" hơn Hoàn hí! Đọc thư Ngân mà như thấy hiện ra cả trời Huế vào Hè vì... Phượng đã nhuộm đỏ vài nẻo đường trong Thành Nội. Ngân còn kêu lên: Sáng ni trời nắng như thiêu đốt dù chỉ mới là đầu tháng 5!*

*Mình rất cảm động vì sự lo âu của bên nhà trước tin tức bạo động ở Los, động đất ở San Francisco. Ngân triết lý: Bạo động và động đất... động dất và bạo động... Thiên nhiên và con người cứ thay phiên nhau tạo ra bất an cho nhân loại. Coi T.V mình thấy những đau thương đầy rẫy đó đây trên mặt địa cầu. Mong là V.N đã vào hồi hòa bình, yên ổn xóm làng, thị thành không chao đảo trong bom đạn. Nhưng có cái kiếm sống răng mà tàn ác rứa? Tụi ăn cắp tài danh là tụi FÈ, FÉT và FÉT thì sướng nhứt đời mới tức chớ, toàn những chuyện "Thời lai đồ điếu thành công dị" cà Hoàn ơi!*

*Có những lúc thời tiết ở đây trở chứng làm mình choáng ngộp một nỗi nhớ nhà. Như thử cái hồi Bắc Cali đổ mưa đó. Mưa chi mưa mãi mưa hoài. Suốt ngày không gian mịt mờ vì mưa bay và gió thổi. Đi học mình nhìn trước mặt thấy núi xám một màu buồn ảm đạm. Xe băng đi giữa dòng xa lộ nghe rào rào vì bọt nước dưới lòng đường bắn lên. Mình ngồi sững dòm thiên nhiên đổi mầu ngoài cửa kính xe. Đứa con trai lao xe đi vùn vụt cho kịp giờ học. West Valley mơ hồ hiện ra trong bụi mưa, đàng sau lưng là vạt núi ủ dột. Ven đườngg những cây thông ướt át đứng trơ vơ. Khi xe quành tới ngã 3 quen thuộc để rẽ lên College, mình vẫn thấy thảm cỏ lục biếc và hoa vàng thì rực rỡ hơn khi mô hết. West Valley xinh đẹp ở giữa một vùng đồi núi chập chùng. Cỏ non mơn mởn viền quanh những con đường nhựa đen loang loáng nước mưa. Mặt đường tuôn chảy dòng sông nhỏ của cơn mưa lạ lùng. Mình men theo lối đi nhỏ qua chiếc cầu xi măng có lối kiến trúc gập khúc cầu kỳ. Phía xa mình thấy dãy nhà gỗ màu nâu của khu vực các lớp khoa học. Mình thì rẽ xuống ngã tê nơi một cây cổ thụ nằm uốn eó gợi cảm. Thân cây sù sì mốc thếch, vươn dài cánh tay lực lưỡng vẽ thành một vòm cổng cao thâm u, thoáng chốc mình tưởng chừng lạc vào một quê hương hoang tưởng. Chợt một mảng màu xanh thẳm lóe lên vì cơn nắng trong veo đã tới tự trời cao. Mình nghe vang lên từ cuối hồn tiếng một con chim thả giọng ríu rít nối xôn xao oà vỡ khi cơn mưa dứt và thinh không rộn ràng lời nắng.*

*Thư Ngân dạo trước đầu tháng 12 nhắc: "Cái Văn Khoa Huế hồi 62-67 của tụi mình văn vẻ như rứa mà chừ là một dẫy cư xá tập thể... heo ỉa trên lầu cao ngất ngây" xuống thấu lề đường Lê Lợi. Mình lại xót xa thương cho Huế mỹ miều chừ bị lấm lem tội nghiệp. Ngó xứ người ta nì, để mình lại kể cho Ngân nghe. Mỗi lần đi học, cứ khi mô vào tới thành phố Saratoga chừng dăm phút là đã tới ranh giới West Valley. Hai bên đường hoa vàng như mơ, màu vàng ngã về xanh, hoa vàng cợt đùa trong nắng sớm, rạt rào uốn lượn theo ngàn cỏ lau mềm oặt xanh rờn. Nắng trong vắt, trời xanh và mây chùng chùng ánh bạc. Mình im lặng chìm đắm trong thiên nhiên đang bủa vây mình. Thung lũng đầy những hoa dại, những bông hoa tím nhỏ nhoi, dịu dàng nép mình bên lối đi, những cây khô trụi lá xương xẩu, cành gầy guộc nhú lên nền trời những nét chấm phá cong queo và khắc khổ. Đồi cao*

*cỏ non mượt nhung, những lối mòn nâu thẫm đổ dốc xuống khe sâu khô cạn vì Cali hạn hán từ 6 năm qua. Hàng thông biếc xanh cao ngất chen chân bên những cổ thụ kềnh càng già e đến một, hai trăm năm... Rừng nguyên thủy lạc loài nơi cuối thế kỷ 20 mà tuổi trẻ đến trường miệt mài trong gang tấc có thể ru hồn mộng vào cõi tĩnh mịch êm đềm. Khi lớp tan học, đêm Cali lạnh vô cùng, đám cỏ tím thẫm long lanh mấy hạt sương. Con đường nhỏ êm cong cong dẫn mình đi. Đêm có lúc e đến 2 độ C mình vừa đi vừa chạy cho bớt rét. Một mảnh trăng xanh mướt lạc loài giữa trời đen bao la. Mình không sao tìm thấy lung linh một ánh sao hôm vì hình như đêm giá lạnh đã xua tan tất cả và ngôi sao lẻ loi không dám nở trên cõi trời đêm âu sầu. Những ngọn đồi uốn lượn chập chờn trong mù sương đang dâng lên...*

*Chừ là cuối học kỳ Spring, ở đây mình viết thư cho Ngân tại thư viện trường. Chung quanh mình hằng trăm sinh viên đang cắm cúi ôn bài lần chót vì nội trong 1, 2 hôm nữa họ phải chấm dứt những giờ thi cuối mùa. Riêng mình đã hoàn tất những Unit tràn ứ bài vở, đã vượt qua êm thắm trong nỗi chộn rộn của thời đến lớp ngày xưa và thư viết về Huế cho Ngân vì nửa mới ngổn ngang những mớ tình cảm của lúc yêu đời trở lại khi được sống đời sinh viên. Bởi vì cuộc đời nếu có đầy đau thương biến đổi, mình vẫn thấy còn có một ý nghĩa để tồn tại khi biết tìm đến nét đẹp tinh khôi sẵn chứa trong môi trường phải từng lúc phát hiện ra cái Chân Thiện Mỹ. Ngân ơi, cho mình gửi lời thăm tất cả về Huế thương thân của mình.*

*Thân mến*

• **Mộng Hoàn**

*West Valley College*
*tháng 5-92*

# Hương Xưa

• **Vân Hòa**
Riêng tặng Diệu Trà

*Rơi nước mắt cho những ngày xa xứ*
*Gót chân nào in dấu ấn quê hương*
*Trong tay ta chừ đã có thiên đường*
*Nhưng cũng có nỗi đau buồn vong quốc*

*Hồi tưởng lại quãng ngày xưa đã mất*
*Những ngày vui cắp sách đến trường xưa*
*Đồng Khánh xôn xao, Quốc Học mong chờ*
*E ấp ngượng ngùng tình đầu mới chớm*

*Huế nuôi dưỡng cho bọn mình khôn lớn*
*Huế buồn đau cho những bước đi xa*
*Huế dịu dàng ru ngủ giấc Nam Kha*
*Tình của Huế khác chi tình của Mẹ*

*Dù một thoáng nhớ thương về rất nhẹ*
*Cũng chồn chân khi hướng đến tương lai*
*Biết ngày mô thâu ngắn quãng đường dài*
*Bắt gặp lại những ngày xưa giữa Huế.*

• **Vân Hòa**
El Monte, Hè 92

# Một cô dâu quí của xứ Huế: Nữ sĩ Tương Phố

• Hương Giang
Thái Văn Kiểm

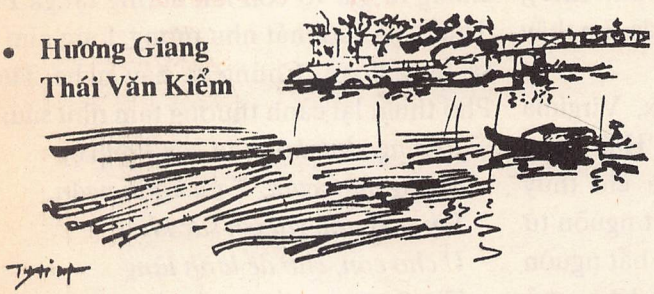

Bài này khá dài, gồm có thơ văn xen lẫn, do Nữ sĩ sáng tác từ năm 1923, để khóc chồng là Bác sĩ Thái Văn Du, mất từ mùa thu 1920, mãi tới mùa thu 1928 mới đăng trên Tạp chí Nam Phong số 131, tháng 7 năm 1928. Đến năm 1952 nhà Ngày Mai Hà Nội xuất bản, và được Nam Chi Tùng Thư (của Phùng Tất Đắc và Nguyễn Doãn Vượng) tái bản tại Sài Gòn năm 1967. Chính thi phẩm này đã đưa tên Nữ sĩ sáng chói trên thi đàn văn giới.

Nay, nhân ngày giỗ năm thứ 19 của Nữ sĩ, chúng ta hãy ôn lại những nét chính trong thân thế và sự nghiệp văn thơ của người, cầu xin anh linh của người quá cố hãy chứng giám lòng thành của lớp hậu sinh, và phò trì chúng ta bảo tồn và phát huy Văn hóa Dân tộc Lạc Việt nơi Hải ngoại.

Hằng năm, mỗi độ thu về, chúng ta kính cẩn hoài niệm Nữ sĩ Tương Phố, một bậc nữ lưu, một nhà thơ lớn của Việt Nam hiện đại. Phương danh của Nữ sĩ còn lưu lại sáng chói trong Văn Học Sử Việt Nam, trong nền Văn chương nhân loại, ngang hàng những thi bá như Tản Đà, Tagore, Đông Hồ, Verlaine, Vũ Hoàng Chương và Á Nam Trần Tuấn Khải thời Tiền chiến.

## • I- Buổi thiếu thời

Năm nay, thu về với nhiều biến cố đau thương trên quả địa cầu, khiến ta liên tưởng bài thơ "*Giọt lệ thu*" của Tương Phố mở đầu bằng những câu sau đây:

*Trời thu ảm đạm một mầu,*
*Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em,*
*Trăng thu bóng ngả bên thềm.*
*Tình thu ai để duyên em bẽ bàng.*

Nữ sĩ Tương Phố, tên là Đỗ Thị Đàm, sanh ngày 25 tháng 12 năm Đinh Dậu 1897, tại Đồn Đàm, tức là Nhà Nam (phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, Bắc Việt), con cụ Đỗ Duy Phiên và cụ bà Nguyễn Thị Yểm. Thân phụ lúc ấy làm việc tại Đồn Đàm, sinh ra bà là gái đầu lòng, bèn lấy địa danh nơi làm việc, đặt tên cho bà Đỗ Thị Đàm. Chữ Đàm này là *cái đầm*, chỗ nước sâu, không phải chữ Đàm là *nói chuyện*, như luận đàm, đàm thoại như nhiều nhà văn đã ghi nhầm.

Nguyên quán của thân phụ là làng Bối Khê (xã Cẩm Khê, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) về sau làm việc ở Thất Khê

(phủ Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn) sinh con gái thứ nhì nơi đây, bèn đặt tên là Song Khê (gồm cả Bối Khê lẫn Thất Khê). Nơi đây núi non hùng vĩ, suối nước trong xanh, cảnh trí mỹ miều như mô tả trong ca dao:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,*
*Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.*
*Ai lên xứ Lạng cùng anh,*
*Bõ công bác mẹ sinh thành ra em.*
*Tay cầm bầu rượu nắm nem,*
*Mải vui quên hết lời em dặn dò.*

Cuộc đời thơ ấu của bà đã bình thản diễn ra bên cạnh những giòng suối thơ mộng, mà có người đếm tới bảy giòng (Thất Khê), chưa kể hai giòng mà hiền muội đã tìm thấy trong biệt hiệu Song Khê.

Bà Song Khê hiện ở Fairfax, Virginia (Hoa Kỳ), cho chúng tôi biết: "Hai giòng suối này không do 'Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai', cũng không bắt nguồn từ sông Tương Thủy, mà một giòng bắt nguồn từ nguyên quán chúng tôi ở Cẩm Khê, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; giòng suối thứ hai: Thất Khê, sinh quán chúng tôi, do đó cha mẹ đặt tên là Song Khê".

Trong Chinh Phụ Ngâm có câu:

*Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi*
*Dạ chàng xa tìm cõi Thiên san,*
*Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,*
*Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.*
*Sân Lâu Lan rắng theo Giới Tử,*
*Tới Man Khê bàn sự Phục Ba.*

Man Khê tức là Thất Khê ngày nay, có núi Phục Ba, có đền Mã Viện.

- **II- Mối tình đầu**

Khi lớn lên, bà được gởi về Hà Nội học tập tại Trường Nữ Sư Phạm. Chính tại đây đã chớm nở mối tình đầu giữa nường Đỗ Thị và chàng họ Thái, sinh viên Trường Thuốc, một mối tình tha thiết, đánh dấu bởi những lời hẹn biển thề non, để đi đến cuộc hôn nhân chính thức khi nàng vừa tuổi trăng tròn. Chàng tốt nghiệp Trường Thuốc, nàng thì bỏ dở việc học hành, đem nhau về Huế sống nhàn hạ bên giòng sông Hương. Ít lâu sau thì được bổ nhiệm vào Phan Thiết, phụ tá Bác sĩ Cadet, Giám đốc Bệnh viện.

Lúc đó, chiến tranh Pháp-Đức đang tiếp diễn dữ dội. Các thuộc địa có bổn phận gởi quân và thợ sang Âu Châu tiếp sức cho Pháp. Bác sĩ Du được Nhiệm vụ lệnh lên đường dẫn dắt đoàn quân Đông Dương, trông coi về phương diện Y tế và Xã hội. Ngày 26-5-1916, giờ phút chia ly đã điểm, chàng từ giã vợ con lên đường tại ga Phan Thiết, mà ruột nát như tương, lòng như đứt ra từng đoạn. Chúng ta hãy nghe Tương Phố thuật lại cảnh thương tâm như sau:

*Anh ngoảnh lại, hôn con hôn vợ,*
*Miệng mỉm cười, lệ ứa khôn ngăn.*
*Em non nớt, giữ gìn sức khỏe,*
*Ủ cho con, chớ để lạnh lùng.*
*Thuốc men, nếu muốn cần dùng,*
*Ca-Đê bác sĩ sẵn sàng giúp em.*
*Yêu nhau, hãy tạm quên ly biệt,*
*Xuân còn dài, đã hết xuân đâu!*
*Buông lời siết chặt tay nhau,*
*Hôn con, anh vội bước mau xuống thềm...*

Sau đó bà bồng con thơ về Bắc, lên Thất Khê sống với song đường và hiền muội. Người con nhỏ bé này chính là Thái Văn Châu, đứa con độc nhất của hai người. Còn Thái Văn Phan là con bà vợ trước, giòng Thân Trọng. Trong cảnh biệt ly chăn đơn gối chiếc, Bà đã có những mơ ước lạ lùng:

*Ước chi em hóa kiếp chim,*
*Trời Tây muôn dặm bay tìm gặp anh.*
*Véo von, nhảy nhót bên mình,*
*Vì anh khuây khỏa mối tình gia hương.*

(Thất Khê, 1916)

Bà nhớ lại lời hẹn ước ra đi trong sáu tháng sẽ trở về, nhưng bây giờ đã gần giáp năm mà chẳng thấy tăm dạng nơi nao:

"Anh ơi! Anh hẹn đi sáu tháng về, mà nay, cúc thu tàn tạ, đông về đã qua. Tin xuân điểm, đào hoa mai nụ, trượng phu lần lữa góc trời Âu.

"Anh ơi! Đã hay tang bồng là kiếp mày râu, chinh phu muôn dặm sá đâu lạnh lùng. Nhưng ngày xanh kia chẳng đợi má hồng, nỡ để ai chỉ kim thêu mãi tấm lòng tương tư!"

(Thất Khê, 1917)

Những năm tháng lạnh lùng trôi qua, chiến tranh vẫn còn tiếp diễn thì kẻ chinh phu còn phải màn sương gối tuyết, dễ gì mà tính chuyện hồi hương. Khiến cho người chinh phụ:

*Tương tư trằn trọc năm canh lệ,*
*Gối chiếc chăn đơn mộng chẳng thành.*

Mùa sen đã tàn trong hồ lệ. Đỗ quyên kêu lên những tiếng não nùng, bi thiết trong khúc nhạc buồn thương:

*Mùa sen năm ấy anh đi,*
*Quyên ca, ca khúc biệt ly não nùng.*
*Sen tàn mấy độ điểm hồng,*
*Nào đâu người khách tang bồng năm xưa?*

(Thất Khê, mùa sen 1918)

Lúc bấy giờ, song đường bèn quyết định gởi ái nữ về Hà Nội tiếp tục học tại Trường Nữ Sư Phạm. Nơi đây, thiếu phụ miệt mài sử sách, cố gắng quên mối sầu tây, nhưng hình ảnh người thương luôn luôn chờn vờn trước mắt:

*Nhớ anh, giở ảnh ra nhìn,*
*Người trong bức ảnh, muôn nghìn tinh anh.*
*Say sưa lạ, vẫn tình tứ thế,*
*Nét thông minh lộ vẻ cao siêu.*
*Lặng nhìn càng ngắm càng yêu,*
*Vẻ xuân phơi phới, riêng chiều phong lưu.*

Ngày nào cũnh như ngày nào, thiếu phụ chỉ mong chờ người phu trạm, nhưng than ôi!

*Trạm đưa thư, những thư ai,*
*Thư mình hoặc chậm, ngày mai đưa vào.*
*Mai qua, nào thấy âm hao,*
*Ngày nào cũng bằng như ngày nào thôi!*

(Tại Trường Nữ Sư Phạm Hà Nội, 1919)

- **III- Âm Dương đôi ngả**

Niềm hy vọng thật bao la, nhưng hão huyền, vì cảnh vật đột ngột thê lương, trời mây u ám, chàng lâm trọng bệnh, phải rời bỏ xứ Tây về Huế với bệnh lao phổi, rồi không bao lâu thì lìa đời, vào ngày 25 tháng 7 Dương lịch, năm 1920. Gia đình cụ Thái Văn Toản (anh ruột) lập tức thông báo hung tín ra Hà Nội:

*Tin vụt đến, ngỡ đâu sét đánh,*
*Mảnh giấy xanh là mảnh báo tang!*
*Tin đâu tin xé can tràng,*
*Tin đâu tin để hai hàng lệ sa!*

*

*Từ đây non nước vắng anh,*
*Từ đây muôn dặm một mình anh đi*
*Chợ đời họp mặt vui gì,*
*Người đi đôi lứa, em thì lẻ loi!*

Mới năm nào mất mẹ, khăn tang còn đó, thời gian chưa kịp hàn kín vết thương lòng, thì đến thu này, như sét đánh, người thiếu phụ lại chít thêm vành khăn trắng thê lương, đôi vành khăn nặng trĩu mái đầu xanh:

*Canh khuya, tỉnh giấc hai hàng lệ,*
*Vừa năm kia, mất mẹ chưa khuây.*
*Áo khăn tang tóc còn đây,*
*Chưa xong tang mẹ, lại ngay tang chồng!*

Lời than khóc của người quả phụ tưởng chừng như không bao giờ nguôi. Nàng đã khóc thật nhiều, khóc cho cảnh đời góa bụa, khóc cho cảnh hồng nhan đa truân và khóc cho trẻ thơ từ đây cam chịu cảnh đời côi cút:

*Con ơi, biết tìm cha đâu nữa,*
*Khoảng đất trời con ở, cha đi.*
*Từ đây thôi nói năng gì,*
*Non buồn, nước lạnh, người đi không về!*

Thời gian lặng lẽ trôi qua và cũng là liều thuốc mầu nhiệm để hàn gắn vết thương lòng. Vì thời gian cũng là một y sĩ, đúng như lời của Philon d'Alexandrie: "*Le temps est le médecin de l'âme*". Hơn nữa, thân sinh của Bà, vì thương con góa bụa trong tuổi thanh xuân, đã lặng lẽ tìm cách giúp con xoay lại cuộc đời, tìm chỗ xứng đáng cho con nối lại tơ duyên. Thân sinh đã có những lý luận vững vàng như sau:

*Cha đâu đội đá ở đời,*
*Thân con âu cũng liệu nơi nương nhờ.*
*Trẻ trung được lúc bây giờ,*
*Cảnh chiều mưa gió còn nhờ cậy ai?*

Rồi sương phụ nhớ lại cảnh cha già ba đời nuôi cháu ngoại:

*Ba đời nuôi cháu ngoại rồi,*
*Chén trà trưa sớm ông ngồi thở than.*
*Tóc râu phơ, giọt lệ tràn,*
*Tình con cảnh cháu, chẳng an bụng già.*

Giữa năm 1925, sau một cuộc xung đột nội tâm dữ dội, quả phụ đã khép nép vâng lời cha, để chắp nối với ông Tuần phủ Phạm Khắc Khánh, người làng Kim Thanh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Bà đã trút nỗi lòng trong thi bản "*Tái tiếu sầu ngâm*" với lời bi thiết. Tuân lệnh cha già ra đi làm lại cuộc đời, mà tâm sự tan nát, bà đã thắp nén hương khấn biệt cố nhân:

*Thắp nén hương này, khóc biệt anh,*
*Thề duyên ước cũ tủi ba sinh.*
*Thuyền ai một bước, hai hàng lệ,*
*Ngoảnh lại con côi dạ chẳng đành.*

*

*Chan hòa lệ rỏ, trước bàn này,*
*Hương nến lu mờ khói tỏa bay.*
*Bốn lạy giã từ, muôn kiếp hận,*
*Bước ra một bước, một chau mày!*

- **IV- Thiên lý bút đàm**

Đương thời chiếc bách còn lênh đênh trên "sông Thương nước chảy đôi giòng", bến bờ chưa định, thường có bậc tao nhân lá thắm đề thơ, mong tìm mặc khách, cũng có người Tư Mã cầu Hoàng lựa Khúc ước gặp Văn Quân.

*Cho hay kiếp văn tự hẹn hò duyên bốn bể,*
*Thiên lý bút đàm cũng gọi là duyên.*

(Tản Đà)

Một mùa thu năm nào, Tương Phố nhận được mấy vần Lục bát sau đây của một thi khách không ghi bút hiệu:

*Tiếc ai sắc nước hương giời,*
*Ngán cho phù thế giận đời éo le.*
*Song sưa ngắm cảnh lúc về,*
*Ngàn xanh pha úa muôn bề quá thu!*

và bài thơ sau đây của Đông Hồ Lâm Tấn Phác:

**Hai Giọt Lệ**

*Giọt lệ thu kia vẫn đượm sầu,*
*Cánh chim linh phượng biết về đâu?*
*Đài gương nhạt phấn phôi pha nét,*
*Viện sách tàn hương lạnh lẽo màu.*
*Cõi bắc trời nam hai giọt lệ,*
*Đông Hồ, Tương Phố một giòng châu,*
*Đoạn trường gặp gỡ năm canh mộng,*
*Một hội thương tâm một dịp cầu.*

Trong bài thơ này Đông Hồ khóc Tương Phố và khóc luôn cả bà vợ hiền mà chân dung còn được ghi lại trong Hồi ký Linh Phượng, đăng trong Tạp chí Nam Phong số 128 ấn hành tháng 4 năm 1920.

Trong cảnh đời góa bụa giữa buổi thanh xuân, Nữ sĩ Tương Phố thường ước về nhà cũ, mở cửa đông song, đặt giường tây tịch, câu kinh tiếng kệ cho tỉnh mộng phồn hoa, tìm nơi nước biếc non xanh bạn cùng hoa rừng cỏ nội, từ tạ làng văn khỏi phiền thơ giấy.

Vậy mà một bức điện tín từ Hà Tiên gửi tới Song Khê nhờ chuyển lời ngay cho Tương Phố:

*Hồng nhạn chợt nghe lời tạm biệt,*
*Lòng nước mây chi siết bồi hồi*
*Trời Nam đất Bắc xa khơi,*
*Lệ làm mưa gửi đưa người tri âm.*
*Lánh gió bụi mà tầm rừng suối*
*Xa chúc ai mai tối thong dong,*
*Duyên văn chương âu còn buổi trùng phùng.*

Xem lại mới biết là thơ của Đông Hồ Lâm Tấn Phác từ Hà Tiên gởi đến.

*Ôi! Những người từ hơn nửa thế kỷ trước, hồn ở đâu đây bây giờ?*

*"Gấm ngàn xưa ai tài hoa, ai tiết liệt, ai đài trang... cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ".*

(Tản Đà)

Với các bạn làng văn, Tương Phố ít khi diện kiến hội đàm, thơ các bạn nơi xa, đã có Song Khê lãnh chức nhạn hồng chuyển lời về chốn tri âm.

Trớ trêu thay, có bức điện văn nhờ làm tơ hồng nguyệt lão, nguyên văn như sau:

*Song Khê ơi,*
*Họa bao giờ có gặp người,*
*Vì ta nói hộ một lời trung thân*
*Cảm tạ muôn phần!*

Tương Như

**Ngắm Chị Hằng Nga**
gửi Tương Phố

*Vầng trăng thơ thẩn khéo trêu người,*
*Trông thấy giăng lại nhớ tới ai,*
*Bạn thiết nhưng chưa quen thuộc mặt,*
*Tình thân âu đã đổi trao lời.*
*Non cao trí cả người anh kiệt,*
*Nước thẳm tình sâu bực nữ tài.*
*Thương Hát hai giòng mà hợp lại,*
*Ngàn thu danh tiếng để trên đời.*

- **V- Mưa gió Sông Tương**

Nói về sự nghiệp văn chương thì ngoài bài "*Giọt lệ thu*", nữ sĩ Tương Phố đã thu góp thi ca của mình, sáng tác từ năm 1915 đến năm 1949, in chung vào thi phẩm "*Mưa gió sông Tương*", do nhà sách Bốn Phương xuất bản tại Sài Gòn năm 1960. Lúc đó bà ở Nha Trang với con trai là Thái Văn Châu, Kiểm soát viên Thủy Lâm. Bà có gởi tặng tôi một ấn bản đặc biệt khi tôi phụ trách Văn Hóa tại Bộ Giáo Dục, Sài Gòn. Bút tích của nữ sĩ như rồng bay phượng múa, chữ viết như thêu dệt trên gấm nhung, đẹp hơn cả bút tích của Đông Hồ và của Vũ Hoàng Chương. Bà đã đề tặng như sau:

Kính tặng Thái công nhã giám:
*Khoảng đất trời, bao la man mác, (1)*
*Mối sầu riêng ký thác văn chương.*
*Mực hoa ghi sử đoạn trường,*
*Lệ thu lai láng, sông Tương dạt dào.*

Tôi rất cảm động khi nhận được thi phẩm của Bà, mà từ thuở nào tôi vẫn xem như bà Chị trong họ hàng và bậc chị đàn anh trên Thi đàn văn giới của nước Việt Nam cận đại. Tôi lại nhớ tới ngày 23 tháng 1 năm 1953 là ngày kẻ sĩ vào trấn nhậm tỉnh Khánh Hòa (Nha Trang) cùng một ngày trấn nhậm của Tổng thống Eisenhower tại Hoa Kỳ. Vừa xuống sân bay, tôi đã được giới thiệu các cấp văn võ và nhân sĩ địa phương, trong số đó có Thái Văn Châu, đặc trách ngành Nghư nghiệp Cầu Đá. Và từ đó tôi đã để giành cho Châu những cảm tình đặc biệt, và giúp Châu giải quyết nhiều vấn đề công vụ cũng như gia đình, nhất là gia đình vì "đào hoa chi số!"...

Tuy thế, Châu rất là chí hiếu với mẹ, chí tình với bạn. Chí hiếu với mẹ già cho tới ngày mẹ qui thiên tại Đà Lạt vào ngày 14 tháng 10 năm Quí Sửu, tức là ngày 8 tháng 11 Dương lịch 1973, lúc 8 giờ sáng, hưởng thọ 77 tuổi, được gia đình ký táng tại ngọn đồi Tương Sơn, cạnh đường Đà Lạt đi thác Prenn. Trước hai cột trụ phần mộ của Bà, con trai Thái Văn Châu đã cúi đầu khắc hai câu đối:

*Lệ ai nhuốm đỏ rừng bàng,*
*Bến Tương vắng lặng phũ phàng hỡi thu!*

Rừng bàng chính là "Phong thụ lâm" trong bài *Thu Hứng* của *Đỗ Phủ.*

*Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,*
*Vu Sơn, Vu Giáp khí tiêu sâm.*
*Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,*
*Tái thượng phong vân tiếp địa âm.*
*Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,*
*Cô chu nhất hệ cố viên tâm.*
*Hàn y xứ xứ thôi đao xích,*
*Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.*

mà Phan Huy Vịnh đã dịch thơ như sau:

*Lác đác rừng phong hạt móc sa,*
*Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ.*
*Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm,*
*Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*
*Khóm cúc tuôn rơi giòng lệ cũ,*
*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.*
*Lạnh lùng giục kẻ thay đao thước,*
*Thành quách dồn chân, bóng ác tà.*

Cây bàng, cây phong mà Đào Duy Anh dịch là *badamier* là giống cây thường được nhắc tới trong thi ca kim cổ, như:

*Người lên ngựa, kẻ chia bào,*
*Rừng phong, thu đã nhuốm màu quan san.*

(Nguyễn Du - Kim Vân Kiều)

và trong bài "Phong Kiều dạ bạc" của Trương Kế:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,*
*Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.*
*Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,*
*Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

mà Tản Đà đã dịch như sau:

*Trăng tà, tiếng quạ kêu sương,*
*Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.*
*Thuyền ai đậu bến Cô Tô,*
*Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.*

Hiện nay, tại nhà kẻ sĩ có treo một bức tranh Tàu bằng đá cẩm thạch trắng có khắc họa cảnh Phong Kiều dạ bạc, thành Cô Tô và Hàn Sơn Tự, và bài thơ của Trương Kế. Bằng hữu đến xem đều trầm trồ khen ngợi là kiệt tác.

Chúng ta đã hiểu rõ thế nào là rừng bàng trong câu thơ của người con chí hiếu. Tuy nhiên, cũng có người giải thích rằng cây phong chưa hẳn là cây bàng, mà đích thị là cây "*érable*" của Tây Phương, cũng là "quốc thụ" (arbre national) của xứ Gia Nã Đại, như ta thấy trên quốc kỳ của xứ này.

Nay còn hai chữ *Bến Tương* cũng cần được giai thích thêm và đồng thời giúp ta hiểu dụng ý của nữ sĩ khi chọn bút hiệu *Tương Phố*. Tương tức là sông Tương thủy, cũng có tên là Tương Giang, bắt nguồn từ núi Dương Hải, huyện Hưng An, tỉnh Quảng Tây, chảy qua Hồ Nam, Trường An, đổ vào hồ Động Đình, dài hơn hai nghìn dặm. Chính con sông này, tục truyền xưa kia, đã chứng kiến cuộc vĩnh biệt của vua Thuấn với Nga Hoàng và Nữ Anh, hai con gái vua Nghiêu và cũng là hai bà vợ của vua Thuấn. Vua Thuấn đi tuần thú, chết ở đất Thương Ngô, ven bờ sông Tương. Hai bà đến đó kêu khóc thảm thiết, nước mắt vẩy vào các bụi trúc chung quanh, trúc đều thành sắc lốm đốm, nên gọi là *Tương phi trúc* (trúc bà phi sông Tương), cho nên giọt nước mắt cũng gọi là giọt Tương, như trong truyện Kiều:

*Giọt châu lã chã khôn cầm,*
*Cúi đầu chàng những gạt thầm giọt Tương.*

Do điển tích đó mà văn chương Hán Việt thường mượn sông Tương để diễn tả cảnh biệt ly, thương nhớ khôn nguôi. Và cũng do đó mà *Tình Sử* đã để lại bài thơ bất hủ sau đây, đại ý nhắc lại mối tình dang dở giữa nường Dương Ý và chàng Lý Sanh đời nhà Châu:

*Nhân đạo Tương Giang thâm,*

*Vị để tương tư bán.*
*Giang thâm chung hữu đề,*
*Tương tư vô biên ngạn.*
*Quân tại Tương Giang đầu,*
*Thiếp tại Tương Giang vĩ.*
*Tương tư bất tương kiến,*
*Đồng ẩm Tương Giang thủy.*
*Người bảo sông Tương sâu,*
*Chưa bằng lòng mong nhớ.*
*Sông sâu còn có đáy,*
*Lòng nhớ lại không bờ.*
*Chàng ở đầu sông Tương,*
*Thiếp ở cuối sông Tương.*
*Nhớ nhau mà không thấy,*
*Cùng uống nước sông Tương.*

Còn lại chữ *Phố*, không có nghĩa là phố trại, thành phố, mà cũng không có nghĩa là chiếu chăn. Chữ *Phố* này có ba chấm Thủy có nghĩa là bờ, bến nước, bến đậu, bến chờ, bến trông, bến đợi:

*Thuyền không đỗ bến mặc ai,*
*Quanh thuyền trăng dõi nước trôi lạnh lùng.*

(Tì Bà Hành)

*Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,*
*Một vầng trăng trong vắt lòng sông.*

(Tì Bà Hành)

Như thế, bút hiệu Tương Phố có nghĩa là bến nước sông Tương, mòn mỏi trông chờ, thương tiếc khôn nguôi.

Bút hiệu Tương Phố đã được nữ sĩ chọn vào năm 1920 khi đã trở thành sương phụ. Từ đó, nữ sĩ đã sáng tác rất nhiều thơ ca, như "*Tái tiếu sầu ngâm*", đăng trong Nam Phong số 1964, tháng 7, 1931. Ngoài ra, bà còn viết nhiều Ký sự đăng trên báo Nam Phong như: *Một giấc mộng, Nối thương tâm người đàn bà, Tặng bạn chán đời, Bức thơ rơi*, v.v...

Và đây là bài thơ đúc kết tâm sự của Tương Phố, tự ví mình như chiếc bách lênh đênh giữa giòng đời nghiêng ngửa:

**Sau cơn mưa gió**
(Vũ sơ tình hề, phong khởi sầu)

*Ba sinh lỡ dở mối duyên đầu,*
*Chiếc bách lênh đênh nước thẳm sâu.*
*Yên trí sang ngang gây lại phúc,*
*Đau lòng dấn bước vướng thêm sầu.*
*Má hồng phận mỏng cay son phấn,*
*Nước loạn canh tàn khóc bể dâu!*
*Mưa gió sông Tương thơ đẫm lệ,*
*Đoạn trường ai cảm khách qua cầu?*

(Tương Phố tự bạt)

Bình sinh, bài "*Giọt Lệ Thu*" của nữ sĩ đã được bà Jeanne Duclos Salesse dịch ra Pháp ngữ năm 1929 và hiện nay tôi còn giữ bản dịch này, chính là do nữ sĩ cho chép lại và gởi tặng tôi vào năm 1958. Và mới đây, tôi tìm thấy một bản dịch Pháp ngữ bài "*Khúc Thu Hận*" (Tristesse d'Automne) đăng trong "Anthologie de la Litérature Vietnamienne", Éditions en langues étrangères, Hanoi 1975, mà tôi xin trích ra đây một đoạn tiêu biểu:

*Tu es parti au seuil de l'automne, en cette année-là,*
*L'automne revient et toi, point n'es revenu,*
*Tu es parti, parti - et point n'es revenu,*
*L'automne qui s'en vient me retrouve transie de tristesse:*
*Ton coeur a suivi les nuages et les eaux,*
*À qui confier désormais ma peine?*

- **VI- Cuộc gặp gỡ giữa Phan Sào Nam và Nữ sĩ Tương Phố**

Vào khoảng 1939, có một Phái đoàn thanh niên đến thăm cụ Phan tại Bến Ngự, trên chiếc đò đỗ bến cây sung. Trong Phái đoàn có Thái Văn Phan (con Bác sĩ Thái Văn Du và Tương Phố nữ sĩ, tác giả "Giọt lệ thu") và Lương Hàm Châu, nhạc sĩ Vĩ cầm (nay ở Yerres, phía nam Paris, chủ nhân tiệm ăn "Sông Hương") và nhiều thanh nhiên có chí hướng, tất cả đều do

Giáo sư Đoàn Nồng (tác giả quyển "Hát Bội") hướng dẫn. Cụ Phan tiếp Phái đoàn rất niềm nở, đàm luận về thời sự, quốc sự, việc năm châu bốn bể suốt mấy tiếng đồng hồ. Thấy Cụ hút điếu cày, anh em xin Cụ vịnh cái điếu cày. Cụ đã xuất khẩu thành thơ, mà nay tôi chỉ còn nhớ hai câu sau đây:

*Đầu tròn thân cũng đủ tam tài,*
*Ngoài kín trong đầy vạn sự hay.*

Nhân câu chuyện này, nữ sĩ Song Khê đã góp thêm mấy vần xướng họa giữa Cụ Phan Sào Nam và Nữ sĩ Tương Phố, năm 1933, khi Tương Phố vào Huế, có đến thăm nhà chí sĩ.

**Bài của Cụ Phan:**

*Cái nợ cầm thư mới trả xong,*
*Khi vui bút mực cũng mây rồng;*
*Tưởng là rồi kiếp cùng trời đất,*
*Đâu nghĩ còn duyên với núi sông.*
*Mở cửa gió lùa thông hòa vận,*
*Cuốn rèm trăng dõi bạn soi lòng;*
*Đàn Nha nay gặp Chung Kỳ gái,*
*Muôn thuở Hồng Lam với Tản Hồng.*

**Họa vận của Tương Phố:**

*Ngày tối đường dài việc chửa xong,*
*Biển Đông rồng đã cuốn vây rồng;*
*Dạ hờn quên nghỉ cùng năm tháng,*
*Máu nóng còn sôi với núi sông.*
*Giọt lệ năm canh ngầm khóc nước,*
*Tấm thân bốn bể nguyện theo lòng;*
*Anh hùng sá kể chi thành bại,*
*Vẫn nhớ ngành Nam tổ Lạc Hồng.*

**Sào Nam tiễn Tương Phố về Bắc:**

*Vừa bắt tay nhau đã rẽ tay,*
*Duyên thơ nợ bút hãy giấu ngay.*
*Ai về nhắn với mây Tam Đảo,*
*Gió Bắc đe Nam thổi nhạn bay.*

**Tương Phố họa vận:**

*Sông Hương ngơ ngẩn buổi chia tay,*
*Lời ước trùng lai khó hẹn ngày.*
*Hoài bão lớn lao xin chúc Cụ:*
*Cánh bằng muôn dặm lại cao bay!*

Ngoài ra, chúng tôi xin chép thêm vào đây một số văn thơ của nhân sĩ danh tiếng khắp ba kỳ đã cảm thương thân thế của sương phụ Tương Phố:

*Chẳng về đâu nữa, chàng đi rồi,*
*Theo gió mây chơi mãi mãi thôi,*
*Đằm thắm văn thu một giọt lệ,*
*Làm rơi nước mắt cả bao người!*

Lâm Uyên Như (1932)
(Nữ du khách qua chơi Đế Thiên Đế Thích)

*Cành hoa xuân mới vừa quen mặt,*
*"Giọt Lệ Thu" xưa luống trạnh lòng.*

Thúc Giạ Ưng Bình
Vĩ Dạ, Huế (1933)

*Thu về riêng biết tình thu nặng.*
*Còn chăng châu lệ khóc sơn hà?*

Hạn Mạn Tử (2)
Huế (1933)

- **VII- Những ngày cuối cùng**

Tác giả "Giọt Lệ Thu" mất ở Đà Lạt cuối thu Quí Sửu (1973). Mộ nằm trên một quả đồi, giữa quãng đường cũ Đà Lạt-thác Prenn, nhìn xuống một thung lũng, trước mặt có hai dãy núi từ xa chầu về. Phía sau mộ, xây một am nhỏ có chân dung bà Tương Phố với bát hương thờ, hai bên trồng dương liễu. Thái Văn Châu khắc vào tường, cạnh bức chân dung thân mẫu, hai câu:

*"Lệ ai nhuốm đỏ rừng bàng*
*Bến Tương vắng lặng phũ phàng hỡi thu."*

Ngày 16-12-1973, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam ở Sài Gòn có tổ chức một buổi tưởng niệm Nữ sĩ Tương Phố, được đa số giới văn học nghệ thuật, văn thi sĩ Thủ đô tham dự. Các diễn giả: Linh mục Thanh Lãng, Vũ Hoàng Chương, Vi Huyền Đắc,

Mộng Tuyết (tức Đông Hồ phu nhân), Tam Lang Vũ Đình Chí, Nguyễn Văn An, Phạm Việt Tuyền, Nguyễn Đức Liệu và Nguyễn Công Kiêm đã lần lượt đưa ra nhiều đề tài chung quanh thi phẩm và cuộc đời của nữ sĩ.

Bà Song Khê cũng có mấy vần khóc Chị:

*Núi đồi trùng điệp hoang vu,*
*Quanh đồi trăng dãi sương thu lạnh lùng.*
*Nơi an nghỉ cuối cùng của chị,*
*Bến sông Tương thi vị nào bằng.*
*Một đi khuất nẻo ngàn trùng,*
*Để bao luyến tiếc cho lòng nhân gian.*
*Em mất chị chứa chan hồ lệ!*
*Biết cùng ai kể lể chuyện xưa...*
*Đau lòng thay buổi tiễn đưa!*
*Hận không giáp mặt trước giờ chia tay.*
*Nhớ từ thuở thơ ngây độ ấy,*
*Dưới hai thân những thấy vui tươi.*
*Gió thu chưa bợn lòng người,*
*Trăng thu bỗng ngả chưa khơi mạch sầu.*
*Hai chị em tâm đầu hợp ý,*
*Mái trường xưa tri kỷ kề vai.*
*Đèn khuya tâm sự đầy vơi.*
*Phòng khuê chung bóng nói cười vá may.*
*Luận anh hùng đông tây danh sĩ,*
*Lúc ngao du Dục Thủy, Phục Ba,*
*Khi gió sớm, lúc trăng tà,*
*Ngâm câu Lý Đỗ, khúc ca Bạch Đầu.*
*Giọt Lệ Thu vì đâu tầm tã?*
*Cả trời thu nghiêng ngả sầu bi!*
*Sông Tương mưa gió đê mê...*
*Hồng tan nhạn lẻ biết về nơi đâu?*
*Cuộc dâu bể những đâu ly biệt,*
*Áng mây Tần tha thiết hồn quê;*
*Nhớ trời thơ mộng Thất Khê,*
*Non cao nước thẳm đi về có nhau.*
*Hẹn tạm biệt ngờ đâu vĩnh biệt,*
*Để lòng này khôn xiết thương đau!*
*Âm dương đôi ngả còn đâu,*
*Vết thương tử biệt mối sầu thiên thu!*
*Chị về cõi hư vô tịnh khiết,*
*Thoát trần ai rũ hết ưu phiền;*
*Riêng em thương nhớ triền miên,*
*Lai sinh biết có còn duyên trùng phùng!*

"Em Song Khê khấp bái"

- **VIII- Bào muội Song Khê nữ sĩ**

Trên kia, chúng ta đã tóm lược thân thế và văn nghiệp của nữ sĩ Tương Phố. Nhưng về phần bào muội Song Khê, tôi nhớ rằng năm xưa Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có rao trên báo:

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương,*
*Tiền đò ngại tốn con đường ngại xa.*
*Người đi, ta ở lại nhà,*
*Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm!*

Liền sau đó, Song Khê nữ sĩ đã có mỹ ý gởi cho Tản Đà, qua Nhà Giây Thép, mấy bó rau sắng với mấy vần thơ sau đây:

Nguyễn Tiên sinh nhã giám
*Kính dâng rau sắng chùa Hương,*
*Đỡ ai tiền tốn con đường đỡ xa.*
*Không đi xin gửi lại nhà,*
*Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.*

Đỗ Tang nữ bái tặng

Trong một bức thư viết tay ngày 16-4-1979, Song Khê kể lại như sau:

"Về chuyện rau sắng", thể theo lời Thái Công, người rau sắng xin bổ khuyết: Năm 1923, nhân làm việc tại Phủ Lý, gần chùa Hương, mùa xuân thấy rau sắng ngon, nhớ mấy vần thơ Tản Đà ước mơ rau sắng, tôi gởi một gói qua nhà Bưu điện Phủ Lý chuyển lên Hà Nội làm quà với mấy câu Lục bát.

Ít lâu sau có bài cảm tạ của Tản Đà tiên sinh đăng ở **Truyện Thế Gian:**

*Mấy lời cảm tạ tri âm*
*Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình.*
*Đường xa rau vẫn còn xanh,*
*Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào.*
*Yêu nhau xa cách càng yêu,*
*Dẫu rằng xuông nhạt mà nhiều chứa chan,*

*Nước non khuất nẻo ngư nhàn,*
*Tạ lòng xin mượn "Thế gian" đưa trình.*
Nguyễn Khắc Hiếu bái phục

Trong Thi tập "Tản Đà Vận Văn", do Hương Sơn Hà Nội xuất bản năm 1944, chúng ta nghe Tản Đà kể lại câu chuyện *Rau sắng Chùa Hương* như sau:

*Khoảng tháng Ba năm nay, tôi có tiếp được một gói, gửi do Nhà giây thép, ngoài bọc giấy, trong là rau sắng.*

*Không thấy có đề tên người gửi, xem dấu Nhà giây thép, chỉ biết là từ Phủ Lý gửi lên. Lại cái phong thư cùng tiếp nhận, mở xem chỉ thấy ở mảnh giấy có mấy câu Lục bát, tức là lời gửi rau sắng; trên không đề là ở đâu gửi đến, đi vào ngày hôm nào, dưới ký tên như một người đàn bà con gái.*

*Lạ thay: Không biết ai như hẳn là "một người tình nhân không quen biết" đây. Nay đã không biết trả lời về đâu mà cảm ơn, vậy nhân "Truyện Thế Gian" kính in bức ngọc thư của ai, và xin nói mấy lời cảm tạ".*

Lúc bấy giờ (1923) Tản Đà tiên sinh chủ trương "Tản Đà Tụ Thư Lâu" ở Hàng Gai, Hà Nội.

*Rau sắng* là rau gì? Đó là thứ rau tương tự *Rau bồ ngót* của miền Trung và miền Nam, nhưng thân cao lớn hơn (arbuste), lá có nhiều chất đạm (azote), mọc nhiều ở miền núi đá vôi của Chùa Hương Tích (Hà Đông). Những kẻ hành hương mua về nấu canh với trứng cáy cua đồng, thưởng thức mùi vị thơm tho, ngọt ngào không gì bằng! Tên khoa học của cây rau sắng là *Phyllantus elegans Merr,* còn tên khoa học của cây bồ ngót là *Sauropus androgenus L.* (do nhà Bác học Thụy Điển Linné minh danh). Cả hai cây rau này đều thuộc họ *Euphorbiacées,* ta gọi là *Đại kích* (lá có chĩa ba như vũ khí gọi là kích), cũng có thể xếp vào họ *Thầu dầu*), trong đó đặc biệt có giống cây *ba đậu* (croton) là cây kiểng có lá nhiều màu rất xinh đẹp và cây *Trạng nguyên* (trong Nam gọi là *Trạng ngươn*), hoa đỏ nhụy vàng, lá xanh phía trên cũng biến thành màu đỏ như cánh hoa.

Hồi đó, cách đây hơn 10 năm, 1982, nữ sĩ Song Khê còn một người con trai lưu lạc ở xa vời, 25 năm trời chưa được gặp mẹ, biết bao thất vọng, bèn viết thơ thăm mẹ với mấy vần thơ:

*Trăm năm đành lỗi hẹn hò,*
*"Câu thơ rau sắng, con đò chùa Hương".*
*Dù cho mái tóc điểm sương,*
*Đừng quên cẩm túi mặt gương Tây Hồ.*

Vẫn hy vọng còn nhiều hậu hội, Đỗ Tang-nữ sửa lại như sau:

*Rồi đây thỏa ước hẹn hò,*
*"Câu thơ rau sắng, con đò chùa Hương".*
*Thiện nam tín nữ mê đường,*
*Đuốc thiêng rọi sáng lộ trường thênh thang...*

Song Khê "ước ao có được diễm phúc như Tống Ngọc, một ngày nào đó Đỗ Tang-nữ sẽ gặp lại con trai, cũng ở thảo lư của Tư Mã, cầu xin phép Phật nhiệm màu ban cho", sau khi Tư Mã đã chuyển tiếp phong thư của Song Khê gởi cho người con ở phương trời xa thẳm và người con đã nhận được.

Tư Mã xin mượn hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương để kết thúc bài hoài niệm này:

*Tình nhân thế chua cay người lịch duyệt,*
*Niềm giang hồ tan tác lệ Giang Châu!*

Ba Lê, Trọng Thu Nhâm Thân 1992

• **Hương Giang Thái Văn Kiểm**

**CHÚ THÍCH:**

(1) Bao La là quê quán của Hương Giang Tư Mã, còn có bút hiệu là Bao La Cư Sĩ.

(2) Bút hiệu của Cụ Phan Bội Châu.

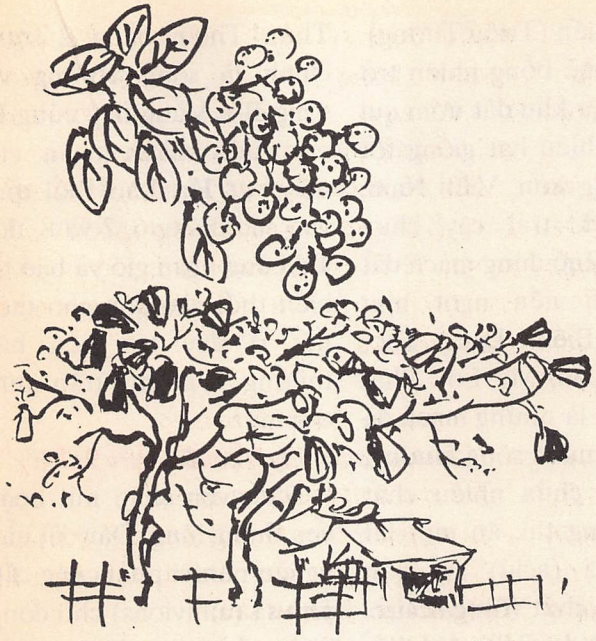

# ĐÁY DĨA MÙA QUA NHỊP HẢI HÀ

• **Lê Văn Lân**

Món ăn và sản vật HUẾ ngon!

Nếu kể đó là một chân lý mà phán rằng: Sông Hương có thể cạn, núi Ngự có thể mòn, nhưng chân lý này không bao giờ thay đổi thì thiên hạ sẽ quở rằng tôi nói phách tấu! Nhưng nói chí tình, món ăn Huế quả là ngon, ngon thiệt, dù cho vật có đổi, sao có dời! Huế đau thương trải qua nhiều biến cố biển dâu như những lần thất thủ Kinh đô vào tay Pháp (23 tháng 5 năm 1885 - Ất Dậu), hay Huế rơi vào tay Cộng sản (ngày 25 tháng 3 năm 1975). Nhưng món ăn Huế vẫn ngon. Những món danh bất hư truyền như bún bò Huế, nem tré Huế, bánh khoái Huế, mè xửng Huế, không còn chịu an phận thủ thường ở địa phương Huế mà đã theo người Huế đi khắp nơi trong xứ và ra ngoại quốc. Tuy nhiên có những món ăn Huế lại không thể rời đất Huế được vì chúng bị buộc chặt với điều kiện độc đáo của địa phương thổ sản, chẳng hạn như CƠM HẾN HUẾ phải kén cho bằng được loại hến Cồn, loại hến vỏ đen láng như huyền, nho nhỏ xinh xinh bằng đầu ngón chân cái của phụ nữ (hãy cho là phụ nữ Huế cho nó dễ thương). Loại hến chỉ sinh sản ở vùng nước trong và cát cạn. Cái Cồn Hến ở Huế cũng nổi danh giống như Oyster Bay của New York vậy. Nó nằm ngay chính giữa dòng sông Hương, nơi giòng nước mang theo phù sa của vùng thượng ngàn chảy tới đây bỗng chảy chậm làm thành ba nhánh: Nhánh sông Gia Hội, nhánh sông Nam Phổ và nhánh sông đào Đông Ba. Cát phù sa bồi đắp theo thời gian cho ngọn Cồn vừa là một môi sinh thích hợp cho loại hến quí, để chúng sinh sản tung vạt xúc hoài không hết ? Ăn cơm hến Cồn phải dùng ruốc sản xuất ở Huế, phải độn nhiều bắp chuối sứ trắng, bạc hà và khế cùng rau húng, rau thơm trồng ở địa phương, muối mè và nhất là ớt xắt nhỏ thiệt cay! Cay đến nỗi môi của người ăn phải đỏ ửng lên, và nước mắt chảy ra. Chỉ cần ngó lén các "O" Huế ăn cơm hến, má môi hồng, mắt ướt long lanh làm ta cũng đủ thèm rồi. Ăn xong đọi cơm hến, còn phải uống đọi chè tươi nóng để bao nhiêu mồ hôi theo lỗ chân lông rịn ra và ăn một viên kẹo gừng.

Trời hè nóng bức, phe phẩy quạt mo, rồi "ngơi

trưa" sau đọi cơm hến, thiệt là "Nhứt Huế"!

Lại có những món ăn sản vật khác bắt buộc phải dính liền với thổ ngơi Huế mới gọi là ngon như:

*Quít giống Hương Cần*
*Cam đường Mỹ Lợi*
*Vải trạng Cung Diên*
*Nhãn lồng Phụng Tiên*
*Đào tiên Thế Miếu*
*Thanh trà Nguyệt Biều*
*Dâu gia Rừng Truồi*
*Hột sen Hồ Tịnh*

Cái đất Huế kỳ lạ lắm! Diện tích đất Huế gọi là đồng ruộng hay trồng trọt được bất quá chỉ rộng 500 cây số vuông, so với khoảng 5.000 cây số vuông của toàn tỉnh hay 1/10 diện tích, thế mà trái cây ngon lại độc đáo muôn vị muôn màu. Có thể giảng nghĩa chăng rằng Kinh đô Phú Xuân (hay Thuận Hóa) đã từng là vùng đất được đón nhận nhiều giống quả quí ở khắp trong nước, được tiến cho Vua, chẳng hạn như:

- Măng cụt (Vua Minh Mạng ban cho tên là trái Giáng Châu)
- Xoài (Vua Thiệu Trị gọi là Móng, tên chữ là Yêm La)
- Vải trạng, nhãn lồng, đào tiên (được trồng trong Đại Nội ở vườn Phụng Tiên, cung Diên Thọ và Thế Miếu)
- Cam tiến Bố Hạ
- Gạo tiến (gao de An Cựu)
- Mía tiến (Triệu Tường)

Đất Huế bỗng nhiên trở thành một khu đất ươm qui tụ bao nhiêu hạt giống tốt của giang sơn Việt Nam, chưa hết, trái cây chua trồng ở Huế đúng mạch đất (file) trở nên ngọt như Nguyệt Biều, Long Thọ, Hương Cần, Mỹ Lợi. Phải chăng đó là những mạch đá vôi hoặc nước sông Hương, sông Bồ chứa nhiều chất vôi. Không tin, ăn một lát khế chua (acid) mà bạn phết một chút vôi (calcaire, carbonate de CA) vô thì lát khế trở nên ngọt. Lò vôi đá ở Long Thọ, lò vôi nấu bằng vỏ hến, vỏ sò ở miệt cầu Thanh Long là những yếu tố không nên bỏ qua để làm trung hòa cái chua, cái chát của trái cây (?).

Nhưng yếu tố hạt giống chưa đủ bảo đảm cái ngon danh bất hư truyền. Yếu tố thủy thổ sao không đáng kể để cung cấp một câu trả lời thỏa đáng nhỉ. Theo bài viết của Tô Huy Quy (Hoàn cảnh địa lý Huế - Thừa Thiên, Tạp san Tiếng Sông Hương, 1983 Virginia).

Căn cứ vào địa hình thiên nhiên, thủy thổ Huế - Thừa Thiên có thể chia ra 4 vùng như sau:

- **1- VÙNG NÚI:**

Dãy Trường Sơn có sườn rất dốc, gồm rừng già và khe suối chằng chịt làm thành một hệ thống dẫn thủy dồi dào đổ về đồng bằng Huế - Thừa Thiên bằng 2 sông chính là sông Hương và sông Bồ. Vùng này cũng là một bức thành ngăn gió nóng từ Hạ Lào thổi qua vào các tháng 6, 7 và 8, đôi khi cũng ngăn gió và bão từ biển thổi vào làm cho thời tiết ở đây trở nên bất thường vì những trận mưa trái mùa.

- **2- VÙNG CẬN SƠN:**

Nằm ven chân núi hoặc ven thung lũng. Dãy đất này nghèo nàn vì phải cung cấp phù sa (alluvions) cho đồng bằng và thung lũng. Thật vậy, hàng năm bị nước mưa từ trên dốc đổ xuống làm xói mòn, có nơi bày cả đất sỏi. Đất bùn (humus) và mầu mỡ của sườn núi theo nước mưa trôi về tích tụ chung quanh thung lũng và đồng bằng.

- **3- VÙNG TRỤC LỘ:**

Nằm hai bên Quốc lộ 1 tương đối bằng phẳng, màu mỡ nhờ đất phù sa và đất bùn của vùng cận sơn bồi bổ. Dễ dẫn thủy nhập điền nhờ hệ thống sông rạch, khe lưu loát. Đầm phá Cầu Hai thuộc vùng này nhờ có độ mặn đặc biệt nên cũng cho nhiều hải sản ngon như tôm cá.

- **4- VÙNG DUYÊN HẢI:**

Nằm ven biển và quanh bờ các quận đảo như Vinh Lộc, Hương Điền toàn đất cát và cát pha sét. Vùng này rất thích hợp cho ngư nghiệp.

Những điều viết trên khiến ta giải nghĩa được nhiều điều. Trước hết là sự kiện: "Trời hành cơn lụt mỗi năm" ở Huế, do sườn núi Trường Sơn rất dốc, hứng mưa gió mùa thổi vào. Mực mưa rơi ở Huế cao so với những nơi khác (3.015 mm/m trung bình hàng năm). Sườn núi có rừng già, có nhiều cây cao và khe suối chằng chịt khiến bao nhiêu

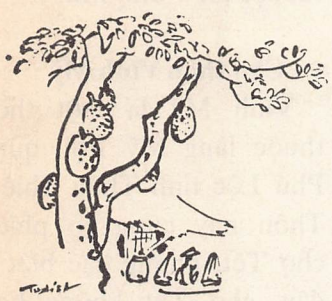

nước mưa phải trút về đồng bằng Huế - Thừa Thiên. Đã thế, đồng bằng này là một giải đất hẹp, trải dài từ Bắc xuống Nam rộng khoảng trên dưới 20 cây số với độ dốc ra biển trung bình khoảng 0,8%.

Sự kiện thứ hai là đất Huế nhiều lúc thật nóng do ngọn gió Lào vào các tháng 6, 7, 8.

*Trời nóng băm bốn độ*
*Đèn sao khắp Đế đô*
*Mặt trăng vàng trỏn trẻn*
*Núp sau nhánh phượng khô*

**Nam Trân**

Vì nóng bức nên dân Huế thích ăn món chè đậu xanh, đậu ván để giải nhiệt vào những đêm mùa hè mà hồi nhỏ tôi vẫn bắt chước lũ trẻ hát:

*Ai ăn chè "Chè đậu xanh, đậu ván"*
*Đè từ đêm đến sáng không!!*

Thơ của thi sĩ Nam Trân cũng nói lên một đặc thù của đất Huế nối liên quan thời tiết và món ăn:

*Hai tay xách hai vịm,*
*Một vài mụ le te,*
*Tiếng non rao lảnh-lói*
*Chốc chốc "Ai ăn chè"*

(Huế - Đẹp và thơ)

Dân Huế thích ăn chè... hay nói cho đúng cần ăn chè để có dư hơi sức chống mệt mỏi nóng bức! Các món chè mang thêm chất đường, chất nước... gia thêm một chút muối quả là rất cần cho cơ thể. Sản vật gì ở Huế cũng dùng để nấu chè được: Các thứ đậu (đậu xanh, đậu đen, đậu ván, đậu quyên, đậu ngự), các thứ khoai (khoai lang, khoai tía, khoai môn v.v...), các thứ hột (nếp, bắp, kê, đậu phụng, hột sen v.v...), thậm chí miếng thịt quay cũng được bọc bột lọc nấu chè!

Con nít ở Huế cũng hay hát hỏng khi thèm chè:

*Ai bánh tráng, chè kê,*
*Măng-giê, không tiền!*

hoặc hát điệu Đăng đàn cùng với lời ngộ nghĩnh như sau:

*Chè xôi chuối là chuối xôi chè,*
*Ngọn đèn văn minh đào tạo,*
*Xe tàu điện, tàu nước, tàu bay,*
*Đèn khai hóa rạng khắp muôn cầu.*
*Dân Huế thèm ngọt kinh khủng!!*
*Chơi ngày chưa "ngạ" (chè bán gánh)*
*Chơi đã ban đêm (chè xách vim)*
*Chơi thêm trên "nốt" (chè bán xuồng trên sông)*

Một đặc thù cần nói thêm về khẩu vị Huế là CAY, cay chảy nước mắt, cay rịn mồ hôi... Đó là lối giải quyết nhu cầu chống nóng tuyệt... chất Capsicin của ớt làm nở lỗ chân khiến mồ hôi tuôn ra rồi bốc hơi... khiến da mát rượi. Thêm vô đó, đọi chè Truồi chứa bao théine, cafeine làm cơ thể lâng lâng khoan khoái...

Sự kiện về thổ - ngơi làm trái cây ngon ở Huế là tuy rằng vùng đồng bằng Huế - Thừa Thiên nhỏ hẹp nhưng nó đã hứng đủ đất mùn (humus) và màu mỡ theo nước mưa trôi từ sườn núi hay vùng Cận sơn trôi xuống để bồi bổ.

*Quít giống Hương Cần*
*Cam đường Mỹ Lợi*

Cái vùng đất Mỹ Lợi thuộc xã Vĩnh Lộc, huyện Phú Lộc rất đặc biệt để sản xuất ra nhiều thứ sản vật to, mập, ngon ngọt, ngoài cam đường như mía voi Mỹ Lợi, khoai lang Mỹ Lợi, thuốc lá Mỹ Lợi. Không biết có phải vì vùng Mỹ Lợi có nhiều

hoa màu dồi dào khiến heo ở Mỹ Lợi nuôi rất nhiều để bán ra đặc biệt trong một phiên chợ áp Tết không?

Làng Mỹ Lợi là quê của Bà Từ Cung (mẹ vua Bảo Đại). Tôi đã tản cư chạy giặc về làng này vào năm 1948-1949. Theo Toan Ánh, tác giả cuốn Hội Hè Đình Đám, chợ thịt heo của làng Mỹ Lợi được tả như sau:

- **Chợ làng Mỹ Lợi**

"Làng Mỹ Lợi, quận Phú Lộc hàng năm có họp chợ vào hai ngày 29 và 30 Tết mỗi năm, nhưng đặc biệt trong hai ngày họp chợ này chỉ cốt để dân chúng mua bán thịt heo.

Làng này có một ngôi chợ, trong những ngày sửa soạn Tết, dân làng này cho làm những chòi cao, vào khoảng ba chục chiếc ở nơi đất trống đầu chợ. Những chòi cao chính là những quán bán thịt heo trong hai ngày chợ Tết.

Trong hai ngày này, bao nhiêu heo lớn trong làng đều được đem mổ thịt để bán cho dân làng dùng trong dịp Tết, và ở mỗi chòi là nơi bày bán một con heo khổng lồ.

Dân làng sắm Tết đều dành đến ngày phiên chợ thịt heo đặc biệt này mới mua thịt để gói bánh, làm cỗ Tết. Phiên chợ rất vui và rất náo nhiệt. Gia đình nào cũng có người có mặt tại phiên chợ, vì nhà nào Tết mà không cần đến thịt heo.

Cả dân chúng một vài xã lân cận, biết lệ làng Mỹ Lợi cũng kéo nhau đến đây để sắm thịt heo ăn Tết.

Những chòi bán thịt heo, sau ngày Tết sẽ là nơi để dân làng đánh bài chòi chơi Xuân".

Nhân nói đến chợ Tết ở Huế và Thừa Thiên, tôi thiết tưởng cũng nên nhắc đến một phiên chợ chỉ đặc biệt họp 3 ngày Tết. Đó là chợ Tết Gia Lạc mà hiện nay ít người còn nhớ. Địa điểm của chợ Gia Lạc ở phía dưới thôn Tây Thương, Nam Phổ và thôn Vĩ Dạ (Huế) trên đường đi xuống cửa Thuận An. Có thể đi đến chợ này bằng cách đi gần hết đường Chi Lăng bên khu Gia Hội, rồi đi ngang bến đò Chợ Dinh. Chợ Gia Lạc họp ở cách bến đò 4 - 500 thước. Chợ không có gì đặc biệt, cũng giống như bao nhiêu chợ miền quê ở Huế, có nhiều bàn chơi nhất lục, bài vụ, bài chòi, hoặc bán đồ chơi lung tung (trống bỏi), chong chóng cắm vô một cái sào có quấn rơm. Nhưng tôi nhớ nhất chợ có bán loại bánh đúc Huế màu xanh ăn với mật: Khi ăn không dùng đũa mà dùng dao tre mà cắt. Màu xanh của bánh đúc là do lá dứa, lá bồng bồng, lá bồng ngọt đâm ra lấy nước để nhuộm. Bánh đúc ăn dòn nhờ cho một ít hàn the.

Nhân thể trở về làng Mỹ Lợi, ông Toan Ánh còn nhắc đến một phiên chợ Tết rất đặc biệt: Chợ Ma!

- **Chợ thôn Vĩnh Mỹ**

Vĩnh Mỹ là một thôn thuộc làng Mỹ Lợi, quận Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên. Thôn này cũng có phiên chợ Tết, nhưng đặc biệt ở đây, chợ Tết không họp cuối năm.

Chợ thôn này họp vào các ngày mồng một và ngày mồng hai Tết, và chợ không họp như thường lệ tại địa điểm họp chợ quanh năm, lại họp ở một cồn cát trắng, cách chợ vào khoảng 1500 thước, nơi đây được gọi là chợ Cồn.

Dân chúng đi chợ Cồn để mua bán thì ít, nhưng để vui Xuân thì nhiều. Trong phiên chợ này, những người buôn bán mang hàng tới bán không cầu mong bán đắt hàng, họ đi chợ chỉ vì tục lệ. Người ta tin rằng, người buôn bán trong thôn có đi bán hàng tại chợ Cồn

đầu năm, quanh năm mới mua may bán đắt.

Gọi là đi chợ để vui xuân, vì nhân dịp này những cặp trai gái hẹn hò gặp gỡ nhau, và có mua bán trong khi đi chợ cũng chỉ là tượng trưng.

Có lẽ bạn đọc sẽ tự hỏi tại sao phiên chợ đầu xuân không họp ở vị trí chợ, lại đi họp ở nơi cồn cát như vậy. Đây là lời giải thích của các cụ già thôn Vĩnh Mỹ.

Chợ của thôn Vĩnh Mỹ, trong những đêm mồng một mồng hai Tết có người âm về họp chợ, và do đó đêm khuya, người ta từng nghe tiếng ồn ào của một phiên chợ nhưng không thấy người. Cũng bởi trong hai ngày này người âm họp cho nên trần gian phải trả nợ cho họ, kéo nhau tới họp ở chợ Cồn.

*

Trở về tính chất địa chất của vùng bình nguyên ở Thừa Thiên đã ảnh hưởng ra sao đến sản vật, tôi thiết tưởng nên trưng dẫn vài chi tiết tài liệu của Tiến sĩ THÁI CÔNG TỤNG (Natural environment and land use in South V.N. 1971). Bình nguyên Thừa Thiên nằm trong vùng bình nguyên chung của tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam (Trị, Thiên, Nam) nên sự phân phối địa chất như sau: Ở vùng đất cao, đất là loại đất PODZOLIC đỏ và vàng hay loại đất REGOSOLS, còn ở vùng thấp, đất là loại đất phù sa mới bồi và đất mặn.

Chi tiết này ngó vậy mà lý thú vì nó giải nghĩa tại sao ở Thừa Thiên và các tỉnh phụ cận có những loại trái cây mọc hoang nhưng được dân trên vùng cao (thượng ngàn) hái để bán như những trái sim, móc, muồng, sót v.v...

Sim ở Huế to hơn cái nút áo dài hoặc gần bằng hòn bi con nít chơi, có vỏ đen bọc lông nhung, trong ruột có thịt màu tím, ăn ngọt lịm và nhiều hột. Sim ở Huế rất nhiều, người ta hái từng thùng, gánh xuống chợ mà bán, người ta bán sim bằng cách đong với vỏ lon sữa bò, đáy lon tộng ra (lon tộng).

*Đói lòng ăn nửa trái sim,*
*Uống lưng chén nước, đi tìm người thương.*
*Hoa sim màu tím rất dễ thương và gợi nhớ:*
*Lạ hi! Bữa ni chưa thấy em*
*Lệ thường em bận áo màu sim*
*Những ngày trở gió heo may buốt*
*Sốt ruột chờ em muốn rụng tim!*

**LVL**

Loại đất PODZOLIC vừa đỏ vừa vàng của vùng núi ở Huế rất thích hợp cho những cây sim (Rhodomyrtus tomentosa - họ Myrtaceae) và đồng thời cũng thích hợp cho các loại cây chủi rành (Baecka frutescens). Ngoài ra đất này còn tốt cho loại cây khuynh diệp để cất dầu gió (Cajeput hay Melaleuca leucadendron - Myrtaceae) mọc nhiều ở vùng đất núi hoang giữa Huế và Quảng Trị dọc đường rầy xe lửa.

Những loại cây họ SIM (Myrtacea) là những loại thực vật thoái hóa (Vegetation de degeneration) của những khu rừng già có những loại cây đại mộc lâu năm. Cây bị người ta đốn chặt để làm vật liệu, phải chờ hàng chục hàng trăm năm mới có cây mới, thành ra đất triền núi trống khiến các thảo loại nhỏ như sim, móc, muồng, sót tha hồ thao túng mọc lên vì không bị che rợp như trước. À, bạn có biết ở chân Núi Ngự có nhiều rau khúc để làm bánh không?

Tôm cá ở Huế - Thừa Thiên cũng ngon, đặc biệt ở phá Cầu Hai, nước có nồng độ mặn đặc biệt như ông TÔ HỮU QUY nói chăng? Đặc biệt ở Huế có con khuyết làm ruốc hoặc có thể phơi khô hay ăn tươi. Ruốc khuyết ăn sống với dưa sọi, khế, vả, rau sống là tuyệt đỉnh khoái lạc với kẻ sành ăn. Ruốc còn làm gia vị để kho hay nêm canh. Bún bò Huế, cơm hến Huế nêm thêm ruốc khuyết ngon hết chê! Ngon nhức nhối tim gan lận!

Cái ngon của món ăn hay sản vật Huế - Thừa Thiên đương nhiên thuộc lãnh vực thổ ngơi hay cách nấu nướng pha chế, nhưng đừng quên cái nét ăn của người Huế.

"Xin ÔN MÊ (anh chị) thời ba hột" nghĩa là không phải "ních" tộng cho đầy miệng "nhá" rồi "nuốt lốn". Ăn chơi ba hột nghĩa là ăn để ngậm mà nghe cái chất vị. Đất Huế tốt nhưng hẹp, chỉ cung cấp mặt phẩm nặng hơn mặt lượng về các miếng ngon!

Thức ăn thông thường dọn ra trên mâm phải bày biện không theo kiểu mâm cao, cỗ đầy mà phải tôn trọng cái tinh thần thanh cảnh... rất Huế. Một dĩa kiểu lớn với vài con cá bóng thệ kho sột nằm phơi mình rộng rãi với dăm lát ớt! Cơm bới trong chén chỉ lưng lưng thôi... ăn hết bới thêm. Yến tiệc cỗ bàn trong Cung đình Đại nội đương nhiên cũng sum suê, nhưng các bạn biết không, khi nhà Vua ăn (gọi là Ngự Thiện), các Ngài lại kén cơm nấu nồi đất mới và kén đũa tre tươi mới vót trong những bữa cơm hàng ngày! Nét ăn Huế đạm bạc dễ thương ghê!

Và có một điểm cũng ít người biết là cái nét ăn của người Huế còn chú trọng ở cái thời điểm mà sản vật thiên nhiên có sẵn hoặc kén kỹ vào lúc ngon nhất.

Gà, vịt, tôm, cá, rau đậu, trái v.v... thì ở chợ lúc nào hầu như cũng có bán, nhưng mua trúng mùa thì vừa rẻ, vừa nhiều lại vừa ngon, đúng tinh thần cần kiệm của con người Huế cổ truyền.

Cứ theo thời tiết ở đất Huế - Thừa Thiên thì đại khái có hai mùa: Mùa nắng ráo và mùa mưa lụt. Người phụ nữ Huế hình như không cần giảng giải nhiều cứ theo kinh nghiệm Ôn Mệ chỉ lại mà đi chợ, mua sắm các thức tươi ngon cho chồng con.

Mùa nào thì ăn theo thứ đó. Nhà thơ V.N. tiền chiến NGUYỄN XUÂN SANH chủ trương làm thơ tượng trưng. Thơ của ông hình như rất ít và khó hiểu. Duy chỉ có một câu mà tôi cho là hay nhất và thích hợp cho cái nét ăn của dân Huế, đó là:

*"Đáy dĩa mùa qua nhịp hải hà"*

nghĩa là cái lòng dĩa bàn lớn đã phản ảnh cái trôi chảy tuần tự nhịp điệu của dòng thời gian của năm tháng, qua những món ăn hay sản vật trong đó.

Mùa nắng ráo của những tháng hè là mùa của xoài, nhãn, của các thứ cá thu, cá nục, cá ngừ v.v... (từ tháng 2, 3 tới tháng 7, 8, vào giữa tháng 4, 5, 6 cá biển nhiều nhất và ngon hơn cả).

*"Ếch tháng ba, gà tháng bảy"*

Ếch tháng ba ăn ngọt thịt vì là tháng ếch mập sung mãn trước khi chuẩn bị mùa ân ái làm tình và sinh sản. Còn gà, vịt và các loại chim sẻ thì mập vào các tháng 3, 4 và tháng 9, 10 nghĩa là mùa gặt lúa. Gà, vịt ngon ăn dúng lúc thì da và lông mềm, lỗ chân lông nhỏ, chân cổ và đùi lại to, con gà vịt tra thì bụng dưới trẻ!

Còn tháng mưa lụt thì rất sẵn các loại cá giếc, lúi, cấn, mại (từ tháng 9 đến tháng 11, 12). Các cá tràu, trê, rô, phát lát từ tháng 10 đến tháng 3 lại rất ngon.

Trường phái ẩm thực (École huéenne de gastromomie) của đất Thần Kinh Huế chú trọng đến cách làm các món kho cá, khác Bắc và Nam qua các kiểu thức: Kho khô, kho nước, kho gừng, kho tương, kho với vả sung, rim, um, chấy; nấu canh (với khế, với măng), bỏ mắm (với cà).

*Măng chua nấu cá ngạnh nguồn.*

*Đến đây em phải bán buồn mua vui.*

Con lệch tháng hai là ngon béo hơn cả. Lệch là một loại lươn. Ở Huế có bán cháo lươn ăn ngon đặc biệt như câu nói chơi: "Vạn thọ vô cương, cháo lươn nóng hổi". Còn các thứ tôm

thì tôm gân mùa nào cũng có, tôm đất có từ tháng 10 đến tháng 2, tôm sú, tôm rằn ngon nhất vào ba tháng 3, 4, 5. Món tôm chua Huế làm bằng tôm rằn loại nhỏ con ướp muối với chút ít phèn (để tôm ăn "đai đai") trộn thêm nạm xôi, măng voi, tỏi, riềng, ớt xắt rối, chút rượu trắng, mật ong, xong gài trong thẫu với lá riềng. Tôm chua Huế ăn với thịt quay, rau sống, cuốn với bánh ướt là một món không đâu bì kịp. Người nội trợ Huế phải biết chọn tôm cho trúng loại, đúng mùa để làm các món tôm khác như tôm chấy, tôm kho đánh, tôm kho rang, tôm làm chả, làm chạo, tôm gấp tư, tôm làm ram, tôm rim, tôm sú nấu dấm, tôm sú um v.v... Trong bánh ướt, bánh nậm, bánh lá, bánh bột lọc, con tôm đóng một vai trò chủ động cho cái khoái trên gai vị giác.

Cái "nét ăn hàng" của dân Huế thâm trầm vô kể. Ngó chạ chạ lát lát mà kén chọn kinh khủng. Họ kiên nhẫn chờ đợi đúng thời điểm mà cái "mụ", cái "o" bán hàng tới mới ăn. Có những "gánh" chè, "nách" bánh ướt, bánh bột lọc ngon chỉ đi những lộ trình quen thuộc với những giờ nhất định, muốn ăn phải chực sẵn. "Miếng ngon" đi qua sẽ không bao giờ trở lại trong ngày đâu!

Con cua cũng vậy, phải kiếm mua vào các tháng 4, 5, 6 tuy rằng các tháng khác trong năm cũng có. Cua non (cua bấy, cua lột) cũng sẵn vào tháng 3, 4, 5, cua gạch thì trễ hơn vào các tháng 4, 5, 6. Cua bọc bột rán, cua chiên theo lối Huế ăn rất ngon. Đặc biệt món cua gạch rêu nấu thơm, cua gạch xào, nấu canh, trộn mì, trộn bún, nấu cháo đã làm mấy ông chồng ở Huế thèm phục tài nấu nướng của vợ mình.

Về khoai lang thì nó vào các tháng nắng ráo 4, 5, 6 ăn ngọt lừ. Món khoai lang luộc xắt lát phơi khô ở Huế ăn "đai đai" "đẻo đẻo", bùi bùi, ngọt ngọt rất thú vị về những tháng mùa đông.

Còn bắp Huế, nhứt là bắp Cồn, bắp Bãi Dâu, bắp Biền ngọt vì trồng ở vùng đất phù sa tân bồi vào hai thời kỳ trong năm: 3, 4, 5 và 7, 8, 9. Bắp nướng, bắp nấu chè phải ăn ở Huế vào các thời kỳ trên.

Trầu cau Huế cũng chịu đất phù sa nên tốt.

*Ru em cho thét cho muồi,*
*Mua cau Nam Phổ, mua trầu Chợ Dinh,*
*Chợ Dinh bán áo con trai,*
*Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.*

Vĩ Dạ, Nam Phổ, Kim Luông, Chợ Dinh đều nằm dọc sông Hương để hứng lớp phù sa tân bồi cận đại (Recent alluvial soil).

Bài thơ "Sao anh không về chơi thôn Vĩ" của Hàn Mặc Tử đã phản ảnh cái phong phú phì nhiêu của vùng đất nguyên ngày xưa là một cánh rừng lau (Vida) qua những chữ gợi ý:

*"Nắng hàng cau" - "Vườn ai mướt quá" - "Cồn vắng đìu hiu hoa bắp lay".*

Nếu Huế là "Thánh địa LA MECCA của chè ngọt" thì ta phải kể một món chè đặc biệt Huế, đó là chè bọc

nhãn. Sen và nhãn là hai sản vật dính liền với danh hiệu đất Thần Kinh qua các câu sau:

*Hồ Tịnh Tâm giàu sen Bích Diệp.*
*Đất Hương Cần ngọt quít thơm cam.*

và

*Nhãn lồng Phụng Tiên*
*Đào tiên Thế Miếu*

Hoa sen là mui hường của kinh thành và lăng tẩm Huế vào mùa hạ. Hột sen chín vào các tháng 5, 6. Hột sen chín đúng độ gọi theo giọng nhà nghề là sen hột mây hay sen cánh gián. Hột sen tươi nấu với chè đường phèn, ăn mát tới đáy con tì con vị (Liên nhục vốn bổ âm, an thần còn đường thì "ngọt như đường cát, mát như đường phèn"). Còn nhãn lồng thì vào tháng 6, tháng 7 vừa chín rộ ở Huế, do đó bàn tay khéo léo quí phái của các bà Huế mới phối hợp hai món hột sen và nhãn lồng thành món chè Sen bọc Nhãn, ăn vừa bổ vừa mát "chon chon" bên ngoài khi nhai lớp thịt nhãn, "bùi bùi thơm thơm" bên trong khi nhai đến hột sen.

Còn củ sen thì phải đợi trễ hơn. Khi sen tàn người ta mới rỡ lên nghĩa là vào khoảng tháng 7, 8, 9. Củ sen nhồi nếp vào đậu xanh luộc và sen cũ hầm xương heo, ăn vừa ngon vừa ấm thận!

Vào những dịp cận Tết, thời tiết mưa gió sản vật không sẵn, nhưng các bà nội trợ Huế cũng dựa theo các thứ sẵn có để làm mứt ăn mừng Xuân, đó là gừng non, me, cam, kim quật. Cái nóng cay của gừng, cái the ấm của vỏ quít là những phương thuốc ngủ hàn qua sự làm ấm con tì, con vị, trong những ngày Huế "ủ dột", ướt át, triền miên của mùa đông.

*Trời mưa ở Huế sao buồn thế,*
*Cứ kéo dài ra đến mấy ngày.*

Nguyễn Bính

*"Đáy dĩa mùa qua nhịp hải hà!"*

Nhưng thời gian trôi qua... nếu nhìn với con mắt vô tình thì ta đâu có thấy cái nhịp điệu của nó, cũng như không có bàn tay nội trợ khéo léo của phụ nữ Huế chọn lọc biến chế... thì nhịp hải hà cũng thành ra "vô vị"!

Nói có sách, mách có chứng, và để trình bày cho có hệ thống và khoa học những lời tả tình, tả cảnh rườm rà, tôi xin mời quí bạn coi Bản tóm lược Nhất lãm (Synoptical chart) về "Mùa nào thức nấy" ở Huế, tài liệu dựa chính xác vào cuốn "Những món ăn nấu lối Huế" của bà HOÀNG THỊ KIM CÚC.

Trên bản Nhất lãm này tôi xin liệt kê ra theo từng tháng:

- Mực nước mưa
- Các thổ sản xuất hiện ở đất Huế - Thừa Thiên

Vì khuôn khổ của trang báo, những điều trình bày về các dữ kiện về Huế đều được trình bày phiến diện tổng lược, chỉ nhấn mạnh trên những đặc thù nổi bật chứ không đi vô các chi tiết tỉ mỉ hay vài sự dị biệt linh tinh cho từng dữ kiện. Hơn nữa, sự thiếu sót về tài liệu tham khảo trên đất khách rất trầm trọng. Các tài liệu về đất Huế khó kiếm vô cùng, vừa xưa, vừa hiếm. Những vị tiền bối hiểu biết cặn kẽ về Huế dần dần mai một, trí nhớ vào tuổi già của các Ôn Mệ cũng suy giảm.

Tôi chỉ là kẻ ngụ cư ở Huế, nhưng nếu quả tim tôi có thể chia làm bốn, thì một góc tư là dành cho đất Huế, vì đó là quê hương của tuổi thơ ấu của tôi. Cái cảm tình sâu đậm này đương nhiên khiến tôi viết về Huế với một sự chủ quan trìu mến của một tấm lòng.

• **Lê Văn Lân**

*Vào trọng đông Canh Ngọ*
*ở đất Tân Dật Tây - Hoa Kỳ*
*Tặng Võ Đình*

# Đêm cuối năm Thân

• Nhã Ca

Năm nay cây mai vàng trước sân nhà nở sớm hơn mọi năm, ông nội đã cắt được một cành đem cắm vào cái bình đồng lớn. Ông còn đoán chắc rằng, thế nào cành mai cũng nở trong mấy ngày Tết, không thể sớm hơn chiều ba mươi được.

Tối ba mươi, sau khi cúng xong, ông nội đi lui đi tới quanh quất bên nhánh mai, rồi chợt kêu lớn:

"Ê, tụi bây ra coi, tau nói có sai mô. Có mấy bông đã hé cánh rồi, sáng mai mùng một là nở ráo cho coi."

Chị Khánh kéo tay Trâm biểu đi lại coi cành mai của Ông. Quả như ông đã dự tính, một vài bụp mai vàng non như nắng. Ông nội đi lui đi tới, có vẻ khoái trí với cành mai. Chị Khánh lôi Trâm ra trước hiên:

"Anh Đăng chừ mà chưa tới. Anh nói với chị túi ni sang đánh tứ sắc."

Trâm dơ tay coi đồng hồ. Nàng phải nghiêng mặt, soi tay lên cao mới thấy được cái kim chỉ giờ nhỏ xíu. Chị Khánh hỏi:

"Mấy giờ mà túi quá rứa hỉ?"

"Mới bảy giờ rưỡi. Đêm ba mươi mà chị."

"Thắp hương chưa?"

"Mới cúng xong mà chị. Túi thắp. Rồi thắp suốt đêm giao thừa luôn chị hỉ?"

Chị Khánh nhìn ra ngoài cây mai. Bên gốc mai là mộ em Tý Con. Cây hương sắp tàn còn chấm lửa nhỏ nhoi. Giọng chị trầm hẳn xuống:

"Hương nơi mộ em tàn rồi. Chạng vạng thắp hương rồi mình thắp cho Tý Con, thắp cho ba với."

Trâm hơi ngần ngại. Mộ em Tý Con nằm nơi sân, nhưng mộ ba tận góc vườn, đầy bóng cây tối mò. Chị Khánh bỏ Trâm đứng yên, lủi vô nhà lấy ra một bó hương. Chị đốt hương rồi thổi cho tắt ngọn lửa bùng lên ở đầu hương. Trâm thấy khuôn mặt chị sáng rực rồi mờ đi. Chị Khánh hỏi:

"Có đi không?"

"Đi chị."

Trâm bíu chặt lấy tay chị Khánh làm chị đi chậm lại, chị gắt:

"Đi đàng hoàng chớ đi chi lạ rứa. Sợ ma à? Có ba rồi có em Tý Con mà sợ chi. Ba và em Tý Con luôn luôn ở cạnh mình."

Trâm nép sát vào chị:

"Răng mà năm ngoái thấy toàn người chết chạy loạn không sợ, chừ tưởng lại em sợ bắt chết rứa."

Chị Khánh không nói gì nữa. Chị chia nửa bó hương thắp lên mộ em Tý Con.

Trâm thấy trong bóng tối những cánh mai như đang run rẩy lên và trong không khí yên tịnh, có những tiếng động tích tắc như tiếng đồng hồ hay tiếng sương rơi.

Những bóng mai đang cựa mình đấy. Nếu còn em Tý Con, chắc nó sẽ nói thế, em vốn mơ mộng lắm. Chị Khánh chắp tay vái mấy cái, Trâm bắt chước theo. Nàng cảm thấy lạnh ở gáy và không dám ngoảnh lại. Nàng có cảm tưởng như sau lưng có một bóng đen đang đứng nhìn mình.

Chị Khánh quì xuống bên mộ và chị yên lặng như thế lâu quá. Trâm đoán chắc chị đang nhớ lại hình ảnh Tý Con những năm về trước. Trâm cũng thế, bao giờ nụ cười ánh mắt vui tươi của Tý Con cũng ám ảnh nàng. Cả khuôn mặt đầy máu của Tý Con, cả câu nói cuối cùng của em đã bao lần làm Trâm bật khóc: "Chắc em chết mất chị ơi. Chị Trâm nói thương em đi, chị Khánh nói thương em đi. Ông nội nói thương cháu đi." Chỉ có điều nó không nhắc tới Tâm, người con trai mà nó có cảm tình nhất.

Năm ngoái cũng giờ này, Tý Con đứng trước cổng đợi Tâm qua, rồi kéo vào nhà đánh tứ sắc. Có cả anh Đăng nữa. Khi nghe anh Đăng cặp đôi nó với Tâm, nó vùng vằng: "Chi lạ rứa, anh dị rứa thế." Thằng Tâm đỏ mặt. Tý Con cũng đỏ mặt, nhưng Trâm thấy hai đứa nó liếc nhau. Tý Con mười bảy rồi chớ nhỏ nhít gì.

Vậy mà, chỉ mấy hôm sau thôi. Bây giờ nó nằm trước sân nơi cây mai vàng mà nó thích nhất. Em Tý Con, em Tý Con của chị. Trâm cúi xuống, nắm đất vẫn vô tri, những cây cỏ chị em Khánh nhổ chưa sạch vẫn mọc thưa thớt. Riêng có những cành mai như lay động nhẹ nhàng trong bóng đêm êm đềm quấn quít như muốn ướp hai chị em Khánh vào một mùi hương xưa quen thuộc.

Chị Khánh đứng dậy, cầm tay Trâm:

"Mình ra mộ ba, em"

Trâm đi theo chị. Mắt Trâm đã quen bóng đêm và nàng đã dạn dần. Chị Khánh bắt Trâm nhẩy qua những vòng đất. Những cây cối già nua của năm qua, trong dịp tang tóc, đã bị gãy và chết gần hết. Duy còn cây vú sữa già gần nơi chôn ba vẫn không bị một vết đạn, còn sống tới giờ và vẫn xum xuê cành lá.

Buổi chiều, Trâm đã trông thấy ông nội đi ra mộ ba thắp hương một mình. Hình như ông nội đã đứng dưới cây vú sữa kia lâu lắm. Khi vào mắt ông hoe đỏ, chị Khánh hỏi ông tối nay có cúng giao thừa không, ông không trả lời nhưng chị Khánh cũng cứ sắp

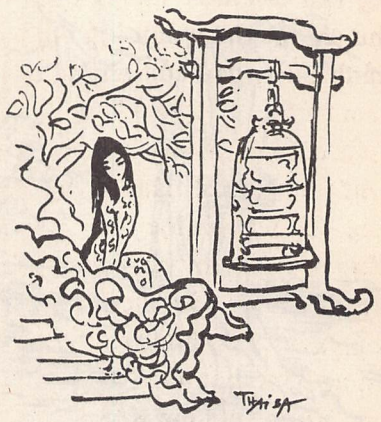

sẵn bánh mứt, mua trà thơm như mọi năm.

Như mọi năm? Làm gì còn như mọi năm được nữa. Trâm nhớ lại mấy năm trước, chiều ba mươi cúng xong thế nào ba cũng dắt mấy chị em lên đồi Vọng Cảnh thăm mộ mạ. Mộ mạ chôn thật xa, ba nói chôn trên đó cho mạ nhìn thấy cảnh thiên nhiên rộng rãi đẹp đẽ. Mạ mi xưa ưa mơ mộng lắm, các mệ mà. Vậy mà bây giờ, ba nằm trong khoảng vườn chật hẹp này.

Đem chôn được ba nơi góc vườn chật này cũng là khó khăn lắm rồi. Trâm nhớ hôm đó đúng mùng bẩy Tết, ba chết trên tay ông nội. Khi đặt ba vào chiếc áo quan để dành cho ông nội, ông nội đã khóc ngất: "Thôi con yên lòng ra đi, ba tặng con cái áo của ba. Ai ngờ con ơi, măng không khóc tre mà chừ tre khóc măng..."

Chiếc hòm ba Trâm mua để dành cho ông nội, không ngờ chính ba lại ở trước. Khi chôn ba ở góc vườn, đợi sáng sớm mới ra đào đất, vậy mà máy bay trên trời thấy cuốc xới đã thả bom xuống làm gãy năm bảy cây lớn trong vườn, sạt mất nửa mái ngói. May mà mọi người kịp vất cuốc vất xẻng chạy xuống hầm được. Mãi tới chiều tối mới chôn được ba xong.

Khổ thân chị em Khánh trong những ngày loạn lạc, mộ ba chỉ cách có mấy thước mà không ai dám đi ra thắp hương hay thăm hỏi khóc lóc. Trâm bước theo chị. Hai bàn chân Trâm quệt vào những bụi cỏ ướt. Trời hôm nay vẫn còn mưa, nhưng cơn mưa rất nhỏ, như chỉ rắc thêm một lớp bụi mờ trên thảm cảnh buồn đãu của những ngày đầu xuân năm trước.

Hai chị em đã tới cây vú sữa. Bóng lá chiếm một vùng đen đậm trong sân. Cây diêm của chị Khánh lòe lên, ngôi mộ ba nằm riêng rẽ trên một vùng đất vuông vắn. Ông nội đã nhiều lần muốn dời lên đồi Vọng Cảnh với mạ, nhưng rồi không ai dám động tới ngôi mộ hết. Ông đành khất lại ba năm nữa. Nhưng chị em Khánh vẫn không muốn đem ba đi. Từ sau Tết Mậu Thân, nhà nào cũng có mồ chôn trong nhà, nơi trường học bên đường đi còn có nữa là. Ba nằm đây còn sung sướng biết mấy. Trâm và Khánh thường nghĩ và nói với nhau điều đó.

Chị Khánh đưa hộp diêm cho Trâm nói quẹt lửa lên soi cho chị trông thấy mà thắp hương. Cây diêm do chính Trâm quẹt lên, ngọn lửa chói trước mắt, Trâm chả nhìn thấy gì hết ngoài tia lửa lùng bùng rồi tắt phụt. Sau đó Trâm chỉ thấy nắm hương lập lòe trên ngôi mộ ba, và bóng tối của cây vú sữa xõa xuống đặc quánh. Chị Khánh lại vái và Trâm vái theo. Hình ảnh máu me của ba lại hiện về, Trâm mủi lòng, mắt rưng rưng. Chắc chị Khánh cũng thế. Trâm nghe tiếng chị sịt mũi.

Có tiếng con vện sủa trong sân. Chị Khánh kéo tay Trâm:

"Anh Đăng qua đó. Vô đánh tứ sắc."

Giọng chị Khánh có vẻ bất thường. Hai chị em vào sân đã thấy anh Đăng đứng trước hiên, ông nội thay xong mấy cây đèn sáp trên bàn thờ. Bức ảnh của ba, của em Tý con sáng trưng, khuôn mặt ba nhìn thẳng vào chị em Trâm. Trâm quay đi chỗ khác. Giọng ông nội không buồn không vui:

"Đánh tứ sắc tụi bây."

Bộ bài vất trên sập ngựa. Bỗng nhiên chị Khánh bật khóc lớn. Năm ngoái ba cũng vất bộ bài trên sập ngựa, và ba cũng chết trên sập này, Tý con cũng quay quắt trên chiếc sập này. Những vết máu trên sập ngựa đã lau sạch nhưng những vết máu trong đầu chị em Khánh không gột sạch được nữa. Ông nội nhìn chị Khánh, nhìn anh Đăng, nhìn Trâm. Chừng đó người nhưng không khí trong gia đình bỗng đơn lạnh quá chừng. Ông đưa tay áo lên dụi mắt, cố gắng giữ vẻ bình thường"

"Con Trâm đi lấy cái chiếu trải dưới cho mát."

Nói cho mát mà ông nội kéo cao cái cổ áo dạ. Anh Đăng thu hai tay vào túi.

Anh Đăng cố thật vui vẻ, anh nói chuyện khôi hài. Nhưng Trâm không thấy vui.

Em Tý con, em về ngồi trên sập ngựa coi chị đánh tứ sắc đó chứ. Trâm nhìn xuống mặt gỗ, mặt gỗ bóng nhoáng, chiếu những tia nến sáng lung linh. Trâm có cảm tưởng như những vệt máu lâu ngày đã phai màu đang chao nghiêng, lấp loáng.

Ông nội chia bài, hình như ông muốn nhắc lại một chuyện gì đó nhưng ông giữ kịp. Trâm biết là ông đang nghĩ tới chuyện gì rồi. Đêm nay, trong bao nhiêu căn nhà mới có cũ có của thành phố Huế, bao nhiêu người đã ngồi buồn bã như thế. Giữa đêm ba mươi, trên bức màn đen tối của đêm cuối năm, bao nhiêu hỏa châu, bao nhiêu tiếng

súng, bao nhiêu xác chết. Trâm thấy chị Khánh vừa nhắm mắt lại.

Ván bài từ ban đầu có bốn người, rồi ông nội Trâm bỏ cuộc trước. Vậy là tan chiếu. Chị Khánh nói anh Đăng ở lại chơi khuya khuya một chút rồi về. Trâm hỏi ông có cúng giao thừa không để đi nấu nước. Ông nội vẫn không có ý kiến gì hết. Chị Khánh nói:

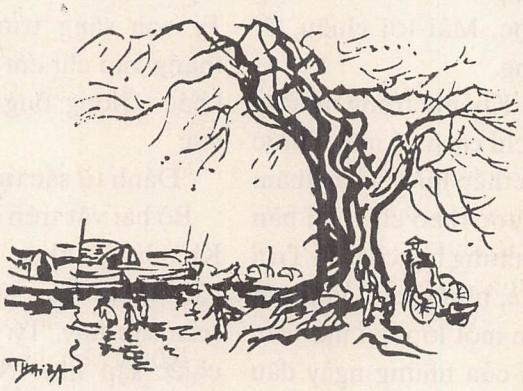

"Thôi, đừng cúng kiếng chi năm mới nữa. Nấu nước cúng ba, cúng mạ, cúng em Tý con."

Hai chị em Trâm soạn bánh mứt. Anh Đăng giúp nhúm bếp dầu hôi. Ông nội có vẻ mệt mỏi nằm dài trên sập ngựa. Hai chị em Trâm với anh Đăng cắn hột dưa và ăn mứt ở nơi chiếc bàn kê trước bàn thờ. Không có anh Đăng qua chơi rồi không biết chị em Trâm ra răng nữa. Chắc hai chị em tìm hai chỗ nằm trong bóng tối để khóc quá.

Hồi chiều Trâm đi xe buýt qua chợ Đông Ba. Tết năm nay người ta cũng buôn bán đủ thứ. Chợ hoa cũng có, chợ trái cây, mứt bánh. Người đi sắm cũng đông đúc, nhưng sao Trâm thấy cả thành phố không có vẻ gì chuẩn bị đón xuân hết, mà như đang sửa soạn để cúng âm hồn. Trên mấy cái xích lô trở đầy những hình nộm, những va ly giấy. Những vành khăn trắng từ đầu năm đến nay vẫn còn quấn trên những mái đầu già trẻ một cách chặt chẽ. Mặt người nào cũng âm thầm. Đôi khi Trâm thoáng gặp những nụ cười nhưng những nụ cười sao cũng chua chát ngượng ngập.

Trâm trở về, nàng đi bộ qua đoạn cầu bằng phẳng nối nhịp cầu gãy. Năm ngoái chiều ba mươi Tết, Trâm đi với Tý con và vài cô bạn gái khác cũng qua mấy nhịp cầu này. Có đứa đầu xuân làm đám cưới, có đứa làm đám hỏi, vậy mà nay đứa chết đứa mất tích đâu rồi.

Cũng chiều mồng một Tết, Trâm với Tý con mặc áo mới đi tung tăng bên ba. Trâm thấy Tấn đạp xe đi bên kia cầu nhìn Trâm với đôi mắt hết sức đằm thắm. Từ lâu, Trâm đinh ninh thế nào cũng nhận được lá thư tình của Tấn tỏ tình vào đầu xuân. Nhưng mấy ngày đầu xuân Tấn chết. Trâm chạy loạn ngang qua nhà Tấn, thấy xác Tấn nằm giữa sân, mất một cánh tay, người đã trương to như con bò. Nhưng Trâm không còn đủ sức để buồn cho mối tình vừa nhúm đó. Nàng còn bận bịu với nỗi khổ lớn mất ba, mất Tý con.

Khi đi qua cầu, Trâm cũng nhớ Tấn, và hình ảnh Tấn xình thúi ở ngoài sân làm cho Trâm choáng váng một vài giây, và nàng vội nghĩ tới cái chết của ba, của em. Trâm có cảm tưởng như mình đang khóc khô, không rớt nổi một giọt nước mắt.

Trâm nghĩ tới những ngày đầu xuân sắp tới thành phố sẽ phá vỡ ra từng tảng buồn lớn như những tảng băng bằng lệ.

Những ngày đầu xuân sẽ là ngày của những âm hồn tung tăng trở về nhà hít khói hương. Tiếng khóc sẽ bật ra khắp nơi với ngày xuân đầy những giấy vàng, những hình nộm, những hương trầm u uất mùi tử khí năm vừa qua.

Ông nội đang nằm im lặng ở sập gỗ, bỗng nhõm dậy, gọi anh Đăng:

"Đăng à"

"Dạ, kêu cháu chi rứa bác?"

Anh Đăng vừa trả lời vừa cắn hột dưa. Ông nội nói:

"Tau nghĩ ngày mồng năm tháng năm đã qua mình cúng âm hồn thất thủ kinh đô, mô có bằng Tết mi hỉ."

"Dạ"

"Đố Tết vừa rồi nhà mô tránh khỏi có người chết hay bà con chết."

"Năm ni nhà mô cũng cúng."

Chị Khánh nói. Ông nội lại lặng im. Anh Đăng đứng dậy về. Ông nội không giữ lại, ông chỉ nói:

"Bên mi có cúng giao thừa không?"

"Dạ con cũng không biết chi hết. Mạ con khóc từ túi qua tới chừ, khuyên hoài mà bà cứ khóc tru tru trong nhà, rầu thúi ruột bác ơi."

Chị Khánh đưa mắt nhìn Trâm. Bên anh Đăng bác trai cũng bị chết vì mảnh bom. Bác đi tản cư gánh một gánh gạo, nồi niêu. Khi bác chết, gánh hàng vẫn còn đè trên người. Đến ngày gần yên, cả nhà mới tìm thấy bác thì thịt bác đã rữa gần hết.

Trâm thấy mắt chị Khánh long lanh nước như sắp khóc. Anh Đăng nói xong thở dài và đi ra cổng.

Nhưng vừa ra tới hiên là anh vội lật đật đi vào. Trâm hỏi:

"Còn quên chi nữa. Muốn mượn bộ tứ sắc về đánh à."

Anh Đăng đi tới gần chị Khánh nói nhỏ nhưng Trâm vẫn nghe kịp:

"Ni, lạ lắm. Có ai ngồi ngoài mộ con Tý Con."

Trâm lạnh cả xương sống. Nàng bước tới gần chị Khánh mà chân nhẹ hổng. Nơi bóng tối ở các góc nhà như cũng có bao bộ mặt rình rập, nhe răng trợn mắt. Chị Khánh đang hốt nắm hột dưa, thả xuống.

"Cái chi, cái chi rứa? Ai"

"Lạ lắm. Nó ngồi lù lù. Đen thui."

Ông nội thấy mấy anh em xì xầm, xỏ dép đi tới:

"Cái chi ? Cái chi rứa Đăng?"

Chị Khánh nói không ra hơi:

"Ai ngồi lù lù ngoài mộ em Tý con."

Trâm kêu:

"Trời ơi. Dễ sợ. Chắc là ma."

Rồi Trâm chui vào đứng tọt giữa chị Khánh và anh Đăng, tay chân run cầm cập. Chắc là ma, hay Tý con hiện về. Hình ảnh ma quỷ bỗng in vào đầu, ám ảnh Trâm làm Trâm hốt hoảng. Ông nội cầm cây đèn dầu giữa nhà:

"Mô, tụi bây theo tao."

Trân cầm chặt áo chị Khánh, bị chị rẫy ra Trâm cầm chặt áo anh Đăng và chen vào giữa:

"Đừng bỏ em trong nhà, em sợ quá."

Anh Đăng ôm vai Trâm dỗ:

"Đừng sợ. Đi với anh."

Ông nội đã đem cây đèn ra hiên. Ông dơ cây đèn tới trước, soi soi ra sân. Quả thật nơi gốc nai có nột bóng đen ngồi lù lù. Trâm suýt kêu thét lên rồi ôm chặt lấy anh Đăng. Ông nội đứng lặng yên một lúc rồi thì thầm:

"Người chớ không phải ma mô."

Cái bóng đen không nhúc nhích. Đầu hơi gục xuống và mái tóc hay cái đầu có vẻ thật lớn. Ông nội bước xuống hiên, mấy anh em vẫn đứng trên bực thềm. Ánh sáng ngọn đèn quẹt một vệt dài trên lưng bóng đen, sáng một khoảng trắng nhạt.

"Ai ngồi đó. Ai ban đêm ra ngồi chi đó?"

Bóng đen đứng rột dậy. Trâm kêu một tiếng ôm chặt anh Đăng. Chị Khánh cũng lùi lại một bước ôm lấy vai anh Đăng. Ông nội tiến thêm một bước nữa:

"Ai đó? Răng kêu không nói:"

Có lẽ Ông nội cũng gớm cho nên ông chỉ tiến thêm một bước rồi đứng như chôn chặt chân xuống đất.

"Dạ cháu đây mà Ông."

"Cháu là ai?"

"Dạ thằng Tâm đó ông."

Chị Khánh thả hai tay xuống.

"À, thằng Tâm."

Trâm cũng buông anh Đăng ra. Ông nội đem cây đèn đi ra thêm mấy bước nữa. Ánh sáng giúp Trâm nhận ra mặt thằng Tâm dễ dàng. Trên mộ em Tý con có nén hương mới đang cháy. Thằng Tâm đi vào hiên. Ông nội soi đường cho mọi người rồi đặt cây đèn giữa bàn. Thằng Tâm còn đứng rụt rè. Ông nội hỏi nó, giọng dịu dàng:

"Răng chiều không qua ăn cúng ba mươi rứa Tâm. Đi mô chừ mới qua."

"Dạ cháu ở bên nhà."

"Răng chừ mới qua."

"Dạ."

Anh Đăng lôi Tâm xuống ghế. Mặt nó buồn xo. Nó nhìn lên bộ bài tứ sắc còn vất trên chiếu, rồi nhìn lên bàn thờ. Bức ảnh Tý con với đôi mắt ngây thơ, đôi môi tươi tắn như chuẩn bị những bước vào đời thực vững vàng, tin tưởng. Mùi trầm hương bay thoang thoảng quyện nỗi buồn nhớ tản mát không gian. Ông nội đi thay hai ngọn nến mới, rồi ông ra hiên. Trâm thấy ông đi tuốt ra mộ Tý con, và đứng dưới cây mai, bóng ông đôi lúc như chập vào bóng đêm. Chỉ còn hình dáng ông rõ ràng trong trí nhớ của Trâm.

Một lát anh Đăng đứng dậy đi về. Anh dặn nhớ đóng cửa ngõ cho chặt rồi ngủ. Không biết có chuyện gì xảy ra đêm nay không? Trâm nhìn lên bàn thờ, nhìn cành mai nở đúng ngày của ông nội. Chắc cây mai bên mộ em Tý con, những bông mai đã nở sớm, như cuộc đời em đã sớm ra đi, nhưng còn lại một cành kịp cho người sống tưởng nhớ.

Khi ông nội về thì thằng Tâm đứng dậy nói xin phép về. Ông nội dặn:

"Mai mốt mùng một mùng hai qua bên ni nghe cháu."

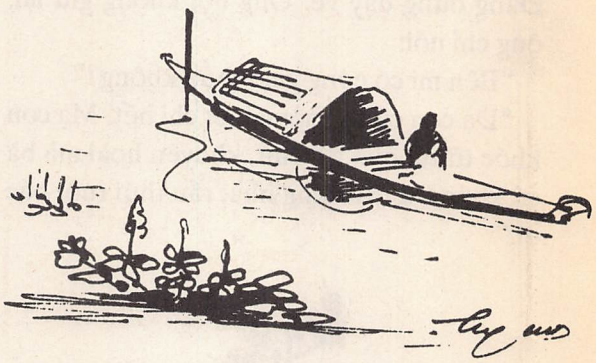

Tâm dạ rồi lủi thủi đi ra cửa. Nó biến mất ra ngoài tối.

Lúc này Trâm mới nghe tiếng chó sủa khắp nơi vọng tới. Đêm ba mươi này, biết bao oan hồn về sớm để chực chờ.

Những âm thanh rơi trong đêm hay những tiếng xào xạc của các âm hồn bay tản trong bầu trời đen tối đầy mùi trầm hương, đầy tiếng khóc của những người còn sống. Hình ảnh Tâm vừa đi ra vừa ngước lên bầu trời đen mênh mông, để gửi một ánh mắt tới Tý con làm Trâm cảm động muốn khóc.

"Em Tý con, nếu có linh hồn em sẽ trở về chứ? Em phải về, em Tý con. Em có về đêm nay nhớ mở hết những cánh hoa mai ra nhé." Trâm rủ chị Khánh đi nằm nghỉ một chút để đón giao thừa. Cúng giao thừa hay cúng oan hồn đầu năm cũng vậy.

Chị Khánh chùi nước mắt. Trâm thổi tắt ngọn đèn. Nàng nằm thẳng, chân tay duỗi dài và bỗng thấy mình nằm giống hệt như Tý con đã nằm khi chết.

• **Nhã Ca**

# Chị Thúy

• **Bùi Bích Hà**

Ký ức của tôi về chị lù mù, ít ỏi. Chỉ là một cái tên gọi, lẫn lộn, mơ hồ với chiếc áo cánh phin nõn có hai cái túi in hằn tờ bạc bộ lư xếp thành cọc dày dặn (có hôm tôi nhìn thấy chị lúi húi đo cắt những tờ po-luya mỏng để lót bên trong tờ giấy bạc duy nhất chị có) Ngày ấy còn bé, tôi không biết tại sao chị mất công làm việc ấy. Sau này lớn lên, nhớ lại cái cảnh chị ngồi một mình, tỉ mỉ dùng kéo cắt xén những cái rìa giấy dư ra ngoài tờ bạc làm mẫu, tỉ mỉ xếp chúng lại thật bằng bặn rồi nhét chúng vào cái túi áo phin nõn màu trắng là ủi thẳng tắp của chị, tôi hiểu rằng đã có lúc chị khổ tâm vì là con nhà giàu mà chị lại không có nhiều tiền trong túi.

Ngày nay, tôi không tài nào hình dung được chị nữa. Trong trí nhớ tôi, chỉ còn thấp thoáng dáng một cô gái tầm thước, thỉnh thoảng tôi nhìn thấy đi nép dưới dãy hàng hiên lướt thướt mưa ở mặt tiền những ngôi nhà xây cất không đều đặn nằm giữa khu phố Gia Hội, quãng rẽ vào nhà thờ Trung Bộ với cửa tiệm bán xe đạp Rồng Vàng ngay góc đường. Bà chủ tiệm Rồng Vàng mắt sâu như đầm, khuôn mặt mỏng, đôi môi mỏng. Những hôm gội đầu, bà ngồi hong bộ tóc mun dài chấm gót chân trước thềm nhà, trên một cái ghế thấp bằng tre. Cổ bà đeo chuỗi ngọc xanh biếc.

Bà Rồng Vàng có một cô con gái duy nhất, cao và mảnh như cây tre miễu. Tóc cô cũng dài và đen mun y hệt tóc mẹ, kẹp buông đằng sau rậm như cái đuôi ngựa, bằng cái kẹp to bản trông giống như một thỏi bạc. Hồi đó thỉnh thoảng tôi nghe mẹ tôi sau khi sang lấy nước mạ ở bên ấy về thì buồn rầu bảo nhỏ tôi "Cô Phương con bà Rồng Vàng đến tối về nhà chồng mà còn nằm gối đầu lên cánh tay mẹ ngủ trưa". Ngày ấy tôi không hiểu mẹ nói thế để làm gì, sau này thì tôi đoán ra mẹ xót xa vì không được đặt cánh tay bà cho chị gối đầu lên, như bà Rồng Vàng và cô Phương. Như vậy là vì tuy mẹ tôi sinh ra chị nhưng trên giấy khai sinh và trong thứ bậc gia đình, chị được coi là con bà vợ cả của bố tôi (mẹ tôi chỉ sắp hạng ngang với kẻ ăn người làm trong nhà). Bề ngoài, mẹ già tôi nhận chị làm con để khỏi mang tiếng tuyệt tự, nhưng từ trong huyết thống, bà ý thức rõ cảnh mẹ gà con vịt chắt chiu giữa hai người. Không những thế, chị còn là nguồn cơn nỗi hiềm thù canh cánh trong lòng bà đối với mẹ tôi chỉ vì cái tội mẹ tôi sinh nở được mà bà thì không.

Có lẽ cả một thời thơ ấu và tuổi trẻ chị đã không được nuôi nấng bằng tình thương yêu đằm thắm giữa mẹ con như nhiều đứa trẻ khác. Chính vì thế mà ngày nay ký ức tôi không lưu giữ được gì nhiều về chị. Chị như cái bóng, phơ phất đó đây, không dính dấp thân thiết với bất cứ ai trong ngôi nhà rộng lớn của bố tôi trên bờ sông Gia Hội.

Tôi chỉ có một kỷ niệm duy nhất với chị vào một buổi chiều mùa hè năm 45. Bữa đó, tự dưng chị gọi tôi đến gần. Chị mặc áo lụa Bombay màu hoàng yến, đeo hạt vàng chân mang hài cườm. Chị chải tóc cho tôi bằng

chiếc lược đồi mồi thoang thoảng mùi thơm của tóc chị. Hai bàn tay chị có những ngón búp măng, khi chạm vào má tôi, êm mịn như tơ lụa nõn. Chị rẽ đường ngôi giữa cho tôi. Chị kẹp lên tóc tôi hai cây kẹp tăm bé tí xiú và chị dặn "em không được đánh rơi, mất chị đánh đòn". Suốt buổi chiều, tôi không dám chạy nhảy, chơi đùa như mọi ngày vì sợ làm mất kẹp tóc của chị nhưng đến khi anh Nam bên hàng xóm bế tôi lên vai cho tôi hái trứng cá thì tôi quên khuấy hai cái kẹp tóc chị dặn. Tôi mải mê, quay quắt, luồn lách dưới những tàng lá rậm phơn phớt lông tơ để tìm quả chín, một lúc thì mất quách một chiếc kẹp. Buổi tối hôm đó, tôi nem nép lo bị chị đánh đòn nhưng hình như chị chỉ dọa cho tôi sợ chứ không thực tâm qúi mấy cái kẹp tóc gắn lên đầu tôi.

Tình chị em giữa chúng tôi chỉ có ngần ấy. Cũng có những ngày người lớn vắng nhà. Bố tôi thường xuyên đi làm ăn xa, mẹ già tôi đi kiểm tra các cửa hàng gạo mở ở nhiều tỉnh lỵ khác nhau, mẹ ruột tôi phải vào đồn điền đang mùa gặt thu hoạch ở Đồng Hới, việc gia đình giao cho chị trông nom tạm nhưng không hiểu sao, tôi ít nhìn thấy chị trong ngôi nhà rộng ở phố Gia Hội. Thường chỉ có một mình tôi với chị người làm tên Nụ nằm trở đầu đuôi trên cái võng mắc ở gian buồng giữa, tôi vừa nghe chị Nụ hát chèo vừa ăn cơm nguội với nước sấu luộc.

Ít lâu sau khi Việt Minh cướp chính quyền trong tay người Pháp rồi người Nhật, họ đặt trụ sở ở phần phía trước ngôi nhà của gia đình tôi nên bố tôi vội vã thu xếp cơ ngơi, dọn về thửa đất gần Đò Cồn, giao toàn bộ căn nhà ở phố Gia Hội cho Ủy ban Nhân dân xử dụng.

Mặc dầu tấm lòng trẻ thơ trong tôi nô nức về nơi ở mới gồm một tòa nhà trên mười phòng ngủ, một khu vườn rậm hơn một mẫu tây đất đầy cây ăn quả, buổi tối đầu tiên khi về đây, tôi một mình mon men đi theo con ngõ nhỏ từ bên hông nhà chạy ra tới bến Đò Cồn, đứng nhìn mông ngược lên đường Gia Hội, nhớ nơi chốn tôi vừa rời đi. Ánh sáng ngọn đèn đầu hẻm đỏ quạch rọi bóng tôi trên lối đi mấp mô, xào xạc những cái lá mít khô nẻ. Cảm giác buồn bã khiến tôi biết mình vừa chợt lớn, khiến tôi mơ hồ ý thức rằng đời sống ngoài sự bình yên, còn có lúc chia lìa, tan tác.

Ở lưng chừng con ngõ này, có một tòa nhà cổ hoang tàn tọa lạc giữa một khu vườn cũng rộng ngang ngửa với vườn nhà bố tôi, chỉ khác ở chỗ thiếu người săn sóc. Cỏ dại mọc cao phủ gần lấp tấm bia đúc bằng xi măng dựng ngay ở lối vào theo hình tay ngai. Mọi người gọi tòa nhà này là Phủ ông Nghè.

Tôi không biết do hoàn cảnh nào mà chỉ ít lâu sau khi gia đình tôi dọn về khu này, mẹ tôi đã quen biết thân thiết ngay với bà Nghè. Bà đi buôn hàng chuyến dừa khô và cá nục hấp phơi khô từ Tam Kỳ, Tam Quan đem về Huế trữ để bán lẻ cho người nghèo quanh vùng. Mẹ tôi dành dụm được ít vốn nên cho bà Nghè vay. Vì vậy hàng về, bà Nghè gửi ở nhà tôi. Cá nục chỉ bé bằng một ngón tay của người lớn, xếp đầy miệng mấy cái lu sành lót lá chuối khô, ăn vã rất ngon. Đó là món ăn lót dạ của tôi sau mỗi buổi học. Có khi mẹ cho một hoặc hai con, nhưng thường thì tôi ăn vụng (vì mẹ nói

hàng của bà Nghè, tôi không được ăn thỏa thích).

Vườn nhà bà Nghè ngoài cỏ dại, hổ ngươi, rau sam, rau má, chỉ có hai cây đào đỏ to tướng trước nhà là tôi mê nhất. Tháng tư vào hè, đào đong đưa từng chùm đỏ mọng, khơi gợi trong tôi sự thèm muốn thảng thốt đến ngây dại. Bà Nghè có một cây sào dài dựng trong kẹt cửa để hái đào nhưng khi những chùm thấp bên dưới đã bị hái hết, tôi đành đứng nghểnh cổ bần thần mong đợi vu vơ...

Một hôm, đang chơi đùa quanh quẩn đâu đó rồi sực nhớ đến cây đào nhà bà Nghè, tôi te tái chạy vụt sang vườn nhà bà, đứng xoắn tay vào vạt áo ngắn ngửa cổ nhìn những chùm quả lấp lửng trong đám lá nôn nao tiếng ve sầu. Đang một mình say sưa với niềm sảng khoái riêng, tôi nghe tiếng người nói sát bên cạnh "Em thích ăn đào hả, anh hái cho". Tôi không biết anh là ai? Tóc anh cắt ngắn, khuôn mặt dài và xương, da rám đen. So với tôi, anh cao đến nỗi khi tôi ngửa mặt nhìn anh mặt trời trên đầu đổ lửa vào hai mắt khiến tôi phải vội vàng nhắm tít lại. Anh leo lên cây bằng mấy cái xoạc cẳng dài. Anh hái cho tôi đầy hai túi quần những chùm đào quả to nhất. Bây giờ, tôi không còn nhớ hai người nói chuyện gì với nhau ngày ấy, chỉ biết rằng sau đó hai anh em tôi "trở thành thân thiết". Anh dậy cho tôi hát bản *Hòn Vọng Phu* với cái đàn Banjo cũ. Tiếng đàn của anh sôi nổi, tha thiết, làm tôi nghe được cả tiếng chân đi, tiếng vó ngựa dội vào vách núi. Anh còn chép hết lời bản nhạc cho tôi trên tờ giấy mỏng màu xanh. Nét chữ anh hoa mỹ, thanh mảnh, mềm mại, không giống dáng người nông dân hơi thô của anh. Về sau, tôi biết anh là con trai bà bạn hàng thân của bà Nghè, từ Tam Kỳ ra Huế vãn cảnh trước khi trở về nhận công việc Trưởng ty Hỏa xa Phù Cát.

Tôi không biết anh đã nhìn thấy hoặc gặp chị tôi trong trường hợp nào, có nói năng gì với chị hay không nhưng một buổi trưa, khi anh leo xuống cây đào, tôi thấy anh ngậm ở miệng một chùm quả anh hái cả cành thật đẹp và anh đưa vào tay tôi, ân cần dặn "Em đem về cho chị Thúy, quà của anh tặng chị". Tôi ngập ngừng, bối rối, không biết nói sao cho anh hiểu là chị em tôi chả mấy khi chuyện trò cùng nhau, không những thế, đối với tôi, chị rất nghiêm khắc và lạnh lùng. Thấy tôi đứng ngây ra, anh dịu dàng van nài "Em giúp anh nhé, rồi ngày nào anh cũng hái đào cho em và dạy em hát".

Con ngõ từ Phủ bà Nghè về đến cổng sau nhà bố tôi chỉ chừng hơn trăm thước mà buổi trưa hôm ấy tôi đi mãi không tới. Đưa túm đào cho chị thì tôi sợ bị mắng nhưng nếu không đưa, đôi mắt anh nhìn tôi ban nãy cứ làm tôi bồn chồn, buồn bực. Tuy nhiên, lúc tôi bước qua cái sân rộng chỗ giếng nước thì chị Thúy đang đứng phơi quần áo lên giây. Nhìn bộ dạng lấm lét hai tay dấu sau lưng của tôi, chị gọi giật tôi lại "Mày cứ đi đâu lang thang suốt ngày như ma đói vậy? Cái gì dấu ở đằng sau?" Tôi vội vàng chìa chùm đào cho chị, miệng lí nhí "Anh Mỹ bên bà Nghè bảo em đưa tặng chị". Tôi thấy chị khẽ cau mày và chị ngúng nguẩy nhìn ra chỗ khác, nói sõng "Đồ nhà quê". Nhìn theo tấm lưng thon trong cái áo cánh phin nõn của chị ẻo lả quay đi, nỗi lo sợ bị chị mắng tan biến nhưng trong cõi lòng thơ dại của tôi, cái yên lặng thăm thẳm trên khoảng sân hừng hực nắng trưa hôm ấy, lần đầu, làm dấy lên một cảm giác buồn bã. Tôi lờ mờ hình dung ra sự trắc trở trong thế giới người lớn đầy bí ẩn và những điều khắc nghiệt.

Tất cả những chuyện xảy ra giữa anh Mỹ và chị Thúy (mà tôi biết) chỉ có thế. Tuy nhiên, một buổi chiều trời đã chạng vạng tối, trong tiếng ve sầu đứt đoạn giữa các lùm cây rậm xung quanh nhà, dưới ánh sáng hiu hắt từ mấy cây đèn bình bát nghiêng qua cửa xuống mấy bậc thềm, tôi

chợt thấy chị Thúy, chiếc nón lá kẹp bên hông rảo bước đi ra cổng. Sau lưng chị, bà Nghè tất tả xách một cái Vali nhỏ. Tôi không biết chị đi đâu, nhưng tự nhiên bụng tôi đau thắt như dao cắt. Tôi đâm bổ vào bếp tìm mẹ. Mẹ tôi đang thổi nấu, một tay bà cầm cái que cời rơm, một tay bà che ngang vầng trán, nền gạch chỗ bà ngồi loang vệt nước, thẫm lại.

Ngồi bên cạnh mẹ một lúc, tôi rụt rè hỏi "Chị Thúy đi đâu hả mẹ?" Mẹ tôi chỉ yên lặng. Trong ánh lửa rơm bập bùng, khuôn mặt mẹ như một phiến đá phẳng lì, trơ trọi, gội nước dưới trời mưa (sau này lớn lên, tôi biết nỗi đau khổ nào của mẹ cũng im lìm như đá núi).

Đêm hôm ấy, tôi đang thiếp ngủ trên tấm phản kê ở đầu hè thì chợt thức giấc vì tiếng thì thào một mình của mẹ "Con ơi, con ơi, cơ cực đến thế vậy". Mẹ ngồi bệt trên thềm, tóc xõa đầy lưng, mặt ngửa trông lên bầu trời đêm thăm thẳm cao, mỗi ngón tay, ngón chân, mỗi sợi tóc, mỗi hơi thở của mẹ là tiếng hét thầm lặng từ những niềm oan khuất không thể tỏ bày.

Mãi lâu sau, qua bà Nghè, tôi biết chị tôi về làm vợ anh Mỹ. Nguyên nhân của việc này, cho đến nay vẫn còn là niềm bí ẩn đối với riêng tôi.

Chị Thúy theo chồng được mấy tháng thì mặt trận Việt Minh kết thúc, quân Pháp chiếm lại các thành phố, quận huyện, làng mạc. Khi họ tiến vào Phù Cát, nghe nói anh Mỹ và chị Thúy từ hầm trú ẩn chạy về phía họ thì do ngộ nhận, quân Pháp tưởng lầm anh chị là cán bộ Việt Minh tan hàng nên bắn gục cả hai trên đường sắt trước nhà ga. Nghe nói người đưa tin cho bố tôi đã tìm thấy trong túi áo anh Mỹ tờ giấy viết những dòng như sau "Nếu tôi có mệnh hệ nào, xin người nhặt được giấy này báo tin cho nhạc phụ tôi là cụ Hường B. số nhà... đường... Thành phố Huế". Thương nhớ anh, tôi tự nhủ thầm "Anh chỉ có cơ hội gọi bố em là nhạc phụ khi anh qua đời. Nếu anh đã yêu chị Thúy, tình yêu ấy chỉ là giấc mơ ngắn ngủi của một mùa hè đỏ màu mận chín trong khu vườn nhà bà Nghè".

Mãi lâu về sau, qua câu chuyện của nhiều người quen biết kể lại, tôi biết rằng chị Thúy (lúc nhà tôi còn ở phố Gia Hội) có mối tình đầu với con trai bà Cửu Đ. là chỗ buôn bán hụi hè qua lại với mẹ già tôi. Bà Cửu Đ. nhờ người chính thức dạm hỏi chị thì bị mẹ già tôi gay gắt từ chối, chê nhà bà Cửu không môn đăng hộ đối, chê con trai bà không học hành đỗ đạt gì. Chị Thúy bất chấp sự cấm đoán của mẹ già tôi, cứ tiếp tục cuộc tình thầm vụng của chị đến nỗi có một đêm, chị bị mẹ già tôi nhốt kín trong phòng, bị đánh bằng chổi phất trần và bị cắt mớ tóc mây dài óng ả.

Sau đó, hình như chị Thúy tôi không yêu ai nữa, cũng không có gia đình nào trong cái thành phố bé tí xíu trên bờ sông Hương ấy nghĩ đến chuyện dạm hỏi chị cho con trai họ. Có lẽ vì vậy, chị sống vật vờ như một cái bóng buồn bã cho đến lúc chị bị bất ngờ theo anh Mỹ về Phù Cát.

Cuộc đời mẹ tôi mang nhiều vết thương sâu. Số phận chị Thúy là một. Kể từ ngày chị đi, mẹ tôi không bao giờ còn nhắc nhở đến chị, cả khi tôi thực sự khôn lớn và hiểu được nhiều nỗi đau khổ của mẹ. Chỉ là do những người thân quen với gia đình tôi đôi lúc trò chuyện riêng với tôi mà tôi mường tượng hình dung lại chị "Cô không cao bằng cô Thúy ngày xưa", "bàn tay cô Thúy búp măng", "tóc cô Thúy dầy và mượt, dài chấm gót", "cô không xinh bằng cô Thúy. Cô Thúy trắng như hoa huệ, má lúm đồng tiền, mặt trái soan" v.v...

Tôi không biết chị chết vất vưởng trên đường tàu như vậy thì có mộ chôn không nhưng tôi biết tâm hồn mẹ, trái tim mẹ là nấm mộ êm ái chôn cất chị vào thiên thu.

• **Bùi Bích Hà**

# Vẫn là về bài "Đây, thôn Vỹ Dạ" của Hàn Mặc Tử

• Nguyễn Hữu Thứ

**Lời nói đầu**

*Hàn Mặc Tử (1912-1940) có nhiều mối tình, đa số có tánh cách quá lý tưởng đến nỗi trở thành không tưởng, theo lối Platon (429-347 trước Công nguyên) đúng ý với từ ngữ Pháp "Amour platonique". Trong những mối tình ấy, có hai người Huế, Kim Cúc và Thương Thương. Thương Thương (phu nhân sau đó của một Luật sư tài ba) liên hệ vào thơ Tử lúc còn quá trẻ, do sự giới thiệu của nhà văn, nhà thơ Thanh Tịnh, nên Tử làm những thi phẩm dài, giàu trí tưởng tượng, như kịch thơ Duyên Kỳ Ngộ, đọc rất dễ thương. Về cô Kim Cúc, có những bài ngắn hơn. Cho nên, nói đến Hàn Mặc Tử và Huế người ta thường chọn bài "Đây, thôn Vỹ Dạ".*

Trong đặc san Nhớ Huế xuất bản cuối 1991, có bài "Đây, thôn Vỹ Dạ", Bs. Trần Đoàn - người Vỹ Dạ - đã giới thiệu nơi sinh trưởng của mình trong 7 trang báo, với những chi tiết về địa lý, đọc dễ hiểu.

Trong buổi họp Nhớ Huế tổ chức ngày 27-10-1991 tại Nam California, có một chương trình văn nghệ phong phú, đầy thẩm mỹ, hai cô Liên Hương và Phương Tâm đã cùng trình bày bài thơ "Đây, thôn Vỹ Dạ" của Hàn Mặc Tử rất hay, làm xúc động những người xa Huế có mặt hôm ấy.

Bài báo, đêm văn nghệ - như vậy - đã giới thiệu trong một phạm vi nào bài thơ của Tử với độc giả, khán giả một miền nào của Hoa Kỳ. Nhưng, tôi nghĩ cần viết bài này vì lý do khác: Bút chiến, tranh luận.

• **Vì sao tranh luận?**

Chế độ miền Bắc Việt Nam sợ những gì có thể làm giảm tinh thần chiến đấu theo "Struggle for life" của Charles Darwin - Vì thế trong phạm vi văn học, không nói đến Tương Phố Đỗ thị Đàm, Song An Hoàng Ngọc Phách, Hàn Mặc Tử Nguyễn Trọng Trí - Có lẽ miền Bắc cho rằng thơ của Tử quá trữ tình, Tử lại theo Thiên Chuá giáo.

Nhưng độ sau này, có nhiều chuyển biến từ xa, rất xa, nhưng gây ảnh hưởng sâu đậm ở Việt Nam. Ảnh hưởng trong nhiều phạm vi, trong đó có văn học, giáo dục.

• **Những chuyển biến gì?**

Năm 1956, Khroutchev hạ bệ Staline trong một bài diễn văn dài gần 10 giờ. Ông đã đổi mới nhiều điểm, trong đó có sự mất tôn sùng cá nhân. Brejnev thay, và qua đời ngày 10-11-1982, người thay thế là Yuri Andropov, nguyên Giám đốc KGB, nhưng là người bệnh hoạn nên tháng 2-1984, Andrpov qua đời. Người thay thế là Konstan-

tin Chernenko, cũng bệnh hoạn nên chỉ hơn một năm sau, 10-3-1985, Chernenko qua đời. Ngày hôm sau, người thay thế là Mikhail Gorbachev, 54 tuổi, Tổng bí thư trẻ nhất sau Staline. Ông có tinh thần tiến bộ nên chủ trương đổi mới.

Trong Đại hội VI của Đảng CSVN, ông Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng bí thư. Ông cũng phải chủ trương đổi mới. Cũng vì thế, các trường trung học được phép dạy bài "Đây, thôn Vỹ Dạ" của Hàn Mặc Tử.

Trước đó, có lẽ các thư viện tư, công đều không có quyền oa trữ những gì không cho dạy, cho đọc, khó mà tìm tài liệu về Hàn Mặc Tử, Tương Phố... Nhà hữu trách bèn khuyến cáo ai biết gì về các tác giả mới được cho học, cứ trình bày trên bào để các giáo viên dựa vào các tài liệu đó mà dạy; bài thơ của Tử được dạy ở Lớp 12. Trong tinh thần đó, ông Lê Đình Mai, dạy ở trường Lý Thường Kiệt, Hà Nội, có viết bài "Đây, thôn Vỹ Dạ, một tiếng thở dài đáng quí" đăng trong tờ "Giáo Viên Nhân Dân" số 1 (951) ra ngày 1-1-1990, gọi là số đặc biệt chuyên đề. Bài này cho thấy ông Lê Đình Mai hiểu rất sai bài thơ, bôi nhọ sông Hương, thôn Vỹ Dạ và người đẹp trong thơ. Cho nên, tôi thấy cần viết bài này vì hương hồn của nhiều người đã vĩnh biệt cõi đời như nhà thơ Hàn Mặc Tử, người đẹp Hoàng Kim Cúc, nhà văn Trần Thanh Mại, nhà văn Bùi Tuân, những bạn thân của Tử, đã viết nhiều bài về Tử, vì lương tâm của nhiều người còn sống trong đó có những thân nhân của nhà thơ, của người đẹp, có bạn thân hay nhà văn đã viết về Tử như Quách Tấn, Võ Long Tê, Nguyễn Anh. Quách Tấn là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, bạn thân của Tử, nay mất cả thị giác, hiện sống ở Nha Trang. Nhà học giả Võ Long Tê có viết một cuốn sách bằng Pháp ngữ về Hàn Mặc Tử hay, có giá trị, hiện ở Calgary, Canada. Thi sĩ Hoàng Diệp Nguyễn Anh đã đạt được giải phê bình văn học năm 1972 ở Sàigòn với tác phẩm về Hàn Mặc Tử. Cần tranh luận cũng vì lương tri của con người.

- **Ông giáo Lê Đình Mai hiểu thế nào về bài thơ của Hàn Mặc Tử?**

Về thôn Vỹ Dạ và sông Hương, ông Mai viết: "Thôn Vỹ Dạ này, nơi sinh sống của nhiều kỹ nữ xưa. Trên khúc sông Hương thơ mộng và cũng là một dâm trường lớn, gió có lối đi của gió, mây có đường đi của mây, kín đáo riêng biệt, thành thạo như bọn khách làng chơi, quen đi về trong những cuộc tình..."

Để làm cơ sở cho tư tưởng của mình, ông Mai trích một số câu trong bài "Hương giang dạ khúc" mà ông cho là của ông Nguyễn Vỹ, một số câu trong bài "Tiếng hát sông Hương" của nhà thơ Tố Hữu, bài "Lời kỹ nữ" của nhà thơ Xuân Diệu.

Về cô gái thôn Vỹ, ông Mai viết: "... Cô gái của Hàn Mặc Tử cũng có hoài vọng vào những viễn khách, những hoàng tử của lòng cô... Mơ khách đường xa, khách đường xa..."

Tóm lại, theo ông Lê Đình Mai, một giáo viên cấp Ba ở Hà Nội thì sông Hương là một con sông ô nhục, thôn Vỹ Dạ là một khu vực giang hồ như Khâm Thiên ở Hà Nội và cô gái trong thơ của Hàn Mặc Tử là một kỹ nữ!

Những người nào ở Huế đã có cơ hội đọc hay chỉ nghe kể lại bài của ông Lê Đình Mai đều ngạc nhiên và tự hỏi vì sao lại có một sự hiểu lầm - hay xuyên tạc - lạ lùng như vậy! Ai cũng cho rằng bài báo làm tủi hổn nhiều người đã vĩnh viễn ra đi như Hàn Mặc Tử, cô Kim Cúc... Có lần tôi xuống Vỹ Dạ để thăm giáo sư Ưng Trung (người thuộc Phủ Tuy Lý Vương ở địa phương, mới qua đời năm 1991), nhiều người thôn Vỹ cho biết rằng có nhận nhiều thư từ ngay Hà Nội gởi vào

để hỏi có phải cô gái thôn Vỹ, trong thơ của Hàn Mặc Tử là cô gái bán thân nuôi miệng không...

Ở miền Nam, nhiều nhà văn, nhà báo, nhà giáo lấy làm khó chịu lúc đọc bài báo của ông Mai nên đó đây có những bài báo đăng để đính chính, minh oan. Riêng ở Huế, có vài bài đáng nói đến:

1- Ông Mai văn Hoan viết bài "Tiếng thở dài chia sẻ với Hàn Mặc Tử" đăng trong Tạp chí Sông Hương số 2 bộ mới (41 bộ cũ) ra tháng 2-3- 1990 - ông Hoan dạy ở Quốc học đả kích bài của ông Mai một cách đang còn nhẹ nhàng, tế nhị. Ông trả lại nét thẩm mỹ cho mối tình lý tưởng trở thành ảo tưởng của Tử và cô Kim Cúc.

2- Ông Nguyễn Thanh Thọ ở Phòng giáo dục Hương Phú, một huyện ở phía nam Huế, có viết bài "Đây, thôn Vỹ Dạ, một bài thơ bị hiểu oan" đăng trong báo Thừa Thiên Huế số 33 ngày 16-2-1990 - ông dẫn chứng cũng cẩn thận.

Tôi nghĩ rằng những bài như trên cũng như những bài tương tự chưa nói hết những sự sai lầm của ông Lê Đình Mai. Nếu để các ông giáo từ Lạng Sơn đến Cà Mâu dựa vào bài của ông Mai mà giảng dạy bài "Đây, thôn Vỹ Dạ" thì kết quả sẽ tai hại cho giá trị của thi phẩm Hàn Mặc Tử, cho nên tôi viết bài này.

Ta có câu "Nói có sách; mách có chứng", nên trong bài này tôi xin phép đích danh nói đến nhiều vị liên hệ đến thôn Vỹ, mong quý vị cảm thông.

- **Thôn Vỹ Dạ đất cao quý của tỉnh Thừa Thiên**

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Thừa Thiên, tên Vỹ Dạ là từ tên đặt lúc đầu: Vi dã, có nghĩa

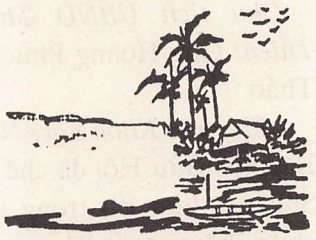

là vùng thôn quê đầy lau lác. Vỹ Dạ ở đông bắc thành phố Huế, nằm trên con đường đi từ Huế đến bãi biển Thuận An phía tây là một nhánh nhỏ của sông Hương, giữa Vỹ Dạ và Cồn Hến, phía đông có nhà và ruộng. Các nhà trong thôn - lúc thu hẹp nhất - đã được Bs. Trần Đoàn nói đến trong bài báo dẫn thượng. Phạm vi hành chánh của Vỹ Dạ thay đổi tùy theo quyết định của cơ quan hữu trách đương thời, nên tên cũng thay đổi: Thôn, xã, phường.

Thọ Lâu, Vỹ Dạ, Lại Thế lập thành một thực thể - Giữa Thọ Lâu và Vỹ Dạ không có gì cách trở và nay Thọ Lâu ở trong phường Vỹ Dạ. Lại Thế chỉ cách Vỹ Dạ có một cầu rất ngắn, ba bốn chục mét, dân gọi là cầu "Ông Thượng" - Thượng đây là Thượng thư. Sít mút cầu có nhà ông Tôn Thất Đàn, có làm Thượng thư (ông bà nhạc phụ của Bs. Đặng văn Ngữ, người chế được Pénicilline ở VN). Xa hơn một chút, có nhà cụ Tôn Thất Hân, trước làm Thượng thư, sau quyền nhiếp chức vụ Quốc Trưởng.

Để chứng minh rằng thôn Vỹ Dạ thật tình cao quý, tôi xin nói đến một số danh nhân đã sinh ra, đã cư ngụ ở đó, đã liên hệ chặt chẽ với vùng Vỹ Dạ, Lại Thế. Tại vùng ấy, có một số đại gia đình nổi tiếng là học hành uyên bác:

Cụ Tôn Thất Hân thời ông Khải Định đã làm Thượng thư, đến lúc ông Khải Định qua đời (11-1925), ông được cử làn Phụ chánh Thân thần, quyền nhiếp chức vụ Quốc Trưởng cho đến lúc ông Bảo Đại trưởng thành hồi hương, 1932. Cụ có nhiều con trai trong đó có các ông Toại, Ngân, Gián, Hối, Thiết. Hậu duệ cụ đã từng giữ chức quan trọng về hành chánh hay trong phạm vi khác.

Vẫn về hoàng tộc cũ (Nguyễn Phúc), còn có hai phủ: Tuy Lý và Phú Bình.

Phủ Phú Bình - ở gần bến đò cạn - ít quan trọng vì hậu duệ ít. Phủ Tuy Lý đáng đề cập đến hơn nhiều - có lẽ đó là phủ quan trọng nhất trong các phủ do các con của ông Minh Mạng lập ra ở Huế hay đâu đó ở Thừa Thiên. Phủ Tuy Lý là do ông Hoàng Miên Trinh lập ra; ông là con thứ 11 của ông Minh Mạng. Trong thế kỷ 19, sau khi ông Tự Đức mất (1883), Tuy Lý Vương đã đóng một vai trò nào. Vương đông con và hậu duệ - cũng đông - đã có vai trò đáng để ý trong nhiều phạm vi, làm tăng uy tín của thôn Vỹ.

Ngoài hoàng tộc, những đại tộc khác là:

- Nguyễn Khoa, một trong những họ nổi tiếng của Thừa Thiên - Huế, bên cạnh Thân Trọng (Nguyệt Biều), Hà Thúc (La Chữ).
- Phạm Doãn.
- Hoàng (họ của cô Kim Cúc)...

- **Những người dân thôn Vỹ đã đóng những vai trò nào?**

Xin độc giả theo dõi và suy ngẫm.

- *Quốc Trưởng:* Ông Tôn Thất Hân đã quyền nhiếp chức vụ Quốc Trưởng trong thời gian vị thành niên của ông Bảo Đại; ông đang học ở Pháp cho đến 1932 mới hồi hương.
- *Thủ Tướng:* Ông Bửu Lộc thuộc Phủ Tuy Lý Vương.
- *Thượng Thư, Bộ Trưởng, Thứ Trưởng, Đại Sứ:* Ông Nguyễn Khoa Kỳ, ông Tôn Thất Đàm, ông Nguyễn Khoa Toàn (đã làm Đại sứ ở Thái Lan), ông Nguyễn Dương Đôn (có làm Đại sứ ở Ý), ông Hoàng Tùng Ngân, Bs. Tôn Thất Niệm...
- *Đại biểu Chính phủ hay Phó Đại biểu:* Ông Tôn Thất Hối, ông Nguyễn Đãi.
- *Tổng đốc Thanh Hóa:* Ông Tôn Thất Toại - *Tuần vũ Quảng Bình:* Ông Tôn Thất Ngân - *Phủ doãn Thừa Thiên:* Ông Tôn Thất Gián - *Chủ tịch UBND Thừa Thiên:* Ông Hoàng Phương Thảo.
- *Phạm vi Khoa học:* Nhà Bác học Bửu Hội đã chế ra Sulfone, hữu ích trong lúc chưa chế ra chất Rimartan, dùng về bệnh phong. Tiến sĩ Nguyễn Văn Hai (Phó Viện trưởng Viện Đại học Huế kiêm Khoa trưởng trường Đại học Khoa học Huế), các Bác sĩ Ưng Thông, Ưng Hoát, Bửu Hoàn, Nguyễn Khoa Nam Anh (Giám đốc B.V.T.Ư. Huế), Tôn Thất Niệm, Phạm Doãn Để, Vĩnh Hoạt...

Đặc biệt Dược sĩ Phạm Doãn Điềm đã chế ra rất nhiều dược phẩm được bệnh nhân ưa thích. Dược sĩ cũng có con rể đỗ bằng tương đương: Thiều Anh, Nguyễn Duy Huề.

- *Trong phạm vi Giáo dục*, Vỹ Dạ có một sự đóng góp phong phú:
- *Bộ Trưởng Quốc gia Giáo dục:* Ông Nguyễn Dương Đôn. Các ông Tôn Thất Đàn, ông Nguyễn Khoa Toàn đã có vai trò tương đương. *Phó Viện trưởng Viện Đại học Huế kiêm Khoa trưởng trường Đại học Khoa học Huế:* T.s. Nguyễn Văn Hai - ông cũng đã là Hiệu trưởng trường Quốc học Huế.
- *Giám đốc Học chánh Trung phần:* Ông Ưng Quả.
- *Hiệu trưởng Trường cấp 3 Quốc học:* ông Nguyễn Đình Hàm; *Đồng Khánh*, bà Huyền Tôn Nữ Quế Hương; *Trường nữ Đà Nẵng*, bà Nguyễn Khoa Diệu Liễu.
- *Giáo sư:* Quý ông Ưng Quả, Nguyễn Dương Đôn, Nguyễn Thúc Hào là những Giáo sư giỏi nhất của Quốc học trước 1945. Thời đó, sau này, các Giáo sư cấp 3 sinh, cư trú ở Vỹ Dạ, rể, dâu của Vỹ Dạ quá đông...

Trong phạm vi Văn nghệ, sự đóng góp của Vỹ Dạ quá lớn đến nỗi làm cho Vỹ Dạ trở nên một Tao đàn tuyệt vời. Chính Tuy Lý Vương cũng là một thi nhân tài ba làm cho ông Tự Đức thường khen nức nở cũng như ông đề cao Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Chính vì Vương làm thơ nên không khí làm thơ trở nên thời

trang. Thúc Giạ Thị Ưng Bình, Hỷ Khương, Ái Mỹ, Bửu Đáo, Trúc Lâm Bửu Cầm, Ưng Trung... Thảo am Nguyễn Khoa Vy là một nhà thơ đa dạng mà ở Huế ai mà chẳng biết, ông cũng nổi lên trong không khí Tao đàn ấy.

Có thi thì phải có nhạc. Về nhạc, ở Huế ai thích văn nghệ đều biết cụ Ưng Thiều, ông chơi rất nhiều nhạc cụ cổ truyền, đặt rất nhiều bài ca và giọng cụ cũng quyến rũ lắm, nhất là vào những đêm trăng của Vỹ Dạ, huyền ảo, mơ mộng.

Tóm lại, dân Vỹ Dạ hay dân liên hệ thường xuyên với Vỹ Dạ đã đóng không biết bao vai trò quan trọng, từ Quốc Trưởng đến những địa vị cao trong mọi phạm vi. Ở Thừa Thiên, ngoài Phú Xuân ra, còn có nhiều vùng được chọn làm kinh sư: Bác Vọng thuộc huyện Quảng Điền, Kim Long thuộc huyện Hương Trà, Kim Long nằm bên cạnh Huế, ở đông bắc, được chọn làm Thủ đô năm 1636 cho đến lúc Chúa Nguyễn Phúc Trân dời về Phú Xuân (Huế) năm 1687; như thế Kim Long là Thủ đô trong 51 năm. Thế mà Kim Long cũng như Bác Vọng, Ái Tử ở Quảng Trị không oai hùng, cao quí bằng Vỹ Dạ - Có lẽ ông giáo Lê Đình Mai không biết một chút gì về Vỹ Dạ, đã vội cho rằng đó là một xóm Bình khang! Tiếc rằng có nhiều nhà thơ ở Hà Nội đã từng học ở Quốc Học, đã ở Huế như các ông Cù Huy Cận, Nguyễn Xuân Sanh, Trần Tế Hanh... không rõ vì sao ông giáo Mai không tìm hỏi để có sự hiểu lầm kỳ lạ.

- **Đây, cô gái thôn Vỹ trong thơ của Hàn Mặc Tử**

Hàn Mặc Tử có nhiều mối tình lý tưởng: Mộng Cầm, Mai Đình, Thương Thương, Kim Cúc... Trong đó, người mà Tử có cơ hội đàm thoại tương đối nhiều hơn là Mộng Cầm, liên hệ đến Lầu ông Hoàng (Duc de Mont sensier, con vua Louis Phillipe của Pháp), cho nên Tử có làm bài thơ về Phan Thiết.

Người đẹp trong bài thơ "Đây, thôn Vỹ Dạ" là cô Hoàng Kim Cúc. Cô thuộc một gia đình danh giá, có nhiều người giữ chức vụ quan trọng về hành chánh, ngoại giao. Cô theo gia đình cô đi tỉnh khác nên được Tử biết đến. Nhưng sau cô về dạy nữ công gia chánh ở trường Nữ trung học Đồng Khánh, Huế. Cuốn sách về nấu ăn của cô được nhiều người biết đến và khen ngợi.

Cô là một người đức hạnh, là một Phật tử trung kiên. Cô đã gây uy tín, cảm tình sâu đậm đến nỗi lúc cô bị trọng thương trong một tai nạn lưu thông ở Sàigòn năm 1988, bị hôn mê, các Phật tử, từ nhiều miền đất nước, đã đóng góp tiền của, công sức để săn sóc cô, chở cô ra Huế. Tình trạng hôn mê kéo dài, nhiều phái đoàn Phật tử đông đã đến Huế để thăm hỏi, săn sóc. Nhưng cô cũng phải vĩnh viễn ra đi ngày 3-2-1989. Đám tang ngày 15-2-1989 (10 tháng Giêng năm Kỷ Tị) kéo dài đến 3 km, được nhân dân Huế xem như một trong những đám tang lớn nhất từ trước đến nay. Cô Kim Cúc có đức hạnh cao quý nên bà con, bạn bè mới thương cô đến thế. Làm sao nhà mô phạm Lê Đình Mai đã nỡ dùng những từ khó nghe đến thế?!

- **Khung cảnh bài thơ "Đây, thôn Vỹ Dạ"**

Thi sĩ Hàn Mặc Tử Nguyễn Trọng Trí mất tại nhà thương Qui Hòa (gần Qui Nhơn, ở phía nam) ngày 11-11-1940, tức ngày 12 tháng Mười năm Canh Thìn, tuổi đời dưới 30. Theo thi sĩ Quách Tấn, thư mà cô Cúc gửi cho Trí là vào năm

1939 tức trước khi Trí qua đời không bao lâu. Trí lúc bấy giờ ở trong tình trạng sức khỏe, tâm lý đặc biệt, khó mà có ý nghĩ gió trăng gì như ông Lê Đình Mai đã viết.

Trí vốn nhỏ con, sức khỏe kém. Cơn bệnh phát sớm và Trí nhận thấy thuộc loại nan y, không muốn nhiều người biết, tự ý đổi chỗ nhiều lần, tới những chỗ cằn cỗi, khô khan ở Bình Định. Bạn thân Trí nói rằng Trí là đối tượng của nhiều mâu thuẫn, nghịch lý. Người thì nhỏ con như thế mà sống mãnh liệt về nội tâm, dạt dào tình thương, tình yêu.

Trong tâm trạng đó, Trí đã nhận được thiệp của cô Cúc, hình như trong ấy có câu "Sao anh không về chơi Thôn Vỹ?" có lẽ thi sĩ tự đặt ra câu hỏi: Cô Cúc có mơ khách đường xa về thăm không? Mối tình có đằm thắm không?

Nhân đó Trí sáng tác ra bài lúc đầu mang tên là *"Ở đây, thôn Vỹ Dạ"*. Toàn là trí tưởng tượng, đứng đắn, không có gì bất chính như nhà giáo Lê Đình Mai nghĩ.

Nhà văn Bùi Tuân, bạn công giáo, Bình Định của Trí, nói rằng Trí là tổng hợp của ba thi sĩ Pháp: Lamartine, Verlaine và Mallarmé. Lamartine (1790-1869), vì nhạy cảm, trữ tình. Verlaine (1844-1896) vì lúc nào cũng nửa say, nửa tỉnh, như không tưởng, thiếu thiết thực. Mallarmé (1842-1898) vì có nhiều thơ có vẻ khó hiểu, huyền bí. Dẫu sao, trong sự nghiệp văn chương của Hàn Mặc Tử không có gì trần tục như ông Lê Đình Mai đã trình bày.

- **Hương Giang, con sông tuyệt vời**

So sánh Hương Giang với một số sông chảy qua thủ đô, cố đô trong thế giới, chúng ta thấy rằng ít có sông đẹp như Hương Giang.

Sông Hồng chảy qua Hà Nội, sông Sàigòn chảy qua "Hòn Ngọc Viễn Đông", sông Seine chảy qua Paris, sông Tibre chảy qua La Mã, sông Thames chảy qua Luân Đôn, sông Potomac chảy qua Hoa Thịnh Đốn... Nước sông Hương luôn luôn trong trừ khi có lụt; nhưng sau cơn lụt dăm ba hôm, nước lại trong đẹp hơn nhiều. Nước sông Hương chảy quá hiền hòa, dễ thương. Sông chia Huế ra hai phần. Đứng trên cầu Trường Tiền, cầu Phú Xuân, cầu Dã Viên (có nghĩa là vườn ở nơi thôn dã do có cồn Dã Viên nằm giữa sông) mà nhìn về phía nam là núi Ngự Bình, núi Thiên Thai; nhìn về phía tây là dãy Trường Sơn. Buổi mai, ánh mặt trời dọi núi ở xa, thì từ Huế nhìn về phía ngược dòng Hương Giang là một bức vẽ thủy mặc Á Đông đẹp tuyệt vời.

Ngược dòng, chúng ta đi qua bến Thương Bạc, Phú Văn Lâu, chùa Linh Mụ, Văn Thánh, điện Hòn Chén; lăng Nguyễn Phúc Xuân (thân sinh của ông Gia Long); lăng Minh Mạng, lăng Gia Long. Có thể ghé bến mà viếng lăng Tự Đức, lăng Thiệu Trị, lăng của nhiều chúa Nguyễn vùng lăng Gia Long và Hoàng hậu Thừa Thiên. Cuộc du ngoạn trên sông Hương, chỉ từng đó không cũng đã có tánh cách hấp dẫn rồi.

Vị trí sông Hương làm cho phong cảnh Huế có vẻ "thoáng", cảnh trăng trên sông Hương quá đẹp nên thi sĩ - không phải chỉ Hàn Mặc Tử - gọi nó là sông trăng. Sông đẹp là cảnh hữu tình, cho nên lâu lâu trên vài chiếc đò chèo, đậu trên sông, có những cặp tình nhân, đâu cũng vậy thôi. Sông Hương không phải là Thôn Vỹ, chỗ không có đất dung thân cho một cô gái giang hồ nào. Cho nên, những bài thơ mà ông Lê Đình Mai dẫn ra để làm cơ sở không thuyết phục được ai cả.

Bài "Tiếng hát sông Hương" của Tố Hữu, bài "Tình kỹ nữ" của Xuân Diệu được sáng tác trong những điều kiện nào? Tôi không rõ, nhưng tôi khẳng định đó không phải là cảm hứng trước một thực tế.

Ông Tố Hữu Nguyễn Kim Thành có học ở Quốc Học ở Cấp hai, đi làm chính trị sớm, có đời sống đứng đắn, khó mà có chuyện gió trăng để làm thơ cho đúng với thực tế. Ông Xuân Diệu từ Bình Định (ông người Gò Bồi) ra học Cấp ba ở Quốc Học, ở ký túc, khó lòng ra để có chuyện gió trăng mà sáng tác bài thơ đúng với thực tế. Vả lại, người đã làm ra bài Tình Hoa:

*Tôi yêu Rimbaud à Verlaine*
*Hai chàng thi sĩ choáng hơi men*

thì khó có chuyện gió trăng thông thường..: Tóm lại, các thi sĩ có tài ấy chỉ dựa vào những ý thông thường thôi: Cô gái giang hồ nào mà không ở trong một thảm kịch nào đó. Trong lịch sử có bao nhiêu Lữ Hậu, Võ Tắc Thiên, Từ Hy Thái Hậu?

Về bài *"Hương Giang dạ khúc"* mà theo cách trình bày của ông Lê Đình Mai là của ông Nguyễn Vỹ, sự thật như sau: Đó là một bài dịch của thi phẩm bằng tiếng Pháp rất hay của ông Francois Henry Guibier. Ông không phải là một thi sĩ chuyên nghiệp mà là một Kỹ sư Thủy lâm cao cấp của Pháp. Ông tốt nghiệp "Institut Agronomique" rồi trường Đại học Thủy lâm Nancy (cao nhất của Pháp) với bằng "Conservateur des Eaux et Forêts". Ông phục vụ nhiều nơi ở Đông Dương, có giai đoạn là Giám đốc Sở Thủy Lâm Trung phần, nên sống lâu năm ở Huế. Thấy sông Hương quá đẹp, ông làm bài "Sur le Fleuve des Parfums - Nocturne" - Bài này được đăng trong Bulletin des Amis du Vieux Huê năm

1916, trang 1957, 1958. Lúc đó xảy ra vụ Duy Tân nên nhiều người trí thức Huế đã lầm lẫn mà cho rằng bài đó là của ông Duy Tân. Bài quá hay, đọc chậm rãi mà nghe thì không khác gì nghe Thái Thanh trình bày bài "Ngày xưa Hoàng thị" của Phạm Thiên Thư và Phạm Duy.

Bài thơ của ông Guibier trữ tình nhưng đứng đắn, không có gì bậy bạ. Thế mà ông Mai dẫn ra như sau: "... Cái buồn thiu của kiếp sống lênh đênh buồn tênh của những cuộc trần duyên tê tái"... Ông trích hai câu thơ dịch của Nguyễn Vỹ:

*"Tâm hồn ta rên rỉ buồn tênh*
*Trên lớp sóng trần duyên tê tái..."*

Đó là câu dịch của hai câu:

*"Mon âme tressaille, meurtre aux coups de la vie dans mon coeur" (1)*

Trong câu tiếng Pháp, không có gì để dịch ra "trần duyên tê tái" cả. Tóm lại, Hương Giang đêm có trăng đẹp, làm gì có thể trở thành đất dụng võ của cô gái giang hồ, mà chỉ có thể trở thành một *Tỳ Bà Hành* mới của Lạc Thiên Bạch Cư Dị (772-846) mà Phan Huy Vịnh dịch ra như sau:

*Thuyền không đậu bến mặc ai,*
*Quanh thuyền trăng giãi, nước trôi lạnh lùng.*

Hương Giang đẹp, cho nên từ rất lâu, dân Thừa Thiên-Huế có những câu ca dao, câu hò, câu hát nói lên tình trăng nước thiên nhiên:

*Thuyền về Đông Ba thuyền qua Đập Đá,*
*Thuyền từ Vỹ Dạ xuống ngã ba Sình.*
*Là đà bóng ngả trăng chênh,*
*Giọng hò xa vọng, nhắn tình nước non.*

hay:

*Bến chợ Đông Ba, tiếng gà gáy sáng*
*Bên làng Thọ Lộc tiếng trống sang canh*
*Giữa sông Hương tiếng trống khuynh thành*
*Đêm khuya một chiếc thuyền tình ngửa nghiêng.*

Có biết bao câu ca dao, bao câu hò, bao bài thơ, bao bài hát nói đến cái đẹp của

sông Hương, của Huế, của Vỹ Dạ - Vô lẽ để ca tụng một con sông ô nhục, một xóm Bình khang! Ông Lê Đình Mai, có lẽ chưa bao giờ đặt chân đến cố đô Huế, sao có can đảm viết một bài báo lạ lùng đến thế!

• **Nguyễn Hữu Thứ**

*Mississanga, Canada*
*Tháng Giêng 1992*

**CHÚ THÍCH:**

(1) Xin xem bài "Sông Hương" của Hương Thủy đăng trong Tuyển Tập Nhớ Huế 1991 - Trang 117 có đăng toàn bài của ông F.H. Guibier và trang 118 đăng bài dịch của Thanh Tùng:

*Héo tàn bóng ngả đìu hiu,*
*Xui hồn ấp ủ những chiều đớn đau*
*Lờ đờ con nước trôi lâu*
*Xui thuyền lơ lửng dòng sầu mênh mang.*
*Thuyền trên mặt nước mơ màng,*
*Nhịp chèo đều đặn, nhẹ nhàng thuyền xuôi*
*Hồn trên cuộc thế bồi hồi,*
*Nỗi lòng xa xót, rụng rời hồn trôi.*
*Trăng lên bạc ngất giữa trời!*
*Trông trăng sao thấy ngậm ngùi đắng cay!*
*Trăng buồn, trăng quá buồn thay!*
*Nước non kia với lòng này sầu theo.*
*Hồn buồn man mác hắt hiu,*
*Hồn ru dìu dịu những chiều đau thương,*
*Thuyền xuôi lửng đửng mơ màng,*
*Thuyền ru nhè nhẹ hồn tàn của ai?*

# Nhớ Cố Đô

- Thân tặng những người Huế mà tôi có hân hạnh gặp và quen biết
- Riêng tặng anh Nguyễn Đình Phiên và bạn Nguyễn Văn Y

*Đây Phú Văn Lâu*
*Đây lối vào Thượng Tứ*
*Đây hồ Tịnh Tâm*
*Kia cổng chính Tàng thư*

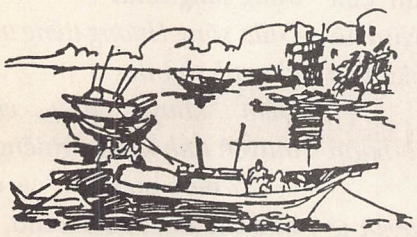

*Huế trang trọng, Huế mộng mơ*
*Nắng mưa thay đổi, bây giờ ra sao?*
*Nửa đời như giấc chiêm bao*
*Nhìn về quá khứ mà ngao ngán lòng*
*Chiến bào xưa đẫm máu hồng*
*Hương Giang trong đục, xuôi dòng ra khơi*
*Ra đi biền biệt phương trời*
*Vọng về quê Mẹ nghe đời đắng cay*
*Hàng cây Núi Ngự khô gầy*
*Hương giang vẩn đục bùn lầy lầm than*
*Phố phường thành quách điêu tàn*
*Đế đô cổ kính chứa chan hận thù*
*Nhớ Đập đá, nhớ Lăng cô*
*Con đường tấp nập ra vô những ngày*
*Nhớ em gái nhỏ thơ ngây*
*Khép tà áo tím gió bay qua cầu*
*Nón nghiêng e lệ cúi đầu*
*Mỉm cười nhìn xuống nước sâu soi hình*
*Nhớ quê hương nhớ ân tình*
*Hôm nay xa xứ biết mình nhớ ai!*

• **Bùi Văn Sớm**

# Tiếng đàn tranh của em

*(Đàn tranh: tiếng đàn rất Huế, rất quê hương, rất dân tộc và rất tình yêu)*

*Thời gian bỗng ngừng đọng lại*
*Thần sắc em trọng đại nhập cung thương*
*Mười sáu dây nắn sửa nhịp nhàng*
*Không gian sáng bàng hoàng trong thanh điệu*

*Ngõ nắng ban mai từng suối đàn tuôn chảy*
*Phơn phớt buồn nũng nịu nhớ thương ai*
*Hồng một phút cung bậc trầm vọng lại*
*Nhạc bắt đầu từ cửa ải tình yêu*

*Ngũ âm xưa càng vang lời nómg hổi*
*Nghe thanh thanh gió thoảng gội hương lành*
*Mảnh trăng tình mang trọn niềm yêu mới*
*Nhịp khua êm sóng rạng ngời tình anh*

*Xàng xự đó đây con sóng vỗ lăn tăn*
*Nghe gái trai cày cấy trăng thượng tuần*
*U liu thuyền trôi theo tay ngà óng ả*
*Lúa dậy vàng từng cung bậc thanh tân*

*Điệu mơ trần thoát từng cung dây vũ*
*Lất phất hè thu trong ấp ủ dây văn*
*Thắm màu hoa sắc phượng sân trường cũ*
*Láy dây con tình tứ mộng mơ màng*

*Tiếng cung thương xôn xao dòng hương mượt*
*Hun hút dài trôi dọc con đò xưa*
*Chèo khua nước tay ngọc hoa điệu lướt*
*Mươi nhịp cầu sướt mướt phím dây thưa*

*Trong hơi ấm dây to xuân đã đến*
*Tiếng ngân xa vọng tiếng rung gần*
*Điệu thanh vui như sông mừng gặp bến*
*Trống đàn tranh rùng vạn tiếng tơ thần*

*Lắng xôn xao ngàn âm ba đan võng*
*Tình trữ tình e ấp điệu nồng xưa*
*Tiếng móng mổ như xốc trời anh dõng*
*Làn vuốt êm mây đan cánh diều thưa*
*Vỗ mặt đàn rì rầm ngực trầm xông tới*
*Sức trai tơ hứng gió với ngăn mưa*

*Trong im lắng câu kim tiền vọng lại*
*Hò mái nhì vút dọc dãi sông Hương*
*Ròn rã nhịp nhàng nước chèo khuya mát nái*
*Điệu thúc dày sức gái dạt dào vương*
*Tứ đại cảnh lâu đài cung điện múa*
*Chuyến thuyền xưa ẩn hiện phím tơ đồng*
*Câu Nam ai than van thời vương chúa*
*Điệu Nam bình êm ả buổi tàn đông*
*Ú liu xự xàng xê công*

*Hai mươi bốn dây văn vũ rộn ràng*
*Công xê bốn mùa mở cửa đón anh sang*
*Xàng xự buổi ban đầu ươm tình yêu tươi thắm*
*Trời vào xuân*
*Phấn hoa ngào ngạt đẫm hương lan*

*Đời nở hoa trên mặt trống đàn tranh*
*Tiếng tơ say như sông gặp bến tình*
*Anh nghe mùa xuân trong khúc đàn em nắn*
*Thoáng âm ba trau chuốt dáng thông minh*

*Trong im lắng thênh thang*
*Tiếng đàn em ru anh dạ mơ màng*
*Nghe rạo rực mầm khuya đầy tháng*
*Cùng là tiếng nhạc dõi thời gian*

*Anh mơ một ngày*
*Cửa ô đàn để ngỏ quên cài*
*Để thơ anh hòa điệu vào thiên thai*
*Để mùa thu tình tứ*
*Mời mùa xuân trẩy hội*
*Và mùa đông đi vội*
*Mùa hè ca say*

*Để chân sóng trắng ngần*
*Ngọn sóng trắng phau*
*Và rì rào sóng biển*
*Để qua tiếng đàn tranh*
*Bằng lặng thinh*
*Em nói với anh*
*Và nói với ngàn sau*
*Bồng*

• **Phạm Văn Thoại**
Paris

# QUÊ CŨ

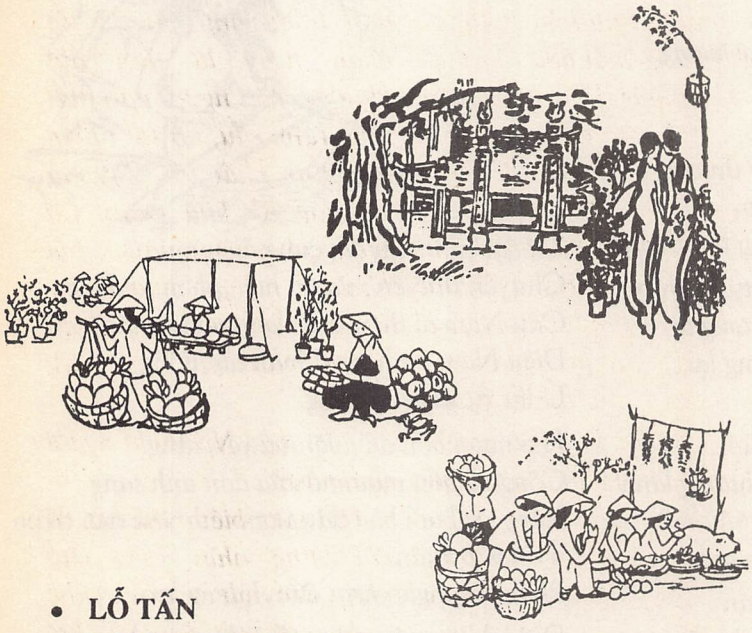

- **LỖ TẤN**
- **MAI KIM NGỌC dịch**

**Lời Dịch Giả:**

*Tôi đọc Lỗ Tấn lần đầu cách đây hơn ba chục năm. Hồi ấy đang thời chiến tranh chống Pháp nên mọi người từ giã thành thị để tản cư về vùng quê. Gia đình chúng tôi cũng trở về làng cũ làm ruộng, và việc học của chúng tôi bị dở dang. Làng không có trường, nên cha tôi phải đích thân dậy con học. Chương trình học chỉ có ba môn, Việt văn, Pháp văn và Toán.*

*Hình như bấy giờ giặc Pháp chưa có Trực thăng vận nên hành quân rất chậm. Nhờ đó chúng tôi có dịp chở hết đồ đạc về làng, kể cả tủ sách gia đình. Quá nhỏ nên không giúp nổi việc đồng áng nặng, phận sự tôi là chăn mấy con trâu sau mùa cày. Chăn trâu thật là nhàn rỗi. Mấy con vật hiền lành nếu thả vào nội cỏ là có thể tự túc tự mãn, chẳng đòi hỏi phiền hà gì ai. Nhân đó tôi tìm ra thú đọc sách.*

*Tất nhiên là tôi khởi sự bằng những truyện nhi đồng, hoặc Việt hoặc Pháp. Nhưng những món ăn tinh thần dọn theo tuổi này không mấy hấp dẫn. Trong không khí loạn lạc, chuyện cái Tấm cái Cám, cuộc đời cô bé Lọ Lem, gian khổ của Thạch Sanh khi xuống hang yêu tinh cứu Công chúa, hay nỗi bất hạnh của cô bé quàng khăn đỏ... đều ngây thơ xa vời quá. Xa vời như dư ảnh của đời sống thanh bình mọi người đã để lại hỏa táng trong khói lửa kinh thành thời tiêu thổ kháng chiến. Thật khó còn mê nổi văn chương nhi đồng, nên khi đêm đêm tiếng súng đại bác từ tiền tuyến vọng về, và ngày ngày, khói Tây đốt xóm đốt làng đùn lên nơi chân trời như mây đen của giông bão. Nàng Bạch Tuyết và bảy chú Lùn quá lạc lõng trong châu thổ sông Hồng vào cuối thập niên 40.*

*Thế là tôi tự động lên lớp, moi tìm trong đống sách cũ những tài liệu văn chương người lớn hơn để đọc. Tôi tình cờ kiếm được cuốn truyện ngắn của Lỗ Tấn, bản Việt ngữ, do một tác giả thâm nho dịch. Thú thực tôi không nhớ tên dịch giả lẫn nhà xuất bản. Chỉ nhớ cuốn sách bìa mềm in giấy nội hóa nửa vàng nửa nâu. Trên trang ngoài có mấy chữ ghi chú của cha tôi "Mua tại Hà Nội, mùa hè 1944".*

*Tôi nhớ truyện đầu tôi đọc cũng là truyện đầu tay của Lỗ Tấn, nhan đề "Cuồng Nhân Nhật Ký". Tất nhiên là đọc không hiểu, dù có cố đọc đi đọc lại hai ba lần. Chán, tôi đọc sang "A Quay Chính Truyện". Lại cũng không hiểu nốt. Sau*

*cùng, trở lại trang đầu đọc lời tựa của dịch giả, tôi khám phá ra cái lý do chậm hiểu của chính mình. Hơn ba chục năm, tôi vẫn còn nhớ được đại ý mấy câu văn then chốt của ông.*

*"Đọc Lỗ Tấn, ta thấy được cái đau thương to rộng của những con người to rộng, mà không chừng trong đó, về một khía cạnh nào đó, lại có cả tôi lẫn bạn..."*

*Được lời như cởi tấm lòng, tôi hân hoan bỏ cuốn sách lại tủ, tâm trí không còn thắc mắc gì nữa. Lúc đó cũng như bây giờ, tôi không có ảo tưởng cũng như tham vọng là mình thuộc về lớp người to rộng, với những đau thương to rộng ấy...*

*

*Vậy mà tôi không đoạn tuyệt nổi với văn chương Lỗ Tấn. Về sau, tôi gặp rất nhiều người đề cập đến ông, và ngưỡng mộ văn tài ông. Có người thích nét xã hội trong văn ông... Có người thích một cách uyên bác, và nêu ra những ý kiến rất khó hiểu, khó chia sẻ với nhau ngoài khuôn viên đại học... Có người lại thích Hoa Văn của ông, mới mẻ, trong sáng... Và có nhiuều người thích Lỗ Tấn mà chưa từng đọc Lỗ Tấn bao giờ, khi bình luận tổng quát thì trôi chảy, mà vào chi tiết lại sai lạc và thiếu chính xác...*

*Nhưng chính tôi lại không có dịp đọc lại văn ông. Phần thì những bản dịch Việt ngữ về sau rất khó kiếm, phần thì cứ ngần ngại cái vụ phải là những "tâm hồn to rộng" với những "nỗi đau to rộng" mới thưởng lãm được văn ông. Nấn na cho đến mùa xuân 1985, nhân dịp viếng Trung Quốc tôi mới tình cờ có dịp làm lại chuyện này.*

*Hôm đó ở Hàng Châu. Phần lớn thắng cảnh tỉnh này đều qui tụ quanh Hồ Tây. Vào tiết xuân, dương liễu ven hồ lá xanh mướt, cành mềm lả lướt soi bóng trên dòng nước trong. Trăm sắc hoa tưng bừng nở trong các công viên ven hồ, dưới hoa du khách cùng người địa phương lũ lượt đi ngắm hoa hay vãn cảnh, màu xanh chàm đồng phục của nhân dân Trung Quốc lẫn lộn với những màu áo tươi sáng hơn của ngoại nhân hay nhân viên Sở du lịch. Cô Wang, hướng dẫn viên do sở du lịch chỉ định, đố chúng tôi phân biệt người Trung Hoa từ các tỉnh xa tới với người Hàng Châu. Giá thông thạo tiếng Hoa, tôi có thể dựa vào cách phát âm của họ mà phỏng đoán.*

*Nhưng không lẽ chịu thua. Các cụ ngày xưa sang Tàu đi sứ, bị đố khó nữa còn giải được, không nhẽ hậu sinh không cố gắng. Rồi nhớ đến những lời đồn về Hàng Châu đã được nghe từ hồi trung học, tôi nhanh trí chế biến ra một giải pháp. Hễ người nào mặt trái soan, mũi dọc dừa, mắt to mà trong như bầu trời Bắc Kinh một hôm lặng gió, là tôi đoán ngay là dân địa phương; còn người nào mắt xếch răng vẩu, thì tất nhiên là ở tỉnh khác tới. Vậy mà kết quả rất khả quan. Cô Wang phải ngạc nhiên, hỏi làm sao mà tôi đoán được. Khi biết phương pháp đoán người của tôi, cô buột miệng:*

*"Thế theo Nị, tôi là người tỉnh nào?"*

*Nói xong biết mình hớ, cô vội vàng nhìn sang chỗ khác, đôi mắt đen và to khẽ chớp, cái mũi dọc dừa hơi nhăn lại, khuôn mặt trái soan ửng hồng. Cái đẹp thẹn thùng của người con gái được khen, như cái đẹp của một bài thơ Đường, là của chung nhân loại.*

*

*Rồi chúng tôi được thăm chùa Lai Phương. Đến chùa thì trời đã về chiều. Nắng quái chiều hôm nhuộm vàng cảnh vật, hội tụ đủ điều kiện để biến chùa thành một trong mười Tây Hồ thập cảnh. Rồi cô Wang kể lại sự tích Thanh Xà, Bạch Xà.*

*Truyện rằng ngay xửa ngày xưa, có người học trò nghèo họ Tô, tình cờ cứu mạng được hai con rắn thần, một con màu trắng, một con màu lục. Để trả ơn, Bạch Xà hiện thân thành*

*người đàn bà xinh đẹp đảm đang, tự hiến thân làm vợ anh. Con Thanh Xà thì hiện thành người ở gái để theo hầu hạ. Tô thư sinh vô cùng hạnh phúc, một lúc vừa có vợ đẹp, lại có đầy tớ ngoan.*

*Chỉ có điều là người nào mà lấy ma hay yêu tinh làm vợ, thường có yêu khí hiện lên mặt. Nhưng thực ra yêu khí không phải là một phiền toái quan trọng, vì người thường có thấy cũng không biết được.*

*Nhưng chẳng may một hôm đi chơi Tô thư sinh gặp một nhà sư. Sư ông hình như lại kiêm cả đạo sĩ, nên vừa thấy yêu khí là nhận ra liền. Tất nhiên là Tô thư sinh bênh vợ, một chân lý quốc tế, tuy cô Wang không tin người Việt bênh vợ bằng người Trung Hoa.*

*Sau cùng, để thuyết phục anh, sư ông trao cho anh một lá bùa, dặn đem về nhà xem hư thực ra sao. Trong phòng the, lúc vợ thiêm thiếp ngủ, Tô thư sinh lấy lá bùa ra thí nghiệm. Quả như rằng, Bạch Xà hiện nguyên hình, quằn quại mấy khúc trong đống chăn bông nệm gấm. Tô thư sinh vô cùng khiếp đảm, và sư ông đem anh vào tu viện trốn. Bạch Xà nhớ chồng đi tìm, nước hồ lẫn nước mắt dâng lên ngập cả một vùng. Sư ông lập mưu bắt được Bạch Xà bỏ vào bình bát, đem chôn xuống đất, rồi xây chùa Lai Phương lên trên...*

*Cô Wang ngưng kể, ngước nhìn ngôi chùa đồ sộ chót vót trên sườn đồi. Có lẽ cô đang kiêu hãnh nghĩ đến kiến trúc cổ Trung Quốc. Riêng tôi, tôi xót xa nghĩ đến cái bình bát chật hẹp, trong đó đã mấy thế kỷ rồi có người con gái chung tình đang ngột ngạt dưới đống đá móng chùa...*

*"Nị có sợ yêu tinh không?" Cô Wang bỗng hỏi.*

*"Yêu tinh mà như Bạch Xà thì tôi không sợ... Lại còn thương nữa. Nếu chuyện có thật, chắc tôi phải khởi sự phá chùa Lai Phương mất. Không biết Cảnh sát nước cô có bắt người ta về tội phá chùa không? Mà quan tòa nước cô có nghiêm khắc không?"*

*Cô Wang cười tít:*

*"Sao Nị tới trễ vậy? Nếu muốn phá chùa, Nị phải tới đây mười lăm hai mươi năm trước mà đầu quân vào Vệ Binh Đỏ. Được vậy thì tha hồ đi phá chùa mà giải cứu cho Bạch Xà của Nị."*

*Rồi cô Wang nói tiếp, nét mặt giả vờ nghiêm trang:*

*"Mà Nị không phải là người đầu tiên hay độc nhất đi mê Bạch Xà đâu nhé."*

*"Tất nhiên rồi, cô Wang. Vì còn chồng Bạch Xà thì vứt đi đâu. Nhưng ai là người đầu tiên đòi phá chùa Lai Phương?"*

*"Cũng không phải là Nị nốt."*

*"Ai vậy?"*

*"Lỗ Tấn, một nhà văn lớn nước tôi. Ông ấy có viết một truyện ngắn về chùa Lai Phương. Hay lắm. Có dịp thì Nị nên tìm đọc."*

*

*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Tôi cất công sang Trung Quốc tất nhiên phải biết thêm được ít điều mới lạ. Té ra Lỗ Tấn cũng có những ý nghĩ rất hồn nhiên, và những đề tài phi chính trị cũng đã quyến rũ ông. Câu chuyện bình dị dân giả, không chút gì "to rộng" cũng làm ông rung cảm.*

*Sáng hôm sau, tôi xin phép cô Wang miễn du lịch tập thể với nhóm, để đi thám hiểm Hàng Châu một mình. Ngang qua một tiệm ăn, tôi thấy ngay đằng trước có một thùng kính đầy lươn và rắn để cho thực khách lựa chọn. Liếc qua không thấy con nào trắng cả, trong thùng chỉ toàn rắn đen và xanh. Nghĩ đến vợ tôi lúc nào cũng thiếu người giúp việc trong*

*nhà, tôi tính mua mấy con rắn xanh đem ra Hồ Tây thả. Nhưng chợt nhớ thủ tục nhập cảnh rầy rà, lại vấn đề ngôn ngữ bất đồng, nên lại thôi. Bên cạnh thùng rắn và lươn là bàn giấy nhỏ của người giữ két, bày dăm ba thứ thuốc lá nội hóa, gói thì vẽ con gấu Panda trong rừng trúc, gói thì in cảnh mùa Xuân trên Vạn Lý Trường Thành. Bừa bộn bên cạnh thuốc lá và mấy chai bia Tsin Tao là một đống sách của các văn sĩ trứ danh Trung Quốc đã phiên dịch ra Anh và Pháp ngữ. Tất nhiên trong đó có truyện của Lỗ Tấn.*

*Tôi tìm truyện "Chùa Lai Phương" đọc ngay tại chỗ, tuy thỉnh thoảng phải xê tới dịch lui để nhường lối cho thực khách ra vào. Khác với ba mươi mấy năm về trước, lần này tôi đọc Lỗ Tấn một cách thích thú. Đêm đó về khách sạn, tôi xin người bồi phòng một bình thủy "Trung Cộng" đầy nước sôi để pha trà, rồi ngồi đọc một hơi tới sáng.*

*Đến lúc nhìn ra cửa sổ, trời đã rạng đông. Thấp thoáng trong sương mờ bên Hồ Tây, dọc theo mấy rặng dương liễu, người ta bắt đầu tập võ Tầu với những động tác uyển chuyển của môn Tại Chí.*

*Tôi uể oải vặn nước nóng rửa mặt cho tỉnh táo. Nhìn vào gương, tôi chỉ thấy hai quầng mắt thâm vì thiếu ngủ. Không thấy yêu khí hiện ra, mà cũng không có triệu chứng gì là mình đã trở thành một con người to rộng với những nỗi niềm đau thương to rộng. Tôi mỉm cười yên chí là điều kiện "to rộng" không cần thiết để thưởng lãm văn chương quốc tế nói chung hay văn chương Lỗ Tấn nói riêng.*

*

*Người ta đã gán cho Lỗ Tấn những danh hiệu khác nhau, tùy theo thời điểm, tùy theo địa dư, và nhất là tùy theo lập trường chính trị của người bình luận. Lỗ Tấn là người đã khai phá tiếng Trung Hoa mới. Lỗ Tấn là đại văn hào nói lên cái nỗi đau to rộng của những con người to rộng. Lỗ Tấn là nhà văn xã hội tiến bộ v.v...*

*Có lẽ tất cả những điều trên cố phần đúng mà cũng có phần sai, nhưng chắc chắn là không ăn nhằm gì đến tôi. Không biết cái tiếng Tàu cũ là gì, tôi không thể mà cũng không muốn tìm hiểu cái công của Lỗ Tấn sáng tạo tiếng Tàu mới nó vĩ đại làm sao. Còn nước Tàu trước Tôn Dật Tiên nó có lạc hậu phong kiến đến đâu, thực ra cũng không liên hệ đến tôi nhiều hơn những biến chuyển lịch sử xã hội đã hay đang xảy ra tại một nơi khác, như đảo chính ở Châu Mỹ La Tinh, kỳ thị ở Úc Châu, đói kém ở Ấn Độ hay Phi Châu.*

*Tôi thú nhận hoàn toàn không đặc biệt liên hệ được với những đặc điểm có thời gian tính, không gian tính, chính trị tính, hay địa dư tính trong văn chương ông. Quả thực, những quốc hận rất Tầu đã nung nấu ông, như ngoại thuộc Mãn Thanh cả mấy thế kỷ, như chiến tranh a-phiến, như cắt nhượng địa Thượng Hải cho các cường quốc, như Bát Quốc Liên Quân công phá Bắc Kinh v.v... không gây cho tôi một xúc động mãnh liệt hay đặc biệt nào.*

*Vậy thì tôi thích Lỗ Tấn nào đây? Có lẽ tôi thích một Lỗ Tấn chưa được đề cập đến bởi những nhà bình văn trước, một Lỗ Tấn của độc giả bình thường, không có thiên kiến xã hội chính trị hay địa phương...*

*Có lẽ cái mà tôi liên hệ được trong văn chương Lỗ Tấn, là thành công của ông khi ghi chép lại những rung cảm của con người muôn thủa, những xúc động hoàn toàn nhân bản. Với tài nghệ tuyệt vời, tác phẩm ông để lại đã vượt không gian và thời gian, lên trên chính trị... Hơn nữa văn ông còn thoát khỏi sự trói buộc của văn phạm ngữ vựng. Hiểu được thích được mặc dầu tôi không phải là chiến sĩ của xã hội chủ nghĩa, hay học giả uyên bác, hay nạn nhân*

*đã từng bị lính kín của hoàng gia Mãn Thanh hành hạ.*

*

*Truyện ngắn "Quê Cũ" của ông tôi chọn phiên dịch sau đây là một thí dụ điển hình. Câu chuyện đã bẩy mươi năm rồi vẫn còn làm ta rung động như đang xảy ra hôm nay. Cái khổ của nhân vật Nhuận Thổ đâu có khác gì cái khổ hiện tại của những người đã trưởng thành trong xã hội quốc nội. Cũng cường hào ác bá, cũng thuế đường thuế chợ, cũng trộm cướp lính tráng... mặc dầu những lực lượng bất nhân hiện tại đang tung hoành dưới một lá cờ khác. Và cái túng cái đói xưa đã biến Nhuận Thổ thành kẻ bất lương (khi giấu chồng bát đĩa vào đống tro) cũng đã tái diễn bây giờ. Câu chuyện đáng thương hơn là đáng cười hay đáng giận.*

*Và cũng như với Lỗ Tấn hơn nửa thế kỷ trước, con đường độc nhất còn lại cho chúng ta là nỗ lực, và hy vọng. Hy vọng vào tương lai đất nước tốt đẹp, nơi con cháu chúng ta, hải ngoại cũng như quốc nội, sẽ cùng chia sẻ với nhau một cuộc sống tốt đẹp mà chúng ta chưa hề biết tới...*

*Hơn nữa chúng ta còn phải lạc quan hơn Lỗ Tấn, vì Lỗ Tấn chỉ dám hy vọng ở tương lai, ở thế hệ sau ông. Quả thật, chúng ta còn phải nỗ lực và hy vọng ngay vào thế hệ chúng ta, để phá bỏ sự xa cách giữa chúng ta và các anh bạn Nhuận Thổ của chúng ta hiện đang lầm than tại quốc nội.*

*Và hy vọng không hẳn bao giờ cũng hão huyền. Như Lỗ Tấn viết, những điều ta mơ ước "chưa" chứ không phải là "không có". Nó như đường xá trên mặt đất. Khởi thủy làm gì có đường. Chỉ vì nhiều người cùng chung chí hướng, cùng đi về một phía, chân người dẫm mãi rồi thành ra đường...*

*

Không quản trời đông rét mướt, mà cũng không ngại hai ngàn dặm lộ trình, tôi lên đường về thăm quê cũ. Vậy mà thấm thoắt, tôi đã xa nhà gần hai chục năm.

Thời tiết vào độ tàn đông. Khi gần tới làng thì trời chuyển mưa, mây đen vần vũ, và gió sông heo hút thổi vào khoang thuyền. Qua tấm mành trúc, nhìn ra quang cảnh ven sông, tôi chỉ thấy tiêu điều, với thôn xóm xa gần xác sơ dưới bầu trời ủ rũ.

Cảnh quê làm tôi chạnh lòng. Phải chăng đây là chốn cố hương tôi vẫn hằng mơ ước suốt hai chục năm qua. Quê cũ trong ký ức sao đẹp hơn thế này nhiều lắm. Nhưng nếu hỏi tại sao ngày xưa đẹp mà bây giờ lại xấu, thì tôi chịu không kiếm ra lý do gì cụ thể. Rồi tôi lại nghĩ, cố hương trước sau vẫn vậy, không đẹp hơn mà cũng không xấu hơn. Chỉ có bản thân là thay đổi. Trên đầu đã hai thứ tóc, tôi cũng không còn bao nhiêu ảo tưởng nữa.

Hôm nay tôi về làng mục đích là để giã từ. Ngôi nhà lớn, nơi chi tộc tôi đã mấy đời cư ngụ, nay đã bán, và cuối năm chủ mới sẽ tới tiếp thu. Tôi phải vội về, phần để từ giã ngôi nhà cổ kính, phần để đón gia đình tôi tới nơi cư ngụ mới.

*

Vừa đến ngõ, tôi tê tái thấy mấy cọng cỏ úa trên mái nhà đìu hiu trước gió. Bán đi là phải, tôi thầm nhủ. Nhiều chi trong họ tôi đã dọn đi xa, hàng xóm láng giềng vắng tanh. Tôi và đến sân đã thấy mẹ tôi tựa cửa đợi từ bao giờ. Thằng Hoành cháu tôi mới tám tuổi, thấy bác về cũng chạy ra đứng bên bà.

Mẹ tôi vui mừng gặp lại con, nhưng bà cũng không giấu được nét buồn. Bà nhủ

tôi hãy nghỉ ngơi, uống chén trà tẩy trần, chuyện dọn nhà thủng thẳng bàn sau. Còn thằng Hoàng lần đầu gặp bác, còn lạ nên chỉ bẽn lẽn đứng xa mà nhìn.

Nhưng rồi hai mẹ con tôi cũng phải bàn tính chuyện dọn nhà. Tôi thưa với mẹ tôi rằng tôi đã thuê sẵn căn phố và đã sắm sửa được ít nhiều bàn ghế. Đồ đạc cũ chắc phải bán đi lấy tiền chi dụng khi về nhà mới. Mẹ tôi cũng đồng ý. Bà nói những vật dụng hầu hết đã có người mua, chỉ đợi trao tiền là xong.

"Nghỉ ngơi vài bữa, rồi con đi chào bà con trước khi lên đường."

"Dạ."

"Con à, con có còn nhớ anh Nhuận Thổ không? Lần nào lên chơi, anh ấy cũng hỏi thăm con. Hôm rồi, mẹ có cho người nhắn anh ấy là con sắp về. Chắc nay mai là anh ấy lên thăm con thôi."

Nhắc đến Nhuận Thổ, một hình ảnh đặc biệt hiện về trong trí tôi. Khung cảnh là một đêm trăng, mấy chục năm về trước. Dưới trăng, một cánh đồng bát ngát chạy dài ven biển, trồng toàn dưa hấu, quả xanh như ngọc bích. Một em bé trai cỡ mười tuổi, cổ đeo kiềng bạc, tay cầm đinh ba đang ráng hết sức bình sinh đâm theo một con tra. Con vật lanh lẹ tránh đòn, rồi lao thẳng tới và luồn giữa hai châm em mà trốn thoát.

Em bé ấy chính là Nhuận Thổ. Lần gặp gỡ ấy khoảng ba mươi năm về trước. Thủa ấy cha tôi còn sống, gia đình còn sung túc, và tôi rất được nuông chiều. Năm đó đến lượt gia đình tôi lo việc giỗ tổ. Vì ba mươi năm mới có một lần, nên việc cúng giỗ này linh đình lắm. Tháng giêng, lễ vật được dâng lên bàn thờ tiền nhân. Bát đĩa toàn là đồ sứ bảo hạng, nên cần có người để mắt, mong tránh chuyện mất mát trong cảnh ra vào hỗn độn của ngày giỗ lớn. Gia đình tôi chỉ có một người làm, và anh ta xin cha tôi cho mang con trai là Nhuận Thổ lên giúp một tay.

Tôi rất mừng khi cha tôi đồng ý. Tôi nghe nói Nhuận Thổ cũng trạc tuổi tôi. Hắn sinh năm nhuận. Bố nó coi tử vi thấy trong ngũ hành, số nó chỉ thiếu có thổ nên đặt tên cho nó là Nhuận Thổ. Nghe nói nó có tài bẫy chim, và đã từng bắt được chim chóc đủ loại.

Tôi nôn nóng cho chóng đến Tết, vì Tết sẽ mang Nhuận Thổ tới. Sau cùng, tối Giao thừa, mẹ tôi gọi tôi ra bảo Nhuận Thổ đã đến rồi. Tôi vội vã đi tìm gặp nó. Nó đứng trong bếp một mình. Mặt nó tròn trĩnh và hửng đỏ, đầu đội mũ nỉ điều, cổ đeo kiềng bạc lóng lánh. Nhuận Thổ rất được bố chiều. Sợ tà ma quấy phá, nó được khoán cho chùa, và chiếc kiềng là bùa hộ mệnh của nó. Nó rất nhút nhát, và chỉ thoải mái với tôi là bạn cùng tuổi. Nhân lúc trong bếp vắng người, nên nó bạo dạn bắt chuyện với tôi, và chẳng mấy chốc chúng tôi trở thành bạn thân. Tôi không nhớ nó nói những gì, chỉ nhớ nó khoe rằng từ khi lên tỉnh, nó đã thấy được bao nhiêu chuyện lạ.

Ngày hôm sau, tôi bảo nó đặt bẫy chim.

"Chưa được đâu. Phải đợi tuyết xuống đã. Ở nhà quê, sau trận tuyết, tớ hay ra sân quét một mảng cho sạch, rắc mấy hột thóc rồi lấy cái thúng chống que lên. Rồi ra xa núp. Khi chim xuống ăn, tớ kéo sợi giây buộc que, thúng xụp xuống là bắt được chim. Đủ thứ chim. Gà rừng này, trĩ này, cu gáy này..."

Nghe nó nói, tôi nóng lòng mong tuyết rơi.

"Bây giờ lại lạnh quá," Nhuận Thổ than khi hôm tuyết xuống. "Nhưng mà đằng ấy phải về làng chơi một chuyến vào dịp hè cho biết. Ban ngày tớ đưa đằng ấy ra biển nhặt vỏ ốc ngũ sắc. Đẹp lắm, cái thì đỏ tươi, cái lại xanh lục... Hôm nào may, lại kiếm được những ốc quý như ốc ma, ốc tay Phật. Còn buổi tối, khi nào

tớ đi canh dưa, đằng ấy đi theo cho biết."

"Sao lại phải canh? Sợ người ta lấy trộm sao?"

"Không phải. Vùng tớ, khách đi đường khát nước có hái một quả ăn, như vậy không phải là trộm. Canh là canh mấy con lợn rừng, con chồn, và nhất là con tra. Đêm trăng, khi nghe con gì nhai dưa rau ráu, là nó đấy. Đằng ấy lấy đinh ba rốn rén bước lại... Phải đi thật nhẹ, thật rón rén, thật khẽ nhá... nó khôn lắm..."

Cho đến bây giờ tôi vẫn không biết hình thù con tra nó ra làm sao. Tôi áng chừng nó cỡ con chó nhỏ, mà chắc là nó hung dữ lắm...

"Con tra nó có cắn người ta không?"

"Đằng ấy sợ gì, đằng ấy có đinh ba cơ mà. Thấy nó là đằng ấy lao đinh ba liền. Tra nó khôn lắm, hễ động là nó phóng thẳng tới. Đằng ấy mà luống cuống, là nó phóng ngay giữa hai chân mà trốn mất. Lông nó trơn như mỡ."

Trước kia tôi đâu có ngờ trên đời lại nhiều chuyện lạ kỳ như vậy. Ở miền duyên hải, vỏ ốc lại đủ mầu sắc như cầu vồng. Ai ngờ quả dưa hấu lăn lóc ở góc chợ rau mà gốc gác lại dính líu đến những chuyện phiêu lưu mạo hiểm như vậy. Nó kể lại:

"Vùng tớ, khi nước xuống, cá lóc nhẩy lung tung ngoài bãi biển. Mỗi con lại có chân như chân ếch..."

Đầu óc Nhuận Thổ là một kho tàng đầy những chuyện ly kỳ. Bọn tôi tỉnh thành thật chẳng biết gì. Một đằng thì sống ngay tại bờ biển bao la, với bao nhiêu chuyện lạ... Một đằng thì tầm mắt chưa vượt quá khoảng trời bao bọc bởi bốn bức tường xây quanh sân nhà.

Sau Tết một tháng, Nhuận Thổ phải về làng. Tôi òa khóc chạy trốn vào trong bếp với nó, cho đến khi bố nó đến dẫn nó đi. Về sau nó có gửi biếu tôi một gói vỏ ốc với mấy cái lông chim thật đẹp. Tôi có một đôi lần gửi quà biếu lại, nhưng chúng tôi không gặp lại nhau nữa.

Nay nghe mẹ tôi nhắc lại bạn cũ, kỷ niệm như bừng sống lại và tôi hiểu vì sao mình vẫn giữ một hình ảnh đẹp của quê nhà. Tôi sốt sắng hỏi tin bạn:

"Thật sao, mẹ. Thế anh ấy có khá không?"

"Nhuận Thổ ấy à? Không khá lắm..."

Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra cửa. Bà nói sang chuyện khác:

"Mấy người này lại lộn trở lại. Cứ lấy cớ là muốn mua đồ gỗ, nhưng xểnh ra là táy máy nhặt nhạnh. Mẹ phải ra canh mới được..."

Mẹ tôi đứng dậy ra ngoài sân. Tôi gọi thằng Hoàng vào nhà trong nói chuyện. Tôi hỏi nó đã biết đọc chưa, và nó có thích dọn nhà đi tỉnh khác ở không.

"Mình sẽ đi xe lửa, phải không bác?"

"Ừ, mình sẽ đi xe lửa."

"Thế có đi thuyền không bác?"

"Có. Mình đi thuyền trước rồi đi xe lửa sau."

*

Bỗng có tiếng đàn bà cười the thé:

"Ối chao ơi. Sao mà lớn thế này. Lại để râu nữa."

Tôi vội ngẩng lên. Một bà độ khoảng năm mươi đang đứng sừng sững trước mặt. Bà ta lưỡng quyền cao, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, và mặc quần chứ không mặc váy như phụ nữ trong làng. Bà ta đứng dạng chân, toàn thân giống như cái compas trong hộp dụng cụ hình học.

Tôi còn ngỡ ngàng thì mẹ tôi đã bước vào. Bà đỡ lời con:

"Anh ấy xa nhà đã lâu, nếu có quên, cô cũng bỏ qua cho."

Rồi quay lại tôi, bà nói tiếp:

"Chắc con còn nhớ, đây là cô Dương, nhà bên kia đường."

Bây giờ thì tôi nhớ ra. Khi tôi còn bé, có một cô Dương bán đậu phụ trong tiệm bên kia đường trước nhà. Ai cũng gọi cô là Giai Nhân Đậu Phụ. Ngày xưa, cô hay đánh phấn. Gò má không cao và môi không mỏng như bây giờ. Vả lại tôi chỉ nhớ cô suốt ngày ngồi bán hàng, nên đã bỡ ngỡ khi thấy cô trong thế đứng chống nạnh như cái compas. Nghe nói hồi ấy sắc đẹp của cô đã thu hút khách hàng cho cửa tiệm tầu hũ. Có lẽ hồi ấy tôi còn bé nên không bị nhan sắc cô mê hoặc, nên mới quên bẵng đi.

Nhưng Giai Nhân Đậu Phụ rất phật ý. Tôi không biết cô là ai, có khác nào người Pháp không biết tới ông Nã Phá Luân, hay người Mỹ không biết tới ông Hoa Thịnh Đốn. Chua cay, cô trách:

"Cậu quên tôi rồi phải không? Phải rồi, tôi có gì đâu mà để cho cậu nhớ..."

Tôi đứng dậy lúng túng:

"Không dám, tôi..."

"Nếu cậu còn nhớ thì nghe tôi đây. Cậu Tấn, bây giờ cậu giàu có rồi, đồ đạc này cồng kềnh thô kệch, không có lý gì cậu còn cần đến nữa. Tốt nhất là cho tôi quách đi cho xong. Dân giả chúng tôi dùng thì cũng còn tốt chán..."

"Tôi mà giàu có gì. Vả lại không bán đồ cũ thì lấy gì mà mua đồ mới..."

"Úi chao ôi. Làm quan lớn rồi mà vẫn chưa cho là mình giàu sao? Bây giờ chắc đến ba vợ hầu rồi, ra đường đi kiệu tám người khiêng. Vậy mà vẫn chưa cho là giàu hả? Ha! Cậu che mắt tôi sao được."

Biết có nói cũng không lại, tôi đành lặng yên.

"Úi chao ôi, càng giàu càng kẹo, càng kẹo càng giàu..." Nói xong cô vùng vằng bỏ đi. Khi ra đến dửa, tiện tay bà chớp luôn đôi găng của mẹ tôi nhét vội vào túi.

Tiếp đến là bà con hàng xóm đến thăm. Khi nào rảnh tay tiếp khách, tôi lại gói ghém ít hành lý, và như vậy bốn ngày trôi qua.

*

Một buổi trưa khá lạnh, tôi đang ngồi uống trà thì có người đến thăm. Mới nhìn, tôi vội nhỏm dậy chạy ra đón khách.

Khách chính là Nhuận Thổ. Tuy mới thoáng nhìn, tôi đã nhận ra anh. Nhưng hôm nay anh không còn là Nhuận Thổ năm xưa. Anh cao gấp hai trước. Khuôn mặt xưa kia tròn trĩnh, bây giờ đã hốc hác, đầy nếp nhăn. Anh trông giống cha anh ngày trước, mí mắt sưng đỏ, kết quả của gió biển thổi năm này qua năm khác.

Anh đội chiếc mũ nỉ cũ kỹ. Co ro trong chiếc áo bông mỏng đã sờn chỉ, anh lạnh run cầm cập từ đầu đến chân. Anh mang theo một gói giấy và cái điếu cày dài bằng tre. Tay anh không còn bụ bẫm, mà thô lỗ vụng về, da dẻ sần sùi như vỏ cây. Tuy vô cùng mừng rỡ, nhưng tôi vẫn không tránh khỏi ngượng ngùng. Tôi chỉ thốt ra được mấy tiếng:

"Ồ! Nhuận Thổ đấy ư?"

Biết bao nhiêu điều tôi muốn nói với anh. Nào là gà rừng, nào là cá biết nhảy, nào là ốc ngũ sắc..., và nhất là con tra. Nhưng lưỡi tôi líu lại, không thốt ra lời. Nhuận Thổ cũng đứng sững, buồn buồn tủi tủi, môi anh mấp máy nhưng không thành tiếng. Sau cùng, cung kính đến khúm núm, anh nói:

"Bẩm cậu!"

Tôi rùng mình ghi nhận cái bức tường đá đã mọc lên phân cách chúng tôi tự bao

giờ. Anh ngoái đầu ra sau gọi con:

"Thủy Chương, con ra lạy ông chủ đi."

Rồi anh đẩy con ra phía trước. Thằng bé từ lúc nãy đã nép sau bố, bèn lẽn bước ra. Đúng là hình ảnh Nhuận Thổ hai mươi năm về trước, chỉ hơi khác là nó gầy hơn xanh hơn, và không đeo kiềng bạc.

"Đây là cháu thứ năm. Cháu chưa thấy khách lạ bao giờ, nên nhút nhát lắm."

Thấy tiếng chuyện trò, mẹ tôi và thằng Hoàng từ trên gác bước xuống.

"Thưa bà, chúng con mới được tin cách đây ít bữa. Biết cậu Tấn về chơi, chúng con mừng lắm..."

Mẹ tôi vui vẻ nói:

"Sao bây giờ anh Nhuận Thổ lại kiểu cách thế. Không phải ngày xưa hai anh em vẫn chơi đùa với nhau sao?"

"Dạ con không dám. Bà phúc hậu thương người quá. Hồi trước trẻ dại, thật là con chẳng biết đâu là đâu..."

Vừa nói Nhuận Thổ vừa đẩy thằng Chương ra trước, bắt chào mẹ tôi, nhưng thằng bé vẫn sợ hãi co rúm lại ôm chân bố. Mẹ tôi bảo:

"À, ra đây là thằng Chương. Cháu thứ năm phải không? Toàn người lạ cả, hèn gì cháu chẳng thẹn, Hoàng đâu, dẫn em ra ngoài chơi."

Được lời, Thủy Chương hớn hở bước theo bạn mới. Mẹ tôi mời Nhuận Thổ ngồi. Anh ngần ngại ngồi xuống mép ghế. Dựa chiếc điếu cày vào chân bàn, anh rảnh tay đưa gói giấy cho tôi:

"Mùa đông chẳng có thức gì quí, chỉ có nắm đỗ nhà phơi lấy, mạn phép đem lên biếu cậu."

Khi hỏi tới chuyện làm ăn, anh lắc đầu thở dài:

"Bẩm khó khăn lắm. Cháu thứ sáu đã giúp được việc vặt rồi. Vậy mà cũng không đủ ăn. Mà cũng chẳng có an ninh gì... Người nào cũng sách nhiễu tiền bạc, thật chẳng còn luật pháp gì cả... Mùa màng lại kém hụt. Trồng được thứ gì mang ra chợ, lại hết thuế nọ đến thuế kia. Mà rau cỏ không đem bán, để nhà cũng hỏng."

Vừa nói chuyện, anh vừa lắc đầu ngao ngán. Mặt anh nhăm nhúm như trái trám khô. Vậy mà các vết nhăn vẫn không nhúc nhích khi anh nói chuyện, tựa hồ những khổ ải trên khuôn mặt anh đã tạc vào đá. Anh uất ức, nhưng tâm hồn thô sơ, anh không diễn tả nổi thành lời. Lát sau, với chiếc điếu cày, anh yên lặng hút thuốc.

Rồi anh cho mẹ tôi biết anh không ở lâu được, và hôm sau anh sẽ phải về vì công việc dưới quê bừa bộn lắm. Biết anh đi đường chưa dùng bữa, mẹ tôi dục anh xuống bếp rang cơm ăn. Khi anh ra khỏi phòng, cả mẹ tôi lẫn tôi đều lắc đầu ái ngại. Con đông, đói kém, sưu thuế, lính tráng, trộm cướp, thư lại, địa chủ, tất cả đã bòn rút tận xương tủy và vắt hết sinh lực anh. Mẹ tôi cho anh tùy tiện lựa chọn trong đám vật dụng phải để lại, muốn lấy gì thì lấy.

Chiều hôm đó, anh xin mấy món đồ. Hai cái bàn dài, bốn cái ghế, một cái đỉnh đốt trầm, mấy cây nến thờ, và một cái cân. Anh cũng xin đống tro bếp để bón ruộng, tính khi chúng tôi đi rồi sẽ đem thuyền lên hốt.

Đêm đó chúng tôi ngồi chuyện vãn rồi đi ngủ. Sáng hôm sau, anh từ giã, và dẫn thằng Thủy Chương về làng.

Độ chín ngày sau, anh trở lại. Lần này Thủy Chương không được theo bố lên tỉnh, và anh chỉ đem theo đứa con gái lên năm để coi thuyền. Khách khứa lui tới suốt ngày, có người đến tiễn đưa, có người đến lấy đồ, có người một công đôi việc. Chiều tối khi chúng tôi lên thuyền, vật dụng trong nhà, dù lớn nhỏ, tốt xấu, còn dùng được hay đã gẫy nát đến đâu cũng biến sạch hết.

*

Rồi thuyền nhổ neo. Mấy rặng núi bên sông đổi thành mầu chàm đậm trong bóng chiều để dần dần mất hút đằng sau.

"Bác ơi, mình có trở về nữa không?"

"Trở về ư? Chưa đi mà đã muốn về hả cháu?"

"Tại vì thằng Thủy Chương nó rủ cháu về làng nó chơi..." Thằng Hoàng vừa nói vừa mở to đôi mắt lo lắng.

Thằng Hoàng nhắc đến Thủy Chương làm mẹ tôi và tôi nghĩ đến Nhuận Thổ. Bà kể từ hôm gia đình sửa soạn hành lý, cô Dương Đậu Phụ ngày nào cũng qua nhà. Hôm trước lục lọi trong đống tro bếp, cô lôi ra một chồng đĩa bát. Cô cả quyết chính Nhuận Thổ là thủ phạm, với mưu toan khi trở lại hốt tro sẽ đem bát đĩa ăn cắp về nhà. Khám phá ra chuyện này, Giai Nhân Đậu Phụ lấy làm hãnh diện lắm, tiện tay xách luôn cái bu nhốt gà chạy biến về nhà. Mẹ tôi bảo chân nhỏ mà chạy nhanh như vậy, quả thật là giỏi.

Làng xưa bỏ lại sau thuyền, và sông núi cố hương biến dần vào xa xăm. Nhưng tôi không tiếc nuối. Tôi đã mất mọi liên hệ với quê cũ, cố nhân cũng như cố sự. Tôi chỉ thấy quanh tôi những bức tường cao vời vợi, ngăn cách tôi với đồng bào tôi. Nhận định làm tôi xót xa.

Trong khoang, mẹ tôi và thằng Hoàng đang nằm giỗ giấc ngủ.

Tôi ngả lưng, nằm nghe tiếng sóng vỗ mạn thuyền róc rách. Rồi tôi nghĩ dù giữa tôi và Nhuận Thổ có ngăn cách bao nhiêu, con cái chúng tôi vẫn còn chia sẻ những điểm tương đồng. Lúc nãy, thằng Hoàng chẳng vừa nhắc đến thằng Chương đó sao?

Tôi hy vọng chúng sẽ gần gũi nhau hơn trong cuộc sống. Hơn nữa tôi mong đời chúng sẽ không dày vò dằn vặt như đời Nhuận Thổ. Tôi cũng mong chúng sẽ không giống những người tôi đã gặp, những người mà cả mục tiêu cuộc sống chỉ là những chuyện nhảm nhí không đâu.

Con cháu chúng tôi sẽ có một đời sống mới, một đời sống tốt đẹp, một đời sống mà thế hệ tôi chưa từng được hưởng.

Hy vọng tương lai bỗng làm tôi kinh sợ. Khi Nhuận Thổ xin cái đỉnh đốt trầm và mấy cây nến thờ, tôi đã tức cười là khổ thế mà anh còn bám víu lấy những công cụ của mê tín dị đoan. Vậy mà cái mà tôi gọi là Hy Vọng, chẳng qua cũng là một thứ dị đoan tôi đã tự tạo cho tôi. Chỉ có khác là điều Nhuận Thổ mơ ước là những nhu cầu vật chất gần gũi với tầm tay, còn cái dị đoan của tôi thì xa xăm và trừu tượng.

Lúc tôi chập chờn ngủ, một dải duyên hải hiện ra trước thuyền, và vừng trăng tròn treo cao, lơ lửng trên vòm trời trong sáng. Rồi tôi nghĩ những điều tôi hy vọng không hẳn là có, mà cũng không hẳn là không. Hy vọng có thể ví như đường xá trên mặt đất. Khởi thủy làm gì có đường xá. Nhưng chân người cùng chung một hướng, dẫm mãi mà thành đường.

*Tháng Giêng năm 1921*

# Ông Phạm Quỳnh và nền Văn học Việt Nam

• **Hương Thủy**

Nhơn dịp lễ giỗ một trăm tuổi (1892-1992) của nhà học giả PHẠM QUỲNH, chúng ta thử tìm hiểu công nghiệp của ông ấy đối với nền văn học Việt Nam như thế nào?

Ông Phạm Quỳnh, hiệu là Thượng Chi, biệt hiệu là Hồng Nhân, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1892 tại Hà Nội, chánh quán của ông ở Thượng Hồng, Phủ Bình, tỉnh Hải Dương (Bắc Việt).

Trước tiên, ông theo học và thi đỗ bằng Cao đẳng Tiểu học (Diplôme d'études primaires supérieures) tại Trường Bưởi (Collège du Protectorat) là bằng tây học cao nhất lúc bấy giờ. Sau đó, ông theo học và tốt nghiệp Trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes) năm 1908. Ông được bổ ra làm việc tại "Trường Viễn Đông Bác Cổ" (Hà Nội). Ông là người rất hiếu học nên ông thông hiểu được cả Hán văn, Quốc văn và Pháp văn.

Năm 1917, ông đứng ra chủ trương biên tập tờ Nam Phong Tạp Chí mà ông làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. (1)

Năm 1919, ông lại đứng ra sáng lập "Hội Khai Trí Tiến Đức". Hội này vang danh khắp Việt Nam nhất là Bắc Kỳ. Hội ấy rất có uy tín về mặt Văn học.

Sau khi vua Bảo Đại hồi loan năm 1932, ông được mời vào Huế giữ chức Thượng Thơ Bộ Học của Nam Triều kiêm chức Ngự Tiền Văn Phòng của nhà vua. Mãi đến ngày 9-3-1945, chính quyền Bảo Hộ Pháp ở Đông Dương bị binh đội Nhật Bổn lật đổ, ông về hưu trí sau khi Nội Các Trần Trọng Kim được thành lập. Đến ngày 19 tháng 8 năm ấy, Việt Minh Cộng sản nổi dậy cướp chính quyền ở Việt Nam. Giữa thời buổi nhiễu nhương ấy, ông bị Việt Minh bắt và thủ tiêu tại Huế. Nhà văn nổi tiếng Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng, con rể ông, đang làm quan Nam Triều, cũng bị Việt Minh bắt cùng một lượt với ông và bị chúng kết án 8 năm khổ sai.

Trên lãnh vực Văn hóa, ông Phạm Quỳnh là một kiện tướng có năng lực và tài ba để điều khiển một cơ quan ngôn luận và có công rất lớn trong việc phát huy những khả năng tiềm tàng của Việt Ngữ và xây dựng một nền móng vững chắc cho Quốc Văn bằng cách tô bồi với những tinh hoa mà ông đã thâu thập được trong những tư tưởng và học thuật Âu Tây.

Văn nghiệp của ông, một phần lớn nhờ ở Tạp chí Nam Phong mà ông đã điều khiển trong khoảng thời gian 16 năm, được nổi tiếng và lưu truyền cho đến ngày nay.

Ông chủ trương dùng lối văn sáng sủa, gẫy gọn, minh triết, nhờ đó mà sở trường của ông thường là lối văn biên khảo khô khan, nhưng lại được diễn đạt rất rõ ràng và chân xác... Trong những bài luận thuyết, ông đã nêu lên nhận xét sau đây: "Dù diễn ra Quốc Văn có dài dòng mặc lòng, điều cốt yếu là phải cho sát nghĩa, cho đúng với cái lý của nguyên văn".

Trong tờ Nam Phong, ông viết đủ các loại: Dịch thuật, trước tác, khảo cứu, phê bình, ông luôn luôn tìm hiểu những tư tưởng tiến bộ, tự do, khoa học để minh định lập trường của mình trước những ảnh hưởng ồ ạt của buổi giao thời.

Về văn nghiệp của ông, ta có thể chia ra 4 loại:

## I- NHỮNG BÀI CÓ TÍNH CÁCH VĂN HÓA

• **a) Loại khảo cứu**

- Văn học nước Pháp và khảo về tiểu thuyết (Nam Phong Tùng Thư 1929)
- Pháp Văn thi thoại: Beaudelaire tiên sinh (Nam Phong số 6)
- Một nhà danh sĩ nước Pháp: Ông Pierre Loti (Nam Phong số 77)
- Một nhà văn hào Pháp: Anatole France (Nam Phong số 161)

• **b) Loại dịch thuật**

- Ôi thiếu niên! Tuyên ngôn của G. Courteline (N.P. T.T. 1929)
- Ái tình: Truyện ngắn của Guy de Maupassant (N.P. T.T. 1929)
- Cái buồn của một tên tù già và thương hảo: Truyện ngắn của Pierre Loti (N.P. T.T. 1929)
- Chuyện trên xe lửa: Dịch trong tiểu thuyết của Guy de Maupassant (N.P. T.T. số 158)
- Chàng ngốc hóa khôn vì tình: Hài kịch của Marivaux (N.P. số 45)
- Tuồng Loi-Xích: Le Cid của P. Corneille (N.P. số 38 và 39)
- Tuồng Hòa-Lạc: Horace của P. Corneille (N.P. số 73, 74 và 75)
- Dịch 51 bài thơ chữ Hán của Đỗ Phủ sau khi Thương Chi đã về hưu trí tức là sau cuộc "Đảo chính Nhật" (tháng 3-1945)

• **c) Loại trước thuật**

- Ba tháng ở Ba-Lê (Nam Phong Tùng Thư 1927)
- 10 ngày ở Huế (Nam Phong Tùng Thư 1927)
- 1 tháng ở Nam Kỳ (Nam Phong Tùng Thư 1927)
- Tục ngữ Ca dao (Nam Phong Tùng Thư 1932)

• **d) Loại bình luận**

-Bàn về Quốc Học (N.P. số 163)
- Bàn về sự dùng chữ Nho trong văn Quốc Ngữ (N.P. số 20)
- Bình phẩm "Một Tấm Lòng" của Đoàn Như Khuê (N.P. số 2)
- Mộng hay Mị? Phê bình "Giấc Mộng Con" của Tản Đà (N.P. số 7)
- Hoàn cảnh (N.P. số 90)
- Trả lời bài "Cảnh cáo các nhà Học phiệt" trong Phụ Nữ Tân Văn (N.P. số 152)
- Lịch sử nghề diễn kịch ở nước Pháp: Bàn về Hí kịch của ông Molière (N.P. số 35)
- Pháp Văn tiểu thuyết bình luận: Phục thù cho cha (N.P. số 9)

## II- NHỮNG BÀI BIÊN KHẢO CÓ TÍNH CÁCH TRIẾT HỌC

• **a) Loại khảo cứu**

- Phương pháp luận của Descartes (N.P. số 3, 4 và 5)
- Lịch sử và Học thuyết Voltaire (N.P. Tùng Thư 1930)
- Lịch sử và Học thuyết Rousseau (N.P. số 104)
- Lịch sử và Học thuyết của Montesquieu (N.P. số 108)

- Triết học Auguste Comte (N.P. số 138)
- Triết học Bergson (N.P. số 150)
- Phật Giáo Đại Quan (N.P. Tùng Thư 1931)

b) Loại dịch thuật

- Đời Đạo Lý (N.P. từ số 144)
- Lời cách ngôn của Marc Aurèle (N.P. từ số 128)
- Sách cách ngôn của ông Épictète (Nguyễn Văn Vĩnh Éditeur 1929)

## III- NHỮNG LOẠI SÁCH VIẾT BẰNG PHÁP VĂN

• **a) Loại văn học**

- Poésie Annamite (1931)
- Le paysan Tonkinois à travers le parler populaire (N.P. Tùng Thư 1930)

• **b) Loại triết học**

- L'idéal du Sage: La philosophie Confucéenne (N.P. Tùng Thư 1928)

• **c) Loại chính trị**

- Essais Franco-Annamites (Édition Bùi Huy Tín - Huế 1937)
- Nouveaux Essais Franco-Annamites:

Tome I: À la croisée des civilisations

Tome II: Problèmes culturels et politiques

## IV- NHỮNG BÀI BIÊN TẬP CÓ TÍNH CÁCH CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, LỊCH SỬ

- Văn minh luật (N.P. Tùng Thư: Quyển I, 1928 - Quyển II, 1929)
- Chính trị nước Pháp (N.P. Tùng Thư 1929)
- Lịch sử Thế giới (N.P. Tùng Thư 1930)

*

Công nghiệp của ông Phạm Quỳnh đối với nền Văn học Việt Nam thật không phải là nhỏ. Người ta vẫn nhắc nhở mãi tên tuổi của ông, không phải vì địa vị cao sang của một ông Thượng Thơ Nam Triều, mà chính vì sự nghiệp văn chương của ông đã lưu lại cho hậu thế. Đặc điểm đáng cho ta chú ý trong các loại bài biên khảo, bình luận của Thương Chi là phần tư tưởng. Giá trị tư tưởng của ông là đi đến kết quả "dọn đường mở lối" cho nền Văn học nước ta tiến đến một tương lai rực rỡ, sáng lạn hơn. Ông đã góp công hữu hiệu cho việc xây dựng nền Văn học mới của nước ta vào đầu thế kỷ XX.

Tiếc thay! Việt Minh Cộng sản đã ám sát ông lúc ông mới có 53 tuổi. Đó quả thật là một mất mát lớn cho nền Văn học Việt Nam.

Theo thiển kiến, những người trí thức Việt Nam, hậu sinh ông Phạm Quỳnh, nếu muốn làm Văn học Việt Nam và tô bồi kiến thức của mình trên lãnh vực ấy, nên đọc và nghiên cứu các tác phẩm của ông tồn trữ trong các Thư viện Pháp và Hoa Kỳ, vì ông là một học giả uyên thâm khá hiếm hoi của nước ta, mà chúng ta có thể coi như là một bậc thầy.

• **Hương Thủy**

**CHÚ THÍCH:**

(1) *Về mặt sinh hoạt, Nam Phong Tạp Chí được phân chia làm hai thời kỳ:*

*Thời kỳ thứ nhất: Kể từ Nam Phong số I ra mắt vào tháng 7 năm 1917 đến tháng 12 năm 1933, ngày mà ông Phạm Quỳnh vào Huế giữ chức Thượng Thơ Nam Triều, tờ Nam Phong rất được mọi người tán thưởng với những bài vở dồi dào, những lý luận sâu sắc, cùng những bài biên khảo rất có giá trị.*

*Thời kỳ thứ hai: Sau khi ông Phạm Quỳnh vào Huế làm Thượng Thơ Nam Triều, ông Lê Văn Phúc, chủ nhà in "Đông Kinh" đảm nhận tờ Nam Phong về mọi mặt. Nhưng ông Lê Văn Phúc không đủ khả năng điều khiển, cho nên chỉ độ một năm sau, từ số I tháng Giêng năm 1934 cho đến số chót tháng 12 năm 1934, tờ Nam Phong đi từ chỗ suy sụp đến chỗ đình bản hẳn.*

*Tính ra, tờ Nam Phong Tạp Chí xuất bản được 17 năm, tổng cộng được 210 số. Như vậy, ta có thể nói: Nam Phong là một tờ Tạp chí đầu tiên của nước ta đã sống bền bỉ nhất từ trước đến nay.*

•

# CAY

# Cay Ngọt Miền Núi Ngự Sông Hương

• Ông Già Ngoại Ô

Những người biết Huế ít nhiều, thường nói rằng: từ mờ mờ sáng cho đến chiều tối thì đụng mô cay nấy, cay toát mồ hôi; nhưng bù lại, từ chiều tối cho đến khuya thì cái chi cũng ngọt, ngọt lịm, ngọt hơn mía lùi.

Xin chư vị quân tử bốn phương chớ vì thừa cao kiến mà suy diễn xa xôi, sợ lỡ đụng chạm cũng thêm phiền; chúng tôi chỉ nói về hương vị món ăn cố đô Huế mà thôi.

Đúng thế, từ món ăn bình dân cho đến cao lương mỹ vị, địa phương hoặc du nhập để có đủ ba miền, về đến Huế món ăn nào cũng đành biến thể hóa thành cay hơn hoặc ngọt hơn.

Rứa đó mà nếu có thực khách nào lỡ miệng nói "cay quá", thì các o bán hàng lại xuống một câu nhẹ nhàng đầy ý nghĩa "cay mới ngon". Nếu có vị nào thích đùa dai mà ấm ớ: "chè ni quá ngọt", các o bán chè sẽ xuống nhẹ "chè thì phải ngọt" kèm theo một cái nguýt thật dài có đuôi của đôi mắt sắc hơn dao cạo.

Hỏi ai dám hoặc nỡ than phiền cay, ngọt! Rứa cho xuôi chèo mát mái!

Từ mờ sáng tinh sương, đã văng vẳng nghe rao hàng các món điểm tâm bình dân như cơm hến, bún bò, cháo gạo hẻo rằn, đến trưa chiều thì dấm nuốc, bánh bèo, bánh canh, bánh nậm... và chiều tối khuya thì đủ các loại chè... ngay cả trên sông Hương cũng có.

Mỗi món ăn - trừ các thứ chè - đều tùy theo khẩu vị và thị hiếu của thực khách mà kèm theo các loại ớt tươi, khô hoặc ướp... cay ơi là cay!

Người viết còn nhớ mãi cháo gạo hẻo rằn, thứ cháo nấu nhừ béo ngậy, thơm phức ăn với cá bống cá kho khô với tiêu, ớt, đường... Cháo này, nếu được thưởng thức "váng cháo" múc quanh nồi đất thì càng béo, thơm hơn. Cá bống cát kho khô có lót ớt làm cho cá queo mình lại trông mà thèm!

Nếu được o bán cháo cưng quẹt cho chút keo chung quanh trách đất do cá bống và mọi thứ tụ lại, thì... ôi chao thú vị tuyệt vời!

Hơn 60 năm qua rồi, mỗi lần nhắc đến cháo gạo hẻo rằn ăn với cá bống cát kho khô queo, vẫn còn chảy nước miếng thèm! Gạo hẻo

rằn cố gắng tìm được, nhưng nỗi, trách đất và cá bống cát thì răng? Đành nhịn thèm mãi đến chết mất!!

Đã nói cay phải nói đến ớt, vì *"ớt nào mà ớt không cay"*... Thế mà có thứ ớt không cay mới lạ, như các giống ớt chuông, ớt chuối đó tề! À, mà các giống ớt này đều gốc Tây phương. Hèn chi phải!!!

- **Rứa thì hãy nói về các giống ớt tìm thấy ở Huế.**

**Ớt chìa vôi:** ớt này trái to và dài độ trên dưới một phân Tây, hình giống cái chìa vôi nên gọi là ớt chìa vôi. Ớt thuộc loại cay toát mồ hôi.

**Ớt Xiêm:** Có lẽ từ Thái Lan du nhập nên mới có tên ấy. giống ớt trái nhỏ bằng đầu đũa và dài độ một, hai phân Tây. Ớt không cay lắm, chảy nước mắt thôi.

**Ớt chỉ thiên:** ớt có trái từng chùm và chỉ thẳng lên trời (Thiên), giống ớt Xiêm và thuộc loại cay điếc lỗ tai.

**Ớt gạo:** ớt có trái nhỏ bằng hột gạo nên mới có tên như rứa. Người ta còn gọi là **ớt mọi,** có lẽ vì người Thượng trồng ớt này nhiều chăng? Ớt ni cũng dòng họ cay, cay xé lưỡi hay cay xé họng.

Nói chung các loại ớt nhỏ mà cay gọi là **ớt hiểm.**

Người Huế ăn ớt "hơi" nhiều. Đủ cách ăn, ớt tươi, ớt khô, ớt dầm (hay ướp).

Ớt tươi có ba thứ:

**Ớt xanh:** đợi ớt khi già, nhưng còn xanh, hái vô ăn.

**Ớt hường:** Ớt vừa chín tới, màu sắc còn vừa xanh, lục đậm, vừa lóe đỏ hái vào dùng. Thứ ớt ni cay lắm!

**Ớt chín:** Ớt đã chín đỏ, bớt cay vì lớp vỏ chín đỏ trở nên ngọt phần nào.

**Ớt khô:** Đợi ớt chín đỏ, hái vào phơi nắng thật khô. Ớt khô cũng có 3 thứ:

**Ớt bột:** vỏ ớt đâm nhỏ thành bột, cho vào nước mắm hoặc rắc trên thực phẩm cho thêm... duyên. Ớt bột ít cay.

**Ớt hột khô:** Hột ớt khô dùng để kho cá, cay lắm!

**Ớt khô nguyên trái:** dùng làm giống hoặc lót trách kho cá. Ớt cay hết chỗ nói.

Các thứ ớt xanh, hường, chín được ướp với nước mắm. nước muối hoặc dấm... để dành khi thiếu ớt tươi hay không cần ớt tươi, tùy món ăn.

Ớt ăn tươi, ăn khô, chưa đủ! Đề phòng thiếu ớt mùa mưa lụt, mặc dù ớt bột, ớt dầm lúc nào cũng có, các bà nội trợ còn chế thêm một thứ ớt không tươi, không khô, mà ướt ướt, sệt sệt gọi là tương ớt. Tương ớt không thơm, không "ngọt" như ớt tươi, nhưng có cái thú vị riêng. Tương ớt có hai thứ:

**Tương vỏ ớt:** Ớt chín đỏ, lấy hết hột ớt, chỉ dùng vỏ ớt đâm nhỏ để làm tương; thường dùng nước muối để làm tương ớt.

**Tương ớt:** Ớt chín đỏ nguyên trái, đem đâm nhỏ để làm tương với nước muối; nếu cần trộn thêm chút dấm cũng ngon. Coi chừng, tương ớt ni cũng "cắm lay".

Ăn ớt, nhưng ăn phải có kiểu có cách, có sách có vở. Mỗi món ăn dùng ớt một cách riêng. Dùng ớt bột nhỏ thay vì ớt bột to (ớt hột) bỏ vô nước mắm, nhiều khi sẽ bị rầy: ăn chi tào lao rứa!

**Ớt xanh nguyên trái:** ăn tiết canh. Ớt xanh nguyên trái cũng dùng để ăn với nhiều thứ khác, không xắt mà chỉ để nguyên trái nên khi cắn nghe... "cái rạo".

**Ớt đỏ nguyên trái:** ăn chung với rau sống cho các món Huế đặc biệt như bánh khoái, Bún bò Huế đã cay rồi, cắn thêm một trái ớt, càng thú hơn, ngon hơn!

Ớt xanh hoặc đỏ dầm dấm, dầm nước muối, dầm nước mắm: để dành lâu cho màu không còn là ớt tươi, dùng để lót trách kho cá hoặc ăn với mọi thứ.

Ớt màu đỏ hoặc xanh sắt nhỏ từng khoanh theo chiều ngang của trái ớt: dùng chung tất cả món ăn. Thiếu ớt là mất ngon rồi!

Tương ớt bột có pha tỏi, đường: ăn nêm chung vào tô bún bò Huế.

Ớt bột đỏ tao (xào) với mỡ cho có màu đỏ và vị cay để làm tôm kho đánh chấm rau khoai luộc hay rau muống. Ớt bột xào làm nàu nổi khi nấu các món canh có vị tanh như canh cá, canh hến...

Ớt bột trộn với nước mắm ăn với trứng vịt luộc dầm ra với dưa cải trường.

Ớt trái tươi dầm với tỏi làm nước mắm chanh tỏi ớt để chấm các món cá luộc, cá hấp. Nước mắm chanh tỏi ăn với bún chợ Tuần thì hết sẩy!

Ớt trái không dằm nhỏ nhưng dùng muỗng nghiền từng miếng nhỏ cho vào nước mắm để ăn bánh ướt, bánh bột lọc, bánh bèo, bánh nậm... có khi dùng ngón tay để xé nhỏ trái ớt chớ không dằm nhỏ.

Ớt trái đỏ được các bà nội trợ khéo tay tỉa thành hoa để trang trí các món ăn như nem chả, dưa chua... khai vị.

Nói chuyện ớt cay, cay ớt hơi dài, viết dài hơn nữa tiếp qua chuyện chè ngọt, ngọt chè không biết có đăng được không, xin hẹn quý vị vui lòng đợi số tới, vì có duyên ắt sẽ còn gặp lại, dù cho người viết cảm thấy mình đã quá gần huyệt mộ.

• **Ông Già Ngoại Ô**

*(Tiếng Sông Hương 1991)*

# NGỌT

Mùa đông ở xứ người lạnh lắm, lạnh thấu xương. Phải chăng người xa nhà mặc cảm vì mãi thương nhớ quê hương!?

Nếu thiếu áo ngự hàn mà phải lam lũ lao động ở ngoài trời phủ đầy băng tuyết, thì con người mới cảm thấy tái thịt, tê da!

Thế mà Ông già ngoại ô chỉ đơn sơ khăn đóng, áo dài và giầy hạ, vẫn vui vẻ, hăng hái đi bộ đến nghĩa trang, cách xa nhà trên 5 dặm. Đảo mắt nhìn quanh, trông thấy huyệt mộ, ông liền hăm hở bước tới nhẹ nhàng đặt chân vào huyệt mộ, thì bỗng... Thời gian ngưng đọng lại, vạn vật im phăng phắc, duy chỉ một làn khói trắng phun lên từ đáy huyệt mộ, và tiếp theo là tiếng vọng.

- Ông già ngoại ô chưa được vào huyệt mộ!

- Ngươi là ai mà dám ra lệnh cho ta?

- Huyệt mộ.

- Đã là huyệt mộ, chắc ngươi còn nhớ lời người xưa: *"Giai nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu"* (1), vả lại niên kỷ của ta đã trên 70, tức là *"Thất thập cổ lai hy"* (2). Vậy ngươi muốn nhân gian thấy đầu ta bạc chăng?

- Đó là ý kiến của ngươi. Riêng ta nghĩ thì người biết tự trọng phải để ý đến 2 món nợ lớn, đó là nợ hình hài và nợ áo cơm. Hơn nữa, Đất Nước đang điêu tàn, suy thoái tận cùng trên mọi phương diện; Dân Tộc ngươi đang lầm than, đói rét và không có tự do.

Người xưa cũng có nói: *"Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách"* (3) dù cho *"Sinh giả hoài chi, lão giả an chi"* (4)...

- Thì đúng là lão giả an chi!

- Ta chưa dứt lời và cũng chưa hết ý.

- Xin lỗi ngươi, mời ngươi tiếp tục.

- Nhưng trước tình trạng này thì *"Tử giả bất an chi"* (5). Vậy ngươi cảm thấy đã được an nhiên vào huyệt mộ hay chưa?

Ông già ngoại ô suy nghĩ hồi lâu, rồi đáp:

- Xin đa tạ ngươi và hẹn ngày tái ngộ.

Đoạn, ông quay gót trở về nhà, miệng lẩm bẩm: Nợ hình hài, nợ áo cơm, Đất Nước, Dân Tộc, bản thân...

hình hài, nợ áo cơm, Đất Nước, Dân Tộc, bản thân... Ta đâu phải người trốn nợ, cũng không phải người quỵt nợ. Có nợ thì phải trả, dù lớn hay nhỏ...

Đã vui vẻ, hăng hái lúc ra đi, bây giờ ông lại vui vẻ, hăng hái bội phần; đến nỗi ông băng qua đèn đỏ mà không hay. Nhưng xe cộ chạy trên trục lộ đèn xanh thấy thế đều phải thình lình thắng lại. Một tiếng "két" rợn người vang lên, đánh thức Ông già ngoại ô dậy.

Thì đúng là một giấc chiêm bao. Không biết phải nói đây là giấc mơ hay là cơn ác mộng?

Thôi thì để cho "thuận buồm suôi gió", cứ bảo là "nằm chộ" (6) cho nó hợp lệ tình trạng quân dịch. Nếu mải cãi cọ thì thường hay sinh chuyện nọ kia... cũng thêm phiền.

Sau cơn "nằm chộ", Ông già ngoại ô đã sẵn sàng để ngồi vào bàn hí hoáy viết.

Do tính tò mò thúc đẩy, chúng tôi nhìn qua vai ông thì đọc được mấy chữ: Cay, ngọt miền núi Ngự sông Hương...

Thế là Ông già ngoại ô đang trả nợ theo lối "nợ trả dần, cháo húp quanh".

Chúng tôi vội rón rén bước ra ngoài, để cho Ông già ngoại ô tiếp tục trả nợ.

Nói dông dài thế này, có mang tiếng là "bẩm dai" mà lạc đề... rủi có vị nào hạ bút châu phê 3 chữ "vô duyên ỏm" thì thật là kêu trời không thấu vì cái bệnh "bẩm dai".

Thôi, ngưng tào lao để nhường lời cho Ông già ngoại ô.

.....

Năm ngoái, trên Tiếng Sông Hương 1991 của tổ chức những người nhớ Huế tại Dallas, chúng tôi đã theo thứ tự thời gian trong ngày ở Huế mà viết CAY trước. NGỌT thì năm ngoái mới bắt đầu.

Năm nay thì xin tiếp tục viết về NGỌT.

Cũng như năm trước, cay thì phải có ớt.

Năm nay muốn ngọt thì phải có đường.

Không phải là nhà chuyên môn làm đường, nên chúng tôi không dám đi sâu vào nghề nghiệp, mà chỉ nhìn qua thì đường chính từ mía mà ra. Đường có nhiều loại:

**Đường phèn:** là chất tinh tuý nhứt của đường, đông lại từng viên trong vắt như miếng phèn chua, nên có tên gọi là đường phèn.

**Đường cát trắng:** mịn như hột cát và màu trắng, nên gọi là đường cát trắng.

**Đường cát hùn:** cũng mịn như cát, nhưng có màu ngà ngả vàng. Người Huế gọi là đường cát hùn.

**Đường phổi:** có từng khối, do khuôn đúc ra và có nhiều lỗ như lá phổi nên gọi là đường phổi. Đường phổi có màu nâu lợt.

**Đường bánh:** là loại đường đông đặc lại theo hình cái "ô đong gạo", màu đen và thường được bọc rơm khô.

**Đường xe:** màu đen hơn đường bánh, hình như hột đậu và được bọc rơm khô cho khỏi ướt; vì đường xe là thứ tận cùng của các loại đường.

**Mật:** đường màu đen; không thành đường vì không đông đặc được. Người ta dùng mật này để chấm bánh tét hoặc bánh chưng.

Có lẽ người nghèo mới dùng mật; vì người giàu thường dùng đường cát trắng để chấm bánh tét, bánh chưng hoặc với những cao lương mỹ vị khác.

Xin các chuyên gia làm đường vui lòng bổ khuyết. Chúng tôi vô vàn cảm tạ.

Ngọt có nhiều thứ khác nhau:

**Mứt:** Các loại mứt, nhứt là mứt Huế nhờ các bà nội trợ gia chánh giỏi nên đã "tiểu vẽ" nhiều loại mứt mà chúng ta muốn nhìn hơn ăn; vì ăn thì còn đâu nữa mà nhìn!!!

Chờ đến Tết sẽ có mứt. Như Tết năm nay, tuy ở đất khách quê người, nhưng nếu có thì giờ và phương tiện, các bà sẽ trổ tài cho chúng ta xem.

Xin tóm tắt một chuyện vui về mứt: Cách đây độ chừng 40 năm, lúc còn tùng sự tại Dalat. Gần đến Tết, lại có dịp về Sàigòn, nên chúng tôi dự định về Sàigòn sắm Tết. Chợ Bến Thành có bán đủ các loại mứt, có cả mứt củ sen. Tôi liếc mắt nhìn thấy hấp dẫn quá, bèn mua một ít để làm quà ngạc nhiên cho bạn bè người gốc Huế.

Bạn bè đến thăm Tết, tôi bèn đưa mứt củ sen ra mời: "Mời các anh chị thưởng thức hương vị Huế, mứt củ sen và xơi nước trà đầu năm".

Mọi người nhao nhao dùng mứt củ sen...

Sau khi thưởng thức, không một ai lên tiếng.

Đoạn một người lớn tuổi hỏi chúng tôi: Mứt củ sen này có phải do chị nhà làm không?

Chúng tôi mau miệng đáp: Ở Dalat làm gì có sen mà làm mứt!!!

Người bạn lớn tuổi vui vẻ: Thế là "Mua nhầm mà bán không nhầm" rồi đấy. Nếu không tin, xin mời anh dùng thử.

Chúng tôi bẻ một miếng mứt củ sen bỏ vào miệng nhai, thì ôi thôi... khoai lang!

Tất cả mọi người đều cười rộ lên, cười vui hơn pháo Tết.

Ông bạn lớn tuổi cười xong, bèn nói: Chúng ta quý tấm lòng của anh chị nhiều hơn mứt khoai lang.

Lại cười nữa và vỗ tay vui hơn Tết.

**Bánh như bánh in, bánh thuẩn, bánh hột sen, bánh khô, bánh nổ bánh bột khảo, bánh ít lá gai...** thảy đều ngọt.

Hãy để dành các loại bánh này cho yến tiệc linh đình; không nên đụng đến mà sinh... thèm.

**Kẹo** cũng ngọt như **kẹo đậu phụng, kẹo gừng, kẹo cau...** (có lẽ hình dáng trông như miếng cau bửa ra, lớp ngoài là bột trắng ngà giống xác cau và lớp trong là đường màu nâu giống hột cau).

Các loại kẹo xin để dành cho tuổi trẻ; vì người lớn, nhứt là các ông bà già mà nhai kẹo, rủi ro bị "sắng run" thì khó coi lắm.

**Cốm** thì có **cốm bắp** (hạt ngô), **cốm nếp, cốm gạo.**

Cốm thường bán vào mùa mưa lạnh, nên cũng không được thường xuyên mà vó thể mói... từ chiều tối trở về khuya thì Huế ngọt như mía lùi.

**Mè xửng** cũng ngọt thanh tao. Du khách đến Huế không bao giờ quên mua mè xửng để về làm quà cho thân nhân, bạn bè.

Người Việt Nam mình vì quá quyến luyến với mè xửng Huế, nên đã có người làm mè xửng để bán và người ta mua cũng nhiều tại đất Hoa Kỳ này trong những ngày tị nạn.

Hết chuyện ngọt nhờ mứt, bánh, kẹo, cốm, mè xửng... Bây giờ xin được đi vào chuyện chính là **CHÈ HUẾ.**

Người Huế có rất nhiều loại chè, người viết chỉ sợ kể không đủ mà mang phải tội.

"Rứa thì thấy chi kể nấy cho xuôi chèo mát mái, không sợ bị la".

**Chè hột sen**, nhứt là hột sen hồ Tĩnh Tâm rất thơm, hột bở, vỏ ngoài và vỏ lụa đều mỏng, tim sen nhỏ. Vì vậy mà người ta dùng hột sen khô sau mùa Hạ.

Hột sen không những để nấu chè, mà còn hầm với các thứ thịt, ngon lắm.

**Chè đậu ngự**, hột đậu ngự thơm ngào ngạt, bở, mỏng vỏ... gọi là đậu ngự phải chăng với vua thì dùng chữ ngự, nên loại đậu để dâng vua phải gọi là đậu ngự, như ngự thiện, ngự du, ngự lãm...

**Chè đậu quyên** giống như đậu ngự, nhưng ít mùi thơm và hột nhỏ, vỏ dầy hơn.

Đậu quyên không dâng vua ngự, nên đành cam phận... xa vua.

**Chè đậu váng**, chè này có 2 thứ gọi là **chè đậu váng đặc, chè đậu váng lỏng.**

Chè đậu váng đặc có bỏ thêm bột lọc cho nó "sệt sệt" lại, nên lúc còn trẻ con

chúng tôi thường gọi đùa là... **chè mũi.**

**Chè đậu xanh** (vì vỏ và hột đậu đều màu lục nhạt hay là màu lá mạ). Chè này có 3 thứ: **Chè đậu xanh đặc**, hột đậu nấu chín nhừ và đông đặc lại như bánh; thứ đến là **chè đậu xanh nước**, chè này có vỏ nguyên hột và thứ ba là **chè bông cau**: hột đậu bóc hết vỏ, có bỏ thêm bột lọc cho "sệt sệt" lại và trên mặt có thêm bột trông giống hệt bông cau (hoa cau).

**Chè đậu đen xanh lòng** gọi như thế vì vỏ đậu màu đen mà hột đậu thì màu lục nhạt (màu lá mạ).

Các loại đậu dùng để nấu chè như: **Đậu rằng, đậu huyết** (đỏ như huyết), **đậu đà, đậu đen, đậu trắng...**

Người Huế còn dùng các loại môn, khoai tía để nấu chè... như môn chấm, môn sáp, môn sáp vàng, khoai tía thơm màu tím, khoai tía mỡ màu ngà v.v...

Ở Huế từ chiều tối đến khuya thì cái gì cũng ngọt, ngọt lịm, ngọt như mía lùi, vì từ giờ phút ấy là các cô bán chè Huế bắt đầu hoạt động.

Tiếng rao hàng chè lanh lảnh khắp nơi, ngay cả trên sông Hương Giang cũng có những chiếc thuyền nho nhỏ thắp đèn lồng gương lấp lánh mọi thứ chè mời du khách trên thuyền đang thưởng thức những điệu Nam Bình, Nam Ai, Lưu Thủy, Tứ Đại Cảnh...

Nhiều gia đình không đợi lời rao hàng, mà đã quen từ trước, đúng giờ giấc thì có cô bán hàng sẽ đến đúng hàng chè và tên tuổi người bán kẻ mua.

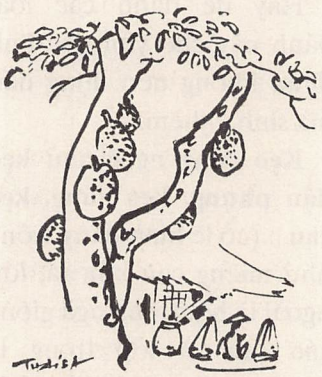

Có một thứ chè mà hàng năm cứ đến ngày mồng 5 tháng 5 Âm Lịch thì có nhiều, đó là **CHÈ KÊ.**

Hột kê nhỏ lắm, nhỏ như hột cát; nhưng cây lại lớn như cây bắp (cây ngô).

Nhớ ngày mồng 5 tháng 5 là tục của người Trung Hoa để kỷ niệm một vị danh y tên là Điếu Khuất Nguyên; nhưng trong thời kỳ Bắc thuộc, ngày lễ này đã Việt hóa thành tập tục hoàn toàn Việt Nam mà người Pháp (lúc còn bảo hộ An Nam) thường gọi là Fête des canards; vì đến ngày lễ này, ngoài các phẩm vật, người ta còn giết vịt để cúng gia tiên.

Một năm ấy, một bà Việt Nam có tài đặc biệt nấu chè kê. Bà ấy nấu thế nào mà hột kê nở thơm phức, lại chẳng dính nồi dính chén. Như thường lệ, bà nấu chè xong, múc lên chén và sai người con trai nhỏ đặt lên bàn thờ cúng gia tiên.

Người con trai còn quá nhỏ (độ chừng 7, 8 tuổi) nên cũng thích chè kê lắm, nhứt là chè kê do mẹ cậu ta nấu.

Lễ cúng xong, cậu ta dấu lại trên bàn thờ 5 chén chè kê; còn lại bao nhiêu cậu ta "làm tỉnh" bưng xuống trình mẹ.

Bà mẹ xuống nhẹ một câu: Mạ biết con thích chè kê, nên nấu nhiều nhiều trước cúng sau để con dùng. Con nên cất vào cũi, nếu để trên bàn thờ rủi chuột vạy thì nhớp lắm (dơ lắm).

Cậu con trai đâu dè bà mẹ đã đếm số chén trước đây rồi; nên cậu ta chỉ biết "dạ" và ngoan ngoãn lên bàn thờ bâng chè kê xuống để mẹ nhìn.

Chè kê đối với chúng tôi là một kỷ niệm hiếm có, khó quên. Mỗi lần nhớ đến chè kê là nhớ đến Mẹ, nhớ đến Quê hương thắt ruột. Vì đứa trẻ nhỏ kia chính là người viết, và Mẹ tôi đã mất 2 năm nay tại Việt Nam, hưởng thọ 96 tuổi.

Chỉ đành mượn lời người xưa để than thở:

*"Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,*
*Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương"...*

- **Vài chuyện nghe lỏm về chè:**

Những chuyện nghe lỏm này, người viết không dám bảo đảm 100%. Vì nếu nghe lỏm mà người nói không biết bị nghe lỏm thì chẳng nói mà chi; chứ nếu người nói biết rằng bị nghe lỏm thì câu chuyện trở nên khác nhiều.

Theo điều được nghe lỏm, chúng tôi xin kể lại trung thật. Xin quí vị chớ tưởng rằng đây là kinh nghiệm bản thân; vì đàn ông con trai Việt Nam đâu có chuyện "xông pha" vào bếp mà vội bảo rằng kinh nghiệm bản thân cho... oan gia nghiệp báo!!!?

Thuở còn trẻ con, chúng tôi đã có lần vào bếp trong một ngày giỗ, vì... thèm chả trứng. Khi lẹ tai nghe tiếng nổ của hành, tỏi trong mỡ trên "xanh" thì còn đợi gì nữa mà chúng tôi không chịu chạy vào bếp? Nhưng các bà bác, bà thím, các bà mợ, bà dì... lại đuổi nhẹ rằng: Con trai đừng vô bếp, sợ học lú.

Chúng tôi đành rút lui vài bước, mắt vẫn dính vào "xanh" chả trứng.

Nhìn các bà xắt chả trứng, rẻo quanh cho vuông vắn... chúng tôi mừng vì nghĩ rằng: Chắc rẻo là phần của trẻ con.

Nhưng rẻo thì các bà xắt dài để "làm mắt" các dĩa trộn.

Thất vọng, không bị đuổi cũng đi chỗ khác... chơi.

Đến khi lớn, lại phải "thủ phận" đàn ông, con trai nhứt định không vào bếp - nhứt là ở Hoa Kỳ - nhưng thỉnh thoảng "nghe lỏm" cho vui. Vì vậy mà tuy tật đã quá nhiều, lại còn thêm tật "nghe lỏm".

Nếu quí vị ngại nghe lỏm thì xin nghe người nghe lỏm kể chuyện nghe lỏm:

**Đậu hắc:** Chè đậu thường gặp các hột đậu hắc (đậu hư, nấu mãi không chín, rủi cắn nhằm có thể gẫy răng như chơi, nên trước khi nấu chè, người ta đổ đậu vào nước lạnh, hột nào nổi trên mặt nước là đậu hắc: vớt bỏ.

**Đậu sượn:** Đậu thường có một vài hột sượn, khó tránh. Nhưng nếu nghe rằng nấu chè phải có đường, rồi dùng nước đường mà nấu thì tất cả hột đậu thành sượn.

Vì thế, người ta nấu hoặc hấp vừa chín trước, rồi cho nước đường vào sau, tùy theo ngọt nhiều, ngọt ít.

Cũng nên nhớ là nước đường đã "thắng" sẵn sàng rồi.

**Chè ngon:** Các loại chè đậu ngự, đậu quyên, đậu váng... đều phải hấp hoặc luộc vừa chín; tuy lột vỏ nhưng đậu vẫn còn nguyên.

Các loại đậu khác có vỏ, chỉ cần hấp hoặc nấu vừa chín, vỏ còn nguyên để khi nhai nghe "cái bụp" càng thêm thú vị.

**Nước trong:** Chớ nấu quá chín làm nước đục thì khó coi, có vỏ thì vỏ đậu nứt nẻ ra, hột đậu quá chín làm nước đục thì khó coi.

Để kết thúc, chúng tôi xin chân thành mời quí vị thưởng thức một thứ chè gọi là... lấy thảo.

Chè này ngọt (chè thì ngọt là cái chắc, không khéo các cô bán chè sẽ nói "ngọt mới là chè và kèm theo một cái nguýt mắt sắc hơn dao cạo" thì ôi chao... hết nói!) thơm thơm, mằn mặn, beo béo, dòn dòn... phải ngậm mà nghe, chứ không dám nhai nuốt.

Đó là **Chè THỊT QUAY.**

Chúng tôi không biết nấu chè thịt quay, nhưng đã thưởng thức 2 lần, lần nào cũng còn... thèm.

Nhìn qua trạng thái thì thấy:

Nước trong vắt và ngọt (chè mà không ngọt sao được).

5, 7 hột tròn tròn ấy hoặc là bột lọc (bột củ mì mà ở Huế người ta gọi là củ sắn) hoặc bột nếp bọc kín một hột đậu phụng rang, một lát thịt quay nhỏ đủ da (dòn dòn), mỡ (beo béo), thịt (mằn mặn) đầy đủ mà người ta thường gọi là thịt ba chỉ.

Các viên bột bọc thịt quay này phải thật kín mọi phía, vì nếu có chỗ nào hở ra là nước đục ngay.

Thưởng thức xong món **CHÈ THỊT QUAY**, xin quí vị hiểu cho người viết theo lối "nghe lỏm", trừ hai chuyện xưa có dính líu đến bản thân chúng tôi.

Có cay, có ngọt mới đúng là Huế mình!!!

Biết ngày nào thì chúng ta sẽ thở bầu không khí ở Huế để nhìn núi Ngự sông Hương thơ mộng; hay lại phải làm phân vun bón cho cây cỏ quê người!

À, mà ông già Ngoại ô đã "Hẹn ngày tái ngộ" với Huyệt mộ sau khi trả xong nợ... đời.

Mong thay!

• **Ông Già Ngoại Ô 1992**

# Về Thăm Cha

*(Kính dâng Ba nhân dịp lễ Chung Thất)*

*Tôi về thăm quê hương*
*Bên kia bờ đại dương*
*Có cha già tóc bạc*
*Mòn mỏi ngóng chờ con*

*Trời Sài Gòn vẫn xanh*
*Gợi nhớ kỷ niệm lành*
*Cảnh cũ người xưa đây*
*Ôi ! ước mơ đã thành*

*Niềm vui đang ngập tràn*
*Nghe bảo cha qua đời*
*Tôi cúi đầu câm lặng*
*Mây đen phủ kín trời*

*Mười bảy năm chờ đợi*
*Chỉ chậm mất một ngày*
*Cơ chi về sớm hơn*
*Đã thấy mặt, cầm tay*

*Tiếc thương cha còn đó*
*Làm sao tỏ tâm tình*
*Bên quan tài nức nở*
*Thăm cha thành biệt ly*

*Bước chậm theo xe tang*
*Thay đi dạo phố phường*
*Chợt nghe lòng tê tái*
*Ai thấu nỗi đoạn trường*

*Bâng khuâng tôi thầm hỏi:*
*" Cha chết thật rồi sao ?"*
*Véo tay cho rướm máu*
*Mong được tỉnh giấc mơ*

*Nghĩa trang đà thoáng hiện*
*Còn chi nữa mà mong*
*Chuyện đời đâu phải mộng*
*Thương đau này sao nguôi.*

• **Hồ Văn Phú**
6-21-92

# Chuyện Nàng Công Chúa Có Ân Sâu Với Huế

- **Tôn Thất Tùng**

*Nước non ngàn dặm ra đi, cái tình chi.*
*Mượn màu son phấn đền nợ Ô-LY.*
*Đắng cay vì đương độ xuân thì.*
*Số lao đao hay là nợ duyên gì, má hồng da tuyết.*
*Quyết liều như hoa tàn trăng khuyết.*
*Vàng lộn theo chì...*

Bài ca Nam Ai trên đây được phát xuất và truyền tụng từ cố đô Huế đã nói lên tâm sự của nàng công chúa kiều diễm khi gạt nước mắt bước lên xe hoa với sứ mạng cực kỳ cao cả.

Là người Huế, ai ai cũng biết Huế nguyên là châu Ô châu Lý của Chiêm Thành mà Vua Chế Mân đã dùng làm sính lễ xin cưới công chúa Huyền Trân. Dầu vậy rất ít người nghĩ đến lòng hy sinh vì quốc gia dân tộc của một người con gái lá ngọc cành vàng. Nàng công chúa kiều diễm họ Trần đã quên tấm thân ngà ngọc để tạo tình hữu nghị cho hai nước Việt-Chiêm và để cho nước Việt có cơ hội mở rộng bờ cõi mà không phải dùng đến máu đào của người chiến sĩ.

Lịch sử như vậy đó, nhưng có người lại bảo rằng nếu không có cuộc hôn nhân Huyền Trân-Chế Mân thì cuối cùng Chiêm Thành cũng thuộc về Đại Việt và châu Ô châu Lý cũng sẽ trở thành Huế v.v... Nói như vậy tôi e có phần bất công với một người nặng lòng vì nước nếu không muốn nói là vô ơn bạc nghĩa. Theo Lan Khai mô tả trong cuốn CÁNH BUỒM THOÁT TỤC thì ngoài lòng từ ái, nhan sắc của Huyền Trân thuộc loại chim sa cá lặn mà các vị chức sắc độc thân trong triều thầm mơ ước được kén làm Phò mã. Tàn nhẫn hơn nữa là có một nhà nho vốn không ưa những người sùng bái đạo Phật đã viết trong cuốn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư rằng trên đường từ Chiêm Thành về Đại Việt. Tướng Trần Khắc Chung đã tư thông với công chúa. Thật là một sự xuyên tạc trắng trợn khi nhà Sử học cố tình quên đi một sự kiện lịch sử rõ như ban ngày là trên chiếc thuyền từ Chiêm Thành về Đại Việt ngoài thủy thủ đoàn khá đông còn có quan An Phủ Sứ Đặng Vân và hai cung nữ người Chiêm và một cung nữ người Việt là Thị Ngọc luôn luôn kề cận công chúa.

Đành rằng chung cuộc thì nước Chiêm cũng được sát nhập vào nước Đại Việt nhưng đầu sao chăng nữa thì cuộc hôn nhân Huyền Trân-Chế Mân cũng đã tiết kiệm không ít máu xương của người chiến sĩ. Theo kẻ viết bài này thì cuộc hôn nhân Chiêm-Việt là một cuộc hôn nhân lịch sử mà không riêng chi người Huế mới phải chịu ơn sâu. Phải chăng cụ Ưng Bình khi đặt lời cho bài ca Nam Ai trên đây là cố ý ca ngợi công đức của nàng công chúa họ Trần? Và bài này được viết ra cũng là để cảm tạ thâm ân của Huyền Trân, đồng thời với lòng hoài niệm cố đô yêu mến, vì tôi nghĩ rằng cái tên Huyền Trân phải được gắn liền với Huế.

Câu chuyện tôi sắp kể tuy có vẻ tiểu thuyết nhưng rất gần với chính sử, vì những dữ kiện lịch sử và tháng năm ghi trong đó đã được tham khảo và trích dẫn từ chính sử.

Nguyên sau khi truyền ngôi cho con là Thái Tử Thuyên lúc đó mới mười tám tuổi, Vua Trần Nhân Tông chính thức xuất gia ở núi Yên Tử và vào năm 1301 Vua đi thăm nước Chiêm Thành với tư cách một vị Thiền Sư.

Vua Nhân Tông đã ở Chiêm Thành tám tháng và đi dạo thăm khắp nước Chiêm. Sẵn người thông dịch đi theo nên đến đâu Vua cũng tổ chức những buổi nói chuyện, gieo vào đầu óc dân Chiêm những ý nghĩ hòa bình an lạc. Vua cảm thấy thương yêu người dân Chiêm không khác chi người dân Việt và Vua nghĩ đến cuộc binh đao giữa hai dân tộc trong quá khứ cần phải chấm dứt, không nên để hai dân tộc tiến thêm vào vòng tội lỗi. Ngài lại nhận thấy Vua Chế Mân là một người anh hùng được toàn dân thương mến nên trước khi ra về Ngài tỏ ý gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân nhưng hẹn bốn năm sau, khi Huyền Trân đủ mười tám tuổi sẽ cho nạp sính lễ và rước dâu.

Sau khi về nước Vua Nhân Tông liền báo tin cho Vua Anh Tông và công chúa biết là Vua đã hứa gả Huyền Trân cho Chế Mân và bốn năm sau sẽ cho rước dâu. Huyền Trân lúc đó mới mười bốn tuổi nên chưa có một quan niệm vì về hôn nhân, vả lại nàng cho rằng bốn năm nữa còn quá lâu nên công chúa yên lặng không nói chi cả.

Nào ngờ thời gian như bóng câu qua cửa. Vào một buổi sáng mùa xuân tươi mát, phái bộ nước Chiêm Thành do sứ thần Chế Bồ Đài cầm đầu, mang theo nhiều bảo ngọc trân châu cùng một đôi bạch tượng đến dâng sính lễ cầu hôn. Cùng với các lễ vật trân quý, Vua Chế Mân còn kèm theo một tờ biểu xin dâng hai châu Ô và châu Lý để nước Đại Việt tự do mở rộng bờ cõi 1305-.

Vì là việc trọng đại nên Vua Anh tông phải thiết triều để nghị luận với quần thần về việc cầu hôn của Vua Chiêm.

Các quan thì người thuận kẻ chống. Người chống đối mạnh nhất là quan Tham Tri Chánh Sự Đoàn Như Hài, ông nói rằng công chúa là lá ngọc cành vàng của Đại Việt mà lại đi kết duyên với người Chiêm thì cũng như "Hồng ngâm mà đem cho chuột vọc, cây quế mà để cho mán trèo" đó là một điều không thể chấp nhận được. Cuối cùng Thượng tướng Trần Khắc Chung được vua vời phát biểu ý kiến. Mặc dầu thuộc giới võ biền, nhưng Tướng Trần Khắc Chung lại có tài hùng biện. Khi được Vua Anh Tông hỏi ý kiến, ông vội vàng đứng dậy, sửa lại áo mũ rồi đứng nghiêm chỉnh trình bày. Trước hết ông nhấn mạnh về lời hứa của Thượng Hoàng, đó là danh dự của một nước, không thể xóa bỏ một cách dễ dàng. Thứ đến, ông phân tách sự lợi hại của cuộc hôn nhân. Ông nói rằng công chúa kết hôn với người Chiêm, nhưng không phải là một người Chiêm bình thường

mà là một vị Hoàng Đế của dân Chiêm và rồi đây công chúa sẽ nghiễm nhiên trở thành bậc Mẫu nghi thiên hạ thì đó là điều xứng đáng. Hơn nữa việc vua Chiêm dâng hai châu Ô châu Lý làm lễ dẫn cưới là rất có lợi cho nước nhà, vì nó giúp ta mở rộng bờ cõi mà không tốn một giọt máu viễn chinh.

Nhờ tài ăn nói lưu loát nên Tướng Trần Khắc Chung đã thuyết phục được Vua Anh Tông và tất cả triều đình đồng ý chấp nhận sính lễ và định ngày mai sẽ thông báo cho phái bộ Chiêm Thành biết là lễ cưới sẽ tổ chức vào tháng sáu năm nay.

Được tin, công chúa Huyền Trân lặng người buồn bã. Nàng tự hỏi tại sao hạnh phúc của chính ta lại do người khác định đoạt? Tại sao anh Thuyên - Vua Anh Tông - của ta lại không nói với ta một lời nào cả? Nàng có cảm tưởng nàng là món hàng mang đi đổi chác! Tủi thân, công chúa gục đầu vào đôi tay thổn thức. Sáng hôm sau, Huyền Trân vào Tây Cung xin phép Thái Hậu Từ Tuyên (kế mẫu) lên núi Yên Tử để thỉnh ý Thượng Hoàng trước khi về làm Hoàng Hậu nước Chiêm. Vì công chúa có một đức tin mãnh liệt nơi vị cha già kính yêu. Vua Anh Tông liền phái một võ quan sắp kiệu loan để công chúa lên núi Yên Tử.

Sau mấy ngày đường giong ruổi, vào một buổi xế trưa thì công chúa đến Am Long Động nơi Vua Nhân Tông an trú. Hay tin, Vua bước ra đón và nắm tay công chúa dắt ra bên bờ suối, bảo Huyền Trân ngồi trên một phiến đá bằng phẳng, Vua ngồi trên phiến đá đối diện rồi dịu dàng nói:

- Con lên thăm ta hay có việc chi muốn hỏi?

- Tâu Phụ vương, con muốn biết lý do nào đã khiến Phụ vương gả con cho Vua Chàm?

Không một chút do dự, Vua trả lời:

- Vì ta biết chắc con sẽ vô vàn hạnh phúc bên cạnh Chế Mân. Chiêm Thành không phải là một nước man di như nhiều người lầm tưởng. Trái lại, dân tộc Chiêm Thành có một nền văn minh lâu đời. Vua Chế Mân là một thanh niên anh tuấn, có vũ dũng và có văn tài. Sau tám tháng gần gũi Chế Mân, ta cảm thấy thương Chế Mân như thương Anh Tông và thương yêu dân tộc Chiêm Thành như dân tộc Đại Việt. Sự sống của người dân Chàm không khác chi sự sống của người dân Việt. Cả hai dân tộc cùng đau những nỗi đau như nhau, cùng buồn những nỗi buồn giống nhau, cùng ao ước những niềm ao ước như nhau, nước mắt cùng đều mặn, máu đều cùng đỏ. Ta tin rằng khi về Chàm con cũng sẽ được dân Chàm thương mến như đã từng thương mến Chế Mân. Nếu con để hết tâm lực vào thì con có thể xây dựng được Vương Quốc Chiêm Thành và tạo dựng được nền hòa bình trường cửu cho hai nước Việt-Chiêm.

- Tâu Phụ vương, nhưng khoảng cách giữa hai nước xa xôi diệu vợi, con ra đi biết có còn gặp lại Phụ vương nữa hay không?

- Con hãy đưa bàn tay của con lên mà ngắm thử xem.

Huyền Trân đưa bàn tay trái của mình lên nhìn, Vua tiếp:

- Con hãy nhìn thật lâu và nói cho ta biết con có nhìn thấy ta trong bàn tay của con không? Không những ta mà cả mẹ con cũng có mặt trong bàn tay của con và cả giống nòi và đất nước này cũng có mặt nơi bàn tay của con. Con ở đâu thì ta ở đó. Con làm gì thì ta làm cái

đó và dân tộc con làm cái đó. Con về Chàm cũng như ta về Chàm và ta hoàn toàn trông cậy nơi con để tránh cho hai dân tộc cái họa đao binh sau này.

Những lời nói của Vua Nhân Tông đã làm cho Huyền Trân bừng tỉnh, lòng nàng nảy sinh một niềm thương cảm và một sự quyết tâm. Huyền Trân cảm thấy những lo âu thắc mắc không còn nữa. Nàng nguyện sẽ làm hết sức mình để khỏi phụ lòng cha và của dân tộc. Nhưng chạnh nghĩ đến việc lìa bỏ quê hương, xa cách cha mẹ anh em, bất giác Công chúa thấy lòng xúc động và đôi giòng lệ trào nơi khóe mắt, từ từ lăn trên đôi má rồi nhẹ nhàng rơi trên phiến đá. Có lẽ đó là giọt nước đầu tiên của người trần tục rơi trên phiến đá Tiên.

Vua Nhân Tông đứng dậy cầm tay công chúa rồi khẽ bảo:

- Thôi con về kẻo muộn, sương chiều xuống lạnh. Ngày cử hành hôn lễ ta sẽ về Kinh sư tiễn đưa con.

Công chúa Huyền Trân đứng dậy lau nước mắt rồi chắp tay cúi đầu bái biệt Vua Nhân Tông và lên kiệu trở về. Khi Huyền Trân trở về đến hoàng cung thì được biết Vua Anh Tông đã xuống lệnh cho thầy học của công chúa là Văn Túc Vương Đạo Tái tìm một giáo sư người Chiêm bị Đại Việt bắt trước kia mỗi ngày vào cung dạy cho công chúa học tiếng Chiêm Thành. Nhờ tư chất thông minh và với lòng cố gắng, chỉ trong ba tháng học tập, Huyền Trân đã có thể chuyện trò bằng tiếng Chiêm với vị giáo sư một cách thông thạo.

Mồng mười tháng Sáu năm ấy (1306) phái đoàn Chiêm Thành qua làm lễ rước dâu. Vua Nhân Tông có xuống núi tiễn đưa công chúa. Sau khi lạy tạ Thượng Hoàng và Thái Hậu Từ Tuyên, công chúa bước lên kiệu hoa từ giã quê hương. Nàng chỉ mang theo một ít xiêm y, một số kinh sách do Vua Nhân Tông biên soạn và mang theo hai cung nữ tâm phúc là Thị Khanh và Thị Ngọc.

Cuộc hành trình hơn một tháng mới tới kinh đô Phật Thệ. Đám rước về gần tới kinh đô thì phải đi chậm lại vì dân chúng tụ tập hai bên đường đón rước quá đông, có nơi làm nghẽn cả lối đi.

Từ trong thành Vijaya, một đám rước lớn gồm có nhiều vũ công và nhạc công ngồi trên các bạch tượng có phủ lụa nhiều màu tiến ra để đón đoàn xe hoa. Đoàn voi dừng lại, công chúa được rước từ kiệu khiêng qua kiệu voi có lọng vàng ba tầng che phủ. Nhạc nhã vang lừng. Khi kiệu hoa vào đến Hoàng cung thì Vua Chế Mân thân hành ra đón công chúa và đưa công chúa vào nội điện giải khát. Ba ngày sau thì cử hành lễ đăng quang. Huyền Trân công chúa được phong tước hiệu là Hoàng Hậu Paramesvari và được Vua Chế Mân ra lệnh ghi khắc sự kiện này vào bia đá ở đền Posah. Khi gặp công chúa lần đầu, điều làm cho Vua Chế Mân ngạc nhiên và sung sướng hơn tất cả là khi công chúa cúi chào Vua theo lễ nghi Đại Việt nhưng lại nói với Vua bằng tiếng Chiêm Thành rất đúng giọng.

Về phần Huyền Trân công chúa, nàng nhận thấy lời của Vua cha nói về Chế Mân rất đúng. Chế Mân quả có một dung mạo phi thường và phong cách đúng là con người mã thượng. Do đó, tình yêu giữa nàng Công chúa Đại Việt và vị Hoàng Đế Chiêm Thành đã nảy nở mau chóng và rất mặn nồng.

Những ngày kế tiếp Vua Chế Mân đưa Huyền Trân viếng thăm các đền đài kinh thành Phật Thệ. Những chuyến đi mà Huyền Trân thích thú nhất là những lần đi thị sát đời sống của người dân thôn quê. Tham dự những cuộc vui dân dã. Vào những dịp đó nàng được nghe những bài Dân ca có phảng phất âm hưởng Đại Việt. Công chúa chợt nhớ ra rằng trong quá khứ có

nhiều điệu vũ và điệu hát được các Vua Lý đem từ Chiêm Thành về. Có nhiều loại đàn giống như đàn tranh, đàn nhị ở Đại Việt - Phải chăng đàn nhị và đàn tranh ở Huế nguyên là nhạc cụ của Chiêm Thành?

Một hôm, trong vườn Thượng uyển, Vua Chế Mân kể cho công chúa nghe một chuyện lịch sử liên quan đến hai nước Việt-Chiêm. Đó là chuyện quân Mông Cổ do Toa Đô thống lãnh sang đánh Chiêm Thành. Lúc đó, Chế Mân còn là Thái Tử và đích thân cầm quân chống cự với Mông Cổ. Nhờ lòng gan dạ và mưu lược của Chế Mân cùng với lòng hy sinh của toàn dân, quân Toa Đô cả thua phải cầu cứu viện binh. Nhưng viện binh do Ô Mã Nhi chỉ huy bị chận đứng biên giới Việt Nguyên. Năm Giáp Thân, Thoát Hoan lại đem quân sang đánh Đại Việt thì Toa Đô được lệnh rút khỏi Chiêm Thành để đưa quân về miền Bắc yểm trợ cho Thoát Hoan. Nhờ vậy mà Chiêm Thành thoát khỏi ách đô hộ của Mông Cổ. Nhờ nói chuyện với Vua Chế Mân mà công chúa biết được rằng những lần quân Đại Việt vào đánh phá Chiêm Thành thường là rất hung bạo, tàn sát quân Chiêm xác chất đầy đồng. Cuộc xâm lăng thứ tư do Vua Lý Thánh Tông đích thân chỉ huy với sự phụ tá của Lý Thường Kiệt đã đuổi theo Vua Rudravarman đến tận biên giới Xiêm La và bắt Vua này đem về nước. Sau khi Vua Chiêm Thành thuận dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh tức Quảng Bình, Quảng Trị sau này - Vua Rudravarman mới được tha về Chiêm.

Vua Chế Mân kể lại chuyện đó với một giọng rất trầm buồn. Nghe xong công chúa ôm mặt khóc. Nàng không ngờ giữa hai dân tộc lại có những giai đoạn lịch sử đau thương như vậy và nàng hiểu ngay ý muốn thâm sâu của dân tộc Đại Việt là muốn mở rộng bờ cõi về phương Nam. Nàng sực nghĩ đến hai châu Ô và châu Lý vừa mới được Vua Chế Mân dâng hiến cho Đại Việt. Trong giây phút đó bỗng nhiên Huyền Trân thấy được tầm quan trọng của sứ mạng mà Vua cha đã ủy thác. Vua Nhân Tông muốn sống hòa bình với dân Chiêm Thành. Vua không muốn nhìn thấy máu đào của hai dân tộc cứ tiếp tục đổ thêm nữa. Và nàng phải cố hết sức mình làm theo nguyện vọng của Vua cha. Tuy nàng mới về Chiêm được mấy tháng nhưng nàng thấy mình đã là người Chiêm Thành rồi. Trái tim nàng đã hé mở, đã bao dung cả hai dân tộc. Công chúa lau khô nước mắt và ngước nhìn Vua Chiêm, nàng nói cho Chế Mân biết ý tưởng của nàng. Vua Chiêm hiểu được tâm trạng đó của nàng công chúa Đại Việt và cầm lấy tay Hoàng Hậu, trang trọng như đang giữ một báu vật nhất trần đời.

Những ngày Vua Chế Mân bận lo quốc sự thì Công chúa đi thăm những thôn xóm nghèo nàn. Nhận thấy nhiều trẻ em bị loét mắt, nàng xin với Vua chế tạo một thứ thuốc trị bệnh đau mắt mà nàng đã học được ở Đại Việt. Trong những chuyến đi kế tiếp, nàng thường đem những thuốc ấy theo và mỗi khi gặp trẻ em đau mắt nàng bảo nấu nước muối rửa mắt cho chúng rồi tự tay lấy thuốc đau mắt bôi cho các em. Mỗi lần như thế Huyền Trân sung sướng lắm. Ở Đại Việt ít khi nàng được ra khỏi cung cấm. Lần về thăm quê ở Hải Dương, nàng không được trực tiếp với dân quê và chơi đùa với lũ trẻ.

Đầu tháng Chạp năm ấy, Huyền Trân thọ thai. Nàng liền báo cho Chế Mân biết. Vua hết sức mừng rỡ và bảo rằng nếu sinh con trai thì đặt tên là Dayada, có nghĩa là hậu duệ, là người nối dõi. Nhưng định mệnh quá cay nghiệt, tháng Bảy năm sau thì Vua Chế Mân bị đau thương hàn và băng hà, không một lời trăn trối mặc dầu các Ngự y đã hết lòng chữa trị.

Được hung tin Vua băng hà, quần thần liền tụ họp trong điện và quyết định đưa Thái Tử Harijiputra lên ngôi trước khi loan tin Vua băng hà cho thần dân trong nước biết. Bảy ngày sau thì hàng vạn dân chúng theo chân Vua mới và các quan trong triều đưa linh cữu Vua Chế Mân lên giàn hỏa. 1307-

Khi lễ hỏa thiêu bắt đầu, tiếng trống và tiếng tù và não nuột. Xác Vua được tưới đầy dầu thơm. Huyền Trân không muốn nhìn thấy thân xác người yêu trong lửa đỏ. Nàng đã yêu người thanh niên anh dũng đó. Harijit cũng đã yêu nàng thắm thiết. Nàng đã được sống trong tình yêu ấy. Một tình yêu tuy ngắn ngủi nhưng chất chứa biết bao nhiêu mặn nồng.

Theo tục lệ Chiêm Thành thì sau khi Vua chết, Hoàng Hậu phải chết theo Vua. Nhưng vì Hoàng Hậu đang mang thai nên Vua Chế Chí, người kế vị Chế Mân cho hoãn lại, chờ sau khi Hoàng Hậu nở nhụy khai hoa sẽ làm lễ hỏa đàn. Theo Vua Chế Chí thì việc hoả thiêu của Hoàng Hậu có thể được trì hoãn không những sau khi Thái Tử ra đời mà có thể chờ cho đến khi Sứ giả của Đại Việt qua tới. Huyền Trân cám ơn Vua Chế Chí và nói rằng bà không sợ hỏa thiêu, vì Harijit đã chết thì bà không còn thiết sống nữa xin Vua yên tâm.

Mấy ngày sau Huyền Trân vào gặp Vua Chế Chí xin Vua phái một sứ đoàn qua Đại Việt cáo ai về việc Vua Chế Mân băng hà. Vua nhận lời và chỉ định đại thần Bảo Lộc Kê cầm đầu một phái bộ sang Đại Việt, đem theo nhiều cống phẩm. Huyền Trân nhân dịp ấy cho cung nữ Thị Khanh theo về. Nàng viết hai bức thư gởi cho Thượng Hoàng Nhân Tông và Vua Anh Tông, đại ý xin Thượng Hoàng tha tội bất hiếu vì không còn dịp vấn an Thượng Hoàng và xin Vua Anh Tông thay nàng đáp đền chữ hiếu.

Ba tháng sau, thì đoàn sứ giả Chiêm Thành trở về và sứ thần Bảo Lộc Kê vào trình cho công chúa biết đã gặp được Vua Anh Tông và tháng tới sẽ có sứ đoàn Đại Việt qua làm lễ ai điếu cho Vua Chế Mân và dự lễ hỏa đàn của Hoàng Hậu.

Giữa tháng Mười một thì phái đoàn Đại Việt do quan Tả Bộc Xạ Trần Khắc Chung cầm đầu tới. Phái đoàn gồm có mười hai người, trong đó có bốn tăng sĩ mà theo Tướng Trần Khắc Chung tâu với Vua Chế Chí là họ sẽ làm lễ cầu nguyện cho Vua Chế Mân theo nghi lễ Phật Giáo Đại Việt và Thái Hậu Paramesavari tức công chúa Huyền Trân sẽ là chủ đàn. Sau khi trai đàn hoàn tất, Thái Hậu sẽ lên dàn hỏa theo tục lệ Chiêm Thành.

Đến ngày khai đàn, Huyền Trân được rước xuống thuyền cùng với bốn vị tăng sĩ Đại Việt. Khi thuyền rời bến thì các vị tăng sĩ bắt đầu đốt nhang và tụng niệm. Thuyền rời bến càng lúc càng xa, đến giờ Ngọ thì thuyền ra tới giữa khơi. Bỗng nhiên có bốn chiếc thuyền nhỏ lướt tới, trên mỗi chiếc có bốn năm người thủy thủ. Các chiếc thuyền này xáp lại gần bao quanh thuyền công chúa. Các thủy thủ Đại Việt nhảy lên và tức tốc kiềm chế thủy thủ đoàn người Chiêm Thành trên thuyền trai đàn và trói họ lại. Vừa lúc đó có một thuyền lớn lướt sóng đi tới, đứng trước mũi thuyền là một người phục sức võ quan. Khi chiếc thuyền đến gần, Huyền Trân nhìn kỹ thì

là Tướng Trần Khắc Chung. Công chúa chợt hiểu đây là một cuộc cướp người do đoàn sứ thần Đại Việt tổ chức.

Thuyền của Tướng Trần Khắc Chung cặp vào thuyền công chúa rồi quan Tả Bộc Xạ cùng với một vị quan già khác bước sang tiến đến trước mặt công chúa cúi đầu làm lễ. Vị quan già tự giới thiệu là An Phủ Sứ Đặng Vân tuân lệnh Vua Anh Tông theo phụ tá cho Tướng Trần Khắc Chung trong việc giải thoát cho công chúa về Đại Việt. Ngay lúc đó Tướng Trần Khắc Chung ra lệnh cho đoàn thuyền quay mũi về hướng Bắc lướt sóng càng nhanh càng tốt, rồi ông bảo cung nữ Thị Ngọc cùng với cung nữ người Chiêm đưa công chúa vào nghỉ ở khoang thuyền. Ông cùng An Phủ Sứ Đặng Vân đi qua thuyền chỉ huy. Đêm hôm đó, Huyền Trân không tài nào nhắm mắt. Nàng có cảm tưởng luôn luôn không được quyết định về cuộc đời mình. Đây là kế hoạch của triều đình Đại Việt, nàng bắt buộc phải tuân theo. Trong thâm tâm nàng cảm thấy một cái gì đổ vỡ. Niềm tin cậy của người Chiêm Thành đối với người Đại Việt sẽ mất đi cùng với sự đánh cướp này. Nàng biết đây chỉ là ý muốn của Vua Anh Tông chứ không phải ý muốn của Thượng Hoàng. Vì nếu nàng chấp nhận lên hỏa đàn để giữ nguyên vẹn tình giao hảo Việt-Chiêm thì Phụ hoàng cũng có thể chấp nhận sự đau xót vì mất con để chu toàn ước nguyện

hòa bình. Anh Thuyên của nàng chắc đã nghe lời những người trong triều, mà những người này làm gì có được trái tim như trái tim của Thượng Hoàng. Họ khinh miệt dân Chàm, họ dòm ngó lãnh thổ Chàm. Họ không làm sao thấy được cái đẹp của tình huynh đệ. Nàng lại nhớ đến giọt máu của nàng: Hoàng Tử Chế Đa Gia, con nàng hiện đang sống trong lòng đất nước Chiêm mà không ngăn được nước mắt. Nàng thầm khóc cho số kiếp Chế Mân đã chết thì nàng sống làm chi nữa.

Thuyền đi bảy ngày thì về tới cửa Thuận. Tướng Trần Khắc Chung ra lệnh thuyền dừng lại và rước công chúa lên nghỉ ngơi tại dinh quan Kinh Lược Sứ Châu Hóa và cử một đoàn thám báo trở lại kinh đô Phật Thệ để tổ chức bắt cóc Hoàng Tử Chế Đa Gia. Nhưng chờ đợi hai tháng vẫn không thấy tin tức của đoàn thám báo nên Tướng Trần Khắc Chung truyền lệnh trang bị ba chiếc kiệu lớn để công chúa và hai quan đại thần trở về kinh sư.

Kiệu đi ròng rã hai mươi ngày mới tới Thăng Long. Huyền Trân đã nhìn lại quê hương với đôi mắt mới, vì nàng luôn luôn nghĩ đến dân tộc Chiêm Thành. Đất nước kia và dân tộc kia cũng trở thành đất nước và dân tộc của nàng. Người Chiêm Thành cũng cần cù lam lũ và chịu đựng như người dân Việt và cùng khát khao hòa bình như nhau. Nàng muốn tái sinh trong một kiếp khác, rũ bỏ cốt cách vương giả để trở thành người dân quê, sống hòa mình với họ. Nàng nghĩ: Có thể Phụ vương sẽ giúp cho ta toại nguyện. Sau khi gặp Vua Anh Tông và Huệ Võ Đại Vương Quốc Chấn, Huyền Trân vô nội cung nghỉ ngơi vài ngày rồi quyết định lên núi Yên Tử để vấn an Thượng Hoàng.

Khi công chúa lên tới Am Long Động thì được chú tiểu Pháp Đăng cho biết Vua Nhân Tông đang ngồi thiền ở Am Đỉnh Trú. Tiểu Pháp Đăng mời công chúa thọ trai và nghỉ tại liêu phòng và bảo sáng mai sẽ

dậy sớm đưa công chúa lên Am Đỉnh Trú gặp Thượng Hoàng.

Trời đêm núi Yên Tử chìm trong yên lặng hoàn toàn đã làm cho tâm hồn Huyền Trân trở nên bình an và thanh thản. Cảm giác mà nàng đang thật sự mong muốn. Nàng chưa hề tu thiền, nhưng qua các kinh sách của Thượng Hoàng viết mà nàng đã đọc, nàng cảm thấy sự an lạc mà người tu thiền có thể đạt được có lẽ cũng tương tợ như sự an lạc mà nàng đang hiện có. Vừa nghĩ đến đó thì nàng bỗng nghe tiếng tụng kinh của chú Pháp Đăng từ tổ đường vọng lại. Huyền Trân bất giác vui mừng và trong ánh sáng của buổi bình minh nàng mỉm miệng cười. Huyền Trân từ từ đứng dậy, mở cửa liêu bước ra tổ đường. Vừa lúc ấy thì tiếng tụng kinh im bặt, tiểu Pháp Đăng bước lại gần và lễ phép:

- Mời lệnh bà rửa mặt rồi dùng cháo sáng. Ăn sáng xong chúng ta sẽ khởi hành lên Am Đỉnh Trú.

Sau khi rửa mặt và điểm tâm xong, Huyền Trân theo chú tiểu Pháp Đăng ra khỏi Am Long Động, len lỏi giữa những cành cây còn đẫm hơi sương. Khi đi ngang tảng đá bên giòng suối mà năm xưa nàng ngồi với Vua Nhân Tông nàng tưởng như buổi chiều hôm ấy chỉ là buổi chiều hôm qua.

Đi được một hồi lâu, đến một tảng đá lớn bằng phẳng chú Pháp Đăng bỗng nói:

- Tâu lệnh bà, xin mời lệnh bà nghỉ một lát cho đỡ mỏi chân. Mỗi khi đi ngang qua đây Thượng Hoàng đều dừng lại nghỉ nơi này.

Huyền Trân gật đầu dừng lại rồi nàng hỏi:

- Chú là gì của Đại Sĩ? - Trúc Lâm Đại Sĩ là đạo hiệu của Vua Nhân Tông.

- Tâu lệnh bà, cháu là đệ tử của Đại Sĩ.

- Thế chú có biết tôi là con của Đại Sĩ không?

- Dạ thưa biết.

- Còn chú, chú là đệ tử của Đại Sĩ thì cũng như là con của ngài. Vậy chú cứ coi tôi như là chị của chú và gọi tôi là chị.

- Thưa cháu không dám.

- Sao lại không dám? Tôi không phải là chị của chú hay sao? Tôi sẽ học đạo với Đại Sĩ và tôi cũng sẽ là đệ tử của Đại Sĩ. Vậy chú gọi tôi là chị lại càng đúng nữa. Tôi ghét những người gọi tôi là lệnh bà lắm. Mà chú có muốn tôi ghét chú không? Chú gọi tôi là chị đi, và đừng xưng cháu với tôi nữa, cứ xưng em là được rồi.

- Tâu lệnh bà, lệnh bà là công chúa mà cả nước ai cũng biết và ai cũng thương mến và cháu cũng vậy.

- Đó, chú lại gọi tôi là lệnh bà nữa rồi, kể từ bây giờ gọi tôi là chị đi nhé, nhớ nhé.

- Thưa vâng.

- Vậy thì chú Pháp Đăng, chú đi tu được mấy năm rồi, nói cho chị nghe đi.

- Tâu lệnh bà, à dạ thưa chị, em đi tu mới được hai năm thôi.

- Mới hai năm mà chú tụng kinh hay quá. Mà này, tại sao chú đi tu vậy?

- Dạ thưa chị, em muốn nối nghiệp Đại Sĩ và sư huynh Pháp Loa để hoằng dương chánh pháp. Dạ thưa chị, đời là bể khổ, tu là giải thoát. Em được gần gũi Đại Sĩ, được hầu hạ Đại Sĩ là một cơ hội lớn, là một nhân duyên từ tiền kiếp.

Thấy ngồi cũng khá lâu, công chúa liền bảo:

- Tôi hết mỏi chân rồi, chúng ta đi thôi. Tôi nóng lòng gặp Đại Sĩ lắm.

Hai người cùng đứng dậy và băng qua một vài cánh rừng và leo thêm một cái dốc thì thấy Am Đỉnh Trú trước mặt. Khi vào đến Am không thấy Vua Nhân Tông, chú Pháp Đăng nói:

- Có lẽ Đại Sĩ đang ở bên Am Thiền Định.

Chú Pháp Đăng vừa nói xong thì có tiếng chân dẫm trên lá khô phía sau. Ngoảnh lại, Huyền Trân thấy Vua Nhân Tông đang tươi cười bước tới. Huyền Trân và Pháp Đăng kính cẩn cúi chào Vua. Vua bảo:

- Các con lên sớm lắm.

Ngài đưa Huyền Trân và Pháp Đăng vào Am rồi nói:

- Ta nên khởi hành sớm. Ta muốn đưa con đi thăm nhiều thắng cảnh ở núi Yên Tử để tâm hồn con được lắng dịu mà quên đi quá khứ đau buồn. Anh Tông vì lòng thương con mà tự quyết định mọi việc mà không hỏi ý kiến ta, ta e người Chiêm Thành cho người Đại Việt là hạng người tráo trở, thiếu thủy chung và không vẹn nghĩa chu toàn.

Nói xong Vua đứng dậy cùng Huyền Trân và Pháp Đăng ra khỏi Am cùng du ngoạn.

Huyền Trân và Pháp Đăng đã theo chân Vua Nhân Tông viếng thăm khắp nơi trên núi Yên Tử bảy ngày. Có một buổi trưa, nhân lúc nghỉ chân bên một bờ suối, Vua Nhân Tông nhìn công chúa giây lát rồi dịu dàng bảo:

- Khi trở về Am Long Động, có lẽ sư huynh Bảo Sát cũng đã về từ triều nội, ta muốn con gặp sư huynh của con. Ta muốn sư huynh của con sẽ nói cho con hiểu lẽ nhiệm mầu của đạo Phật để con có thể tìm đường giải thoát trong ánh đạo vàng.

Sau khi trở lại Am Long Động, công chúa nghỉ thêm năm hôm và gặp sư huynh Bảo Sát rồi cùng đoàn tùy tùng trở về Kinh đô. Từ đó Huyền Trân bắt đầu ăn chay, tụng kinh, niệm Phật và thiền hành mỗi ngày. Nàng tươi vui như một đứa trẻ. Nàng cảm thấy như đã tái sinh trong một kiếp khác. Thị Ngọc thấy như Thượng Hoàng đã hóa phép cho công chúa đầu thai trở lại trong một kiếp khác. Đúng là nàng công

chúa trẻ ngày xưa trong cung cấm đó, nhưng bây giờ công chúa chín chắn hơn, dịu dàng hơn và cũng độ lượng hơn. Mỗi khi Thị Ngọc nhắc đến Vua Chế Mân và Hoàng Tử Chế Đa Gia, công chúa không còn tỏ vẻ sầu não, khóc thương nữa. Không phải là bà đã quên, bà vẫn nhớ và vẫn thường nhắc đến Vua Chàm và Hoàng Tử, nhưng trong giọng bà, Ngọc cảm thấy có một niềm tin như là Vua vẫn còn đó và Thái Tử vẫn ở gần đó, ngay bên cạnh bà.

Một hôm Vua Anh Tông ghé thăm, công chúa ngỏ ý muốn đi thăm hai châu Ô châu Lý là những nơi có liên hệ đến cuộc đời nàng. Nhưng chuyến đi chưa thành thì được tin Vua Nhân Tông băng hà trên Am Ngọa Vân. 1308.

Hôm đó công chúa cùng Thị Ngọc đi lễ Phật ở chùa Từ Phúc thì được tin Vua Anh Tông cho triệu hồi công chúa về. Khi nghe tin Thượng Hoàng viên tịch, công chúa đã vào tẩm điện một mình và đóng cửa lại. Một ngày một đêm công chúa không ra khỏi tẩm điện và công chúa cũng không lên núi Yên Tử dự lễ trà tỳ, đưa nhục thân Thượng Hoàng lên giàn hỏa. Chưa đầy một tháng sau thì công chúa xuất gia tại chùa Vũ Ninh do Quốc Sư Bảo Phát đứng ra làm lễ truyền giới cho bà. Ngày công chúa xuất gia nhằm ngày Tết Nguyên Đán năm Kỷ Dậu, nghĩa là chỉ ba tháng sau khi từ Chiêm Thành về. Kể từ đó công chúa hiến trọn cuộc đời cho Đạo pháp, không màng đến việc hồng trần. Hàng ngày ngoài giờ tụng kinh niệm Phật và thiền hành, công chúa ra cuốc đất làm rẫy để lấy huê lợi cho chùa. Ngoài ra, công chúa còn mở lớp học tình thương tại chùa để dạy cho những trẻ em nhà nghèo, không đủ tiền đến trường học. Về phần Thị Ngọc, nguyên nàng là con của một ông đồ, được tuyển vào cung hầu hạ công chúa từ khi Huyền Trân mười tuổi, cho đến lúc bấy giờ đã

hơn mười ba năm gần gũi. Ngọc thương yêu và kính trọng công chúa hết lòng không muốn rời xa nên khi thấy công chúa xuất gia Thị Ngọc liền lên chùa Vũ Ninh khẩn khoản xin ni sư cho được xuất gia để sớm hôm gần gũi ni sư. Nhưng ni sư Hương Tràng đã nói với Ngọc rằng xuất gia không phải để được gần gũi người khác mà để lo việc độ mình và độ người. Ni sư nói thêm là ni sư chỉ khuyên Ngọc không nên xuất gia chứ ni sư không cấm Ngọc xuất gia.

- Em có thể xuất gia nếu em muốn, nhưng chị sẽ không cho em ở cùng chùa với chị. Người ta xuất gia là để phát túc siêu phương chứ không phải để thân cận và hầu hạ người khác, dù đó là người mình kính yêu nhất. Rồi công chúa lại tiếp lời:

- Em hãy về nương náu dưới cửa quan Tư Đồ Văn Huệ Vương. Chị sẽ gởi gắm em cho quan Tư Đồ. Ngài là người có nhân đức lớn. Rồi em hãy nghĩ đến chuyện chồng con. Đừng nghĩ đến chuyện đi tu, không phải ai cũng đi tu được đâu.

Từ đó, cứ ba tháng một lần Thị Ngọc lại lên chùa Vũ Ninh và sau đó là chùa Nộn Sơn thuộc huyện Thiên Bảng để thăm ni sư Hương Tràng. Và bất cứ ở đâu và bao giờ, hình ảnh nàng công chúa kiều diễm của đất Thăng Long cũng ngự trị trong tâm tưởng của nàng cung nữ.

• **Tôn Thất Tùng**

**Tài liệu tham khảo và trích dẫn:**


- Việt Nam Sử Lược của học giả Trần Trọng Kim
- Am Mây Ngũ của Thiền sư Nhất Hạnh
- Bài Ca Nam Ai của cụ Ưng Bình Thúc Gia Thị


# Mất Mẹ

Kính tặng những Bà Mẹ HUẾ

*Bước chân ngập ngừng trên vùng đất lạ*
*Con bơ vơ giữa nắng vàng hắt hiu*
*Hồn lạc lõng như mây chiều tháng chín*
*Sầu thảm khắc sâu dưới đáy mộ chiều*

*Mẹ có biết mười năm Con xa Mẹ*
*Lòng héo hắt theo lớp bụi rêu xanh*
*Nỗi nhớ thương chất đầy theo năm tháng*
*Đốt tuổi đời theo giọt nước long lanh*

*Mẹ có biết ngày "Mẹ Con" hội ngộ*
*Thân Mẹ gầy dấu bao nỗi gian nan*
*Mắt mờ lệ với nhọc nhằn gian khổ*
*Môi mím chặt cho lòng khỏi phân vân*

*Mẹ xa rồi mây mùa thu bỗng nặng*
*Gởi Mẹ mang đi mầu trắng khăn tang*
*Gởi Mẹ mang đi nụ hôn còn nóng*
*Gởi Mẹ mang đi nỗi niềm ăn năn*

*Hỡi Mẹ dấu yêu, bao dung hiền dịu*
*Hãy về đây ngự trị giữa tim con*
*Cho hồn con dóng lại nỗi xót xa*
*Cho hoang vu chết lịm giữa mùa đông*

Simi Valley, Mùa Đông

• **Nguyễn Ngọc Thùy Trang**

# HUẾ: Có gì để nhớ? Có gì để thương?

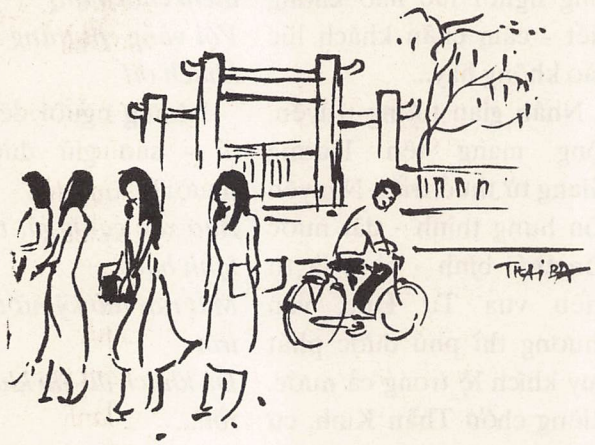

*Viết cho những người không sinh ở Huế, không sống ở Huế, nhưng rất thương Huế.*

• **Nguyễn Phúc Vĩnh Tung**

Nếu khách đến Huế vào một chiều cuối Thu, ghé thăm Đại Nội, đứng yên lặng trước sân điện Thái Hòa, nhìn ánh nắng hoàng hôn vàng úa phủ lên những cung miếu, đền đài - tự nhiên thấy mình nhỏ bé và tâm tư hoàn toàn tràn ngập niềm cảm xúc trước cảnh:

*Tịch mịch tiền triều cung ngoại miếu*
*Đỗ quyên đề đoạn nguyệt âm âm.*

Nơi đó, gần 200 năm trước, chói lòa ánh vàng son của một triều đại, của một vì vua đã từng bôn tẩu, nằm gai, nếm mật suốt 20 năm ròng rã mới dựng nên cơ nghiệp này! Và khi đất nước đã thống nhất, chọn Huế để đóng đô, vua Gia Long ắt phải có cái dụng tâm của ngài. Đó phải chăng vì Huế, một nơi đầy phong cảnh hữu tình, thật là lý tưởng cho một người đã nửa đời bôn ba mệt mỏi, dừng chân, gác kiếm? Hay là vị anh quân này đã sáng suốt, muốn sự phân bố quyền lực của mình đến hai miền Nam, Bắc được công bằng, hợp lý. Và nhất là miền Nam, trong suốt thời gian tranh bá đồ vương, vua Gia Long đã sống rất nhiều ở miền Nam, ngài đã nhìn thấy sự trù phú và tương lai kinh tế của miền đất mới này - nên ngài muốn cánh tay của mình phải vươn tới, để tiện việc xây dựng, phát triển và bình định... Hay phải chăng đóng đô ở Huế, ngài đã làm đúng theo lời chỉ điểm của tiền nhân:

*Hoành sơn nhất đái*
*Vạn đại dung thân.*

Và Huế, không phải chỉ với sông Hương, Núi Ngự, với *cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp* mà đủ gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người đến thế - Mà chính Huế, dấu tích của lịch sử, với đền đài, cung miếu, lăng tẩm, cùng với cái cung cách vương giả của một triều đại, ít nhiều đã thấm nhuần

trong nếp sống của người dân. Cho dù thuở vàng son đã phai mờ, nhưng vẫn còn nét kiêu sa, thật quyến rũ, thật say đắm lòng người. Cho dù hôm nay chỉ là một thành phố với cuộc sống hiền hòa, trầm lặng, với bóng dáng của một:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo*
*Thành cũ, lâu đài, bóng tịch dương...*

Huế vẫn khiến cho người đến, người đi, người nhớ, người thương. Thương ai? Nhớ ai? Thương gì? Nhớ gì? Có người đi xa, khi tự hỏi, vẫn còn mơ hồ không trả lời cho chính mình được. Nhưng chỉ biết nếu một ngày có dịp trở lại, dù bằng đường bộ từ hướng Nam ra, vừa qua đèo Hải Vân, tuy còn cách cả trăm cây số, chợt thấy ấm cúng như đã ở trong vòng tay của Huế. Hoặc dù đến bằng máy bay, vừa đáp xuống phi trường Phú Bài, khách đã thấy như hơi thở của Huế mơn man trên mặt mình như một nụ hôn cho người tình cũ, cho đứa con lãng tử trở về mái nhà xưa...

Thôi, đừng lặng yên đứng ngẩn ngơ trước đền đài, cung miếu. Đừng vọng động, đưa bàn tay dù là nhẹ đẩy cánh cửa hoàng thành bụi phủ, rêu phong, cũng có thể làm vỡ đi những hình ảnh của xiêm áo lụa là, của trâm cài, lược giắt... Hãy trở gót bước qua cửa Ngọ Môn, đứng trên bến Vân Lâu lặng ngắm giòng sông Hương, con sông được mệnh danh là linh hồn của Huế. Con sông mang một cái tên rất thơ mộng: *Hương Giang*. Hương Giang biểu tượng cho người con gái đất Thần Kinh, dịu dàng, mơ mộng, và đa tình... Tất cả những nét độc đáo đó đã tạo nên cho sông và người một sức quyến rũ vô cùng, say lòng người lúc nào không biết - cầm chân khách lúc nào không hay...

Nhân gian tương truyền, sông mang tên Hương Giang từ thuở triều Nguyễn còn hưng thịnh - đất nước còn thái bình - nhất là từ triều vua Tự Đức, văn chương thi phú được phát huy khích lệ trong cả nước. Riêng chốn Thần Kinh, cứ những đêm trăng sáng, Hương Giang là nơi quy tụ của các vương tôn, công tử, của các tao nhân mặc khách. Trên những chiếc thuyền trôi theo mặt nước lững lờ, khách và kỹ nữ ngồi cách nhau bởi một lư trầm nhỏ - uống rượu, ngâm thơ, đánh đàn, ca hát... Mùi trầm hương bay tỏa cả một khúc sông, và phải chăng hai chữ Hương Giang có từ thuở đó?

Khách đến Huế mà chưa một lần hưởng cái thú này thì thật là đáng tiếc. Cái thú vui trên sông Hương đã thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh xã hội. Từ cái thuở khách chỉ là người đi tìm một hồng nhan tri kỷ trong những thú vui tao nhã - và kỹ nữ là những kẻ chỉ bán nghệ nuôi thân. Đêm đêm trên sông, mang tiếng đàn, câu ca mua vui cho người. Cuộc vui tàn, khách rũ áo ra đi. Nỗi cô đơn đó, tâm sự đó, mấy ai hiểu thấu?

*Khách ngồi lại cùng em thêm chốc nữa,*
*Vội vàng chi trăng sáng quá khách ơi!*

Nhưng người đến, người đi - sao giữ được chân người?

*Xao xác canh gà, trăng ngà lạnh buốt,*
*Mắt run mờ kỹ nữ thấy sông trôi*
*Du khách đi - du khách đã đi rồi!...*

Cho đến một thời điểm gần nhất mà lịch sử đã xoay chuyển trên mảnh đất Thần Kinh này - như những năm đầu của thập niên 70, Huế chìm ngập trong lửa đạn, những thú vui trên sông Hương đã thay đổi, trần tục hơn, vội vàng hơn theo nhịp độ của chiến tranh. Người đến, đến từ cao nguyên đất đỏ, đến từ miền Nam ruộng đồng bát ngát - là những người *trai chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh*. Dừng chân ở Huế đêm nay - ngày mai, họ vượt sông Thạch Hãn, tăng cường ra Cam

Lộ, Gio Linh, tiến quân lên Khe Sanh, Khe Gió... Có gì đâu mà tiếc? *Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi!* Khách đến thăm Huế, không phải chỉ bị hấp hẫn bởi những đền đài, cung miếu, lăng tẩm đầy sắc thái nghệ thuật và hàm chứa tâm ý của mỗi vì vua đã tạo dựng nên nơi yên nghỉ ngàn thu của mình. Cũng không phải chỉ với đàn Nam Giao, đồi Vọng Cảnh, chùa Thiên Mụ, bến Vân Lâu... mà chính là cái vẻ trầm buồn và bình dị trong cuộc sống hôm nay của Huế, tựa hồ đang cố tình che lấp những nét kiêu hãnh của đấng quân vương đã một thời vàng son, nay sa cơ thất thế...

Ai ghé thăm Huế cũng công nhận Huế thật tĩnh, thật buồn, thật thơ mộng, thật lãng mạn, thật quyến rũ. Nhưng Huế không phải lúc nào cũng là mặt nước hồ thu. Dưới cái nét u tình đó, là những luồng sóng ngầm. Bởi vậy, đừng nghĩ bức tường cổ kính rêu phong nào của Huế cũng vững chắc qua thời gian, thì sẽ không phải ngạc nhiên khi thấy một bàn tay nhỏ nhắn, tưởng chừng như chỉ biết kéo nghiêng vành nón bài thơ, đã dám xô ngã những gì là nếp, những gì là khuôn phép. Gái Huế bản tính dịu hiền, khó theo, khó chinh phục. Nhưng khi đã yêu thì tình như thể keo sơn, chặt như lấy quai nón bài thơ cột lại. Khi đã yêu, thì dám yêu, dám hận. Và trai Huế rất đa tình, lãng mạn. Khi yêu, ngại vàng cũng bỏ:

*Kim Long có gái mỹ miều*
*Trẩm thương, trẩm nhớ, trẩm liều, trẩm đi...*

Những ngày trước khi binh lửa tràn qua, đưa thành phố hiền hòa này trở thành Vùng Hỏa Tuyến, những

người đàn bà Huế với chiếc áo dài mỗi khi ra khỏi nhà, dù là một mệnh phụ hay một cô bán gánh hàng rong, dù là áo gấm hay áo vải đã vá nhiều mảnh, những hình ảnh đó, cung cách đó, đã một thời làm bối rối khách phương xa.

Ai đã từng ở Huế, dù chỉ là một thời gian ngắn ngủi, tại một vùng nào đó như Thành Nội, An Cựu, Bến Ngự, Kim Long hay Vĩ Dạ... Phải, Vĩ Dạ, sao không thử về thăm một lần như Hàn Mặc Tử đã mời:

*Sao anh không về thăm thôn Vĩ?*

Khách khó lòng tìm thấy ở đâu, những căn nhà xưa cổ đã truyền lại cả hai, ba đời, với những mái nhà ngói phủ kín rêu phong, với những cột nhà bằng gỗ bóng loáng, vẫn còn rắn chắc không mối mọt, với dãy hành lang dài cùng với hàng cây sứ ngoài sân, tựa như một tấm bình phong kết lại bởi những hoa trắng nõn, nhả hương thơm ra tận cổng.

Và thật lý tưởng cho những buổi trưa hè treo võng tìm giấc ngủ giữa tiếng ve kêu trong khu vườn xanh mướt. Hầu như nhà nào ở Huế cũng có một khu vườn rộng, với những cây cau trồng ngay hàng thẳng lối. Dưới gốc cau, thường đặt một cái lu để hứng nước mưa. Nước mưa từ thân cau chảy vào lu qua một cái bẹ cau được bó sát vào gốc cau. Nước mưa dùng để pha trà và chưng lên bàn thờ cho tinh khiết. Những cây bưởi trái ngọt như đường. Những cây nhãn trái nhỏ, hột nhỏ nhưng cơm dày, ngọt và thơm, loại nhãn dùng để tiến cung. Vườn này cách vườn kia bằng những hàng chè tàu, được tỉa xén thẳng tắp, hoặc bằng những hàng hoa Lài, hoa Tường Vi... Lưu lại đây vào mùa hè, khách có thể buổi sáng thức giấc đã được thưởng thức mùi hoa Lài, hoa Tường Vi nở trong nắng sớm. Khi nắng đã lên cao, ngọn gió hè đong đưa những buồng cau mới trổ bông, khiến mùi

bông cau thoang thoảng khắp vườn. Cho đến nửa đêm, mùi hoa bưởi ngạt ngào theo gió đưa đi, thơm ngát cả một vùng và réo rắt đâu đây, tiếng đàn tranh của ai đang tấu bản *Đêm Tàn Bến Ngự*...

Thơ thẩn dạo quanh vườn, khách có thể bất chợt nhìn qua vườn bên: Một mái tóc thề ngồi tựa gốc bưởi đang đọc sách hay học bài, cái hình ảnh mà một lần Hàn Mặc Tử đã bắt gặp:

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền...*

Và có thể khu vườn nhỏ bé ở Kim Long hay Vĩ Dạ đó bỗng chốc đã trở thành Mê Hồn Trận. Cả kinh thành Huế cũng không còn lớn hơn khu vườn của nhà nàng. Và ngõ nào xuống Phú Bài - lối nào vào Đà Nẵng - liệu khách còn nhớ đường về chăng?

Thương Huế, thương cảnh, thương người. Nhớ Huế, nhớ cả những ngày đông rét mướt, mưa tưởng chừng không bao giờ dứt, cái kiểu mưa mà người dân Huế gọi là *mưa thúi đất*. Nhớ những ly cà phê Lạc Sơn, những gánh bún bò An Cựu, những cái bánh *khoái* nóng hổi trước cửa Thượng Tứ. nhớ những ngày hè, *nóng nẻ đầu* - gió Hạ Lào thổi về ửng hồng đôi má của người gái Huế. Mùa hè với những ly chè Cồn, chè bắp đầu mùa thơm và ngọt lịm, những dĩa bánh bèo Thiên Mụ, ăn rồi nắm tay nhau vào chùa nguyện cầu Bồ Tát phù hộ cho mộng ước thành. Nhớ những hàng phượng trước cổng trường, hoa nở rực như một tấm thảm đỏ trải dài, bắt đầu những bước hoa mộng của một thời thanh xuân - của những mối tình diễm tuyệt...

Thương Huế, thương những ngày Huế quần quại dưới lằn tên, mũi đạn của một Tết Mậu Thân, của một Mùa Hè Đỏ Lửa, của những lần di tản, của một Đại Lộ Kinh Hoàng, rồi của những ngày nhẫn nhục nuốt lệ đổi đời... Và cứ mỗi lần như vậy, Huế lại điêu tàn hơn, người bỏ Huế mà đi nhiều hơn. Đi nhưng vẫn mang linh hồn của Huế theo trong tâm khảm và trân trọng để lại một phần dĩ vãng của đời mình cho Huế cất giữ. Đi như một loài chim thiên di, đợi một ngày khi mùa xuân trở lại, sẽ quay về tổ ấm...

• **Nguyễn Phúc Vĩnh Tung**

## *Sóng động tình*

Em yêu anh một ngày thu lá đổ.
Âm thầm em hở lộ dáng thơ ngây.
Hồn bền nhưng mắt em gào sóng vỗ.
Thân phập phồng căng nỗ(i) dưới bàn tay.

Vui chung, em theo anh hòa điệu thắm.
Quên nhịp đời chìm đắm chốn nào xa.
Thuyền ái ân chèo chèo sâu chỗ cắm.
Sóng động tình ứa ngập tấm thân hoa..

Ôi triền miên! em tràn đầy vũ trụ
Thở nhịp dồn, hưởng thụ phút giây say.
Anh mơ màng mong nhiều lần hội tụ
Để quên thời xưa cũ lắm chua cay.

• **Phượng Hàm**
*Hương Giang một đêm trăng*

# Nguyễn Thị Huế

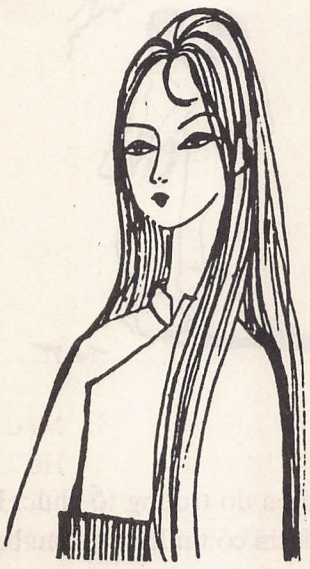

• **Nguyên Hà**

Hôm đó có chuyện tôi phải xuống Quận 13 phía Tả ngạn. Đang loay hoay tìm chỗ đậu thì có người bước đến gõ vào cửa xe. Ngạc nhiên nhưng tôi cũng cho cửa xuống để xem họ muốn gì. "Hà phải không?", người lạ hỏi, giọng Huế rặc. Rồi như sợ tôi chưa nhìn ra, anh hấp tấp tiếp, giọng đầy cảm động, "Tâm đây, Tâm B6 đây!". "Úi chao mi Tâm", quá mừng rỡ vì gặp bạn cũ sau hai chục năm, tôi vội vàng tắt máy xe đậu nghêng ngang giữa đường, nhào ra ôm Tâm.

"Mi làm chi ở đây, qua chơi há? Không, qua chơi chắc mi không giám lái xe ở cái xứ xe cộ hỗn loạn này. Mi làm chi, ở mô?". Tâm xổ một tràng nửa Tây nửa ta, tôi không trả lời kịp. Trong khi đó thì xe cộ kẹt cứng đàng sau, bấm còi inh ỏi. Tâm cứ tỉnh bơ, lắc mạnh tay tôi, hỏi đủ thứ, liên tu bất tận. Tôi vội nói: "Anh đứng đây tôi chạy xuống hầm đậu xe rồi lên ngay". Tâm khoát tay, "Tao đi gấp, đây carte của tao đây, gọi ngay chiều nay, tao đợi. Ở hay cho tao qua Choissy tao ra xe mi vô. Đậu dưới hầm vừa đắt vừa thối. Ở đây mà chạy vòng vòng kiếm chỗ đậu xe thì mau sập tiệm. Xăng mắc như vàng".

Chiều đó sau khi dọ đường cẩn thận, tôi đi tàu điện lên thăm Tâm. Từ trạm Métro trèo dốc mấy chục phút phì khói lỗ mũi mới đến chỗ Tâm ở. Đây là khu nhà cổ lỗ trên đồi cao phía đông ngôi thánh đường trắng Sacré Coeur. Dân ngụ ở đây phần đông là giới nghệ sĩ thất thời, ngày ngày đi vẽ tranh hay hát dạo cho du khách vùng Monmartre. Lại leo cầu thang năm bảy chặng nữa mới tới căn gác nhỏ của người bạn cũ.

Chuyện trò như pháo nổ. Câu này câu kia không dứt mà vì cảm động lâu năm xa cách, chẳng có gì là mạch lạc cả. Tựu chung, sau khi loạn lớn 75, Tâm đi tù đày khắp các trại cải tạo vùng Việt Bắc. Trong khi lao động đốn cây về làm nhà tù cho chính mình, Tâm bị tre đâm lủng bụng. Nhờ bạn bè tận tình chăm sóc băng bó bằng thuốc cứu và bẹ chuối khô, anh thoát chết. Rồi trong khi di chuyển từ trại giam này qua trại giam khác, anh lẩn trốn vào rừng. Suốt hai năm ròng rã vượt suối băng đèo, xuyên Thượng Lào, Liên khu 4, Hạ Lào và

cuối cùng đến được các trại tị nạn Thái. Cuối 88, anh đến Pháp và hiện làm an ninh cho một công ty xây cất ngoại quốc. Tôi cho Tâm biết là M. lúc trước học cùng lớp với tôi ở Sài Gòn hiện đang trông coi công trường đó. Tôi sẽ xin M. cho Tâm vào làm văn phòng. Mùa đông ở cái xứ này đứng gác khuya ngoài trời dễ giảm thọ lắm. Tâm cười: "Hồi xưa ở nhà banh, mỗi lần trực đêm tao mướn mấy ông hạ sĩ quan trực thế. Bây giờ phải làm phận trâu bò ắt cũng để trả nghiệp đó!"

Ngồi trên chiếc ghế độc nhất trong căn gác nhỏ này, tôi nhìn người bạn cũ đang ngồi trên chiếc giường sắt xếp, kiểu giường nhà thương hay trại lính, trông khá thảm thương. Tuy nhiên, trông anh bình tĩnh và an phận, không trách móc than van. Trong khi trò chuyện, thỉnh thoảng anh lại pha trò rất tếu và rất "mệ"...

"Nhà tao tuy chật hẹp nhưng được cái là mở cửa sổ ra toàn Paris nằm ngay dưới chân". Nói chưa dứt lời Tâm đã vọt ra khỏi cái giường ọp ẹp, đến mở tung hai cánh cửa sổ. Thật thế, thoai thoải dưới chân đồi toàn thể Paris với đèn sao rực rỡ trải dài ra tận chân trời. Đêm nay không mây, từ cao điểm này tôi có thể nhìn suốt đến vùng St. Germain-en-Laye phía tây nam cũng như vùng ngoại ô dữ dằn Créteil phía đông nam thành phố. Ngay trước mắt là cái tháp sắt trứ danh, điện Invalides nơi Nã Phá Luân yên nghỉ.

Tôi nhìn cái thành phố tráng lệ nhất thế giới, trong lòng buồn vui lẫn lộn. Gió từ chân đồi thổi lên làm cho tôi dễ thở hơn. Ước gì có tiếng chuông từ ngôi giáo đường qua thì thánh thiện biết mấy. Quay qua Tâm, tôi nói: "Hút vừa vừa, nãy chừ mi hút liên tu, còn chi cái phổi". Tâm cười: "Tao bỏ rượu, bỏ đào, bỏ cờ bịch, còn một cái hít này bỏ răng được". Tâm cười khoái trá rồi phóc trở lại vô giường, miệng nói: "Mi mặc cái ba-lờ-tô vô cho khỏi lạnh. Tao nằm đắp mền nói chuyện tầm phào, để cửa sổ mở cho khói ngộp. Hồi đó mùa đông trời mưa, tụi mình và mấy đứa trong xóm hay nằm trong giường ăn bắp rang thằng Tuất. Không biết bây giờ hắn ở mô. Hắn với tao học chung lớp Nhì thầy Tuân cùng với thằng Kỳ cao, mi nhớ không?"

Một chuỗi kỷ niệm ấu thơ. Cái ngày đi

dạo Nội điện do trường tổ chức. Đang vui cười rối rít thì có tin Kỳ cao đau bụng đi tả. Đằng xa, cuối đoàn học trò, vài người xúm xít bên bụi bông cẩn, vài phút sau có người dìu Kỳ ra cửa Nội điện. Tôi nghe kể lại là Tuất, người học trò nghèo nhất lớp, có lẽ là nghèo nhất trường, đã không ngại dơ bẩn, đơn thân độc mã mướn xe kéo đưa Kỳ về nhà. Anh đã cởi chiếc áo bông chằm vá khắp nơi đắp cho Kỳ vì Kỳ đang run lẩy bẩy vì mất sức.

"Sau nhiều năm câm nín, tao lại ưng nói chuyện tầm phào. Thật không ngờ hôm nay lại có dịp chuyện trò tào lao với mi ở cái nơi xa lạ này". Tâm cất tiếng làm tôi quay về với thực tại. Liếc nhìn anh, anh không còn

là người phi công hào hoa của những năm tiền 75. Anh già đi nhiều, hốc hác, cằn cỗi. Giọng anh đều đều, nói như nói một mình, không cần biết là tôi có theo dõi câu chuyện hay không. "Chả là lúc đó quá kham khổ sau mười mấy tháng xuyên rừng lẩn trốn, tao quyết định lần ra chòm xóm để xem xét tình hình. Nhờ cái kỹ thuật ác ôn *cải đồng hoàn lão* của các đồng chí tại các trại cải tạo, nhờ chòm râu dê 15 phân dành dụm trong mười mấy tháng không cạo gọt, và cũng nhờ cái áo sơ-mi vá, cái quần cháo lòng "mượn" ở ngôi xóm đầu tiên tao mò đến, chả mấy ai thèm để ý đến tao lúc di chuyển."

"Trong cái nhan sắc và điệu bộ - hay cốt cách cũng rứa - của một bô lão cứu quốc, tao đi lần ra Đò Lèn, Thanh Hóa. Lầm lũi đến chợ Xép cạnh ga thì có nột nữ cán xồn xồn chận tao lại. Ôi chao lo sợ phập phồng, phập phồng lo sợ! Té ra nường hỏi đường Lê Thị Tấn. Chuyện trò vài câu nường cho biết đang kiếm nhà ông nhạc sĩ để thay thế cho người văn công bị bạo bệnh lúc công tác tại Xiêng Khoang. Đói đầu gối hay bò, tao đặt chuyện xạo là ông nhạc sĩ đó vốn là học trò tao, nay đã ra Hà Nội sinh nhai. Nếu cần tao có thể giúp ban nhạc vì tao cũng đang gặp khó khăn vì lụt lội phá hoại ruộng nương năm ngoái. Chắc mi còn nhớ hồi ở Hướng Đạo cũng như ở trung học, tao luôn được cử làm trưởng ban nhạc mỗi khi có hội hè đình đám gì. Hoặc giả cô nường ngây thơ dễ tin người, hoặc giả cô quá cần người thay thế nên cô đồng ý dẫn tao về đơn vị. Phập phồng thì có nhưng sau vài ngày, vài tuần thấy chẳng ai thèm để ý đến anh văn công già nua thủ phận, không tranh chấp cãi cọ với ai trong đoàn thì tao cũng bớt lo đi nhiều. Vả lại cái nghiệp cầm ca xướng hát, hễ ngồi cầm cây đàn lên gảy gảy, đong đưa, thì trời đất tao cũng không thèm biết... Cứ thế rồi đưa đẩy, tao theo ban văn công do nường chỉ huy trình diễn khắp các tỉnh Bắc Trung Việt. Có khi đoàn đi xuống tận Vĩnh Linh, Cam Lộ, gần đến Thừa Thiên. Chao ôi, thắm thiết quá, da diết quá! Chỉ một đoạn đường ngắn nữa là quê hương chôn nhau cắt rốn của mình. Phi lao, biển xanh, cát trắng và sóng rì rào không dứt... Làm sao qua được quãng đường ngắn ngủi này để được về với đất mẹ thân yêu sau những năm tháng dài xa cách, sau những dời đổi buồn đau..."

"Trong những ngày lưu diễn nơi cửa ngõ quê hương, người nữ văn công khá trọng tuổi, khô khan này có vẻ cởi mở hơn, thường hay chuyện trò với tao nhiều hơn. Có lẽ cái ngọn gió nhẹ ngọt ngào từ đất Thần kinh thổi ra đã chớm lên trong lòng nàng ít nhiều thay đổi? Nàng gốc Phú Cát, Huế, sanh ra và lớn lên nơi chốn Thần kinh. Cô đã theo cha ra Bắc tập kết sau Hiệp định Genève cắt đôi đất nước. Mẹ nàng vì sức khỏe kém phải ở lại với bên ngoại. Lúc ấy nàng khoảng 12, 13 gì đó và đã vào Đồng Khánh được hơn một năm rồi mới ra Bắc. Trong khi trò chuyện cao hứng nàng cũng nhắc đến vài cái tên lớn như Cam T. ở đường Gia Hội, Diệu H., Trâm A. ở Trung Bộ, Bích D. ở Ngã Giữa ngày ngày nhập bọn với các chị nàng từ vùng Đò Cồn đi lên, tíu ta tíu tít chuyện trò không dứt trên đường đến trường học. Thì ra những kỷ niệm đẹp của cái xã hội tiểu tư sản vẫn còn âm ỉ dưới lớp sơn vô sản dày 30 năm của con người cán bộ này."

"Nàng cho biết khi trở lại Huế trong dịp Mậu Thân thì mẹ đã qua đời từ nhiều năm trước. Vì các lộn xộn trong cái thảm trạng lúc đó, nàng không đi thăm mộ mẹ được. Nay nàng quyết định xin phép về thăm mộ một chuyến. Không thông thuộc đường sá, nàng muốn có người cùng đi. Mở cờ trong bụng nhưng cứ ỡm ờ vì ngại không giấy tờ hợp lệ; vả chăng lỡ ai nhận diện được thì tính làm sao? Nàng như đoán được cái khó khăn của tao nên đã qua Tỉnh ủy lo giấy tờ.

Rồi thì tụi tao nam du chính thức, bằng Honda bảng xanh, xăng nhớt Nhà nước cấp phát. Hai ngày đi về, hai ngày thăm viếng Huế. Ai mà ngờ cho được!"

"Khó mà tả cho hết cái buồn vui lẫn lộn trong cái thời gian ngắn ngủi nơi quê hương yêu dấu này! Trong lúc nàng đi nơi này nơi khác thăm bà con, tao cáo bệnh nằm nhà, ở

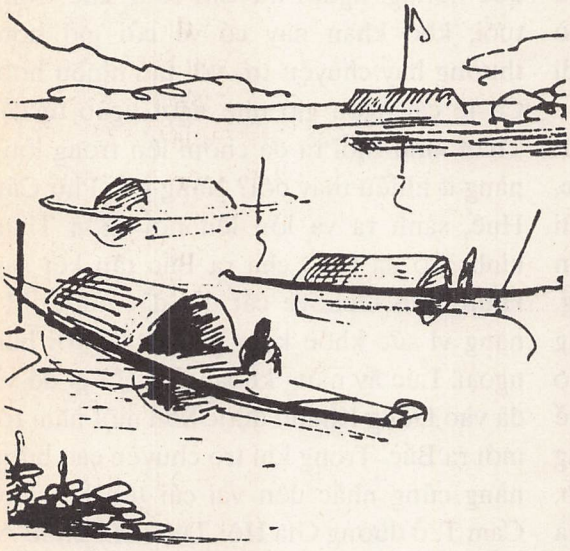

Cồn Hến, bên ngoại của nàng. Trong lúc rảnh rỗi tao ra cầu tre dưới bến sau nhà, ngồi ngắm trời nước mông lung. Hết nhìn lên phía Trường Tiền liên tưởng đến những tà áo học trò phất phơ trong gió, lại nhìn xuống phía Chợ Dinh với những vườn rau, ruộng bông xanh thắm. Phải thú thật với mầy, con sông này là một phần của cuộc đời tao, của thân xác tao. Khó mà tả cho hết được cái liên hệ giữa tao và con sông thơ mộng này. Lúc nhỏ mỗi ngày tao ngâm mình trong giòng nước trong mát này không biết mấy giờ, lặn hụp, câu cá, đâm tôm, leo bè, theo thuyền cát, theo ghe muối. Hết bơi lội lại lên bờ lang thang phá phách khắp nơi, bẫy chim, bắn chim, bắn bóng đèn sau trường Bà xơ Mai Khôi, bẻ bắp, đào đậu phụng. Chỉ đến khi có người nhà kêu réo mới lò mò về. Tao thuộc từng cái cồn cát, từng vùng rong cao xanh lè mà trong cái trí tưởng tượng đơn giản của tao lúc đó chắc là nhiều ma rà lắm. Tao đã lớn lên cạnh giòng sông này, vui buồn cùng giòng nước khi thì trong vắt, ngọt ngào, hiền hòa, khi thì đục ngầu, cuồn cuộn, hung nộ. Và cũng nhờ vào cái liên hệ mật thiết giữa người và sông, sông và người, tao và mấy đứa bạn đã thoát chết kỳ Mậu Thân nhờ ẩn náu trong các khóm tre rậm rạp, trong các ruộng bắp, nương khoai dọc con sông thân yêu này."

"Từ đây nhìn sang sông tao vẫn nhận ra được cái bến cát cạnh nhà Y sĩ Thiếu Tá T., tội nghiệp ông là bạn học của anh tao, bị động viên và đã hy sinh trên vùng trời An Lộc. Từ bến cát đó đi lên là Gia Hội, con đường ngày ngày tụi mình thả bộ lui tới, xuân thu nhị kỳ, nắng cũng như mưa, ngày nào không đi qua nhà nàng nhìn qua cửa sổ là không ăn không ngủ được. Tội nghiệp mi, cây si mi trồng trước cái villa màu trắng đằng trước phủ Thọ Xuân hao tốn biết bao công lao khó nhọc, để rồi chỉ mấy năm sau *en* đã ra đi trong lúc nồi kê của mi chưa chín. Tao còn nhớ cái hôm tình cờ lên thăm mi ở Đà Lạt, hai đứa đi chơi, mặt mi như cái bị. Mi say bí tỉ, tao phải cõng về, suốt đường mi cứ tiếp tục ngâm lui ngâm tới *Anh tiếc công anh đào ao nuôi cá, ba bốn năm trời nay người lạ tới câu.* Trên cái bàn nhỏ, cái thiệp cưới nằm trơ trẽn cạnh bản thảo cái điện tín mi gởi mừng nàng..."

Châm điếu thuốc mới, Tâm tiếp: "Hai ngày qua mau. Mỗi lúc ghé về nhà nàng lại mang cho tao nào là bún bò, bánh ướt tôm chấy, bánh tráng đập đập, dấm nuốt, chè đậu ván đặc, đậu ván lỏng, chè hột sen... Ăn đến phát ách! Chỉ mấy tuần sau này, lúc còn ở Đông Hà, ngày nào nàng cũng mời tao ăn chung. Cơm tuy thanh đạm nhưng

nhờ có tay người đàn bà nhúng vào, từ cọng rau muống chọn kỹ, chẻ nhỏ, nấu với vài con tôm, chút nước ruốc lóng cặn cho trong, cho đến chén nước mắm đâm ớt tỏi nặn chanh, tất cả đều tươm tất chu đáo. Nhờ được chăn nuôi khá và nhờ nàng ra lệnh cho tao phải đánh đổ chòm râu Hồ, nhan sắc của tao trông cũng đỡ sợ đi nhiều! Đến ngày đi phép thứ tư, sau khi làm một bụng cơm hến và phụ thêm một chén xôi bắp rưới mỡ hành, tụi tao mang hành trang ra xe. Nàng hỏi tao có muốn thăm ai trước khi trở về đơn vị, tao nói phải chi được lên Bến Than, qua Hòn Chén lạy Đức Thánh Mẫu. Không một chút ngần ngại, nàng OK."

Ngồi trên mỏm đá xanh cạnh tam cấp cao lên điện, vui miệng tao kể cho nàng nghe thủa thiếu thời tao sống hàng năm ở vùng này trong thời kỳ trước và sau đảo chánh Nhật. Ngày ngày ra đây tắm sông rồi lên ngồi phơi nắng cho khô, cũng trên tảng đá rêu phong này. Khi chán ngắm cá ở các khe đá dưới nước trong vắt lại lên ghẹo mấy con kỳ đà dài cả thước tây đang phơi nắng trên các cành đa lớn, hoặc rủ nhau lên độn hái sim, móc và trái mắc kham vừa ngon vừa mát. Đang cao hứng ba hoa thì nàng cười to: "Anh bảo là gốc Quỳnh Lưu, Diễm Châu, nay lại nhận là người Bến Than, Hói Cát!". Giật mình vì hớ hênh nhưng lại vui vì đây là lần đầu tiên sau mấy tháng quen biết nàng đã gọi mình bằng anh. Cái chữ "anh" sao mà nó ý vị đến thế. Mà lại nói bằng thổ âm, chớ không phải bằng cái giọng Bắc cán bộ, cứng rắn, áp đảo. Sau mười mấy năm lăn lóc, lần đầu tiên có người đàn bà kêu mình bằng "anh", giọng Huế, bên con sông thơm ngát, tình tứ này. Tuyệt!

Để tránh trả lời câu hỏi móc dễ thương kia, tao đánh trống lảng, chỉ về hướng nam ngôi điện và nói đó là đồn điền cụ Thượng H., trước mắt là các lăng tẩm, xếch qua trái một chút là đồi Vọng Cảnh, nơi đã bắt đầu biết bao nhiêu chuyện tình đẹp. Xa xa là Văn Thánh, xuống chút nữa là Linh Mụ. Từ đây về Huế bằng đò khoảng năm, sáu cây số gì đó. Tao nói liên tu còn nàng thì chỉ mỉm cười, thỉnh thoảng lại gật đầu... Tao ngưng lời vì nhận thấy hình như nàng đang suy nghĩ, tính toán gì... Trong cái yên tĩnh tuyệt đối bao quanh ngôi đền lịch sử này, tiếng chèo nhẹ nhàng, tiếng sóng vỗ vào khoang thuyền bên kia sông, ở đây đều nghe rõ mồn một. Sùng kính ngài, chẳng mấy ai dám qua về gần đền thờ mà chỉ nép thuyền về mạn Bến Than bên tả ngạn. Nhiều khi êm ả, thần tiên đến nỗi mình hầu như nghe được cả làn khói lam thoát đi từ những mái bếp tranh nhỏ bên kia sông.

Sau khi lên điện lễ thánh, tao đưa nàmg lên đò qua sông để trở về Huế. Xe chạy chỉ được mấy phút chưa đến dốc Cầu Lim, nàng nói với giọng thắm thiết: "Nãy giờ anh tả oán rất nhiều về đồi Vọng Cảnh làm em cũng xốn xang, thôi cho em qua đó xem cho biết".

"Trong cái khung cảnh tịch mịch, thơ mộng nhuốm ánh nắng vàng nhạt của buổi chiều sắp tắt, hai đứa ngồi im trên triền đồi thoai thoải, dưới rặng thông già, vai kề vai, thả hồn lâng lâng xây mộng. Đằng xa, trên giòng sông long lanh ánh tà dương, một chiếc đò dọc nhẹ nhàng xuôi mái. Không gian vắng lặng. Hình như có tiếng hò theo gió đưa sang, hay chỉ là tiếng thông vi vu hòa với tiếng sóng đều đều vỗ nhẹ vào ghềnh đá... Chuyện phải đến đã đến! Đồi Vọng Cảnh hôm nay lại ghi thêm một trang tình sử mới. Hai đứa yêu nhau vội vàng, bồng bột, dữ dội, lồng lộn... Yêu như chưa từng yêu!"

"Sau cơn bão tố, hai đứa vẫn nối vòng tay trong nhau, tận hưởng cái giây phút khoái cảm thần tiên, triền miên không dứt... Một vài con sao đã ló ra, lấp lánh ẩn hiện giữa các chòm cây. Dưới lưng, lớp lá thông dày tỏa ra một mùi thơm nhẹ nhàng, mộc mạc...

Khi bên kia sông đèn đã lên và xóm nhỏ Chợ Mai mờ dần trong lớp sương chiều từ sông tỏa vào, hai đứa mới lần dậy, lấy cơm bới và tôm rim mang theo hồi sáng xuống ngồi ăn ở thềm đá bợt sông. Thú thật chưa bao giờ được ăn bữa cơm thanh đạm mà ngon lành đến thế!"

Hồi chuông ngân nga từ một ngôi chùa nào đó đã đánh thức hai đứa. Thì ra suốt đêm, sau khi ngồi hàng giờ ngắm sông trong ánh trăng non thượng huyền, hai đứa đã ngủ vùi lúc nào chẳng biết. Gà lục tục gáy. Xa xa, mấy chiếc thuyền câu, thuyền cát bắt đầu rời bến, dịu dàng xuôi dòng trong ánh nắng nhẹ buổi bình minh êm ả, mát rượi... Đang dựa lưng vào thân cây cổ thụ bần thần nhớ lại những cuộc vui dồn dập trong đêm thì nàng từ dưới bến đi lên, lụng thụng trong bộ đồng phục ka-ki cục mịch che kín bộ ngực rắn chắc, cái lưng nho nhỏ, cặp đùi dài, thon, mịn. Ghé vào vành tai nàng nói nhanh, gọn gàng và quyết liệt: "Đưa em đi tìm tự do!"

"Sau phút chấn động dữ dội vì cái quyết định sấm sét của nàng, tao định kế hoạch chớp nhoáng. Nhờ những lần oanh tạc vùng này trước 75, tao hiểu biết khá nhiều về địa dư, phong thổ các vùng lân cận, nên quyết định vượt hướng Hạ Lào. Tụi tao đi thẳng lên Chợ Tuần ăn uống qua loa, bán chiếc Honda - sau khi ném bỏ bảng số xanh - cho một anh cán ngố tham của rẻ. Mua sắm xong một số lương khô, một cái mền mỏng, vài thước ni-lông..., tụi tao qua sông phía lăng Gia Long theo con đường quân đội Mỹ đắp trước đây, đi dần lên A Shao vượt Trường Sơn.

"Các giấy tờ có hiệu lực khắp lãnh thổ Lào nơi nàng thường lưu diễn đưa hai đứa qua mọi trạm kiểm soát dễ dàng, đôi khi còn được cho quá giang trên các chiếc xe bộ đội Lào. Lần lần tụi tao đến Saravane, rồi Paksé. Từ đây cứ trực chỉ hướng nam dọc sông Mékong xuống vùng biên giới Cam Bốt. Khi đến gần Khong, một quận nhỏ phía cực nam nước Lào, tụi tao mướn thuyền vượt sông Mékong, rồi cứ nhắm hướng tây đi dần về Thái Lan."

"Đường đi càng ngày càng nguy hiểm. Bắt đầu từ Anlong Veng tụi tao phải di chuyển ban ngày vì các trảng trống dọc biên giới đầy dẫy mìn bẫy. Nhìn từng bước một

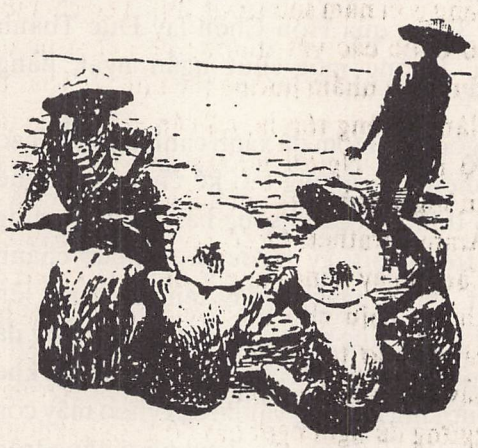

mà đi. Khi đến Phoumi Samruong thì gặp nhiều toán nhỏ đi chui. Tụi tao chung với họ tài vật để thuê người địa phương - chắc cũng là các cán bộ làm ăn riêng rẽ - dẫn đường cho được an toàn. Tuy vậy nhiều khi vẫn bị pháo kích từ Thái bắn cầu may. Chẳng nhiều gì cho lắm. Vài trái bích kích pháo, họa hoằn mới nghe vài trái 105. Tao cứ ù lỳ. Lúc nào nguy hiểm quá thì lại niệm "Tâm vô quái ngại". Mấy người đồng hành kia, người thì niệm Đức Quan Thế Âm, kẻ thì cầu kinh Đức Mẹ, lâm râm không dứt."

"Nàng tuy chưa từng ở trong đơn vị tác chiến nhưng nhờ mấy năm công tác Trường Sơn trước 75 nên chai lỳ lắm, kinh nghiệm đi rừng lại rất dồi dào. Việc tránh né kiểm soát cũng như cạm bẫy, đối với nàng không

mấy khó khăn. Tìm kiếm hoa quả hoặc bẫy chim và các thú nhỏ thì ngay cả tao là một tráng sinh Hướng Đạo đầy kinh nghiệm cũng xin chào thua."

Lúc đến gần Chek giữa Pok và Sisophon ở chân rặng núi Phanom Dongrak đoàn người đi chui bị kẹt vào giữa một trận đột kích lớn của Khmer Đỏ và Cảnh vệ Thái. Vài người đi chui trúng đạn, trong đó có người bạn đường của tao. Nàng bị mảnh bích kích pháo ở bụng không mấy nặng và không mất máu nhiều nhưng vết thương AK ở vế thì đáng lo lắm, hình như đầu đạn đang còn nằm sâu trong thịt. Tao chỉ biết xé áo buộc các vết thương cho cầm máu rồi dìu nàng nhắm hướng tây tiến về Thái Lan. Nàng không rên la, cứ cắn răng theo đoàn bộ hành. Người hướng dẫn cho biết nếu không gì trở ngại, chỉ hai ngày đường là đến Aranyaprathet. Ở đó có trạm cứu thương. Càng ngày nàng càng lả đi nhưng nhất định không chịu cho tao cõng hoặc đèo bằng cáng vì sợ tao khó tránh kịp thời các mìn bẫy nhan nhản trong vùng này. Trong lúc ngừng để nghỉ ngơi hay để tránh pháo nàng lại cố gắng nói chuyện để cho tao lên tinh thần. Nàng nói một cách thành thật: "Nằm trong chăn mới biết chăn có rận, có ở với nguỵ mới biết nguỵ không đến nỗi tệ!". Nàng cười làm tao cũng bớt lo đôi chút.

"Vết thương ở bắp vế nàng càng ngày càng sưng to vì làm độc và có triệu chứng gangrène. Tao lo quá mà không di chuyển được vì pháo và đột kích thường xuyên giữa vùng xôi đậu này. Khi đến được Aranyaprathet sáu ngày sau thì nàng đã quá kiệt sức, mắt nhắm nghiền, nhịp tim rất chậm và không đều. Tại trạm cấp cứu, ông bác sĩ gốc Pháp nhìn tao lắc đầu... Tao chỉ biết ngồi cạnh nàng, nắm chặt bàn tay khô khan, mong chuyền được chút sinh khí..."

Chiều đến trong cái trạm y tế lụp xụp nơi biên giới này sao mà buồn thảm, lạnh lẽo và ghê rợn đến thế. Ánh đèn dầu hôi heo hút chỉ soi được một phần mặt nàng. Đã hơn mười phút không thấy nàng nhúc nhích nên tao gọi nhỏ: "Tất Thắng, Tất Thắng..." Từ từ mở mắt ra và bỗng nhiên mặt tươi tỉnh hơn, nàng nói chậm rãi, nhẹ nhàng: "Tên em là Nguyễn Thị Huế. Hồ Thị Tất Thắng đã chết từ ngày em đặt chân trở lại Huế, quê hương yêu dấu của anh và của em. Thật ra, ngay trước khi rời Huế em đã được chỉ thị điều tra và báo cáo cấp thời vì họ nghi anh là Trung tá Phi công F5, vượt ngục vào dịp Tết 87... Âu cũng là duyên nghiệp!... Anh đừng buồn. Em cám ơn anh đã cho em một chuỗi ngày đầy hạnh phúc. Trong thời gian đầy kỷ niệm vừa qua, dù khi vui, dù khi hiểm nghèo, em đã thực sự sống những ngày đáng sống. Đôi khi nghe anh giảng kinh hay nghe lời nguyện cầu của người đồng hành, sau ba mươi mấy năm sống cuộc đời vô-tôn-giáo, những kỷ niệm cũ cùng mẹ hay ngoại lên chùa đã trở lại với em, đã thay đổi hẳn nhận thức của em về cuộc đời, về con người. Và khi hận thù đã được cởi bỏ, trong lòng trở nên nhẹ nhàng thì những cái vô sản, vô thần, vô này vô nọ đã tự tan biến... Em không còn hoang mang, không còn sợ hãi nữa. Ra được khỏi cái xác Hồ Thị Tất Thắng là em đã giải thoát rồi đó... Cầu xin Đức Thánh Mẫu phù hộ cho anh. Thôi..."

Tâm dứt câu, kéo mền lên trùm đầu, miệng ngâm nho nhỏ, tôi nghe chữ được chữ mất:

*"Ăn miếng cơm Huế,*
*Uống nước sông Hương*
*Núi sông ngăn cách bấy dặm đường*
*Dù năm tháng dù sương tuyết*
*Thương Huế ngàn thương nhớ đoạn trường..."*

• **Nguyên Hà**

Paris, đầu Xuân 92

# Hột Sen Nhỡn Lồng Xứ Huế

• **Hoàng Giao**

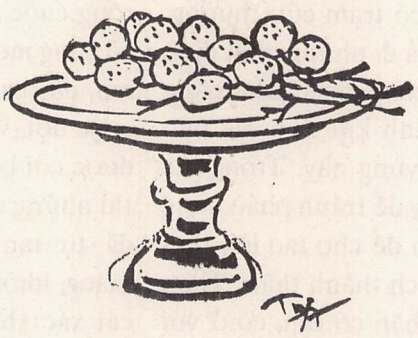

Nắng cháy cây, mưa thúi đất, lụt lội hạn hán xảy ra hầu như mỗi năm, nhưng xứ Huế vẫn sản xuất nhiều loại trái cây ngon đáo để. Quýt Hương cần, dâu Truồi, thanh trà Tuần, bắp Cồn, sen Tịnh Tâm, nhỡn Thành Nội cùng một số thổ sản miền núi như sim, hột muồng, mít v.v... ít có nơi nào sánh kịp. Nhân ngày nhớ Huế năm nay, chúng tôi muốn đưa quý vị về thưởng thức hai loại thổ sản độc đáo của đất Thần Kinh: hột sen hồ Tịnh Tâm và nhỡn lồng Thành Nội.

Cái đặc biệt của hột sen xứ Huế là mềm và ngọt. Cái đặc biệt của nhỡn lồng xứ Huế là trái lớn, hột nhỏ, vỏ mỏng, cơm dày và ngọt. Nói là hột sen hồ Tịnh Tâm hay nói tắt là sen hồ Tịnh, nhưng thật sự hột sen hồ nào trong Thành Nội cũng ngon như nhau. Hồ nào cũng có trồng sen trắng hoặc đỏ, đến mùa sen nở, hương thơm tỏa ra ngào ngạt. Khi sen bắt đầu nở bông, người ta hái bông đi bán nhưng vẫn còn giữ lại một số để lấy hột. Du khách viếng thăm Đại Nội, đi qua cửa Thượng Tứ, không ai không cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái khi ngửi hương thơm của sen nở. Sen và nhỡn của xứ Huế quả thật là độc đáo. Độc đáo không những vì ngon mà vì còn phải tốn biết bao công khó mới hái được trái cây ngon, mặc dù cây đã có sẵn, mỗi năm cứ đến mùa hè là đâm bông ra trái hoặc hột, chỉ cần hái đem về là xong. Nhưng sự thật không phải dễ dàng như vậy. Cây nhỡn thường được trồng hai bên đường, sen thường mọc ở hồ vắng vẻ, nếu không canh giữ đề phòng trộm cắp và chim, dơi cắn phá thì khó lòng hái được nhiều, khi trái chín. Giữ cho chim và dơi không ăn trái nhãn không mấy khó khăn nhưng giữ cho khỏi bị hái trộm không phải là chuyện dễ.

Trước khi nói đến hai loại thổ sản đặc biệt của xứ Huế này, tưởng cũng nên biết qua về địa thế của Thành Nội và Đại Nội mà nhiều người thường hay lầm lẫn với nhau.

Thành Nội là một khu vực bao quanh bởi một bức tường cao khoảng 8 thước, dày hơn 10 thước, gọi là Thượng thành, có cột cờ quay nhìn về núi Ngự Bình ở hướng Nam và 9 cửa thành. Trong Thành Nội có Đại Nội cùng các cơ sở của Triều đình, công thự của các viên chức Nam triều và nhà cửa của dân chúng mà đa số là những công chức làm việc cho triều đình Huế. Bên ngoài bức tường cao này là hồ nước trồng sen và rau muống chạy dọc theo bờ tường. Đại Nội là nơi các vua ở cùng các cung điện của triều Nguyễn nằm ngay giữa Thành Nội, hơi sát về phía nam tức là gần cột cờ và cửa Thượng Tứ. Xung quanh Đại Nội cũng có

tường cao khoảng 6 thước, có cửa Ngọ môn và 3 cửa để ra vào. Chung quanh Đại Nội, sát chân tường cũng có hồ nước chạy dọc theo, cũng trồng sen và rau muống. Từ cột cờ nhìn vào Đại Nội thì bên phải có Quốc Tử Giám, kế đến là Tam Tòa (còn gọi là Cơ Mật Viện). Sau Quốc Tử Giám là Viện Bảo Tàng rồi đến Phủ Tôn Nhơn rồi đến lục Bộ tức là sáu Bộ của Triều đình nằm cùng trên một con đường. Kế đường Lục Bộ là hai dãy Bộ Tham và Bộ Thị tức là hai dãy công thự của các viên chức cao cấp nam triều hàng Tham Tri và Thị Lang. Trên các con đường cũng như trong khuôn viên các công thự và công ốc này là nơi có nhiều cây nhơn trồng đã lâu năm. Xa hơn nữa nằm về phía gần đồn Mang Cá là Dinh Hộ Thành, hồ Tịnh Tâm, viện Tàng Thơ và hồ Cầu Kho. Phía bên trái của Đại Nội có hồ Xã Tắc. Tất cả các hồ trong Thành Nội đều có trồng sen. Cứ đến mùa hè là nhơn có trái và sen có hột. Vì cây nhơn và hồ sen là của công, cho nên hàng năm chính quyền địa phương đều đem đấu thầu cho tư nhân khai thác để lấy tiền sung vào công quỹ. Người đấu thầu trúng phải đóng tiền cho Tỉnh hoặc phường mới được quyền hái đem đi bán. Từ khi nhơn mới bắt đầu có trái và sen bắt đầu có bông cho đến khi hái được trái và hột đem đi bán, người trúng thầu phải vất vả lắm mới giữ cho khỏi bị mất trộm mặc dù nhơn nằm trên cây cao và sen mọc giữa hồ bùn ngập đầu gối và nước lên tới bụng, khó lòng bẻ lồng hoặc hái trộm gương sen được. Trèo lên cây nhơn cao hái trái bị té ngã xuống đất gãy tay gãy

chân là chuyện thường xảy ra. Hái nhơn đã khó mà lồng nhơn còn khó hơn nữa, vì phải dùng thang dài hoặc leo theo nhánh lên cao, nếu gặp phải chùm ít trái thì phải nhập 2 hay 3 chùm lại với nhau để lồng vào một lồng. Nếu trúng mùa, một cây nhơn có thể lồng được trên 100 lồng. Gặp lúc mất mùa hoặc bị hái trộm quá nhiều thì chỉ có đường... khóc, vì sẽ không đủ lời để đóng tiền cho công quỹ. Nhơn thường được lồng bằng mo cau, 4 cái may lại với nhau thành hình một cái hộp có bốn mặt và một đáy, xung quanh có khoét nhiều lỗ để thông hơi, trái với lồng trái vải, có thể dùng lồng đan bằng tre chẻ mỏng. Nhơn được lồng như vậy vừa tránh được chim hoặc dơi ăn, vừa làm cho trái lớn, ngọt và dày cơm, hột nhỏ. Nhơn có hai loại, nhơn ướt và nhơn khô, tức là có nhiều nước hoặc ít nước. Cả hai loại đều rất ngon, nhưng ăn nhiều thường hay bị đỏ mắt vì nóng. Gần đến ngày nhơn chín, tức là đến khoảng cuối hè, các nhà thầu rất là vất vả vì phải thay phiên nhau canh gác suốt đêm, nếu không thì trẻ con, cũng có khi người lớn, leo lên cây hái trộm. Mỗi cây chỉ cần bị mất trộm mỗi đêm năm bảy lồng liên tiếp trong vài đêm là coi như lỗ vốn. Bắt được trẻ con hái trộm không phải là dễ vì tụi nó đông lắm, mà ban đêm thì tối um không có đèn, đứng xa thì không thấy mà đến gần thì chúng nó chạy trốn, chờ cho đến khi người canh trộm bỏ đi, chúng nó mới ra tay trở lại, đứa leo cây bẻ lồng, đứa dùng sào bẻ cành, đứa rung cây cho bể lồng.

Hột sen tương đối khó bị hái trộm hơn vì sau khi hết mùa bông, đến lượt chỉ còn gương sen chờ ngày hột lớn thì không còn cây nào nằm sát bờ, ngang tầm tay để có thể với tay hái được. Muốn hái gương sen để lấy hột phải lội bùn hoặc dùng ghe nhỏ, vì vậy trẻ con ít khi hái trộm hột sen. Hái xong đợt gương sen là coi như nhà thầu được yên tâm vì chỉ

còn chờ đến ngày củ sen lớn nhổ lên, đem đi bán nữa là xong một mùa.

Sở dĩ Huế có nhiều trái cây ngon cùng nhiều hoa thơm cỏ lạ là vì Huế là kinh đô, đất của nhà vua, cho nên tất cả các sản phẩm ngon và quý ở khắp nơi đều được dân chúng đem về kính dâng cho Vua. Những thứ cây cỏ, hoa quả đẹp và ngon hợp với đất đai, khí hậu thì nhà vua cho gây giống để trồng. Vì vậy đất Thừa Thiên ngày trước vốn là nơi ma thiêng nước độc, về sau trở nên một vùng có nhiều loại hoa quả có giá trị, kể cả những loại trái cây xuất xứ từ các nước như thơm Vân Nam, vải Tàu, dưa Tây, đào tiên v.v...

Nếu khí hậu xứ Huế hiền hòa như các miền khác chứ không phải khắc nghiệt, mưa nắng hai mùa, đúng như vua Tự Đức đã mô tả:

*Tứ thời giai hữu hạ*
*Nhất vũ tiện thành đông*

(Nghĩa là bốn mùa đều có nắng nóng mùa hè, chỉ cần một trận mưa là trở thành mùa đông) thì chắc xứ Huế không đến nỗi cơ cực, dân xứ Huế không đến nỗi nghèo đói hơn các miền khác để phải mang tiếng là mùa đông thiếu áo mùa hè thiếu ăn.

*California*
*Ngày nhớ Huế 1992*

• **Hoàng Giao**

# Đồng vọng

*"Chi lạ rứa chiều nay tôi muốn khóc"*
*một câu thơ ngày đó tuổi học trò*
*một cô gái miền xa ngoài Huế*
*mới nghĩ thôi mà khóc đẫm trong lòng.*
*Này em ơi, có gì là lạ*
*em thẹn thùng không khóc bằng tùng thảo*
*biết làm sao tuôn được nguồn khơi*
*không bì kịp sông Hương ướt má*
*khuôn mặt hiền xứ Huế, khuôn mặt em.*
*Đất Phú Xuân lún chân Nguyễn Huệ*
*tiếng Duy Tân bụi cát hát tung bay*
*tìm hủy diệt cho ngai vàng tối nghĩa*
*không ngủ quên trong lớp áo rồng hoa.*
*Nhìn thế sự khiêm cung ủ dột*
*lá tầm vơ che phủ gạch bát tràng*
*hàng cây bách ngẩn ngơ những hỏi*
*đứng chi đây hương tỏa chốn không người.*
*Chi lạ rứa vì sao em không khóc*
*khóc bật lên xối xả mảnh đất lành*
*xin đừng để giọt sầu nguội lạnh*
*dấu thời gian khắn kín nẻo linh hồn.*
*Em dành chăng tưới rêu phong cung miếu*
*chôn xứ này âm thầm tí nữa hay sao?*
*Ồ, anh biết*
*em dành tưới bờ mi em thêm đậm*
*để che thêm nỗi khổ trong lòng.*
*Và chiều nay anh thấm sầu sương biển*
*lạnh linh hồn như đám hải âu*
*trên bờ đá đếm từng cơn gió một*
*đếm thì thầm tiếng nước xóa chân chim.*
*Anh chợt nhớ một lần em muốn khóc*
*và ví thử chiều kia em khóc thật*
*thì chiều nay anh đã khóc thật như em;*
*lỗi tại em, em dấu kín trong lòng.*

• **Tôn Thất Tuệ**

# Trộm Nhãn

• **Nguyễn Văn Y**

Vườn bông Diệu Đế nằm ngay ngã ba đường Chùa Ông Trung Bộ; cạnh bờ sông Đông Ba. Đó là nơi tụ họp của bầy nhãi con các xóm Chùa Ông, Diệu Đế, Ô Hồ, Trung Bộ và Hột Mát. Mỗi đêm về, nhất là mùa hè, con nít khắp xóm trên, xóm dưới đổ ra, họp thành từng tốp nhỏ. Đứa thì thích chơi cò cò, đứa đánh ô làng, đứa chơi "trốn bắt" hay "ù-mọi". Tốp thì chơi trò "say nàng roi", tốp thì chia 2 phe bắn nhau bằng súng hóp với những trái bì lời, hay trái muối nổ chan chát, cay xè.

Thời xa xưa chùa Diệu Đế là phần đất của thành Phú Xuân đời chúa Nguyễn Phúc, con cháu Nguyễn Hoàng. Vườn bông Diệu Đế là phần đất trồng hoa nơi ngôi vườn của vị quan nào thời đó.

Vườn bông nằm cách chùa một con đường không tên. Con đường này là đoạn nối thẳng của đường Chùa Ông từ ngoài sông Đông Ba vào, chạy dọc theo thành chùa Diệu Đế. Con đường này có trồng một dãy cối nên được người ta gán cho một tên cúng cơm là đường Cây Cối. Cây cối trái giống như dâu Truồi nhưng chát và đắng. Trái cối là món ăn khoái khẩu của chim keo. Đặc biệt cây cối không thấy trồng ở đâu ngoài vườn bông Diệu Đế. Chùa Diệu Đế được xây đời vua Thiệu Trị. Thành quách rêu phong phủ kín tháng ngày.

Nói đến chùa Diệu Đế làm sao bọn Ba De Chùa Ông quên được những chùm nhãn lồng nặng trĩu nhìn thấy trên cây mà "riệu" nước miếng rồi? Mùa hè về bầy Ba De lúc nào cũng bận rộn tổ chức những chuyện ăn trộm: Nhãn, thanh trà, đào, mít, dứa.

Nhãn ở đâu nhiều bằng nhãn chùa Diệu Đế? Vào đó ăn trộm chắc chắn không bị đập đâu. Mấy điệu trong chùa, đêm thì gõ chuông gõ mõ kinh kệ, ngày lại cuốc đất trồng khoai sắn, ngũ cốc, vì vậy họ có thân hình vạm vỡ và rắn chắc lắm. Thời đó nghe đâu có điệu lại biết võ ta. Nhiều tên trộm có tiếng vào chùa ăn trộm đã bị trói gô để nằm ở tháp chuông, sau đó cảnh binh ở bót Gia Hội đem về nhốt.

Tôi còn nhớ rõ đêm hè 1946. Đêm hè nghịch ngợm nhất của bầy Ba De Chùa Ông. Tiết trời thật nóng. Trời đã gần vào thu mà cái oi bức khó chịu hơn cái nóng hừng hực của đầu hè. Bọn Ba De Chùa Ông là

bọn sanh tử sanh tôn lắm. Sau khi ngồi bàn bạc chuyện trộm nhãn xong xuôi. Họ cắt chia công việc rất tỉ mỉ cốt làm sao vào chùa ăm trộm nhãn mà khi về nhà vui vẻ không có gì rắc rối xảy ra. Tất cả gồm 5 người. Sáu Huynh đầu nậu. Hai ngươi leo cây. Một người đứng ở gốc cây cùng Sáu Huynh để giúp đỡ 2 người leo. Một người nữa ngồi canh chừng ở lối đi từ cây nhãn vào chánh điện. Sáu Huynh lớn tuổi hơn bọn, có vợ sớm. Anh có cái biệt danh kỳ quái đó vì anh là lực sĩ có hạng, anh đã từng lên đài đấu võ và giựt giải vô địch. Tánh anh trẻ con lắm. Anh thích hòa mình với bọn Ba De tuy anh không thuộc bọn Ba De Chùa Ông. Tạm gọi là cố vấn của bọn Da De không thủ lãnh. Ấy thế mà anh nói chi, anh em bọn nó cũng nghe cả. Đặc biệt anh lại làm Sureté féderale. Hồi đó nghe 2 chữ này dân Huế ai mà không rợn tóc gáy? Nào là hình ảnh tra khảo bằng roi cặt bò, roi điện, trấn nước xà bông. Ui chao ơi là dã man, tàn bạo!

Anh có thói quen, chiều chiều ra bờ sông Đông Ba tắm, hai tay bắt loa hú "ó-o-o" nghe như Tarzan hạ sơn.

Hai giờ sáng. Trăng tròn chếch bóng phía Đình Ông. Trẻ nít tản mác về nhà ngủ từ lúc nào. Mụ bán chè sứt môi im hơi lặng tiếng từ lâu. Riêng tiếng rao Phở gà của Cụ Moi từ xóm dưới Ô Hồ vọng lên.

Cây đa chùa Diệu Đế là cây đa làng Phú Cát, cây đa to lớn đồ sộ nằm trong phạm vi của chùa nhưng sát đường Cây Cối. Tàng cây rợp bóng, che gần hết lối đi. Tại gốc đa có hang chồn hương. Mỗi lần cụ Tuệ ở Phủ An Thành Vương đi ngang đây bắt được mùi thế nào Cụ cũng cố tìm bắt cho được đem về chén. Cây đa là điểm tựa để xuất quân của bọn Ba De Chùa Ông lúc đột nhập vào chùa.

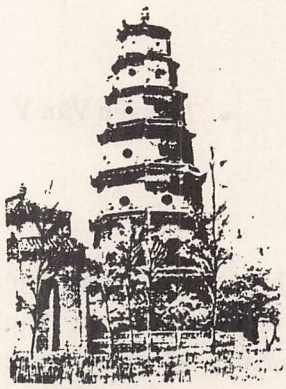

Xóm làng đang say sưa trong giấc mộng. Không ai đợi ai, bọn Ba De hè nhau leo lẹ lên thành qua ngả cây đa. Trong thoáng chốc họ đã lặng lẽ ngồi nhìn nhau cười thầm dưới gốc cây đa. Bốn bề tịch mịch. Sáu Huynh ra hiệu vẫy tay trong bóng đêm. Họ lủi như chồn, hướng thẳng phía hai cây nhãn trước sân chùa. Đây là 2 cây nhãn sây trái và ngon nhất. Cái khó khăn là làm sao hái cho nhiều và tẩu thoát cho lẹ.

Trong khoảng 15 phút hành sự. Tình hình êm xuôi. Cả bọn mừng quýnh nhìn nhau sung sướng cười ríu rít. Nhưng vì tiếng răng rắc của nhành cây bẻ gãy, cùng tiếng lồng bằng mo cau chạm vào nhau rột rột làm các chú điệu trong chùa biết được. Họ sống ở đây lâu, kinh nghiệm quá mà! Tai họ thính lắm!

Hai người đứng dưới gốc cây đang lo bưng nhãn về phía gốc đa. Thình lình nghe tiếng chân của ai chạy. Tiếng chạy nhanh và dồn dập. Cả bọn tứu bộ, mất bình tĩnh hẳn. Hai người trên cây đâu có nghe gì vẫn tiếp tục bẻ, tiếng động nghe rõ ràng quá. Sáu Huynh buồn thiu, huýt gió báo hiệu tổ trát để tìm lối thoát. Nhưng than ôi! Trễ rồi! Đèn pile của mấy điệu lập lòe từ nơi ẳng nước rửa chân cạnh hòn non bộ, từ phía giàn bầu chiếu thẳng tới. Rồi tiếng la thất thanh:

- Ăn trộm! Ăn trộm!

Thật phiền quá! Biết răng đây?

Cả bọn đứng dưới lo lắng cho số phận 2 người trên cây. Mấy điệu tua tủa phóng tới bủa vòng vây dưới gốc cây.

- Tụi bây tránh ra nghe. Để từ từ mệ tụt xuống. Mệ

té dập đầu thì tụi mi đi tù đó. Mô được!

- Bộ bọn mi là các mệ há! Các mệ thì các mệ.

- Trói lại - Đừng để đứa mô chạy thoát nghe!

- Ui chao ơi! Tụi bây cả gan ăn trộm nhãn nhà chùa há?

- Đừng bẻ! Đừng bẻ nữa!

Mấy đứa Ba De cố chuyền qua thân cây né ánh đèn pile. Họ ngạc nhiên tại răng mấy đứa ở dưới không nói chi cả. Hay là nó đã chạy thoát thân rồi. Đồ thỏ!

Một giọng nói đanh thép đầy giận dữ nghe dõng dạc như lệnh truyền:

- Leo xuống! Tụi mi tụt xuống đi! Không chạy được mô.

Một điệu lực lưỡng đầu trọc lóc, da nổi gân, thân mình chắc như xương đồng tiến tới, tay cầm sợi dây dừa quát tháo:

- Đứng yên! Trói lại!

Ôi thật là xui xẻo! Sáu Huynh nghĩ rằng nếu câu chuyện đổ vỡ, vài anh em bị trói dẫn về bót, liên lụy đến anh thì mặt mũi nào nhìn nữa đây.

Nguy hiểm quá! Làm răng chừ đây? Họ sẽ khai tên Sáu Huynh ra thì kẹt cho anh quá. Vợ anh biết được sẽ khinh anh, làng xóm biết sẽ cười và nhất là Sở Mật Thám biết được, anh mất việc như không.

Anh đứng đàng xa trong bóng tối. Anh lưỡng lự giữa

hai ngã đường: Bỏ chạy thì xấu hổ với anh em quá, đứng ra năn nỉ, các điệu đâu có tha. Anh đành liều. Anh phản ứng hơi chậm. Anh rút cây súng Colt nhét kín bên hông ra. Từ đằng sau anh nhảy tới cười gằng, đưa nòng súng chỉ ngay vào ngực điệu đang la lệnh trói mấy đứa trên cây vừa tụt xuống.

- Ê! Biết cái chi đây không?

Mấy điệu quay lại, tưởng sẽ bắt được thêm đồng bọn. Nào ngờ nhìn thấy nòng súng đen ngòm. Các điệu sợ hãi quá ú ớ không ra tiếng.

Thật là ẩu tử! Trong chốn am đường thánh địa dám cả gan làm một việc trời đánh thánh vật như ri. Bọn Ba De lắc đầu le lưỡi. Chính họ cũng ngạc nhiên không biết Sáu Huynh thủ khẩu Colt từ lúc nào. Tuy nhiên họ mừng thầm vì hi vọng sẽ thoát nạn. Thật ra họ cũng định năn nỉ mấy điệu bỏ lỗi cho. Sáu Huynh kẹt quá, thật tình anh đâu có muốn uy hiếp làm gì. Tính Sáu Huynh chỉ muốn lòe với anh em thôi. Việc đã lỡ rồi. Sáu Huynh "e" các điệu ra cửa tam quan rồi bắt mấy điệu ngồi xây lưng lại với nhau. Xong đâu đó anh em bắt đầu hè nhau tẩu thoát. Một giờ sau Cảnh Binh phóng xe đạp tới bủa quanh chùa lục soát nhưng tuyệt nhiên không tìm được ai.

Nghĩ lại thời đó, mới đây đã 46 năm rồi. Bọn Ba De Chùa Ông đã làm một chuyện động trời. Ai có ngờ đâu vài năm sau có đứa lại là huynh trưởng của một gia đình Phật tử đã từng học Phật pháp ở chùa Từ Đàm, đã từng hăng say trong cuộc xuống đường của Phật Giáo ở Huế, có đứa đã xuống tóc, mặc áo nâu sòng, lập điện tu tại gia đêm ngày kinh kệ ở Sàigòn.

Mong rằng ai đó, đâu đây sống vất vưởng, lây lất qua ngày tháng trên địa cầu sẽ không bao giờ quên cái kỷ niệm ngắn đời, hoang nghịch, phá làng phá xóm thời thơ ấu của bầy Ba De xóm Chùa Ông.

*Trích trong tập*
*"Ba De Chùa Ông"*

• **Nguyễn Văn Y**

# Thấy Người Mà Nghĩ Đến Ta

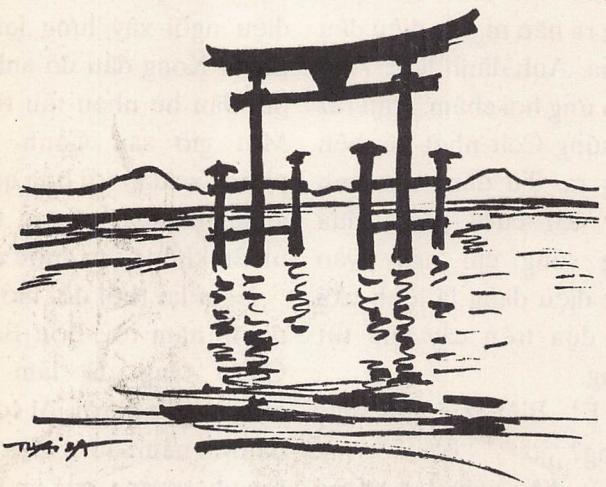

• **Võ Tùng**

Tuổi tôi không trẻ mà cũng chưa già. Trừ mấy năm theo học ở Saigon, thời gian nửa thế kỷ còn lại tôi đã thực sự sống trong lòng đất Thần kinh hoặc ở gần Huế nên đã được chứng kiến những biến chuyển sôi động nhất của lịch sử Cố đô trải qua các thời đại từ thời Pháp thuộc với vị Vua cuối cùng của triều Nguyễn đến Nhật đảo chính, Việt Minh cướp chính quyền, Hoàng đế Bảo Đại thoái vị. Sau đó chẳng bao lâu Huế chìm đắm trong chiến tranh với Pháp. Việt Minh hô hào tiêu thổ kháng chiến, giật sập cầu Tràng Tiền kéo quân ra chiến khu... Dân chúng hồi cư sống dưới chính quyền mới của Thủ hiến Trần Văn Lý, Tổng trấn Phan Văn Giáo. Quốc trưởng Bảo Đại hồi loan chấp chánh, nhưng không ở Huế nữa mà ở tận mãi Đà Lạt, rồi trở lại Pháp, cuối cùng cử ông Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng, sau đó bị chính ông Diệm truất phế để lên làm Tổng thống.

Rồi Huế lại qua một thời gian sống ngột ngạt trong bàn tay của lãnh chúa Ngô Đình Cẩn cho đến biến chuyển xảy ra ở đài Phát thanh Huế đưa đến cuộc đảo chánh tháng 11-63. Tôi vẫn sống rất gần Huế để chứng kiến những triều đại hậu đảo chánh, những cảnh múa may quay cuồng của những tướng tá bất xứng, những phong trào nổi dậy của sinh viên học sinh, những cuộc xuống đường của Phật tử và những ngày cuối cùng hấp hối đầy thương đau của bà con tìm đường trốn Huế.

Sau này khi xa Huế có những buổi chiều tà hướng lòng về quê cũ, hồi tưởng lại những ngày sống êm đềm dưới mái nhà êm ấm ở Thành Nội lòng tôi không khỏi nhớ tiếc.

Nhà tôi ở gần ngã tư Anh Danh, trên đường đi từ cửa Thượng Tứ đến Hộ Thành nên đã thấy được sự đổi thay của từng thời đại, từ những đội quân Pháp, những đoàn lính khố xanh, khố đỏ, khố vàng đi ngang qua, đến những đoàn thanh niên tiền tuyến, nhân dân tự vệ, những đám biểu tình ủng hộ hay phản đối chính quyền.

Trong khoảng thời gian Thế chiến thứ hai tiếp diễn khốc liệt ở Âu Châu thì Huế của tôi vẫn yên ổn, bình chân như vại. Mãi

cho đến ngày mồng chín tháng 3-1945 trong khi mọi người trong xóm tôi đang ngon giấc, bỗng nghe tiếng giày đinh lộp cộp trước sân nhà. Họ thức dậy, hé cửa nhìn ra thấy một đoàn người da vàng mặc đồng phục kaki xám, đầu đội mũ tai beo che kín đến tận cổ, âm thầm đi hàng một lăm le nhắm phía đồn Mang Cá trực chỉ.

Rồi từ xa tiếng súng dồn dập vọng lại, ai cũng dự đoán Nhật đang đảo chính Pháp. Quả thật đến sáng tin cho hay lính Tây trong đồn Mang Cá đã treo cờ trắng đầu hàng.

Cờ tam tài nhường chỗ cho cờ trắng với mặt trời đỏ tung bay. Khẩu hiệu Đại Đông Á được loan truyền trong dân, chúng với những tờ truyền đơn hô hào Châu Á của người Á Châu đã gây nỗi niềm phấn khởi trong lòng dân xứ Huế để rồi sau này mới biết đó chỉ là cái bánh vẽ của một lớp thực dân mới còn nguy hiểm hơn lớp thực dân cũ.

Quân Nhật chiếm thành phố Huế thật dễ dàng, không tốn một giọt máu. Quân số của họ chỉ có chừng cấp đại đội nhưng họ đã áp dụng chiến thuật di động làm cho quân địch tưởng như có cả cỡ trung đoàn.

Quân Pháp mất hết tinh thần vì mẫu quốc đang bị thua trận nên chưa đánh đã vội đầu hàng.

Hơn nữa yếu tố bất ngờ đã định đoạt phần thắng cho quân Nhật. Ngay cả Cựu hoàng Bảo Đại và Nam Phương Hoàng hậu hai hôm trước đi săn bắn ở Quảng Trị, khi trở về gần Huế mới biết sự tình. Vừa về đến Đại nội, xe nhà Vua bị lính Nhật lễ phép chận lại và được hộ tống trở về đến Hoàng cung thì xung quanh các tường bao bọc Cấm thành đã thấy lính Nhật thay thế lính khố vàng canh gác.

Ngày hôm sau, một người khách Nhật tên Yokoyama đến tự giới thiệu là Đặc phái viên của Nhật Hoàng xin vào bệ kiến và xin nhà Vua chấp nhận cho làm Đại sứ của Nhật bên cạnh ngài. (Con Rồng Vàng: 156- 157).

Lúc bấy giờ trí óc non nớt của lứa tuổi tôi được uốn nắn để được hiểu rằng cái gì của Pháp hay của người phương Tây đều tốt đẹp hơn cả, từ quân sự, chính trị, văn hóa cho đến kỹ nghệ, kinh tế v.v... cho nên với biến cố vừa xảy ra tôi bắt đầu khâm phục

người Nhật... Họ cũng da vàng mũi tẹt, nhỏ con như mình mà dám đánh thắng người da trắng.

Thời gian ngắn trôi qua mau. Ngày 15 tháng 8-1945 Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng sau khi bị Mỹ thả hai quả bom nguyên tử tiêu hủy Hiroshima và Nagasaki. Trước đó họ đã anh dũng chiến đấu một mất một còn với những đợt bay cảm tử của đoàn Thần phong Zero đâm vào chiến hạm địch. Cảnh tượng mổ bụng tự sát (Harakiri) của quân dân Nhật không chịu đầu hàng đã nói lên tinh thần võ sĩ đạo và lòng yêu nước của người Nhật làm cả thế giới cảm phục.

Quân Tàu Tưởng Giới Thạch được gởi đến giải giới quân đội Nhật ở Huế và miền Bắc. Quân đội Anh phụ trách ở miền Nam. Dân chúng địa phương đã được chứng kiến một đoàn quân ô hợp kéo đến Huế. Khác với quân Nhật, quân Tàu chẳng có kỷ luật, đi lê thê lếch thếch trên đường Trần Hưng Đạo, ngồi ăn bún bò trong chợ Đông Ba dùng cả tay cầm khới giò heo, trả tiền bằng bạc Quan Kim, một loại tiền sau này chỉ có giá trị như một tờ giấy lộn làm điêu đứng bao nhiêu người.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, vào khoảng tháng 10-1973 tôi may mắn được tháp tùng Phái đoàn Thanh Thương Hội Việt Nam, một tổ chức hoạt động xã hội có chi nhánh ở Huế, và Đà Nẵng đi dự Hội nghị Thế giới Jaycee International ở Honolulu.

Trong hội nghị lòng chúng tôi đã rung động, sung sướng khi bất ngờ nghe người giới thiệu chương trình gọi tên Huế thân yêu, thành phố được chiếm giải thưởng về các công tác cứu trợ nạn nhân bị bão lụt ở Huế (do các anh Nguyễn Hữu Thứ, Trần Tấn Việt, Hồ Trí Hưng v.v... thực hiện). Trước hàng ngàn đại biểu khắp thế giới chúng tôi đã vô cùng hãnh diện thay mặt Thanh Thương Hội Huế lên sân khấu nhận giải thưởng.

Trên đường trở về, sau khi đi một vòng du lịch qua lục địa Mỹ và Âu Châu chúng tôi có ghé thăm Nhật Bản.

Lần đầu tiên đặt chân lên đất xứ mặt trời mọc thấy nhà cửa, xe cộ, chợ búa to lớn, đời sống văn minh không kém gì Âu Mỹ tôi lại thấy một lần nữa niềm tự hào về màu da dâng lên để rồi ước mơ một ngày nào đó đồng bào tôi cũng được một đời sống sung túc như vậy. Bao nhiêu năm sống ở Mỹ, hình ảnh của một nước Nhật Bản tân tiến hàng ngày ám ảnh trong tâm tư tôi. Trong nhà ngoài ngõ chỗ nào cũng có dấu vết xứ Phù Tang ngay trong quốc gia giàu mạnh nhất thế giới này. Từ cái Tivi, tủ lạnh cho đến chén bát, son quánh nồi cơm điện, cái radio, máy ảnh, đồng hồ... bước lên chiếc xe hơi bé bé xinh xinh, vặn cái cassette cũng làm tại Nhật.

Tháng 4-1992 vừa qua, nhân có người anh em bà con sinh sống ở Nhật lâu ngày tôi đã thực hiện mộng trở lại viếng thăm Nhật và tôi đã may mắn được hướng dẫn đi sâu vào xã hội Nhật để tìm hiểu vì đâu mà họ thành công như vậy.

Vợ chồng chúng tôi và cháu Annie Sơn Hà đến Tokyo vào đúng mùa hoa đào. Nhà của vợ chồng người em lại nằm trong khu phố... Setagaya-ku gần nhà ga xe điện ngầm Sakura.

Sakura tiếng Nhật có nghĩa là hoa đào nên chẳng cần đi đâu xa cũng ngắm được hoa đào.

Dọc đường trước mặt nhà là những dãy đào nở hoa trắng toát không còn một chiếc lá. Gần đó có một con rạch nhỏ, những cành đào ở hai bên kết lại với nhau trông giống một đường hầm đầy hoa trắng toát. Xung quanh có nhiều nhà trồng những loại hoa đào rủ đặc biệt giống như những cây liễu rủ mang thêm hàng trăm hoa trắng điểm hồng.

Sáng hôm sau, trời nắng tốt chúng tôi cùng nhau đi thăm công viên Ueno, nổi tiếng nhất ở Đông Kinh về hoa đào.

- **Di chuyển**

Phần lớn những ngày ở Nhật chúng tôi dùng tàu điện ngầm - Subway - để di chuyển, vừa khỏi bị kẹt xe, vừa rẻ tiền.

Thành phố Tokyo có dân số đông nhất nhì thế giới, phương tiện di chuyển công cộng rất nhiều và tiện lợi như xe hỏa, xe bus, xe điện hầm, xe lửa tốc độ nhanh Shinkansen giống như TGV ở Pháp. Phương tiện riêng thông dụng nhất vẫn là đi bộ, ít ai lái xe trong thành phố vì hiếm chỗ đậu. Xa lộ thường hai tầng chồng lên

nhau, đường xe lửa lại nằm trên cao nên nhìn lên chằng chịt không biết bao nhiêu đường sá. Điều đặc biệt là hệ thống xe điện hầm tối tân và rộng lớn hơn cả ở Paris, mỗi lần nhoi lên mặt đất phải tìm đúng hướng đông tây nam bắc, nếu muốn hẹn nhau cũng vậy. Lạc hướng thì phiền lắm vì rất ít người Nhật hiểu tiếng Anh hoặc giả vờ không biết để khỏi mất thời giờ quý báu của họ. Một điều mà chúng tôi sau này mới để ý là họ tưởng mình là kiều bào Nhật hải ngoại, mất gốc rồi nên không nói tiếng

Nhật được. Nghe mình hỏi bằng tiếng Anh họ không thèm trả lời chứ họ có ngờ đâu mình là người Việt Nam!

Đặc biệt là xe và bến xe rất sạch sẽ, không có mùi khai... nước đái của Paris!

Khách đứng sắp hàng nối đuôi nhau để lên xe rất lịch sự, dù đông đúc vẫn không có cảnh dành nhau chen lấn.

Lên xe xong khách thường kiếm chỗ ngồi hoặc đứng rồi nhắm mắt ngủ, phần lớn ngồi đọc sách tuyệt nhiên không có tiếng nói chuyện ồn ào. Ít có dân tộc nào ham đọc sách như dân Nhật.

Hệ thống giao thông ở Tokyo và Kyoto được phát triển từ ngàn xưa, vào khoảng thế kỷ 18 nhờ nhiều lý do, dân chúng đông đúc, đất đai eo hẹp, nhu cầu di chuyển.

Đi ngược dòng lịch sử, trước năm 1868 nước Nhật có hai chính quyền. Chính quyền của Thiên Hoàng ở Kyoto và chính quyền của giai cấp võ sĩ - Samurai - đứng đầu là Shogun - tướng quân. Shogun tổ chức một guồng máy chính quyền gồm phần kiểm soát và điều hành giai cấp Samurai, quản lý vấn đề hành chánh, đất đai, thâu thuế má, đảm nhiệm luôn ngành tư pháp nên dần dần dân chúng xem chính quyền này là chính quyền trung ương thay vì triều đình Thiên Hoàng.

Tokugawa Keiki là Shogun cuối cùng bị lật đổ năm 1868 để từ đó Nhật chỉ còn có một chính quyền duy nhất của Thiên Hoàng.

Ngày xưa mỗi địa phương có một sứ quân - Daimyo - làm vua một cõi nhưng phải phục tùng Shogun ở kinh đô. Theo truyền thống mỗi sứ quân bắt buộc phải có tư dinh ở Kyoto, để vợ con trú ngụ ở đó làm con tin, trừ phản loạn. Do đó dù là quan lớn, người nào cũng phải thường xuyên lo về thăm vợ con và mỗi lần đi về như thế đem theo quân lính, gia nhân có khi cả ngàn người. Nhờ đó hệ thống đường xá được mở mang. Chợ búa, hàng quán được xây cất liên miên theo nhu cầu.

Hệ thống xe lửa siêu tốc Shinkansen, một kỳ công kỹ thuật của thế giới, được khởi sự xây từ năm 1956 và hoàn tất vào năm 1965, nối liền Tokyo với Osaka và sau này với các tỉnh khác với vận tốc gần 300km/giờ.

Xe khởi hành và đến bến, nổi tiếng đúng giờ. Trên xe có máy lạnh, ghế ngồi rộng rãi, êm ái. Mỗi cuối toa có chỗ rửa mặt và đặc biệt nhất là có hai loại cầu tiêu, một loại

cầu cao như thường dùng ở Mỹ gọi là Western style, một loại cầu kiểu Nhật - Japanese style - giống như mình hay dùng ở Việt Nam để du khách tùy nghi xử dụng. Dùng kiểu Nhật chúng tôi có dịp được thưởng thức lại thế ngồi chồm hổm rất thoải mái và "mát mẻ".

- **Công viên Ueno**

Đây là một trong ba công viên nổi tiếng với những cây đào được trồng xung quanh đền Tojugawa từ thời Edo xa xưa. Dọc hai bên công viên là hàng trăm cành hoa thật dài vươn ra, dăng qua dăng lại, làm thành một cái trần bằng hoa trắng như tuyết, phía dưới có những ô vuông plastic màu xanh được trải sẵn để dân chúng đến ngồi ngắm hoa, uống Sake ngâm thơ, đàn ca những điệu nhạc cổ truyền hoặc những bài tân nhạc Karaoke từ sáng sớm cho đến khuya.

Chúng tôi cũng nhập bọn với họ, tìm chỗ ngồi, ăn uống hò hét rất vui nhộn.

- **Đông Kinh**

Khi tôi trở lại Tokyo gần 20 năm sau tôi nhận thấy một sự thay đổi to lớn với lối kiến trúc tân kỳ và đời sống văn minh hơn. Tokyo là một trong những thành phố đông nhất thế giới với dân số 12 triệu người.

Dân số toàn quốc Nhật là 121 triệu (1986) gần gấp đôi dân số Việt Nam, sống trên một diện tích 314.212 km vuông gần bằng diện tích Việt Nam (329.465 km2).

Tuy xứ có động đất nhiều nhất nhưng Đông Kinh có rất nhiều khu phố gồm nhiều nhà khá cao, nhiều tầng lầu. Ở thôn quê dân chúng cũng ở nhà 2, 3 tầng, mái này nằm trên mái kia san sát nhau vì thiếu đất.

Tokyo chia ra nhiều khu như: Ginza, Shibuya, Harajuku, Shinzuku, Ikebukuru, Hibiya, Asakusa.

Ginza là khu phố đẹp, lịch sự và hào nhoáng nhất của Tokyo. Ginza đồng nghĩa với Shopping center và làm tựa đề cho nhiều bài hát nổi tiếng như Ginza Rapsody, Ginza for Two.

Đầu tiên là một bãi đầm. Ginza được xây dựng và phát triển từ thời Minh Trị. Bị cháy năm 1872, chính phủ Nhật đã thuê nhà kiến trúc danh tiếng Anh Josiah Condor vẽ đồ án và xây cất nên khu phố có những đại lộ rộng rãi, những tòa nhà đồ sộ không thua gì Paris hay London.

Sau Thế chiến thứ hai Ginza là khu phố đầu tiên được tái thiết với những cửa hàng bán những áo quần thời trang, những tiệm ăn đắt tiền. Đi dạo trên phố Ginza chúng tôi có cảm tưởng như đi giữa lòng một thành phố danh tiếng Âu Châu.

Vật giá ở Tokyo nếu tính ra tiền dollars thì đắt kinh khủng, một chiếc chemise thường thường cũng trị giá cả trăm dollars. Một bộ veste cỡ $1,000. Một cái Hamburger $10, một đĩa cơm $8, một ly nước cam vắt $6. Một trái xoài $8. Một trái dưa hấu $30. Chúng tôi thử mua 8 con cá nục để về nhà làm bún cá tốn hết 28 dollars!

Vào nhà hàng ăn một miếng Steak phải sáu, bảy chục dollars, Kobe steak phải trên $100.

Từ lâu, nghe vật giá ở Nhật đắt đỏ, hôm nay có thấy tận mắt mới tin. Đời sống tuy đắt đỏ như vậy nhưng dân chúng vẫn ăn uống, mua sắm tấp nập. Nhờ đồng Yen có giá trị nên người Nhật thích đi du lịch và tha hồ tiêu tiền ở nước ngoài.

- **Meiji Jingu Shrine**

Ngày thứ hai ở Tokyo chúng tôi đi thăm đền thờ Minh Trị Thiên Hoàng, vị vua trẻ tuổi đã bãi bỏ chính sách bế môn tỏa cảng, cải cách sâu rộng và canh tân xứ sở, để bắt đầu từ đó đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến thành một quốc gia tiên tiến, phồn thịnh. Đây là đền thờ dân Nhật và du khách thăm viếng nhiều nhất. Đền được xây cất theo kiến trúc Shinto, khánh thành vào năm 1920. Hai cổng lớn đi vào làm bằng 2

cây gỗ thông to và rất cao đã sống đến 1700 năm.

Từ cổng vào đến đền là một công viên rộng lớn với hàng cây cổ thụ đầy bóng mát nằm xung quanh một hồ trồng sen thơ mộng như hồ Tịnh Tâm ở Thành nội, phía sau là Tea house để khách uống trà ngâm thơ. Đền là một nhà lớn hai mái đen, tứ phía là những nhà ngang, giữa có sân rộng.

Vì mưa nên chúng tôi không vào được bên trong đành bắt chước những người Nhật đứng ngoài vái vọng vào đảnh lễ.

Rời đền Meiji chúng tôi đi dạo phố Omotesando. Ở đây họ bán đủ đồ tiểu công nghệ từ con búp bê Nhật cho đến đồ sứ, đồ đan, tranh ảnh...

- **Shibuya**

Shibuya là một trong những khu phố buôn bán sầm uất. Đặc biệt ở khu phố này có tượng của con chó trung thành tên Hachi.

Đây là chuyện có thật, chủ của con chó là một giáo sư ở Tokyo University. Mỗi sáng Hachi theo chủ đến trạm xe điện hầm Shibuya rồi trở về, chiều trở lại đón chủ, cứ như vậy trong mấy năm liền. Bỗng một hôm ông giáo sư bị đứt mạch máu chết, không trở về nhà nữa nhưng con chó trung thành Hachi vẫn đêm đêm đi đến nhà ga chờ chủ, cho đến khi chết vào năm 1935. Tất cả báo chí đều đăng tin này, cả nước đều biết và tỏ lòng thương tiếc, tạc tượng để tưởng niệm. Sự trung thành đối với người Nhật là một đức tính rất quan trọng. Người dân trung thành với tổ quốc, công nhân trung thành tuyệt đối với hãng xưởng.

Khu Hachito còn là nơi hẹn hò của trai gái. Nơi đây xưa kia còn có văn phòng của một nhà văn ẩn danh nhưng rất giỏi, chuyên môn viết thư tình dùm cho gái Nhật gửi cho lính Mỹ.

- **Shinzuku**

Chúng tôi đến thăm khu Shinzuku vào buổi tối, đây là khu ăn chơi của giới bình dân nên giá cả tương đối rẻ.

Ga xe điện hầm Shinzuku lớn nhất với hàng ngày có gần cả triệu người qua lại! Khách bộ hành từ bảy tám ngả tuôn ra, nhìn chóng cả mặt.

Nhà cửa rất cao, mặt tiền quảng cáo bằng điện rợp trời còn hơn cả giàng đèn Las Vegas.

Ở đây có những tiệm Ciné phim chéo, những hộp đêm thoát y đầy nghệ thuật, những nơi uống Sake nghe Geisha đàn hát và cũng là nơi có những sòng bài sát phạt.

Ăn cơm Nhật mãi ớn quá chúng tôi đổi qua ăn cơm Tàu ở tiệm có tên Hong Kong, một con vịt quay Bắc Kinh giá đến $80, nhưng không ngon bằng Peking duck ở Little Saigon.

- **Khu điện tử Akihabara.**

Bước vào khu điện tử chúng tôi hoa cả mắt. Từng tòa nhà cỡ mười mấy từng trưng bày đủ loại Video, Camera, Tivi, Projector, máy lạnh, máy ảnh v.v... có thể gọi cả rừng máy móc.

Tầng dưới lầu thường dành riêng cho những máy móc bán cho người ngoại quốc,

có lời chỉ dẫn bằng tiếng Anh, còn các từng trên bán cho dân Nhật. Hàng hóa bán cho người ngoại quốc hay xuất cảng thường của những hãng lớn như Sony, Panasonic, Toshiba v.v... còn hàng tiêu thụ trong nước thì nhiều hơn, nhiều tên hãng nghe lạ tai, phần lớn rất hiện đại và rẻ vì họ phải cạnh tranh với các hãng lớn.

Chúng tôi vào một cửa hàng chuyên môn bán đèn, mặt hàng được trưng bày trong 6 tầng lầu, đủ thứ đèn cho ngoài sân, trong bếp, trong buồng tắm, những đèn trần lóng lánh những hạt pha lê đáng giá chục ngàn đô.

- **Hibiya**

Hibiya nổi danh với những nhà hát kiểu Nhật và những rạp chớp bóng sang trọng. Danh tiếng nhất là hí viện Takarazuka.

Đi ngang qua chúng tôi thấy họ đang diễn tuồng Phantom of Opera và đang quảng cáo tuồng Miss Saigon.

Về phim ảnh họ đang chiếu JFK và My Girl. Vào hỏi thăm được biết vé vào cửa chỉ có 18 đô thôi!

- **Asakusa**

Asakusa là khu bán đồ tạp hóa dành cho du khách. Đó là một khu phố nhỏ và thấp, dọc theo mái nhà hai bên là những dẫy đèn tròn lợp giấy màu đỏ có đuôi bằng những giải dây dài. Mình nhìn thấy lồng đèn nào cũng tưởng giống nhau nhưng thật ra mỗi chiếc có tên hiệu quảng cáo của mỗi hãng khác nhau. Họ bán đủ đồ từ áo Kimono đến những kỷ vật như quạt, tranh ảnh, chén đĩa, mỹ phẩm v.v...

- **Harajuku**

Là khu dành cho giới trẻ được mệnh danh là kinh đô của tuổi trẻ ở Tokyo. Ở nơi này chúng tôi nhận thấy họ bán những áo quần theo thời trang mới nhất và được ưa chuộng nhất.

Hồi xưa người Nhật ăn mặc rất cổ kính như những nhà hiệp sĩ, còn phụ nữ thì mặc áo Kimono che phủ từ cổ đến chân. Đến năm 1871-1872 bắt chước Tây Âu chính phủ ra lệnh cải tổ, buộc đàn ông phải cắt tóc ngắn và mặc Âu phục, đi giày da. Từ đó Âu phục được dùng trong các lễ chính thức thay thế cho những bộ triều phục nặng nề.

Ở Nhật ra đường đàn ông ai cũng mặc complet thắt cà-vạt, đàn bà trang điểm và diện đồ bộ sang trọng, nhìn vào thấy ngay một xã hội sung túc, một đời sống giàu có sướng mắt. Bây giờ rất hiếm thấy đàn bà Nhật mặc Kimono ra đường.

- **Thành phố dù**

Ngày thứ hai ở Tokyo chúng tôi gặp phải trời mưa, nhưng không sao, dọc đường đã có nhiều tiệm bán dù, chẳng ai mặc áo mưa cả cho nên người Nhật thường hay múa dù là vậy. Trên đường phố nhìn thấy đủ loại dù, đủ màu sắc tô điểm thêm những nét đặc thù của Tokyo. Bước vào mỗi tiệm đã có bao nilon để sẵn cho mình bao dù lại và có những giá để dù có khóa tự động để giữ dù khỏi bận tay cầm và khỏi mất.

- **Kyoto**

Vào ngày thứ tư ở Nhật chúng tôi lấy tàu có tốc độ nhanh tên Hakari để đi Kyoto. Hành khách có cảm giác như tàu đang rời Tokyo nhẹ nhàng không một chút rung chuyển, chạy dọc qua các khu nhà cao ngất. Dọc đường chúng tôi được dịp ngắm núi Phú Sĩ hùng vĩ, với lớp tuyết phủ trắng ở đỉnh đầu.

Cố đô Kyoto giống như Huế, là một thành phố rất thơ mộng, duyên dáng, đặc biệt gồm những đền đài lịch sử, những tòa nhà tư nhân toàn làm bằng gỗ. Dù bị cháy nhiều lần, Kyoto cũng được xây dựng lại bằng gỗ.

Đường sá sạch sẽ, hai bên trồng hoa, dọc bờ sông có những hàng liễu rủ phất phơ

trước gió, xen kẽ với những dãy hoa đào nở rộ. Khách bộ hành mỗi khi qua đường phải chờ đèn chớp màu xanh cho phép lại được nghe thêm tiếng chim hót phát ra từ một chiếc loa nhỏ nằm che lấp sau cột đèn. Qua mỗi ngả đường, khách được nghe một giọng chim hót riêng, hoặc tiếng chim sẽ, tiếng chim cu, hoặc tiếng chim chích chòe v.v... Tiếng hót tuy giả tạo nhưng rất vui tai làm mình cảm thấy một chút gì thơ mộng trong một xã hội quá máy móc, xô bồ.

Kyoto được xây cất từ năm 793 là kinh đô của Nhật cho đến đời Minh Trị Thiên Hoàng 1868. Kyoto đã trải qua nhiều thời hưng thịnh tùy theo ảnh hưởng của phe Sứ quân, nhưng Nhật Hoàng luôn luôn vẫn được xem như thần linh, là sự liên hợp với mặt trời và Thượng đế nên rất được tôn thờ.

Dù có những thời kỳ các Sứ quân chiếm chính quyền cai trị, Vua vẫn được họ để yên sống ở Kyoto không bị giết, để tránh hậu hoạn như ở Trung Hoa hay ở nước mình.

Kyoto có hàng trăm đền thờ Shinto (shrine) và chùa Phật được xếp vào loại di tích lịch sử, được trùng tu thường xuyên. Chúng tôi may mắn được viếng thăm chùa Sanjusangendo nằm ở phía đông nam thành phố với hơn 1.000 tượng Phật đứng bằng đồng, cao bằng người thật. Giữa chùa có tượng Phật Quan Thế Âm thật lớn, nhiều đầu và nhiều tay tượng trưng cho công dụng vi diệu của thiên thủ, thiên nhãn, phía trước là tượng các vị thần sấm, thần sét...

Kyomitzu Temple là một ngôi đền tuyệt đẹp, hùng vĩ nằm cheo leo trên một ngọn đồi, có một tầng lan can nhô ra khỏi triền núi. Đứng trên nhìn xuống là một vườn hoa đào trắng xóa, nhìn ngang là thành phố Kyoto trải dài trước mặt. Đường lên chùa gập ghềnh, hai bên san sát những tiệm bán đồ kỷ niệm.

Chúng tôi cũng bắt chước những du khách Nhật đến trước đền, dùng dây kéo chuông gọi thần thánh, xong bỏ tiền vào thùng phước sương rồi chắp tay cầu nguyện.

Theo lòng tin của người Nhật phải rung chuông mới đánh thức thần dậy và phải bỏ tiền cầu nguyện mới linh ứng. Mọi người thăm đền xong kéo nhau xuống núi uống nước thánh chảy từ các mạch suối nhỏ.

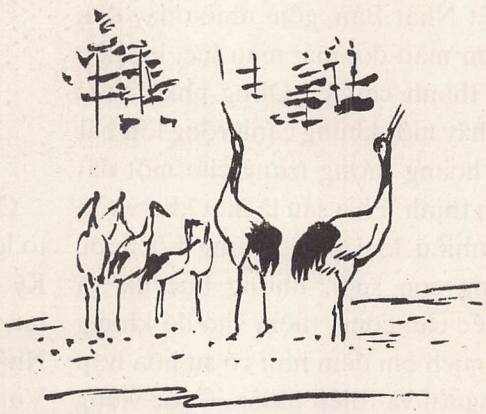

- **Nijo Castle**

Nijo là lâu đài nằm phía tây thành phố được xây cất từ năm 1608 do Sứ quân Tokugawa Ieyasu, người sáng lập đời Shogun cuối cùng. Lâu đài này của Ieyasu dùng làm tư thất mỗi lần từ Edo đến Kyoto. Chúng tôi đã được nhìn những phòng khách trang trí với những bức họa nổi tiếng của Kano Tanyo. Đi nhè nhẹ trên nền nhà của Shogun vẫn nghe tiếng động giống như chim kêu. Đó là kỹ thuật ngày xưa để phát hiện sự đột nhập vào tư dinh của thích khách, vì thời xưa làm gì có hệ thống báo động như bây giờ.

Cảnh đẹp nhất mà chúng tôi được viếng thăm là chùa Kinkaku-Ji còn được gọi là Chùa Vàng - Golden Pavillon. Chùa được xây cất trên một mặt hồ với đủ các loại hoa vây quanh, những cành thông xanh cao vút và những rặng liễu rủ rất nên thơ. Mặt

ngoài chùa tứ phía được giát bằng vàng thật sáng chói tốn phí hàng chục ngàn lượng. Chùa chia làm 3 tầng, phía dưới kiến trúc theo lối Nhật, tầng giữa kiến trúc theo lối Phật và phía trên theo lối Thiền. Cảnh đẹp nhất là nhìn thấy Chùa soi mình, phản ảnh trên mặt nước với màu vàng lóng lánh bao phủ bởi hoa lá cành tuyệt vời.

- **Heian Shrine**

Nằm về phía bắc thành phố, được xây dựng năm 1885 để kỷ niệm năm thứ 1.100 Kyoto trở thành Thủ đô, với lối kiến trúc rất đặc biệt Nhật Bản, gồm nhiều dãy đền nhỏ cột sơn màu đỏ, mái màu lục, kế tiếp nhau làm thành chữ U. Đứng phía trước nhìn vào thấy một khung cảnh rộng lớn bát ngát, huy hoàng tượng trưng cho một đất nước phồn thịnh. Phía sau là một khu vườn rộng với nhiều loại đào, những hồ nước nhỏ, những con suối, những bục đá và những chiếc cầu cong, thêm vào đó khung cảnh tĩnh mịch êm đềm như có sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Cuộc viếng thăm nơi này đã để lại trong tâm hồn chúng tôi một sự thảnh thơi thích thú. Vào các đền của Nhật phần nhiều đều phải đóng tiền, có nhiều nơi họ tặng du khách những lá bùa hộ mệnh.

Đền đài là nơi sinh hoạt của các gia đình Nhật. Trước khi bé được ra đời, người mẹ mang thai hay đến cầu nguyện để cầu xin mẹ tròn con vuông. Người mẹ thường mang khăn Hara-maki cho ấm bụng mình và che chở cho con. Trẻ sơ sinh sau đó được mẹ mang đến dâng cho Thượng đế. Khi lên 3, 5, 7 tuổi con cái được đem đến đền làm lễ cầu an và khi trưởng thành 20 tuổi làm lễ gọi là Shi-chi-go-san.

- **Hoàng thành Kyoto**

So với Đại nội Huế thì Hoàng cung ở Kyoto nhỏ hơn nhiều có lẽ vì thiếu đất. Hoàng cung được bao bọc bằng những bức thành cao phía dưới là những hồ nước trong veo nhưng không trồng sen, phía trong là vườn Thượng uyển.

Đây là nơi cư ngụ của 26 đời vua Nhật từ lúc xây cất đầu tiên vào năm 794 cho đến đời Minh Trị Thiên Hoàng 1868. Hoàng cung gồm những tòa nhà cũng bằng gỗ nên đã bị cháy nhiều lần. Phía giữa là điện Shishinden, nơi dùng để tế lễ và làm lễ đăng quang. Đứng nhìn từ phía ngoài, trong khung cảnh uy nghi, chúng tôi có cảm tưởng như đang đứng trước điện Thái Hòa ở Đại nội Huế.

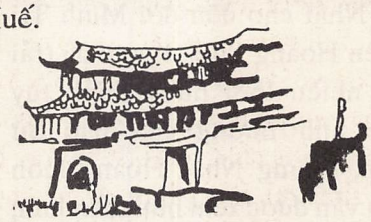

Ở đây không có những công trình xây cất to lớn và mỹ thuật như cửa Ngọ Môn hoặc Kỳ đài ở Huế, không thấy cảnh tam cung lục viện như ở Trung Hoa, Hoàng cung của Nhật Bản không tỏ ra nét hoang phí của Vua chúa thời xưa. Nhìn hàng đoàn du khách viếng thăm Hoàng cung, trong phút chốc tôi nghĩ đến đất nước mình, bao nhiêu đền đài, lăng tẩm cũng nguy nga, đồ sộ, đẹp đẽ không kém Nhật đã không được trùng tu và không được gìn giữ đúng mức.

Hoàng cung hiện nay ở Tokyo cũng có một vài nét kiến trúc tương tự. Chúng tôi đến thăm phải băng qua một công viên thật lớn trồng nhiều thông. Khách chỉ được nhìn ngắm một góc thành lũy xây cao rất kiên cố và mỹ thuật. Dưới chân thành có hồ nước trong xanh vây quanh với đám cá vàng uốn lượn.

Xa xa ẩn hiện trong các vòm cây xanh cao là một ngôi nhà nhiều tầng sơn màu trắng trong, nhiều mái cong lợp ngói xanh, điển hình của nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản, chỗ Nhật Hoàng Akihito hiện nay đang ở, du khách không được phép vào thăm như ở Kyoto.

• **Ăn uống**

Ở Mỹ ra khỏi nhà là leo lên xe. Ở Nhật phải đi bộ nhiều nên dễ bị khát và mệt. Tuy nhiên ở các góc đường đều có những tủ hàng tự động bán đồ giải khát từ những lon Coca-Cola lạnh, đến những ly Café nóng, còn có một loại nước đặc biệt tên gọi Regain. Đó là tổng hợp của sâm và sinh tố, uống vào một chai thấy khỏe người ngay. Ngày xưa người Nhật ăn rất ít thịt, món ăn chính của họ là rau, cá, rong biển, đậu nành, trứng. Họ thích ăn sống hoặc nướng, đặc biệt thức ăn chiên bột gọi là Tempura.

Lối nấu ăn Nhật với vị ngọt ngọt không hợp với khẩu vị người mình. Một tô mì khô hay một đĩa cơm với su xào cộng thêm một cái trứng chiên là thức ăn trưa bình dân (giá 5 dollars). Bây giờ người Nhật được khuyến khích ăn thịt nhiều hơn với món ăn truyền thống của họ là Sukiyaki.

• **Sách vở báo chí**

Sách vở báo chí được bày bán khắp nơi, đủ ngành đủ loại, những kệ bán sách báo lớn hơn ở Mỹ. Những tập san Time, Newsweek, Playboy hay Penthouse đều được dịch ra tiếng Nhật, họ còn in nguyên cả album của mỗi nữ minh tinh nổi tiếng nhất với những đường nét ngoạn mục để người đọc tha hồ ngưỡng mộ (giá không phải 2, 3 dollars mà 2, 3 chục đô). Nhiều khi chẳng cần đọc báo ở nhà vì khắp các khu phố đã có những màn truyền hình thật lớn và thật cao chạy tít những tin tức thời sự và thời tiết, nếu thấy họ chiếu cái dù là biết trời mưa rồi.

Các Siêu thị ở Tokyo rất lớn và rất nhiều, bày bán đầy đủ các mặt hàng giống ở Mỹ, có thể họ đã bắt chước Mỹ nhưng số nhân viên đứng bán hàng gấp đôi so với ở Mỹ.

Hãng xưởng ở Nhật xử dụng rất nhiều nhân công cho nên rất ít người thất nghiệp. Xe vừa đến khách sạn đã có một chú lùn đến mở cửa, một chú khác đứng cúi gập thân mình xuống. Khách bước vào khách sạn gặp hai chú khác cong mình cúi xuống, đi vào trong có hai nàng nữa cũng cúi đầu chào, rồi mới đến anh chàng vác valise cho mình vào phòng. Xong chỉ còn giữa khách và anh nhân công, khách đưa chút tiền Tip, anh ta nhất định từ chối.

Khi người Nhật cúi mình chào khách, đó không phải phép lịch sự mà là thái độ của cấp dưới đối với cấp trên của thời xưa còn sót lại. Xã hội Nhật cũng chia làm sĩ nông công thương, nhưng sĩ ở đây là võ sĩ Samurai mang gươm dài, gươm ngắn chứ không phải kẻ sĩ dài lưng tốn áo ăn no lại nằm như xã hội mình hồi xưa.

Bây giờ xã hội bị đảo ngược, thương gia giàu có có lẽ được sắp bậc nhất, tuy nhiên giai cấp quý tộc vẫn được trọng vọng. Sinh viên tốt nghiệp Trung học cố làm sao được nhận vào những trường Đại học lớn danh tiếng chắc chắn sẽ có một tương lai bảo đảm.

Nhật là những người bắt chước bậc thầy. Khi xưa thấy Tàu giỏi, họ gởi người qua Tàu học. Đến hậu bán thế kỷ 19 nhận thấy Tây phương có nền khoa học tiến bộ, họ gởi người qua Đức, Pháp, Anh học hỏi. Hay hơn nữa chẳng cần phải đợi sinh viên học thành tài trở về giúp nước, họ thuê ngay chính những chuyên viên tài giỏi ngoại quốc đủ mọi ngành về Nhật làm việc cho kịp thời. Cái gì hay họ bắt chước. Họ không có mặc cảm miễn rằng điều đó giúp cho nước giàu dân mạnh. Họ thuê luôn cả người viết Hiến pháp, phác họa đường lối ngoại giao hiện đại, nghiên cứu lịch sử.

Nước ta cũng có những vị tiền bối thấy xa hiểu rộng như cụ Phan Bội Châu cổ xuý phong trào Đông Du gởi sinh viên qua Nhật học nhưng không thấy kết quả, chẳng thấy ai giỏi trở về. Người Nhật rất khôn ngoan, khó mà học được gì của họ vì trở ngại ngôn ngữ. Bao nhiêu sách vở, báo chí Tây Âu thi nhau đăng tải tức khắc những

kết quả nghiên cứu khoa học tiến bộ nhất thì người Nhật chỉ việc mua về nghiên cứu thêm, còn những phát minh của Nhật ít khi thấy trình bày trên báo chí, giả dụ có đăng báo, người Tây phương làm sao hiểu nổi tiếng Nhật.

*

Nói về sự thành công và thịnh vượng của nền kinh tế Nhật phải kể công đức của Minh Trị Thiên Hoàng. Trong khi ở Trung Hoa triều đình nhà Thanh và ở nước ta dưới triều Tự Đức thực thi chính sách bế môn tỏa cảng thì Minh Trị Thiên Hoàng cùng với lớp sĩ phu biết nhìn xa thấy rộng, mở cửa đón nhận, học hỏi và bắt chước những tiến bộ của văn minh Tây phương để bắt kịp với đời sống Âu Mỹ. Sau khi bắt kịp Nhật đã bành trướng thế lực qua chính sách thuộc địa, đánh chiếm các nước lân bang như Đài Loan, Triều Tiên, một phần Trung Quốc. Dưới chiêu bài Đại Đông Á họ đã đưa chiến tranh tàn khốc đến Miến Điện, Nam Dương, Phi Luật Tân, Mã Lai, Việt Nam... giết bao nhiêu sinh mạng. Dưới chiêu bài Khối Thịnh Vượng Chung Đông Nam Á họ đã vơ vét tài nguyên, tịch thu lúa gạo để nuôi quân và chở về xứ, gây nên nạn đói năm Ất Dậu ở nước ta.

Chính sách bóc lột và thái độ khinh khi người Á Châu của quân đội Nhật đã gây nên biết bao tang thương cho người Viễn Đông.

Sau Thế chiến thứ hai và sau khi bị bại trận, người Nhật bắt đầu kiến thiết lại đất nước của họ. Nền kinh tế được chuyển mình vì nhiều lý do. Quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật không trực tiếp cai trị, không có chính sách bóc lột sắt máu như người Nhật tưởng mà trái lại thi hành một chính sách khoan hồng, cố vấn, nhằm mục đích xóa bỏ chế độ Quân phiệt Nhật và giúp dân chủ hóa xã hội Nhật Bản. Nhờ sự chiếm đóng của Mỹ, Nhật không phải lo chi phí về quốc phòng nữa. Với guồng máy chiến tranh to lớn sẵn có tuy bị phá hủy khá nhiều nhưng họ đã nhanh chóng biến đổi những nhà máy đã từng sản xuất máy bay, xe tăng, súng đạn sang sản xuất hàng hóa tiêu thụ. Với lòng tự ái dân tộc, họ làm việc cần cù, chịu khó học hỏi, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật tự giác. Họ học lấy điều hay của người đem làm sở trường của mình và biến chế thêm cho hoàn mỹ.

Làm việc cho hãng sở họ hăng say như làm cho chính mình và có một sự trung thành tuyệt đối, không nhảy sở để tìm tăng lương như ở Mỹ. Về đời sống cá nhân họ biết tiết kiệm, sống đơn giản để dành tiền gây vốn đầu tư.

Chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam là hai cơ hội giúp cho nền kinh tế Nhật Bản vươn mạnh lên vì Nhật là hậu phương cung cấp súng đạn và những phương tiện khác cho đoàn quân viễn chinh Mỹ.

Theo gót chân Nhật, các nước nhỏ hơn như Triều Tiên, Đài Loan, Tân Gia Ba, Thái Lan đã và đang lo phát triển về kinh tế và kỹ nghệ để trở nên giàu mạnh.

Trong khi đó dân chúng mình ở Việt Nam đang sống trong cảnh lầm than, mọi rợ. Người Việt Nam ta được nổi tiếng thông minh, chịu khó cần cù làm việc bắt buộc phải noi gương theo người Nhật và dân các nước láng giềng - Hy vọng một ngày gần đây Con Rồng Việt Nam sẽ vùng dậy đánh đổ chế độ chính trị khát máu, kinh tế lỗi thời, sau đó canh tân xứ sở để đưa đến cảnh dân giàu, nước mạnh - Ngày đó, lẽ tất nhiên, Huế không còn có mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn nữa, mà là một Kyoto đẹp và thơ.

**• Võ Tùng**

Cali Hè 1992

Tài liệu tham khảo:
- Tokyo City Guide: Mayuma Yoshida
- Nhật Bản cận đại: Vĩnh Sinh

# Cầu Trường Tiền

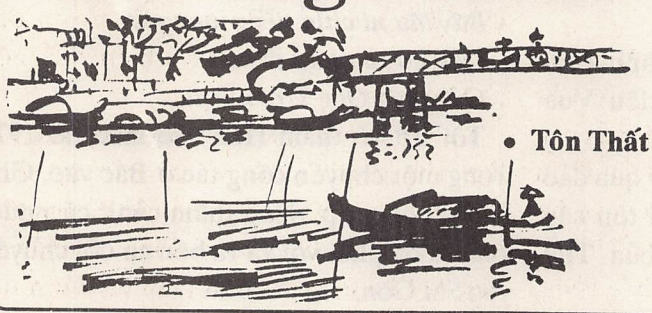

• Tôn Thất Ngọ

Cầu Trường Tiền, một kiến trúc quen thân của cố đô Huế... Nếu có ai nhắc đến tên cầu là chúng ta bồi hồi nhớ lại những hình ảnh êm đềm xa xưa, vui có buồn có, mà ngây ngô cũng có.

Nhớ đến Huế là nhớ đến sông Hương, mà nhớ sông Hương là phải nhớ đến cầu Trường Tiền 6 vài 12 nhịp.

Trước năm 1899, người dân xứ Huế chỉ dùng những chuyến đò ngang để sang sông: đò Kim long, đò Nhà Đồ, đò Thừa Phủ, đò Trường Tiền, đò Cồn...

Vào cuối thế kỷ 19, để bành trướng Chủ nghĩa Thực dân trên ba miền đất nước, Pháp mới cho bắt đầu mở mang đường sá cầu cống. Quốc lộ 1 nối liền Nam Bắc được thực hiện; cầu Trường Tiền được xây cất để thay thế cho một bến đò cạnh Khu Công chánh Huế.

Cầu Trường Tiền được khởi công xây cất năm 1897 do Hãng thầu Eiffel thực hiện và hoàn tất năm 1899. Toàn bộ cầu gồm 6 vài, dài tổng cộng lối 400m. Mỗi vài dài lối 67m. Tất cả được tựa trên hai đà sắt chính hình vòng cung được lắp ghép bởi vô số đinh tán nướng đỏ trong lò than và tán ngay tại chỗ bằng búa tạ. Bề ngang của cầu rộng 6,20m. Sàn cầu lúc bấy giờ được lót bằng ván gỗ lim. Hai bên cầu lúc này chưa có lề bộ hành.

Một giai thoại lịch sử của cầu này làm tôi nhớ mãi:

Ngày đặt viên đá đầu tiên để khởi công công tác, viên Khâm sứ Pháp đã nói với Vua Thành Thái:

"Khi nào cây cầu này gãy thì Nhà nước Bảo hộ sẽ trả lại nước An Nam cho Bệ hạ."

Bảy năm sau, một vài cầu bị bão năm Thìn thổi bay xuống sông. Trong một buổi lễ, Vua Thành Thái hỏi ngay ông ta:

"Thế nào, cây cầu đã gãy rồi đấy!"

Viên Khâm sứ ngượng ngùng không biết trả lời sao đành nói sang chuyện khác.

Sau trận bão năm Thìn cầu được tu sửa lại vào năm 1906. Lần này thì sàn cầu được đúc bằng bê-tông cốt sắt thay thế cho sàn ván gỗ nên có câu hò:

*Chợ Đông Ba đem ra ngoài dại*
*Cầu Trường Tiền đúc lại xi-mon*
*Ơi người lỡ hội chồng con*
*Về đây gá nghĩa vuông tròn với ta.*

Qua năm 1937 cầu mới được đại tu bổ lại. Lần này cầu được mở thêm hai lề hai bên dành cho bộ hành và xe đạp.

Lúc này là lúc chúng ta thấy xuất hiện những tà áo phất phơ của các nữ sinh Huế với mái tóc thề xõa xuống bờ vai dưới những vành nón che nghiêng nửa mặt. Bóng dáng dịu hiền của các cô gái Huế thướt tha trên cầu đã một thời tô điểm thêm vẻ nên thơ cho xứ Huế.

Trong cuộc nổi dậy của toàn dân chống Thực dân Pháp, cầu bị giật sập hai vài về phía tả ngạn vào mùa Giáng Sinh năm 1946. Sau đó cầu được sửa tạm để xử dụng. Mãi đến năm 1953 cầu mới được sửa chữa lại như cũ.

Rồi biến cố Mậu Thân xảy đến, cầu Trường Tiền lại một lần nữa bị phá hoại. Lần này một trong hai vài vì bị hư hại nặng nên phải phá bỏ để thay thế bằng một vài cầu tạm sàn ván gỗ.

Kể từ ngày cầu được xây cất đến nay, cầu có tất cả bốn tên gọi sau:

- Khởi đầu, cầu có tên là cầu Thành Thái vì cầu được khánh thành dưới triều Vua Thành Thái.

- Sau khi Vua Thành Thái bị đày qua đảo Réunion, thực dân Pháp tự ý đổi tên cầu này là cầu "Clémenceau", tên của Thủ tướng Pháp.

- Sau ngày đảo chánh Nhật (1945), Chính quyền địa phương lại đổi cái tên Tây trên thành cầu Nguyễn Hoàng, và từ đó đến nay các chuyên viên Miền Nam vẫn dùng tên này trong các hồ sơ kỹ thuật.

- Nhưng người dân xứ Huế ít ai thích dùng ba tên nói trên mà chỉ dùng cái tên "*Trường Tiền*" mà thôi. Cầu được mang tên này là vì cầu được xây cất cạnh Sở đúc tiền mà dân địa phương quen gọi Sở này là Trường Tiền

Cầu Trường Tiền đã bao lần bị thiên tai và chiến tranh dày xéo đến rêm mình. Nó cũng đã từng chứng kiến và đau lòng trước bao cảnh hưng vong của lịch sử.

Không có cầu Trường Tiền, Huế sẽ không còn là Huế đẹp Huế thơ nữa. Khác với cầu Giã Viên vừa "đen thui" vừa "cứng ngắt", và cầu Sông Hương vừa "lùn tịt" vừa "vô duyên", cầu trường Tiền vừa thanh thoát lại vừa uyển chuyển. Cầu được sơn màu ánh bạc thường soi bóng xuống giòng sông thơ mộng. Trời mây sông nước và kiến trúc đã quyện lấy nhau để tạo thành một bức tranh tuyệt vời.

Cầu Trường Tiền đã thành nguồn cảm hứng cho thi ca bình dân, nó đã để lại một hình ảnh thân thương không bao giờ phai mờ trong ký ức mọi người, đây là một hình ảnh êm đềm, một tác phẩm nghệ thuật bất hủ. Nó cũng là người bạn chân tình của người dân xứ Huế gần 100 năm nay.

*Cầu Trường Tiền sáu vài 12 nhịp*
*Em qua không kịp tội lắm anh ơi*
*Nghĩa tào khang ai đã sớm dứt*
*Đêm nằm tấm tức lụy nhỏ khôn trôi*
*Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời*
*Dẫu có xa nhau đi nữa,*
*Cũng bởi Ông Trời mà xa.*

Tôi trở về thăm Huế vào mùa hè 1976 trong một chuyến công tác ở Bắc vào. Ghé Huế không kịp viếng thăm cảnh cũ người xưa thì đã phải vội vã ra bến xe đổi chuyến vào Sài Gòn.

Xe rời bến Nguyễn Hoàng qua cầu Sông Hương. Nhìn về bến Vân Lâu, Thương Bạc rồi hướng về Đông Ba, Gia Hội mà lòng tôi xe lại. Cầu Trường Tiền còn đó nhưng đã không còn nguyên vẹn, sông Hương còn đó nhưng cô lái đò đã biền biệt nơi mô. Huế muôn màu, Huế đẹp, Huế thơ, Huế mơ, Huế mộng đã đi vào dĩ vãng xa xưa rồi. Xe vẫn lăn bánh qua cầu Sông Hương, cảnh vật hai bên như bị giật lùi về đằng sau. Cầu Trường Tiền lần lần khuất bóng sau hàng phượng vĩ. Anh tài xế rồ ga cho xe chạy nhanh hơn... đến đồng An Cựu, rồi sân bay Phú Bài, bãi biển Lăng Cô, đèo Hải Vân... Tôi đã xa Huế rồi!

Giờ đây thì Huế lại càng rách nát điêu tàn hơn nữa. Những cánh thư từ miền Sông Hương, Núi Ngự ra tới hải ngoại là những nỗi lòng chua chát gợi cho chúng ta niềm thương nhớ vô cùng.

Dù sao đi nữa chúng ta cũng vẫn hy vọng Huế sẽ được hồi sinh trở lại nay mai. Chúng ta sẽ được thong dong dạo chơi vườn Ngự và trên giòng sông phẳng lặng để lắng nghe cung đàn muôn điệu thầm vọng từ ngàn xưa. Chúng ta sẽ nghe sóng vỗ mạn thuyền nhịp nhàng với mái chèo khua nước nhẹ lướt trên Sông Hương.

*San Francisco, Hè 1992*

• **Tôn Thất Ngọ**

# Lời cảm tạ

## ân nhân ngày nhớ huế
## và tuyển tập nhớ huế

*Ban Tổ Chức Ngày Nhớ Huế tại miền Nam California xin chân thành cảm tạ quý vị ân nhân đã góp công, của để giúp chúng tôi thực hiện Tuyển Tập Nhớ Huế 92 và tổ chức Ngày Nhớ Huế 1992 được thành công tốt đẹp.*

***Ban Tổ Chức Ngày Nhớ Huế***
***Miền Nam California***

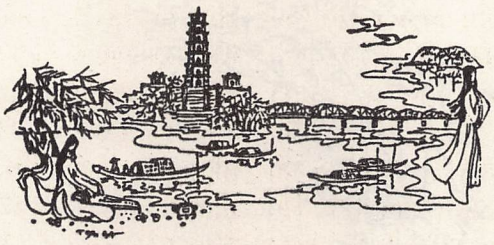

# Cùng quý bạn đọc

*Tuyển tập Nhớ Huế là diễn đàn chung cho những người thương và nhớ Huế. Để chuẩn bị cho số tới, Tuyển Tập Nhớ Huế hân hạnh đón nhận tất cả những bài vở do các bạn bốn phương gửi về theo địa chỉ :*

***Tuyển Tập Nhớ Huế***
*9559Bolsa Ave. Ste D*
*Westminster, Ca 92683*
*Phone (714) 531-5754*

***Ban biên tập Tuyển Tập Nhớ Huế***

# Huế "chay", Huế "lai" và Huế.. chướng

• LPL.

Nhiều nhà thơ học giả viết rất nhiều về Huế đẹp và thơ, Huế này Huế nọ, mà ít ai viết về "người" Huế cả. Vì làm như đó là một điều "tối kỵ", ai cũng né tránh. Chuyện như thể nói đụng đến người Do Thái, là họ hùng hổ bênh vực giống nòi quí của nhân loại. Hôm nay tôi xin mạo muội viết về "người" Huế, và cái "chướng" của các ngài. Tôi cũng xin mạo muội chia ra Huế "chay" và Huế "lai" và Huế "chướng" cho nó dễ nói chuyện. Bởi vì Huế cũng "ba bảy đường Huế". Cảnh Huế thì rất đẹp, sông Hương, Núi Ngự, đền đài lăng tẩm, nhưng người Huế thì lai, chay và chướng. Điều này không có nghĩa là Huế lai thì không đẹp, mà Huế chay thì tốt, và Huế chướng thì đáng ghét. Tại sao lại Huế chay? Chay có phải là chay tịnh như nghĩa "tôi nay chay tịnh" không còn biết đờn bà nữa! Hay chay là dưa, muối, rau và nước lã? Thế thì Huế chay là Huế ăn toàn rau, dưa muối và uống nước lã! Mà đúng vậy, người Huế chay (100% Huế) là người chỉ dùng những thức ăn mộc mạc, không ăn kiểu kọ, xa xỉ. Chỉ nói những điều thành thật, phát xuất từ một tâm hồn thật là lương thiện, không thích bon chen. Ngôn từ của người Huế chay rất là Huế, rất nặng chất Huế, rất là địa phương tính "Hai thương ăn nói dịu dàng mà lại có duyên" là chỗ đó! Người Huế chay trang phục cũng rất giản dị, không theo thời trang cho lắm (trừ Linda Trang Đài ra!). Món ăn thì ăn chắc mặc bền "đầu lai dưa muối cũng dài lâu". Thú vui của người Huế chay là rất ư là thanh nhã: Túi thơ trăng gió, tự hào về một thời quá khứ hoàng kim, an phận cái gì có được, không cầu tiến. "Kiểu như đói ăn rau, đau uống thuốc". Nói về đi đứng, thì Huế chay không chịu rời quê cha đất tổ (trừ khi Cộng sản vào chiếm cố đô Huế!). Huế chay cứ quanh quẩn với vừng cau, với tiếng gà gáy trưa, với tiếng kinh kệ (Huế chay nổi tiếng mộ đạo lắm), với bóng tối triền miên. Chàng Huế chay rất gắn bó với "vua", với "miếu", với "thành". Muôn đời vẫn thế! (Em ra đi nơi này vẫn thế). Cố đô có loang lổ rêu phong vẫn để mặc! Huế chay rất ung dung, tự tại - Nếu chàng Huế chay có dzợ, thì cũng dzợ hiền, mà càng ở lâu với "bả" thì chàng Huế chay này sẽ biến thành Huế "chướng". Tại sao thì xin mời bạn cứ đọc... tiếp! Hấp dẫn lắm! Bởi vì "chướng" chưa đủ, còn "ngẳng" nữa! Đấy bạn đã bắt đầu thấy hấp dẫn chưa!

Thế thì chàng Huế "lai" thì sao! Trước hết phải nói chàng Huế lai là lai ở cái chỗ lấy dzợ không phải Huế, đem thân "trâu ngựa" cho dzợ khác miền "xài". Mặc sức ăn rau muống, giá sống cho đến chết. Mà muốn sống thì thường lén đi ăn bún bò Huế "Đông Ba" thì họa may ngắc ngoải...

Huế lai là người đành đoạn bỏ Huế mà đi. Đi đâu thì không biết, nhưng thường đi là đi luôn! "thẳng cò o ngón", dzông luôn một mạch, bỏ xứ mà đi, "tha phương cầu thực". Đó là Huế lai. Huế lai lấy dzợ về già ít khi "chướng", hay nói cho rõ là không dám chướng. Vì làm răng mà chướng cho được nếu không muốn ăn "đòn" dài dài. Bởi vì chỉ có dzợ người Huế thì còn được chiều chuộng, chứ đã "lai" rồi thì còn khuya!! Lơ tơ mơ là bỏ đói là bỏ mạng sa thành, nhất là về già mà không có "cơm bưng nước rót" là "tiêu" sớm!! Đó, bạn thấy "lai" tai hại chưa?

Vậy thì Huế lai thường biết thân phận lưu đày, lo tu tâm sửa tánh.

Huế lai hay thích sửa tiếng, sửa giọng, vì không muốn ai biết gốc gác của mình, lại nữa là cũng muốn che đậy cái thổ âm "quê mùa của Huế". Huế lai thường ăn nói nhỏ nhẹ, năn nỉ, ngoại giao chứ không ăn nói "thẳng như ruột ngựa", chắc như "củ khoai sắn" như Huế chay. Huế lai ăn uống cũng không dám đòi hỏi, không có chướng, chê này nọ. Riết rồi có khi theo phe dzợ cho món Huế là quá "cay", quá "mặn", quá "tỉ mỉ" mà quên luôn món Huế.

Nói về "mười thương em giữ cương thường", thì Huế chay là số dzách. Huế chay rất là nề nếp gia phong, trên dưới phân cấp rõ ràng, ăn nói, xưng hô cho đúng tam cương ngũ thường. Trái lại chàng Huế lai ít khi để ý đến các điểm này, mà có để ý cũng là đại khái! Với ý là muốn gột bỏ cái "chất Huế mặn mà" đi. Nhưng có một điều chắc chắn là chàng Huế chay không dám tự hào là mình "khá" hơn Huế lai. Vì sự thật là đa số Huế lai đều "khá" cả. Khá ở đây hiểu theo nghĩa là thành công. Tỷ dụ rất nhiều ký giả, luật sư, kỹ sư, bác sĩ, nhà văn, nhà báo, bác học... hỏi ra là Huế... lai cả đó ạ!!! Chỉ cần tiêm đúng vào nọc độc "Huế của ta đây, phe mình đây" là "cong đuôi con nòng nọc" mà... cãi!!! Thế nhưng Huế lai mà gặp Huế chay thì đố bạn sẽ như thế nào? Huế chay sẽ chỉ huy Huế lai, sẽ "lợi dụng" Huế lai... Còn Huế lai thì chỉ biết vâng lời thôi...

Đặc biệt Huế chay thì hay chia rẽ, mỗi người là một ông vua con. Còn Huế lai thì muốn "đoàn kết", luôn luôn kêu gọi đoàn kết... làm ra vẻ là "hướng về quê mẹ", thích đoàn kết lắm lắm. Bệnh này thì còn dễ trị hơn là bệnh của Huế chay (chia rẽ, và đố kỵ). Thuốc chữa là các món ăn hương vị Huế, xắt ra, tán nhỏ, sắc khô uống trong ba đêm ba ngày, sáng ngày thứ ba đi dự "Ngày nhớ Huế" thật sớm là lành bệnh ngay!!

Còn Huế chướng là sao??? Huế chướng là Huế chay hóa lão. Huế chướng không bao giờ bằng lòng với cái mình đang có, luôn luôn so sánh cái hiện có với quá khứ vàng son, khuôn vàng thước ngọc thủa xa xưa mà chướng. Chẳng hạn "đoài" nghe "ca Huế" ở xứ Mỹ này, nghe xong là chê, là anh Huế chướng. Chẳng hạn "đoài" ăn trái vả, ăn khế, với bắp chuối non, các thứ đó phải có trong cơm hến, nếu không có là chê là anh Huế chướng. Chẳng hạn muốn cưới con gái Huế mà không thuận lòng từ người trên kẻ dưới, mà cứ nhè dưới mà đi lên là bị ngay ông già vợ Huế chướng từ khước ngay. Bởi vì nay con đặt đâu cha mẹ ngồi đó, chứ ở đó mà chướng!!!

Huế chướng càng về già càng ít có lãng mạn như hồi trẻ, không chịu nắm tay nắm chân, tệ hại là đụng nhau, cọ nhau một chút thì nhăn nhó la làng lên!!! Là anh Huế chướng.

Anh Huế chướng mà vợ bỏ thì càng chướng thêm. Và sẽ không bao giờ lấy vợ

thứ hai được. Vì đã chướng mà còn độc tài nữa.

Không có thuốc chữa trị cho bệnh chướng này. Vô phương!!! Tôi xin thách đố bạn nào mách nước cho tôi cách trị chứng nan y thời đại này!!! Khi Huế chướng tỏ vẻ trẻ trung thì hóa ra "ngẳng".

Nói đến Huế ngẳng thì phải nói đến cụ Cẩn. Cụ đã chướng, nhai trầu bỏm bẻm, mà lại hay ra bờ sông để "tè". Cậu Cẩn là một sự phối hợp tuyệt diệu của Huế ngẳng.

Trong các loại người Huế, có một loại người Huế mà tôi không biết liệt họ vào nhóm nào. Đó là những người "Huế mà không ở Huế". Đó là những người Huế sống ở Nha Trang, sống ở Đà Lạt..., nói tiếng Huế chay, nhưng không biết "Huế" là cái chi, Huế đẹp ở mô, không biết chi về Huế cả. Nghe mà phát giận không! Tôi không biết xếp họ vào loại Huế nào? Gọi họ là Huế lai thì cũng không đúng! Vì toàn thể gia đình vợ con là gốc Huế, nói tiếng Huế rặc. Chỉ tội là không ở Huế ngày nào cả! Không biết sông Hương, Núi Ngự, Dạ Lê, Thanh Thủy, nói chi đến Nguyệt B..i..ề..u.. Không biết một cái chi... hết về Huế (giọng tức tối!). Mấy người Huế "huế" này các bạn có thể gặp dễ dàng ở...: Hành lang, hay ngoài hậu trường trong ngày nhớ Huế. Bởi vì "mần răng" mà biết nghe được nhạc Huế, ca Huế, thơ Huế, kịch Huế v.v... Có ở Huế "mô" mà biết hay, biết đẹp. Thôi "tản lờ" là quốc sách!! Tôi tạm gọi họ là "Huế huế". Huế tĩnh từ ở đây có nghĩa rất dễ hiểu là "chút chút, sơ sơ, phiếm diện, bề ngoài", chỉ nói được tiếng Huế chứ không phải Huế!!... Huế mà không phải Huế (diễn tiếng miền Nam là "ngó dzậy mà hổng phải dzậy"). Bạn đừng để tôi gặp hành lang kêu Huế huế nhé!! Tôi biết bạn không mất gốc Huế, mà có khi gốc Huế của bạn còn bự hơn tôi nữa. Nhưng đối với người Huế sau đây, tôi chắc bạn đồng ý với tôi nên gọi họ là những người "Huế gốc k..h..á..c". Tại vì sao? Tôi đố bạn đấy. Này nhé, họ cũng ở Huế lâu năm nhé, cũng nói tiếng Huế trọ trẹ nhé, cũng biết Huế đẹp, Huế thơ nhé... nhưng mà lại gốc... T..à..u. Huế rặc mà gốc T..à..u mới nguy!! Thì phải gọi họ là "Huế gốc k..h..á..c" là đúng chứ còn gì nữa, phải không bạn? Mấy người này chắc chắn là không phải "Huế gốc v..ả..". Thì có ai xa lạ đâu: Gia đình chú Xồi chuyên làm "Mè Xửng Huế" ở đường Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu là những người anh em "Huế gốc k..h..á..c". Mà không chừng chữ "xửng" của mè xửng cũng do chú Xồi, người "Huế" anh em "mà k..h..á..c gốc" chế ra!!

Hóa ra, Huế chay, Huế lai, Huế chướng, Huế ngẳng, chưa đủ, lại còn Huế "gốc k..h..á..c" và Huế "huế" nữa, các bạn thấy có vui không!!?

Như vậy, sau khi phân tích người Huế "nát nước" ra như vậy, chắc có nhiều vị tự động xếp mình vào cột nào rồi, hiểu mình hơn nữa, lo tu thân tích đức, sửa đổi tánh tình cho hợp tình hình. Thế là chúng ta có được một tập thể mạnh, thích chỉ trích nhau, nhưng yêu thương nhau, thích kèn cựa nhau nhưng hãnh diện về nhau. May thay, một tập thể như vậy luôn được bồi đắp bằng, và nhắc nhở bằng những giá trị văn hóa của Huế, qua những nét đẹp, những truyền thống dễ thương của Huế.

Và cuối cùng, cũng chính trong cái tập thể yêu quí đó, chúng ta vẫn tìm ra được những cái buồn cười, những cái ngộ nghĩnh, có đôi khi "kỳ cục" của con người Huế, mà tiêu biểu là Huế chay, lai và chướng.

Bạn thuộc loại Huế nào? Chay, Chướng, Ngẳng hay Lai!!!!!!!

Đừng lo!!! Tôi vẫn cứ chơi với bạn. Tin tôi đi.

Ta hẹn nhau ở ngày NHỚ HUẾ.

• **LPL.**

Van Nuys đầu Hạ 1992

# HUẾ,... Những Kỷ Niệm Rời

• Thế Hoàng

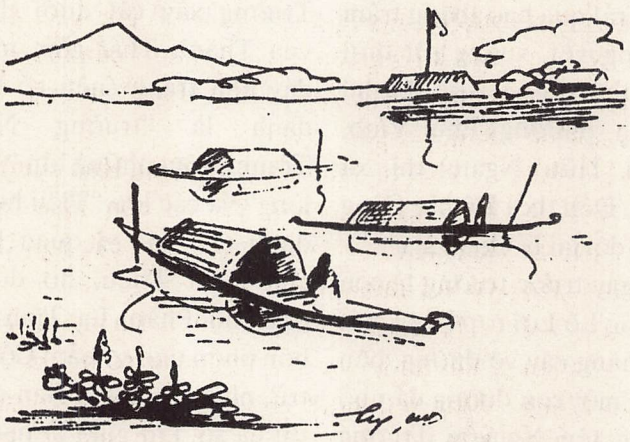

Thuở nhỏ tôi ở một vùng ngoại ô thành phố Huế: Ấp Thuận Hòa, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Nhà tôi nằm bên cạnh "con đường Nam Giao". Kỷ niệm xưa nhất tôi còn nhớ vào dịp tế Đàn Nam Giao, dân chúng hai bên đường được điều động ra xếp hàng để khi xe hơi vua Bảo Đại đi ngang thì hô to: "Hoàng Đế vạn tuế!". Nếu không lầm, lúc đó vào khoảng niên hiệu Bảo Đại thứ mười lăm, mười sáu.

Người Huế rất quan liêu kiểu cách. Phong cảnh Huế rất hữu tình, gái Huế thì đẹp dịu dàng cho nên đã vướng vào tình khó rứt ra được. Một giáo sư từng nói với tôi rằng: "Nếu con theo cách mạng nhớ đừng lấy vợ Huế", như vậy đủ biết sức hấp dẫn cũng như nét duyên dáng của gái Huế lưu luyến và ràng buộc cỡ nào. Người Huế mang trong mình một giòng máu đầy nghệ sĩ tính trong các bộ môn ca, nhạc, kịch, thơ, văn... người nào ít nhất cũng nhiễm vài món. Độ đó xóm tôi có một thanh niên, cứ tối là mang cây đàn nguyệt ra trước sân nhà từng tưng tới khuya. Tôi ngạc nhiên khi nghe anh ta vừa đàn vừa xướng: "U liu xệ công liu, u xang u liu cộng liu xề. Cộng liu cộng xê xàng xự xàng xê. Xàng công xê. Tộn, xê công xê xàng xự, họ xự xê xàng. Họ xàng xê xàng..." Về sau tôi mới biết anh đang tập bài "Kim Tiền".

Huế có nhiều chùa chiền. Ngoại ô Nam Giao là nơi qui tụ một số lớn chùa nổi tiếng. Đây là cái nôi đã nẩy sinh một phong trào chống kỳ thị Tôn giáo vào năm 1963 mà kết quả đưa tới là lật đổ một chế độ độc tài. Bên cạnh chùa chiền hầu như mỗi xóm có một hoặc hai nhà có thờ cốt tượng Chầu văn (thuộc Thiên Tiên Thánh Giáo). Người dân Huế sống trong một khung cảnh vốn hiền hòa: Giòng sông Hương dịu dàng trầm mặc, núi Ngự Bình mơ màng nhẫn nhục. Xa xa là núi Kim Phụng, màu xanh mờ ảo trong nắng sớm mưa chiều. Người Huế có một sức chịu đựng kinh khủng, chịu đựng những khắc nghiệt do thiên tai đổ xuống, lụt lội quanh năm với nắng hè đổ lửa với những cơn gió Hạ Lào. Đó là chưa kể chiến tranh và tang tóc đồng thời với máu lửa thăng hoa kéo dài suốt gần thế kỷ mà không một gia đình nào tránh khỏi. Ngày nay Huế còn ghi đậm

dấu tích của mọi biến chuyển năm tháng: Thành tích của chiến tranh. Họ không dám trách cứ, ngậm đắng nuốt cay cho rằng "chẳng qua do số mạng", đâu dám nghĩ tới nguyên nhân bởi các âm mưu thúc đẩy từ các siêu cường cùng bọn bán nước tay sai ngoại bang.

Thời thơ ấu xa xăm của tôi hiện rõ nhất là những kỷ niệm về trường ốc và học hành. Cuộc đời học sinh của tôi khởi đầu với một thầy đồ nghiêm khắc, khăn đóng áo dài đen giờ đây mỗi lần hình dung tưởng nhớ tới tôi vẫn còn kính trọng. Việc học của tôi cũng khá gian nan, phần vì chậm hiểu, phần trường thiếu lớp nên cứ sau một hai năm tôi lại đổi trường. Qua được cái "Rime" (bằng Tiểu Học) nỗi vui mừng chưa hết thì lại phải chuẩn bị để thi "Càn-cua" vào trường Khải Định. Trường Khải Định, Đệ nhất cấp thì học ở trường Việt Anh của giáo sư Đào Đăng Vỹ, còn Đệ nhị cấp thì học ở dãy lầu bên trái trường Đồng Khánh. Giai đoạn Trung học là thời gian nhiều kỷ niệm nhất. Lúc vào học tên trường là Khải Định, khi ra trường thì tên là Quốc Học.

Trường Quốc Học nằm mạn Nam sông Hương, đối diện kinh thành Huế, ngó ra bờ sông Hương. Trường xây cất trên một vùng đất vốn thay tên đổi họ nhiều lần. Vùng này đời Minh Mạng (năm Minh Mạng thứ mười sáu) thuộc xã Dương Xuân huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên, trực thuộc dinh Quảng Đức (1835).

Đến triều Thành Thái đổi lại thuộc phường Đệ Bát, tổng Phú Xuân, thuộc Kinh sư. Trải qua bao thăng trầm tuế nguyệt, xuống tới thời Đệ nhất Cộng Hòa đổi lại thành phường Phú Vĩnh, quận Hữu Ngạn, thị xã Huế. Đến thời Đệ nhị Cộng Hòa đổi lại là Quận Ba.

Ngay trước trường là con đường Lê Lợi rợp bóng mát hai hàng cây vệ đường, bên phải một con đường đá nhỏ mang tên Nguyễn Trường Tộ. Phía trái là đường Nguyễn Hoàng cách ngăn với tư dinh Tỉnh trưởng Thừa Thiên. Cạnh bên dinh là mấy căn nhà kín cổng cao tường của dòng họ Nguyễn Khoa.

Mặt sau của trường có đường Ngô Quyền và trường Tiểu học Phú Vĩnh. Xa xa có hồ rau muống, trên hồ rau muống là Trung tâm Giáo dục Y khoa. Trường Quốc Học trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử. Đầu tiên trong Hòa ước Giáp Tuất 15-3-1874, điều thứ tư có đoạn nói rằng: "Quốc Vương nước Đại Pháp hứa cho nhiều giáo sư sang để lập một trường Cao đẳng Tiểu học (gọi tắt là Cao Tiểu) tức là Trung học Đệ nhất cấp. Đến Hòa ước Quí Mùi ký ngày 25-8-1883 còn gọi là Hòa ước Harmand điều 24 có ghi: "Nước Đại Pháp sẽ cung cấp cho vua An Nam những người huấn luyện Kỹ sư, Bác vật, Sĩ quan v.v... mà Ngài sẽ cần dùng tới". Trường xây cất dưới thời vua Thành Thái gồm mấy dãy nhà tranh (nên có tục danh là "trường Nhà Tranh" gồm những lớp "Vỡ lòng" và các lớp "Tiểu học" dành cho các vị quan lớn của Nam Triều, họ được dạy chữ Pháp, La Tinh và bốn phép tính cơ bản: Cộng, trừ, nhân và chia). Ban đầu thì đa số Trợ giáo là người Pháp, họ được tăng phái từ bộ máy cai trị của người Pháp gồm đủ thành phần Bác sĩ Quân y, Sĩ quan và các Giáo sĩ đã theo chân thực dân Pháp vào nước ta thời bấy giờ. Mãi đến năm 1896 trở về sau mới có các vị từ Pháp qua hay ở Nam Kỳ ra dạy. Lúc này các Trợ giáo người Việt tăng dần lên, phần lớn xuất thân từ trường Cao Đẳng Đông Dương (Collège Indochinoise), Hà Nội. Thực tâm người Pháp mở trường Quốc Học chỉ với mục đích hạn hẹp là đào tạo một số nhân viên hành chánh, hay nói đúng ra một số "Thày thông ngôn" để phục vụ cho

nhà nước Bảo Hộ. Về sau khi số thầy Thông, thầy Ký đủ dùng rồi trường Quốc Học mới chuyên vào lãnh vực giáo dục. Theo lời một vị tiền bối hiện có mặt ở Nam California thì vào năm Thành Thái thứ 8 (tức 1896) viên đá đầu tiên được trịnh trọng đặt xuống trong một buổi lễ trang trọng khởi đầu công việc xây trường. Trước hết xây nhà quan Đốc Học tức là Hiệu trưởng và ba tòa nhà cư trú cho các giáo sư. Năm sau, niên hiệu Thành Thái thứ 9 (1897) cho xây cổng trường. Cổng này quay về hướng Bắc, tức là hướng vọng về Kinh thành, cổng gồm 2 tầng: Tầng trên treo tấm bảng gỗ ghi "L'écôle Quốc Học", tầng dưới có 3 cửa để ra vào. Lại xây thêm vòng thành xung quanh trường.

Niên hiệu Thành Thái thứ 10 (1898) các dãy nhà tranh bị triệt hạ để xây lại hai dãy trường mới có lầu rất đẹp, hiện vẫn trường tồn cho tới ngày nay. Hai dãy lầu mới này mỗi dãy có 15 phòng, lại xây thêm một dãy phía sau thêm 16 phòng. Dưới triều vua Khải Định (1916) lại cho xây lầu 2 dãy trước kia, phía trên dùng làm chỗ ở cho các học sinh nội trú, phòng Thí nghiệm, phòng Học vụ, còn tầng dưới dùng làm lớp học. Vào thời Thế Chiến thứ nhất 1914-1918 một số người Việt Nam bị ép buộc đi lính cho Pháp, chết trận, được nhà nước thuộc địa tôn vinh. Vua Khải Định cho xây ngay trước trường Quốc Học một cái đài có ba tầng, ngay giữa là một tấm bia màu trắng ghi tên các tử sĩ người Việt Nam đã hy sinh cho nhà nước Đại Pháp đặt tên là "Đài kỷ niệm Chiến sĩ trận vong", người dân xứ Huế gọi xách mé là "Bia Khải Định". Cũng chính vì vậy mà năm 1983, nhà cầm quyền Hà Nội cho hủy Đài này. Thật đáng tiếc dù rằng đó là di tích của một thời phong kiến.

Năm 1932, Cựu Hoàng Bảo Đại về nước chấp chánh đổi trên trường Quốc Học (Collège Quốc Học) thành trường Trung học Khải Định (Lycée Khải Định). Năm 1954 Pháp trao trả độc lập và rút khỏi Việt Nam, phong trào mới lên cao, vị Hiệu trưởng mới cho hạ tấm bảng "Lycée Khải Định" xuống thay bằng chữ "Trường Quốc Học Ngô Đình Diệm". Nhưng đến năm 1956 ba chữ "Ngô Đình Diệm" được xóa đi và tấm biển mới ghi "Trường Quốc Học".

Hiệp Định Genève chia đôi đất nước, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Vị Hiệu trưởng hồi đó là Giáo sư Nguyễn Văn Hai. Ngay khi người Pháp trả lại "đồn Khải Định" cho chính quyền Việt Nam, Hiệu trưởng cho lệnh học sinh trường Quốc Học khiêng bàn ghế và vật dụng từ trường Đồng Khánh về trường Quốc Học. Từ đó chúng tôi trở lại trường Quốc Học với đúng tên, đúng chỗ cho tới bây giờ.

Niên khóa 1955-1956 lại một biến cố trọng đại khác làm đậm nét kỷ niệm thời

học sinh của chúng tôi: Đó là lễ Kỷ niệm 60 năm trường Quốc Học.

Ý niệm tổ chức 60 năm Quốc Học mục đích là suy tôn nhà cầm quyền mới tại Việt Nam hồi bấy giờ. Lẽ dĩ nhiên có nhiều khuynh hướng chống đối. Trước ngày kỷ niệm học sinh các lớp được loan báo chuẩn bị kỹ lưỡng, từ cách ăn mặc (mặc áo bỏ vào quần, thắt cà-vạt màu cỏ nhạt (màu lục). Lệ này được kéo dài sau đó trở thành bắt buộc đồng phục trong buổi lễ chào cờ sáng thứ hai mỗi tuần.

Trước ngày lễ chính thức, tất cả học sinh đều tựu tại trường lúc 7 giờ sáng để rồi toàn thể giáo sư và học sinh xếp hàng đi lên lăng của cụ Ngô Đình Khả. Buổi lễ cử hành lúc 9 giờ sáng và do Linh mục Cao Văn Luận làm Chủ lễ.

Xong buổi lễ tất cả học sinh đi về trường, chỉ có giáo sư và nhóm "Học sinh Đồng Châu Quảng Bình" đã được dặn riêng và tách riêng đi về Dinh "cụ cố" Ngô Đình Cẩn để chúc mừng T.T. Ngô Đình Diệm lúc đó đã có mặt và được dự tiệc khoản đãi. Một đại tiệc rất lớn đang chờ đón, một bữa tiệc thuộc hàng Vương giả, thôi thì đủ các sơn hào, hải vị. Nhân viên an ninh mặc áo đen dài, đầu bịt khăn đóng đứng suốt từ ngoài cổng vào tới tận trong Dinh và luôn cả vườn hoa đầy hoa đang nở rộ. Ban tiếp tân gồm các vị phu nhân của các quan lớn mang đủ các đồ nữ trang và áo lông đắt tiền, tay bưng từng mâm cỗ lớn đi quanh hoa viên tiếp khách. Thật là một bữa tiệc nhớ đời.

Ngày hôm sau đúng vào ngày chính lễ Cựu T.T. Ngô Đình Diệm từ tư dinh trong Phủ Cam và đoàn tùy tùng ra tới trước trường Quốc Học, được ông Giám đốc Nha Học Chánh hướng dẫn bước qua bên kia đường tới Đài kỷ niệm Chiến sĩ trận vong. Nơi đây mấy ngày trước sở Công Chánh Thừa Thiên đã cất rạp và đặt bàn thờ Tổ Quốc. Sau khi đặt vòng hoa và lễ trước bàn thờ Tổ Quốc, phái đoàn đi trở vào trường Quốc Học. Lúc này phái đoàn được Giáo sư Nguyễn Đình Hàm, Hiệu trưởng hướng dẫn vào thăm tấm "Bình phong Long Mã" nằm về phía phải của trường. Kế đó đi theo con đường chính giữa đến tận cột cờ, nơi đây có dựng một tấm bia ghi lại công đức của Cụ Ngô Đình Khả. Sau đó phái đoàn được hướng dẫn đi lên dãy lầu bên phải để xem triển lãm (đây thật là một cuộc triển lãm ý nghĩa nhất mà thú thật trong đời tôi thấy chỉ có một). Chừng hơn một giờ đồng hồ sau phái đoàn ra về.

Tôi xin nói rõ về tấm bia công đức kể trên. Tòa Tỉnh Trưởng hợp cùng Nha Học Chánh nhờ các thân hào nhân sĩ trong nước làm giúp một bài thơ. Trong số hơn hai chục bài gởi về, bài của cụ Tôn Thất Sa được tuyển lựa. Cụ Tôn Thất Sa là nhân sĩ nhiều tài năng, nhất là về Hội họa, đã từng vào cung họa hình cho vua Duy Tân lúc sanh tiền. Cụ đã trên 70 tuổi. Sau khi ban Giám định chọn được bài thơ, liền gởi lên cho Tòa Đại Biểu để nơi này gởi vào Dinh Tổng Thống xin được chấp thuận.

Soát lại ký ức tôi còn nhớ được một vài phần của bài thơ này, xin được ghi lại như sau (hy vọng sau này sẽ được bổ khuyết thêm):

*Trường Quốc Học; ấy ai xây dựng,*
*Sáu mươi năm đứng vững giữa trời*
*Vì chưng nhắc nhở tên người*
*Cụ Ngô Đình Khả muôn đời biết ơn...*
.....
.....
*Dựng bia kỷ niệm gọi là*
*Ghi ơn người trước nhắn lời người sau...*

Tấm bia này, sau ngày 1-11-1963 một số học sinh Quốc Học trước đó họ đã bị Mật Vụ của Ngô Đình Cẩn bắt nhốt và tra tấn vùng lên trong buổi lễ chào cờ sáng thứ hai, hè nhau xô ngã tấm bia rồi dùng búa, kềm, đá cuộc... đập nát tấm bia. Nhìn cảnh tang thương tôi không khỏi bùi ngùi luyến tiếc một thời dĩ vãng đã qua dưới lớp bụi thời gian chôn vùi biết bao điển tích xưa cũ, cuộc hưng phế nào rồi cũng tàn rụi. Lần dở những trang sử cũ ghi lại những điển tích của cuộc đấu tranh bất bạo động của người dân Huế trong những ngày hè của năm 1963 để thấy rằng sức mạnh tiềm ẩn trong lòng người dân Cố đô.

Trở lại với văn phòng triển lãm. Trước đó khoảng 6, 7 tháng nhà trường động

viên toàn thể học sinh cũng như loan báo trên Đài Phát thanh Huế rằng ai có tài liệu về sách báo, văn học, văn thư, di tích cổ hay tất cả thứ gì về văn học để triển lãm vào dịp lễ sáu mươi năm nay. Chính tôi cũng được cắt cử vào việc thu nhận, mượn và thu xếp mọi thứ, cũng như duyệt xét mọi văn bản xưa. Chính trong thời gian này tôi đọc ngấu

nghiến suốt đêm ngày những án văn liên hệ với các cuộc Cách mạng của Tiền nhân, của vua Thành Thái, của vua Duy Tân, của cụ Phan Bội Châu... những tờ trình của Ty Liêm Phóng (tức Sở Mật Thám) Huế. Tôi cũng đọc được những văn kiện của các viên chức cai trị người Pháp cũ từng ra lệnh cho các quan An Nam thừa hành như cấp Huyện, Xã, Lý trưởng hay Chánh tổng... áp đặt dân làng phải tiêu thụ một số lượng rượu ty nào đó nếu không thì cấp Huyện hay Lý trưởng sẽ bị phạt vạ. Thật chưa có luật lệ nào do một nước được gọi là văn minh khi hành xử tại một nước kém mở mang mà họ gọi là khai hóa lại dã man, tàn nhẫn cách đó.

Tuy rằng cảnh vật dù có trơ gan cùng tuế nguyệt nhưng chiến tranh đã làm hư mất rất nhiều tài liệu cũ. Và dù các bản văn trong dịp triển lãm 60 năm hồi trước đó đã mất đi khá nhiều, nhưng trong cuộc triển lãm kỷ niệm trường Quốc Học được 100 năm vào mùa Đông năm 1983 tôi cũng được xem lại rất nhiều "kỷ vật" mà trước đó chính tôi đã nâng niu, phân loại và sắp xếp theo từng thời đại.

Trở lại câu chuyện tiếp theo trong ngày kỷ niệm sáu mươi năm. Buổi chiều hôm đó vào lúc 7 giờ tối có Đại Nhạc Hội Liên Hoan mở màn đúng giờ và sau khi Cựu T.T. Ngô Đình Diệm tới cổng đi vào Hội trường xong thì Ban An ninh lập tức khóa cổng khiến một số thân hào nhân sĩ quen thói "giờ cao su" bị nhỡ tàu, không vào được. Một trong những vị này là tác giả vở kịch chính của Đại Nhạc Hội có tên là "Giảng Sách Dưới Trăng". Vở kịch diễn tả lại "Chính sách đốt sách chôn học trò" của Tần Thủy Hoàng do một học sinh cháu của cựu Thủ tướng Phạm Văn Đồng thủ vai chánh làm một cụ Đồ giảng sách ngâm thơ dưới trăng. Một học sinh khác, mà bây giờ là một Bác sĩ ở Tây Đức có vợ là một Ca sĩ nổi danh đương thời, thủ diễn vai Tần Thủy Hoàng cải dạng thường dân du hành trong nhân gian để chất vấn cụ Đồ nho. Mục đích vở kịch là chửi xéo chế độ thời bấy giờ mà không một ai biết.

Vở kịch diễn tiến hết sức tốt đẹp, đồng bào vỗ tay tới "vỡ rạp". Cựu T.T. Ngô Đình Diệm không hiểu dụng ý của vở kịch cũng khoái trá, hân hoan ra mặt, đứng dậy rút trong túi áo "Veston" ra biếu tại chỗ cho trường Quốc Học mười ngàn đồng (10.000$) gọi là thưởng công cho hai học sinh xuất sắc thủ diễn trong vở kịch nói trên.

Vấn đề tên trường Quốc Học như vậy xét qua lịch sử đã thay đổi khá nhiều lần, hơn hết những ngôi trường khác trên giải đất chữ [S] này. Chuyện đổi tên trường Quốc Học không chỉ dừng lại nơi đó, sau năm 1975 có kẻ xu thời đòi đổi tên là trường Trung học Hồ Chí Minh (vì trước khi xuất dương tìm đường cứu nước thì cụ Nguyễn Tất Thành tức là Hồ Chí Minh sau này là học sinh trường Quốc Học). Nhưng sau khi ông Hiệu trưởng là một cán bộ

tên Trần (không rõ họ gì) làm tờ trình lên Tỉnh ủy Thừa Thiên bị bác, do đó tên trường vẫn là Quốc Học cho tới ngày nay.

Đến đây tôi cũng xin nhắc tới tên của một vài vị Hiệu trưởng đã dìu dắt trường Quốc Học qua các thời đại từ thời vua Duy Tân cho đến năm 1945, Hiệu trưởng trường Quốc Học đều là người Pháp. Đặc biệt thời gian chuyển tiếp năm 1945 trường Quốc Học có mở thêm Trung học Đệ nhị cấp mà vị Hiệu trưởng đầu tiên người Việt Nam là Giáo sư Phạm Đình Ái. Đến năm 1946 vì chiến tranh xảy ra tại Huế, Ủy ban Hành chánh Trung bộ rút lên núi, đồng thời áp dụng "Tiêu thổ kháng chiến" và "Chiến thuật Vườn không nhà trống" để chống nhau với Pháp. Toàn thể nhân viên nhà trường cũng như học sinh đều được lệnh di tản ra Quảng Bình (Đồng Hới). Số học sinh cũng như giáo sư và nhân viên nhà trường từ đó theo Phong trào "Xếp bút nghiên" đi kháng chiến luôn. Năm 1947, sau khi Pháp ổn định được thành phố Huế (ít ra là về ban ngày) trường Quốc Học được mở cửa trở lại. Lúc này ông Phạm Văn Nhu được cử làm Hiệu trưởng, nhưng sau một thời gian ngắn ông được cử làm một công tác khác nên từ chức giao lại cho ông Nguyễn Hữu Thứ.

Sau ông Nguyễn Hữu Thứ là Giáo sư Huỳnh Hòa. Kế đó là Giáo sư Đinh Qui, sau đó là Giáo sư Nguyễn Văn Hai, sau Giáo sư Nguyễn Văn Hai là Giáo sư Nguyễn Đình Hàm. Sau thầy Nguyễn Đình Hàm là thầy Đinh Qui trở lại. Kế đó là thầy Nguyễn Ký, sau cùng là thầy Nguyễn Văn Lâu lên thay cho đến ngày 21-2-1975. Sau ngày 30-4-75 tôi chưa có đủ tài liệu tra cứu thêm.

Đó là tất cả mọi bối cảnh lịch sử cũng như thăng trầm của ngôi trường thân yêu mà tôi đã lớn và trưởng thành qua năm tháng mài quần trên ghế nhà trường những kỷ niệm hoang mang ngày nào qua đi trong hoài vọng và mông lung. Năm Đệ Tam niên sau những ngày chia cắt đất nước và tiếp thu trường mới tạo nên trong tâm hồn chúng tôi một cái gì xa xăm vời vợi. Mở đầu niên học năm Đệ Tam Khoa học B (ban Toán) Giáo sư Hiệu trưởng làm một cái trắc nghiệm gì đó mà ông lựa lớp Đệ Tam B1 chỉ gồm toàn các học sinh xuất sắc của miền Trung cho vào đấy. Số còn lại dở dở ương ương cho rải đều từ B2 tới B5, khiến cho các học sinh lớp B5 như tôi cứ mang mặc cảm là tụi dốt nhất trường.

Ngày tháng qua, hết thời gian Trung học tôi lên Đại học. Ra trường gia nhập quân đội, tôi bay đi khắp bốn Vùng chiến thuật. Khi Hạ Lào, khi Chùa Tháp, gió Lèo Quảng Trị cũng như nắng nung người của vùng Chợ Trời biên giới Tây Ninh, vùng cát bụi Đô thành hay nơi Thần Kinh yêu dấu tôi luôn luôn nghĩ đến người xưa. Tôi luôn luôn nhớ đến người mà tôi đã si tình năm xưa, mối tình sao mà xa xăm, vời vợi. Cứ mỗi lần nhớ đến người con gái năm xưa là tôi muốn viết về Huế hay làm một cái gì để nhớ Huế.

Vì nhớ Huế, nhớ Quê Hương nên một khi có ai nhờ viết một bài đăng báo là tôi lại viết về Huế. Lẽ dĩ nhiên là trước đây đã có quá nhiều người viết về Huế. Phạm Quỳnh có "Mười ngày ở Huế", Phan Trần Chúc có "Hồi Chuông Thiên Mụ", Thi sĩ Nam Trân thì có cả tập "Huế đẹp và thơ", còn "Quốc Văn Sơ Học Độc Bản" lại có quá nhiều bài nói về Huế, nào là "Các Lăng Tẩm ở Huế" nào là "Cái yên lặng trong cái tịch mịch"... và bài viết tôi thích nhất lúc bấy giờ là bài "Mưa Dầm vui cho ai buồn cho ai".

Nói tới Huế tức là nói đến quê hương Việt Nam yêu dấu, nhớ Huế tức là nhớ quê hương, lời nói này

không ngoa chút nào, cụ thể nhất là ngay trong các bài ca mệnh danh là "Nhạc Huế", bài ca nào cũng đượm tình quê hương của người dân miền Trung vốn là quê hương của xứ dân gầy, đầy ắp tình tự dân tộc trong câu ca tiếng nhạc và nó tiêu biểu cho tất cả những gì đáng yêu đáng mến nhất của quê hương Việt Nam. Huế có kinh thành Phú Xuân thủ đô của các chúa Nguyễn trấn giữ phương Nam. Vì từ năm 1677 khi Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa, từ đó đã trải qua bao cuộc bể dâu nào là Trịnh-Nguyễn phân tranh, cho đến Quang Trung Hoàng đế và sau này Hoàng đế Gia Long là hai vị vua đã có công lớn thống nhất sơn hà từ biên giới phía Bắc là Ải Nam Quan đến mũi Cà Mâu, miền cực Nam. Huế cũng là nơi tiêu biểu nhất cho niềm đau của quê hương, vì đất Thuận Hóa vốn xưa là đất Chiêm Thành. Đời vua Trần, Trần Anh Tông gả Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm là Chế Mân để lấy hai châu Ô và Lý vào năm 1306 của ngoại bang.

Nhớ Huế, để nhớ lại bao kỷ niệm vui buồn của những ngày sinh sống, lớn lên, học hành và làm việc tại Huế. Nhớ lại những ngày đi dạy học tại Bán công Hưng Đạo, Thiên Hựu và Đại học Khoa học, những trại hè và thể thao Liên-Viện tôi quả đã có quá nhiều kỷ niệm với lớp người trẻ nơi đây. Nhớ những lúc dạo chơi Núi Ngự, dạo thuyền nghe dân chài ca hò trên sông Hương... để nhớ cảnh chùa

Thiên Mụ, đền Ngọc Trân hay điện Hòn Chén. Nhớ cầu Gia Hội, nhớ cồn Giả Viên, nhớ Đập Đá, Vĩ Dạ, lại nhớ bến Bao Vinh, nhớ Thành nội, nhớ lầu Ngọ Môn, nhớ An Hòa, Văn Xá, nhớ Eo Bầu, Trúc Lâm, nhớ làng Sình, làng Sịa, nhớ sen hồ Tịnh Tâm, nhãn lồng Thành nội, nhớ quít Hương Cần, lại nhớ cau Nam Phổ, nhớ trầu Chợ Dinh, nhớ cầu ngói Thanh Toàn, nhớ Túy Vân (Mỹ Lợi). Nhớ cô chèo đò trên giòng Hương giang với câu hò Mái đẩy tình tứ và bộ áo phất phơ trước gió chiều khiến khách lãng du chợt thấy lòng "bâng khuâng"...

Bấy nhiêu kỷ niệm dù là rất đơn sơ, vậy mà lúc xa quê hương trở thành quan trọng vô cùng trong niềm hoài vọng của kẻ tha hương viễn xứ.

Giòng sông Hương uốn cong theo một nét dịu dàng muôn thuở mang theo nguồn nước mát tưới lên các cánh đồng khô cằn của xứ Huế, để nuôi sống người dân quê hiền hòa chất phác, quanh năm chỉ biết mùa lúa, mùa khoai. Giòng nước mát này đã nuôi dưỡng và kết tụ nên một nền văn hóa phát xuất từ nông nghiệp để rồi từ đó tiến sâu về phương Nam ghi thêm những công trình và di sản mới mà tiền nhân trong lịch sử đã góp công gây dựng nên.

Cho tới bây giờ chưa có một cuốn sách nào ghi lại đầy đủ lịch sử của Huế với những chuyển mình qua các thời đại từ Nam Tiến của các Chúa Nguyễn, qua thời đô hộ 100 năm của Thực dân Pháp tới mãi đến mùa Hè năm 1975. Nhưng có điều tôi vẫn chắc chắn là Huế đã giữ vai trò quan trọng trong sự phát huy nền văn hóa nước nhà nói chung và nền Phật học nói riêng. Đây là một bức tranh sinh

động về tinh thần của dân tộc Việt Nam, những nhục nhằn mà dân tộc Việt Nam đã gánh chịu và lẽ dĩ nhiên là không thiếu những nét hân hoan kiêu hùng của miền Đế Đô, một Kinh đô xưa giữa lòng đất mẹ. Khi nghĩ về Huế các bạn người Nam hay Bắc của tôi vẫn có thói quen nghĩ đến Huế như một nỗi buồn thầm lặng hoặc như khơi dậy từ những nấm mồ hoang của đám dân Hời một cái gì u uất khuất chìm trong cuộc sống. Riêng tôi, tôi vẫn thường nhìm Huế như một biểu tượng cho một biến đổi mới đầy sinh động, sáng tạo. Đi thuyền dọc sông Hương từ Thượng nguồn về tới Hạ lưu ta có cảm tưởng như đi giữa giòng lịch sử: Phía trên là những lăng tẩm, đền đài, miếu vũ, hoang phế qua thời gian, khi giòng sông đổ vào thành phố Huế thì một bên là Kinh thành cổ, rêu phong ghi đậm nét chế độ phong kiến xa xưa, một bên kia là khu Hành chánh mới được tạo dựng lên để phục vụ cho guồng máy cai trị của Thực dân trong thời kỳ Pháp thuộc. Nghĩ về Huế như vậy để biết rằng trên con đường phát triển văn hóa dân tộc sau này Huế đóng một vai trò hết sức quan trọng, tuy hiền hòa thầm lặng như con "sông Hương giang nước chảy lờ đờ" nhưng vẫn kiên trì với truyền thống dân tộc, nhẫn nhục cần cù nhưng cương quyết loại bỏ những cái gì ngoại lai phi dân tộc. Huế có một quá khứ mà nơi đó hai nền văn hóa Việt-Pháp đã giao hội lúc đầu trong tư thế đối nghịch, Huế đã dung hòa để trường tồn mà cho đến ngày nay Huế vẫn còn hiên ngang nhìn ra thế giới bên ngoài như một thách đố kiêu hùng. Bên cạnh đó, cũng trong hoàn cảnh đó Huế có một vị thế hiền hòa ấm áp giữa giòng sinh mệnh của dân tộc, những thành quả to lớn mà Huế gặt hái được sẽ dồi dào đóng góp cho dân tộc trong tương lai qua sự nghiệp đấu tranh, cho độc lập và tự do của dân tộc.

Phải, đó là Huế ngàn năm yêu dấu của lòng tôi.

*Viết tại California,*
*mùa Hè năm 1991*

• **Thế Hoàng**

# Tại Ai?

Tại vì đôi mắt biết cười
Tại vì em đẹp như người trong tranh
Tại vì... suối tóc mây xanh
Tại vì giọng nói thanh thanh dịu dàng

Tại vì khuôn mặt mơ màng
Tại môi má thắm, tại hàng mi cong
Khiến Anh ngây ngất trong lòng
Đổi ra xứ Huế anh không biết buồn

Kể từ giã biệt sông Hương
Xa nhau mà vẫn còn tương tư hoài
Tại vì hai đứa... (tại ai?)
Để anh dấu tiếng thở dài đêm đêm

• **Nhất Tuấn**
*(Truyện Chúng Mình)*

# Kỷ Niệm Ngày Xanh

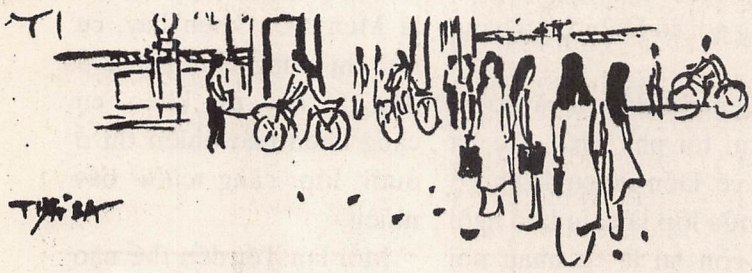

*Thân tặng các bạn cũ ở Đồng Khánh và Khải Định*

• **Bản Anh**

Chiều nay nhân một buổi họp mặt của các bạn Đồng Khánh, Khải Định tại nhà một người bạn tại San Diego, tự nhiên tôi thấy nhớ Huế chi lạ.

Tôi nhớ về hai ngôi trường Đồng Khánh, Khải Định xa xưa với những thầy cô khả kính và những bạn bè đã có với nhau rất nhiều kỷ niệm thời niên thiếu. Những kỷ niệm tưởng đã vùi sâu trong ký ức, bỗng dưng bừng sống dậy trong tôi. Trong đám bạn bè, một số đã nằm yên trong lòng đất, một số đã bỏ mình giữa biển khơi trên đường tìm tự do, một số đang còn lại ở quê nhà lận đận với cơm áo gạo tiền.

Thời gian qua nhanh thật, thấm thoát đó mà đã hơn bốn mươi năm. Mới ngày nào còn học chung với nhau dưới một mái trường, dành nhau từng trái me chua chấm muối ớt, mà nay đứa nào đứa nấy đều xấp xỉ lục tuần. Mùa hè của Huế thật đẹp, trời trong xanh, phượng đỏ thắm và mây bạc đùn bốn phương. Mùa hè là mùa thi, chúng tôi học như cuốc kêu rứa mà vẫn không bớt nghịch. Lúc đó chưa học chung với con trai nên tha hồ mà nghịch chẳng e dè gì cả. Trong lớp tôi có chị Hoài Khiêm, chị học rất giỏi (trong bà con tôi gọi chị ấy bằng cô). Lúc bấy giờ lớp tôi phụ trách vở kịch "Les femmes savantes" Liên Hải cứ ôm chị Khiêm mà nghịch "Hoài Khiêm hỡi nàng cùng ta trong đêm nay say đắm" làm chị Khiêm mắc cỡ đỏ cả mặt. Tội nghiệp chị Khiêm hiện đang ở Việt Nam và sống rất cô đơn. Tôi còn nhớ trong một bài luận văn bằng tiếng Pháp tả cái Préau, chị Khiêm tả rất hay với câu kết như sau: Ainsi s'écoule une heure de joie, et peut être celle qui nous laisse tant de regrets dans l'avenir. Cô Hòe lúc đó là giáo sư Pháp văn, cô đọc bài luận của chị Khiêm cho cả lớp đều nghe. Bây giờ ngồi nghĩ lại những ngày vui xưa ở Đồng Khánh mà tiếc nhớ lạ lùng.

Trong lớp tôi có Huyên và tôi là hai đứa hay hát (chứ không phải hát hay). Trưa nào ở lại trường cơm nước xong là hai đứa chui vô dưới bàn của thầy giáo mà hát để các bạn không thấy. Bàn của thày giáo được che kín ba phía, thế là hai đứa yên tâm bắt đầu hợp ca. Là con gái mà hai đứa cứ thích giọng trầm của đàn ông. Tụi tôi hay hát bài *Tiếng Thời Gian, Trách Người Đi, Dư Âm* v.v...Vừa hát xong là nghe mấy đứa bạn ngồi dưới lớp nói: Xì, đồ hát chi mà giọng giống đàn ông rứa mà cũng hát. Hai đứa nghe lời chê của tụi bạn như vậy cho rằng mình hát giọng đàn

ông đã thành công, bữa sau lại hát tiếp.

Nhắc đến bản *Dư Âm*, tôi nhớ một anh bạn ở Ban C mê Thu Vân, cứ đến câu "Tôi muốn thành mây" thì hát đổi lại thành "Anh muốn thành Vân nương nhờ làn gió", còn Diệu Hồi thì có một anh bạn ở Ban D mê điệu đứng, lúc nào cũng nghe ngâm "Diệu Hồi ơi thương nhớ đã lên men".

Thuở đó cô Thanh là Hiệu trưởng của Đồng Khánh, dáng dấp cô lúc nào cũng quý phái cao sạng với chiếc Cape nhung đen khoác lên vai mỗi khi trời vào thu của xứ Huế, vậy mà cách đây vài năm khi chị Cẩm Hà ở Pháp về Huế thăm và chụp hình cô, cô Hòe cho tụi tôi xem nhân một buổi họp mặt của học sinh cũ ở nhà cô, trông cô Thanh tang thương tiều tụy quá làm tôi thật bùi ngùi xúc động. Trước khi sang Mỹ năm 90 tôi được tin cô đã từ trần.

Trong các thầy cô dạy chúng tôi năm đó, chúng tôi sợ nhất là cô Hòe. Đến giờ cô là tụi tôi lo tìm kẹp hay khăn để cột tóc lại. Học với cô mà tóc tai để lòa xòa là bị cô la. Ngày đến thăm cô sau năm 75, Thủy Tiên, Thanh, Huyền, Ngọc Trai (ở Bắc vào) và tôi, đứa nào bây giờ cũng gần lục tuần mà thấy cô vẫn sợ như thường. Cô rất dễ thương, có giọng nói sang sảng, mặc dù tuổi đã cao cô vẫn còn khỏe mạnh và duyên dáng như xưa.

Có hai cô giáo dạy Đồng Khánh lúc đó thật trẻ là cô Hường dạy Vạn Vật và Lý Hóa là không cho học trò gọi bằng cô mà bắt gọi bằng chị. Năm Nhị niên chúng tôi cũng gọi cô Diệu Liễu bằng chị.

Đến giờ Hán tự và giờ vẽ là tụi tôi phá nhất. Cụ Sa dạy vẽ. Đến giờ cụ thì chỉ có độ nửa lớp là chịu khó ngồi vẽ, còn lại là tụ nhau nói chuyện. Cụ rất hiền nên tụi tôi hay nghịch phá. Khi nào cụ bảo đem bài lên chấm thì đứa nào vẽ xong đem bài lên, cụ chấm xong tụi tôi gôm điểm cho đứa khác mượn vở đem lên cho cụ. Sợ cụ thấy dấu gôm, vài đứa bu quanh bàn cụ che nắng cho cụ không thấy. Buồn cười nhất là có khi cùng một bài vẽ mà cụ cho hai điểm khác nhau.

Đến giờ cụ Lương dạy Hán tự thì hết chỗ nói. Một hôm cụ dạy cách đối, tôi không nhớ câu đối cụ ra, chỉ nhớ một bạn trong lớp đứng dậy đối ào ào: "Sơ tam sơ tứ nguyệt mông lung. Bán tợ ngân câu, bán tợ cung". Hai câu này chẳng ăn nhập gì với câu đối cụ ra, cả lớp cười ầm lên, cụ biết học trò nghịch phá nên cụ đòi phạt cả lớp. Một lần khác cụ cũng ra câu đối, lần này thì không đứa nào dám nghịch nữa vì sợ bị phạt, nên đứa nào cũng loay hoay lo tìm chữ để đối. Bỗng Tiểu Túy ở đâu đi vào, (hình như Tiểu Túy đi trễ thì phải) tôi buột miệng nói: "Lập lòe lửa lựu Men tương hạ", tôi nói Men mà cụ nghe là Nhen. (Tiểu Túy ở nhà tên là Men). Cụ khen hay, cụ nói chị dùng chữ Nhen ở đây rất hay rất khéo, cụ càng khen bao nhiêu thì ở dưới lớp càng cười bấy nhiêu.

Mỗi lần Tết đến thế nào tụi tôi cũng họp nhau lại để viết bài chúc Tết thầy cô. Thuở đó tụi tôi hay mở đầu bài chúc Tết bằng một câu rất "Kim Sanh" như:

*Đông Mậu Tý đã hầu tàn với mây mù gió lạnh,*
*Xuân Kỷ Sửu lại trở về với ánh sáng quang minh.*

Bài chúc Tết lúc nào cũng trình bầy thật công phu. Đứa nào khéo tay vẽ thêm cành mai vàng hay giò thủy tiên là đạt lắm rồi. Đến ngày Tết, lựa một đứa có giọng oanh vàng, áo quần tề chỉnh nhất làm đại diện cho cả lớp lên chúc Tết thầy cô. Cụ Lương chúc lại học trò như sau:

*Cám ơn các chị tặng trà hoa,*
*Có vẻ văn chương nét đậm đà*
*Năm mới học hành thêm tấn tới,*
*Cho trường Đồng Khánh nức thơm xa.*

Khi học hết lớp Đệ Tứ, lên Đệ Tam chúng tôi chuyển qua Khải Định, học chung với con trai. Nói rằng chuyển trường chứ thật ra chỉ bước qua một cái sân cỏ và một nửa cái Préau. Qua đây chúng tôi không còn học chung với nhau mà chia ra thành từng ban. Ban A có Minh Châu, Bội Ngọc, Liên Hải, Mộng Nhiên, Huyền, Liêu, Thừa, Tố Nga, Luyện, Tiết, Thu, Thủy Tiên, Kim Trâm và Bản Anh. Ban B có chị Đán Dán, Duy Thanh, và chị Hường. Sau này chị Đán Đán lên học ở Couvent des Oiseaux rồi đi Mỹ. Số bạn gái còn lại qua Ban C, trong đó có Chiêu, Thu Vân, Phùng Mai, Như Lý, Hồng (Nguyễn), Hồng (Lê), Mỹ Lộc, Diệu Hồi, Thanh, Giỏi. Riêng Ban D là ban Hán văn không có một bạn nữ nào hết.

Học chung với bạn trai tụi tôi bớt nghịch hơn, ý tứ hơn và lo hơn. Trưa nào ở lại lớp cũng nhắc nhau dò bài. Mặc dầu trước mặt bạn trai, tụi tôi lúc nào cũng đàng hoàng lắm, vậy mà đến trưa không có mặt họ là tụi tôi vẫn chứng nào tật nấy. Thuở đó buổi trưa ở lại trường ăn trưa thì các bạn trai dọn qua lớp khác, để lại lớp cho tụi con gái ăn và nghỉ trưa. Ban A là ban tụng Vạn Vật. Tụng thì tụng mà vẫn không bớt nghịch chút nào. Có một lần anh Lê Thiện Điền mang một cặp Kính thủy ngân, ngồi ngất nghểu trên cái đà tập thể dục của con trai, Thu trông thấy kêu tôi nói: "Mi coi, con người có cặp thủy ngân mà độ dốc cao quá, trông giống như Lã Vọng ngồi câu" rồi hai đứa lăn ra cười. Thuở đó sao dễ cười quá,

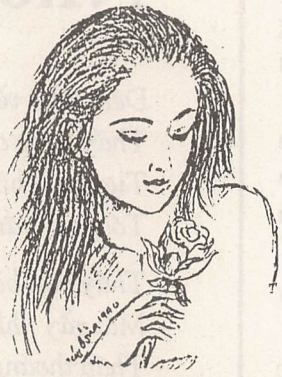

đời học sinh vô tư lự nên cái gì cũng cười được cả. Trong lớp sợ nhất là chọc Thừa cười, nó cười rúc rích chỉ sợ thầy nghe được là chết. Kim Trâm cười lúc nào cũng lấy cườm tay che miệng nên Nguyễn Đình Ngẫu bảo: "Chị Trâm thổi Harmonica". Tội nghiệp Ngẫu đi vượt biên sau 1975 rồi bặt tin luôn từ đó. Trong lớp con gái thường được ngồi bàn đầu. Trên bục thầy đang giảng bài, vậy mà sau lưng tôi nghe có tiếng thầm thì rồi cười rúc rích. Sau lưng tôi là bàn của Tôn Thất Tuệ, Hoàng Vinh, Nguyễn Văn Lâm và Huỳnh Văn Thế. Tôi nghe mấy anh nói gì như là: "Liêu rọm, Anh ròn, Ngọc tròn, Thu bự". Tôi quay lại thì Huỳnh Văn Thế la lên: "cháy nhà". Chữ "cháy nhà" lúc đó dùng để chỉ khi nói lén gì mà bị bắt quả tang. Học trò con trai hay trêu chọc con gái lắm. Có một lần một bạn ngồi bàn sau lén cột chéo áo dài tôi với Liêu, chẳng may tôi bị thầy Vũ Đình Chính kêu lên trả bài, tôi loay hoay một hồi mới mở được chéo áo làm cả lớp cười ầm lên.

Chọc bạn gái chưa đủ, còn chọc luôn cả thầy. Cha Thích dạy Hán văn ở Khải Định. Tôi nhớ hè năm nào đó không rõ, anh Lữ Hồ (Nguyễn Minh Hiền) mời một số bạn lên nhà anh chơi, luôn tiện ghé thăm cha Thích. Trong số bạn bè hôm đó có Bá Tước, Kim Bằng, Hoàn em tôi, Nguyễn Hữu Bào (em anh Thọ) chở tôi bằng xe đạp. Bá Tước hay ai đó ôm cha Thích mà nói: "Voici mon père, où est ma mère?" làm cho cha cũng phát cười luôn. Anh Lữ Hồ bây giờ cũng không còn nữa.

Trong lớp tôi năm Đệ Nhị A, có anh Tôn Thất Tuệ, anh viết văn và làm

thơ rất hay. Một lần thấy trên bàn anh có trái quít, tôi ra dấu xin, Tuệ bảo đối được câu này mới cho:

*Thừa Tiết Thu về Nga Luyện*
*Hải Quân hơn Trăm vạn,*
*Tự Nhiên làm Huyên náo cả năm Châu,*
*Anh Tiên Liệu đem binh phòng đất Ngọc.*

(Những chữ viết hoa là tên các bạn gái trong lớp chỉ kẹt tên Trâm không để vào đâu được nên thay bằng Trăm vậy. Tụi tôi không đối được nên thua).

Anh Trần Văn Hành cũng lấy tên tụi tôi để làm một bài thơ. Bài thơ đọc lên nghe thật buồn:

*Chiều nay gió lạnh Tiết Thu sang,*
*Bâng khuâng Châu Ngọc thẩm tơ vàng*
*Bỗng Nhiên thiếu phụ ngừng tay dệt,*
*Ngày ấy Anh đi lá rụng tàn.*
*Thừa biết đời em sẽ mịt mờ,*
*Phòng khuê sợ Hải sống trong mơ,*
*Quên đi anh bảo đừng thương nhớ*
*Luyện lấy lòng tin gắng đợi chờ.*
*Liệu biết khi nao hát khải hoàn,*
*Hàn Huyên chuyện cũ chốn biên cương*
*Từ nay gương vỡ cài Trâm gẫy*
*Động phủ Tiên Nga phận bẽ bàng.*

Viết lại đây những kỷ niệm ngày xưa, tôi nhớ đến từng giọng nói, từng khuôn mặt thân thương của những bạn bè ngày trước. Những đôi mắt u huyền lóng lánh qua những cánh lá phượng lung linh có thêu những sợi nắng vàng. Và tôi bùi ngùi nhắc đến mái trường thân yêu xưa, những thầy cô và những bạn bè cũ mãi mãi còn ghi dấu trong tôi không bao giờ quên được.

• **Bản Anh**

*Cali 1992*

# Nhớ Quê Xưa

*Đêm nhớ về quê xưa*
*Thấy bóng dáng Mẹ hiền*
*Tựa cửa chờ tin con*
*Tóc bạc trắng như tiên*

*Thấy bạn bè dăm đứa*
*Mắt gầy như sao đêm*
*Thấp thoáng dáng hao gầy*
*Thèm giấc ngủ bình yên*

*Thấy người tình muôn thuở*
*Đã một thời yêu thương*
*Đứng soi tình đêm lẻ*
*Để ta chết trong lòng*

*Thấy ngôi trường hoang phế*
*Nhớ buồn xưa chưa nguôi*
*Xác trần hoa phượng đỏ*
*Thoảng nghe chút ngậm ngùi*

*Thấy trên giòng sông cũ*
*Sóng vẫn vỗ âm xưa*
*Nhấp nhô ánh trăng vàng*
*Chờ con đò năm xưa*

Simi Valley

• **Kiều Trang**

# Một Thoáng Ngày Xưa

• Võ Đình Hữu

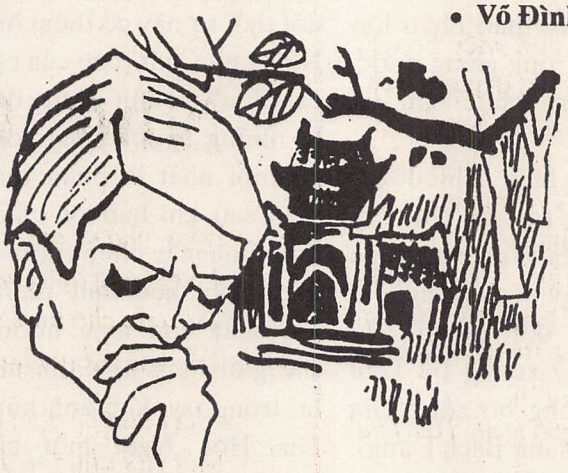

Buổi chiều trời bỗng đổ mưa, những cơn mưa ào ạt rơi ngòai khung cửa sổ, dội lên những âm thanh dồn dập trên Balcony. Phía ngòai xa cảnh vật mờ ảo sau làn mưa, những ngọn cây xanh lung lay theo làn gió và giọt mưa rơi, tạo thành một khung cảnh thật thơ mộng. Cơn mưa chợt đưa Pháp trở về những ngày xưa thân ái thuở thiếu thời ở Huế và chợt nhiên hình ảnh chú Tĩnh thoáng trở về...

Thuở nhỏ ba Pháp theo Hán học. Khi triều đình Huế bỏ khoa thi Hương cuối cùng, ông dẹp bỏ bút nghiên từ Bình Định ra Huế làm ăn. Nhờ sự giúp sức của người cô, ông đã tạo dựng một cơ sở thương mại ở ngay thành phố Huế. Chú Tĩnh người em út của ba theo gót chân anh ra Huế lập nghiệp. Hồi đó ông nội Pháp đã mất. Ba cho chú đi học chữ Quốc ngữ, sau khi học hết bậc Tiểu học chú theo gương anh bước vào thương trường .

Khi Pháp ra đời, chú còn độc thân tuy đã trên 30 tuổi. Ngoài hình ảnh ba mạ và các anh chị ra, chú là hình ảnh gắn liền trong tuổi thiếu thời của Pháp. Những lúc ốm đau, khi Pháp mở mắt ngay trong những đêm sốt nặng gương mặt chú lúc nào cũng cận kề với gương mặt của bà má. Những khi cần liên lạc bệnh viện nói chuyện với bác sĩ, chú là người đứng ra tiếp xúc vì chú theo Tây học. Hồi nhỏ chú rất đẹp trai. Chú tham gia trong các hoạt động sinh hoạt thể thao theo phong trào Khỏe vì nước. Chú tập tạ và đánh bốc. Trong 1 trận giao đấu khi chú lui về đụng vào Corner, trong 1 phút lơ đễnh địch thủ đã móc vào quai hàm và tai phải một quả khá mạnh, màng nhĩ bị rách và chú bỏ Boxing. Một môn thể thao khác chú hâm mộ là đua xe đạp, Pháp không nghe chú nhắc đến một thành tích nào đáng kể. Chú còn là một cầu thủ đá banh nhà nghề. Thành quả đáng kể nhất là khi một chuyến về thăm quê nhà, hội tuyển nhà đang giao đấu với hội tuyển bạn. Chú được mời giúp sức vào vai Trung phong. Trong một đợt công hãm, chú kéo banh về vùng cấm địa, khi Thủ môn địch chạy ra chú dứt banh chéo vào góc thượng bên phải và Thủ môn địch đành bó tay. Bàn thắng duy nhất đó đã đem lại chiến thắng cho Hội banh của tỉnh nhà và đem lại cho chú một niềm hãnh diện vô biên.

Nhà Pháp ở ngay đầu cầu Gia Hội, những buổi chiều trẻ con trong xóm chạy ra sông bơi lội chơi đùa thỏa thích. Hồi đó Pháp là con út, người anh đầu và mấy anh kế đã trưởng thành vào Saigon làm việc do đó chú là người dạy Pháp bơi lội. Nhìn chú với thân hình rắn chắc do thể thao nhào lộn vẫy vùng trong giòng nước, Pháp khâm phục chú vô cùng.

Những buổi chiều hè nắng vàng rực rỡ, chú hay để Pháp lên Porte- bagage đạp xe chạy dọc đường Gia Hội (sau đổi thành Chi Lăng) chạy xuống Bể Dầu rồi bọc vòng bờ sông Gia Hội (sau thành Bạch Đằng). Ôi những buổi chiều sao êm đềm đến thế. Gió mát thổi hiu hiu với điệu nhạc từ chiếc Radio transitor đeo trên vai của chú đã làm Pháp ngủ say sưa, có khi đến nhà lúc nào không biết. Sau này chú mua được một chiếc xe Velo Solex rồi xe gắn máy, xe nào cũng làm cho Pháp say mê trong những chuyến du ngoạn buổi chiều.

Một trong những thú vui của chú là tham gia các công tác hoạt động. Thời kháng Pháp chú tham gia tự vệ thành. Thời Đệ nhất Cộng Hòa chú là Phường phó của Phong trào Cách mạng Quốc Gia. Những buổi chiều tối trời dù mưa hay nắng chú và anh Thức (con người bác của Pháp) đều theo dõi tin tức thời sự qua đài VOA, đài BBC.

Những buổi tối hè trời oi bức, tiếng ve sầu kêu dòn dã trên ngọn cây nhãn trước nhà, chú bắc ghế ra sân sau hóng mát, nghe đài phát thanh tin tức. Nhóm theo dõi thời sự này có thêm ông Ngữ, anh Chất (con của cậu cả Diên) và anh Thức, đều là những người hàng xóm. Sôi nổi nhất là phần thảo luận sau khi bản tin chấm dứt. Qua mấy chén rượu đế kèm mấy kẹo đậu phọng hay mấy con mực nướng, thế giới hình như thu nhỏ lại trong tay đám anh hùng Gia Hội. Ngồi một chỗ nhưng trí thì bao la bao nhiêu chuyện cơm áo bây giờ quên hết. Chú Tĩnh, anh Thức, ông Ngữ, anh Chất bỗng thành những chính trị gia với những lời bình luận và nhận định đôi khi đưa tới những cuộc đấu khẩu gay go, nhưng không bao giờ sứt mẻ tình bạn.

Những đêm trời mưa to gió lớn chú Tĩnh cùng nhóm bạn cũng không quên tụ họp để nghe tình hình thế giới luận cổ ôn kim.

Những lần đài VOA phỏng vấn Pháp, chỉ trong vòng vài tuần sau là Pháp nhận thư của chú và lời phê bình nhận xét của toàn gia đình. Thành thử mỗi lần nói chuyện về quê nhà là lòng Pháp lại bồi hồi vì biết rằng bên nhà sẽ lắng nghe những lời tâm sự của Pháp.

Hai năm sau khi Pháp sinh ra đời thì mạ chọn vợ cho chú. Chú lập gia đình với thím, một người hiền lành con của một người bạn hàng ở Phường đúc. Ba má Pháp giúp chú buôn bán.

Nhưng trời phụ lòng người, trong khi ba mạ Pháp càng ngày càng thành công thì chú từ thất bại này qua thất bại khác. Trong một chuyến buôn hàng nhôm của hãng Cây dừa, một chuyến hàng lớn của chú đã bị chìm tàu vì bão lụt. Vốn liếng chú bị tiêu sạch, chỉ còn lại cửa hàng ở chợ Đông Ba. Sau mấy lần thất bại liên tiếp trong công việc kinh doanh, chú trở về với nhiệm vụ phụ tá ba Pháp. Chú giúp ba Pháp trong công cuộc làm ăn, đi giao dịch đặt hàng, tiếp xúc với các viên chức công quyền. Cuộc sống của chú thật trầm lặng, ngày ngày thím ra chợ Đông Ba bán hàng, chú ở nhà phụ giúp ba Pháp. Mấy năm sau chú thím lần lượt cho ra đời 4 người con. Người con trai đầu nhỏ hơn Pháp vài tuổi, Pháp tuy con út nhưng bây giờ lại có thêm mấy người em. Gia đình Pháp sống ở căn nhà lầu ở ngã ba đầu đường. Gia đình chú ở căn nhà kế bên (nhà nhìn ra bờ sông Gia Hội). Hai nhà thông nhau

qua một khung cửa. Tuy ở hai nhà nhưng như là một, mỗi buổi ăn tất cả tụ tập ở nhà sau là nhà Từ đường mà phía dưới là phòng ngủ và phía sau là nhà bếp, nhà vệ sinh. Căn nhà trước của gia đình Pháp phía dưới là gian hàng đồ đồng, sau này có bán thêm dụng cụ ngư nghiệp. Phía trên lầu là phòng khách, phòng ngủ và một căn gác lửng dành để làm việc.

Những ngày kỵ giỗ chú là người lo tổ chức cúng với bác Ái. Những bộ lư đồng đã được đánh bóng sạch sẽ, khăn bàn thờ, hương đèn được bày biện chu đáo. Thím Tĩnh thì lo nấu ăn hoặc đốc thúc bà con làm việc. Những ngày giỗ chạp, Pháp và cả gia đình đi thăm mộ. Tờ mờ sáng chú Tĩnh đã thức dậy sửa soạn đồ cúng. Cả nhà sau đó đi xe Traction đen của dượng Năn lên núi Ngự Bình. Trời mưa Xuân ở Huế thật đẹp. Nắng vàng nhưng khí trời thì lành lạnh. Pháp mặc những quần áo mới đầu năm hớn hở theo gia đình đi tảo mộ. Vùng Ngự Bình rộng bao la thế mà mộ nào ba Pháp và chú cũng biết. Chú hướng dẫn đi thăm từ mộ này qua mộ khác. Pháp không hiểu tại sao chú có thể nhớ được. Trong trí óc non nớt của Pháp, trí nhớ của chú thật là siêu việt.

Thời gian rồi dần qua, những tấm ảnh bên nhà gởi qua của ba mạ Pháp; của chú thấy càng ngày càng già. Nhìn những tấm hình và Video của nhà gởi qua lòng Pháp buồn vô hạn. Pháp chợt nhớ bài thơ của một bà bệnh nhân tặng chàng hôm nào.

*Tuổi già thêm bệnh tật,*
*Xã hội thấy thừa ta*
*Nỗi buồn như tóc bạc*
*Cứ cắt lại dài ra.*

Hình ảnh chú thật già, tóc đã bạc, với tuổi hơn 70 và nhìn khung cảnh gia đình quây quần sau bữa ăn tối sao êm ấm quá. Ở đó Pháp thấy mạ hiền lành, nụ cười tươi như độ nào ân cần thăm hỏi. Chú thì quá gầy, má hóp tóc bạc, vẫn nói lên những lời thăm hỏi chững chạc như ngày nào. Bên nhà dặn Pháp tụ họp bà con quay Video để gởi về cho cả nhà xem. Pháp tự hứa lòng sẽ đợi dịp kỵ ba Pháp sẽ làm nhưng thời gian dần trôi và cho mãi đến một hôm có đông đủ bà con, Pháp mới quay được cảnh gia đình sum họp quây quần ăn uống. Sau đó là có màn văn nghệ, có các bà con trình diễn. Nhưng Pháp vẫn chưa có thì giờ để sang Video 8 qua Video thường để gởi về nhà.

Gần Tết, Pháp được anh Hải cho biết chú bị bệnh. Một hôm đang đứng ở trong nhà bỗng nhiên chú té quỵ xuống và á khẩu. Thím kêu xe xích lô đưa chú qua Khu cấp cứu. Nhờ vô nước biển và sự tận tâm chăm sóc của bác sĩ chú dần dần hồi tỉnh, nhưng không nói được và bị liệt giường. Nghe tin mấy anh em bỗng lặng người vì chú mới 72 tuổi và Video kỳ trước thì trông vẫn còn khỏe mạnh.

Thời gian gần Tết thật là bận rộn, Pháp lo tổ chức hội chợ Tết, hội họp liên miên. Pháp định bụng sẽ chờ dịp Tết gia đình anh em gặp nhau sẽ quay thêm một cuốn Video rồi gởi về nhân thể. Đêm Giao thừa, Pháp sửa soạn bàn thờ. Bức hình của ba Pháp được lau chùi cẩn thận. Pháp lo đi mua hoa quả, hương đèn bày lên bàn thờ. Đã khuya trời thật thanh vắng, Pháp sửa soạn đốt hương. Mùi trầm hương tỏa ra thơm ngát, bóng ba Pháp lung linh dưới ánh nến. Không

gian và thời gian như đọng lại. Vợ Pháp và con đã ngủ yên giấc trên lầu. Pháp đun nước sôi và cẩn thận rót vào bình và thêm trà vào, trong yên lặng của buổi cuối năm. Chỉ còn gần một giờ rưỡi nữa là qua năm mới. Pháp nhớ gia đình và quê hương, chàng bỗng nghẹn ngào và nước mắt hoen tròng, đâu đó có hình ảnh mẹ già còng lưng leo lên lầu, đánh tiếng chuông lâm râm cầu nguyện. Đâu đó có nét mặt đăm chiêu của chú đứng nghiêm chỉnh trước bàn thờ.

Chuông điện thoại bỗng reo, đầu dây có tiếng anh Hải: "Chú chưa ngủ à, anh mới nhận tin nhà cho biết chú Tĩnh vừa qua đời". Pháp lặng người gác ống điện thoại. Hình như Giao Thừa đang đến, Pháp cầu nguyện cho chú đây chú ơi, mùa Xuân sắp đến rồi đó. Chúc chú sớm về nơi có mùa Xuân hạnh phúc, không còn phiền não của cuộc đời. Tối Giao Thừa năm nay lòng Pháp nhớ nhiều về chú hơn bao giờ hết...

Cơn mưa đã tạnh hẳn, những giọt nước mưa đọng trên cành lá long lanh như những hạt kim cương. Nắng vàng buổi chiều của một ngày đầu Xuân như gợi chút nhớ nhung. Con đường bờ sông Gia Hội với hàng cây học mát bóng rợp, có chiếc xe ai đang đạp đó là hình ảnh của chú Tĩnh và hình như chú đang mỉm cười hiền hòa trong ánh nắng của một mùa Xuân an lành vĩnh cửu.

• **Võ Đình Hữu**

# Bài Nhớ

Nhớ sao như nhớ giòng sông vắng.
Nhớ cánh thuyền trôi đi viễn phương.
Nhớ nước sông Hương buồn quạnh vắng.
Nhớ hồn non Ngự bóng mây vương.

Nhớ một khung trời không tiếng nói.
Trơ hồn gỗ đá với tang thương.
Chùa xa nức nở hồi chuông sớm.
Lá đổ vàng thu lạnh phố phường.

Nhớ bóng trăng tàn đêm Bến Ngự.
Nhớ chiều cô tịch bến Vân Lâu.
Nhà ai tỏa khói chiều hiu hắt.
Ngõ trúc sương che nắng nhạt màu.

Trăm nhớ ngàn thương gởi chốn mô?
Có con thuyền ngủ bến vi lô.
Đầy khoan chở ướt màu trăng sáng.
Đôi mái chèo buông mộng hải hồ.

Có một người xa buồn viễn xứ.
Chiều nay không biết nhớ thương ai.
Khúc "Nam Bình" hay tiếng "Nam Ai" đó?
Tận đáy lòng ta tiếng thở dài...

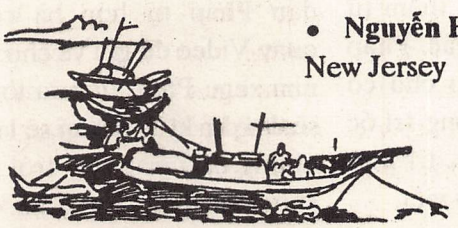

• **Nguyễn Huy Phước**
New Jersey

# NGẬM NGÙI

• Nam Cát

Tôi khôn lớn lên ở xóm Trung Bộ, sau lưng chùa Diệu Đế. Con đường Trung Bộ, nay đổi lại là đường Tô Hiến Thành chỉ dài không tới một cây số, nhưng là một con đường danh tiếng của chốn Cố Đô, vì nơi đó đã phát xuất nhiều danh thơm cho xứ Huế của nhiều giòng họ, như họ Phan, họ Cao, họ Hồ, họ Trần, họ Nguyễn Phước, v.v... và cũng có rất nhiều giai nhân tuyệt sắc nữa...

Tôi đã có một bài nói về xóm này, chỉ vì thiếu một Hàn Mặc Tử, mà không được ca tụng bằng xóm Vĩ Dạ (xin lỗi ban N-S-Y), nhưng đối với chúng tôi, vẫn gợi thật nhiều kỷ niệm mến thương đậm đà.

Xứ Huế có nhiều sông, nhiều hồ, lại ở gần biển, cho nên trai gái xứ Huế đều biết lội. Các bậc cha mẹ thường hay nói câu: "Có phước thì có con biết lội, có tội thì có con biết trèo". Cho nên nhà nào cũng cố tập cho trẻ nít biết lội, càng giỏi càng tốt.

Hồi còn học Tiểu học, chiều nào tôi cũng rủ bọn bạn bơi qua sông Đông Ba, trước chùa Diệu Đế, hay chùa Ông. Bơi qua đến bên kia sông thì trèo lên đống bè nghỉ mệt. Và rồi lại bơi về. Sông Đông Ba chỉ rộng chừng năm mươi thước thôi. Có khi nước thật sạch, nhưng phần nhiều nước dơ quá tệ, nhưng chúng tôi cứ nhắm mắt bơi lội thỏa thích như thường.

Khi lên Trung học, bơi khá khá rồi, thì lên bến Phú Văn Lâu, hay xuống bến Cồn, bơi qua sông Hương. Lên Phú Văn Lâu thì có đủ món ăn ở đó, còn bơi qua cồn "Hến" thì chỉ có bắp nướng, mà bắp Cồn thì thơm ngon tuyệt diệu. Sông Hương khoảng này cũng chỉ rộng trên hai trăm thước, nước thì trong và sạch, lại thơm và ngọt nữa.

Nhưng thú nhất, đối với chúng tôi là được đi Thuận An, lúc cuối tuần. Bể Thuận An chỉ cách Huế có 12 cây số thôi mà mỗi lần đi là một lần chuẩn bị chu đáo. Nào là thức ăn, thức uống, rồi chiếu, rồi cả "tăng" nữa. Làm như là đi đâu xa lắm.

Bãi bể Thuận An dài thăm thẳm, nước trong và xanh, giốc sâu, sóng nhiều và thường thường có gió lớn. Ra chừng 10 thước là đã lút đầu rồi.

Trên bờ thì chẳng có cây cối gì cả. Thỉnh thoảng thấy có vài ba cây Dương liễu, nhưng gió đánh bật đi hết lá, chỉ còn thân cây trui trụi, trông thê thảm, buổi trưa nắng và nóng vô tả. Cho nên tới được bể là ai cũng nhảy ùm xuống nước, mát mẻ tuyệt diệu.

Đến chiều tối, dã đê rồi mới chịu về. Các bắp thịt đã rã rượi, mà còn phải đạp xe đến ngoài 12 cây số, với bao nhiêu là hành lý, rồi lại còn đèo một thằng bạn ở phía sau, thật không có cái cảnh mệt mỏi nào còn hơn được nữa.

Thế mà, hễ cuối tuần có ai rủ đi Thuận An là dơ tay đi liền. Nhất là nghe có bóng dáng một vài nàng cùng đi, thì có mệt mấy cũng thấy tan biến đi đâu mất hết.

Chủ nhật nào không có mục Thuận An thì chúng tôi lại rủ nhau đi "Biển".

Con trai xứ Huế, nhất là miệt Vĩ Dạ, Nam Phổ, hay xóm Đông Ba, Gia Hội, Đầu Cồn, Ngư Viên, không ai mà không biết đến "Biển". Từ nhà tôi xuống tới Biển cũng trên 3 cây số.

Sông Hương khi gặp cồn "Hến" thì chia ra hai nhánh. Nhánh Hữu ngạn chạy qua xóm Vĩ Dạ, Nam Phổ, còn nhánh Tả ngạn chạy qua xóm Gia Hội, xóm Chùa Bà. Và sau khi hai nhánh được chắp lại, thì giòng sông lại uốn khúc, hướng đông bắc để đến Bao Vinh. Ngay chỗ khúc quanh đó, phía Tả ngạn là Biển.

Chiều dài của Biển chừng 200 thước, và chiều rộng, cho đến chỗ lút đầu cũng gần 100 thước. Chỗ này là chỗ bơi lội lý tưởng của bọn trẻ. Muốn tập bơi, chỗ đó không đâu bằng. Đáy sông toàn cát trắng, nước thì trong và sạch với gió mát, với không khí trong sạch, thật là thỏa thích.

Đôi khi chúng tôi cũng thấy nhiều các anh lớn, các bậc chú, bác đến ngồi trên bờ nhìn bọn trẻ nít bơi lội, nhưng thật ra là vì nghe thấy có bóng dáng hai nàng giai nhân có thân hình tuyệt đẹp, hồi đó, cô Tường Vi và cô Bạch Lan đến đó. Thời buổi ấy mà có nàng văn minh, bận Bikini, chèo "périssoire" cho bà con nhòm thì ai mà không lại xem chơi.

Sau này xa Huế, Biển vẫn gợi cho chúng tôi nhiều kỷ niệm thật vui.

Vào dịp hè, thỉnh thoảng chúng tôi được các anh các chị lớn, cho đi chơi xa hơn. Khi thì đi Lăng Cô, phía nam Huế, khi thì đi Cửa Tùng, phía bắc Huế, gần Quảng Trị.

Đi Lăng Cô thì được ăn món mắm sò, ăm tôm hùm, ăn dâu truồi, còn đi Cửa Tùng thì mặc sức ăn trái cây, nào ổi, chuối, bưởi, quýt v.v...

Cả hai nơi Lăng Cô và Cửa Tùng đều là hai bãi biển đẹp của miền Trung, nhưng Cửa Tùng đẹp vô tả, có thể rằng chỉ có bãi biển Đại Lãnh ở Phú Yên mới sánh kịp với cái đẹp thiên nhiên của Cửa Tùng.

Dạo hè ấy tôi mới đậu bằng Thành Chung. Trong nhà lại có một bà chị vừa lấy chồng, và ông anh rể tôi, người Bắc, chưa biết gì mấy về miền Trung, cho nên khi bà chị tôi đề nghị đi Cửa Tùng nghỉ mát chơi, là được anh này bằng lòng ngay.

Thế là tôi được tháp tùng. Chúng tôi tất cả 6 người: Cặp vợ chồng son, tôi, một ông anh tôi và hai người bạn của ông anh này. Chúng tôi dùng xe Buýt đi thẳng ra đến Cửa Tùng,

cách Huế cũng chừng 60 cây số.

Cửa Tùng danh tiếng vì bãi bể. Dài chừng hơn hai cây số, và rộng hơn 300 thước. Cát thì trắng và sạch, nước thì trong xanh và ấm áp. Nhìn lên trên đồi là thành phố Cửa Tùng nằm dưới một rừng Dương liễu và thông xanh um. Mùa hè

lá cây có vẻ xơ xác vì gió mạnh và nắng gắt, nhưng tiếng reo của lá đã làm cho không khí trở nên thơ mộng vô cùng.

Thành phố Cửa Tùng chỉ có ba con đường chính đều chạy song song với bờ biển. Con đường ngoài hết, nhìn xuống bể gồm toàn nhà cửa đẹp đẽ, uy nghi của dân giàu có, hay là dinh thự của các cơ sở như Sở Thủy Lâm, Sở Kho Bạc, Sở Công Chánh, và dành cho các ông lớn của mấy sở ấy ra nghỉ mát.

Chúng tôi cũng nhờ mối mai, thuê được căn nhà của ông chủ nhà đèn. Nhà có hai phòng ngủ, khá rộng và khang trang. Trước nhà có sân rộng, lát gạch Tàu sạch sẽ. Khu nhà đèn gần chợ, gần bến cá, và xa khu dinh thự, có lẽ vì tiếng động của máy đèn.

Mỗi buổi trưa, ra chợ là gặp đủ mặt bà con, bạn bè ra đó.

Ngay sau ngày chúng tôi đến thì anh tôi gặp hai người bạn cũng từ Huế ra, anh Cao Văn Khánh và anh Cù Huy Cận. Anh Khánh cũng ở xóm Trung Bộ, còn anh Cận là bạn học với anh Khánh ở Đại học Hà Nội.

Thế là cả hai anh này đều nhập bọn chúng tôi, cùng đi tắm, cùng đi câu, cùng đi ăn với chúng tôi suốt cả tuần lễ.

Ban ngày thì đến bến cá, xem các thuyền cá về, tấp nập và rộn rịp. Rồi thì rủ nhau đi câu, hay là vào mấy vườn ổi, vườn quýt, vườn mít lân cận, mua với giá rẻ mạt, đem về cùng ăn, cùng nhậu với nhau.

Tối đến lại còn rủ thêm năm bảy đứa bạn nữa, đến trước sân nhà chúng tôi, trải chiếu ra, cùng đàn, ca, ngâm vịnh, vui đáo để.

Tôi còn nhớ mãi, tối hôm đó là đêm cuối, tất cả đã họp mặt thật sớm, sau buổi cơm tối, và ai có tài gì thì trổ hết ra cho bà con nghe. Tối hôm đó, anh Khánh đã chơi Vĩ cầm luôn mấy tiếng đồng hồ. Mà anh Khánh chơi có hạng lắm. Một anh bạn khác thì chơi tiêu, réo rắt, thê lương làm sao. Mặc dầu anh Khánh đã có giới thiệu với tất cả rằng anh Cận là một nhà thơ trẻ nổi tiếng lắm ở Hà Nội đấy. Nhưng anh này chưa thấy trổ tài cho ai nghe thấy gì cả.

Anh Cận tánh tình cởi mở, nhưng không ba hoa. Tối hôm đó, để khỏi phụ lòng anh em, anh Cận đã đọc cho nghe nhiều bài thơ, và nhiều người tấm tắc khen hay. Nhưng sau khi đọc cho nghe bài thơ với tên là "*Ngậm Ngùi*" thì tất cả đã đứng dậy cho là hay tuyệt.

Anh Khánh: "Bài này cậu sáng tác từ bao giờ đó?"

Anh Cận: "Tôi mới viết ra lúc buổi trưa ngày hôm nay, ngồi dưới gốc Dương liễu, nơi biệt thự của "ngài ngự", nhìn xuống biển".

Anh Khánh: "Thơ hay quá, "moi" đề nghị phải có người ngâm, người thổi sáo, mới đúng điệu".

Thế là hết thảy đã chỉ vào bà chị tôi, yêu cầu ngâm bài thơ này cho nghe.

Từ chối mãi không được, bà này đành phải nhận lời.

Anh Cận đã chép bài thơ ra, rồi dợt cho bà chị tôi, cho đến khi anh này cho là tạm được thì mới đem ra trình làng.

Chị tôi thì mới chập chững biết ngâm, nhưng nhờ thơ hay, nhờ tiếng sáo réo rắt, với khung cảnh hữu tình, trên trăng, dưới nước, với gió thoảng hiu hiu, với đám người thanh lịch ngồi chờ nghe im lặng, đêm đó thật là một đêm văn nghệ mà tôi không làm sao quên được.

Đây là bài thơ, có tên "Ngậm Ngùi".

*Nắng chia, nửa bãi chiều rồi,*
*Vườn hoang trinh nữ, ép đôi lá sầu.*
*Sợi buồn, con nhện giăng mau,*
*Em ơi, hãy ngủ... Anh hầu quạt đây.*

*Lòng anh, mơ với quạt này,*
*Trăm con chim mộng, về bay đầu giường.*
*Ngủ đi em, mộng bình thường,*
*Ru em sẵn tiếng... Thùy dương đôi bờ.*

*Ngủ đi, mộng vẫn bình thường,*
*À, ơi... có tiếng Thùy dương mấy bờ.*
*Cây dài, bóng xế, ngẩn ngơ,*
*Hồn anh đã chín, mấy mùa buồn đau.*
*Tay anh, em hãy tựa đầu,*
*Cho anh nghe nặng, trái sầu rụng rơi...*

Huy Cận
*Cửa Tùng 1945*

Tôi nghĩ rằng bài thơ còn dài, nhưng tôi chỉ nhớ bấy nhiêu thôi. Với cảnh tĩnh mịch của Cửa Tùng. Với gió, với nước, với trăng, với mây thì nhà thơ trẻ Huy Cận mới sáng tác ra được một bài thơ tuyệt tác như vậy. Và nhờ thơ hay mà nhạc do Phạm Duy phổ, cũng trở thành bất hủ.

Bài thơ phổ nhạc này đã được rất nhiều ca sĩ trình diễn, rất thành công. Mặc dầu nhạc xưa, lời cũ mà bài thơ nhạc này luôn luôn quyến rũ tôi, và mỗi lần nghe tôi đều lặng người ra, tâm trí đê mê nhớ lại những kỷ niệm xa xưa, nơi quê hương yêu dấu.

Mới đây tôi được nghe một nữ ca sĩ thật trẻ, thật duyên dáng, đã trình diễn với một kỹ thuật thật mới lạ. Một tí gì thật hay nơi Thái Thanh, một tí gì đẹp nơi Khánh Hà, một lối rung truyền cảm của Julio, cô ca sĩ này, cô Ý Lan đã làm tôi rung, làm tôi cảm và phục hết mình.

Tối hôm đó, bà chị tôi đã thưởng cho tất cả một nồi chè "đậu ngự" thơm ngon hết sẩy.

Và đêm đó là đêm cuối cùng của bảy ngày nghỉ mát Cửa Tùng, và đêm cuối cùng tôi được thưởng thức văn nghệ, hào hứng và thơ mộng, mà tôi chưa bao giờ có lại.

Và đêm đó cũng là đêm cuối cùng tôi chung vui với anh tôi, với anh Khánh và anh Cận.

Sau này khi đất nước bị chia hai, đôi khi đứng ở phía nam sông Bến Hải và nhìn về hướng Bắc, mà trên đồi Dương liễu u sầu kia, có ngọn cờ đỏ lấp ló, mà sau đó là bãi bể Cửa Tùng, tôi mới thấy đau đớn với cảnh chia ly, và ngậm ngùi thấm thía.

Sau này tôi được biết anh Khánh đã qua đời ngoài Bắc, còn anh tôi thì qua đời trong Nam, duy chỉ còn anh Cận còn sống sót đâu đó.

*

Sau mùa hè hớn hở vui tươi đó thì quê hương tôi đã chìm đắm gần 30 năm trong khói lửa rồi lại chịu khổ đau, trong hơn 16 năm nữa cho đến bây giờ.

Cửa Tùng thân yêu của tôi, vẫn còn đó, và bài thơ Ngậm Ngùi của Huy Cận vẫn còn đó để còn gợi cho tôi những kỷ niệm thơ ngây và êm đẹp của những ngày thơ ấu của tôi.

*Cali, tháng Ba, năm 1992*

• **Nam Cát**

# Bao giờ ta trở lại quê hương?

• **An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên**

Buổi sáng tôi thức dậy với tiếng hót líu lo của bầy chim ngoài vườn. tôi không biết chim từ đâu tới nhưng đến 5 giờ sáng là tôi nghe tiếng chim reo vui ngoài cửa sổ. Chim hót líu lo, chim reo vui, ánh nắng đã lên, bao giờ cũng vậy, tôi thầm nhủ:

- Một ngày đẹp trời lại đến.

Có những buổi sáng tôi đứng cạnh cửa sổ, nhìn ra vườn, những con chim nhỏ nhảy múa trên cành cây. Những chùm hoa đỏ tươi, những trái chanh vàng chói, mọng nước, những hàng cây xanh thẳng tắp. Tôi yêu những con chim nhỏ, tôi yêu khu vườn đầy cây xanh và cỏ xanh mướt. Xung quanh nhà tôi bốn bên nhà nào cũng cây cỏ xanh mướt, đứng trên lầu nhìn xuống dưới vườn, nhìn những con chim nhảy múa tung tăng, tôi thấy đời đẹp chi lạ. Tôi yêu hoa, tôi yêu cây cỏ, phòng làm việc của tôi có khung cửa kính thật to, nhìn hoa lan nở 4 mùa, hoa trắng có nụ vàng, hoa tím từng chùm rủ xuống mặt bàn, những cánh mềm, yểu điệu như điệu vũ thanh tao. Tôi yêu hoa, yêu những hoa trong rừng trong những cuộc hành quân trên núi rừng cao nguyên. Hoa mai trông bao giờ cũng to và nhiều cành hơn hoa ở thành phố. Hoa sống với rừng núi, hoa thanh nhã không một chút bụi bặm, ở đó không khí thật thanh tịnh trừ khi có chiến tranh xảy ra.

Thời gian qua quá nhanh mới một thoáng đã 17 năm lưu vong, mỗi lần vào nhà thương thăm một người quen thoi thóp hoặc ra nghĩa trang để đưa tiễn một người vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại, tôi thường nhủ:

- Bao giờ chúng ta trở lại quê hương, chẳng lẽ chúng ta chết ở nơi xứ lạ quê người?

Có lẽ nhiều người cùng tự hỏi như tôi, không có người nào muốn chết ở đây, và không có người nào muốn bị hỏa táng. Sinh ra và lớn lên ở quê hương thì chết cũng muốn được chết trên quê hương yêu dấu. Hơn một năm nay tôi thăm rất nhiều anh chị em cựu tù nhân chính trị, có người thoi thóp nói với tôi rằng:

- "Cô Duyên ơi, tôi yếu quá rồi, tôi không còn cơ hội để trở về, dù chết ở đây nhưng nếu đầu thai kiếp khác, tôi vẫn muốn sinh ra là người Việt Nam..."

Lòng yêu nước, yêu quê hương của người cựu tù nhân chính trị làm tôi xúc động. Tới phút cuối cùng vẫn còn nhớ về quê của mình. Sống ở Mỹ tôi quen nhiều người Mỹ, khi còn trẻ họ đi khắp nơi vì kế sinh nhai, nơi nào có công ăn việc làm tốt thì họ đến, nhưng đến lúc già, đến lúc hưu trí họ cũng tìm về nơi chôn nhao cắt rún mà an hưởng tuổi già. Rồi nhắm mắt lìa đời.

Mỗi lần đi thăm người vừa qua đời khi trở về tôi nghe ngậm ngùi vô cùng. Một buổi sáng mưa gió não nùng chúng tôi vào nhà quàng thăm Thiếu tướng Phan Xuân Nhuận, ông Nhuận mằm lặng lẽ trong hòm, con trai ốm nhom, cựu chiến sĩ Nhảy dù, cựu tù nhân chính trị mặc quần áo tang, đứng âm thầm lặng lẽ bên cạnh quan tài. Thiếu tướng Nhuận ngày xưa buổi sáng mặc áo nâu tụng kinh trước khi mặc quân phục và đến chỗ làm, thấy cảnh cô đơn của hai cha con Tướng Nhuận, tôi thầm nhủ:

- Xong rồi một thời của một Tướng lãnh.

Tôi nhớ ngày xưa Thiếu tướng Nhuận rất oai phong lẫm liệt, tôi là bạn thân của con gái ông, Hạnh học cùng một lớp với tôi ở trường Luật. Hạnh đã qua đời ở Pháp. Ngày Đại hội Nhảy dù tôi gặp Hiệp, Hiệp cho biết ông già mới qua, tôi định đi thăm, nhưng nghe ông còn yếu, tôi đợi ông khỏe, nào ngờ sau đó ông vào nhà thương rồi ra nghĩa trang. Sức lực ông tàn tạ trong những năm tháng tù đày khốn khổ. Nhiều cựu quân nhân cho tôi hay ở trong tù ông là một người tốt làm cho anh em kính phục.

Ông thường nói với người thân:

- Cho tôi qua Mỹ một ngày, thở không khí tự do rồi chết cũng được.

Ông được mãn nguyện, đến Mỹ vài tuần thì ông vào nhà thương, hai tháng sau thì ông lìa đời.

Sống chết đều có số. Nhiều khi người ra đi sung sướng hơn người ở lại. Khi tuổi già, bệnh hoạn đeo đẳng, lúc đó muốn sống cũng không được mà muốn chết cũng không xong. Xứ sở văn minh này chỉ hợp với người trẻ, người trẻ muốn làm gì cũng được, muốn học tới đâu là sẽ học đến đó. Những người già, sức yếu, muốn làm gì cũng khó. Muốn trở về quê hương thì quê hương xa vời vợi, nhiều người không dám về trong khi nước nhà chưa có tự do, dân chủ. Về mà ngủ không yên thì nào ai dám về?

Với những người trên số tuổi 50 thì đi đám cưới cũng nhiều mà đám ma cũng không ít. Người trẻ lập gia đình mong có tương lai, mong có ngày về. Người già chờ ngày về, chờ đến sức tàn lực kiệt rồi ngã gục nơi xứ lạ quê người. Tôi quý người trẻ, tôi thương người già, tôi mong ngày về, không Cộng sản. Tôi yêu quê hương tôi, tôi yêu những lũy tre làng, tôi yêu lăng tẩm cổ kính miền Trung, tôi yêu núi rừng cao nguyên đất đỏ, tôi yêu miền Nam ruộng đồng bát ngát, tới những câu hát tiếng hò tình tự quê hương.

Nhiều người nói:

- Cao Miên bầu cử xong sẽ đến Việt Nam, rồi chúng ta sẽ có ngày về Việt Nam không lâu lắm đâu.

Có người thì nói:

- Đừng ảo tưởng rằng Cộng sản sẽ chết, sẽ trao

quyền lại cho người quốc gia, chúng ta phải tranh đấu không ngừng nghỉ thì mới có ngày về không Cộng sản.

Lưu vong trên xứ người, năm nào tôi cũng nằm chiêm bao thấy mình đang ở quê nhà, hai năm đầu tôi nằm mơ thấy Việt cộng rượt. Tôi có bức tranh thêu tay từ Việt Nam đem qua, do một người sư đệ đấu giá tặng, trong tranh tả cánh đồng thanh niên thiếu nữ đang đập lúa, mục đồng đang ngồi trên lưng trâu thổi sáo, xa xa là những mái nhà tranh, những chiếc thuyền đang êm đềm trên sông nước. Ôi, quê hương tôi đẹp quá. Tôi mơ ước trở về.

Mỗi một ngày qua thì tuổi đời chồng chất, mỗi một ngày qua thì tóc bạc thêm nhiều mà ngày về thì... Dù ở đây chúng ta không thiếu một thứ gì, chúng ta đầy đủ về vật chất nhưng chúng ta thiếu về tinh thần, thiếu tình tự quê hương, nỗi niềm nhớ nhung ta không thể tả được. Ta thiếu nhiều lắm mà ta không biết ta thiếu thứ gì thì ra ta thiếu quê hương ta.

Nhiều người về thăm nhà trở qua, than rằng:

- Quê hương ta bây giờ điêu tàn lắm, ruồi, muỗi, ăn cướp, ăn trộm, thất nghiệp khắp nơi.

- Người nào cũng mong được đi. Đi càng sớm càng tốt, đi để cho trẻ con có tương lai.

- Đi để được thở không khí tự do, và về để được chết trên quê hương không Cộng sản.

Mười bảy năm trên xứ người, nhiều người thành công trên nhiều phương diện khác nhau. Trẻ con Việt Nam ở đây học rất giỏi, người lớn làm thương mại rất thành công nhờ sự cần cù nhẫn nại, tiết kiệm và đầu tư. Đa số ra đi với hai bàn tay trắng nhưng sau một thời gian người nào cũng có mái ấm nhà yên. Nhưng đời sống không phải chỉ cần có những nhu cầu cần thiết mà phải có một thứ gì khác nữa. Đó là tình tự quê hương, đó là mơ ước ngày trở về.

Hằng năm đến Ngày Quốc Hận, để kỷ niệm ngày chúng ta mất nước, nhiều cụ già tóc bạc phơ chống gậy, có người ngồi trên xe lăn đi dự biểu tình, những lúc đó tôi thường hỏi các cụ già:

- Thưa cụ, cụ có mơ ước gì không?

- Tôi mơ ước một ngày về Huế.

Nghe tiếng nói run run của các cụ già với niềm xúc động khi nhắc về quê hương tôi muốn khóc. Có ai mà không mơ ước ngày về? Có ai mà không mơ ước được về và chết trên quê hương yêu dấu của chúng ta?

Có một người nào trên 50 tuổi mà không một lần tự hỏi chính mình:

- Khi ta qua đời ta thích chôn cất hay hỏa táng? Ta có thích được nằm yên trên cánh đồng bát ngát bao la ở quê nhà để đêm đêm nghe gió lồng lộng? Ta có mơ ước được nhìn đàn con cháu lớn lên đem tài trí của chúng nó để phục vụ cho đồng bào và quê hương của chúng ta?

Hy vọng một ngày không xa chúng ta sẽ gặp nhau trên quê hương của chúng ta. Khi trở về chúng ta sẽ đi thăm nơi chúng ta ra đời, chúng ta thăm mồ mả tổ tiên, chúng ta đi thăm những người thân còn sống sót, và đi khắp nơi trên đất nước của chúng ta từ Sàigòn ra Huế, Hà Nội, từ Bến Hải đến Cà Mau. Mong lắm thay!

• **An Nguyễn**
**Kiều Mỹ Duyên**

# Ngày Nhớ Huế

• **Tạp ghi của Huy Phương**

Dù ở Saigon hay ở Cali, cứ mỗi lần trời trở lạnh se sắt và tỏa ít sương mù, lòng tôi lại bâng khuâng nhớ Huế. Phải chăng trong mỗi người Huế ly hương, có một phần sâu kín của tâm tư ấp ủ nặng hình ảnh và kỷ niệm, phần lớn là của thời niên thiếu, về Huế.

Theo ý tôi, Huế chẳng phải là đất anh hùng của *Mười hai nữ du kích kéo pháo* như Quân sử của bộ đội Cộng sản đã vẽ vời ra. Huế cũng chẳng phải là đất của Cách Mạng, của *Khí thế xuống đường* của những ngày đấu tranh dân chủ... Nếu vậy, Huế chẳng còn là Huế của tôi.

Huế của tôi là tiếng ve rộn rã trên đường Thành Nội những buổi trưa hè. Huế của tôi là hương sen ấp ủ trên mặt hồ Tịnh Tâm sáng trưa còn tỏa hơi nước. Huế của tôi là con đường bờ sông hoa phượng đỏ những ngày sân trường tỏa ra trăm nghìn tà áo trắng và tiếng cười nói reo vui. Huế của tôi là những khu vườn tĩnh mịch của phủ, bộ, đền, chùa không ánh nắng thoang thoảng mùi hương hoa sói, hoa mộc lan. Huế của tôi là những bờ sông vắng lặng, mặt nước như mặt hồ, khuấy động nhẹ nhàng bằng những tiếng chèo khua nước.

Ai đã không trải qua những ngày vui đơn giản vô tư, đạp xe đạp qua những con đường đồi lên Vọng Cảnh, qua Minh Mạng, về Nam Giao... uống "đọi" nước chè tươi dưới chân chùa Linh Mụ, ăn chén bánh bèo sứt miệng cạnh núi Ngự Bình *trước tròn sau méo*, thơ thẩn trên những con đường sát bờ sông An Cựu "*Nắng đục mưa trong*".

Ôi Huế, dư vị của những tô bún bò cay xé miệng, những chén chè còn ngọt đến ruột rà. Dấm nuốt Vĩ Dạ, cơm hến, bánh canh Nam Phổ, bánh khoái Đông Ba, cơm Âm Phủ..., mỗi món một vẻ, ăn một lần đi xa nhớ mãi.

Huế với những tiếng rao *ai ăn chè đậu ván* trầm bổng lê thê, âm điệu tiếng *ru em - théc cho muồi à ơi* buồn buồn. Trên sông, câu hò mái nhì ngọt ngào đưa đẩy *Thuyền về Đại Lược, duyên ngược Kim Long*, trong làng tiếng hò giã gạo tục thanh thanh tục *Khoan tới khoan lui*, tiếng Nam Ai ai oán *Nước non nghìn dặm ra đi*, tiếng đàn tranh nỉ non khóc trên *Tương tư khúc* sầu vời vợi.

Huế là đất xưa của Chiêm Thành, còn vướng vất đâu đây tiếng gió hờn reo trên những đỉnh tháp cao nên tiếng ca câu hò âm hưởng chuyện ai oán nước mất nhà tan. Huế với những vương tôn công tử *mệ chém củ khoai*, đói thì cũng nằm trên *chiếu cạp điều*, chỉ *xơi với thời* chẳng bao giờ ăn uống

như người phàm tục. Huế với những điếu *Cẩm lệ*, bình *uống trà*. Huế với những o gánh hàng ra chợ, những mệ bán hàng rong vẫn áo dài tha thướt.

Phần âm u của Huế lẩn quất ở con *đường Âm Hồn, quán Âm Phủ, Mả Ông Trạng*. Huế oan khuất bởi cái chết của hàng nghìn dân chúng trong ngày 23 tháng Năm Giáp Thân thất thủ kinh đô, Huế hận thù bởi nghìn người bị chôn sống trong Tết Mậu Thân. Huế với năm 1975 lại một lần thất thủ với hàng trăm xác người chết vì pháo trên bãi Thuận An.

Huế nghèo nàn, đau khổ, oan ức với không khí những ngày lễ Tết, phảng phất trầm hương, nhang khói, nghẹn ngào như tiếng đàn nhị sắt nát ruột gan của người nhạc sĩ mù dưới góc cầu Gia Hội ngày nào.

Thuở thiếu thời tôi yêu Huế biết bao với những buổi sáng mù sương qua cầu Trường Tiền, tìm em ở đâu khi em lẫn cùng với sương khói *Áo em trắng quá nhìn không ra*. Những chuyến đò ngang *Thừa Phủ, Đập Đá* dù tôi đã vội chân cũng trễ, đò đã rời bến với em trên đó, để tôi nhìn theo ngẩn ngơ.

Thuở thiếu thời tôi yêu biết bao với những buổi học bài trên *nhà súng*, ngọn gió Nam đã ru tôi ngủ. Những chiều lên *Nam Đài* nhìn về *Bạch Hổ, Kim Long*... đoán chừng nhà ai ở hướng nào trong những vườn cây xanh mướt.

Sau gần mười năm không gặp lại Huế, cuối năm 1981 bọn chúng tôi được chuyển từ Bắc nào Nam trên chuyến xe lửa do Ấn Độ viện trợ, xuất phát từ ga *Mỹ Lý*. Tầu qua ga *Sông Bồ*, qua ga *Hiền Sĩ*, qua *Văn Đá*... qua ga *Triều Sơn Tây* là tưởng chừng như đã thấy Huế. Khi qua cầu An Hòa, xe lửa chạy chầm chậm lại. Ở quãng đó Quốc lộ 1 và đường xe lửa đã sát kề nhau. Bỗng một mùi bốc lên cửa sổ, mùi của một nồi bún bò đẫm vị sả, ruốc, ớt sực nức. Tôi chồm ra cửa sổ; dưới quốc lộ sát con tầu một o gánh bún bò, áo nâu vá đang ngước mắt nhìn con tầu qua. Thoáng một chốc bao nhiêu kỷ niệm về Huế hiện ra. Ôi, Huế của tôi đây.

*An Hòa, Cửa Hữu, Nam Đài, Bạch Hổ*... Tầu chạy qua ga Huế mà không dừng lại. Qua những hàng rào kẽm gai, tôi nhìn những bà con Huế đưa tay rụt rè vẫy gọi. Tôi về Nam mà không được dừng lại thăm Huế của tôi, nơi cha tôi nằm xuống khi tôi chưa về, nơi mẹ tôi vẫn thường chờ một chuyến tầu từ Bắc vào Nam.

Huế hôm nay như một nàng thiếu nữ hoàng tộc lấy phải anh chàng cục súc. Huế vẫn đẹp, nhưng Huế tàn phai đổ nát. Nhiều người đã bỏ Huế ra đi, và đi xa hơn nữa. Huế hôm nay không còn thuần là người Huế, là của Huế. Nhưng tôi nghĩ Huế vẫn ở trong tôi, trong anh chị, những người Huế tha hương *cùng một lứa bên trời lận đận*.

Huế là đất *đi để nhớ không phải ở để mà thương*, nhưng xa rồi mới thấy thương lẫn cùng nhớ.

Nhờ những người thiện tâm thiện chí đứng ra tổ chức, giờ đây mỗi năm đến với *Ngày Nhớ Huế* để gặp lại những người bạn Huế, ăn một vài món Huế, nghe một đoạn thơ, thưởng thức một bài hát về Huế, ôn lại vài kỷ niệm về Huế... cũng là một điều an ủi cho những người lưu vong mất nước, chưa có dịp thực hiện một *chuyến hành hương* về thăm lại Huế.

Năm nay, giữa muôn vàn ngổn ngang của sinh kế, công ăn việc làm, những người Huế vẫn còn một ngày để *nhớ Huế*. Nếu chiều nay, vì nợ áo cơm tôi không đến với *Ngày Nhớ Huế* được, thì Huế *chẳng thiếu một ai*, nhưng trong tôi, tưởng chừng đã thiếu Huế. Xin tạ lỗi cùng Huế và bạn bè thân thiết.

• **Huy Phương**

# Quê tôi, Làng Sình

• **Nguyễn Tùng**

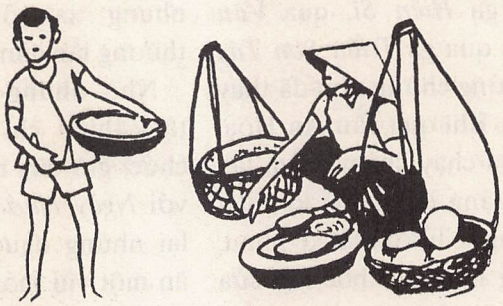

*Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá*
*Đò từ Vỹ Dạ, thẳng ngã ba Sình,*
*Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,*
*Giọng hò xa vọng, nặng tình nước non...*

Câu ca dao trữ tình lâu ngày biến thành câu hò mái nhì man mác, nỉ non tình quê hương đậm đà làm tôi nhớ về quê nội: làng Sình.

Từ hai nguồn Tả, Hữu trạch xuôi dòng chảy ra biển, sông Hương lặng lờ, đủng đỉnh để lại hai đoạn giao lưu gợi tình, gợi cảm: Ngã ba Bảng Lãng (Truồi) và Ngã ba Sình.

Ngã ba Bảng Lãng đẹp vì ở đây sông núi như liên tiếp nối liền, đồi cây xanh màu lục diệp ngút ngàn vi vu gió lộng. Cái đẹp vừa hùng vĩ vừa mơ màng. Đến ngã ba Sình, cảnh vật đổi khác. Sông nước trải dài toàn một màu xanh da trời thắm dịu, cái đẹp nên thơ dịu dàng chốn đồng quê. Hai bên bờ sông cánh đồng san sát, bát ngát màu xanh non, bên này huyện Phú Vang, bên kia bờ sông một phần huyện Hương Trà, qua các làng Thủy Tú, Thanh Phước, Kim Hai, Tiền Thành, trồi lên cao một chút, huyện Quảng Điền, rồi xa xa huyện Phong Điền với con sông Bồ Giang thoăn thoắt tuôn về phá Tam Giang.

*Kim Long dảy dọc tòa ngang*
*Em chèo một chiếc đò ngang về Sình,*
*Đôi lứa mình lỗi hẹn ba sinh*
*Có mần răng đi nữa cũng trọn tình với nhau...*

Cùng một câu hò mái nhì mái đẩy, giọng hò nghe từ ngã ba Sình trải rộng lan dài, âm thanh trầm lắng có lúc nghe như đứt khoảng vì hơi đưa mạnh hơn hòa nhịp với cỏ cây sông nước, với đồng xanh cần cù lao động.

"*Hương giang nhất phiến nguyệt*", mảnh trăng trên sông Hương của Tiên Điền Nguyễn Du phải chăng là đây, nơi ngã ba Sình, khi những tiếng hò... o... ơi kéo dài như bất tận rơi rớt trên khoảng "mênh mông trời rộng nhớ sông dài".

Trăng in hình lồng lộng trên bóng nước lăn tăn, trăng soi mình trên những thôn xóm mập mờ sau mấy hàng tre, trăng vời vợi trên cánh đồng thơm màu lúa vàng nuôi sống người "dân hiền cảnh lịch" Thừa Thiên - Huế.

Gọi ngã ba Sình, vì đến đây, bên mặt làng Sình, bên trái hai làng Thanh Phước - Thủy Tú đối diện; sông Hương chia thành hai nhánh, một thuận dòng chảy về Thuận Hóa, Thuận An, một hợp lưu với sông Thanh Phước - Kim Hai (1).

Ngược dòng lịch sử xa xăm, trước khi có Huế - Kim Long, Huế - Phú Xuân, ngã ba Sình "nặng tình nước non" hay ngã ba Sình "lỗi hẹn ba sinh" cũng là ngã ba cổ thành châu Hóa khi đọc lại Ô Châu Cận Lục:

"Ngôi đền Minh Uy đứng vững ở đầu nguồn, tòa thành châu Hóa khép chặt lấy cửa sông" (2).

Cổ thành châu Hóa nằm ở đâu?

Không làm công việc của nhà khảo cổ, xin tạm nói ngay rằng: Một nơi nào đó phía bên kia ngã ba Sình, hướng về huyện Đan Điền, sau này đổi tên là huyện Quảng Điền. Cũng ở đâu đó, đoạn dài sông Hương chảy qua đây có khúc sông ngày xưa gọi là sông Đan Điền, có khúc gọi là sông Kim Trà.

Trước khi sát nhập lãnh thổ Đại Việt với cổ thành châu Hóa, nhờ vị trí sông nước thuận lợi khi đường bộ đi lại còn khó khăn chưa mở mang nhiều, phần đất cực Bắc này của Chiêm Thành hẳn phải là vùng đất dân cư trù mật có từ lâu đời.

Tiếp thu vùng đất mới, hai triều đại nhà Trần, nhà Hồ kế tiếp khai phá, xây dựng thêm và ngã ba Sình đã trở thành vị trí chiến lược then chốt về phương diện quân sự cũng như kinh tế, nhờ đó hai châu Ô, Lý cũ ngày thêm phồn thịnh "mức tiến hóa có thể sánh ngang với thượng quốc" (3).

Dài dòng với ngã ba Sình như vậy để bạn đọc thấy rằng, trên dưới 350 năm trước khi có Huế - Kim Long (1636), Huế - Phú Xuân (1687), Huế sơ khai "tạo thiên lập địa" chính là đây, cổ thành Châu Hóa.

Và biết đâu, từ địa danh châu Hóa, một cách vắn tắt, giản dị trong ngôn ngữ hàng ngày, người dân đã biến Hóa thành Huế kể từ giai đoạn khai nguyên đó.

Nói có sách, mách có chứng. Chưa có chứng liệu rõ ràng, người viết không dám vội vàng kết luận như trên, mà chỉ làm một sự gợi ý, hy vọng rồi đây các nhà Sử học sẽ khám phá đầy đủ hơn.

Trở lại với quê tôi, làng Sình.

Tên chữ, tên theo đơn vị hành chánh là làng Lại Ân, một địa danh có từ lâu đời, ít nhất cùng một thời với Dương Văn An, tác giả Ô Châu Cận Lục (1554) như đã ghi rõ ràng trong tác phẩm: "Làng Lại Ân giàu có nhờ buôn một bán mười".

Tên chính thức, làng Lại Ân có đó, nhưng cũng từ lâu đời, dân chúng vẫn quen gọi làng Sình. Nói nôm na làng Sình, đi về Sình thay vì nói Lại Ân, người đối thoại dù chưa biết làng Sình cũng sẽ dễ dàng nhận diện, mường tượng một nơi nào hay vùng nào đó, nhiều lần nghe nói tới.

Hỏi về nguồn gốc tại sao gọi làng Sình, trước nay gần như một "thông lệ", nhiều người cho rằng Sình cũng như Sịa, gốc Chàm mà ra!

Đành rằng trong ngôn ngữ địa phương có một số từ mang âm hưởng Chàm hay Cổ Việt còn thông dụng đến ngày nay, nhưng không thể vì sự kiện ấy rồi tổng quát hóa cho rằng tất cả những từ nghe nôm na, lạ tai, kể cả các địa danh, đều gốc Chàm cả. Tìm hiểu nguồn gốc làng Sình, tại sao không tìm về cội nguồn dân gian trước khi đi xa hơn vào lãnh vực sử học, ngôn ngữ học thông thái!

Trong các địa danh Thừa Thiên - Huế, nghe nôm na lạ tai không phải chỉ có hai tục danh làng Sình, làng Sịa. Chịu khó trở về ký ức không xa xôi lắm, còn nhiều làng xã, chợ búa, bến đò, núi, sông mang nhiều tục danh đơn âm, nghe còn "lạ tai" hơn như Sậy, Nậy, Nữu, Sam, Tuần, Truồi... Trong việc hình thành ngôn ngữ đời này qua đời khác, và nước nào cũng vậy, rất nhiều từ mới được đặt thêm sau. Ngoài cách cấu tạo bác học (formation savante), bình dân đại chúng đã góp phần không nhỏ làm giàu có thêm gia tài tiếng mẹ đẻ.

Đại chúng bình dân giản dị, thay vì dùng tên chữ, tên chính thức, họ coi mặt đặt tên, dễ hiểu, dễ nhớ. Tuy nôm na, nhưng cũng đầy đủ tượng thanh, tượng hình và tượng ý. Một lô địa danh về các chợ rất quen thuộc ở Thừa Thiên như chợ Nọ, chợ Cát, chợ Hôm, chợ Mai, chợ Thông, chợ Nan, chợ Biện, chợ Gót, chợ Đình, chợ Đò... nhắc lại đây để nói thêm về nguồn gốc cấu tạo ngôn ngữ do dân chúng làm ra (formation populaire) như trường hợp làng Sình.

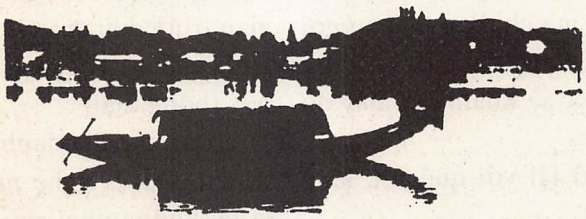

Chữ Sình, nếu không phải là tiếng Việt cổ, ít nhất cũng đã thông dụng trong dân chúng từ lâu, lâu đời lắm lắm, như các sách Tự điển cổ xưa đã ghi. Cùng với cuộc Nam Tiến của người Việt, chữ Sình phổ biến khắp cùng miền Nam đến nay vẫn còn giữ nguyên định nghĩa ban đầu.

Trước năm 1945 khá lâu, lúc mới lên bậc Trung học, tò mò về chữ nghĩa làng Sình, tôi hỏi ba tôi về nguồn gốc làng Sình và được giải thích đại khái còn nhớ như sau:

*- Con thấy sở nhà "đoan" (Thương Chánh) và cầu xi-moong nơi ghe đò đậu không? Con thấy hàng hóa chất lên để xuống và mấy ông lái ghe hai chân lấm đầy bùn không? Con hay tắm sông bến "đoan", bến Đình phải không?*

*Thấy chi! Có phải bùn lầy, bùn sình không? Đạp lên bùn mà đi, trên cạn hay dưới sông cũng rứa, hai chân sình lên xọp xuống... phải không? Không phải bến nhà đoan, bến chợ Đình mà cả dãy bờ sông làng mình, dưới nước trên bờ ngày trước đều bùn lầy, sình lên xọp xuống. Sình là rứa đó, bến Sình, làng Sình do đó mà ra, chớ mô nữa... Thời ông nội còn nhỏ đã có tên làng Sình, bến đò Sình lâu rồi. Dãy nhà đoan to lớn nhất huyện mình mới làm từ hồi Tây qua, ngày xưa trước thời ông nội lâu lắm, làng mình đã có trạm thâu thuế ghe đò qua lại buôn bán ngã ba Sình...*

Tóm lược lý lịch làng Sình: Tên chữ, làng Lại Ân có trước, cách đây ít nhất 400 năm; tục danh làng Sình có sau, không biết lúc nào.

Muốn về Sình có thể đi bộ hay đi đò. Ra bến Tượng, lấy đò dọc từ sông Đông Ba chèo xuống Bao Vinh, qua bãi Thanh Tiên, Triều Sơn, tùy gió xuôi hay gió ngược độ một giờ là đến ngã ba Sình. Đi đường bộ đến chợ Bao Vinh, thẳng đường đến Triều Sơn rồi Thủy Tú có đò ngang qua bến Thanh Phước, từ đó thêm một chuyến đò ngang nữa qua bến Sình.

Tiện nhất, từ Bao Vinh dùng đò ngang qua Tiên Nộn, thẳng về Mậu Tài, Lại Ân. Có "xe điện" về Sình còn dễ hơn. Từ Đập Đá xuống huyện Phú Vang, qua khỏi cây cầu gỗ, xe phăng phăng theo dãy đồng vắng đến ngã ba Mậu Tài. Thấp thoáng xa xa, mái chuông nhà thờ, đến gần chút nữa một ngôi "nhà Tây" hiện ra bên khóm tre.

Làng Sình, xóm trên, bắt đầu từ đây, nhà ông "Mười Vạn", nói theo lối đặt tên của dân làng. Chủ nhân ngôi biệt thự, họ Hà, bỏ làng ra đi lập nghiệp, vô tận Sadec hay Bạc Liêu gì đó. Lập gia đình nơi ruộng cò bay thẳng cánh, Hà chủ nhân trúng số mười vạn đồng. Một trăm ngàn đồng vào giữa thập niên 30 to lắm. Đã làm ăn khá giả lại trúng số độc đắc, ông Mười

Vạn để ra một số tiền lớn vừa giúp đỡ bà con làng xã, vừa xây một cái "nhà Tây" thay thế ngôi nhà cũ.

Cách nhà ông Mười Vạn không xa là nhà tôi, kế tiếp đó là một ngôi nhà khác, cũng "nhà Tây" thuộc gia tộc họ Hà, có người làm quan đầu tỉnh, nay thuyên chuyển nơi này, mai đổi qua địa phương khác nên ít khi về làng. Đi "ba bước" nữa tới chợ, cạnh chợ là nhà thờ Lại Ân, một họ đạo lớn thuộc huyện Phú Vang. Nhà học giả thông thái hiểu biết rất nhiều về sử địa Việt Nam, Linh mục Cadière hồi mới qua Việt Nam đã một thời làm Cha sở họ Sình.

Nối liền khu vực nhà thờ Lại Ân là một dòng nữ tu lo việc giáo dục con em trong đạo ngoài đời. Cũng lại đi "ba bước" nữa là sở Thương Chánh, kiến trúc to lớn đồ sộ. Sáu, bảy kho muối phía sau, dài... dài lắm, chỉ biết vậy thôi.

Thuở nhỏ nghịch ngợm, có dịp về làng là xông xáo lục lạo khắp nơi nhưng chưa bao giờ tôi được dịp "thanh tra" sở Thương Chánh, biết mặt ông Tây "đoan" và chiếc xe điện bảnh bao của ông. Làng Sình, xóm dưới là đây, tôi thuộc làu từng con đường đá, từng mô đất, từng bụi tre khóm trúc.

Từ chợ, rẽ tay trái dọc theo bờ sông trải rộng đến sát ranh giới làng Mậu Tài là xóm trên. Có chùa, có miếu, nhà cửa vườn tược cây trái sum sê, nhưng xóm trên không vui bằng xóm dưới, có đình, có chợ, có trường học.

Không kể trường "a, b, c" của mấy nữ tu, làng tôi có thêm hai trường học khác. Gần nhà ông Mười Vạn là ngôi trường làng, cấp Sơ học Yếu lược. Đứng trước sân trường, dưới hàng dương liễu phất phơ nhẹ nhàng, nhìn qua bên kia đường là trường Dòng thánh Francois. Trường xây trên một đám đất rộng, ba tôi tặng cho nhà Dòng, hồi tôi mới ra đời, để làm trường học sáu lớp, học đến lớp Nhất thi bằng Ri-me. Bên cạnh dãy lớp học cao ráo sáng sủa, đối diện với sân chơi là một cái hồ, không rộng lắm, nhưng xung quanh nhiều cây cao bóng mát. Mùa hè nghỉ học về làng, rủ thêm vài người bạn cũng như tôi, người làng nhưng đi học trên dinh, chúng tôi thường ra hồ câu cá. Hết làm ngư ông, chúng tôi lang thang qua ngả chợ, xuống bến Đình bơi lội.

Chợ làng tôi, ngoài tên chợ Lại Ân, chợ Sình, còn có tục danh chợ Đình vì chợ nằm sát cạnh đình. Chợ không to lắm, ba dãy nhà ngói nằm ba góc liền nhau là những cửa hàng tạp hóa bán đủ sản phẩm "nhập cảng" từ chợ Bao Vinh, chợ Đông Ba. Ghé thăm chợ Đình qua ký ức, tôi nhớ lại một truyền thống lâu đời ở quê tôi: Vật làng Sình (Vật khác võ, như võ Bình Định). Hội Vật, tổ chức tại đình làng, đều đều mỗi năm sau Tết, đúng ngày mồng mười tháng Giêng, Âm Lịch. Không biết ngã ba Sình, cổ thành châu Hóa với những trận đánh lịch sử xảy ra tại đây, có liên hệ gì với môn vật làng Sình không?

Cả miền Trung, chạy dài đến Phan Thiết vô tận Nam Kỳ lục Tỉnh, hình như chỉ có làng Sình còn giữ truyền thống môn vật này.

Có điều chắc chắn, theo lời các bậc cao niên trong làng kể lại, là môn vật phát xuất từ miền Bắc. Cùng với các đợt Nam Tiến, các đoàn di dân núi Nùng, sông Nhị đã đem môn vật vô Đàng Trong và ngã ba Sình tình cờ đã trở thành điểm hội tụ của các tay võ nghệ tài danh. Môn vật dừng lại đây, lâu ngày trở thành truyền thống.

Hồi nhỏ, tôi mấy lần được về làng coi vật. Không biết nhiều về cách tổ chức trận đấu, về các lực sĩ tham dự, nhưng tôi nhớ rõ khung cảnh tấp nập, vui vẻ ngày 10 tháng Giêng như một ngày hội lớn tiếp nối những ngày Tết vui chơi còn chưa dứt hẳn. Không có thể lệ ghi tên tham dự, không có quảng cáo rùm beng như đấu

quyền Anh, đúng ngày đúng tháng, lực sĩ các nơi tự động kéo về tranh giải.

Đấu trường, hình vuông có lẽ, mỗi bề chừng 5 mét, đặt ngay tại sân đình, có ghế ngồi dành riêng cho các bô lão, chức sắc trong làng.

Mấy hồi trống chầu gọi là trống lệnh mở đầu hay kết thúc trận đấu. Các tay vật mình đồng da sắt, có đủ dân miền biển, miền núi thi nhau trổ tài. Muốn vật ngã đối phương không phải chỉ cần to con, tay chân rắn chắc mà còn phải lanh lẹ, ít nhiều thông minh để khai thác sơ hở của đối thủ. Lực sĩ nào bị đối phương vật ngã, lưng dính đất coi như thua trận. Người thắng trận cuối cùng là người đã lần lượt hạ "đo đất" tất cả các đối thủ từ sáng đến chiều.

Làng Sình tổ chức vật, dân làng Sình làm trọng tài, khán giả đa số dân địa phương, tuy vậy chẳng bao giờ có chuyện khiếu nại xảy ra.

Nhắc đến võ vật làng Sình, xóm dưới, không thể không nhắc thêm một kỷ niệm lâu đời khác của làng tôi: tranh Sình.

Gọi tranh Sình vì do làng Sình làm ra và gần như giữ độc quyền sản xuất từ lâu đời.

Tranh Sình là danh từ hiện đại hóa sau này. Dân làng tôi ngày xưa gọi giản dị, nôm na hơn, vẽ đồ thờ, đồ cúng... Đúng hơn là một loại tranh mộc bản, nhưng kỹ thuật thô sơ và phẩm chất kỹ thuật còn non kém. Đề tài tranh vẽ là hình ông Quan Công mặt đỏ, đức Phật Bà hiền từ, hình bát Tiên, bát bửu, hình tứ linh, voi, ngựa, cọp, heo. Giấy in hình vẽ là một loại giấy thấm nước ngày xưa sản xuất tại chỗ, gọi là giấy tinh, giấy bổi; màu hay phẩm mua ở chợ đem về dùng.

Hình vẽ theo mẫu khắc sẵn trên bản gỗ; đặt giấy lên khung, lấy tay vuốt nhẹ để mực in lên giấy. Hình in xong với những đường nét lờ mờ, người thợ chỉ cần tô màu lên theo mẫu cố định. Cũng có khi, thích màu nào tô màu ấy, miễn đẹp theo ý mình.

Không biết ngày xưa có bao nhiêu gia đình sinh sống bằng nghề thủ công nghệ này; có bao nhiêu người trong nghề đi lập nghiệp ở làng khác.

Còn nhỏ, chẳng bao giờ tôi quan tâm đến ngành thủ công nghệ này. Tôi nhớ mang máng rằng trước năm 1945, cả làng Sình hình như chỉ có hai, ba gia đình chi đó còn tiếp tục đeo đuổi cái nghề chẳng lấy gì khấm khá lắm.

Gia đình chú H. với người con trai, thằng Sáu, xóm giềng với O Khóa ở xóm dưới, là một. Có họ hàng xa với gia đình tôi, anh em tôi thường ghé lại "coi cho biết". Công việc vẽ đồ thờ, cũng như làm đồ mã, đối với chú H. chỉ là nghề phụ. Mỗi năm nhiều lắm 3 tháng... Làm xong vừa kịp bán Tết, còn lại ra giêng, hai bán lai rai. Là một nghề gia truyền, nên trước làm răng sau làm rứa, ít ai nghĩ đến việc cải tiến kỹ thuật và mỹ thuật.

Thật tình, dù có muốn cũng không làm được, vì chẳng bao giờ được ai hướng dẫn hay huấn luyện. Hồi xưa, kể cả người làng Sình, có bao nhiêu người biết làng Sình có ngành thủ công nghệ này, còn nói chi đến việc khuyến khích nâng đỡ.

Riêng phần tôi cũng vậy, hồi còn ở Sàigòn, lâu lâu về Huế, về thăm làng cũng như làm một chuyến "pélerinage de routine". Có

mấy khi tôi nghĩ đến việc cùng góp công góp sức kiến thiết làng nước, duy trì những truyền thống tốt đẹp nơi quê cha đất tổ.

Tỵ nạn tha hương, xa lìa xứ sở thân yêu, mất Huế rồi mới cảm thấy thấm thía chốn quê hương đẹp hơn cả, mới biết rằng mình nợ quê hương, nợ Huế, nợ làng Sình rất nhiều.

Với tuổi đời sắp xế bóng trăng lu, biết còn làm gì được nữa không! Chỉ còn trông chờ nơi thế hệ con cái; ngày ngày khuyến khích, hướng dẫn con cái mình. Ráng học thành tài, nay mai đất nước dành lại tự do, dân chủ, cùng nhau trở về làm việc xây dựng lại quê hương mình.

Chỉ có hai chữ Việt Nam, uy nghi và lẫm liệt, đó mới thật là quê hương mình, đời đời.

• **Nguyễn Tùng**

*Paris 7-5-91*

*Tiếng Sông Hương 91*

**CHÚ THÍCH:**

(1) làng Sình, có tên chữ Lại Ân thuộc huyện Hương Phú, cách Huế không xa, ngay bên kia sông Bao Vinh (một đoạn sông Hương): Huế, Ngàn Năm Văn Vật, Viện Văn Hóa Việt Nam, Sàigòn, 1989, Tr. 79.

Rất tiếc, nếu tác giả Phương Anh chịu khó đến tận nơi hay mở bản đồ Huế ra coi lại sẽ thấy rằng, làng Sình ở ngã ba Sình, chớ không bao giờ ở "ngay bên kia sông Bao Vinh". Từ Bao Vinh về đến làng Sình còn xa, xa lắm mới tới nơi. Làng Sình, ở ngã ba Sình đối diện với xã Thanh Phước, nơi giao lưu của sông Hương với sông Kim Đôi - Thanh Phước.

Bến đò Bao Vinh, ở ngay chợ Bao Vinh, có đò ngang qua xã đối diện, xã Tiên Nộn.

(2) Ô Châu Cận Lục, Dương Văn An, Bùi Lương dịch, Saigon 1961.

(3) Ô Châu Cận Lục. Sđd.

(4) Môn đấu vật phát xuất từ miền Bắc có lẽ từ lâu đời như nhiều câu tục ngữ, ca dao còn truyền tụng:

*Ba Chạ trăm đô, An Cồ trăm tướng*

Ba Chạ, tức làng Liễu Đôi, huyện Thanh Liêm (Hà Đông) ngày xưa nổi tiếng về môn võ vật. Hàng năm dân làng mở hội vật, có kiệu rước linh đình.

*Ai ơi qua cánh Cửa Vua*
*Xem cầu làng Tháp, xem chùa Tam Thôi*

Cánh Cửa Vua, tức cánh đồng làng Tháp (làng Liễu Đôi) ngày xưa là nơi diễn ra các trận đấu vật.

•

# Tiếng Chuông Thiên Mụ

*(Để nhớ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế)*

Vạc kêu, sương rụng võ vàng,
Nửa vành trăng lạnh, đêm tàn thê lương.
Thuyền ai đậu bến sông Hương,
Tiếng chuông Thiên Mụ, nhớ thương thêm buồn.

*(Quê hương, những ngày hoa mộng)*

• **Hồ Trọng Khôi**
**Paris 92**

# Về thăm Cầu Ngói Thanh Toàn

• **Thanh Toàn**

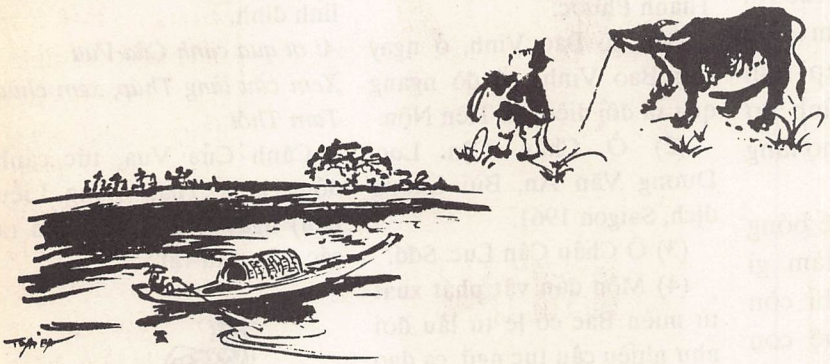

*Như chuyện hoang đường cổ tích,*
*Sáng nay tôi về Cầu Ngói thân thương,*
*Đường quê trải mát bóng dương,*
*Đồng xưa thơm ngát mùi hương đòng đòng.*

*

*Dáng ai bên chiếc gàu sòng,*
*Nhịp nhàng tát nước vào đồng lúa xanh.*
*Có con chim nhỏ trên cành,*
*Bình minh vẫn hót trong lành tình ca.*

*

*Về đây sao thấy đậm đà.*
*Thanh Toàn Cầu Ngói mặn mà tình quê.*
*Dừng chân nghỉ mát bên lề,*
*Mái cầu che phủ bốn bề nắng mưa.*

*

*Thương người đi sớm về trưa,*
*Siêng năng cần mẫn cày bừa lo toan.*
*"Ai về Cầu Ngói Thanh Toàn*
*Cho em về với một đoàn cho vui".(1)*

*

*Đứng lên ngồi xuống thụt thùi.*
*Giã từ Cầu Ngói bùi ngùi nhớ thương.*
*Thanh Toàn hình ảnh cố hương.*
*Tôi đi cầu ở vấn vương bao tình.*

• **Thanh Toàn**

Tác giả chú thích:

Cầu Ngói Thanh Toàn còn gọi là Cầu Ngói Dạ Lê, nằm ở Xã Thủy Thanh, làng An Cựu, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, thành phố Huế. Có hai câu ca dao về Cầu Ngói nổi tiếng:

*(1) Ai về Cầu Ngói Thanh Toàn.*
*Cho em về với một đoàn cho vui.*

*Ai về Cầu Ngói Dạ Lê*
*Cho em về với thăm quê bên chồng.*

Hiện tại Cầu Ngói Thanh Toàn được xem là di tích lịch sử làm từ thời nhà Hậu Lê, do công quả của bà Trần Thị Đạo. Hiện trên cầu có một am thờ Bà. Hàng năm đều có làm lễ kỷ niệm Bà. Đường về Cầu Ngói đi qua cánh đồng An Cựu hai bên đường làng trồng dương liễu, lúa trải thảm xanh rờn... Cầu Ngói Thanh Toàn là một cái nôi của thi ca xứ Huế cùng với thôn Vỹ Dạ, đồi Thiên An, điện Hòn Chén, các cảnh chùa như Bảo Quốc, Tây Thiên, Diệu Viên, Thiên Mụ, Sông Hương, Núi Ngự, Trà Am góp nên vẻ đẹp mỹ miều, thơ mộng cổ kính của chốn cố đô Huế.

•

# BEN HUR và MESSALA

• **Trần Vũ**

Vĩnh sống lâu ở nước ngoài rồi đưa Ngọc trở về Huế. Ngôi nhà của dòng họ Vĩnh nằm ở số 60/13 Điện Biên Phủ, tức là đường Nam Giao cũ. Khi còn ở ngoại quốc, Vĩnh thường kể với Ngọc nghe về ngôi nhà đầy kỷ niệm của gia đình chỉ cách bờ sông Hương non một dặm về hướng Nam. Lẫn trong những mẩu chuyện quá khứ của chồng, Ngọc luôn có cảm tưởng Vĩnh bị ám ảnh bởi các phế tích cũ nằm rải rác phía sau nhà ra đến chân chùa Vạn Phước. Những cái "mả loạn", "giếng loạn" tình nghi là thuộc thời Tây Sơn mà Vĩnh kiêu hãnh kể lại những cuộc đuổi bắt trên gò đống tha ma lúc nhỏ, với một người bạn thân duy nhất - tên Trịnh Hải Đàm.

Về tới trước cổng, Vĩnh xúc động trông thấy. Mồ hôi rịn từ lỗ chân lông, bỗng vã ra đột ngột cùng với xúc động bùng vỡ của bao năm ngăn cách. Toàn thân Vĩnh lạnh hẳn đi, tay chân cứng không sao cất bước nổi. Vĩnh líu ríu nói không ra lời, trong lúc Ngọc bỡ ngỡ nhìn ngắm dinh cơ của gia tộc chồng. Căn nhà cất xây theo lối nhà vườn Huế, nên các tàng lá sum suê bủa rộng từ những thân cây chi chít trĩu cành. Hơi gió rì rào, vun vút qua đầu mọi người. Vĩnh choáng váng lúc bước lên lối đi dẫn vào gian chính giữa, dùng làm gian nhà thờ, mà theo tục xây cất cổ hãy còn giữ lại một bức bình phong sừng sững, sần sùi với hàng chữ tô nổi *Phúc Thọ*. Họ hàng, người nhà đổ ra đón Vĩnh. Bà Ngãi trông thấy con, xổ òa tóc tai bù lu bù loa kêu gào kể lể. Tiếng khóc giọng Phường Đúc của mấy mụ đàn bà trong họ tỉ tê ri ri hệt nhà có đám. Vĩnh đứng chết lặng trong vòng tay gia đình. Hành lý vất ngổn ngang cho lũ cháu lục lọi. Chỉ có Ngọc là xa cách, lạ lẫm đứng riêng biệt một góc nhìn cảnh tượng diễn ra trước mắt.

Vĩnh cùng khóc với bọ mạ một lúc thì hồi lại. Giây phút giao cảm với số phần mà *trời đất định cho* qua đi, Vĩnh mới từ từ nhận ra những khác biệt mâu thuẫn lạ lùng đang nẩy sinh thành tâm trạng của chính mình. Không ai hiểu được Vĩnh lúc đó. Hiểu được cái cảm giác của người đàn ông mười sáu năm sau trở về, còn trông thấy cái vỏ ốc do chính tay mình ném vào bể nước cạn thuở nhỏ, hãy còn nằm nghễn trong ngách. Những vết sẹo mủ ở thân cây gây ra từ vết dao nghịch ngợm tuổi thơ vẫn còn đó. Một nửa tâm trạng Vĩnh

đắm chìm vào ký ức cũ. Nhưng cùng lúc với chấn động của tình cảm chia cách dứt lìa vừa hàn nối, Vĩnh chạm phải một ấn tượng mới thật mạnh mẽ rằng *tất cả vụt thu nhỏ* lại. Sắc lá xanh thâm thẫm của khoảng sân vườn rộng mênh mông, bấy lâu chập chờn ẩn hiện, um tùm rậm rạp trong trí nhớ Vĩnh bỗng hiện ra chỉ vỏn vẹn một doi đất rào ngay ngắn, dăm hàng chè tươi mọc trĩu qua lối đi. Cả ông bà Ngãi cũng nhỏ quắt queo. Người thím họ co rút lại giống bị tàn phế, và thằng Hậu - đứa em kế Vĩnh cũng không lớn thêm được chút nào từ ngày Vĩnh bỏ nước.

Ông Ngãi gọi Vĩnh và Ngọc ra lạy trước khám thờ tổ. Nhưng Ngọc theo đạo Công Giáo vùng vằng tỏ ý không chịu. Vĩnh bất đắc dĩ phải quỳ lạy một mình. Bó nhang bén lửa cứ phựt lên làm Vĩnh phải vẩy mấy lần trước khi cắm vào bát sành bầy trên hương án. Gian buồng thờ tối om, âm u đe dọa trong trí nhớ Vĩnh bao năm ở ngoại quốc, với hình nộm Phương Tướng cầm đao đuổi quỷ dữ tợn, với lá thế kỳ màu đen thêu bốn chữ "Hổ Sơn Vân Ám", tự dưng hóa ra bình thường khi Vĩnh ngửng lên giữa thanh thiên bạch nhật, giữa đám đông họ hàng chờ đợi, vái lạy rồi xá vong. Vẫn chừng ấy thứ đồ cúng. Một mâm ngũ quả, hai đĩa xôi gấc, một đĩa thịt luộc, hai cây đèn sáp, một lọ hoa lài và chiếc lư đồng. Khác chăng là di ảnh của những người quá cố, đã khuất mặt, mà thuở niên thiếu Vĩnh luôn tránh ánh mắt, lúc này tẻ lặng, bất lực, bạc nàu. toàn thân Vĩnh ngầy ngật, đầu óc bần thần rã ra vì ý nghĩ đang gặp lại tâm thức cũ nhưng cùng lúc không phải là tâm thức cũ. Tất cả đã thu nhỏ lại. Ngay cả xúc động lớn lao bồi hồi mới vừa rồi khi Vĩnh trở về đất tổ, cũng đang thu nhỏ lại, tan đi...

Bà Ngãi nấu hai món mực ống nhồi cùng bò bóp thấu để đãi con và dâu ở nước ngoài về. Mùi nhang đèn, mùi rượu cồn đốt từ đống vàng mã ông Ngãi đương hóa vàng trước khuôn tĩnh chôn sau vườn xông lên nồng nặc, ngun ngút làm Ngọc khó chịu. Trước bữa ăn, Ngọc trông cái cốc thủy tinh bầy trước mặt mình có dính một cợn bẩn, mở xắc lấy giấy ra chùi. Cử chỉ đó bị bà Ngãi và cả dòng họ Vĩnh bắt gặp. Ngọc phải nhìn lên bức hoành phi chạm lộng hình rồng để tránh ánh mắt mọi người. Tâm thần Vĩnh như người chết đuối được vớt, hồn không thoát đi nhưng nhập lại xác, từ từ tỉnh táo. Xúc động đi qua, Vĩnh ồn ào trả lời mọi người về đời sống ở nước ngoài. Cuối bữa ăn, Vĩnh bất chợt ngửng lên hỏi thăm về Đàm. Người chú họ nghe hỏi, đang no say cười sặc lên chế giễu: "Cháu tôi Nguyễn Khắc Vĩnh hắn về quê giống như Lữ Bố đi xa nhớ Điêu Thuyền, không gặp Trịnh Hải Đàm không chịu nổi!" Mọi người quanh bàn cùng cười rộ, nhưng Vĩnh không cười. Thằng Hậu thấy anh nóng ruột thì nhanh nhẩu đáp: "Anh Đàm công tác cho xí nghiệp ở Hội An chưa kịp về". Vĩnh nghe thằng Hậu nói, mắt đập vào bức mành vàng chanh mắc nơi hàng rầm thượng. Bao nhiêu năm bức mành vẫn ở y nguyên một chỗ, không xê dịch chuyển dời đi đâu. Vĩnh trông bức mành nhớ chỗ mình thường ngồi tập đàn Tây Ban Cầm với Đàm. Căn buồng ăn không gió, nên bức mành thẳng đờ không lay động. Vĩnh cố hình dung ra cảnh tập đàn lúc trước, với Tịnh bạn gái Đàm, không hiểu Tịnh bây giờ còn đẹp như xưa? Nhưng gian buồng ăn đầy ắp tiếng động, tiếng cười ồm ồm của người chú họ, giọng Phường Đúc của bà Ngãi, tiếng răng nhai trạo trạo của thằng Hậu và tiếng thở bực dọc của Ngọc khiến Vĩnh không sao hồi tưởng lại được. Khuôn mặt Tịnh cứ nhòa đi bên cạnh bóng áo trắng của Đàm đến

rồi đi trước tấm mành. Tâm thức Vĩnh rõ rệt là chưa lắp lại được vào đúng vị trí cũ. Còn thiếu một con ốc, một mũi chỉ, một khoảng trống của một hình ảnh mà Vĩnh biết rõ là do sự vắng bóng của Đàm.

Tàn tiệc. Chờ hết khách, ông Ngãi và thằng Hậu thay nhau khui những thùng quà Vĩnh đem về. Bà Ngãi một mình âm thầm thu dọn chén đũa đem xuống nhà dưới rửa, không quên liếc nhìn con dâu, lúc Ngọc quày quả bỏ bàn ăn vào phòng riêng. Đêm khuya, trăng thượng tuần ở Huế tái mét lạnh lẽo. Bà Ngãi úp hết chén bát, nói với chồng: "Thằng Vĩnh hắn lấy phải con vợ mất nết". Ông Ngãi chỉ ậm ừ không đáp. Thằng Hậu dọn mền chiếu sang ngủ chung với đôi vợ chồng già, nhường buồng cho Vĩnh và Ngọc, đang buông mùng trên đất nghe vậy chen vô cố cãi: "Chị dâu hắn ăn mặc rộ nhứt Huế!"

Đêm đầu. Vĩnh vật vã không sao ngủ được. Gió lay màn cửa đập phành phạch thành tiếng động chầy về của quá khứ dộng từng nhát vào óc Vĩnh. Tiếng nước chảy róc rách ở ống cống sau hè. Mùi nhang đèn còn vướng u uất. Dăm tiếng dế khuya gáy rìn rịt trong cỏ mượt và tiếng thở bực bội đứt quãng của Ngọc nằm bên cạnh không cho Vĩnh an giấc. Mớ hình ảnh cũ cứ lan vào buồng, tràn chung quanh gối, dội lên trần rồi quanh quất nơi cửa sổ. Nhưng cái hình ảnh thực tại là thân thể đẫy đà của Ngọc

thì cứ ở đó, sát ngay cạnh không chịu hòa nhập vào làm một, gần như một chướng ngại không cho Vĩnh trở về với quá khứ. Vĩnh muốn tâm sự với vợ, nhưng Ngọc nằm quay mặt vào vách, từ khi về Huế chỉ nói một câu duy nhất: "Tôi không ở đây lâu. Anh liệu đưa tôi trở sang bên ấy, không thì mướn khách sạn cho tôi ở". Vĩnh im lặng, cố tảng lờ như không nghe. Trong bóng trăng, có tiếng nước rào rào thằng Hậu đi mót khuya dội cầu chảy tồ tồ thật mạnh. Ngọc ngao ngán chép miệng. Suốt đêm, cả nhà ông Ngãi không có người nào chợp mắt nổi.

*

Những xúc động của Vĩnh khi gặp lại Đàm, không giống những xúc cảm mãnh liệt đã xảy ra khi Vĩnh trở về Huế gặp lại song thân. Vĩnh đã chờ đợi, mường tượng, mơ ước, suy diễn phút giây gặp lại Đàm trăm nghìn lần, từ lúc còn ở ngoại quốc, ngay cả trong những giấc mơ dằn vặt, ám ảnh, Vĩnh luôn thấy mình gặp lại Đàm - như một chứng nhân của tuổi hoa niên ở Vĩnh - biểu tượng cho quá khứ tuổi trẻ. Trong giấc mơ, Vĩnh luôn ôm vồ lấy Đàm, đấm thụi thùm thụp vào lưng bạn, hét to, thét gọi gần như la thất thanh để giải tỏa ẩn ức cô độc kiềm hãm bị dồn nén. Bằng tưởng tượng, Vĩnh sướng lịm đi khi gặp lại bạn cũ. Hai người thanh niên nói với nhau thao thao hàng giờ, không có biên giới, không có ngăn cách giữa họ, như thể cả hai chưa xa nhau một ngày, một giờ, một giây khắc nào. Họ là *đôi bạn*. Cùng một tâm trạng. Nhưng lúc Đàm ở Hội An về, bước qua cổng, thì tất cả hoàn toàn khác.

Đàm có dáng vẻ của một người dân quê sống ở Quảng Trị hơn là nơi kinh thành Huế. Cử chỉ hận đời, đôi dép đứt quai khâu lại bằng một cọng kẽm, gọng kính nhựa trầy nhiều chỗ, Đàm khác hẳn người bạn mà Vĩnh thường đèo sau lưng xe đạp qua cầu Bạch Hổ để đến trường Quốc Học khi trước. Chỉ có nụ

cười còn phảng phất chút đùa nghịch.

- Tưởng không gặp lại mầy nữa.

Đàm ngắm Vĩnh quan sát, rồi vươn tay tự tiện rút điếu thuốc ngoại Vĩnh để trong bao đặt ở góc bàn. Đàm nghịch nắp bật lửa, mở đậy mở đậy rồi đập đập một đầu cán thuốc, trước khi dưa lên kẽ răng châm lửa, thở ra từng sợi khói vàng đặc nghệ như da thịt của người Huế.

- Tao đi rồi có chuyện gì đặc biệt xảy ra không?

- Nhiều lắm, ban đầu chuyện gì cũng lạ, chướng tai gai mắt có, *scandale* có, thảm khốc có, riết rồi giống nhau không còn gì đặc biệt. Lúc mầy mới đi, tao viết cả một tập nhật ký để dành cho mầy đọc, xong rồi cũng quẳng. Biển Thái Bình cũng không chứa hết chuyện của Huế. Nhưng mầy hỏi làm gì?

Giọng Đàm tàn nhẫn.

Vĩnh không dám đi sâu vào những câu chuyện đau thương của Huế, rót cà-phê vào hai cốc, cố nhớ những chuyện đã kể với Đàm trong giấc mơ, khi còn ở ngọi quốc nằm mộng trở về Việt Nam.

- Mầy còn nhớ phim Ben Hur mình xem đầu năm Đệ tam? Cuốn phim La Mã có thằng Charlton Heston đóng.

- Nhớ.

- Tao sang bên ấy có xem lại. Cái cảnh mà thằng Messala người La Mã trở về Jerusalem tìm thằng bạn cũ kết nghĩa Do Thái Ben Hur, hai đứa nó phóng lao lên đà nhà, hai cây lao bay vút đi rồi chập làm một cắm sát nhau, tao có ý nghĩ thật kỳ cục nếu Thượng Đế cho phép trở về Huế gặp lại mầy, tao cũng bắt chước làm như vậy. Mầy ở nhà không hiểu sự mong ước của người ra đi, nhớ nhung quay quắt đến cỡ nào.

- Mầy muốn ví tao là thằng Ben Hur bị trị thống khổ?

Đàm nhếch môi cười không có tiếng. Chỗ Đàm và Vĩnh ngồi, có một lằn nứt sâu của đất chạy dài ra tới khuôn tĩnh. Với người xưa, đó là dấu hiệu của đất bị chạm long mạch, tối kỵ. Nhưng với Đàm, thế hệ sinh sau không hề có sự bận tâm cho đất cát. Đàm dụi tàn thuốc ở cái khe nứt, trong lúc Vĩnh lắc đầu.

- Không hẳn. Ý tao muốn nói là những kẻ ra đi không thực sự sung sướng như bọn chúng mầy nghĩ đâu. Tụi tao bị dằn vặt tinh thần. Bằng chứng là suốt mười sáu năm tao chỉ có một mơ ước duy nhất trở về Huế gặp lại gia đình, mầy, trông thấy thành phố cũ một lần nữa rồi mãn phần.

- Mãn phần?

Đàm đang khuấy cà-phê, ngạc nhiên ngửng lên nhìn Vĩnh. Vĩnh chưa kịp giải thích thì Đàm bật phá ra cười.

- Mãn phần? Có hàng triệu thằng ở đây chỉ mong được chết sung túc, trong một cái áo quan tiện nghi chôn ở Nữu Ước, huyệt đào dưới chân thần Tự Do trong lúc mầy đòi mãn phần ở cái xứ sở này! Trái đất đúng là một cái vòng. Chết thì thành vòng luân hồi, sống thì là vòng tròn quẩn quanh. Mầy thực sự muốn mãn phần ở Huế?

- Bọn chúng mầy mới là những đứa mơ tưởng. Thứ nhất thằng nào nói với mầy sở thích chết chôn ở New York, nó sẽ không được toại ý.

- Tại sao? Sống mới khó, chết thật dễ.

Đàm đốt thêm điếu thuốc ngoại, nhìn Vĩnh bằng một sự ngờ vực mà trước đây chưa hề có. Vĩnh cũng nhận ra giữa mình và Đàm không còn sự cảm thông như trước. Chỉ có nhân dáng của tình bạn, còn tình bạn thực sự thì họ chưa tìm lại được.

- Đúng. Chết thật dễ. Nhưng tiền mua đất để chôn thì không dễ kiếm. Mầy chưa bao giờ trông thấy cái lò thiêu xác ở New York. Nó không phải một cái lò, mà là căn phòng của địa ngục. Tin đi, trông thấy mầy sẽ sợ, vì biết chắc chín

mươi chín phần trăm là mầy sẽ phải kết thúc cuộc đời trong căn phòng đó. Ở Huế ít ra có thể được chôn sau vườn, giỗ tết hương khói hoa quả đầy đủ, sống gần người thân, chết gần người thân, hồn lìa thì xác vào nằm trong đất mẹ. Tụi mầy vọng ngoại làm sao hiểu được hạnh phúc của một kiếp người chỉ cần chừng ấy.

Câu chuyện gặp gỡ, không ngờ trở thành cuộc cãi vã. Đàm nhìn Vĩnh lạ lẫm. Vĩnh biến mất khỏi cuộc sống Đàm, bẵng đi mười mấy năm, rồi tự nhiên trở về nói những chuyện nhân sinh: cuộc đời, con người, hạnh phúc sau khi chết. Những đề tài mà họ chưa khi nào đề cập với nhau. Ánh mắt Đàm nhìn Vĩnh chăm chú ở mọi góc độ, đến nỗi Vĩnh cũng nhận ra sự lạ lùng trong đôi mắt bạn. Biết mình lớn tiếng, Vĩnh đâm ngượng, bỏ ngang cuộc bàn cãi. Tự trong thâm tâm Vĩnh thất vọng với Đàm thì ít, mà thất vọng với chính mình thật nhiều. Ước muốn ôm chầm lấy người bạn học cũ một thời gắn liền với tuổi hoa niên của Vĩnh vẫn còn đó, nhưng chỉ ở yên trong lòng mà không sao chuyển hóa thành hành động. Vĩnh không sao thực hiện, nhấc tay lên được. Làm như có sự biến đổi lạ lùng mỗi khi Vĩnh giao tiếp với thực tại. Thậm chí đến cả sự hiện diện của Đàm, mà mới đêm rồi, Vĩnh hãy còn cho là nhân tố quyết định giúp mình tìm lại tâm thức cũ, cũng trở nên nhàn nhạt không mấy cần thiết. Cả Đàm nữa, tại sao Đàm không ôm chầm lấy Vĩnh như trong tất cả các giấc mơ? Không làm những cử chỉ thân mật đã có giữa hai người bạn?

Đàm không hiểu sự phức tạp đang diễn ra trong lòng một người đàn ông vừa trải qua sự thử thách quá lớn của *khác biệt không thời gian* mười sáu năm, lắc đầu:

- Mầy thay đổi nhiều quá, Vĩnh. Tao chịu không hiểu. Nói bỏ qua, nhưng tao có cảm tưởng tụi mầy ở ngoại quốc dư cơm thừa thịt, đâm thích nghĩ những chuyện vớ vẩn. Mà ngay cả trong ý nghĩ vớ vẩn mầy cũng tự mâu thuẫn lấy: Nếu những kẻ chọn ở lại là Ben Hur, thì không thể ngoại vọng. Ben Hur là một người Do Thái yêu nước. Mầy đồng ý không? Chỉ có Messala mới là kẻ phản bội, trở về để thống trị thành Jérusalem và đày ải Ben Hur ngay trên chính quê hương của Ben Hur.

- Tao không có ý nói về đây để thống trị Huế. Mà có muốn cũng không được, tao trở về chỉ mang theo ký ức cũ, không có sức mạnh nào khác. Mầy kẹt lại, nên không sống với quá khứ mà hướng đến tương lai, có lẽ vì vậy mà tao với mày không hiểu nhau.

Giọng Vĩnh gay gắt. Đàm ngồi vắt chân lên ghế đẩu, tựa lưng vào bức tường đắp bằng gạch vồ, từng đọt nắng rung rung rơi rụng theo những cọng lá khô ngả xuống thân áo Đàm.

- Mầy vừa nói trở về với ký ức cũ, không mang theo sức mạnh vào khác? Có mà mầy chưa thấy đó thôi.

Đàm vừa nói vừa với lấy cái ví da của Vĩnh để trên bàn, mở ra lấy xấp tiền giấy xòe thành hình cánh quạt.

- Mầy mới về nhà chưa đi đâu, nên chưa rõ. Những đồng đô-la xanh này mạnh hơn tất cả những đạo quân La Mã mà thằng Messala mang vào thành Jérusalem. Ít ngày nữa mầy sẽ thấy. Tao chỉ sợ lúc đó mầy thay đổi hơn bây giờ nữa.

Vĩnh im lặng, một phần chấp nhận những ý nghĩ của Đàm, phần khác trông thấy rõ khoảng cách vô hình cứ lớn dần giữa hai người.

Đàm như cũng nhận ra điều đó, tìm cách lảng chuyện:

- Tối nay mầy có dự tính gì không?

- Không. Chi vậy?

- Đi ngủ đò với tao.

- Ừ, ngủ đò. Người Huế mà không thích ngủ đò thì không phải người Huế.

Đàm nhìn Vĩnh tinh nghịch:

- Có mục kia?

- Dĩ nhiên là phải có.

- Mầy bây giờ tiến bộ hơn xưa.

Vĩnh nhìn Đàm chăm chú. Từ khi hội ngộ, lúc này Vĩnh mới bắt gặp trở lại tính nết đùa nghịch cũ của Đàm. Nhưng vẫn có cái gì đó khang khác lạ lùng đến từ đề tài mà Đàm vừa gợi ra. Cho đến lúc họ phải rời xa nhau, mười sáu năm trước, hai người bạn thân chưa hề dám thổ lộ với nhau những chuyện riêng tư thuộc về tình dục.

Đàm khoát tay, tỏ ý nói Vĩnh chậm tiến:

- Không phải "tiến bộ". Mầy xài không đúng chữ. "Tiến bộ" ở Việt Nam là để chỉ những người Cộng sản chuyên chính.

- Vậy gọi sao? "Hủ hóa" à?

- "Hủ hóa" xưa rồi. Bây giờ để chỉ những hành vi ăn chơi, nhà nước có chữ "đổi mới". Dạo trước ngủ đò bị cấm, gần đây "đổi mới tư duy" cho hành nghề trở lại. Mầy ở ngoại quốc về, nên đi một phùa cho biết. Buổi tối trôi giữa dòng sông, ăn lạc rang, uống nếp cẩm, nhậu khô cá thiều, rồi nằm nghe đứa con gái kể chuyện cuộc đời nó vì sao đưa đẩy ngọc nát bèo trôi không thú à?

- Hẳn nhiên là thú. Nhưng chuyện đó để sau, lát nữa mầy dẫn tao đi thăm lại những khu phố cũ, tao nhớ quá.

Câu chuyện của Vĩnh và Đàm chợt đứt ngang vì tiếng guốc bà Ngãi khua trong vườn. Từ nãy, Ngọc ngồi dũa móng chân trên tấm phản con kê trước khuôn tĩnh. Ngọc mặc váy ngắn, đầu gối co lên đến ngực, nên để hở cả đùi và quần lót hướng về mộ người chết. Bà Ngãi ba lần bốn lượt cắp rổ ra sân ho húng hắng làm hiệu, nhưng Vĩnh mải chuyện, còn Ngọc thì hoàn toàn không chú tâm đến bất cứ điều gì xảy ra quanh mình. Tiếng guốc của bà Ngãi đi ra lần này khua khá mạnh, khiến Đàm quay lại nhìn vô tình trông thấy dáng ngồi của Ngọc. Vĩnh bắt gặp tia mắt Đàm rơi đọng trên phần đùi hở hang của vợ mình lấy làm ngượng. Bà Ngãi muốn mỉa con dâu, đon đả mời Đàm ở lại dùng bữa:

- Cậu Đàm ở lại ăn cơm Tây hỉ? Tui già rồi một mình nấu cơm cho năm bảy miệng ăn cũng không có chết ai mô!

Bà Ngãi không đợi cho Đàm nhận lời, quày quả trở vô bếp, lấy dao phay chặt thịt trên thớt phầm phập. Vĩnh trong bụng muốn rủ Đàm đi ăn hiệu, bước theo định bảo bà Ngãi đừng nấu nướng chi cho mệt. Nhưng lúc bước qua gian bếp đổ nát, trần mái xiêu vẹo, khói than cay nồng và tro đất trây trét từng bệt lớn, Vĩnh chợt xốn sang nhìn hình ảnh mạ mình còm hai vai chẻ tre làm nhóm. Bà Ngãi vươn cánh tay già héo bắc bếp. Những giọt nước sôi bỏng sóng sánh trên mặt chảo gang. Tình mẫu tử ở đâu vụt dậy lên dâng trào trong máu huyết Vĩnh. Máu từ cổ vịt bà Ngãi đang cứa chảy ứa ra lai láng. Bát tiết canh đông lại dần, nhưng máu mủ của huyết thống thì cứ tiếp tục chảy trong da thịt Vĩnh.

Đàm đứng ngoài sân, đợi một lúc lâu thì thấy Vĩnh từ trong bếp trở ra, bảo Ngọc:

- Em vào phụ mạ làm tiết canh vịt.

- Mạ anh thèm ăn thịt thì sai thằng Hậu ra chợ mua về, hết bao nhiêu tôi trả.

Ngọc vừa sơn móng tay, chưa khô, bực mình đáp sẵng. Cơn giận bốc ùa lên đầu khiến mặt Vĩnh đỏ bừng. Vĩnh nổi nóng muốn bợp tai vợ, nhưng thấy Đàm đứng đó nên kịp dằn lại. Bà Ngãi đang trong bếp nghe tiếng con dâu, giẫy lên:

- Thằng Vĩnh gọi hắn vào đây tau dạy!

Ngọc không vừa, lồng lên, giọng chua không kém:

- Kể từ nay tôi không phải là con dâu nhà này. Anh ở thì tôi đi!

Bà Ngãi đứng chết trân nhìn con dâu cãi tay đôi với mình. Vĩnh run khắp người vì giận. Ngọc bước ba bước giật cái ví đầm treo ở móc. Thằng Hậu thấy chị dâu tiến ra cổng thì nhảy vội ra dắt chiếc xe Cúp Nữ Hoàng Vĩnh mua cho hôm về.

- Chị đi đâu tôi chở!

Thằng Hậu chở Ngọc ra khỏi nhà. Vĩnh rượt theo định đánh thằng Hậu và bắt Ngọc lại, nhưng bà Ngãi đã chạy vội ra níu áo con:

- Để cho hắn đi! Thứ ni tau không giữ!

Tiếng máy xe thằng Hậu nổ bành bạch. Bóng nó với Ngọc đã biến đi rồi mà Vĩnh hãy con tê điếng vì giận. Đàm thấy nhà bạn có chuyện, không dám ở lâu, vội vã cáo từ ra về. Vĩnh không tiễn Đàm về, cũng không ăn món tiết canh bà Ngãi dồn hết công phu lẫn cay đắng ra làm. Bát tiết không ai đụng đến, đen đặc, đỏ bầm. Giấc trưa trong vườn nhà ông Ngãi hơi nóng bốc lên ngùn ngụt.

*

Mười ba ngày sau Ngọc cho người đưa giấy về nhà, nói trở ra ngoại quốc, nếu Vĩnh không trở sang Mỹ thì đâm đơn ly dị. Vĩnh cầm bức thư trên tay, giải thích với Đàm:

- Sau năm 75, ra nước ngoài làm bao nhiêu gia đình Việt Nam ly tán. Mầy không sống trên đất Mỹ để thấy những ông bà già năm sáu mươi tuổi còn đưa nhau ra tòa ký giấy ly thân. Bây giờ về nước, thêm những gia đình tan vỡ vì không chịu nổi sức va chạm quá mạnh của hoàn cảnh địa lý. Đó là quy luật. Mình phải hiểu để chấp nhận những tráo trở của cuộc sống.

Giọng Vĩnh nặng, hơi lớn tiếng như nói cho cả nhà Đàm cùng nghe. Tịnh, vợ Đàm, đang dọn ăn phải ngửng lên nhìn. Tịnh bắt gặp Vĩnh đang ngắm mình, mắt Vĩnh đọng ở cổ áo Tịnh vừa cho con bú còn hở khuy. Lúc tia mắt Vĩnh chạm đến ngực Tịnh, thì Vĩnh cũng đột ngột ngưng nói. Cả gian buồng ăn chỉ còn trơ lại tiếng dép lội mưa lưa thưa bèm bẹp của mấy mụ hàng rong đi rảo ngoài đường rao cơm hến, vọng vào. Mưa lai rai nhay nhắt từ sáng không tạnh. Tịnh cài cúc áo cổ, rồi trở xuống bếp. Đàm ngồi bên cạnh Vĩnh, lắc đầu:

- Không phải tráo trở, mà là hệ quả của mâu thuẫn. Tụi mày ra nước ngoài chạm phải mâu thuẫn ở xã hội Mỹ, rồi về nước đem theo khối mâu thuẫn đó, giản dị chỉ có vậy.

- Không đơn giản như mầy nghĩ đâu. Có những trạng huống tâm thần khác

lạ mà mầy không thể hiểu nổi.

Vĩnh ngắt lời Đàm, thở bung những vòng khói xám nghịt lên trần. Thái độ có vẻ khinh bạc của Vĩnh làm Đàm khó chịu. Không phải cung cách của một ngoại kiều, mà là của nhà Chúa. Chúa Nguyễn Hoàng. Chúa Nguyễn Phúc Chu. Chúa Nguyễn Khắc Vĩnh. Đàm cũng đốt thuốc liên miên, hỏi ngược lại:

- Chẳng hạn?

- Chẳng hạn như hồi ở ngoại quốc, tao chỉ ao ước đào được một cái ao con, thả dăm cánh sen, để chiều chiều bắc ghế ra ngồi uống trà nhìn sen nở. Khát vọng nhỏ như vậy mà mười mấy năm không thực hiện được.

- Tại sao không được? Tụi mầy bên đó tiền rừng bạc bể.

- Không phải chuyện tiền, mà là thời giờ. Mầy không hiểu thì giờ bên kia hiếm như thế nào. Lúc chiều đi với mầy ngang hồ Tịnh Tâm, đứng trước mặt hồ ngập đầy sen, tao mới thấy cuộc đời thật kỳ dị. Bên kia có những thứ thừa mứa, mà bên này không có.

Còn ở nhà có những thứ quý mà tụi mầy không biết hưởng.

Vĩnh dụi tàn thuốc. Mấy chữ "tiền rừng bạc bể" Đàm nói mỉa làm Vĩnh bực tức. Những thằng ở Việt Nam không hiểu để có được đồng tiền trên đất Mỹ, phải đánh đổi những gì riêng tư nhất để trở thành một cái máy. Vĩnh xòe tay chỉ cặp liễn vẽ hình Bát Tiên và Tứ Linh mà bà Cảnh - mạ Đàm - treo lây lất sau một cánh cửa. Đôi liễn chuồn chép hai cậu thơ: *Vạn tuế uyên nguyên bất tuyệt, thiên thu trợ đậu di hương,* mà Vĩnh đoan chắc cho đến giờ này Đàm vẫn không hiểu hết ý nghĩa.

- Một cặp liễn cổ như vậy, bên Mỹ là cả một sự quý giá. Ở nhà mầy vất trong góc, nhưng bên kia đối với tụi tao là biểu tượng của dân tộc.

- Mầy vừa nói ở nhà có những thứ quý mà tụi tao không biết hưởng? Đó là vì mầy không chịu hiểu rằng các thứ quý đó không còn thuộc về đám dân Huế này nữa. Cả cái mặt hồ Tịnh Tâm ngập đầy sen của mầy ban chiều cũng thôi là của Huế. Mất cả rồi.

Đàm trả lời Vĩnh, chua chát. Càng ngày ấn tượng đánh mất tình bạn càng rõ rệt trong đầu Đàm. Tại sao Vĩnh không hỏi thăm về những lúc xưa giữa họ, về cái *Công Ty Vĩnh Đàm* hài hước mà bạn bè trong trường gán cho họ. Từ hôm Vĩnh trở về Huế, Đàm là người có cuộc sống xáo trộn hơn hết. Đang công tác cho xí nghiệp ở Hội An, hấp tấp cáo bệnh trở ra Huế, nhưng gặp lại Vĩnh, Đàm mang tâm trạng bực nhiều hơn vui. Bao nhiêu năm, những bức hình hào nhoáng của Vĩnh gởi từ Mỹ về đối với Đàm là một viễn ảnh tương lai mà Đàm mong ngóng đạt tới. Bây giờ được trông thấy tận mắt tương lai của mình bằng xương bằng thịt, Đàm có ý nghĩ buồn rầu là nó chỉ đẹp ở bên ngoài, còn trong hồn đầy những khúc mắc. Vĩnh khui chai rượu Tây đem theo, rót đầy ly cho hai người, rồi hỏi vặn bằng một giọng lạnh lùng:

- Vậy cái hồ của ai?

- Của "tập thể". Mầy không trông thấy những khẩu hiệu dán đầy ngoài đường đó sao? "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Giản dị có vậy và cũng chỉ vì vậy mà người ta ra đi.

Đàm uống cạn mấy ly rượu mạnh liền, mặt đỏ nhừ. Vĩnh nhìn đôi dép đứt quai khâu bằng một cọng kẽm của bạn, rồi nhìn Đàm tháo kính chùi những hạt mưa lấm tấm của Huế, đang bắn vào cặp mắt hấp háy mệt mỏi của Đàm, thương hại:

- Trại tị nạn đầy rồi. Tụi mầy đi nữa vô ích. Đã đến lúc phải xây dựng lại cái xứ sở đã quá mục nát này, mầy không thấy cần sao? Đi nữa, đi hết còn gì? Mầy nên thay đổi cách suy nghĩ. Ra đi bây giờ muộn rồi. Thế kỷ tới là của chung sống hòa bình, không phải của chiến tranh và trại tị nạn. Thế giới đang đi vào con đường "sống chung" đó. Thời gian sắp tới, tụi ở bên Mỹ còn về nhiều nữa, tụi nó sẽ mở hãng xưởng, lập nhà máy, nắm hết nền kinh tế ở nhà. Mầy nên chuẩn bị, làm việc với tụi ở Mỹ về, không giống như mầy "lao động"

hiện giờ đâu. Tin tao đi: Tụi nó sẽ bắt mầy làm đúng tám tiếng một ngày, không thiếu một giây! Đi trễ: đuổi sở. Nghỉ bệnh: đuổi sở. Ăn cắp vặt: ghi vào sổ đen, suốt đời không được mướn. Nghe tao đi, thời gian sắp tới sẽ rất gay go cho tụi mày. Không vốn đầu tư, không khả năng kỹ thuật, mầy bắt buộc phải đi làm công. Nếu không chịu thay đổi cách nhìn bây giờ, lúc đó mầy sẽ thấy cuộc sống còn khổ hơn nữa.

- Thay đổi cách nhìn?

Đàm ngửng lên ngó Vĩnh ngao ngán. Ngôi nhà của gia đình Đàm, mười sáu năm sau chỉ còn trơ lại cặp liễn chuồn tàn tạ. Thay đổi duy nhất là chiếc nón Phú Cam của Tịnh, từ khi lấy Đàm, treo ở móc. Tịnh không ngớt lên xuống săn đón Vĩnh. Bà Cảnh - mạ Đàm - đang làm bếp, lâu lâu cũng tươi tả chạy lên nói những câu ve vuốt khách. Đàm vừa ngượng vừa tự ái vì thái độ của mạ và vợ. Từ hôm Vĩnh trở về Huế, Đàm để ý thấy mỗi bận Vĩnh phát biểu một điều gì đó, mặc nhiên được mọi người tung hô. Bà Cảnh và Tịnh cũng không thoát ra khỏi tập quán mới mẻ này. Đợi hai người đàn bà trở vào bếp hẳn, Đàm mới chắp một nụ cười nhạt:

- Vĩnh, mầy đi lâu quá rồi, không hiểu những gì đang xảy ra ở đây, đừng nói với tao những điều vừa rồi. Nếu mầy muốn kể một chuyện khôi hài thì được.

- Tao không kể chuyện khôi hài.

- Mầy đang kể mà không biết. Hôm đầu tiên về, mầy kể chuyện Ben Hur và Messala, nhớ không? Bây giờ mầy cũng đang kể chuyện những thằng Messala trở về Jérusalem để mua hết của cải, vật chất, sức lao động và khuyên những người Do Thái bị tước hữu, rằng các anh hãy ở lại thành Jérusalem để xây dựng vương triều La Mã! Không khôi hài sao? Chỉ một điều mà mầy nghĩ không tới, là cuối cùng Messala chết thê thảm trong cuộc đua ngựa ở đấu trường với Ben Hur. Dân tộc Do Thái cũng như dân tộc này sẽ vượt qua tất cả!

Đàm uống cạn cốc rượu, dằn mạnh ly, rồi bỏ ra cửa sổ, kéo mạnh tấm liếp che mưa đang bắn vào nhà. Vĩnh vẫn ngồi ở bàn, nói sau lưng Đàm:

- Tao muốn mầy trả lời tao điều này: Dân tộc Do Thái vượt qua thử thách vì được Thượng Đế của họ giúp đỡ. *Dân tộc này, đất nước này có gì và còn gì để bước qua thế kỷ thứ hai mươi mốt?*

Một tiếng sét xé trời, chói lòa lọt qua khe hở mà Đàm chưa kịp khép. Tia chớp tan vụn ngay trên khuôn mặt Đàm. Trong một giây, Đàm có ấn tượng như tiếng sét không đến từ bên ngoài, mà theo câu hỏi của Vĩnh quật xéo trong lòng mình. Mùi đất xông mưa, ui ui lầm thầm xuyên giữa hai người.

*

Mấy tháng sau bữa cơm ở nhà Đàm, Vĩnh nhận được hồ sơ ly dị do Ngọc gởi từ Mỹ về để điền. Bà Ngãi đang ngồi nhai trầu trỏm

trẻm, thấy Vĩnh điền đơn, tán đồng:

- Con nớ mất nết, mi bỏ là phải. Ai đời trong nhà mộ tổ là trọng, ngữ ni ngồi giơ cả háng.

Bà Ngãi vừa lẩm bẩm, vừa nạo cháy trong cái ôm làm bằng gốm Phước Phú. Cái om nắn trộn đất sét Dương Khánh, lâu năm trầy trụa mẻ lở. Về Huế, càng ngày Vĩnh càng thấy ngôi nhà của dòng họ giống như một vật đã trụt lùi vào quá khứ, bỗng bị đem ra phơi dưới ánh sáng, phô bày mọi ngõ ngách của thời gian cũng hiện đầy trên mặt ông Ngãi.

- Bỏ hắn rồi tiền bạc có phải chia không mi?

Vĩnh nghe bọ hỏi, khẽ lắc đầu:

- Đám cưới có hợp đồng, không sợ lỗ.

Ông Ngãi gật gù thỏa mãn, bà Ngãi vẫn nạo cháy rồn rột. Thằng Hậu đánh xe ở cổng vào, vừa trông thấy Vĩnh đã xun xoe, ve vãn. Từ hôm làm tiền Ngọc cuốc xe, thằng Hậu mới thấy mình dại: Ham mối lợi nhỏ, để mất mối lợi lớn, xoay lại nịnh bợ Vĩnh. Nhưng tánh thằng Hậu bất sất, lỗ mãng, nói nhiều câu trơ trẽn:

- Mệ già, mệ trẻ ở Huế thiếu giống chi. Anh cần bao nhiêu tôi kiếm?

Vĩnh đang soạn các thứ giấy tờ trong ví, nghe thằng Hậu đề nghị nham nhở, đâm bực.

- Không kiếm ai hết. Để xe nhà tao đi coi đất.

- Anh đi đâu, tôi chở!

Thằng Hậu lại nhanh nhẩu, nhưng Vĩnh đã gạt phắt:

- Đi với mầy núi cũng hết. Đụng một chút là ăn xài. Mười mấy năm không làm ra được một đồng bạc, bắt tao nuôi đến bao giờ?

Vĩnh mắng thằng Hậu như tát nước. Ông bà Ngãi động lòng, ngồi nghe cũng cúi gầm mặt. Gió đưa mấy cọng khói nhang cháy nghi ngút, phảng phất. Mấy đĩa xôi cúng ruồi nhặng, kiến bu đầy. Bà Ngãi lấy cớ ra vườn hóa vàng. Vĩnh nhìn theo bóng bà Ngãi vẩy nước trà để tống đạt vàng mã đến tay người quá cố. Từ hôm Vĩnh về Huế, tuần nào cũng có ba bữa cỗ, năm bữa tiệc. Hương khói, hoa quả ngập bàn thờ. Họ hàng nườm nượp đến viếng thăm, đông như người đi phúng. Vĩnh đưa không biết bao nhiêu tiền cho bà Ngãi làm các món ăn *cung đình* để đãi khách, cùng phân phát cho họ hàng. Thằng Hậu thích phát biểu: "Một người ở nước ngoài, ba họ được nhờ!" Từ sau bữa rượu ở nhà Đàm, Vĩnh tránh gặp lại người bạn học cũ, chỉ lén lút gặp Tịnh.

Có một chuyện mà Vĩnh giấu Đàm: Là thời gian ở ngoại quốc, Vĩnh thường mơ thấy mình làm tình với Tịnh. Những giấc mơ cứ đến trong đầu Vĩnh hằng đêm rồi tan biến đi, rồi lại đến sau mỗi cuộc cãi vã với Ngọc. Hôm bước chân qua ngạch cửa nhà Đàm, thấy lại Tịnh, hãy còn đẹp sắc, hai đầu vú nhọn, chuôi mắt dâm dật, tự dưng Vĩnh thấy rõ giấc mơ cứ chực trào ra thành sự thật.

Vĩnh về Huế mấy tháng thì bắt đầu tính chuyện làm ăn, sang lại một cửa tiệm trên đường Lê Lợi, gần khách sạn Hương Giang, để buôn hàng ngoại. Sáng nay Vĩnh hẹn đi xem đất ở An Cựu, ý định làm chỗ ở và chỗ "mãn phần" sau này. Bà Ngãi thường hay te tát tâm sự với những người hàng xóm về ý định sang tiệm, tậu nhà đất của Vĩnh. Lần nào hàng xóm cũng tán tụng: "Thứ nhất dinh cơ, thứ nhì âm phần".

Vĩnh trở vào phòng cất giấy tờ. Lúc đóng va ly, ngửng lên, Vĩnh vô tình bắt gặp khoảng trần nhà ố mờ, nơi treo thùng đàn ngày xưa. Điệu nhạc cũ, Vĩnh thường dạo với Đàm cách đây mười mấy năm bỗng vọng trở lại. Điệu nhạc mênh mang, như thời gian trôi chậm chạp chung quanh Vĩnh.

• **Trần Vũ**
(Thương Mại Cali)

# Nếu Huế Được Kể Cho Tôi Nghe...

• **Vĩnh Bội**

Những trưa hè oi bức, với tiếng ve kêu rỉ rả, hoặc những trận mưa lũ dầm dề hàng tháng, làm tường ủ rêu xanh, đôi khi đã làm cho mẹ tôi phải bực mình thốt lên: "Đồ xứ chi mà Ô châu ác địa!"

Bốn chữ "Ô châu ác địa" làm tôi suy nghĩ, tìm tòi trong lịch sử, mới biết rằng Huế ngày trước thuộc Chiêm Thành, tạo dựng nên nhờ bàn tay của hai Công chúa Huyền Trân và Ngọc Báu không khác gì Nữ thần Athena đã dựng nên kinh đô xứ Hy Lạp mấy ngàn năm trước đó. Nguyên mùa xuân năm 1307, vua Trần Nhân Tôn gả công chúa Huyền Trân cho vua Chàm Chế Mân. Để đổi lấy hai châu Ô và Lý, gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và phía bắc Quảng Nam bây giờ. Gần một năm sau thì Chế Mân mất. Theo tục lệ Chàm, người vợ phải được hỏa thiêu theo chồng. Vua thương con gái nên sai Trần Khắc Chung sang Chiêm giải cứu. Mặc dầu có cảm tình với vị tướng anh dũng đã liều thân cứu mình, nhưng vì thể diện một Hoàng Hậu lại nợ nước cao dày, nên nàng đã xuống tóc đi tu.

Ngày nay, mỗi khi du ngoạn trên sông Hương, khách thường được nghe điệu ca Nam Bình:

*Nước non ngàn dặm ra đi,*
*Cái tình chi, mượn màu son phấn*
*Đền nợ Ô Ly,*
*Đắng cay vì, đương độ xuân thì...*

Vì là "ác địa" nên ít ai chịu cư ngụ tại các châu Ô và Lý. Đã có lần Hồ Qúy Ly dùng chính sách di dân bắt buộc, đày các tội phạm vào đây sinh sống. Nhưng khi nhà Hồ mất ngôi, luật pháp không còn, thì các phạm nhân đi cướp bóc, quấy nhiễu người lương thiện. Bởi vậy ca dao có câu:

*"Thương anh em cũng nuốn vô,*
*Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang".*

Hoàng tử Huế còn ngủ thêm hai trăm năm nữa, mãi đến năm 1558 mới được công chúa Ngọc Báu đánh thức, trang hoàng lộng lẫy và để lại cho chúng ta đến ngày nay. Âu cũng là một thiên mệnh.

Như thủ đô Athènes ngày trước, nước Hy Lạp được trị vì hơn 500 năm bởi những lời sấm truyền trên đỉnh núi Olympia thì Huế cũng được khai sinh nhờ lời sấm của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm:

*Hoành sơn nhất đới*
*Vạn đợi dung thân*

(sau dãy Hoành Sơn sẽ được yên thân vạn đời)

Nguyên vị sáng lập nhà Nguyễn là Nguyễn Kim, phò Lê diệt Mạc, mất đi để lại ba người con: một gái là Công chúa Ngọc Báu gả cho Trịnh Kiểm là tướng của mình, và hai trai là Nguyễn Uông và Nguyễn

Hoàng. Nguyễn Uông chết trong một trường hợp bí mật. Vì công chúa sợ Nguyễn Hoàng sẽ khó sống bên cạnh người anh rể, nên đã bí mật sai người vào vấn kế Trạng Trình và được trả lời thuận lợi. Nàng bèn xin chồng cho em mình được vào trấn "Ô châu ác địa". Trịnh Kiểm thuận lời, vì nghĩ rằng Nguễn Hoàng vào đất rừng thiêng nước độc, sẽ chết ở đó, và không còn là mối đe dọa cho mình về sau.

Nguyễn Hoàng lúc bấy giờ mới 30 tuổi, ban đầu vào đóng ở Ái Tử (thuộc tỉnh Quảng Trị bây giờ). Một hôm, nhân đi quá về phiá Nam, đến một nơi non sông cẩm tú, thấy dòng sông xanh mát, uốn lượn như một con rồng đang uống nước, ngẩng đầu quay lại, bên phải và bên trái có hai cù lao Thanh Long, Bạch Hổ giữ thế "rồng chầu hổ phục", phía trước có núi Ngự Bình làm bình phong, trấn giữ các ác quỷ phương Nam. Nguyễn Hoàng mừng thầm như chọn được một nơi tốt để lập kinh đô, đúng theo địa lý; nhưng khi nhìn lại phía sau chỗ chùa Thiên Mụ bây giờ, thì thấy một hố dài và sâu, cắt đứt long mạch, nên buồn rầu vô cùng.

Quả nhiên, hơn một ngàn mămˇ về trước, vào năm 111 trước Tây lịch, khi Huế vẫn còn là đất nhà Hán, các tướng Tàu đã gọi nơi đây là Tây Quyền, và chọn làm quận lỵ Nhật Nam. Vào thế kỷ thứ 3 và 4 sau Tây lịch, nước Chàm lại đổi tên Tây Quyền là Khu Túc (theo di tích Chàm còn để lại vùng Hổ Quyền ngày nay). Mãi đến thế kỷ thứ 9, một tướng Tàu, giỏi về cầm quân cũng như địa lý, tên là Cao Biền, trấn thủ miền An Nam, thấy Huế là một nơi trời dành, nếu để lọt vào tay kẻ địch, sẽ di hoạn về sau, bèn cắt đứt long mạch để yểm, như Nguyễn Hoàng đã trông thấy sau này. Ngài đang rầu rĩ thì bỗng dưng nằm mộng gặp một bà tóc mi bạc trắng, khoác áo đỏ mặc quần xanh, báo cho biết sẽ có một vị minh quân đến lấp hố sâu và lập Kinh đô ở đây.

Ngyễn Hoàng mừng rỡ, nên vào năm 1601, tháng 6 Âm lịch, xây một tháp lấy tên là Thiên Mụ (bà Trời cũng nên biết chữ *mụ* ở Huế có nghĩa là *bà*).

Thiên Mụ ngày nay là một thắng cảnh, mà du khách ghé Huế ít ai không viếng thăm:

*Gió đưa cành trúc la đà*
*Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.*

Kinh đô tiền định ấy, cũng như viên ngọc quý, còn được mài dũa, đẽo gọt, qua chín triều Chúa mỗi lần chỉ xê dịch mươi cây số về phương Nam, cho đến đời Sãi Vương mới đến gần địa điểm ngày nay; và cũng mấy lần mất vào tay họ Trịnh rồi Tây Sơn cho đến năm 1802, khi vua Gia Long thống nhất sơn hà, lên ngôi, thì "châu mới về hợp phố", Huế mới trở về với nhà Nguyễn.

Không để mất thời gian quý báu, vua Gia Long bắt tay vào xây dựng Kinh đô thái bình như các vua Đường, Nghiêu, Ngu, Thuấn bên Tàu. Bài thơ khắc ở chính diện điện Thái Hòa cho ta thấy quyết tâm:

*Văn hiến thiên niên quốc,*
*Xa thư vạn lý đồ,*
*Hồng Bàng khai tịch hậu,*
*Nam phục nhất Đường Ngu.*

(Ý nói là đất nước có nghìn năm văn hiến. Cơ đồ muôn dặm xây dựng từ đời Hồng Bàng. Trời Nam đã thái bình như nhà Đường Ngu thuở trước).

Công trình xây cất khởi đầu từ năm 1804 cho đến năm 1845 trải qua các triều đại Gia Long, Minh Mạng và các vua kế tiếp. Kinh thành hình vuông chu vi đo được 10.936m. Bên trong Kinh thành là Hoàng thành; bên trong Hoàng thành là Tử Cấm thành. Cả ba thành cùng chung một trục hướng. Hoàng thành và Tử Cấm thành còn lấy tên là Đại Nội.

Kinh thành có 11 cửa mở ra bốn hướng. Phiá trước là sông Hương xung quanh có

sông đào bao bọc, gọi là Hộ thành hà. Hoàng thành dù được xây bằng gạch, bốn hướng có cửa ra vào: phía trước có Ngọ Môn, phía sau có Hòa Bình, bên trái là Hiển Nhơn, bên phải là Chương Đức. Ngọ Môn, sân Đại triều, điện Thái Hòa, là nơi cử hành đại lễ. Vườn Cơ hạ có điện Khâm Văn là nơi vua nghỉ ngơi. Cung Diên thọ, cung Trường sanh, là chốn ở của bà mẹ và bà nội đức Vua. Hồ Hòa bình nằm bên trong cửa Hòa Bình, được xây như hòn non bộ, có am, có đảo trông rất ngoạn mục.

Tử cấm thành có các điện Cần Chánh, Đông Các, Văn Minh, Võ Hiển v.v... là nơi Vua, Hoàng hậu và các cung tần mỹ nữ, Thái giám trú ngụ. Chỉ kể một vài cung điện vì Đại Nội có đến 147 công trình xây cất lớn nhỏ.

Màu xanh của cây bóng mát, cây ăn trái, cỏ hoa ven hồ, cung điện, làm tỏa sự mềm mại và tươi mát, sang các kiến trúc gạch đá cứng khô. Làm sao kể hết những công trình sáng tạo ấy: một bước đi là một di tích lịch sử quý báu; đây cửu đỉnh được đúc vào cuối năm Minh Mạng thứ 16 (1835). Nhà vua muốn ghi lại công đức các triều vua nhà Nguyễn, kể từ Gia Long trở đi, cũng như vua nhà Chu ngày trước, đã đúc cửu đỉnh để tượng trưng cho chín Quận của nước mình (túc cửu đỉnh dĩ tượng cửu châu). Cao đỉnh đặt đối diện với án thờ vua Gia Long, là Thế Tổ Cao Hoàng đế (ta để ý có chữ Cao). Nhân đỉnh đối diện với án thờ vua Minh Mạng là Thánh tổ Nhân Hoàng đế. Các đỉnh tiếp theo là Chương đỉnh, Anh đỉnh, Nghị đỉnh, Thuần đỉnh, Tuyên đỉnh, Dụ đỉnh, và Huyền đỉnh.

Bên trái Ngọ Môn là nhà chứa chín súng thần công (cửu vị thần). Bốn vị tượng trưng cho Xuân, Hạ, Thu, Đông, còn 5 vị kia tượng trưng cho Kim, Mộc, Thủy, Thổ, Hỏa. Cửu vị thần được đúc từ 1804, đến 1805 thì hoàn tất. Nguyên liệu gồm các chiến lợi phẩm thu được, sau khi thắng Tây Sơn. Chiều dài súng đo được 5,90m, lòng súng 0,22m, bên trên có khắc các sự việc đã xảy ra, như năm 1774 Huệ Vương phải bỏ

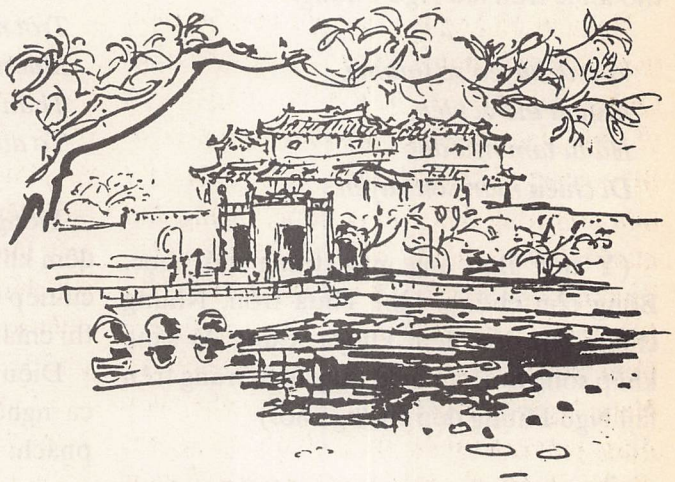

kinh thành Huế trước sự xâm lăng của Chúa Trịnh; năm Mậu Thân 1788, Vua Gia Long đem quân về Gia Định: năm Tân Dậu 1801, Kinh đô được tái chiếm v.v... Đã là Thần, các Vị khỏi phải xuất trận, nhận nhiều lễ vật lúc thắng, nhưng khi thua thì không bị khiển trách!

Điện Thái Hòa nằm cuối sân Đại triều nghi, nền lợp đá Thanh, mái ngói vàng óng ánh, cột sơn son thếp vàng, trông thật uy nghi lộng lẫy. Điện xây vào năm 1805 là nơi để Vua thiết nghi lễ, như Hưng quốc khánh niệm, lễ Đăng quang v.v... cũng nên biết bên trong các mái ngói, phía trên, được chia làm nhiều hộc, có khắc các bài thơ tổng cộng đến 297 bài.

Không xa điện Thái Hòa là cửa Ngọ Môn, được xây cất năm 1833, dưới triều Minh Mạng.

*Ngọ Môn năm cửa chín lầu,*
*Một lầu vàng tám lầu xanh,*
*Ba cửa thẳng, hai cửa quanh.*

(Ca dao)

Mái lợp tráng men vàng và xanh lấp lánh, với một tầng để trống, lầu Ngũ Phụng xây trên đài Ngọ Môn, như năm con phượng hoàng nhẹ nhàng và thanh thoát. Đọc bài thơ khắc trên lầu Ngũ Phụng:

*Vân tế huyền sơ thưởng,*
*Ảnh tà thể vị viên,*
*Hà tu tam ngũ dạ,*
*Dĩ chiếu mãn sơn xuyên.*

(Ý nói: Bên áng mây, trăng mới mọc. Bóng còn chênh, hình chưa tròn. Nhưng chẳng đợi đến đêm khuya. Cũng đã sáng khắp sông núi, cũng đủ thấy đêm trăng trên lầu Ngũ Phụng đẹp chừng nào!)

Ở đây kiến trúc và thiên nhiên là một sự hòa hợp kỳ diệu.

Cũng may chúng ta đã có những ông vua thi sĩ (roi-poète) như các nhà Tây phương khi viếng thăm Huế đã từng nói. Thấm nhuần tư tưởng phương Đông, nhà vua đã biết lưu ý đến quan niệm kiến trúc, làm sao cho hòa hợp vào thiên nhiên như một phần của nó. Thiên nhiên đã tặng cho Huế một dòng Hương trong xanh, hiền hòa như một người tình, mà Hoàng tử là Kinh đô đã ôm gọn vào lòng, như ôm một nỗi nhớ thiết tha về một vẻ đẹp nào đó chưa đạt thấu trên cõi đời này, và cũng như những người tình đẹp khác, dòng sông cũng thay áo tùy theo ánh sáng: lúc thì xanh thẫm; nhưng khi ánh nắng vàng chiếu xuống gay gắt thì chuyển hóa sang màu lục lá chuối non; chiều tà xuống, ánh trời đỏ rực, nhuộm màu nước xanh thành tím ngát, như một dòng sông hoang đường, làm thi sĩ Đoàn Phú Tứ ngẩn ngơ:

*Màu thời gian không xanh,*
*Màu thời gian tím ngát.*

Sông Hương đã quyến rũ biết bao nhiêu thi sĩ, nghệ sĩ sáng tác, là nơi hẹn hò của tao nhân mặc khách.

Chúng ta thử đi một vòng đò trên sông Hương để lắng nghe điệu hò Mái nhì, khoan thai, nhịp nhàng và trong trẻo:

*Hơ à à... hơ à hơ*
*Trời một vùng sông dài vô hạn*
*Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông.*
*Thân em như sợi chỉ hồng.*
*Tơ duyên có chắc như dòng nước không?*

Tiếng hò người con gái ngân lên trong đêm khuya, chờ đợi câu trả lời bên nam, và cứ tiếp tục như thế cho đến phá Tam Giang thì chia cách.

Điệu Nam Ai thì nghe buồn não nuột; lời ca nghệ sĩ hòa nhịp với tiếng đàn, tiếng phách:

*Huyền Trân công chúa,*
*Ngoảnh lui cố quốc, ngập ngừng gót ngọc,*
*Mây phủ kín trời thương, ngơ ngẩn bâng khuâng.*

.....

Hò giã gạo, nhịp nhàng vui vẻ thường là đấu trí giữa nam và nữ:

*Đố anh trên trời có mấy vì sao?*
*Dưới rào (sông) có mấy con cá,*
*Dưới Hà bá có mấy ông vua,*
*Đông, tây, nam, bắc, có mấy chùa,*
*Chợ Đông Ba kẻ bán với người mua, mấy người?*

Khi cối gạo cuối cùng gần xong thì "tiếng gà đã rộn trong thôn"... và người viết cũng ngỡ ngàng vì... "Nhớ Huế!"

• **Vĩnh Bội**

Paris, mùa Xuân 92

# Một Thoáng Chạnh Lòng

• Đồng Sĩ Khiêm

*Kính dâng hương hồn mạ nhân ngày giỗ mạ sắp tới*

Buổi trưa mùa thu, trời nắng đẹp, gió hây hây. Ngoài kia trước mặt, sau lưng là cả một thung lũng rực lá vàng. Xung quanh chỗ tôi ở đẹp thơ mộng như một mối tình lý tưởng của đôi trai tài gái sắc.

Hồi còn nhỏ có lẽ bị ảnh hưởng ở mạ nhiều nên tuy là con trai tôi vẫn thích mùa thu qua sách vở. Bây giờ lớn lên trôi dạt đến xứ này, có thấy mùa thu mới hiểu rằng các văn sĩ và thi sĩ của ta ngày xưa mới tài tình làm sao. Làm gì có mùa thu thực sự rực rỡ ở VN, vậy mà họ tả không sai chạy vào đâu hết. Rứa mới biết rằng các vị đó giàu tưởng tượng thật, và khi đã thấy mùa thu ở Virginia rồi, tôi mới biết rằng tại răng tôi ưa mùa thu.

Trong tất cả bốn mùa, mùa nào cũng có cái nét đẹp đặc biệt riêng của nó, nhưng tôi vẫn thích mùa thu hơn cả, có lẽ vì mùa thu vừa đẹp vừa buồn. Cái gì đã làm cho tôi nghĩ mùa thu là buồn, tôi cũng không biết, chỉ biết rằng mỗi lần nhìn lá mùa thu rơi rụng theo chiều gió là lòng tôi bỗng dậy lên một nỗi buồn man mác. Tôi có thể ngồi hàng giờ để nhìn xuống khu rừng dưới kia, cái màu vàng hoàng hậu kiêu sa đó như cuốn hút tâm hồn tôi, làm tôi nhớ đến mạ tôi, đến cái mùa thu bàng bạc nơi xứ Huế xa xôi của tôi. Huế không có cái màu vàng rực rỡ cả một khu vực rộng lớn như ở Virginia, nhưng Huế cũng có một mùa thu nhè nhẹ bàng bạc đủ làm trơ trụi những cây sầu đông, đủ làm rơi rụng những chiếc lá bàng trên hè phố. Mùa thu ở Huế có gió đùa lành lạnh đủ làm se da thịt căng tròn của các cô thiếu nữ, có những giọt mùa thu len vào lòng các cô nữ sinh Đồng Khánh cái rét mướt rả rít day dẳng đủ cho các cô suýt xoa mỗi buổi sáng ôm cặp đến trường. Nhìn các cô co ro trong cái áo tơi, nghiêng nghiêng với chiếc nón bài thơ, với áo len đủ màu sắc trông mới ngộ nghĩnh dễ thương làm sao. Không biết Huế của tôi dạo này ra sao? Vẫn còn như xưa hay bao năm tháng đã làm cho Huế của tôi đã điêu tàn cằn cỗi? Giòng sông Hương vẫn còn là cảm hứng của các thi nhân, lăng tẩm thành quách vẫn con uy nghi cổ kính? Đồi Vọng Cảnh vẫn còn là chỗ hẹn hò của trai thanh gái lịch? Trường Đồng Khánh, trường Khải Định vẫn còn

giữ những bộ mặt sống động yêu đời nhí nhảnh? Hàng phượng vĩ vẫn còn đỏ thắm sân trường, và ve sầu vẫn còn hòa tấu những bản nhạc sầu cố hữu làm chạnh lòng những trái tim học trò vì ngày chia tay sắp đến. Tôi nhớ mạ tôi, người đàn bà đã tận tụy hi sinh cho chồng, cho đàn con mười một đứa mà tôi là anh trưởng. Có lẽ vì tôi là anh cả nên mạ tôi "có hơi cưng" tôi vì vậy mà tôi gần gũi mạ tôi nhiều chăng? Khi các con đã trưởng thành khôn lớn, chưa kịp báo hiếu cho mạ, hoặc bận rộn vì cuộc sống riêng tư của gia đình, đã làm cho các con chểnh mảng trong việc báo hiếu, thì mạ đã vĩnh viễn ra đi. Có thất vọng trên đường đời, có thăng trầm trong cuộc sống, tôi mới thấm thía được tình yêu thương mà mạ đã dành cho tôi, khi muốn được làm một cái gì cho mạ thì mạ đã không còn nữa. Tôi nhớ cái ngày tôi thất hứa là sẽ về bên cạnh mạ trong những ngày cuối cùng của mạ, sự thất húa đó đã như vết hằn sâu đậm nhất dằn vặt tâm tôi không ít. Nó cứ ám ảnh suốt cả cuộc đời còn lại của tôi. Ôi, dáng dấp hiền lành phúc hậu ốm gầy của mạ tận tụy cho một đàn con mười một đứa xấp xỉ tuổi nhau trong một hoàn cảnh một công chức ba cọc bốn đồng. Tôi cứ nhớ hoài là mấy ngày đầu tháng sau ngày lãnh lương là cả nhà ăn uống phủ phê cá thịt ê hề. Bắt đầu ngày thứ mười thì các thức ăn có phần giảm và tới ngày thứ hai mươi thì các thức ăn bắt đầu đạm bạc!

Có người đàn bà nào vất vả như mạ tôi? Có tình yêu mẫu tử nào bao la như tình yêu mà mạ đã dành cho chúng tôi, cho tôi. Vì là con trưởng, tôi đã giúp mạ được nhiều việc, cho nên cái gì cũng được mạ cưng chiều. Có món gì ngon mạ cũng dành cho. Những thức ăn mạ nấu đối với tôi quả là tuyệt vời, nhiều lúc đã làm cho bà xã tôi bực mình, vì những câu phê bình "Em nấu không giống mạ cho nên không ngon". Mạ nấu như ri này, mạ nấu như rứa đó. Cái gì mạ tôi nấu cũng là nhất hết. Những thức ăn mạ tôi nấu vẫn còn in đậm trong tâm trí tôi, những món bánh mạ tôi làm sao vẫn thơm ngon đặc biệt hơn những món bánh vợ tôi làm. Vì được cưng chiều cho nên đi đâu mạ tôi cũng cho đi cùng, đi coi cải lương mạ cũng dắt theo, nhờ vậy mà tôi thuộc lòng chuyện Nửa Chừng Xuân, Đoạn Tuyệt, hay Chuyện Tình Lan và Điệp v.v... Tôi cũng hay đi mướn sách cho mạ đọc và vì vậy mà có dịp đọc ké những chuyện Tầu như Tam Quốc Chí, Thủy Hử v.v... Tôi nhớ có lần vì ham đọc sách quyên nấu ăn, ba giận xé hết mấy quyển sách, làm hai mạ con lui cui góp nhặt dán lại và tôi đã phập phồng lo sợ khi đem trả, vì sợ nhà sách khám phá ra sự rách nát bên trong. Mới đây tôi nằm chiêm bao thấy mạ tôi. Trong giấc mơ, tôi hỏi mạ tôi: "Mạ thích ăn món chi để tụi con nấu, mạ tôi nói rằng mạ thèm ăn chè đậu ngự". Nghe mạ nói, tôi bật òa ra khóc tức tưởi, giật mình thức dậy mà nước mắt vẫn còn đọng vành mi. Ngay cả một việc hết sức cỏn con như vậy mà tôi cũng không còn có cơ hội để làm đẹp lòng mạ tôi nữa!

Mạ tôi sinh và lớn lên ở Phủ Thoại Thái Vương. Cái tên nghe rất là đài các hoàng gia quý tộc. Phủ này ở ngay bến Đò Cồn vùng đất thấp. Một năm chịu ít nhất cả chục lần lụt lội,

nước vào nhà gần xấp xỉ với phản gỗ. Tôi nhớ có lần thằng em tôi ngủ lăn mình rớt tỏm xuống nước. Tôi nhớ cái sân rộng trước Phủ, với những con lân mà tôi hay ra trèo lên cưỡi, với những cây cao bao bọc mà tôi nhớ thuở thiếu thời tôi hay leo lên cây hái trộm trái,

bị ông ngoại la hét lật đật nhảy xuống muốn gẫy chưn luôn, hoặc leo lên bức tường cửa Phủ mà... xuống cho nó mát cái... Tuổi trẻ vốn vô tư và hay ngịch ngợm. Biết bao giờ tôi mới tìm lại được cái tuổi hồn nhiên vô tư lự ấy.

Đôi mắt nhung huyền!

Mỗi lần nhớ tới mạ tôi là tôi lại liên tưởng thấy cặp mắt nhung huyền của một thiếu nữ mà tới chừ tôi cũng không biết là ai? Năm tôi lên 14 tuổi, gia đình chúng tôi thiên cư về ở đường Đội Cung gần tòa Khâm, còn tôi thì đi học ở Đà Lạt. Cứ mỗi kỳ hè thì tôi lại về thăm nhà và hưởng sự nuông chiều của mạ. Cách đấy chừng nửa cây số về hướng bến đò đi chợ Đông Ba, có một chợ nhóm do mấy người bán cá dưới cửa Thuận An đem lên bán. Cứ mờ mờ tối, sau khi đường đèn bắt đầu sáng là có chợ nhóm. Năm tôi 17 tuổi trong dịp nghỉ Hè tôi thường theo mạ ra chợ nhóm để coi thiên hạ mua bán cá và chính trong một lần theo mạ đi chợ cá mà tôi đã gặp một giai nhân. Không, đúng ra tôi gặp một đôi mắt. Đang đứng bên cạnh mạ theo dõi cuộc trả giá mua cá, thì tôi có linh cảm như có ai đó nhìn tôi, cái nhìn chăm chú lắm đến nỗi tôi phải quay lại. Dưới ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn đường leo lét, tôi nhìn thấy một đôi mắt, một đôi mắt nhung đẹp tuyệt vời, đôi mắt đen lay láy dưới hai hàng mi cong trên một gương mặt trái soan đầy đặn. Đôi mắt bồ câu dịu hiền nhìn tôi, bốn mắt giao nhau, rồi đôi mắt e thẹn quay nhìn đi chỗ khác. Đôi mắt đẹp quá với cái nhìn vô cùng thánh thiện đã làm cho trái tim trong sạch của một thanh niên mười bảy tuổi trong tôi đập mạnh, đầy xao xuyến. Cả con người tôi rung động bàng hoàng. Tôi bần thần như người mất hồn trong suốt thời gian trở về nhà. Tôi nghe hình như mạ có hỏi tôi điều chi đó mà tôi nhớ đã không trả lời cho mạ. Đôi mắt ấy đã cuốn hút hồn tôi, và theo tôi vào cả trong giấc ngủ, và từ đó cứ mỗi buổi chiều ngày nào tôi cũng tìm cách quay trở ra chợ cá để tìm lại đôi mắt đẹp ấy, nhưng giai nhân có đôi mắt đẹp đã không thấy xuất hiện nữa. Tôi buồn bã đến sững sờ suốt cả thời gian về thăm nhà dạo ấy, cho đến ngày trở lại Đà Lạt tiếp tục sự học. Mãi cho đến những năm sau này, sau khi đỗ Tú tài vào Sàigòn học Đại học, mỗi khi có dịp trở về Huế thăm nhà là thế nào tôi cũng trở lại chợ nhóm xóm cá để tìm kiếm lại đôi mắt đẹp ngày xưa. Mặc dầu bận rộn với việc học và cuộc sống, đôi mắt đẹp ngày nào thỉnh thoảng vẫn ám ảnh hồn tôi, tôi vẫn nhớ nhiều về người con gái có đôi mắt đẹp tuyệt vời ấy, bởi vì tôi nghĩ rằng tôi đã yêu đôi mắt ấy từ bao giờ, có lẽ ngay lần đầu tiên bắt gặp đôi mắt ấy nhìn tôi. Tình yêu trong sạch đầu đời, một tình yêu không đoạn kết bao giờ cũng là những kỷ niệm đẹp khó phai mờ.

Tôi nghĩ, nếu tôi có diễm phúc gặp lại giai nhân có đôi mắt đen lay láy ấy lại sau đó thì không chừng cuộc sống tình cảm của tôi ngày hôm nay đã có nhiều thay đổi, biết đâu không là một thay

đổi đẹp? Cho tới chừ tôi cũng còn thầm ước mơ được gặp lại cặp mắt nhung huyền đó mặc dầu biết rằng cặp mắt đã bị tuổi đời chồng chất nên chắc có phần thiếu "nhung huyền" nếu không muốn nói là "mơ huyền!", và người đẹp trong mộng của tôi chừ cũng đã là bà nội, bà ngoại mấy lần rồi!!

Ban nhạc Khánh Ly có nói ở phần giới thiệu: *"Mọi người có một thời để nhớ, để yêu. Mọi người có một tuổi son vàng đầy mộng đẹp để nhắc nhở"*. Có những kỷ niệm mà mỗi lần nhắc nhở làm cho mình ấm lòng, có những kỷ niệm mà mỗi lần nhắc nhở làm cho mình bùi ngùi chua xót cảm động như những kỷ niệm về mạ tôi. Nơi một thế giới xa xăm nào đó, linh hồn mạ tôi có linh thiêng xin mạ hãy cho dứa con này được vòng tay tạ tội và nhận tấm lòng chân thành, lời cám ơn công sinh thành dưỡng dục. *I love you, Mom!!*

Bây giờ ngồi nhớ lại chỉ để mà ngậm ngùi luyến tiếc. "Tuổi mộng đã bay đi", tuổi đời đã chồng chất với đầu đã bạc nửa mái, với chia lìa đổ vỡ, có còn chăng là những kỷ niệm khó quên, nó như vết hằn sâu đậm của một đời đã qua.

*Australia, mùa Hè 1992*

• **Đồng Sĩ Khiêm**

# Đồng Khánh tặng Quốc Học

*Thuở biết anh, em vừa mười ba tuổi*
*Lòng ngây thơ nào tưởng chuyện yêu đương*
*Hai đứa mình tuy chẳng học một trường*
*Ngày bốn buổi đi về chung một ngõ*

*Ai có biết rồi sau yêu lắm lỡ*
*Vết thương lòng chan chứa máu không thôi*
*Con đường xưa huyết phượng rụng tơi bời*
*Ghì kỷ niệm trong vòng tay run rẩy....*

*Lá thư đầu, ôi trẻ con biết mấy !*
*Tuổi mười lăm nào đã biết văn hoa*
*Gửi tâm tư trên trang giấy học trò*
*Em đón nhận mà nghe lòng bỡ ngỡ*

*Rồi từ đấy hoa lòng phơi phới nở*
*Yêu là yêu say đắm tuổi mười lăm*
*Hồn băng trinh vấng vặc ánh trăng rằm*
*Chắp cánh mộng phiêu lưu vào diễm sử*

*Chim bướm xôn xao, ngọt ngào trái lạ*
*Lần đầu tiên lòng bỗng thấy si mê*
*Thời gian chìm trong ánh mắt lưu ly*
*Đời thuở ấy, ôi thần tiên biết mấy !*

*Yêu mê lắm nhưng vẫn còn khờ dại*
*Có hoa nào giữ được bướm đâu anh ?*
*Tình học trò sớm nở một chiều xanh*
*Ta vội hái trái tình chưa độ chín*

*Chỉ một phút thoảng nghe lòng xao xuyến*
*Hồn đã trao theo mười ngón tay đan*
*Tuổi si mê cho nên đã vội vàng*
*Dâng hết cả linh hồn không tính toán....*

*Yêu một thuở con tim còn vết rạn*
*Vết thương lòng chan chứa máu không thôi !*
*Con đường xưa huyết phượng rụng tơi bời*
*Sương khói đã mờ lối vào diễm sử*

*Giờ chỉ mình em đi trên đường cũ*
*Nghe hồn đau giấc mộng tuổi hoa niên*
*Mối tình đầu, ôi biết thuở nào quên*
*Từ lỗi hẹn, thời gian sầu lạnh lắm.*

*Vẫn khờ dại cho nên hoài thương cảm*
*Còn si mê trái cấm tuổi mười ba*
*Tình thơ ngây đã chết tự bao giờ*
*Lòng sao vẫn ấp yêu hoài dư ảnh?*

• **Quỳnh Như**

# KHÓC BẠN

*Để tưởng niệm*
*Một công dân người Huế gương mẫu:*
*Cụ Võ văn Triêm, 85 tuổi, đã qua đời tại Hoa Kỳ*
*ngày 30-12-1991*

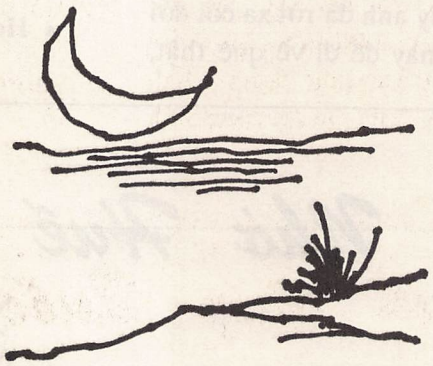

• **Hương Thủy Hoàng Trọng Thược**

Anh Võ văn Triêm thân mến,

Ngày thứ năm 26 tháng Chạp năm 1991, tôi được anh đích thân điện thoại cho biết anh đã được đưa vào bệnh viện cấp cứu lần thứ 5 kể từ khi anh ngã bệnh, và nay anh rất muốn gặp tôi.

Ngày thứ bẩy 28 tháng Chạp 1991, tôi vào bệnh viện gặp anh, thì anh cầm lấy tay tôi siết thật chặt, tỏ ra vẻ vui mừng lắm. Tôi nhận thấy sắc diện của anh hồng hào, tiếng nói của anh vẫn như trước và tinh thần của anh vẫn rất là minh mẫn. Anh cho tôi hay: Chừng vài ba hôm nữa, anh sẽ xuất viện về nhà. Tôi rất đỗi mừng. Nói chuyện với anh được chừng vài mươi phút, thì Bác sĩ vào khám bệnh cho anh. Tôi bèn cáo từ anh ra về và hẹn sẽ gặp lại anh sau tại nhà anh. Yên trí rằng lần này cũng như mấy lần Emergency trước, anh sẽ qua cơn đau nguy hiểm.

Nào ngờ, sau đó một ngày, qua ngày thứ hai 30 tháng Chạp 1991, vào buổi chiều, tôi nhận được tin anh đã mất...Tôi choáng váng lịm người đi vì tôi quá thương tiếc người bạn cố tri mà từ lâu tôi vẫn coi như là ruột thịt.

Anh Võ văn Triêm thân mến,

"Sinh, lão, bệnh, tử" là luật chung mà Thượng Đế đã dành cho loài người, không ai tránh khỏi. Người xưa có nói: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy": Con người sanh ra ở đời, sống đến 70 tuổi, xưa nay là rất hiếm. Thế mà anh đã sống đến 85 tuổi, thì anh đã thọ nhiều rồi.

Trong ba cái hạnh phúc của người đời là "Phước, Lộc, Thọ", thì anh đã hưởng được cả ba. Thật vậy, hai anh chị đã sinh hạ được 14 người con, trong số đó 13 người hãy còn sống, nay đã trưởng thành, hầu hết đã lập gia đình, sanh con đẻ cái rất đông, và phần lớn đều có địa vị cao sang trong xã hội tại đây.

"Hữu phước khán nhi tôn", người ta thường nói thế. Nhìn vào đám con cháu của anh chị, thì biết ngay rằng anh chị có phước thật.

Anh là một người công dân Việt Nam gương mẫu. Thật vậy:

- Đối với gia đình, anh là một người chồng, người cha và người ông rất tốt.

- Đối với bạn bè, anh là người ăn ở rất có thủy, có chung.

- Đối với quốc gia, anh trước kia là một công chức rất tận tuy với nhiệm vụ được giao phó, rất liêm khiết, lại có nhiều sáng kiến ích quốc lợi dân, chẳng hạn như là lập thêm chợ, thêm trường học ở Đà Nẵng trong khi anh giữ chức vụ Phó Thị Trưởng ở thị xã này.

- Đối với xã hội, anh đã tỏ ra rất là hào phóng và rất thương người, chẳng hạn như là trong khi tị nạn tại đây, anh đã xoay tiền hàng ngàn Đô-la gởi về Việt Nam giúp đỡ tất cả bà con và dân làng An Ninh Hạ, tỉnh Thừa Thiên, là nơi chôn nhau cắt rún của anh, và tu bổ đền, chùa, lăng miếu ở làng ấy. Thử hỏi mấy ai đã làm được như anh?

Nói tóm lại, anh là một người có cả đức lẫn hạnh, một công dân Việt Nam gương mẫu, một người quân tử đích thực theo quan niệm luân lý Á Đông. Vì vậy, anh mất đi, đã để lại bao tiếc thương cho gia đình và cho thân hữu của anh!

Riêng về phần tôi, tôi rất tiếc là anh không sống thêm vài ba năm nữa để được trông thấy sự thay đổi ở Việt Nam theo chiều hướng dân chủ và tự do mà mọi người Việt Nam chúng ta đều mong muốn. Ngày vinh quang ấy đã gần kề rồi anh Triêm ạ!

Nhưng anh đã sống "KHÔN", thì ắt thác phải "THIÊNG", cho nên tôi tin rằng ở chốn miên trường địa cửu nào đó, anh sẽ phù hộ nước Việt Nam sớm được dân chủ, tự do và dân tộc Việt Nam sớm thoát khỏi cảnh thống khổ như hiện nay,

Nay anh đã rời xa cõi đời tạm này để đi về quê thật, tôi cầu xin anh được siêu thoát và xin hẹn sẽ gặp lại anh trong tương lai, vì sớm hay muộn gì, tôi cũng sẽ về quê thật như anh.

Vậy tôi xin chào tạm biệt anh nhé, anh Võ Văn Triêm thân mến!

Người bạn cố tri của anh.

• **Hoàng Trọng Thược**

# *Nhớ Huế*

*Gió chiều trên sông Hương*
*Ru nỗi buồn vạn kỷ*
*Chở khối tình nhớ thương*
*Mang giòng đời nặng trĩu*

*Mưa chiều trên núi Ngự*
*Trút bao nỗi ưu phiền*
*Mắt chìm trong sương lạnh*
*Cuộc đời ôi đảo điên*

*Đêm về bên Thiên Mụ*
*Chuông Chùa vọng xót xa*
*Lời kinh khua hồn dậy*
*Đời vắng như tha ma*

*Trưa hè bên Giả Viên*
*Ve sầu rưng lệ nhỏ*
*Phượng thắm tình oan khiên*
*Đời loang như bóng đổ*

*Ta ru đời xứ lạ*
*Lòng vọng chốn cố hương*
*Tình mặn hơn nước mắt*
*Hồn nặng như giọt sương*

Simi Valley

• **Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang**

# Năm Thân, tưởng niệm Huế Mậu Thân: cùng viết về những người thân bị tàn sát!

• Nhã Ca

Trong dịp gặp gỡ ở Dallas năm kia, anh Nguyễn Cúc, người anh lớn của nhóm bạn Sông Hương, bảo tôi:

"Nhã phải in lại *Giải Khăn Sô Cho Huế*. Khỏi lo chuyện tiền bạc. Anh em bên này sẽ bảo trợ."

Nhiều thân hữu khác cũng dục dã tương tự.

Tấm lòng anh Cúc và các bạn dành cho cuốn sách cũ từng làm tôi cảm kích, vương vấn.

Giải khăn sô ở sẵn với tôi từ đầu năm 1968, khi về Huế chịu tang gia phụ. Binh đội Cộng sản tổng công kích Tết Mậu Thân, Huế thành đất chôn sống người. Những điều tai nghe mắt thấy được viết lại thành sách "Giải Khăn Sô Cho Huế."

Chỉ là bút ký đơn giản của một cá nhân trong địa ngục Huế Mậu Thân. Vậy thôi. Nhưng ngay khi viết ra, tác giả tưởng bị đặc công Cộng sản tuyên án tử hình. Từ 1975, sách bị đóng đinh, người bị tù đầy.

Năm 1976, là một người tù vì tội cầm bút, cùng các bạn hữu khác, tôi đã có lần được công an Cộng sản áp tải vào nơi mệnh danh là "Nhà trưng bầy tội ác Mỹ Ngụy", (Phòng Thông Tin Hoa Kỳ cũ) trên đường Lê Qúi Đôn, để chính mắt nhìn thấy cuốn "Giải Khăn Sô Cho Huế" bị đóng đinh trên vách cao.

"Tại sao chỉ viết được chừng đó. Đáng ra, phải viết trăm lần hơn." Tôi đã tự nhủ vậy, khi nhìn cuốn sách bị đóng đinh. Đó là lần sau cùng nhìn thấy cuốn sách ở quê hương.

Mãi tới khi ra hải ngoại mới lại có dịp thấy lại Giải Khăn Sô Cho Huế. Một nhà xuất bản tự ý tái bản dùm, bằng cách cứ bổn cũ chụp Photocopy lại, lem luốc, nhòa nhạt. Vậy mà sách hình như cũng đã hết từ lâu. Mới đây, nhiều bạn đọc còn tìm gặp đòi gửi trước tiền mua sách.

In lại những cuốn sách cũ cho đàng hoàng hơn há chẳng phải là điều tôi vẫn hằng mơ ước. Annam Printing

**• Hai mươi bốn năm. Từ đám vải xô gai bọc xương cốt nạn nhân Huế Mậu Thân, biết bao mũi kim sự thật đã ló dạng. Phải viết thêm cả ngàn trang sách mới. Bổ túc "Giải Khăn Sô Cho Huế" bằng tên tuổi, hình ảnh, chi tiết xác thực về những người đã bị tàn sát. Không chỉ mình Nhã Ca. Tất cả những người Huế có bà con anh em bị tàn sát sẽ cùng viết, cùng làm. Khởi từ năm Nhâm Thân này, một công trình chung, tưởng niệm Huế Mậu Thân của 24 năm trước..."**

của ông bạn Lê Ngọc Ngoạn sẵn sàng in. Sách Lay out sẵn từ lâu. Chỉ nhấc tay là xong. Vậy mà hai ba năm qua đi, vẫn không nhấc tay nổi.

Thêm một năm nữa. Nhìn lịch: năm Nhâm Thân. Thình lình, tôi hiểu ra "cái gì đó" đã giữ tay mình lại, không cho phép đưa sách tới nhà in tái bản.

"Cái gì đó" nằm sẵn trên tờ lịch: Thêm một năm Thân nữa. Biến cố Huế Mậu Thân đã tròn hai giáp.

Hai mươi bốn năm. Bao nhiêu đổi dời, với đất Huế, người Huế. Nén nhang tiếc thương không chỉ cháy đỏ ở quê hương mà còn theo người Huế lưu lạc khắp thế giới.

Ngày giỗ thứ hai mươi bốn cho Huế Mậu Thân, tưởng niệm hàng ngàn bà con bị chôn sống, chỉ bằng cách in lại một cuốn sách cũ?

Không đủ.

Phải làm được chút gì xứng đáng hơn vậy.

"Phải viết thêm cả ngàn trang sách mới. Bổ túc "Giải Khăn Sô Cho Huế" bằng tên tuổi, hình ảnh, chi tiết xác thực về những người đã bị tàn sát. Không chỉ mình Nhã Ca. Tất cả những người Huế có bà con anh em bị tàn sát hồi Mậu Thân sẽ cùng viết, cùng làm. Khởi từ năm Nhâm Thân này, một công trình chung, tưởng niệm Huế Mậu Thân của 24 năm trước..." Bà con Huế khắp nơi, trong những lần gặp gỡ mới đây, đã chỉ cho tôi vậy.

*

"Cảnh Hoà Thương Đôn Hậu bị chúng ào vô bắt đi ra sao, tui chứng kiến. Sách chị viết không rõ. Để tui kể cho chị viết lại." Một tăng sĩ Huế nói với tôi vậy.

"Chị Nhã, ông Võ Thành Minh, người rủ chị lên cầu Nam Giao tuyệt thực hồi Mậu Thân không chôn ở Phú Thứ. Ông Võ bị chúng bắt đi tù Trường Sơn, cùng với tôi. Tôi biết ông bị giết ra sao. Để tôi kể lại cho chị viết."

Ông bạn nguyên Phó Tỉnh Trưởng Huế hồi Mậu Thân, gặp nhau ở nhà cậu em Chu Mai tại San Diego, bảo tôi.

Anh Lê Hữu Đỗ gọi điện thoại: "Nhớ Bôi không, Nhã?"

Nhớ, Lê Hữu Bôi, Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn sau 1963, với Nguyễn Thượng Hiệp, Lê Đình Điểu làm phó, Nguyễn Trọng Nho làm Tổng Thư Ký. Tết Mậu Thân, Bôi về Huế và... không tìm thấy xác.

Anh Đỗ, người anh lớn của Bôi, thông báo: "Đã có đầy đủ chi tiết về những phút cuối của Bôi trước giờ bị chúng giết. Hình ảnh của Bôi nữa. Anh em mình cùng nhau viết đi, Nhã."

Lê Hữu Cương, Thiếu tá độc cước tại ngũ cho tới 30-4-75, sau 13 năm tù thành HO1, bảo tôi: "Phải rồi. Viết thêm. Mậu Thân tôi ở Huế, nhìn mẹ chết, em chết. Tôi viết với bà."

Giáo sư Lê Văn Hảo, người được Cộng sản chỉ định là Thị Trưởng Huế Mậu Thân đã xin tị nạn tại Paris, đã công khai chỉ đích danh những kẻ ngồi xử tử dân Huế.

Vị cựu Đại biểu chính phủ VNCH, bị Cộng sản bắt đi tù Mậu Thân, với bút hiệu Hoàng Liên, đã viết hồi ký "Ánh sáng và bóng tối" về chặng đường tù ngục của ông.

Hai mươi bốn năm. Từ đám vải xô gai bọc xương cốt nạn nhân Huế Mậu Thân, biết bao mũi kim sự thật đã ló dạng. Phải nhìn lại, viết lại. Chính xác hơn. Đầy đủ hơn.

Còn biết bao hình ảnh, chi tiết về những người thân yêu của chúng ta bị tàn sát hồi Mậu Thân chưa được kể lại. Xin các bạn Huế khắp nơi hãy giúp tôi chi tiết. Chúng ta sẽ cùng viết.

Năm Thân, tưởng nhớ Huế Mậu Thân. Đâu chỉ là nén nhang lẻ loi của một người. "Giải Khăn Sô Cho Huế" chẳng cần phải tái bản. Chỗ của cuốn sách từng bị đóng đinh ấy sẽ chỉ là một phần nhỏ trong cuốn

sách chung mà chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện, như bó nhang chung của người Huế góp lại cho ngày giỗ lớn của thành phố, quê hương.

*

Cùng với anh Nguyễn Cúc, biết bao anh chị, bạn hữu đã cho tôi sự khích lệ: Chị Minh Đức từ Virginia, Lê Khắc Ngọc Túy, các anh Kha, Cường ở San Jose, Diệu Tâm ở Paris, Thúy Trúc ở Florida, Diệu Lê ở Ventura...

Tôi ước mong nhận được thêm ý kiến từ các bạn Huế. Thư xin do toà báo chuyển dùm.

• **Nhã Ca**

Tháng Sáu, 1992

# Nhã Ca và "Giải Khăn Sô Cho Huế"

*Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân (1968), với hàng ngàn thường dân bị quân đội Cộng sản chôn sống tại Huế, cho tới nay, vẫn là đề tài được nhắc nhở nhiều nhất trong chiến tranh Việt Nam.*

*Nhật báo New York Times, ngày 19-11-1973, dành một bài lớn về Nhã Ca và ghi nhận:* "Bà ta viết về sự độc ác khủng khiếp trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân tại Huế, sinh quán của bà ta. Khi tập truyện ký mang tên "Giải Khăn Sô Cho Huế" khởi đăng trên một nhật báo, đặc công Việt công tại Saigon gửi thư đe dọa, buộc ngưng viết. Bà ta đã không nhượng bộ." Khi xuất bản, toàn bộ tác quyền cuốn sách này được trao tặng cho việc trùng tu Thư Viện trường Nữ trung học Đồng Khánh và thành lập "Giải Thưởng Luận Án Tiến Sĩ Xuất Sắc Hàng Năm" của Đại Học Y Khoa Huế.

60 C THE NEW YORK TIMES,

## Saigon Writer Finds Everyone Guilty

By JAMES M. MARKHAM
Special to The New York Times

SAIGON, South Vietnam, Nov. 6—She writes in careful detail about the cultural degradation that South Vietnam suffered under the American, daughters turned into whores and rent-a-wives, whole families dedicating themselves to trafficking in stolen post-exchange goods, an artificial, competitive prosperity disrupting marriages, friendships and social relationships.

She writes about the folly of the war. The Saigon Government has on occasion seized books of hers that send, it says, to sap the morale of our troops.

She writes about the cruel violence of the 1968 TET offensive in her native Hue. When she began to serialize her fictionalized account of the siege—"A White Turban for Hue"—in a local newspaper, she received a threatening letter from the Vietcong's Saigon-Gia Dinh special zone ordering her to stop. She didn't.

Nha Ca, one of South Vietnam's leading novelists, has also been praised by the Saigon Government, which has twice given her its highest literary prize. At times, Hanoi's literary magazine Van Nghe has approved her works as "progressive."

**Neutral Stance**

"I cannot be a partisan of either side," says Mrs. Nha Ca, whose adopted pen name means "sweet song" in Vietnamese, "and most Vietnamese are in the same situation," she says, "even though we are living in our own country. It is equally dangerous to be with this side or the other side."

Mrs. Nha Ca speaks in Vietnamese, through a translator who was born in Hanoi, and shifts instinctively into the lilting, modulated accent of the North; outsiders sometimes find the flattened Hue accent hard to follow.

Her problems these days, she explains, are with the government of President Nguyen Van Thieu, which has been clamping down on the press, on the fledgling film industry and on writers generally.

"There is an administrative revolution now, whose purpose is to improve the morale of the people," she says with a small smile, folding and unfolding her fine hands over her knees. "So artists now are having a much harder time."

She and other South Vietnamese novelists, she says, are withholding novels from the censors that they know will not pass.

"I believe that the Government cannot continue forever the control they are exercising," she says. "I do believe that these novels will see the light after the passing of this historical period."

In addition to the "scissors of the Government," South Vietnamese novelists (and all South Vietnamese) are faced with brutal economic problems. The price of paper and printing is soaring. It is harder to get books in print and harder to sell them.

Mrs. Nha Ca—and her husband, Tran Do Tu, himself a novelist—are among the few South Vietnamese writers who manage to live off the sales of their books.

They live in a large open house, surrounded by an ample L-shape garden, in Gia Dinh, a noisy, cluttered semi-suburb northwest of Saigon. They have five children.

At 34, Mrs. Nha Ca has written 32 books—novels, short stories, poetry and essays. A novel about the impact on a small corner of urban Vietnam—"The Short Timers"—will be published in the United States in English translation this month.

Although she has moved from Hue—the beautiful, battered, somewhat haughty former imperial capital—the city remains with her. Perhaps her most ineradicable memories are of the traumatic days of Tet, when she herself was trapped in the city, first with the Communists, then with the G.I.'s.

In "A White Turban for Hue"—a white turban is a sign of mourning—she describes a scene on the An Cuu bridge, which was being guarded by American soldiers as the Communists were slowly, destructively being driven from the Citadel.

A crowd of panicked refugees tried to cross the bridge. The G.I.'s blocked Vietnam itself—is like the condition of that dog."

The New York Times/Horace Bristol, Camera

Nha Ca at her typewriter at her home in Gia Dinh, South Vietnam. She hits the keys with pencils.

*Nhật báo* The New York Times, *số ra ngày thứ năm, 19-11-1983.*
*Bài của James M. Markham. Hình của Nguyễn Ngọc Lương.*

*Ngay khi Cộng Sản chiếm miền Nam, Nhã Ca trở thành nhà văn nữ duy chất của miền Nam đi vào nhà tù. Sau 12 năm tù đầy, do sự can thiệp của các tổ chức Văn Bút, Ân Xá Quốc Tế, và sự bảo lãnh trực tiếp của Thủ Tướng Thụy Điển, gia đình Nhã Ca-Trần Dạ Từ mới rời khỏi Việt Nam.*

*Tháng Hai 1988, hai mươi năm sau biến cố Tết Mậu Thân, vẫn trên nhật báo New York Times, nữ ký giả Barbara Crossette, khi trở lại Việt Nam, đã ghi nhận:* "Các cơ quan truyền thông của Cộng sản làm đủ cách, trong đó có cả việc xuất bản một cuốn sách dày 407 trang mang tên "Huế Mùa Mai Đỏ" của Xuân Thiều, nhằm bào chữa cho cuộc tàn sát Tết Mậu Thân tại Huế. Nhưng người dân miền Nam cũ vẫn chỉ nhắc nhở tới cuốn "Giải Khăn Sô Cho Huế" của Nhã Ca, do nữ tác giả cuốn sách này đã bị bắt cầm tù ngay khi Cộng sản chiếm Sài Gòn."

# Xuân Này Con Không Về

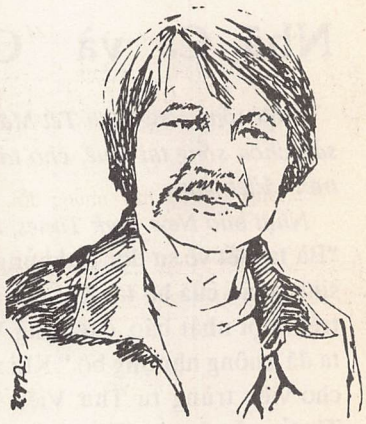

Trịnh Lâm Ngân

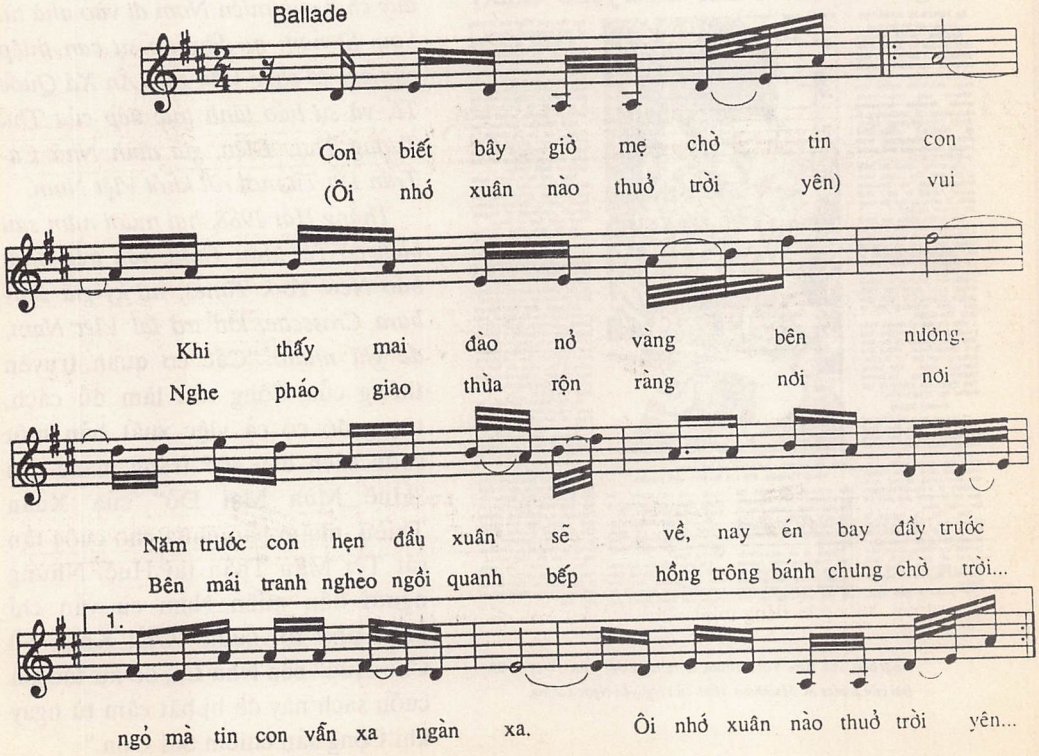

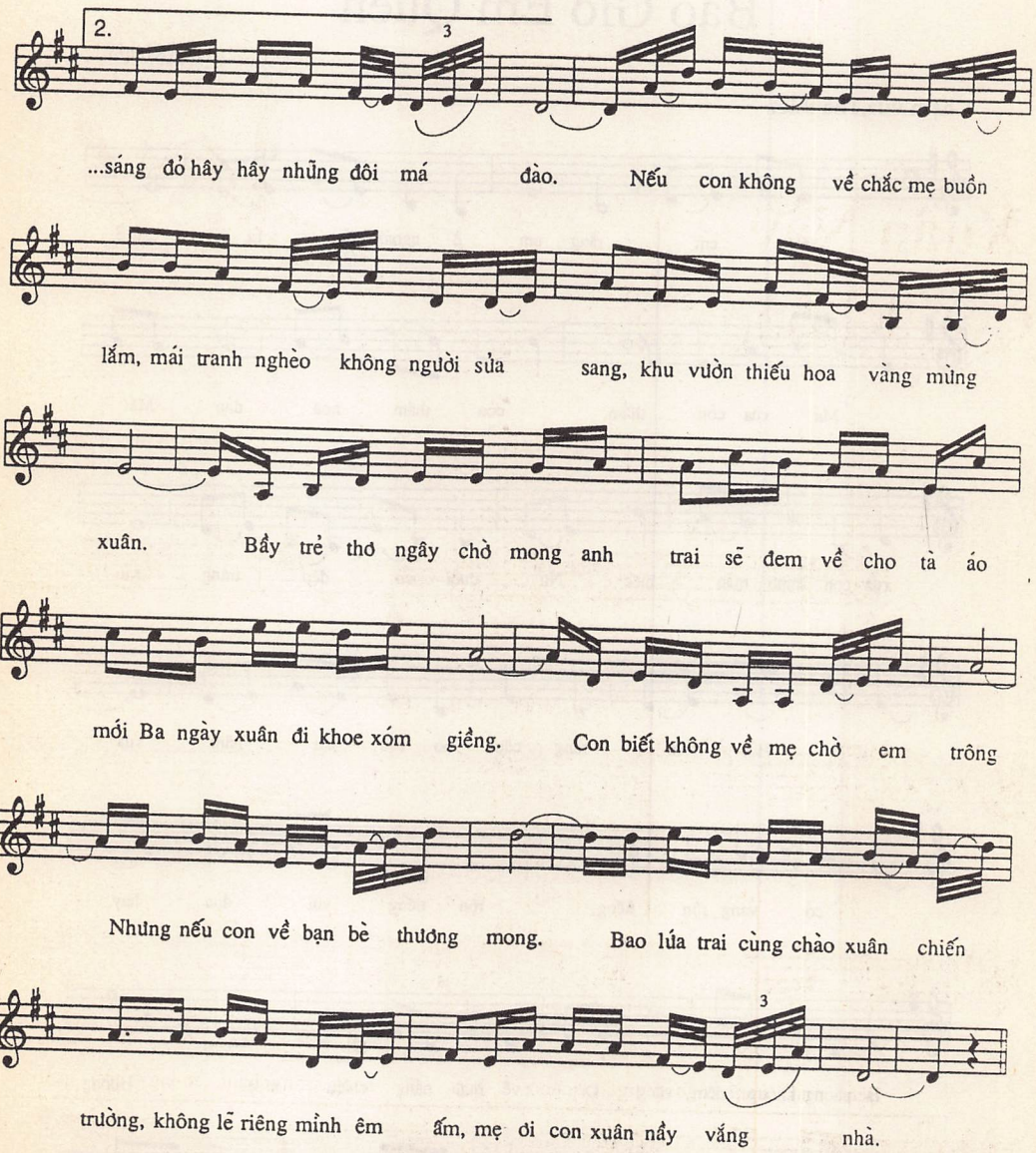
2.
3
...sáng đỏ hây hây những đôi má đào. Nếu con không về chắc mẹ buồn
lắm, mái tranh nghèo không người sửa sang, khu vườn thiếu hoa vàng mừng
xuân. Bầy trẻ thơ ngây chờ mong anh trai sẽ đem về cho tà áo
mới Ba ngày xuân đi khoe xóm giềng. Con biết không về mẹ chờ em trông
Nhưng nếu con về bạn bè thương mong. Bao lứa trai cùng chào xuân chiến
3
trường, không lẽ riêng mình êm ấm, mẹ ơi con xuân nầy vắng nhà.

# Bao Giờ Em Quên

Duy Khánh

Chậm vừa,Tha thiết

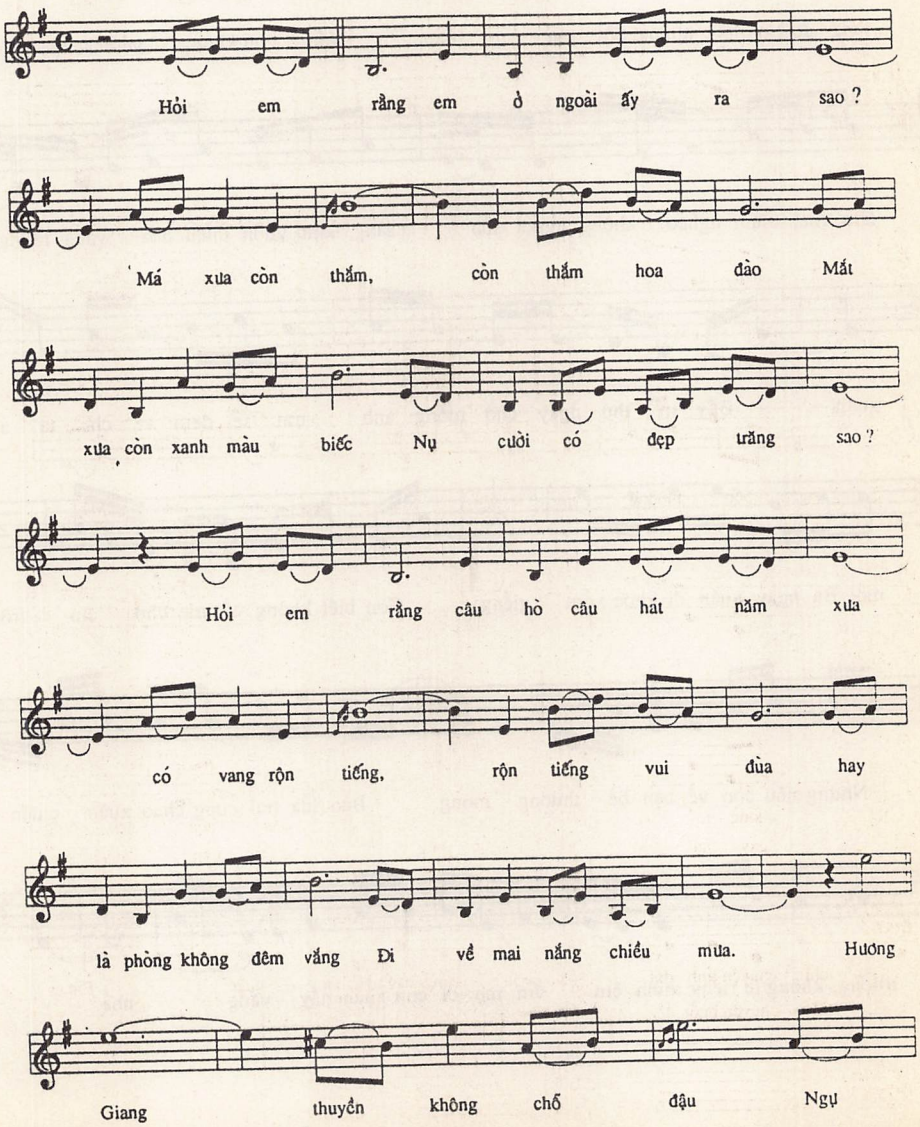

-- Viên có bướm hoa vàng Hay là hài xưa in dấu đưa

người đẹp ấy sang ngang. Ở nơi này bốn

mùa nắng cháy em ơi. Gió lên ngập bốn,

ngập bốn phương trời Lối xưa về xa hun hút Mây

chiều gọi nhớ chơi với Mai (Em) đây ơi

đường ra xứ Huế cùng em thắp sáng hoa đèn Buồn
ngày mai trở lại cùng em thắp sáng trăng nguyền Còn

1.

chi chuyện tình đôi lứa Xin đừng bao giờ em quên. Em...
đâu chuyện buồn đôi lứa Duyên tình bao giờ em...

2.

...quên

# Con Tàu Xuyên Việt

• **Dương Công Liêm**

Chiều xuống khi chuyến tầu lửa xuyên Việt chạy ngang thành phố Huế. Sau gần 8 năm cải tạo học tập ở miền Bắc (Yên Báy, Hà Nam Ninh) đoàn tù chúng tôi được chính quyền Cộng sản cho di chuyển vào Nam để tiếp tục cải tạo tại các trại miền Nam. Lúc ban chiều, khi con tầu vượt sông Bến Hải, không ai bảo ai, mọi người đều nhìn ra cửa sổ toa tầu. Họ coi như được trở lại quê hương mình. Nơi đây là địa đầu lãnh thổ mà trong nhiều năm chiến tranh, họ đã phải hy sinh tuổi trẻ và xương máu để bảo vệ. Nhìn những đồn lũy hoang tàn, những đống thùng vỏ đạn pháo binh ngổn ngang ở các trại Đông Hà, Quảng Trị, tất cả đều gợi nhớ một thời kỳ khốc liệt rồi ai nấy cũng rợn lên trong lòng nỗi hờn mất nước. Con tầu tiến đến vùng Văn Xá, An Hòa chạy song song với Quốc lộ 1. Đoàn người dân buôn thúng, bán bưng, xe lam, xe đạp tấp nập bên đường. Họ đều ngừng lại và sau khi nhận ra là chuyến tầu chở tù cải tạo, ai cũng giơ tay vẫy chào, nhiều cam, chuối, bánh mì, đã được đội lên qua cửa sổ, coi như quà tiếp tế.

Tôi thấy một người đàn ông khoảng 40 tuổi ở tư thế đứng nghiêm giơ tay ngang trán chào kiểu quân đội, chào từ toa đầu đến toa cuối. Có thể anh ta là một Hạ sĩ quan hay Binh sĩ hoặc Sĩ quan cấp úy học tập ngắn hạn nay đã được tự do sống với gia đình.

Những tên cán bộ áp giải chúng tôi hết sức phẫn nộ khi thấy sự biểu lộ tình cảm của dân chúng đối với đám "ngụy quân ngụy quyền" này. Con tầu chầm chậm bớt tốc độ tiến đến Kim Long rồi qua cầu Bạch Hổ. Giòng Hương giang vẫn muôn đời trong xanh hiền dịu. Nhìn bên phải là đường lên Chùa Thiên Mụ, bên kia sông là Điện Hòn Chén, Belvedere nơi nà những năm còn học sinh, chúng tôi thường rủ nhau đến chơi. Nhìn phía trái, Câu lạc bộ Thể thao (Cercle Nautique)

màu trắng nổi bật bên bờ hữu ngạn, đền đài kỷ niệm Chiến Sĩ Trận Vong trước trường Khải Định, xa xa là cầu Trường Tiền 6 vài 12 nhịp sáng rực trong nắng quái chiều hôm. Bên tả ngạn có Phú Văn Lâu, có cổ thành rêu mốc với Kỳ đài có lá cờ Cộng sản rũ rượi trong trời chiều vắng gió. Tự nhiên 2 câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan hiện về trong trí:

*"Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt. Nước còn cau mặt với tang thương".*

Thật vậy cố đô Huế đã trải qua bao nhiêu triều đại lịch sử, bao biến cố chiến tranh, đặc biệt Tết Mậu Thân, bao sự đấu tranh tôn giáo, Phật giáo miền Trung năm 1966. Con người của miền đất Thần Kinh này đã tiềm tàng trong đường gân thớ thịt, những sinh lực đặc biệt. Có người nhìn nhận với tôi rằng người Huế ít ai không yêu nhạc, không thích thơ, nghĩa là mang nặng một tâm hồn nghệ thuật ngoài ý chí đấu tranh vốn sẵn có.

Dòng suy tưởng đang miên man thì tầu dừng lại ga Huế. Nơi đây oang oang trên loa phóng thanh thông báo cho đồng bào: "Đây là con tầu đặc biệt, yêu cầu các hành khách khác không được ai đến gần, không ai được tiếp xúc với người trên tầu". Sự việc này khác hẳn với hai ngày qua khi tầu ngừng lại các ga ở các tỉnh miền Bắc, thì các người bán rong được phép đến tận toa tầu bán cho chúng tôi, nước uống, xôi, bánh mì, kẹo, mía, đậu phụng, trái cây, chè cháo đủ thứ. Bởi vậy mà trưa nay khi tầu ngừng lại ga Thuận Lý ở Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tôi đã mua ăn được một tô cháo gà. Trời ơi! Sao mà ngon thế. Tự nó là phải ngon vì đủ đồ gia vị hơn các thứ cháo gà chúng tôi nấu ăn với nhau ở trong trại, nhưng nó còn ngon hơn bởi lẽ trong tô cháo này có mùi vị quê hương nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Các bạn khác bảo tôi chúng ta nên dành tiền để chiều nay ăn bún bò khi tầu ghé Huế. Tiếc qúa, tiếng loa phóng thanh cứ lải nhải hoài làm chúng tôi mất cơ hội ăn bún bò tại gốc, vì không một gánh bún hay hàng quà gì được lảng vảng gần toa. Nhìn vào sân ga, hành khách xáo xác tìm, nhìn xem có ai quen mình dầu trời đã xẩm tối. Một cháu bé gái độ 9, 10 tuổi đứng la lên: "Ba ơi ba, ba mau về với con đi. Con chờ ba lâu qúa rồi, ba hãy về cho con thấy mặt". Tức khắc, một cảnh rất đau lòng xẩy ra là một tên Công an ập đến, trói tay cháu nhỏ và dắt đi. Cháu gái này là điển hình của nhiều gia đình có chồng, cha đi cải tạo khi chúng mới ra đời, nên có biết mặt ai là cha đâu mà chỉ nghĩ là thế nào trong số những người đi học tập cũng có cha mình.

Bên thềm ga, hành khách bộ đội đều áo quần xốc xếch. Đàn bà Huế ngày trước dầu sang hay nghèo khi ra đường đi đâu cũng có chiếc áo dài. Bây giờ không còn thấy nữa. Nữ sinh Huế vốn được ca tụng là mảnh mai xinh đẹp phần lớn nhờ thướt tha trong chiếc áo dài trắng với làn tóc xỏa hay một suối tóc kẹp đằng sau. Hình ảnh ấy đã được phóng thành ảnh, thành tranh có bối cảnh là cửa Trường Tiền, bến đò Thừa Phủ hay những hàng phượng vĩ rực đỏ khi hè về nhắc nhở mùa thi.

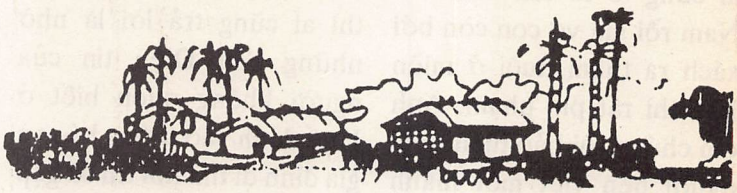

Giờ đây, trước mắt tôi cũng có những người phụ nữ ấy, họ bận đồ Kaki đồng

phục Công an, họ cũng gọi nhau bằng tiếng Huế, tiếng nói thân yêu mà tôi vẫn thích nghe, nhưng sao giữa họ và tôi thấy rõ một lằn ranh cách biệt.

Sau hơn 30 phút ngừng lại ga để đổi đầu máy, tầu lại bắt đầu chuyển bánh mà không ai mua được thức ăn gì ở ga Huế.

Trước khi chuyển trại, chúng tôi chỉ được thông báo một ngày để thu xếp hành trang và không cách gì thông báo cho gia đình, nên ai cũng lo lỡ khi mình về Nam rồi mà vợ con còn bới xách ra thăm nuôi ở miền Bắc thì rất phí phạm. Anh em chúng tôi bảo nhau mỗi người nên viết một mảnh giấy ghi địa chỉ của vợ con thân nhân ở Sàigòn hay các tỉnh miền Nam, nhắn tên mình là gì đó đã chuyển trại vô Nam. Xe lửa đi qua những con đường Nam Giao, Bến Ngự, Phú Cam, An Cựu, nơi mà đồng bào bị chặn lại để đoàn tầu đi qua, các mẩu giấy vàng được vứt xuống và đồng bào dành nhau đón nhận. Đồng thời các thức ăn như: Bánh mì, cam, quýt cũng được quăng lên, chúng tôi chia nhau trong niềm hân hoan thích thú, và làm chúng tôi mỉa mai nhắc lời tuyên truyền của Cộng sản là chúng tôi trước đây đàn áp bóc lột nhân dân, là kẻ thù của đồng bào thật hoàn toàn trái ngược. Đồng bào miền Nam ngoại trừ một số cuồng tín mê say chủ nghĩa Mác Lê, đa số đều đã sáng mắt. Sự nghèo đói thiếu thốn trong cuộc sống hiện tại làm họ liên tưởng và biết ơn chế độ cũ, và coi chúng tôi là một biểu hiện tượng trưng, dầu sao cũng đã từng bảo vệ cho cuộc sống họ có tự do, được no cơm ấm áo hơn ngày nay.

Ngay sau khi về trại Xuân Lộc chúng tôi được thăm nuôi ngay. Hỏi tại sao gia đình được biết nhanh thế thì ai cũng trả lời là nhờ những bản Điện tín của người không quen biết ở Huế đánh vào thông báo và gia đình đi tìm hỏi thì đã gặp được đây.

Ôi đồng bào xứ Huế sao mà dễ thương như vậy, tôi không biết phải cám ơn ai bây giờ.

Đêm hôm đó, gặp mùa trăng sáng, con tầu lần lượt băng qua các vùng đất quá quen thuộc dọc theo Quốc lộ 1. Chúng tôi đã một thời trên con đường này. Ngừng lại thưởng thức dâu Truồi, đi qua Nước Ngọt, Thừa Lưu, ăn cơm trưa với cá đối kho ở Cầu Hai, ăn sò huyết và ăn cháo sò ở cổng Lăng Cô. Bên ngoài cửa sổ, cả một cảnh trí bao la trùng điệp núi rừng của mảnh đất Thừa Thiên còn lại làm tôi nhớ xót xa một thời ngang dọc sinh hoạt trước 1975. Trong tôi dấy lên một số cảm giác mơ hồ trộn lẫn niềm tự hào đã sống xứng đáng những ngày trong quân ngũ đến phút cuối cùng, một nỗi tủi nhục khổ đau phải chịu đựng suốt 8 năm tù đầy và không biết còn bao nhiêu năm nữa, một mối hờn mất nước, một niềm thương xót gia đình đã sống vất vả suốt thời gian qua, và nhớ tiếc một số bạn bè đã vĩnh viễn nằm xuống nơi các núi rừng Việt Bắc.

Hôm nay, viết lại chuyến tầu xuyên Việt gần 10 năm về trước. Lần đó là dịp cuối cùng tôi thấy lại trong khoảng khắc hình ảnh của thành phố Huế. Thuở nhỏ, thành phố này đã mang lại cho tôi kiến thức qua nền giáo dục của các trường, đã cho tôi các tình bạn chân thật để cùng sinh hoạt trong cuộc sống, và cũng để nuôi dưỡng trong tôi ý chí phục hồi.

Trên mảnh đất dung thân đây, cũng như các bạn bè khác, ước nguyện của tôi là rồi đây khi mọi sự đổi thay với điều kiện thuận lợi, chúng ta sẽ nắm tay nhau về xây dựng lại Huế, xây dựng những gì đổ nát, những gì đầy đọa kiếp sống và những gì đã làm băng hoại tâm hồn và trí tuệ con người.

*Los Angeles,*
*ngày 20 tháng 6, 1992*

• **Dương Công Liêm**

# Chuyện cũ bên giòng sông Hương

## Chuyện Ông Ba Bị

Ở Huế ngày xưa mỗi lần con nít khóc, các bà mẹ thường nhát con:

- Nín đi không thôi ông Ba Bị vô bắt kìa!

Và được kể thêm:

- Ông Ba Bị người cao, to, râu ria xồm xoàm, đi đâu cũng mang theo ba cái bị thật to. Con nít nhà ai chướng, ông bắt bỏ vô bị mang lên Dinh!

Ông Ba Bị chính là cụ Phạm Đăng Hưng, người Gò Công (miền Nam) có thân hình cao lớn với bộ râu rậm và cứng như râu Trương Phi. Cụ làm quan trải qua các triều Gia Long và Minh Mạng, nổi tiếng là quang minh chính trực. Cụ có người con gái lấy vua Thiệu Trị tên là Từ Dũ và người cháu ngoại là Hồng Nhậm (sau lên ngôi lấy niên hiệu là Tự Đức). Năm Gia Long thứ 16 với chức vụ Quân Khâm Thiên Giám, cụ dâng sớ thỉnh cầu nhà Vua cho lập Xã thương, tức là kho chứa lúa ở các xã trong nước, phòng khi trời hạn hán hoặc lụt lội, mùa màng mất mát, thì lúc ấy trong kho đã có sẵn lúa chẩn cấp cho dân chúng tránh nạn đói. Vua đồng ý và giao cho Cụ thực hiện. Để giúp dân có nhiều lúa nạp vào dự trữ ở Xã thương, cụ gửi thư vào trong miền Nam xin những thứ giống lúa mới có năng suất cao đem ra phân phát cho dân. Vì thế, mỗi lần đi xuống thăm các địa phương, Cụ thường mang theo ba cái bị đựng các loại giống lúa quí. Đến đâu thấy dân làm ăn khó khăn, Cụ phát cho một ít và hướng dẫn cách nhân giống. Những nơi nào có quan tham ô lại, gian thương bóc lột dân chúng, Cụ thẳng tay trừng trị. Vì thế những người dân lương thiện có cảm tình với Cụ, những người xấu mới thấy bóng Cụ thoáng qua đều run sợ.

*(Viết theo lời kể của Phạm Đăng Trí)*

• **Kiều Trang sưu tầm**

## Chuyện Tiếng Đàn Trong Đêm Khuya

Đầu thế kỷ 20, ở Huế có cụ Hầu Biều (Ưng Biều) cháu nội Tương An Quận Vương mổi tiếng với tiếng đàn độc.

Đàn độc là tiếng đàn bí hiểm, hạ những nhịp đàn khúc mắc. Người nghe thoảng qua không biết là dụng công, người nhận kỹ thấy hay mà không luyện được; vì nó ẩn hiện, nó biến hóa trong những tiếng nhấn, tiếng mượn, tiếng gió hay tiếng phi.

Cụ Hầu Biều hay nhất là cây đàn Nguyệt. Trong cây đàn Nguyệt thì tiếng "tồn"

thiệt là tuyệt diệu. Tiếng "tồn" của Cụ phi cả năm ngón tay, nghe như mưa rào, mà vẫn nhẹ nhõm thanh thoát. Cụ sở trường về những bài Nam Ai, Nam Bình. Nghe tiếng đàn của Cụ, người ta nhận thấy Cụ có một nỗi buồn ngậm ngùi man mác, nhưng mà "ai nhi bất thương" (buồn mà không đau xót).

Cụ hay đánh đàn vào lúc 2 giờ sáng trên cái gác sau nhà (nay là số 106 Mai Thúc Loan, Huế). Cụ chơi một mình hoặc với năm ba bạn tri âm như các cụ: Hoàng Yến, Nguyễn Khoa Tân, Chử Văn hay ông Cả Soạn. Nhiều người ở gần nhà mà ít khi được nghe Cụ đàn.

Có một hôm tiếng đàn của Cụ vang trong đêm khuya. Ông đội Hộ Thành ở gần nhà rón rén trèo theo cái hàng rào tre chân dọc theo hồ Mưng phía sau nhà Cụ Hầu, lần mò đến chân cái gác cụ Hầu đang đánh đàn trong khói hương trầm để nghe cho rõ. Ông Đội mò gần đến nơi thì chẳng may cái thanh ngang cột hàng rào đứt lạt, ông rơi tõm xuống nước. Chó trong nhà Cụ Hầu sủa vang. Cả nhà Cụ Hầu tưởng ăn trộm đào ngạch, thức dậy thắp đèn xách dùi xô cửa ra sau bắt kẻ gian. Thấy ông Đội áo quần ướt sũng, mặt mày dính đầy bèo rong, lóp ngóp ở dưới hồ lên, hỏi duyên cớ vì sao, ông Đội nói:

- Bấy lâu nghe Cụ Hầu đàn hay quá mà không được nghe. Hôm nay thức khuya nghe Cụ đàn, cầm lòng không đậu, tôi phải trèo hàng rào qua nghe. Không ngờ hàng rào đứt lạt rơi xuống nước!

Mọi người đang ngái ngủ và tức giận, nghe ông Đội là người tử tế ở hàng xóm nói vậy, họ cũng phải tức cười. Cụ Hầu chơi hết bản đàn rồi cũng xuống thang hỏi. Biết cơ sự như thế, Cụ bảo ông Đội:

- Khuya hôm mai, mời ông Đội đi cửa trước qua nghe đàn. Đừng có trèo hàng rào mà có ngày gặp tai nạn!

Ông Đội mừng rỡ đi cửa trước về. Và tối hôm sau ông đã được nghe Cụ Hầu đàn.

*(Viết theo*
*nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba*
*và Ngô Tất Tố)*

# Gởi người đi

*Ai đã đi rồi, có nhớ không?*
*Bao giờ trở lại để chờ mong!*
*Ngày đi phố Huế buồn không nói*
*Đại Nội thành xưa nát cả lòng*

*Nâng chén ly bôi cười cay đắng*
*Ngập ngừng lời tiễn thấy băn khoăn*
*Biết nói làm răng cho vừa ý!*
*Nghẹn ngào nín lặng cũng không xong*

*Ai đã đi rồi còn nhớ không?*
*Con đường Lê Lợi những chiều đông*
*Lối về Thành Nội buồn lê gót*
*Và nước sông Hương vẫn một dòng*

*Người xa nhớ Huế khi chiều xuống*
*Đêm về thao thức và thương mong*
*Bạn bè chốn cũ còn ai nhỉ!*
*Xuân đến nâng ly có chạnh lòng.*

• **Đỗ Văn Mai**

# Một Nhiệm Vụ Cấp Bách

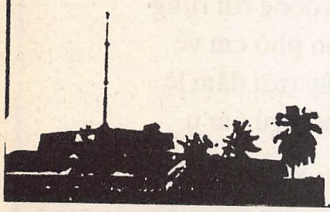

*Ai bỏ Ái Châu vào Ái Tử*
*Ta nay chân đứng mũi Cà Mau.*
N.M.T.

Sống ở hải ngoại, người Việt chúng ta thiết tha nhớ đến quê hương. Gặp nhau, chúng ta nhắc đến một ngọn núi, một dòng sông, một tên người, một ngày hội cổ truyền, một món ăn thích khẩu... Một người gợi lên, mười người tưởng nhớ. Và càng hồi ức lại, chúng ta càng am hiểu và yêu mến quê hương hơn, quê hương xa vời mà gần gũi. Hơn nữa, khi tiếp xúc với người bản địa hay những dân tộc khác cùng cư ngụ trên đất tạm dung, ta lại có nhu cầu và cơ hội so sánh người với ta, và nhờ đó, nhận thức sâu sắc hơn cá tính dân tộc ta, đất nước ta.

Riêng đối với Huế, chúng ta tổ chức những "ngày nhớ Huế", những buổi họp mặt của các cựu học sinh Đồng Khánh, Quốc Học và xuất bản những đặc san về Huế. Những hoạt động ấy không đơn thuần là những cuộc hành hương tình cảm về một miền đất thân yêu, mà còn được quan niệm như một nhiệm vụ đối với giang sơn xa cách. Và cũng không phải những người gốc gác ở Huế, những kẻ từng sống ở cố đô hay có ít nhiều liên hệ với vùng đất Hương Ngự đang cổ xúy một tinh thần địa phương hẹp hòi. Bởi vì Huế, chúng ta tưởng nhớ và tìm hiểu thêm quê hương Việt Nam. Những đặc tính của từng vùng - những nơi mà ta biết rõ, mà ta mến yêu vì những gắn bó chặt chẽ - sẽ giúp ích chúng ta định nghĩa Tổ Quốc, tổ quốc phong phú, đa dạng gồm những địa phương mang những nét đặc thù.

Hơn thế nữa, Huế đóng một vai trò có một không hai trong lịch sử dân tộc. Cùng với Quảng Trị, Huế là căn cứ địa đầu tiên, là đầu cầu phát xuất của cuộc Nam tiến trường kỳ. Xuôi về miền Nam, mở rộng bờ cõi để cho tổ quốc chúng ta hình thành một quốc gia như ngày nay, công cuộc trọng đại và kiên trì ấy được khởi xướng bởi Nguyễn Hoàng, người đã rời bỏ đất Ái Châu để vào lập nghiệp ở vùng Ái Tử. Và từ đó, từ năm 1558 cho đến năm 1885 là năm vua Hàm Nghi rời khỏi kinh thành, Huế là một trung tâm chính trị và văn hóa có ảnh hưởng sâu rộng trên toàn quốc, nhất là đối với miền Nam Việt Nam. Là một thủ đô chính trị quy tụ triều đình, quan lại, sĩ phu và tao nhân, mặc khách, Huế có một nếp sống trang nhã giữa một khung cảnh thiên nhiên hài hòa và thanh lịch. Vì vậy mà tâm lý con người sông Hương núi Ngự cũng không giống tâm lý của những đồng bào sinh sống ở những nơi khác.

*

Để thực hiện công cuộc nghiên cứu dân tộc và đất nước, chúng ta đang gặp không ít khó khăn. Chúng ta không thể tiếp xúc với những chứng nhân lịch sử đang còn ở lại trong nước. Trong thời gian qua, một số chứng nhân đã vĩnh viễn rời bỏ chúng ta. Riêng đối với Huế, những tài liệu quý giá

tàng trữ tại viện Tàng Thư, thư viện Bảo Đại, viện Văn Hóa Huế hay của hội Đô Thành Hiếu Cổ đã bị mất mát hoặc tản mác đi nhiều nơi. Chúng ta đành phải sử dụng những tư liệu có thể tìm kiếm được hoặc nhờ đến những thư viện hoặc cơ quan nghiên cứu của những nước chúng ta đang cư ngụ.

Mặt khác, trong công việc tìm hiểu và giới thiệu Huế trên những phương diện lịch sử, địa lý hay văn hóa nghệ thuật - trong khuôn khổ duy trì và phát huy văn hóa dân tộc - thiết tưởng chúng ta cần kêu gọi giới trẻ tham gia. Lớp người sinh ra hoặc lớn lên ở hải ngoại có lẽ không quay về Tổ Quốc với tâm trạng của những người lớn tuổi. Họ chưa biết hoặc biết quá ít về quê hương, và không cảm xúc như chúng ta khi nghe nhắc đến dòng sông Hương mờ ảo dưới lớp sương mù, một sáng đầu thu. Có lẽ họ không thích nghe một bài Nam Ai, không thưởng thức món bánh bèo, bánh khoái như chúng ta. Nhưng như thế không có nghĩa là họ quay lưng lại với dân tộc, với đất nước. Tổ quốc có một hấp lực huyền bí, và sớm muộn gì họ cũng trở về nguồn. Vì vậy, trong lúc này, lớp người lớn tuổi có nhiệm vụ giúp cho những thanh thiếu niên của chúng ta những kiến thức căn bản về quê hương và dân tộc, để về sau này, họ sẽ tự mình tìm hiểu thêm. Đó là một công việc cần thiết và cấp bách.

Ý thức được nhu cầu nói trên, một số sinh viên Việt Nam trẻ tuổi, theo bước chân của những học giả đàn anh, đang say mê nghiên cứu về Đông phương và đặc biệt về Việt Nam tại các trường đại học Âu Mỹ. Văn hóa Việt Nam, với những nét đặc thù của nó, vẫn thu hút những tâm hồn biết rung động vì những tình tự keo sơn của dân tộc và có hiểu sâu sắc quá khứ, chúng ta mới có dữ kiện để sử dụng tương lai.

• **Hoàng Liên**
**Nguyễn Văn Đải**

## *Nhớ thương mùa nước quê nhà*

hôm qua sầu đông rơi rụng
tím hoang con phố em về
chiều nay mây trời đẫm lệ
phố buồn phố ngủ âm u

hôm qua mưa về kể lể
sầu đông rụng ốm trơ cành
mưa xua cuồng phong trăm nhánh
chim lìa tổ ấm xôn xao

hôm qua nghe trời mưa bão
thổi dồn qua Huế hôm nay
trần gian mắt buồn nhấp nháy
chuông khuya vọng báo tin lành

đêm qua trời im gió tạnh
sáng này mặt nước dâng cao
buồn đau theo từng cơn bão
trời run theo mấy nhịp cầu

sáng nay từng đoàn sáo đậu
thành xưa con nắng đổ dài
sầu đông bây chừ ra trái
qua rồi mùa nước thiên tai

hôm nay có người nhắc lại
sầu đông rụng tím một hồn
nơi đây mưa về thiếu thốn
chùng lòng con nước năm xưa

hôm qua mùa đông về phủ
một trời tuyết trắng bao la
ơ hay lòng như xa lạ
không như mùa nước quê nhà

• **Nguyễn Văn Hưng**

# Thư Tín

*Gardena ngày 24 tháng 12, 1991*

*Kính gửi Ban Biên Tập Tuyển Tập Nhớ Huế*

*Tôi tên Nguyễn Văn Hà, năm nay 64 tuổi. Vừa qua tôi đi chơi Santa Ana để thăm người bạn, tôi có đọc tờ Nhớ Huế Tuyển Tập quá hay và gợi cho tôi nhớ lại quê nhà vì là tôi mới sang Mỹ mới có 38 ngày nay. Tôi đường đột viết ít chữ này đến xin TTNH 91 nếu ông còn. Mong ông gởi cho tôi 3 số, tôi sẽ hườn tiền lại. Số nhà của tôi 17026 Berendo Ave., Gardena... Vì già cả và bịnh tê xuội nên tôi viết hơi lộn xộn... Tôi muốn có một cuốn do mình làm chủ, cuốn hiện giờ tôi đang xem là tôi mượn của bạn.*

Bác Nguyễn Văn Hà, Gardena

Thư của Bác làm anh em trong BBT chúng tôi rất cảm động.

Chắc chắn Bác đã làm chủ được một Tuyển Tập Nhớ Huế rồi.

Cám ơn Bác.

- Thư của chị Nguyễn Thị Hiệp, Austin, Texas

*Austin, ngày 1 tháng 3, 1992*

*... Là người Huế hễ thấy gì có chữ Huế là mừng lại thêm tác giả bài vở là những vị biểu tượng cho Huế như 2 anh Tũng, anh Hoàng Giao tôi được quen biết nhiều năm. Nếu tờ Nhớ Huế bán tôi xin mua. Nếu là biếu thì tôi xin nhận... Nếu Tạp chí chỉ dành cho người Huế, tôi xin hân hạnh được lãnh một cuốn.*

Trả lời chị Nguyễn Thị Hiệp

Cám ơn những cảm tình của chị dành cho Tuyển Tập Nhớ Huế. TTNH được phát hành đặc biệt và bán trong Ngày Nhớ Huế tổ chức tại Miền Nam Cali (5 đô một cuốn). Tiền lời được dành để chi phí cho việc tổ chức Ngày Nhớ Huế. TTNH không dành riêng cho người Huế mà dành cho bất cứ những ai thương nhớ và nặng tình với Huế. Bắt đầu năm nay bạn đọc có thể gởi mua theo địa chỉ của Ban biên tập, nhớ cộng thêm cước phí.

- Thư của ông Dương Quang, Ontario, Canada

*London, ngày 22-01-92*

*Chúng tôi đã nhận được TTNH 91, thành kính xin cảm tạ. Trên 15 năm sống ở xứ người, nay được đọc lại những giòng thơ, lời văn về Cố đô Huế thật là cảm động và vui mừng... TTNH 91 là tập tài liệu quý báu giúp ích rất nhiều cho lớp trẻ Việt Nam học hỏi.*

Anh Dương Quang,

Cám ơn những ý kiến của anh. Anh em trong Ban biên tập rất phấn khởi khi đọc lá thư của anh.

- Thư của anh Nguyễn Huy Phước, New Jersey

*Cùng là người Huế, cùng xa Huế và nhớ Huế nên rất quý trọng đề tài của Tuyển Tập. Tôi là bạn học với Thái Doãn Ngà ở Quốc Học Huế, trước 75 thường hay đăng bài trên Tập san Phụng Sự, Chiến Sĩ Cộng Hòa, Đời Mới... và nay thì vẫn có mặt thường xuyên ở Làng Văn và lai rai trên Quê Mẹ. Quý anh, nếu có thể, gởi cho tôi một cuốn TTNH để cùng được thưởng thức văn thơ người Sông Hương Núi Ngự và cùng được hòa nhịp rung cảm với nhau.*

Anh Nguyễn Huy Phước, New Jersey

Cám ơn người bạn tri âm, anh nhớ đọc thơ Bài Nhớ đăng trong số này.

- Chị Mộng Hoàn, San Jose

Hai lá thư cho Huế của chị đăng trọn trong số này. Chị viết quá hay. Chỉ có tác giả vừa giỏi về văn chương và hội họa mới diễn tả nổi cảnh vật như chị. TTNH sẽ dành mục Thư Cho Huế để nhờ chị phụ trách. Cám ơn sự cộng tác quý báu của chị.

- Chị Nhã Ca, Thụy Điển

Mặc dù quá bận chị vẫn dành thì giờ viết cho TTNH năm nay như đã hứa. Rứa mới xứng danh tác giả "Giải Khăn Sô Cho Huế". Nhân về chơi Cali mùa Hè này, và có thể cùng anh Dạ Từ đóng đô luôn ở đây, cám ơn chị đã nhận lời anh em trong Ban tổ chức nói về một vài cảm nghĩ trong Ngày Nhớ Huế 92 tại Westminster. Hẹn chị và anh Hà Thúc Như Hỷ một ngày nào đó về thăm nhà thờ Họ Hà ở quê mình.

- Anh Nguyễn Hữu Thứ, Canada

Vừa mới qua Canada đoàn tụ với các cháu, anh đã viết luôn một mạch 4 bài cho

TTNH. Bài Đây Thôn Vỹ Dạ đăng trong số này.

Bài viết của anh rất có giá trị vì anh đã sống ở Huế rất lâu, chứng nhân cho nhiều biến chuyển quan trọng, lại từng là Giáo sư, Hiệu trưởng trường Quốc Học và Thẩm phán Tòa Thượng Thẩm Huế. Cám ơn anh vừa đặt chân đến Los Angeles trong tháng 7 vừa qua đã sốt sắng điện thoại ngay cho BBT.

- Bạn Vũ Đình Minh, Brea

Bài Quê Cũ của bạn rất hay nhưng tiếc không dính dáng đến Huế.

Kỳ sau xin một bài đặc biệt về Huế như bạn đã hứa. Cám ơn rất nhiều.

- Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh, Toronto

Năm ngoái nhiều bạn chờ đọc bài của chị. Ai dè Ngọc Quỳnh ký bút hiệu Tôn Nữ Hoài Hương cho Lối Về Vườn Cũ. Vậy xin bạn đọc xem Ngọc Quỳnh và Tôn Nữ Hoài Hương tuy hai mà là một. Mừng chị có dâu hiền.

- Chị Bùi Bích Hà,

Cám ơn chị đã gởi bài đều đều cho TTNH. Nguồn sáng tác của chị thật phong phú, ai đọc văn của chị cũng rất thích.

- Anh Trần Đoàn, Washington D.C.

Cám ơn anh chị đã mua ủng hộ 30 TTNH 91. Bài Đây Thôn Vỹ của anh đã được nhiều bạn đọc khen hay nhất là những người ở bên kia Đập Đá... Đang chờ những sáng tác mới của anh.

- Anh Thái Văn Kiểm, Paris

Xin cám ơn hiền đại huynh đã tin tưởng đàn em ở bên này. Bài vở của anh nghiên cứu khi nào cũng quá công phu. Nhờ sự góp mặt của anh Tuyển Tập Nhớ Huế sáng hẳn lên. Rất cám ơn những cảm tình của anh chị đã dành cho.

- Bạn Lê Văn Lân, New Jersey

Kỳ này nhận được của bạn chỉ có một bài, hơi thất vọng đấy vì mấy bài của bạn trong số trước được bạn bốn phương khen ngợi da diết. Càng ở Huế lâu càng thích đọc những câu chuyện dí dỏm của bạn. Cám ơn nhiều. Thân.

- Cựu Thiếu Tướng Nguyễn Văn Chuân, Bâton Rouge

Xin chân thành cảm ơn bác đã cho bà con thưởng thức Cay Ngọt Miền Núi Ngự Sông Hương. Mong nhận được những lời chỉ dạy của bác.

- Anh Phạm Văn Hưởng, Paris

Đọc bài Sóng Động Tình trong số này chắc bạn vừa ý lắm. Cám ơn đã ghé thăm Bolsa trong chuyến viễn du Mỹ vừa qua.

- Cùng quý vị làm Tập San dính dáng đến Huế.

Tuyển tập Nhớ Huế là diễn đàn chung của những ai thương nhớ Huế. Bài vở được tự do trích đăng nhưng xin nhớ đề rõ xuất xứ Tuyển Tập Nhớ Huế dùm.

- Bạn Võ Đình Hữu, Pomona

Cám ơn sự đóng góp của bạn. Một Thoáng Ngày Xưa đăng trong số này. Rất tiếc vừa mới đọc bài thơ Ai Về Gia Hội trên báo Phụ Nữ Việt nên không tiện đăng lại. Mong thông cảm.

- Bạn Nguyên Hà, Los Angeles

Mừng bạn mới trở về Cali sau mấy năm sống hồ hởi ở Paris. Chắc ít người được biết Euro-Dysney có bàn tay đóng góp của một người tài ba của miền Gia Hội. Đồng ý với bạn không thể bỏ qua cảnh đã xẩy ra ở đồi Vọng Cảnh vì nếu không câu chuyện sẽ trở thành khô khan. Còn nếu cảnh hấp dẫn ấy dễ cho xảy ra tại điện Hòn Chén thì thế nào đương sự cũng bị Cô vặn họng.

- Chị Lê Khắc Ngọc Túy, San Jose

Một tuần lễ ở Quận Cam chị đã làm được nhiều chuyện hay trong đó có sự liên lạc để giúp BBT được gặp chị Nhã Ca, anh Trần Dạ Từ và nói chuyện với anh Huy Phương. Cám ơn nhiều.

- Anh Phạm Văn Thoại, Paris

Cám ơn bạn đã đưa anh em đi viếng cảnh Paris và chụp hình dùm.

Nhiều cựu nữ sinh Gia Long hỏi thăm thầy cũ lắm đấy.

Nhớ đọc bài Tiếng Đàn Tranh trong số này.

- Anh Đồng Sĩ Khiêm, Australia

Đọc thư anh rất cảm thông sự cô đơn của thân phận người sống ly hương. Bài của anh viết về Mạ rất Huế, rất dễ thương. Cám ơn sự đóng góp của anh.

- Anh Lê Đình Thọ, Irvine
- Chị Hảo Lan, Los Angeles
- Chị Tân Lạc, Glendale
- Anh Phan Huệ, San Jose

Nhận được bài của các anh chị quá trễ nên không thể đăng kỳ này được. Xin cám ơn.

# Restaurant
# ĐÔNG BA

Vietnamese Royal Foods

14942 Bushard, Westminster, CA. 92683

**(714) 775-7049**

(góc Bolsa & Bushard, gần Siêu thị Hòa Phát)

* Lấy lừng với những hảo vị thời danh của Huế

* Thích khẩu - Tinh khiết và Bổ dưỡng

* Bánh lá chả tôm
* Cơm âm phủ
* Cao lâu Cồn (Cơm Hến)
* Cháo lòng "Gia Long"
* Chè Cồn
* Nem, Tré, Chả Huế
* Bánh bột lọc
* Bánh khoái Đông Ba
* Bánh ướt Tôm Chấy
* Bánh ướt thịt nướng
* Bánh bèo Vỹ Dạ
* Bánh bèo Ngự Bình

## Đặc biệt: Bún Bò ĐÔNG BA

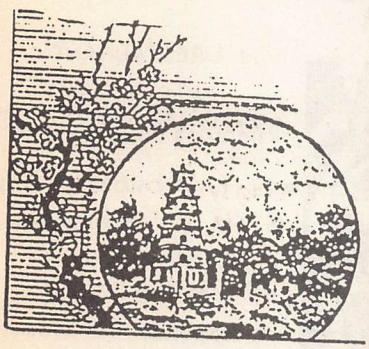

ĐÔNG BA Kính Mời

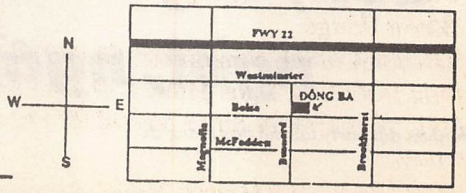

# KAMALA Flowers & Music

**14044 Magnolia Street, Suite 128**
**Westminster, CA 92683**
**(Corner of Magnolia and Westminster)**
**(714) 891-8130**

- Đầy đủ dịch vụ về hoa tươi và hoa lụa như đám cưới, đám ma, tiệc tùng.
- Có hoa Phong Lan, Bon Sai, Stuffed Animals, Bong Bóng, Giỏ Mây, Cây Kiểng, Dishgarden.
- Cho mướn đồ, Cây và Hoa Trang Trí đám cưới, tiệc tùng.
- Đặc hoa tươi sớm trước 2 ngày. Discount thêm 10%.
- Giá đặc biệt cho các cơ sở tôn giáo, hội đoàn và thương mại.
- Chuyển hoa tươi đi mọi nơi trên toàn quốc và thế giới qua hệ thống AFS.

THỦY RIOS Certificate Ikenobo Ikenaba Designer.

- Lớp dạy Piano từng người hay từng nhóm.
- Huấn luyện học sinh đủ mọi trình độ, mọi lứa tuổi.
- Đã có rất nhiều học sinh đoạt giải.
- Nhận giúp vui Classical Piano Solo cho đám cưới và parties.

Robert Rios 25 năm kinh nghiệm dạy học - Ph. D. Pianist.

# HUẾ Rendez Vous

**15562 BROOKHURST ST (GÓC McFADDEN)**
**WESTMINSTER • CA 92683**
**(714) 775-7192**

*Chân thành cảm tạ quý khách và thân hữu đã ủng hộ trong dịp khai trương vừa qua.*

- khung cảnh & màu sắc rất Huế
- lan tươi đẹp nhất

**đến, say đắm**

**ngồi, ngất ngây**

RESTAURANT

MỞ CỬA 7 NGÀY
- CHỦ NHẬT đến THỨ NĂM: 9AM-8PM
- THỨ SÁU & THỨ BẢY: 8:30AM-10PM

- bún bò • bánh ướt thịt nướng
- bánh bèo • bánh nậm
- bánh ướt tôm chấy
- bánh bột lọc
- bánh khoái • mì quảng
- các loại cơm • các loại chè.
- cơm hến (weekend)

**về, si tình**

• *nhận đặt party tại chỗ hay mang đi*

# CONTINENTAL
# INVESTORS, INC.

A FEDERAL LICENCEE UNDER THE SMALL BUSINESS INVESTMENT ACT OF 1958

**(714) 960-0745**

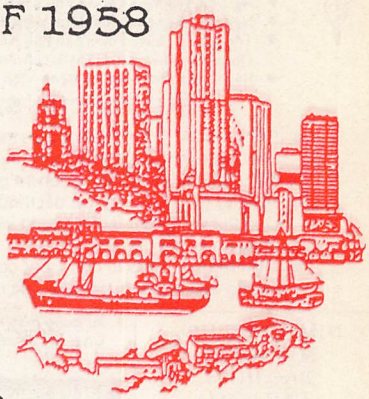

GIUP QUY VI THÊM VỐN:

— Để mở tiệm
— Mua, sang tiệm
— Khuếch trương
— Mua hàng

PRESIDENT
MR THÂN TRỌNG LẠC
CONTINENTAL
INVESTORS Inc.

## BÁC SĨ NHA KHOA

# DƯƠNG ÚT, D.D.S.

**(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)**
TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC ĐƯỜNG LOMA LINDA CALIFORNIA USA
ĐÃ HÀNH NGHỀ TẠI SANTA ANA VÀ LONG BEACH

- NHA SĨ KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ NHIỀU NƠI.
- CHUYÊN TRỊ CÁC TRƯỜNG HỢP SAI LỆCH KHỚP NHAI, TÁI TẠO KHỚP NHAI (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION)
- CHỮA RĂNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT MÁY MÓC MỚI NHẤT Ở HOA KỲ.

**CHUYÊN SỬA CHỮA**
**CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI**

**Tel. (213) 617-2778**

807 Sunset Blvd.
Los Angeles, CA 90012

GIỜ MỞ CỬA:
THỨ HAI - THỨ BẢY 10 giờ sáng - 6 giờ chiều

**NHA KHOA THẨM MỸ:**
Bonding, Veneer...

**NHA KHOA NHI ĐỒNG:**
kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.

**NHA KHOA TỔNG QUÁT:**

- Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu
- Răng giả các loại
- Bệnh nướu răng (gum disease)
- Giải phẫu

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

**NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM**

PHÒNG MẠCH SẢN PHỤ KHOA

# BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, MD., FACOG.

*Tốt Nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ • Diplomate American Board of Obstetrics & Gynecology*

- Nguyên Bác Sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi.
- Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác Sĩ Giải Phẫu Bệnh Viện Sùng Chính, Saigon.
- Nguyên Bác Sĩ điều trị Bệnh Viện Washington, Louisiana.
- Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn Viên tại Bệnh Viện John Sealy University Hospital, UTMB, Galveston, Texas.
- Bác Sĩ Sản Phụ Khoa tại Bệnh Viện Fountain Valley Regional Hospital và Santa Ana Medical Center, Pacifica Hospital.

## CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và định thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch hoá gia đình. Cột kẹp hoặc dối ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm Ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị Tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser.

NHẬN MEDICAL
MEDICARE
BẢO HIỂM
CÁC LOẠI

*Xin Vui Lòng Lấy Hẹn*

- *Xử dụng máy móc tối tân (Ultra Sound, Fetal Monitor, Colposcopy, Cryo Rx) để chẩn bệnh và điều trị tại phòng mạch.*

**14024 Magnolia, Suite 104 ⌟ Westminster, CA 92683**
**(714) 898-1375 24 hours**

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
10:00 AM - 6:30 PM
Thứ Bảy:
10:00 AM - 3:00 PM



# Ana Funding

REAL ESTATE LOANS

14411 Brookhurst St, Suite A * Garden Grove, CA 92643

Phone: (714) 775-7786 * 1-800-675-7786

| | |
|---|---|
| **7.75%** 15 Year Fixed/Conforming | **8.875%** 15 Year Fixed/Jumbo |
| **8.25%** 30 Year Fixed/Conforming | **9.00%** 30 Year Fixed/Jumbo |
| **7.750%** 30/5 Year/Convertible | **5.650%** 6 Mo ARM/Convertible |
| **7.875%** 30/7 Year/Convertible | **5.625%** 6 Mo CD/No Neg/Assumable |

RATES CHANGE DAILY, CALL FOR CURRENT RATES

AN NGUYỄN
*Broker*
Bus : (714) 775-7786
Res : (714) 775-8700

**Cơ Hội Là Hôm Nay:**

- Tiền Lời Đã Xuống Thấp: Nợ từ 30 năm, đổi qua 15 năm, tiền trả hàng tháng cũng gần như cũ, mà tiết kiệm được một số tiền rất lớn và giảm đi gần 15 năm trả nợ.
- Tiền Lời Đang Xuống Thấp: Lấy tiền từ căn nhà để trả nợ xe, nợ Credit Card... vừa tiết kiệm vừa được trừ thuế.

• **FULL TIME JOB:** Ana Funding cần tuyển một Loan Processor tối thiểu một năm kinh nghiệm, làm việc full time, lương cao.

QUẢNG ĐÀ
RESTAURANT
MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG
9786 Westminster Ave
Garden Grove
CA. 92644
(Brookhurst,
goc Westminster)
(714) 636-3016

# QUẢNG ĐÀ

9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
*(Cạnh Chè Hiển Khánh, gần góc Brookhurst)*

**Tel: (714) 636-3016**

Giờ Mở Cửa:
9 AM - 8:30 PM (Nghỉ Thứ Tư)

*Nhà Hàng Chúng Tôi Nổi Tiếng Ngon Nhất Cali Về:*
** Mì Quảng * Bánh Cuốn Nhân Thịt * Bánh Bèo Chén v.v...*

## MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG XỨ HUẾ

* Bánh ướt thịt nướng
* Mì quảng
* Bánh bèo Vĩ Dạ
* Bánh nậm
* (Bánh Lá) chả tôm
* Bánh bột lọc
* Bánh ướt tôm chấy
* Bánh xèo
* Bún bò Huế

**Đặc Biệt**
**Mì Quảng Chay**
**và Bánh Bèo Chay**

*Đặc Biệt Độc Nhất Vô Nhị Ở California:*

- *Bún Mắm Thịt Heo Quay*
- *Bánh Bèo Chén Miền Trung (Nhân Ướt / Khô)*
- *Bánh Canh Tôm Cua*
- *Hủ Tiếu Thanh Xuân (Chợ Cũ)*
- *Mì Cao Lầu Hội An*
- *Bánh Cuốn Bắc Nhân Thịt*
- *Mì Hoành Thánh Xá Xíu*
- *Bánh Ít Kẹp Bánh Ram*
- *Gỏi Mít Trộn Xúc Bánh Tráng*
- *Bánh Tráng Đập Mắm Nêm*
- *Cơm Gà, Cơm Bì...*

*ăn chơi - ăn thiệt - ăn lai rai - ăn đậm - ăn đà*

BÁC SĨ NHA KHOA

# NGUYỄN VĂN Y

**DENTIST**
5110 W. Westminster Ave., Suite #K
Santa Ana, CA 92703
**Tel.: 534-5533**

- Nha Sĩ Điều Trị Trung Đoàn 42 Dakto, 22 Bộ Binh
- Trưởng Phòng Nha Khoa Quân Y Viện & Dân Y Viện Pleiku
- Nha Sĩ Trưởng Binh Chủng Nhảy Dù và Bệnh Viện Đô Vinh
- Giảng Huấn Viên các Khoa Quân Y: NHA, Y, DƯỢC SĨ tại Trưởng Quân Y
- Đã mở phòng mạch tại Trương Minh Ký, Gia Định từ 1963

– KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT VÀ ĐỊNH KỲ
– CHỮA RĂNG VÀ PHÒNG BỆNH RĂNG, MIỆNG, NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM
– TRÁM, NHỔ RĂNG, LẤY CAO MÁU
– TIỂU GIẢI PHẪU NHA KHOA
– SỬA RĂNG THẨM MỸ
– LÀM CÁC LOẠI RĂNG GIẢ, CẦU RĂNG

• GIỜ LÀM VIỆC:
– Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM—6PM
– Chúa Nhật: làm việc theo hẹn

BÁC SĨ

# ĐỒNG SĨ NAM, M.D.

14082 MAGNOLIA, SUITE 112
WESTMINSTER, CA 92683
D.T. 24 Hrs. (714) 898-0424

**Diplomate American Board of Pediatrics**
**Tốt Nghiệp Văn Bằng Chuyên Môn Nhi Khoa Hoa Kỳ**

- *Nguyên Nội trú Bệnh viện Grall (Dân Dắt Saigon*
- *Tốt nghiệp Nhi khoa tại Columbia University Hospital, New York*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa Trẻ Sơ Sinh tại Women's Hospital USC Medical Center, Los Angeles*
- *Nguyên Giảng huấn viên Lâm Sàng Nhi Khoa, USC School of Medicine*

**CHUYÊN TRỊ:**
**BỆNH TRẺ SƠ SINH, TRẺ EM, THANH THIẾU NIÊN**

**BỆNH CẤP TÍNH:** Ho, cảm, nóng, đi mửa, tiêu chảy. Lâm kinh, Ban sởi, Sưng phổi, Sưng cổ họng. Nhiễm trùng đường tiểu, Mụt ghẻ lở, đỏ mắt, Khó thở, Nghẹt mũi, Lên suyễn.
**BỆNH KINH NIÊN:** Đường hô hấp, ho suyễn, đường tiêu hoá, đường tiểu. Tim lớn, Truy tim. Bệnh Tuyến Nội Tiết: Mập phì, lớn quá cỡ, lùn, chậm lớn, ốm còi. Tiểu đường. Bệnh ngoài da: Phong ghẻ, Chí rận.
**GIẢI PHẪU NHẸ:** Xẻ nhọt, Cắt bướu, May vết thương.
— Hướng Dẫn Dinh Dưỡng, Nuôi ăn cho trẻ em và thanh thiếu niên
— Khám tổng quát định kỳ. Chích ngừa nhập học. Thi đua thể thao
— Nhận săn sóc trẻ em sơ sinh từ lúc lọt lòng. Các bệnh cần nhập viện tại hai bệnh viện Santa Ana Medical Center, Fountain Valley Regional Hospital Medical Center
— Hợp tác với Chương trình Bông Sữa WIC

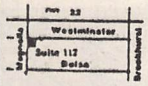


Xin Vui Lòng Lấy Hẹn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE BẢO HIỂM CÁC LOẠI
ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT DÀNH CHO QUÝ VỊ TRẢ TIỀN MẶT

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ 6 : 10:00AM - 6:00PM
Thứ Năm : Nghỉ
Thứ Bảy : 9:30AM - 3:00PM
Chủ Nhật : Khám theo hẹn (từ 10:00AM - 1:00PM)

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

LASER

# BỆNH TRĨ

- *Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt*
- *Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh*
- *Không cần nằm bệnh viện*
- *Không ra máu, không đau*
- *Trĩ nội, trĩ ngoại, trĩ sa*
- *Mạch lươn, sa ruột, mông gà*
- *Ung thư đường ruột, bệnh bao tử, san mật*
- *Co vòng suy yếu, sửa lại ám đạo theo ý muốn*
- *Cắt da qui đầu*

BÁC SĨ

# TRẦN TIẾN HUYẾN MD. F.A.C.S.

- Tốt nghiệp bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát ( American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
- Tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu bệnh đường ruột và trị khoa tại Ferguson Clinic, Michigan.
- Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
- Hội viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Hoa Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
- Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa Hoa Kỳ (American Society of Colon & Rectal Surgeons)

NHẬN MEDICAL – MEDICARE – TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

1905 N. COLLEGE AVE., SUITE C
SANTA ANA, CA 92706
(714) 558–1386

MAGNOLIA CLINIC
14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898–1177

Bác Sĩ

# LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. FELLOW OF AMERICAN ACADEMY OF PEDIATRICS
9341 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9666

**CHUYÊN KHOA NHI KHOA**

**Sơ sinh, trẻ em và các bệnh thanh thiếu niên**
**Y khoa tổng quát người lớn**
*Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital*

(213) 617-2030
617-2029

孫室勤醫學博士

**TÔN THẤT CẦN, M.D.**

CERTIFIED AND RE-CERTIFIED
DIPOLMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE
FELLOW AMERICAN ACADEMY OF FAMILY PHYSICIANS

730 N. BROADWAY
CHINA TOWN
LOS ANGELES
CA 90012

THU HAI TOI THU BAY: 9 GIO-6 GIO
CHU NHAT: 9 GIO-5 GIO

## Lê Như Thưởng, D.D.S.

7217 De Soto Ave
Canoga Park, Ca 91303
(818) 704-0749

*** Nha khoa gia đình * Nha khoa thẩm mỹ**
*** Khám răng định kỳ * Nha Khoa Phòng Ngừa**
*** Chữa răng người lớn và tẻ em**
*** Làm răng giả các loại**
**Kinh nghiệm - Tận Tâm - Kỷ lưỡng**
**Nhận bảo hiểm và Medical**
**Xin vui lòng lấy hẹn trước**

Bác sĩ

## NGUYỄN VĂN THẾ, M.D.

9196 Bolsa Avenue, Westminster, Ca 92683
*(Cạnh PHARMACY DANH và Chợ MAI KONG)*
714-898-5951 714-898-2967
Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ:
- Các Bệnh Nội Ngoại Thương Tổng Quát
- Bệnh Toàn Khoa Người Lớn, Trẻ Em
- Bệnh Phụ Nữ và Thai Sản
- Kế Hoạch Hóa Gia Đình
- Chích Ngừa
- Khám Bệnh Nhập Học
- Tiểu Giải Phẫu
- Các Loại Tai Nạn
- Hợp Tác với Chương Trình Bồng Sữa W/C

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM
Giờ Làm Việc:
Ngày thường: 9:30 AM - 6:00 PM – Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM

# LITTLE SAIGON
## SUPERMARKET
小西貢超級市場

## CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

**CÁC GIẢI TRÚNG:**

| | |
|---|---|
| Giải Nhất | * Mitsubishi EX45-L Mini Van |
| Giải Nhì | *Xe gắn máy - Honda Elite 80 |
| Giải Ba | * Máy giặt & Máy sấy - Whirpool |
| Giải Bốn | * Tủ lạnh - Kennmore |
| Giải Năm | * Tivi mầu - 27" Mitsubishi |
| Giải Sáu | * Cassette CD PCX610 |
| Giải Bảy | * Microwave - G.E. |
| Giải Tám | * 1 nồi cơm điện hâm nóng - Hiệu National SR-SA15N |
| Giải Chín | * Nồi cơm điện như trên |
| Giải Mười | * Nồi cơm điện như trên |

SALE!

design by Ngọc Phu

### ĐẶC BIỆT MÙA HÈ 92

- Mỗi lần đi chợ là Quý Vị có được một dịp may.
- Mỗi người đi chợ đều có một tấm giấy số.
- Để được dự cuộc xổ số mỗi cuối tuần và một lần độc đắc với nhiều Tặng Phẩm thiết dụng đáng giá như trên.

*Vé Số của chợ* **LITTLE SAIGON** *được xổ nhiều lần vào mỗi ngày Chủ Nhật - Cuối tuần vào lúc 5 giờ chiều. Khi xổ xong được bỏ vào trở lại để tiếp tục xổ vào những lần kế tiếp - và số Độc Đắc.*

LÔ ĐỘC ĐẮC ĐƯỢC XỔ VÀO **NGÀY 31-10-1992**

. Rủ nhau đi chợ Little Sàigòn để được dự cuộc Xổ Số hào hứng nhứt của Mùa Hè 92.và được mua hàng trăm món hàng SALE khác.

100 NGƯỜI NÓI, 1000 NGƯỜI TIN, 100.000 NGƯỜI ĐẾN

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

Bác Sĩ Nhãn Khoa

## HUỲNH HỮU CỬU, M.D.

*Eye Physician And Surgeon*
*Diplomate, American Board of Ophthalmology*

CHUYÊN MÔN BỆNH MẮT
& GIẢI PHẪU MẮT

- Giải phẫu cườm mắt, đặt thấu kính nhân tạo (Cataract surgery with Lens Implant).
- Giải phẫu bằng tia Laser.
- Điều trị các chứng bệnh về Mắt.
- Đo và làm kiếng, kiếng giáp mắt (Contact Lens), kiếng giáp mắt dùng rồi bỏ hiệu ACUVUE *(ACUVUE disposable Contact Lens).*

Xin lấy hẹn trước
NHẬN MEDI-CAL & BẢO HIỂM
Địa chỉ:
9559 Bolsa Ave., Phòng B
*(Góc Bushard; trên lầu Bolsa Mini Mall)*
Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 531-9401

Bác Sĩ Nha Khoa

## NGÔ THI VĨNH

665 E. LOS ANGELES ST. STE. D
SIMI VALLEY, CA 93065
(805) 584-8875

- Khám răng định kỳ.
- Nha khoa phòng ngừa.
- Nha khoa thẩm mỹ.
- Chữa răng người lớn và trẻ em.
- Làm răng giả các loại.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - KỸ LƯỠNG
NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

665 E. LOS ANGELES ST. STE. D
SIMI VALLEY, CA 93065
(805) 584-8875

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN
Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 VAN NUYS BLVD, SUITE # 7
VAN NUYS - CA 91405
Tel: (818) 989-2406 & (818) 989-2407
Beeper : (818) 379-9071
*Cạnh Pharmacy of Phan's Cạnh Nha sĩ Phan Mỹ Hạnh*

## Bác Sĩ LÊ PHƯỚC LỘC (RICHARD LE) M.D

**NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT**
- *Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt - Miên - Lào - Hoa*
- *Chích ngừa & Khám nhập học - FREE*
- *Khám sức khỏe định kỳ (CHDP) nếu lợi tức thấp FREE*
- *Lập giấy sức khỏe hôn nhân*
- *Nhận làm bảo sĩ gia đình*
- *Hợp tác với Chương trình Bảng sức WIC*
- *Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys*
- *Giới thiệu Chuyên Khoa nếu cần.*

**CHUYÊN TRỊ:**
- Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu hó - Hô hấp - Xương khớp - Biến dưỡng nội tiết - Thận - Gan - Thiếu máu - Các bệnh người lớn : Đau nhức - Đau bụng - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Tào bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ Khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.

Phòng Mạch Trang Bị Máy Thử Nghiệm, Vật Lý Trị Liệu và Quang Tuyến X

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

Giờ làm việc :
- Thứ 2 đến thứ 6 : 9 AM - 7 PM
- Thứ 7 : 9 AM - 5 PM - Chủ nhật : Nghỉ

Đặc Biệt: Có Máy truy tầm ung thư vú và máy siêu âm để truy tầm các loại bướu trong bụng và trong các xương.

**NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT**
- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago, Illinois*
- *Nội nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda Los Angeles.*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985.*

**ĐẶC ĐIỂM :**
- *Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân. Điện toán đồ.*
- *Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực.*
- *Bảo đảm không chờ lâu và bố thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại.*
- *Bãi đậu xe rộng rãi.*

TRUNG TÂM SẢN XUẤT VÀ PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC, VIDEO, CD

# Giáng Ngọc

*Giám Đốc: Vũ Bá Chư*

9551 Bolsa Ave. Suite E & D * Westminster, CA 92683
(714) 531-2246 * (714) 963-8781

## FALLEN FOR YOU

candice phi phi & don ho

**A.**

| | |
|---|---|
| 1. Fallen | C. Phi Phi |
| 2. Sans toi | Don Ho |
| 3. Lead me on | C. Phi Phi |
| 4. Lady | Don Ho |
| 5. Une maison au bord de l'eau | C. Phi Phi |

**B.**

| | |
|---|---|
| 1. The shadow of your smile | C. Phi Phi |
| 2. À trente trois ans | Don Ho |
| 3. I love you for sentimental reasons | C. Phi Phi |
| 4. Three times a lady | Don Ho |
| 5. Joe le taxi | C. Phi Phi |

## cơn mê tình ái

thanh tuyền - giao linh - hương lan - huy sinh

**A.**

| | |
|---|---|
| 1. Trả lại thời gian | Phượng Mai & Huy Sinh |
| 2. Xin trả về tôi | Hương Lan |
| 3. Nỗi buồn con gái | Giao Linh & Huy Sinh |
| 4. Xa lộ không đèn | Thanh Tuyền |
| 5. Cơn mê tình ái | Huy Sinh |

**B.**

| | |
|---|---|
| 1. Ngoại ô buồn | Phượng Mai & Huy Sinh |
| 2. Tình thiên thu | Hương Lan |
| 3. Bao đêm không ngủ | Giao Linh & Huy Sinh |
| 4. Bạc trắng lửa hồng | Thanh Tuyền |
| 5. Ngày vui qua mau | Huy Sinh |

BÁC SĨ

**BUÌ ĐỒNG**

BỆNH NGOÀI DA
VÀ TỔNG QUÁT

9559 BOLSA AVE, SUITE A
WESTMINSTER, CA 92683

**(714) 531-4616**
**(714) 531-4617**

- Nguyên Ban Giảng huấn Trường Đại Học Y Khoa Sàigòn
- Nguyên Y Sĩ Chuyên môn Bệnh Viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính.
- Hội Viên Hội Hàn Lâm viện Ngoài Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ
BỊNH NGOÀI DA & HOA LIỄU
(Skin Diseases and Veneral Diseases)
BỊNH DỊ ỨNG (Allergy)
GIẢI PHẪU DA (Skin Surgery)

GIỜ KHÁM BỆNH: (Theo hẹn)
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Thứ Bảy: 8:30AM - 4PM

---

BÁC SĨ

**ĐOÀN YẾN M.D.**

1663 Beverly Blvd, Suite # 201
LOS ANGELES, CA 90026
*ĐT: (213) 413—4845*

- Tốt nghiệp Hậu Đại học Bệnh viện Wadsworth, L A
- Nguyên bác Sĩ Trưởng Khu Giải phẫu và Điều trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang
- Nguyên bác sĩ Giải phẫu và Điều trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài gòn
- Dã hành nghề lâu năm tại Việt Nam

CHUYÊN TRỊ : *BỆNH VỀ TAI NẠN & NGHỀ NGHIỆP*
- *Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em*
- *Bệnh phụ nữ, thai sản*
- *Săn sóc sức khỏe gia đình*
- *Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa*
- *Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC*
- *Tiểu giải phẫu*

NHẬN
MEDICAL
VÀ BẢO HIỂM

GIỜ KHÁM BỆNH:
9:30 AM — 6:00 PM
THỨ BAY: 9:30 AM — 3:00 PM
CHỦ NHẬT 10:00 AM 1:00 PM

---

Văn Phòng
**Đỗ Đức Hậu**
International Legal Services

Chúng Tôi Chuyên Môn
**SSI**

*Thân Chủ, Không Phân Biệt Tuổi Tác, Nếu Không Đủ Khả Năng Làm Việc Vì:*
- BỊ MÙ LÒA
- BỊ TẬT NGUYỀN
- BỊ THƯƠNG TÍCH (Cựu Chiến Binh Chiến Trận Việt Nam)
- BỊ BỆNH NAN Y
- BỊ BỆNH TÂM TRÍ
- BỊ ĐAU YẾU MINH NIÊN
- BỊ TAI NẠN

**Xin Liên Lạc Với Chúng Tôi Để Lập Hồ Sơ TRỢ CẤP TÀN PHẾ**

Văn Phòng **Orange County**
14541 Brookhurst St. Ste B1
Westminster, CA 92683
**(714) 775-0301**
Quản Trị Văn Phòng: Bà ĐỖ LỆ TRANG

| Văn Phòng Los Angeles | Văn Phòng San Jose |
|---|---|
| 1224 S. Garfield Ave., Ste D (goc Garfield & Valley) Alhambra, CA 91801 (818) 282-8545 Quản Trị Văn Phòng Ô. ĐỖ ĐỨC HẠNH | LION PLAZA 1816 Tully Rd., Ste 212 San Jose, CA 95122 (408) 923-8868 Quản Trị Văn Phòng Ô. ĐỖ ĐỨC HẬU |
| **Văn Phòng Pomona** | **Văn Phòng San Diego** |
| 170 W. Holt Ave., Ste 28 (goc Garey & Holt) Pomona, CA 91768 (714) 620-8867 Quản Trị Văn Phòng Ô. ĐỖ ĐỨC HUÂN | 3874 43rd Street San Diego, CA 92105 (619) 280-6102 Quản Trị Văn Phòng CS NGUYỄN NGỌC BÍCH |

***Ngoài giờ làm việc: (714) 777-4432***

*Xin Mời Lại Văn Phòng Xem Kết Quả Cho Hàng Ngàn Thân Chủ, Với Mức Thành Công Trên*
**90%**
THAM KHẢO MIỄN PHÍ

TRUNG TÂM SẢN PHỤ KHOA

# CO D.L. PHAM M.D., Inc.

9637 BOLSA AVE
WESTMINSTER • CA 92683
**(714) 531-2091**

FOUNTAIN VALLEY MEDICAL-PARK
11180 WARNER, STE #159
FOUNTAIN VALLEY • CA 92708
**(714) 549-0326**

*VĂN PHÒNG CÓ TRANG BỊ MÁY FETAL MONITOR, ULTRA SOUND TỐI TÂN ĐỂ THEO DÕI THAI KỲ.*

VĂN PHÒNG CÓ TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN (LOW DOSE MAMMAGRAM) VÀ MÁY ULTRA SOUND ĐỂ QUÍ VỊ PHỤ NỮ TRUY TẦM VÀ ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÚ VÀ TỬ CUNG TRƯỚC KHI PHÁT HIỆN

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9:30 A.M - 6:30 P.M
Thứ Bảy: 9:30 A.M - 2:00 P.M

## Bác Sĩ
## PHẠM ĐẶNG LONG CƠ, M.D., F.A.C.O.G.

- Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology
- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa-Kỳ Tại Lomlinda University, School of Medicine California
- Giáo Sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department

CHUYÊN TRỊ

- Các chứng rối loạn sinh lý
- Thăm thai và đích thân đỡ đẻ
- Nhận cho đẻ tự nhiên nếu kỳ trước đã bị mổ đẻ (Previous Cesarian)
- Bệnh hiếm muộn và giải phẫu chữa trị hiếm muộn, cấy mầm trứng, sinh trai hay gái theo ý muốn
- Kinh nguyệt bất thường, truy tầm và điều trị Ung thư vú, tử cung, và buồng trứng
- Giải phẫu cột hoặc đốt ống dẫn trứng
- Giải phẫu Bướu, Sa tử cung và Buồng trứng
- Giải phẫu thẩm mỹ, sửa âm đạo

## Bác Sĩ
## BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.

CHUYÊN TRỊ

- Khám bệnh tổng quát phụ nữ
- Kinh nguyệt bất thường, bệnh huyết trắng
- Kế hoạch hóa gia đình
- Truy tầm ung thư vú và tử cung
- Thăm thai theo dõi thai kỳ
- Nhiễm trùng đường tiểu
- Huyết áp cao, nhức mỏi
- Nhức đầu, mất ngủ
- Thần kinh suy nhược, chán nản, buồn phiền

XIN KHÁM BỆNH THEO HẸN
NHẬN
MEDICAL & BẢO HIỂM

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ LEE, HYNSON & ASSOCIATES
8732 WESTMINSTER AVE., STE 4. WESTMINSTER, CA 92683 (714) 895-1300

TRUNG TÂM PHÁP LÝ - ĐỊA ỐC - TÀI CHÁNH

# LÊ QUANG CƯỜNG, J.D.

TIẾN SĨ LUẬT KHOA
Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Việt Nam

# CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN

PARALEGAL
THAM KHẢO MIỄM PHÍ 24/24

(714) 895-1300
fax (714) 895-2757

(213) 328-8819

BEEPER
(714) 422-4500

- ĐẶC BIỆT: VỀ ĐẦU TƯ & TRANH TỤNG ĐỊA ỐC
- HỘ LUẬT: Ly Hôn, Ly Thân, Chúc Thư, Phá Sản, Giữ Con.
- GIAO KÈO BUÔN BÁN: Thành lập Công ty, Phá sản

# Bác Sĩ THƯỢNG HẢI

**DOCTOR OF ACUPUNCTURE ORIENTAL MEDICINE CLINIC**

**PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU**
**ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG**

13878 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643
(Đối diện Target, ngã tư Brookhurst & Westminster)

**Đ.T. (714) 636-8166**

**CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY**

**Bác Sĩ THƯỢNG HẢI, Ph.D. C.A., O.M.D.,**

- Tốt nghiệp: Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ
- Diplomate in Acupuncture of the N.C.C.A.
- Hội viên Hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ
- Hội viên Hội Châm Cứu Hoa Kỳ (C.A.A.)
- Nguyên Y sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo
- Nguyên Cố Vấn Đông Y Các Bệnh Viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.
- Đông Y Gia Truyền Ba Đời.

PHÒNG MẠCH CÓ TRANG BỊ DỤNG CỤ Y KHOA ĐÔNG Y TỐI TÂN

**CHUYÊN TRỊ:**

- Tai nạn xe cộ, Phong thấp, Đau nhức khớp xương
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu
- Phong thấp, Tê bại, Bán thân bất toại
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở
- Ăn không ngon, mất ngủ, sút cân
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng
- Cai hút thuốc, rụng tóc, dái đường
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc
- Trị bệnh da mặt nám và mụn bọc, mặt, lưng
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tể cho Sinh viên Học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi
- Nhận gởi thuốc Bắc đi các tiểu bang và Việt Nam

**ĐẶC BIỆT:**

- Xuống cân trong vòng 2 tuần lễ không ảnh hưởng đến sức khỏe
- Tiền Sản, Hậu Sản, Hiếm muộn không con (đã bị xẩy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người)
- Giảm giá và bớt cho những bệnh nhân trả tiền mặt và có thẻ miễn phí cho những bệnh nhân nghèo khó

24h. Call (714) 636-8166
NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

- Để chẩn bệnh và châm cứu không cần dùng kim
- Có máy điện tử căng da mặt hết nhăn làm trẻ đẹp mãi không già
- Có máy điện tử tối tân thử đường trong máu và nước tiểu trong vòng 5 phút có kết quả ngay
- Có máy điện tử của Nhật Bản làm hết tension, lo âu mất ngủ

ĐẶC BIỆT DÙNG KIM MỚI CHO MỖI BỆNH NHÂN
BẢO ĐẢM KHÔNG LÂY BỆNH

**Giờ Làm Việc:**
Thứ hai đến Thứ Năm: 10AM-6PM
Thứ Sáu: 10AM-6PM
Thứ Bảy 10AM-3PM

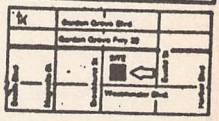


# Bác Sĩ NGUYỄN LỘC

- Tốt nghiệp Chuyên Khoa Giải Phẫu Thẩm Mỹ Hoa Kỳ
- Tốt nghiệp Chuyên Khoa Giải Phẫu Bàn Tay (San Francisco Hand Surgery Fellowship)
- Tốt nghiệp Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát Hoa Kỳ
- Bác Sĩ Giải Phẫu Thẩm Mỹ (Plastic Surgeon) tại các Bệnh Viện ở Nam California

- GIẢI PHẪU THẨM MỸ: Sửa mắt, mũi, môi, cằm, căng da mặt, căng da trán, sửa ngực, hút mỡ bụng và đùi.
- GIẢI PHẪU TẠO HÌNH: Sửa những tật và khuyết điểm ở mặt, thân mình, tay chân do tai nạn, bệnh tật hay bẩm sinh. Chữa trị những ngực bị chích Silicone từ trước.
- GIẢI PHẪU BÀN TAY: Chữa trị các loại tai nạn, bệnh tật và bẩm sinh của bàn tay.

**14120 Beach Blvd., Suite 106 - Westminster, CA 92683**

**(714) 895-6556**

NHẬN VISA VÀ MASTERCARD

# NEO-DENTAL LABORATORY
## A FULL SERVICES LABORATORY

207 South Western Ave #207
Los Angeles, Ca 90004
(213) 382-9002

Chuyên làm răng giả đủ loại
* Giá phải chăng
* Kỷ lưỡng
* Kinh nghiệm

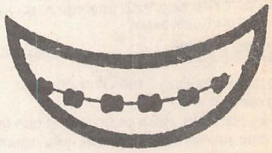

# BÁC SĨ PHẠM ĐẠT, M.D.
## Nội Ngoại Khoa
## và
## sản phụ khoa tổng quát

**RESEDA**
18625 Sherman Way # 104
Reseda, Ca 91335
(818) 996-9479

Từ thứ 2 đến thứ 7
Sáng: 9:30 AM - 12:20
Chiều: 6:00 PM - 7:20 PM
Chiều thứ 7 và chủ nhật: nghỉ

**VAN NUYS**
14507 Gilmore St
Van Nuys, Ca 91401
(818) 994-3997

Từ thứ 2 tới thứ 6
Chiều 12:30 PM - 5:30 PM
Thứ 7: 12:30 PM - 3:30 PM
Chủ nhật: Nghỉ

**Nhận MEDICAL - MEDICARE INSURANCE**
**Xin lấy hẹn trước**

BÁC SĨ Y KHOA

# PHAN QUỐC QUANG

## CHUYÊN KHOA BỆNH TIÊU HÓA VÀ GAN

- Diplomate, American Subspecialty Board of Gastroenterology
- Diplomate, American Board of Internal Medicine
- Hội Viên: American College of Physicians và Orange County Medical Association
- Thường Trú Nội Khoa (Internal Medicine) tại University of California, San Francisco (UCSF)
- Tốt nghiệp Chuyên Khoa Bệnh Tiêu Hóa và Bệnh Gan (Gastroenterology) tại University of California, Los Angeles (UCLA).

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH: ĐƯỜNG TIÊU HÓA • BAO TỬ RUỘT • GAN • LÁ LÁCH • SẠN ỐNG MẬT VÀ ỐNG DẪN MẬT UNG THƯ • BƯỚU RUỘT • TRĨ

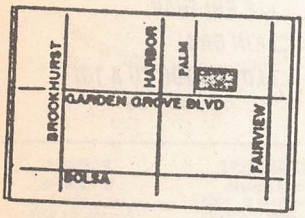


GROVE MEDICAL ARTS (cạnh GARDEN GROVE HOSPITAL)
12665 GARDEN GROVE BLVD. • SUITE 607
GARDEN GROVE, CALIFORNIA 92643

XIN GỌI ĐỂ LẤY HẸN

(714) 537-5302

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 1:00 PM

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM



BUSINESS HOURS:
MON - SAT: 10AM - 6PM
SUNDAY: 10AM - 3PM

# MALCHÂN MOTOR ACCESSORIES

MANUFACTURING OF CUSTOM DASHCOVER
14361 Euclid, unit H + J Garden Grove (Euclid and Hazard)

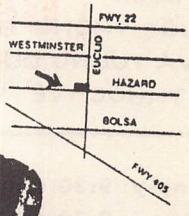


(714) 554-1998

- DASHCOVER, CARCOVER, BRA, SEATCOVER, SHEEPSKIN...
- FLOORMAT, LOUVER, FENDERTRIM, HEADLIGHT COVER...
- WINDOW TINT, CAR ALARM, STEREO...
- BODY KIT, SPOILER, CUSTOM WHEEL...
- GOLD PACKAGES, SUNROOF DEFLECTOR
- MUCH MORE...

VIPER
CARBINE
SENTRY
PRESTIGE
From $95.00

LOW PRICE!

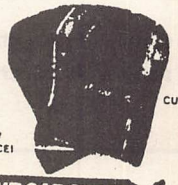

CUSTOM FROM $49.00

BOOM BOXES

From $34.00

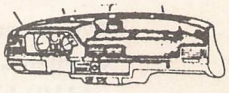

CARPET AND VELOUR FORM $23.00

PULLOUT CAR STEREOS

ALPINE
KENWOOD
SONY...
From $119.00

Pockford Posgate
WOOFERS
STARTING AT $55/each

BODY KIT FROM $299.00

KAMINARI KAMEI MITCOM PACIFIC A & A ABC

SIMULATE
SHEEP
SKIN

Bác Sĩ Y Khoa **VÕ VĂN PHÁC**
611 East Anaheim St., LONG BEACH, CA 90813
(Giữa Atlantic và Lime Ave., Cạnh Colortyme và Winchell's Donut)
D.T.: (213) 591-8982

CHUYÊN TRỊ BỆNH NỘI THƯƠNG
NGƯỜI LỚN và TRẺ EM
Chuyên: (American Board)

- *Bệnh nội thương và tổng quát người lớn và trẻ em (các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan ruột, bệnh cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).*
- *Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (Allergy).*
- *Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hoá gia đình.*
- *Chích ngừa, khám bệnh nhập học và theo dõi sức khoẻ định kỳ trẻ em.*
- *Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụt cóc, nốt ruồi.*
- *Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.*

ĐIỀU TRỊ CÁC THƯƠNG TÍCH
DO TAI NẠN LƯU THÔNG

Thử Nghiệm:
- *Truy tầm các bệnh ung thư vú, phổi*
- *Khám thử máu và cấp giấy tiền hôn phối*

GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9:30 AM đến 6:30 PM
Thứ Bảy:
9:30 AM đến 3:00 PM

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM



**VĂN PHÒNG LUẬT SƯ**
**STUART BARASCH**

**CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN**

- ❑ Xe cộ, trượt té...
- ❑ Tai nạn lao động, bất cẩn nghề nghiệp
- ❑ Trợ cấp xã hội (ssi)
- ❑ Luật gia đình
- ❑ Luật thương mại
- ❑ Luật lưu thông
- ❑ Trộm cắp, say rượu
- ❑ Di chúc, thừa kế, v.v...

Theresa Tố Nga
Công Huyền

- ❑ KHÔNG QUA TRUNG GIAN
- ❑ NHANH CHÓNG
- ❑ LỆ PHÍ THẤP
- ❑ KÍN ĐÁO
- ❑ LO THỦ TỤC TỪ A TỚI Z

**ORANGE COUNTY**
Theresa Tố Nga
Công Huyền
Garden Grove, CA 92640
14210 Brookhurst St
Bus. (714) 534-4446
(800) 800-4586

**LOS ANGELES**
Cô Lệ Nguyễn
767 North Hill St., #203
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 621-7622
Fax (213) 621-2536

**POMONA**
Ô. Peter Hồ
140 Foothill Blvd
Pomona, CA 92767
Tel. (714) 593-0456
Beeper (714) 567-0213



BÁN THUỐC THEO TOA BÁC-SĨ VÀ NHA-SĨ.
• THUỐC THÔNG THƯỜNG, ĐẶC CHẾ VÀ TƯƠNG DƯỠNG • BÁN & GỬI THUỐC VỀ VIỆT-NAM

Hàng ngày: 9:30 sáng - 5:30 chiều
Thứ Bảy : 9:30 sáng - 2:30 chiều
Chúa Nhật : NGHỈ

Dược sĩ MAI DUY CÁT Pharm.D.

**NHÀ THUỐC TÂY MAI PHARMACY**

Đ.T: (213) 676-7581
11801 Inglewood Ave.Suite 3
HAWTHORNE, CA. 90250



Bác Sĩ
**Nguyễn Văn Thuận**
**M.D.**

15707 Crenshaw Blvd
Gardena, CA 90249
(310) 679-7428

*Giờ khám bệnh:*
*Thứ 2 - Thứ 6: 9:30 AM - 6:00 PM*
*Thứ 7: 9:30 AM - 4:00 PM*
*Chủ Nhật: Đóng cửa*

Y Khoa Gia Đình
Quang Tuyến - Điều trị tai nạn

## LUẬT SƯ ĐOÀN VĂN TIÊN, J.D., LL.M.

TIẾN SĨ LUẬT KHOA HOA KỲ
ATTORNEY AT LAW

15751 BROOKHURST ST., STE 221
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 775-5701

KHÁNH TẬN
BANKCRUPTCY CHAPTER 7, 11, 13

HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN
ESTATE PLANNING & LIVING TRUST

THUẾ VỤ
IRS & TAX COURT

THƯƠNG MẠI
BUSINESS, CORPORATION & PARTNERSHIP

(714) 839-8686
ON TIME
DESIGN AND BUILD
9842 BOLSA AVENUE, SUITE 204, WESTMINSTER, CA 92683

VĂN PHÒNG KIẾN TRÚC CHUYÊN THIẾT KẾ VÀ XÂY CẤT:

*** PHÒNG MẠCH BÁC SĨ, NHA SĨ, NHÀ THUỐC TÂY...**
*** VĂN PHÒNG HÀNH CHÁNH VÀ CƠ SỞ THƯƠNG MẠI.**

*Đặc biệt văn phòng chúng tôi có khả năng hướng dẫn các **Bác sĩ y khoa lần đầu tiên hành nghề tại California** vay tiền trang trải chi phí xây cất, trang bị máy móc tới mức tối đa **$75,000.00** với điều kiện dễ dàng và lệ phí thấp.*

# Hồ Văn Phú, D.D.S.

## Bác sĩ Nha Khoa

* Nha khoa gia đình : trám, nhổ, chữa tuỷ răng
* Khám răng định kỳ Nha Khoa Phòng Ngừa
* Làm răng giả các loại * Sửa răng thẩm mỹ

**South Bay Center**
15024 Prairie Ave
Hawthorne, CA 90250
(213) 978-8993

**Chinatown Center**
626 W. College St, #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

Nhận bảo hiểm và Medical
Xin vui lòng lấy hẹn trước

BÁC SĨ Y KHOA

# TRẦN KIÊM THỤC

*TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC Y KHOA PARIS*
*NGUYÊN GIÁO SƯ ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON*

**BỆNH NỘI KHOA**

*VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN BỆNH NỘI KHOA CỦA HOA KỲ*
*DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE*

- Bệnh liên quan đến tuổi già
- Bệnh Phong Thấp: *đau lưng, đau khớp xương*
- Bệnh Dinh Dưỡng: - *Tiểu đường*
  - *Áp huyết cao*
  - *Mỡ cao trong máu (Cholesterol)*
  - Thiếu máu

MAGNOLIA CLINIC
14571 MAGNOLIA #105, WESTMINSTER, CA 92683
**(714) 891-9977**

*KHÁM THEO HẸN*
NHẬN MEDICAL MEDICARE BẢO HIỂM

**BỆNH GAN VÀ TIÊU HÓA**

*VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN BỆNH GAN VÀ TIÊU HÓA CỦA PHÁP*
*DIPLOMATE FRENCH BOARD OF GASTROENTEROLOGY*
*VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN BỆNH GAN VÀ TIÊU HÓA CỦA HOA KỲ*
*DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF GASTROENTEROLOGY*

- Bệnh Thực Quản: Hơi thở nặng, khó nuốt, nôn ọe
- Bệnh Bao Tử
- Bệnh Ruột: Hậu môn và Trĩ, Táo bón, Tiêu chảy, Đi cầu ra máu
- Bệnh Gan: Sưng gan, Chai gan, Vàng da
- Bệnh Bọc Mật, Đường Mật, Sạn Mật

***Khám nội khoa tổng quát định kỳ***
***ANNUAL MEDICAL CHECK UP***

BÁC SĨ NHA KHOA

# HUỲNH THỊ HẠNH

Tốt nghiệp Nha Khoa Đại học Saigon.
Nguyên Giảng viên Đại học Nha Khoa Minnesota Bộ môn chữa răng và làm răng giả.

■ **Chuyên trám răng và làm răng giả đủ loại.**
■ **Chữa bệnh nướu răng.**
■ **Làm Bonding và tẩy trắng răng.**

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Bảy: 10AM - 6PM
Xin vui lòng lấy hẹn trước
14571 Magnolia, Suite 202, Westminster, CA 92683

**TEL. (714) 897-9985**

# Bánh Mì THANH NHÀN

## Sandwich - Food To Go - Oriental Dell

Với các đặc sản:
- Bánh mì thịt nguội nổi tiếng.
- Các loại giò chả, nem tré
- Các loại bánh: cuốn, bèo, bột lọc, ít, dày, giò.
- Cơm, bún thịt nướng, mì.
- Gỏi cuốn, bò bía.
- Các loại chè, mứt bánh Việt Nam.
- Các loại nước sinh tố tươi bổ dưỡng.
- Đặc biệt nước mía nguyên chất.

9569-9571 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

ĐT: (714) 839-1440

NHÀ THUỐC TÂY

**TAM'S RX PHARMACY**

Công Ty Dược Phẩm T.V.T.

14024 Magnolia, #103
Westminster, CA 92683

**(714) 892-9808 (714) 895-9044**

Khu Shopping Center mới
(Góc MAGNOLIA và WESTMINSTER)

- Nhà thuốc Gia Đình của Quí vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.
- Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELD, MEDIMET và các loại BẢO HIỂM
- Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.
- Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.
- Có máy PHOTOCOPY

MỞ CỬA:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược SĨ TÔN NỮ DIỆU HOA, TÂM THƯƠNG
Kính Mời

NHÀ THUỐC TÂY

# KIEN'S PHARMACY

Dược Sĩ TRANG KIÊN

2354 Ulric Street - San Diego - CA. 92111

Điện thoại: (714) 569-0478 / (714) 569-7049

- Nhà thuốc tây phục vụ người Việt đầu tiên tại San Diego.
- Bán thuốc theo toa Bác Sĩ.
- Gửi quà và gửi thuốc về Việt Nam qua Bưu Điện và Air France.
- Nhận phiếu đặt hàng của khách hàng từ các tiểu bang.

MAU CHÓNG — TÍN NHIỆM — GIÁ HẠ

Giờ mở cửa:
Từ Thứ Hai đến thứ Bảy: 9AM — 7PM
Chúa Nhật 10AM — 5PM

# LOTUS REALTY

23801 Calabasas Dr. • Calabasas, CA 91302

Tel: (818)887-2875 Fax: (818)716-6903

- *Quý vị Homebuyer muốn mua nhà nhưng thiếu tiền down payment, thiếu income để mượn loan...*
- *Quý vị Investor muốn đầu tư nhà cửa, nhưng ít vốn, không muốn bù thêm tiền hàng tháng, lo lắng trả tiền nhà, sửa chữa, tu bổ nhà cửa....*

MUA VÀ ĐẦU TƯ NHÀ CỬA
DỄ HƠN QUÝ VỊ TƯỞNG

- *LOTUS REALTY có chương trình EQUITY SHARING để giúp người Homebuyer mua được nhà dễ dàng và người Investor đầu tư nhà cửa một cách thoải mái - xin quý vị liên lạc với chúng tôi để biết thêm chi tiết:*

— LOTUS REALTY đã phát hành hai tập sách bằng tiếng Việt có tựa đề là "Những Điều Cần Biết Khi Mua và Bán Nhà ở California". Xin liên lạc với chúng tôi để được tặng sách.

- *Vùng Los Angeles County:* **NGUYỄN KHOA DIỆU LÊ**
  **Tel: (818)348-5753**
- *Vùng Orange County:* **TRẦN MINH PHƯỚC**
  **Tel: (714)860-9969**

— Cần tuyển thêm nhiều Real Estate Agents ở khắp mọi vùng
— Commission split cao và office đầy đủ tiện nghi tối tân.
Tel: (818)887-2875

# HỆ THỐNG TRƯỜNG THẨM MỸ HẰNG NGA

- TRƯỜNG ĐÀO TẠO CHUYÊN VIÊN CÁC NGÀNH: LÀM TÓC, LÀM MÓNG TAY, SĂN SÓC DA MẶT, GIẢNG VIÊN NGÀNH THẨM MỸ
- TRƯỜNG ĐÀO TẠO HÀNG NGÀN CHUYÊN VIÊN THẨM MỸ TỪ 6 NĂM QUA.
- GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐOẠT NHIỀU GIẢI QUỐC TẾ VÀ HOA KỲ
- TRƯỜNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN VẬN ĐỘNG THÀNH CÔNG THI PHẦN THỰC HÀNH BẰNG TIẾNG VIỆT
- GIẢNG VIÊN VIỆT-MỸ NHIỀU KINH NGHIỆM, DẠY BẰNG HAI THỨ TIẾNG VIỆT VÀ MỸ.

**HẰNG NGA 2**
7871 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 891-0508 - Fax: 891-4804

**HẰNG NGA 3**
(KAY MICHAEL SCHOOL) - TEL: (714) 843-4971
18371 Gothard, Suite B - Huntington Beach, CA 92647

TRỢ CẤP TÀI CHÁNH CỦA CHÍNH PHỦ CHO NGƯỜI CÓ LỢI TỨC THẤP (TIỀN HỌC, SÁCH VỞ, ĐỒ NGHỀ)

NGOÀI TRỢ CẤP PELL GRANT, CÒN CÓ CHƯƠNG TRÌNH TRỢ CẤP ROP

**ĐẶC BIỆT: TẠI HẰNG NGA 2: CẮT TÓC $2.99 • NHUỘM & RETOUCH: $7.00**
**UỐN TÓC $6.99 (TÓC DÀI THÊM TIỀN)**
MỌI DỊCH VỤ DO HỌC VIÊN THỰC HIỆN.

## HẰNG NGA BEAUTY SUPPLIES
NEW & USED EQUIPMENT

8883 Westminster, Garden Grove, CA 92644
(714) 895-3144 - Fax: (714) 893-7738

**HÀNG TỐT, GIÁ RẺ, BẢO ĐẢM**

- Bán Sỉ và Lẻ các loại Mỹ phẩm cho Học sinh, các Tiệm Tóc và Nail, các Đại Lý.
- Chúng tôi là Đại diện chính thức cho nhiều hãng Mỹ phẩm danh tiếng.
- Cung cấp đồ trang bị, máy móc mới và cũ cho tiệm Nail và Tóc.
- Nhận trang bị và hoàn tất tiệm Nail và Tóc (có chương trình trả góp).
- Giao hàng tới nơi cho các Đại lý Mỹ phẩm ở xa.

# FIRST FUNDING MORTGAGE

## VĂN PHÒNG CHUYÊN NGHIỆP VỀ DỊCH VỤ CHO VAY TIỀN

8966 E. GARVEY AVE. ROSEMEAD CA

BUS: (818) 288-0523 ☐ (714) 522-2962 ☐ FAX (818) 288-0534

## REFINANCE-PURCHASE

Quý vị có nhà cần tiền ra làm ăn hoặc muốn rút ngắn thời gian trả nợ
với lãi xuất thấp, mua thêm nhà, mua nhà mới

| 30 YEARS FIXED | 15 YEARS FIXED |
|---|---|
| 8.500% | 7.750% |

LOAN FEE 0.75% ĐẶC BIỆT CHO MÙA HÈ 92
MỘT CƠ HỘI TỐT XIN GỌI CHO CHÚNG TÔI

CHÚNG TÔI CÓ CHƯƠNG TRÌNH 20% DOWN

**NO**

* Không cần chứng minh việc làm
* Không cần W2
* Không hồ sơ thuế, cùi lương

*Xin gọi:*

**CHUCK CHƯƠNG NGUYỄN**
TEL: (818) 288-0523
EMERGENCY (818) 406-4891
*Hoặc:*
**THANH CÔNG TRƯƠNG**
BEEPER: (818) 580-9333

(Rates subject to change without notice)

BÁC SĨ Y KHOA

# VĨNH THỪA, M.D.

- Tốt nghiệp Bác sĩ Toàn khoa tại Catholic University of Louvain, Belgium.
- Tốt nghiệp Bác sĩ Nhi khoa tại Cleveland Clinic's Children's Hospital, Ohio.
- Nguyên Bác sĩ của St Luke's University Hospital, Brussels.
- Nguyên Bác sĩ Nhi khoa của Bellflower Medical Group, LA. County.
- Bác sĩ điều trị tại Fountain Valley Regional Hospital, Humana Hospital Westminster và Santa Ana Hospital Medical Center.
- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (AMA) & Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ (AAP).

CHUYÊN KHOA NHI ĐỒNG
TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN
TIỂU GIẢI PHẪU, CHÍCH NGỪA
THỬ NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, CHIẾU ĐIỆN

Địa chỉ phòng mạch:
1919 N. Fairview, Suite 309
Santa Ana, CA 92706
(gần ngã tư Fairview & Westminster, bên cạnh Santa Ana Hospital)

**(714) 265-2191**

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai — Sáu: 9 AM — 1 PM
2 PM — 6 PM
Thứ Bảy: 9 AM — 1 PM

NHẬN BẢO HIỂM và MEDICAL

*Nhà Thuốc Tây Của Dân Ta Ở Hải Ngoại*
*Là Nhà Thuốc Tây*

# RESEDA PHARMACY

18625 Sherman Way # 103- Reseda, CA 91335
Tel: (818) 996-9969

## NƠI TIN CẨN CỦA TẤT CẢ

*Trong khu Kapco Plaza, cạnh Bác sĩ, Nha sĩ, Văn phòng Luật sư, Viện Uốn tóc, Traffic School, Nhà hàng, Quán ăn, Hãng bảo hiểm...*

**Nhận Medical và Các Loại Bảo Hiểm**
**ĐIỆN TÍN & FAX VỀ VIỆT NAM**
**PHOTOCOPY: .05C**

GIỜ MỞ CỬA:
- Thứ Hai đến Thứ Sáu : 9 AM - 7:30 PM
- Thứ Bảy : 9 AM - 5 PM
- Chủ Nhật : Nghỉ

TÍN NHIỆM - TẬN TÂM - THÀNH THẬT - NHANH CHÓNG
*Có Dược sĩ 20 năm kinh nghiệm tại Mỹ tác trực trọn ngày phục vụ đồng bào. Kính mời đồng bào.*

TRUNG TÂM Y-NHA-KHOA POMONA

## Y-VIỆN POMONA

945 E. HOLT AVENUE, SUITE E
POMONA, CA 91766 (GÓC HOLT / RESERVOIR)
(714) 623-8502

**Bác Sĩ**
**VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.**

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS
- Chief of Staff Bệnh viện Lanterman
- Bác Sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics
- Tốt nghiệp chuyên khoa tại University of Florida
- Cựu Y Sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam
- Cựu Nội trú sản phụ khoa Từ Dũ, giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng

**Bác Sĩ**
**LÊ MINH ĐỨC, M.D.**

- Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ
- Hội Viên Hội Y Sĩ California
- Hội Viên Hội Y Sĩ L.A. County
- Bác Sĩ Điều Trị các Bệnh viện vùng Pomona
- Cựu Nội trú sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, nội khoa Nguyễn V. Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

CHUYÊN KHÁM BỆNH TRẺ EM, KHÁM BỆNH NHẬP HỌC, CHÍCH NGỪA, KHÁM BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, BỆNH PHỤ NỮ, KHÁM THAI, SĂN SÓC SỨC KHỎE GIA ĐÌNH, KHÁM BỆNH ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM, THỬ NGHIỆM TIM UNG THƯ ĐẠN BÀ.

*KHI CẦN NẰM BỆNH VIỆN BÁC SĨ SẼ ĐỊCH THÂN THEO DÕI TRUNG TÂM CÓ BÁC SĨ CHUYÊN MÔN, BÁC SĨ NHA KHOA ĐẦU TIÊN VÙNG POMONA VÀ PHỤ CẬN*

NHẬN MEDI-CAL — MEDI-CARE — BẢO HIỂM

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
Ngày giờ làm việc
Ngày thường : 12:30AM đến 6:00PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10:00AM-2:00PM
KHÁM BỆNH THEO HẸN
Xin cần gọi 24 giờ (714) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

**Bác Sĩ**
## VÕ VĂN TÙNG
### NHI KHOA - Y KHOA GIA ĐÌNH

- Tốt nghiệp chuyên môn tại Thụy Sĩ và Hoa Kỳ.
- Nguyên Y Sĩ Trưởng Trại Binh Sĩ và Gia Đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng.
- Nguyên Trưởng khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng.
- Bác Sĩ điều trị tại các bịnh viện Fountain Valley, Children Hospital, v.v...
- Hành nghề trên 25 năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ.

### CHUYÊN KHÁM:

- Bệnh trẻ sơ sinh. Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley.
- Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (Cảm, Sổ mũi, Ho, Sưng phổi, Tiêu chảy, Bệnh tai, Mũi, Họng, Bệnh ngoài da, Chậm lớn, Kém thông minh, Chích ngừa, Nhập học.
- Bệnh Nội thương người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy) Bệnh đàn bà.
- Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp.
- Cộng tác với chương trình bổ sữa WIC.

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

**Đ.T.: 531-5754**

9559 Bolsa Ave., # B, Westminster, CA 92683
(Trên lầu nhà hàng Thành Mỹ trong khu Bolsa Mini Mall)

## PLASTIC SURGERY

## Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

### GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

**Chuyên Giải Phẫu:**

- *Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi*
- *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo*
- *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)*
- *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư*
- *Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương*

Nhận:
Visa, Master Card,
American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown
30 phút lái xe.
Cách Monterey Park
40 phút lái xe

THAM KHẢO và LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
25775 W. Mc Bean Parkway,
Suite # 100
Valencia, CA 91355

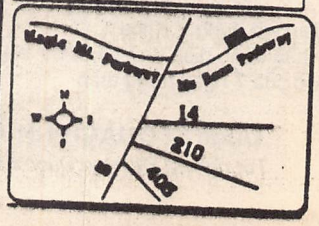

Siêu Thị Supermarket

# ANH MINH

10451 BOLSA AVENUE • WESTMINSTER • CA 92683

(714) 775-0857 • (714) 775-0858

SALE

MỖI TUẦN CÓ HÀNG SALE

- THỊT, CÁ TƯƠI NGON
- RAU CẢI ĐỦ LOẠI, XANH TƯƠI 4 MÙA
- GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG

*Bô-Sa có chợ Anh Minh*
*Thịt cá rau cải tươi xanh suốt tuần*
*Vui vẻ tiếp đãi ân cần*
*Giá hàng rẻ nhất, phương châm chợ nhà*

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 9AM-9PM

## DANH'S PHARMACY

9182-9186 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
(714) 892-4407
(714) 891-2218

*Nhà thuốc tây VIỆT NAM đầu tiên tại Hoa Kỳ*

- Bán thuốc theo toa Bác sĩ
- Nhận Medical và các loại bảo hiểm
- Nhận gởi quà về Việt Nam qua Air France

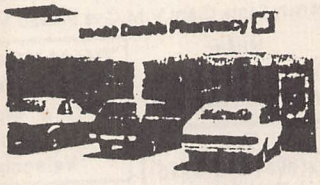

- Bán vật dụng Y Khoa
- Nhận đánh điện tín và Fax về VN
- Mở cửa 7 ngày trong tuần

Dược Sĩ QUÁCH NHỨT DANH
*Tốt nghiệp Đại Học Dược Khoa Hoa Kỳ*

## LINH'S PHARMACY

(Trong khu Asian Village, Làng Á châu)
9191 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683
(714) 891-3644

Nhà thuốc tây với phẩm chất tinh vi
Giá khó ai bì
Bán thuốc tây theo toa Bác sĩ
Nhận Medical và các loại Bảo hiểm
Bán Mỹ Phẩm Pháp Quốc

**Dược sĩ Nguyễn Thị Túy Sương**
*Tốt nghiệp đại học Dược Khoa Hoa Kỳ*

## PCMS

Pacific Coast Medical Supplies

Công ty tân lực cung cấp những thiết bị y khoa cho trẻ em và người lớn suy yếu Tiểu Đại tiện
Cung cấp thiết bị đi đứng an toàn cho người già

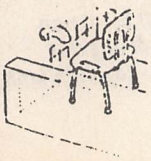

Xin liên lạc CÔNG TY PCMS
Để được hưởng quyền lợi tối đa
và được chăm sóc chu đáo

Tel. (714) 894-0990

9186 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683
*(Cạnh Danh's Pharmacy)*

# Danh sách ân nhân bảo trợ Ngày Nhớ Huế & Tuyển Tập Nhớ Huế 92

ÔB. Bửu Bang, Los Angeles.
Đông Ba Restaurant, ÔB. Lê Xương Thắng.
ÔB. BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
ÔB. Phạm Đăng Cẩm, Neo-Dental Lab.
ÔB. DS Mai Duy Cát, Mai Pharmacy.
ÔB. BS Võ Văn Cầu, Westminster.
ÔB. BS Tôn Thất Cần, Los Angeles.
ÔB. Mai Châu, Motor Accessories.
ÔB. Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
Ô. Lê Bá Chư, TT Giáng Ngọc, Westminster
ÔB. Nguyễn Chương, 1st Funding Mortgage
ÔB. BS Phạm Đăng Long Cơ, Westminster.
ÔB.LS Lê Quang Cường, Westminster.
ÔB. BS Huỳnh Hữu Cửu, Westminster.
ÔB. DS Quách Nhứt Danh,
Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
ÔB. Trần Dũ, Little Saigon Supermarket.
Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
ÔB. BS Phạm Thành Đạt, Reseda.
ÔB. BS Bùi Đồng, Westminster.
ÔB. BS Lê Văn Giao, Westminster.
ÔB. BS Thượng Hải, Garden Grove.
Bà BSNK Huỳnh Thị Hạnh, Westminster.
ÔB. LS Đỗ Đức Hậu, Westminster.
ÔB. BS Võ Đình Hữu, Pomona.
ÔB. Vĩnh Huyên, Huntington Beach.
Ô. BS Trần Tiễn Huyến, Westminster.
ÔB. KTS Nguyễn Văn Hưng,
On Time Design & Build, Westminster.
Huế Rendez Vous Restaurant, Westminster.
Karmala Flower & Music, Westminster.
ÔB. DS Trang Kiên, San Diego.
ÔB. Trần Tiễn Khanh, Bell Canyon.

ÔB. Thân Trọng Lạc, Continental Investor.
ÔB. BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
ÔB. Anh Minh Supermarket, Westminster.
ÔB. BS Đồng Sĩ Nam, Westminster.
ÔB. GĐ Trường Thẩm Mỹ Hằng Nga.
Bà Công Huyền Theresa Tố Nga
VPLS Stuart Barasch, Garden Grove.
ÔB. Bửu Ngự, Thanh Nhàn, Westminster.
ÔB. BS Võ Văn Phác, Long Beach.
ÔB. BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
ÔB. Nguyễn Phúc, Catinat Pharmacy &
DS Nguyễn Vy Phương.
Reseda Pharmacy, Reseda.
ÔB. BS Phan Quốc Quang, Garden Grove.
ÔB. BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
ÔB. BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
ÔB. BS Nguyễn Văn Thuận, Hawthorne.
ÔB. BS Nguyễn Văn Thế, Westminster.
ÔB. Hoàng Ngọc Trác, Simi Valley.
ÔB. LS Đoàn Văn Tiên, Westminster.
ÔB. BS Lê Như Thưởng, Canoga Park.
ÔB. Vĩnh Tung, Garden Grove &
Ana Funding, Garden Grove.
ÔB. BS Võ Văn Tùng, Westminster.
ÔB. BSNK Dương Út, Los Angeles.
Bà BSNK Ngô Thị Vĩnh, Simi Valley.
ÔB. BSNK Nguyễn Văn Y, Santa Ana.
ÔB. BS Đoàn Yến, Los Angeles.

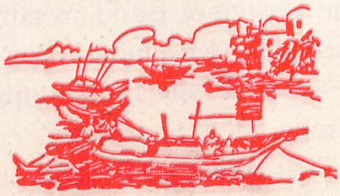

# THUỐC BỔ SÂM

# PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG K8000 & HIGH POTENCY VITAMIN

## TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
## TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và CHỢ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

# TRUNG TÂM QUANG TUYẾN
# WESTMINSTER
# Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR - FACR - FACNM

## CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC


10051 Bolsa Avenue, # A-2
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

**(714) 839-4311 / 839-4321**

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
- Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
- Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
- Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
- Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.
- Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
- Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
- Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley

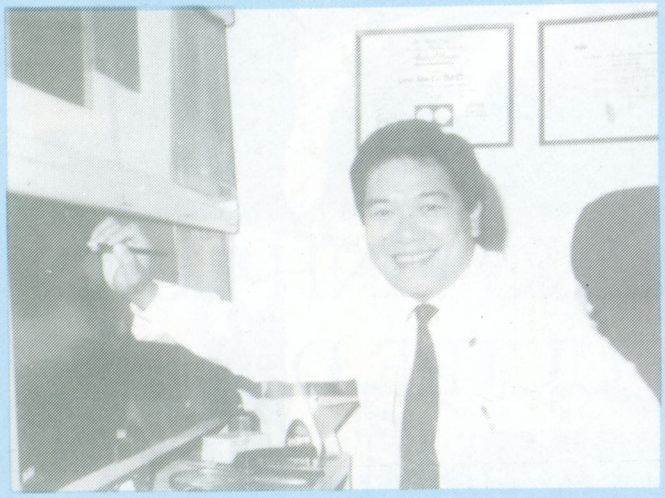

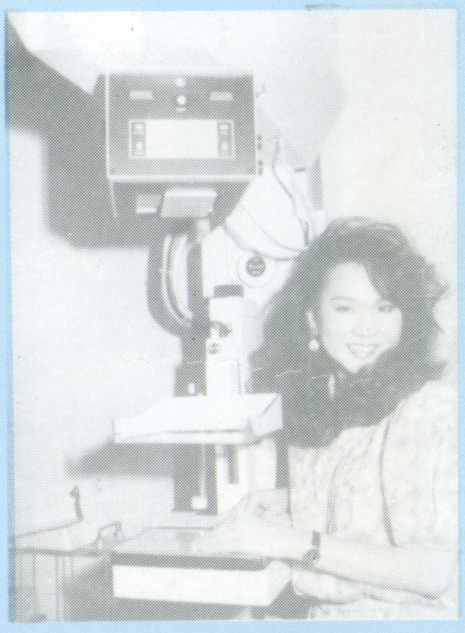

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- **TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, v.v...**

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể